Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN BẠCH MAI

Số: 6676 /BM-HCQT
V/v yêu cầu báo giá gói bảo hiểm cháy nổ bắt buộc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị/nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Bạch Mai có nhu cầu tiếp nhận báo giá: Mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Bạch Mai.

2. Đơn vị báo giá: là doanh nghiệp bảo hiểm được Bộ Tài chính cấp phép triển khai bảo hiểm cháy nổ bắt buộc tại Việt Nam.

3. Hình thức báo giá: báo giá chi tiết, tách riêng phí bảo hiểm bắt buộc của từng năm theo kế hoạch dự kiến của Bệnh viện Bạch Mai (tại Mục III Phụ lục đính kèm Công văn này) và phí mở rộng (nếu có); Nêu tỷ lệ phí bảo hiểm cố định trong suốt thời gian bảo hiểm và cách tính cụ thể theo quy định.

4. Cách thức tiếp nhận báo giá: Theo một trong các cách sau:

- Nhận trực tiếp tại Bộ phận Văn thư - Văn phòng Bệnh viện. Địa chỉ: Số 78, đường Giải Phóng, phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội
- Nhận qua email: vanphongbvbm.vt@bachmai.edu.vn
- Nhận qua fax: 024.38691607

5. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 06.../.10.../2025 đến trước 17h00 ngày ..13../..10.../2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

6. Thời hạn hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục dịch vụ: Chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

2. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Bạch Mai, số 78 đường Giải Phóng, phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội.

3. Các yêu cầu khác:

- Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.
- Báo giá được ký, đóng dấu người có thẩm quyền và đóng dấu giáp lai (trong trường hợp báo giá có nhiều trang).

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, HCQT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

BỘ Y TẾ BỆNH VIỆN BẠCH MAI

Nguyễn Tuấn Tùng

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

Phụ lục 1

CÁC YÊU CẦU BẢO HIỂM

(Kèm theo Công văn số 6676/BM-HCQT ngày 03/10/2025 của Bệnh viện Bạch Mai)

I. PHẠM VI BẢO HIỂM

Bảo hiểm rủi ro tài sản do cháy, nổ bắt buộc theo quy định tại Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ và mọi tổn thất trực tiếp, bất ngờ, không lường trước được xảy ra trong quá trình vận hành Bệnh viện Bạch Mai tại số 78 đường Giải Phóng, phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội do bất kỳ nguyên nhân nào không bị loại trừ theo quy định tại Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ.

II. CÁC YÊU CẦU CƠ BẢN

1. Thời gian bảo hiểm: 36 tháng

2. Địa điểm được bảo hiểm: Bệnh viện Bạch Mai, số 78 đường Giải Phóng, phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội.

3. Mức khấu trừ bảo hiểm: thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 67/2023/NĐ-CP. Trong mọi trường hợp, mức khấu trừ không thấp hơn mức khấu trừ bảo hiểm quy định tại khoản 1 Mục II Phụ lục đính kèm Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Bồi thường bảo hiểm: Bảo hiểm 100% giá trị tổn thất và không vượt quá tổng giá trị mua bảo hiểm.

5. Quy tắc bảo hiểm: Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo Nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 và Nghị định 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ.

Ngoài ra đề nghị Quý Công ty nêu các quy tắc, điều kiện bảo hiểm mở rộng các rủi ro (ví dụ các trường hợp liên quan đến giông, bão, lũ lụt, tràn nước, đâm va, bạo động, đình công, hành động ác ý, trộm cắp,…..) và các điều khoản bổ sung kèm theo (trong đó nêu rõ giới hạn trách nhiệm bao nhiêu tiền cho 1 vụ tổn thất trong cả thời gian bảo hiểm) được cung cấp bổ sung ngoài gói bảo hiểm cháy nổ bắt buộc theo quy định của pháp luật.

III. THÔNG TIN ĐỐI TƯỢNG BẢO HIỂM

1. Đối tượng bảo hiểm: toàn bộ hạng mục công trình trực thuộc Bệnh viện Bạch Mai và toàn bộ danh mục tài sản cố định trong các tòa nhà được theo dõi trên sổ sách kế toán và còn giá trị còn lại (như file đính kèm).

2. Lộ trình bảo hiểm:

- Năm thứ nhất: Tổng giá trị tài sản bảo hiểm: 2.221.817.654.683 đồng. Chi tiết theo file đính kèm.

- Năm thứ hai: Dự kiến giảm 10% tổng giá trị tài sản bảo hiểm năm thứ nhất do hao mòn/khấu hao tương đương khoảng 2.000.000.000.000 đồng và bổ sung tài sản tăng thêm từ hoạt động đầu tư mua sắm và các hoạt động khác của Bệnh viện dự kiến khoảng 1.000.000.000.000 đồng; tổng giá trị tài sản bảo hiểm 3.000.000.000.000 đồng.

- Năm thứ ba: Dự kiến giảm 10% tổng giá trị tài sản bảo hiểm năm thứ hai do hao mòn/khấu hao tương đương khoảng 2.700.000.000.000 đồng và bổ sung tài sản

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

tăng thêm từ hoạt động đầu tư mua sắm và các hoạt động khác của Bệnh viện dự kiến khoảng 1.000.000.000.000 đồng; tổng giá trị tài sản bảo hiểm: 3.700.000.000.000 đồng.

Tỉ lệ phí bảo hiểm cố định trong suốt thời gian bảo hiểm. Trường hợp tăng tài sản sẽ có thông báo từ Bệnh viện theo từng Quý; trường hợp giảm tài sản bảo hiểm do khấu hao/hao mòn sẽ có thông báo từ Bệnh viện sau ngày 31/3 hàng năm. Tài sản mới phát sinh trong thời gian hợp đồng có hiệu lực sẽ được thông báo bằng văn bản và ký phụ lục hợp đồng để bổ sung phí bảo hiểm.

NGƯỜI LẬP	LÃNH ĐẠO PHÒNG
Nguyễn Thị Yên	Vũ Hoài Nam

22440_NGUYỄN THỊ YÊN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

Phụ lục 2: DANH MỤC TÀI SẢN BẢO HIỂM

(Kèm theo Công văn số /BM-HCQT ngày / /2025 của Bệnh viện Bạch Mai)

TT	Tên Tài sản cố định	Năm sử dụng	Mã số TSCĐ	Nơi sử dụng	Theo kiểm kê		
					Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	B	C	D	E	1	2	3
I	**KHOA PHỤ SẢN**						
1	BÀN CỞI QUẦN ÁO QUẦN - S.B.1	2021	18202148050058	Phòng tắm bé	1	14.901.700	2.980.340
2	BÀN CỞI QUẦN ÁO QUẦN - S.B.2	2021	18202148050057	Phòng tắm bé	1	15.053.500	3.010.700
3	BỒN TẮM SƠ SINH - BTSS-002 - BTSS-002 - BTSS-002	2021	18202148151850	Phòng sơ sinh	1	58.898.400	32.394.120
4	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - SS700 - 1907010145	2019	18201918011014	Phòng đẻ	1	24.990.000	8.746.500
5	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010121	2019	18201918010911	Phòng đẻ	1	24.990.000	8.746.500
6	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010321	2022	18202248011297	Phòng đẻ	1	24.000.000	15.600.000
7	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010397	2022	18202248011263	Phòng sản bệnh	1	24.000.000	15.600.000
8	CÁNG 3 TAY QUAY INOX - MET 3300	2021	138202142170171	Phòng đẻ 1	1	30.800.000	16.940.000
9	CÁNG CỨU THƯƠNG - BETTER MEDICAL - BT201 - KM	2017	18201713020389		1	24.000.000	3.600.000
10	CÁNG CỨU THƯƠNG - BETTER MEDICAL - BT201 - KM	2017	18201713020390		1	24.000.000	3.600.000
11	CÁNG CỨU THƯƠNG - BETTER MEDICAL - BT201 - KM	2017	18201713020391		1	24.000.000	3.600.000
12	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN - MEDICAL MASTER - MET 3300 - S.C.01	2020	18202043020508	Phòng đẻ	1	37.700.000	16.965.000
13	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN - MEDICAL MASTER - MET 3300 - S.C.02	2020	18202043020509	Phòng đẻ	1	37.700.000	16.965.000
14	HỆ THỐNG CAMERA QUAN SÁT	2019	18201942100905		1	79.920.500	7.992.050
15	MÁY ĐO BÃO HÒA OXY CẦM TAY - NONIN - 2500A - S2500A.01	2022	18202242150408	Phòng sơ sinh	1	15.500.000	10.075.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

16	MÁY ĐO BÃO HÒA OXY CẦM TAY - NONIN - 2500A - S2500A.02	2022	18202242150407	Phòng sơ sinh	1	15.500.000	10.075.000
17	MÁY LỌC NƯỚC RO - HM 2681 - A11727198	2021	-	HÀNH LANG	1	13.640.000	2.728.000
18	MÁY SIÊU ÂM - PHILIPS - AFFINITI 50G - US719D2124	2019	18201942210160	Phòng 506 Nhà K1	1	2.290.000.000	801.500.000
19	MÁY SIÊU ÂM - SAMSUNG - HS30 - S1G0M3HM300004A	2019	18201992210155	Phòng 337	1	1.394.280.000	487.998.000
20	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - 17WQT44	2024	10202432023187	P.Hành chính	1	16.170.000	12.936.000
21	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - 55WQT44	2024	10202432023183	Phòng đẻ	1	16.170.000	12.936.000
22	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - D6WQT44	2024	10202432023196	P.Hành chính	1	16.170.000	12.936.000
23	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - Z6WQT44	2024	10202432023184	Phòng đẻ	1	16.170.000	12.936.000
24	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF - 2ZCM754	2024	10202432023300	P.Hành chính	1	19.935.000	15.948.000
25	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF - 56WT754	2024	10202432023410	P.Hành chính	1	19.935.000	15.948.000
26	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF - 6HWT754	2024	10202432023442		1	19.935.000	15.948.000
27	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF - BQCM754	2024	10202432023301	P.315	1	19.935.000	15.948.000
28	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF - CGCM754	2024	10202432023552	P.Sơ Sinh	1	19.935.000	15.948.000
29	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF - CZCM754	2024	10202432023566	Phòng đẻ	1	19.935.000	15.948.000
30	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF - DKCM754	2024	10202432023579	P.Hội chẩn sản bệnh 301	1	19.935.000	15.948.000
31	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF - F5WT754	2024	10202432023299	P.Hành chính	1	19.935.000	15.948.000
32	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF - J2WT754	2024	10202432023666	P.Hành chính	1	19.935.000	15.948.000
33	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - VOSTRO OPTIPLEX - SPCM754	2024	10202432023496	P.Hội chẩn sản bệnh 301	1	19.935.000	15.948.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

34	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 25128	2019	18201912220655	Phòng điều trị	1	169.000.000	59.150.000
35	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 25319	2019	18201912220665	Phòng đẻ	1	169.000.000	59.150.000
36	MÁY THEO DÕI SẢN KHOA - PHILIPS - AVALON FM20 - DE59047007	2017	18201712220450	Phòng 337	1	109.000.000	13.625.000
37	MÁY THEO DÕI SẢN KHOA - PHILIPS - AVALON FM20 - DE59047016	2017	18201712220449	Phòng 337	1	109.000.000	13.625.000
38	MÁY THEO DÕI SẢN KHOA - PHILIPS - AVALON FM20 - DE65849794	2018	18201842220519	Phòng sản bệnh	1	99.000.000	24.750.000
39	MÁY THEO DÕI SẢN KHOA - PHILIPS - AVALON FM20 - DE65854954	2019	18201912220645	Phòng đẻ	1	99.000.000	34.650.000
40	MÁY THEO DÕI SẢN KHOA - PHILIPS - AVALON FM20 - DE65854963	2019	18201912220646	Đang sửa-Phòng Vật tư	1	99.000.000	34.650.000
41	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2110010220	2022	18202248011345	Phòng đẻ	1	32.500.000	21.125.000
42	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2110010229	2022	18202248011361	Phòng đẻ	1	32.500.000	21.125.000
43	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2111010400	2022	18202248011374	2022	1	32.500.000	21.125.000
44	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2112010053	2022	18202248011335	Phòng đẻ	1	32.500.000	21.125.000
45	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - F6WQT44	2024	10202432023197		1	16.170.000	12.936.000
46	MÁY VI TÍNH XÁCH TAY - HP - 2040R - 5CG4260JJG	2024	10202432030187	Phòng đẻ	1	15.895.000	12.716.000
47	TIVI - SAMSUNG - 75TU7000	2021	18202142101085	Hội trường	1	30.501.900	6.100.380
48	TỦ LẠNH - SHARP - ST-FX680V-ST - ST-FX680V-ST	2021	18202144031028	Phòng ăn	1	16.950.000	3.390.000
49	TỦ LẠNH BẢO QUẢN - HAIER - HYC-68A - BE069 TE0N0 0QEL6 C0003	2020	18202048100463	Phòng sơ sinh	1	19.000.000	8.550.000
50	TỦ LẠNH BẢO QUẢN - HAIER - HYC-68A - BE069 TE0N0 0QEL8 80032	2020	18202048100465	Phòng điều trị	1	19.000.000	8.550.000
51	TỦ LẠNH BẢO QUẢN - HAIER - HYC-68A - BE069 TE0N0 0QEL8 80033	2020	18202048100464	Phòng đẻ	1	19.000.000	8.550.000
52	XE ĐỰNG DỤNG CỤ CẤP CỨU - HOÀNG NGUYỄN - XD-10.2	2023	18202343010098	Phòng điều trị	1	13.750.000	10.312.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

	Cộng				**52**	**5.571.171.000**	**2.075.545.090**
II	**TRUNG TÂM HÔ HẤP**						
1	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1811011098	2019	21201918010988	Phòng máy	1	24.990.000	8.746.500
2	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1811011153	2019	21201948010889	Phòng máy	1	24.990.000	8.746.500
3	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1811012467	2019	21201918010990	Phòng máy	1	24.990.000	8.746.500
4	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1906010091	2019	21201918010992	Phòng máy	1	24.990.000	8.746.500
5	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1906010167	2019	21201918010993	Phòng máy	1	24.990.000	8.746.500
6	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1906010187	2019	21201918010994	Phòng máy	1	24.990.000	8.746.500
7	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1907010090	2019	21201918010991	Phòng máy	1	24.990.000	8.746.500
8	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1907010116	2019	21201918010996	Phòng máy	1	24.990.000	8.746.500
9	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1907010135	2019	21201918010997	Phòng máy	1	24.990.000	8.746.500
10	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1907010239	2019	21201918010998	Phòng máy	1	24.990.000	8.746.500
11	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1907010328	2019	21201918010987	Phòng máy	1	24.990.000	8.746.500
12	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1907010392	2019	21201918010999	Phòng máy	1	24.990.000	8.746.500
13	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2112010308	2022	21202248011309	Phòng máy	1	24.000.000	15.600.000
14	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2112010337	2022	21202248011313	Phòng máy	1	24.000.000	15.600.000
15	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2112010338	2022	21202248011318	Phòng máy	1	24.000.000	15.600.000
16	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2112010347	2022	21202248011314	Phòng máy	1	24.000.000	15.600.000
17	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2112010354	2022	21202248011293	Phòng máy	1	24.000.000	15.600.000
18	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 03 TAY QUAY SMSC 003	2018	21201843020471	-	1	33.000.000	8.250.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

19	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN - MEDICAL MASTER - MET-3300 - 0	2020	21202043020560	-	1	30.800.000	13.860.000
20	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN - MEDICAL MASTER - MET-3300 - 0	2020	21202043020561	-	1	30.800.000	13.860.000
21	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN - MEDICAL MASTER - MET-3300 - 0	2021	21202143020630	-	1	30.800.000	16.940.000
22	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN - MEDICAL MASTER - MET-3300 - 0	2021	21202143020631	-	1	30.800.000	16.940.000
23	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN - MEDICAL MASTER - MET-3300 - 0	2021	21202143020632	-	1	30.800.000	16.940.000
24	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN - MEDICAL MASTER - MET-3300 - 0	2020	21202043020549	-	1	30.800.000	13.860.000
25	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN - MEDICAL MASTER - MET-3300 - 0330117-0001-4149	2018	21201843020472	-	1	33.000.000	8.250.000
26	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN - MEDICAL MASTER - MET-3300 - 0330117-000-4151	2020	21202043020550	-	1	30.800.000	13.860.000
27	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN - SMSC 003 - 0	2020	21202043020559	-	1	30.800.000	13.860.000
28	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN - SUMMIT CARE - SMSC 003 - 0131220_0026_01097	2020	21202043020527	-	1	31.500.000	14.175.000
29	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN - SUMMIT CARE - SMSC 003 - 0131220_0026_01113	2020	21202043020526	-	1	31.500.000	14.175.000
30	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V - CỤC BỘ	2018	-	1802	1	19.778.682	2.860.825
31	HỆ THỐNG NỘI SOI PHẾ QUẢN - OLYMPUS - CV-190 - 7088856	2020	5202012140123	Phòng 1811	1	6.855.000.000	3.084.750.000
32	HỆ THỐNG NỘI SOI PHẾ QUẢN - OPTETA OLYMPUS - CV-170 - 7098758	2018	21201872140119	Phòng 1811	1	723.000.000	397.650.000
33	HỆ THỐNG NỘI SOI PHẾ QUẢN - OPTETA OLYMPUS - CV-170 - 7883862/2104644	2020	21202012140122	Phòng 1811	1	1.545.000.000	695.250.000
34	LAPTOP - HP - 240R G9 - 5CG4260JJ1	2024	10202432030174	P723	1	15.895.000	12.716.000
35	LAPTOP - HP - 240R G9 - 5CG4260JJM	2024	10202432030192	P 1726	1	15.895.000	12.716.000
36	LAPTOP - HP - 240R G9 - 5CG4260JKY	2024	10202432030227	P 729	1	15.895.000	12.716.000
37	LAPTOP - HP - 240R G9 - 5CG4260JKZ	2024	10202432030228	P 704	1	15.895.000	12.716.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

38	MÁY CHẠY BỘ - THIÊN TRƯỜNG - HQ-V6C - 0	2020	21202048151837	-	1	20.680.000	9.306.000
39	MÁY CHẠY BỘ - THIÊN TRƯỜNG - HQ-V6C - 0	2020	21202048151838	-	1	20.680.000	9.306.000
40	MÁY ĐIỆN TIM - NIHON KOHDEN - ECG-1250K - 05116	2020	21202042170176	1,312E+09	1	61.000.000	45.750.000
41	MÁY ĐIỆN TIM - NIHON KOHDEN - ECG-1250K - 15203	2019	21201912170151	Phòng máy	1	74.000.000	25.900.000
42	MÁY ĐIỆN TIM 6 KÊNH - WELCH ALLYN - CP150 - 100004490919	2019	21201912170140	Phòng máy	1	64.755.000	22.664.250
43	MÁY ĐIỆN TIM 6 KÊNH - WELCH ALLYN - CP150 - 10009661217	2019	21201912170141	-	1	64.755.000	22.664.250
44	MÁY ĐO CHỨC NĂNG HÔ HẤP | CHEST | HI-801 | 14813043 - CHEST - HI-801 - 14813043	2019	21201912150336	Phòng dự án tầng 19 nhà Q	1	198.120.000	69.342.000
45	MÁY ĐO ĐA KÝ HÔ HẤP 2 KÊNH - RESMED - APNEALINK AIR - 93096	2021	21202142150406	phòng đo đa ký	1	75.900.000	41.745.000
46	MÁY RỬA VÀ KHỬ KHUẨN ỐNG NỘI SOI - OLYMPUS - OER-AW - 2033172	2020	21202012190042	Phòng 1811	1	1.578.000.000	710.100.000
47	MÁY SIÊU ÂM - SAMSUNG - HS50 - S287M3HT300044R	2022	21202242210179	thủ thuật	1	1.139.000.000	740.350.000
48	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 21673	2018	21201822220637	Phòng máy	1	169.000.000	42.250.000
49	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 21682	2018	21201822220638	Phòng máy	1	169.000.000	42.250.000
50	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 22669	2019	125201912220641	Phòng máy	1	169.000.000	59.150.000
51	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 22680	2018	21201822220640	-	1	169.000.000	42.250.000
52	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 25320	2019	21201912220663	Phòng máy	1	169.000.000	59.150.000
53	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 25323	2019	5201912220664	Phòng máy	1	169.000.000	59.150.000
54	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - COVIDIEN - BENNETT 840 - 3512190028	2020	21202012250485	Phòng máy	1	645.000.000	290.250.000
55	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRA20676	2023	21202312250679	Phòng Vật tư	1	649.000.000	486.750.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

56	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - WBRA00599	2023	21202312250680	Phòng máy	1	649.000.000	486.750.000
57	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE- R860 - WBRA00616	2023	21202312250681	Phòng máy	1	649.000.000	486.750.000
58	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE- R860 - WBRA00621	2023	21202312250682	Phòng máy	1	649.000.000	486.750.000
59	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE- R860 - WBRA00622	2023	21202312250683	Phòng máy	1	649.000.000	486.750.000
60	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE- R860 - WBRA00629	2023	21202312250685	Phòng máy	1	649.000.000	486.750.000
61	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO | GE | R860 | CBRA20412 - GE - R860 - CBRA20412	2023	21202312250678	Trung tâm Hô hấp--	1	649.000.000	486.750.000
62	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - 2NVQT44	2024	21202432023005	P HÀNH CHÍNH T17	1	16.199.700	12.959.760
63	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - 2PVQT44	2024	21202432023003	P 1804	1	16.199.700	12.959.760
64	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - 3PVQT44	2024	21202432023010	P 1804	1	16.199.700	12.959.760
65	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - 4PVQT44	2024	21202432023006	P HÀNH CHÍNH T17	1	16.199.700	12.959.760
66	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - 6NVQT44	2024	27202432022993	P1811	1	16.199.700	12.959.760
67	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - 6QVQT44	2024	21202432023011	P1903	1	16.199.700	12.959.760
68	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - 9QVQT44	2024	21202432023014	P 1804	1	16.199.700	12.959.760
69	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - DPVQT44	2024	21202432023004	P HÀNH CHÍNH T17	1	16.199.700	12.959.760
70	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - DQVQT44	2024	21202432023012	P 1804	1	16.199.700	12.959.760
71	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - FNVQT44	2024	21202432023007	BÀN QUẦY T17	1	16.199.700	12.959.760
72	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - FQVQT44	2024	21202432023017	P 1804	1	16.199.700	12.959.760

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

73	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - GQVQT44	2024	21202432023016	P 1804	1	16.199.700	12.959.760
74	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - HNVQT44	2024	21202432023009	P HÀNH CHÍNH T17	1	16.199.700	12.959.760
75	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - HPVQT44	2024	21202432023015	P1811	1	16.199.700	12.959.760
76	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - JLWQT44	2024	19202432023033	P 1714	1	16.199.700	12.959.760
77	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - JMVQT44	2024	21202432023008	P HÀNH CHÍNH T17	1	16.199.700	12.959.760
78	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020S - 40DM754	2024	10202432023381	P HÀNH CHÍNH T17	1	19.935.000	15.948.000
79	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020S - 4WCM754	2024	10202432023404	P HÀNH CHÍNH T17	1	19.935.000	15.948.000
80	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020S - 7HWT754	2024	10202432023282	P 1714	1	19.935.000	15.948.000
81	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020S - 93WT754	2024	10202432023505	P HÀNH CHÍNH T17	1	19.935.000	15.948.000
82	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020S - 99WT754	2024	10202432023283	P 1714	1	19.935.000	15.948.000
83	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020S - 9KWT754	2024	10202432023281	P HÀNH CHÍNH T17	1	19.935.000	15.948.000
84	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020S - 9ZCM754	2024	10202432023524	P1811	1	19.935.000	15.948.000
85	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020S - B8WT754	2024	10202432023527	P 1715	1	19.935.000	15.948.000
86	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020S - C5WT754	2024	10202432023546	P 1804	1	19.935.000	15.948.000
87	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020S - CKCM754	2024	10202432023556	P HÀNH CHÍNH T17	1	19.935.000	15.948.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

88	MÁY TÍNH XÁCH TAY - MSI - BRAVO 15 B5DD 276VN	2022	21202232030141	Phòng dự án tầng 19 nhà Q	1	22.380.000	8.952.000
89	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2111010429	2022	21202248011366	Phòng máy	1	32.500.000	21.125.000
90	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2112010021	2022	21202248011347	Phòng máy	1	32.500.000	21.125.000
91	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2112010027	2022	21202248011369	Phòng máy	1	32.500.000	21.125.000
92	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO -TE-LF630 - 2111010407	2022	21202248011343	Phòng máy	1	32.500.000	21.125.000
93	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO -TE-LF630 - 2112010023	2022	21202248011328	Phòng máy	1	32.500.000	21.125.000
94	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - 8PVQT44	2024	21202432023013	-	1	16.199.700	12.959.760
95	TIVI - SONY - 4K 85INCH XR- 85X90K	2023	21202342101098	1903	1	49.890.000	29.934.000
96	TỦ SẤY DỤNG CỤ - MEMMERT - U30 - B1161460	2017	21201712280015	-	1	23.950.000	2.993.750
97	XE ĐẨY LƯU TRỮ Y DỤNG CỤ - BAILIDA - SC 32 EMG	2021	71202143020635	tầng 17	1	15.000.000	8.250.000
98	XE ĐẨY LƯU TRỮ Y DỤNG CỤ - BAILIDA - SC 32 EMG	2021	71202143020637	-	1	15.000.000	8.250.000
99	XE ĐẨY LƯU TRỮ Y DỤNG CỤ - BAILIDA - SC 32 EMG - BM20- P0247	2020	21202043010088	thủ thuật	1	29.700.000	13.365.000
CỘNG					**99**	**20.293.693.582**	**10.835.295.995**
III	**KHOA HÓA SINH**						
1	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TỦ ĐỨNG - PANASONIC - CS-C45FFH - 7701737826	2020	11202042062679	khu phân tích	1	44.900.000	16.837.500
2	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TỦ ĐỨNG - PANASONIC - CS-C45FFH - 7701737908	2020	11202042062680	khu phân tích	1	44.900.000	16.837.500
3	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TỦ ĐỨNG - PANASONIC - CS-C45FFH - 7701737910	2020	11202042062681	khu phân tích	1	44.900.000	16.837.500
4	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TỦ ĐỨNG - PANASONIC - CS-C45FFH - 7701737916	2020	11202042062682	khu phân tích	1	44.900.000	16.837.500
5	HỆ THỐNG CAMERA - TI VI SAMSUNG - P343D430A2XXY - MPXM3XYBC02214B	2021	03202148160352	Phòng 1309	1	41.382.000	14.483.700
6	MÁY LY TÂM LOẠI ĐỂ BÀN - HETTICH UNIVERSAL	2017	30201712500056	Phòng 1301	1	99.700.000	14.955.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

7	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL INSPIRION 3030SFF INTEL CORE I5 – 14400 - 3SWQT44	2024	10202432023148	Kho nhà Q	1	16.170.000	12.936.000
8	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN- DELL INSPIRION 3030SFF INTEL CORE I5 – 14400 - 5RWQT44	2024	10202432023122	P. Chị Vân ĐDT	1	16.170.000	12.936.000
9	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL INSPIRION 3030SFF INTEL CORE I5 – 14400 - BQWQT44	2024	10202432023149	Kho nhà Q	1	16.170.000	12.936.000
10	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL INSPIRION 3030SFF INTEL CORE I5 – 14400 - GQWQT44	2024	10202432023128	Tầng 13 nhà Q	1	16.170.000	12.936.000
11	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL INSPIRION 3030SFF INTEL CORE I5 – 14400 - GYWQT44	2024	10202432023111	Phòng Kiểm tra chất lượng của bệnh viện	1	16.170.000	12.936.000
12	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 - 4MWT754	2024	10202432023397	Kho nhà Q	1	19.935.000	15.948.000
13	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 - 6KCM754	2024	10202432023444	quầy tiếp đón	1	19.935.000	15.948.000
14	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 - GHWT754	2024	10202432023627	Kho nhà Q	1	19.935.000	15.948.000
	Cộng				**14**	**461.337.000**	**209.312.700**
IV	**KHOA MẮT**						
1	BẢNG THỊ LỰC LCD - GV900	2017	52201712150208	phòng 101	1	79.600.000	9.950.000
2	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1811011093	2019	52201948010895	khu nội trú	1	24.990.000	8.746.500
3	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1811011114	2019	52201948010894	khu nội trú	1	24.990.000	8.746.500
4	ĐÈN MỔ DI ĐỘNG - WELCH ALLYN - GS600 - M.DM.01	2016	52201618060119	Phòng 104	1	68.000.000	3.400.000
5	ĐÈN MỔ DI ĐỘNG - WELCH ALLYN - GS600 - M.DM.02	2017	52201718060121	Phòng 104	1	68.000.000	10.200.000
6	HỆ THỐNG CAMERA - TD-9521S3	2021	52202148160351	tại khoa	1	49.692.500	17.392.375

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

7	MÁY CHỤP ĐÁY MẮT KHÔNG CÓ HUỲNH QUANG - KOWA - NONMYD 8S - 31913300463	2020	52202042420044	phòng 106	1	690.600.000	310.770.000
8	MÁY SIÊU ÂM MẮT BÁN PHẦN TRƯỚC - DGH TECHNOLOGY - SCANMATE FLEX - 423	2020	52202042210171	Phòng 106	1	688.800.000	309.960.000
9	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - 6RWQT44	2024	10202432023136	101	1	16.170.000	12.936.000
10	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - 97WQT44	2024	10202432023200	103	1	16.170.000	12.936.000
11	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - F4WQT44	2024	10202432023165	P106	1	16.170.000	12.936.000
12	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - G4WQT44	2024	10202432023209	Don tiep	1	16.170.000	12.936.000
13	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - H4WQT44	2024	10202432023182	Giao Ban	1	16.170.000	12.936.000
14	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 - 8RCM754	2024	10202432023302	102	1	19.935.000	15.948.000
15	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 - CHWT754	2024	10202432023555	DDTrg	1	19.935.000	15.948.000
16	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 - HJCM754	2024	10202432023653	103	1	19.935.000	15.948.000
17	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFS PLUS 7020 - CTCM754	2024	10202432023562	Giao Ban	1	19.935.000	15.948.000
18	MÁY TÍNH XÁCH TAY HP - HP - HP 240R 9 - 5CG4260JJ8	2024	10202432030181	Phòng hành chính	1	15.895.000	12.716.000
19	MÁY TÍNH XÁCH TAY HP - HP - HP 240R 9 - 5CG4260JJL	2024	10202432030191	Phòng hành chính	1	15.895.000	12.716.000
20	SINH HIỂN VI KHÁM MẮT - SHANGHAI MEDIWORKS - S360S - 361S-J2019080890-0-000000000002	2019	52201948070151	khu phòng khám	1	92.000.000	32.200.000
21	XE ĐẨY DỤNG CỤ CẤP CỨU - SUMMIT CARE - SEC 100	2019	52201943010072	khu nội trú	1	36.000.000	12.600.000
22	SINH HIỂN VI KHÁM MẮT - C.S.O.SRL - SL9800 - 15100066	2017	52201772530360	khu phòng khám	1	112.000.000	14.000.000
23	SINH HIỂN VI KHÁM MẮT - C.S.O.SRL - SL9800 - 763427	2007	5220078070153	khu nội trú	1	112.000.000	14.000.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

24	SINH HIỂN VI KHÁM MẮT - CARL ZEISS - SL120 - 14060195	2017	52201772530359	khu phòng khám	1	137.797.900	17.224.738
	Cộng	**-**	**-**	**-**	**67**	**2.376.850.400**	**923.094.113**
V	**KHOA VI SINH**						
1	BÀN SẤY TIÊU BẢN - SLEE SLIDETEC - SIDETEC HEAT - V1 17 0006	2018	81201842280023	-	1	64.000.000	8.000.000
2	BÀN XÉT NGHIỆM 18100X800X750MM	2017	81201718020130		1	35.420.000	4.427.500
3	BÀN XÉT NGHIỆM 3430X800X1550MM	2017	81201718020133		1	13.651.000	1.706.375
4	BÀN XÉT NGHIỆM 4190X800X750MM	2017	81201718020124		1	10.384.000	1.298.000
5	BÀN XÉT NGHIỆM 5480X800X750MM	2017	81201718020119		1	10.461.000	1.307.625
6	BÀN XÉT NGHIỆM 5650X800X750MM	2017	81201718020120		1	10.758.000	1.344.750
7	BÀN XÉT NGHIỆM 6700X800X750MM	2017	81201718020129		1	12.760.000	1.595.000
8	Bồn rửa mắt và tắm khẩn cấp EW607	2016	81201648151812		1	22.000.000	2.750.000
9	Bồn rửa mắt và tắm khẩn cấp EW607	2016	81201648151813		1	22.000.000	2.750.000
10	HỆ THỐNG CHUẨN BỊ ĐỔ MÔI TRƯỜNG TỰ ĐỘNG (THIẾT BỊ ĐỔ MÔI TRƯỜNG; NỒI HẤP MÔI TRƯỜNG) - SYSTEC - MEDIAFILL; MEDIAPREP 10 -	2019	81201912530363	Phòng SXMT	1	2.649.800.000	331.225.000
11	HỆ THỐNG TÁCH CHIẾT VÀ REAL-TIME PCR TỰ ĐỘNG - ROCHE - COBAS AMPLIPREP - 394983	2013	81201382440085	Phòng SHPT	1	4.300.000.000	537.500.000
12	KÍNH HIỂN VI - CARL ZEISS - PRIMO STAR - 3144035203	2017	81201718070118	P Nấm	1	59.500.000	7.437.500
13	KÍNH HIỂN VI - OLYMPUS - CX33 - 8G45880	2019	80201948070150	Phòng VK	1	96.000.000	12.000.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

14	MÁY CẤY MÁU TỰ ĐỘNG - BECTON DICKINSON - BACTEC FX - FT2226/FB1235	2018	81201832440078	Phòng VK	1	924.000.000	115.500.000
15	MÁY CẤY MÁU TỰ ĐỘNG - BECTON DICKINSON - BACTEC FX - T10194	2018	81201832440110	Phòng VK	1	924.000.000	115.500.000
16	MÁY ĐỊNH DANH VI SINH VẬT MALDI BIOTYPER - BRUKER - MICROFLEX LT/SH - 86058903014	2017	81201782440091	Phòng KSĐ	1	1.250.000.000	156.250.000
17	MÁY ĐỊNH DANH VIRUT VÀ VI KHUẨN LỒNG ĐA MỒI - BIOFIRE DIAGNOSTICS - FILMARRAY® TORCH & 2.0 - 2FA06213	2018	81201812180009	Phòng SHPT	1	3.297.000.000	412.125.000
18	MÁY IN MÃ VẠCH - ZEBRA - ZT230	2021	81202142011858		1	21.780.000	4.356.000
19	MÁY IN MÃ VẠCH - ZEBRA - ZT230	2021	81202142011859		1	21.780.000	4.356.000
20	MÁY LY TÂM LẠNH - THERMO FISHER SCIENTIFIC - MULTIFUGE X1R - 42330780	2019	81201912500069	Phòng SHPT	1	629.800.000	78.725.000
21	MÁY PHUN DUNG DỊCH KHỬ TRÙNG - ANIOS - AEROSEPT 100VF - A1V5933	2019	81201912450061	hành lang	1	119.800.000	14.975.000
22	MÁY REAL-TIME PCR - ABBOTT - M2000RT - 275022161	2017	81201782440014	Phòng SHPT	1	4.600.000.000	575.000.000
23	MÁY REAL-TIME PCR - AITBIOTECH - ABCYCLERQ - ABQ20210723034	2022	81202232440133	Phòng SHPT	1	894.000.000	111.750.000
24	MÁY REAL-TIME PCR - BIONEER - EXICYCLER 96 - EXI-05C-	2017	81201782440098	Phòng SHPT	1	4.225.800.000	528.225.000
25	MÁY SẤY TIÊU BẢN - SLEE MEDICAL - SLIDETEC HEAT - V1 17 0009	2018	81201842280020	Phòng nc lao	1	64.000.000	8.000.000
26	Quạt hút ly tâm tủ an toàn sinh học B2_GCK lưu lượng 10,000 M3	2019	81201942510023	Kho hủy	1	26.500.000	3.312.500
27	TỦ ẤM CO2 - MEMMERT - ICO240MED - 8180057	2019	81201918100446	Phòng VK	1	219.500.000	27.437.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

28	TỦ AN TOÀN SINH HỌC - NUAIRE - NU-540-400E - 196685020520	2020	81202018100462	Phòng VRMD	1	348.348.000	43.543.500
29	TỦ BẢO QUẢN LẠNH - ALASKA - SL-7C - 06820AP10905	2021	81202144031031		1	16.500.000	3.300.000
30	TỦ LẠNH ÂM SÂU - HAIER - DW- 40L278 - BE0F1 4EAV0 00JK4 F0003	2021	81202144031035	Hành lang tủ âm	1	49.800.000	9.960.000
31	TỦ LẠNH ÂM SÂU - PANASONIC - MDF-U33V - 20070062	2021	81202144031027	Hành lang tủ âm	1	299.880.000	59.976.000
32	TỦ LẠNH BẢO QUẢN - SANYO - MPR-S313 - 19090519	2019	81201948100452	Phòng bảo quản sinh phẩm	1	96.500.000	12.062.500
33	TỦ SẤY DỤNG CỤ - MEMMERT - UF 260 - B616.0740	2016	81201642280014	Phòng TTKT	1	69.850.000	8.731.250
	Cộng	**-**	**-**		**33**	**25.405.572.000**	**3.206.427.000**
VI	**VĂN PHÒNG BỆNH VIỆN**						
1	Điều hòa âm trần nối ống gió - daikin - R24PUV2V	2018	03201842061923	Phòng họp 1	1	58.179.000	7.272.375
2	Điều hòa âm trần nối ống gió - daikin - R24PUV2V	2018	03201842061924	Phòng họp 1	1	57.057.000	7.132.125
3	ĐIỀU HÒA ÂM TRẦN NỐI ỐNG GIÓ - DAIKIN - R50GV1	2018	3201842062383	Phòng điều khiển	1	53.614.000	6.701.750
4	Điều hòa Cassette - Daikin - FCF71CVM - - Daikin - FCF71CVM	2023	103202342062700	Phòng Phó Giám đốc	1	49.673.800	37.255.350
5	Điều hòa cassette - daikin - R21NUV1	2018	93201842062126	PHÒNG VĂN THƯ	1	25.973.794	3.246.724
6	Điều hòa cassette - daikin - R71KV1	2018	93201842062127	PHÒNG LỄ TÂN	1	25.973.794	3.246.724
7	Điều hòa nhiệt độ - Daikin - FCF71CVM - - Daikin - FCF71CVM	2023	98202342062696	Phòng Phó Giám đốc	1	58.975.400	44.231.550
8	Điều hòa nhiệt độ - Daikin - FCF71CVM - - Daikin - FCF71CVM	2023	103202342062701	Phòng Phó Giám đốc	1	49.830.590	37.372.943
9	Hệ thống camera quan sát - Vivotek - IP FD 8169A	2019	98201912100913	Khu Ban giám đốc	1	40.040.000	4.004.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

11	Màn Chiếu LED	2020	93202042101066	HỘI TRƯỜNG LỚN NHÀ P	1	369.260.000	138.472.500
12	Màn Chiếu LED	2021	71202143020597	Phòng họp 1	1	96.965.000	48.482.500
13	Màn Chiếu LED	2021	71202142070134	HỘI TRƯỜNG QUỐC TẾ	1	1.290.000.000	645.000.000
14	Màn Chiếu LED	2021	71202142070135	HỘI TRƯỜNG QUỐC TẾ	1	429.861.000	214.930.500
15	Máy in - Canon - MF645CX - SA3ZH300	2024	103202442011875	Văn phòng bệnh viện	1	19.680.000	15.744.000
16	Máy lọc không khí - Boneco - P500 - 41165233100229	2024	103202442320035	Phòng Giám đốc	1	18.900.000	15.120.000
17	Máy lọc không khí - Coway Storm - AP - 1516D	2023	98202342320034	Phòng Phó Giám đốc	1	16.049.000	9.629.400
18	MÁY PHOTOCPY - FUJI XEROX - D-B530 - NB4251082	2022	103202242040090	BỘ PHẬN HÀNH CHÍNH-TỔ TỔNG HỢP	1	93.500.000	44.412.500
19	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - optiplex 7020 - 59WT754	2024	10202432023412	HỘI TRƯỜNG LỚN NHÀ P	1	19.935.000	15.948.000
20	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - HP - TP01 - 4CE0351JQZ	2021	71202142022885	HỘI TRƯỜNG QUỐC TẾ	1	22.000.000	4.400.000
21	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - HP - TP01 - 4CE0351K0J	2021	71202142022884	HỘI TRƯỜNG QUỐC TẾ	1	22.000.000	4.400.000
22	Máy tính xách tay - HP - 240R 9 - 5CG4260JHS	2024	10202432030166	Văn phòng bệnh viện	1	15.895.000	12.716.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

23	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240r-G9 - 5CG4260JKY	2024	10202432030227	HỘI TRƯỜNG LỚN NHÀ P	1	15.895.000	12.716.000
24	Máy vi tính để bàn - Dell - Inspirion 3030SFF - 4NWQT44	2024	10202432023057	Văn phòng bệnh viện	1	16.199.700	12.959.760
25	Máy vi tính để bàn - Dell - Inspirion 3030SFF - DMWQT44	2024	103202432022913	Văn phòng bệnh viện	1	16.199.700	12.959.760
26	Máy vi tính để bàn - Dell - Inspirion 3030SFF - GNVQT44	2024	103202432022915	Văn phòng bệnh viện	1	16.199.700	12.959.760
27	Máy vi tính để bàn - Dell - OptiPlex Small Form Factor Plus 7020 - 8DWT754	2024	10202432023489	HỘI TRƯỜNG LỚN NHÀ P	1	19.935.000	15.948.000
28	Ti vi - SAMSUNG - UA85BU8000K - 100145Y	2024	71202442101104	Phòng họp 2	1	36.223.000	28.978.400
29	Ti vi - Sony 75 inch	2021	103202142101088	PHÒNG HỌP 3 - TẦNG 3 NHÀ A11	1	44.800.000	8.960.000
30	Ti vi - Sony 75 inch	2021	103202142101089	HỘI TRƯỜNG LỚN NHÀ P	1	44.800.000	8.960.000
	Cộng				**29**	**3.043.614.478**	**1.434.160.621**
1	MÁY TÍNH - DELL 3030 SFF - 3QVQT44	2024	147202432023052	Phòng KSNB cũ - T1 Nhà P	1	16.199.700	12.959.760
2	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB - G4WT754	2024	10202432023618	Phòng KSNB cũ - T1 Nhà P	1	19.935.000	15.948.000
3	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB - CMCM754	2024	10202432023558	Phòng KSNB cũ - T1 Nhà P	1	19.935.000	15.948.000
4	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R 9	2024		Phòng KSNB cũ - T1 Nhà P	1	15.895.000	12.716.000
	Cộng				**4**	**71.964.700**	**57.571.760**

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

VII	KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN						
1	MÁY HÀN MIỆNG TÚI - 3M - STERI-LOK™ 8520 - 502301	2018	12201848160297	Tổ tiệt khuẩn 2-Nhà P	1	78.000.000	19.500.000,00
2	MÁY HÀN TÚI CÓ CHỨC NĂNG IN - EASYSEAL MEDICAL TECHNOLOGY - EF101-CR - D124A006	2024	12202418153763	Tổ tiệt khuẩn 2-Nhà P	1	96.000.000	84.000.000,00
3	MÁY HÀN TÚI CÓ CHỨC NĂNG IN - EASYSEAL MEDICAL TECHNOLOGY - EF101-CR - D124A003	2024	12202418153760	Tổ tiệt khuẩn 2-Nhà P	1	96.000.000	84.000.000,00
4	MÁY HÀN TÚI CÓ CHỨC NĂNG IN - EASYSEAL MEDICAL TECHNOLOGY - EF101-CR - D124A007	2024	12202418153764	Tổ tiệt khuẩn 2-Nhà P	1	96.000.000	84.000.000,00
5	MÁY HÀN TÚI CÓ CHỨC NĂNG IN - EASYSEAL MEDICAL TECHNOLOGY - EF101-CR - D124A008	2024	12202418153765	Tổ tiệt khuẩn 1-Nhà E	1	96.000.000	84.000.000,00
6	MÁY HÀN TÚI CÓ CHỨC NĂNG IN - EASYSEAL MEDICAL TECHNOLOGY - EF101-CR - D124A002	2024	12202418153757	Tổ tiệt khuẩn 1-Nhà E	1	96.000.000	84.000.000,00
7	MÁY HÀN TÚI CÓ CHỨC NĂNG IN - EASYSEAL MEDICAL TECHNOLOGY - EF101-CR - D124A005	2024	12202418153762	Tổ tiệt khuẩn 1-Nhà E	1	96.000.000	84.000.000,00
8	MÁY HÀN TÚI CÓ CHỨC NĂNG IN - EASYSEAL MEDICAL TECHNOLOGY - EF101-CR - D124A004	2024	12202418153761	TKTM - Nhà C -Tổ Tiệt khuẩn 1	1	96.000.000	84.000.000,00
9	MÁY NÉN KHÍ - OULSTANDING - OTS-750X3 - KHÔNG MÃ	2019	12201942400019	Tổ tiệt khuẩn 1-Nhà C	1	32.230.000	11.280.500,00
10	MÁY NÉN KHÍ - OULSTANDING - OTS-750X3 - KHÔNG MÃ	2019	12201942400020	Tổ tiệt khuẩn 1-Nhà C	1	32.230.000	11.280.500,00
11	MÁY NÉN KHÍ - OULSTANDING - OTS-750X3 - KHÔNG MÃ	2019	12201942400021	Tổ tiệt khuẩn 1-Nhà E	1	32.230.000	11.280.500,00
12	MÁY NÉN KHÍ - PUMA - AEEF - 230613002002002QW	2024	12202442400025	Tổ tiệt khuẩn 1-Nhà E	1	35.640.000	31.185.000,00

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

13	MÁY NÉN KHÍ - PUMA - DT-30100 - KHÔNG MÃ	2019	53201942400023	#N/A	1	32.230.000	11.280.500,00
14	MÁY PHUN SƯƠNG KHỬ KHUẨN - LABORATOIRES ANIOS - AEROSEPT 100 VF - A1V3749	2018	12201842530361	Tổ hành chính	1	14.200.000	3.550.000,00
15	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - 5SCM754	2024	10202432023257	P. Trưởng khoa -Tổ hành chính	1	19.935.000	15.948.000,00
16	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - JNCM754	2024	10202432023686	P. Giám sát - Tổ hành chính	1	19.935.000	15.948.000,00
17	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - 3HCM754	2024	10202432023365	Phó Khoa - Tổ hành chính	1	19.935.000	15.948.000,00
18	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - BVCM754	2024	10202432023256	Phòng tổ trưởng - Tổ Hóa chất	1	19.935.000	15.948.000,00
19	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - BTCM754	2024	10202432023541	Phòng tổ trưởng - Tổ Hóa chất	1	19.935.000	15.948.000,00
20	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2018	10201842062309	Xử lý chất thải nguy hại - Tổ XLCT	1	26.595.800	3.324.475,00
21	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2018	83201842062310	Xử lý chất thải nguy hại - Tổ XLCT	1	26.595.800	3.324.475,00
22	BỒN NGÂM RỬA DỤNG CỤ BIT 4-4	2018	12201842530362	Tổ tiệt khuẩn 1	1	98.000.000	24.500.000,00
23	MÀN HÌNH ĐIỀU KHIỂN CẢM ỨNG - P146676123	2021	12202142030137	Tổ tiệt khuẩn 2	1	24.975.000	13.736.250,00
24	MÀN HÌNH ĐIỀU KHIỂN CẢM ỨNG - P146676123	2021	12202142030138	Tổ tiệt khuẩn 2	1	24.975.000	13.736.250,00
25	BƠM CHÂN KHÔNG 50HZ - GETINGE - 479042002	2019	12201942530381	Tổ Tiệt khuẩn 1	1	99.696.000	34.893.600,00
26	XE CHỞ ĐỒ TIỆT TRÙNG MÁY - AUTO CLAVE	2018	12201843010062	Tổ tiệt khuẩn 2	1	32.000.000	8.000.000,00
27	XE CHỞ ĐỒ TIỆT TRÙNG MÁY - EO	2018	12201843010061	Tổ Tiệt khuẩn 1	1	35.000.000	8.750.000,00

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

28	XE CHỞ ĐỒ VÔ KHUẨN	2017	12201713010053	Tổ tiệt khuẩn 2	1	28.000.000	4.200.000,00
29	XE CHỞ ĐỒ VÔ KHUẨN	2017	12201713010054	Tổ tiệt khuẩn 2	1	28.000.000	4.200.000,00
	Cộng				**29**	**1.452.272.600**	**885.762.050**
VIII	**KHOA DA LIỄU VÀ BỎNG**						
1	BÀN KHÁM BỆNH NHÂN MEDICAL MASTER MS 03B	2019	125201918050057	KHOA KHÁM BỆNH	1	14.950.000	5.232.500
2	BÀN KHÁM BỆNH NHÂN MEDICAL MASTER MS 03B	2019	125201918050058	KHOA KHÁM BỆNH	1	14.950.000	5.232.500
3	BÀN MỔ ĐA NĂNG -TECHNOMED -TMI-1203 -2262	2021	47202148050059	1212	1	38.500.000	21.175.000
4	BÀN MỔ ĐA NĂNG -TECHNOMED -TMI-1203 -2295	2021	47202148050060	1212	1	38.500.000	21.175.000
5	BÀN PHẪU THUẬT THẨM MỸ -HUADUAN -DM-234 -47202348050064	2023	47202348050064	1202	1	17.000.000	12.750.000
6	BÀN PHẪU THUẬT THẨM MỸ -HUADUAN -DM-234 -47202348050065	2023	47202348050065	1202	1	17.000.000	12.750.000
7	BÌNH XỊT NI TỞ LỎNG -30 LÍT -0	2023	47202348151890	1212A	1	13.200.000	9.900.000
8	BÌNH XỊT NI TỞ LỎNG -CRY - AC - BRYMILL -0	2023	47202348151889	1212	1	47.000.000	35.250.000
9	BƠM TIÊM ĐIỆN -TERUMO -TE-SS700 -1906010059	2020	47202048011138	1211	1	24.990.000	11.245.500
10	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN -HOÀNG NGUYỄN -XC-07 -47202143020627	2021	47202143020627	hành lang	1	13.860.000	7.623.000
11	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN -HOÀNG NGUYỄN -XC-07 -47202143020628	2021	47202143020628	hành lang	1	13.860.000	7.623.000
12	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN -HOÀNG NGUYỄN -XC-07 -47202143020629	2021	47202143020629	hành lang	1	13.860.000	7.623.000
13	ĐÈN MỔ DI ĐỘNG -DENTIS -E100 -E1MAB21B0004	2021	47202148060135	1212	1	25.000.000	13.750.000
14	ĐÈN MỔ DI ĐỘNG -DENTIS -E100 -E1MAB21B0007	2021	47202148060136	1212	1	25.000.000	13.750.000
15	MÁY ĐỐT LASER CO2 - MEDSUN -LASUN25-DENTALAS -MSDEN2306003	2023	47202348151894	1212	1	99.000.000	74.250.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

16	MÁY HÚT KHÓI KHỬ MÙI -KMT -SH-9000 -EX21060101	2021	47202144031033	Kho Q	1	34.000.000	18.700.000
17	MÁY HÚT KHÓI KHỬ MÙI -IDS -DS-2000E -2610227	2023	47202348151893	12122	1	48.750.000	36.562.500
18	MÁY PHÂN TÍCH DA -BOMTECH -A-ONE -A1P 220073	2022	47202242180028	1202	1	99.000.000	64.350.000
19	MÁY PHÂN TÍCH DA -T-88 -693140900171535000	2019	47201942180017	Kho Q	1	57.750.000	20.212.500
20	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN DELL -3030SFF -2RWQT44	2024	10202432023141	1215 Hội chẩn	1	16.170.000	12.936.000
21	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN -DELL -3030SFF -4QWQT44	2024	10202432023132	P. 507- K1	1	16.170.000	12.936.000
22	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL -3030SFF -9QWQT44	2024	10202432023151	1210	1	16.170.000	12.936.000
23	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN -DELL -3030SFF -C6WQT44	2024	10202432023177	HC KHOA GIỮA 2 MÁY	1	16.170.000	12.936.000
24	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN -DELL -3030SFF -CQWQT44	2024	10202432023117	1212- Laser	1	16.170.000	12.936.000
25	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN -DELL -FORM FACTOR PLUS -DQCM754	2024	10202432023225	MỚI	1	19.935.000	15.948.000
26	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN -DELL -OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 -38WT754	2024	10202432023359	MỚI	1	19.935.000	15.948.000
27	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN -DELL -OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 -4MCM754	2024	10202432023396	MỚI	1	19.935.000	15.948.000
28	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN -DELL -OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 -8NCM754	2024	10202432023495	MỚI	1	19.935.000	15.948.000
29	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN -DELL -OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 -9HWT754	2024	10202432023513	MỚI	1	19.935.000	15.948.000
30	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN -DELL -OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 -9SCM754	2024	10202432023521	MỚI	1	19.935.000	15.948.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

31	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN -DELL -OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - BKWT754	2024	10202432023534	MỚI	1	19.935.000	15.948.000
32	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN -DELL -OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - D2WT754	2024	10202432023567	MỚI	1	19.935.000	15.948.000
33	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN -DELL -OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - FBWT754	2024	10202432023306	MỚI	1	19.935.000	15.948.000
34	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN -DELL -OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - JMCM754	2024	10202432023685	MỚI	1	19.935.000	15.948.000
35	MÁY TÍNH XÁCH TAY -HP 240R 9 - 5CG4260JLL	2024	10202432030247	Laser	1	15.895.000	12.716.000
36	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN -HP -PRO TOWER 400 G9 -4CE412F857	2024	47202432023965	527 nhà K1	1	16.100.000	12.880.000
37	THIẾT BỊ ĐIỀU TRỊ UV CẦM TAY - SCHULZE & BOHM -PSORI-KAMM -UVB 311	2019	47201942530375	1202	1	10.972.500	3.840.375
38	THIẾT BỊ ĐIỀU TRỊ UV -SCHULZE & BOHM - MEDISUN 250 -2732	2019	47201942530374	1212A	1	69.300.000	24.255.000
39	THIẾT BỊ LASER HE-NE TRỊ LIỆU - NACENLAS -HL 1100S -TL-101901	2019	47201942530376	1212A	1	39.900.000	13.965.000
40	TIVI -SONY -KQ-65X7000G -40176559	2021	-	hành chính	1	26.235.000	5.247.000
41	TIVI -SONY -KQ-65X7000G -MẤT TEM	2021	71202142101080	1206	1	26.235.000	5.247.000
	Cộng	**-**	**-**	**-**	**41**	**1.141.007.500**	**701.464.875**
IX	**TRUNG TÂM ĐIỆN QUANG**						
1	BIỂN HỘP ĐÈN CHỈ DẪN THẢ TRẦN	2021	34202148190018		1	13.750.000	8.250.000
2	BIỂN HỘP ĐÈN CHỈ DẪN THẢ TRẦN	2021	34202148190019		1	13.750.000	8.250.000
3	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - 700 - 1907010056	2019	21201918010995		1	24.990.000	8.746.500
4	BƠM TIÊM THUỐC CẢN QUANG - MALLINCKRODT - CT 9000 ADV - C0716B095X	2016	34201648010628	Phòng DSA	1	214.500.000	10.725.000
5	BỒN RỬA TAY TIỆT TRÙNG 1 VÒI DÀNH CHO PHẪU THUẬT - BR-01C	2020	34202042190040	Phòng B1 - nhÀ Q	1	47.927.000	21.567.150
6	BỒN RỬA TAY VÔ TRÙNG - BR-01C	2021	34202148151865	Phòng B1 - nhÀ Q	1	28.589.000	15.723.950

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

7	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 3 TAY QUAY - MEDICAL MASTER - MET-3300	2020	07202043020556	Phòng DSA - NHà P và Q	1	30.800.000	13.860.000
8	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 3 TAY QUAY - MEDICAL MASTER - MET-3300	2020	07202043020557	Phòng DSA - NHà P và Q	1	30.800.000	13.860.000
9	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 3 TAY QUAY - MEDICAL MASTER - MET-3300	2020	07202043020558	Phòng DSA - NHà P và Q	1	30.800.000	13.860.000
10	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 3 TAY QUAY - MEDICAL MASTER - MET-3300	2021	34202148090088	Phòng DSA - NHà P và Q	1	30.800.000	16.940.000
11	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN ĐA NĂNG 03 TAY QUAY - SUMMIT CARE - SMSC 003	2019	34201943020498	Phòng DSA - NHà P và Q	1	33.000.000	11.550.000
12	CÂY NƯỚC UỐNG NÓNG LẠNH - WATIO - HM2681 - A1-1726035	2022	-	trước cửa P101 nhà P	1	15.018.712	6.007.485
13	CÂY NƯỚC UỐNG NÓNG LẠNH - WATIO - HM2681 - A1-1824978	2022	-	Bác sĩ nhà P	1	15.018.712	6.007.485
14	CÂY NƯỚC UỐNG NÓNG LẠNH - WATIO - HM2681 - A1-1825026	2022	-	hành lang giáp thang cuốn	1	15.018.712	6.007.485
15	CÂY NƯỚC UỐNG NÓNG LẠNH - WATIO - HM2681 - A1-1825040	2022	-	phòng đọc phim xquang 216 nhà k2	1	15.018.712	6.007.485
16	CÂY NƯỚC UỐNG NÓNG LẠNH - WATIO - HM2682 - A1- 1825039	2022	34202242120173	phòng thang máy	1	15.018.712	6.007.485
17	CÂY NƯỚC UỐNG NÓNG LẠNH - WATIO - HM2682 - A1-1825021	2022	34202242120174	trong phòng 256 dãy nhà K2	1	15.018.712	6.007.485
18	CỬA CHÌ CHẮN TIA BỨC XẠ	2018	34201848110157	Nhà Q	1	19.000.000	4.750.000
19	CỬA CHÌ CHẮN TIA BỨC XẠ	2018	34201848110158	Nhà Q	1	19.000.000	4.750.000
20	CỬA CHÌ CHẮN TIA BỨC XẠ	2018	34201848110159	Nhà Q	1	19.000.000	4.750.000
21	CỬA CHÌ CHẮN TIA BỨC XẠ	2018	34201848110160	Nhà Q	1	19.000.000	4.750.000
22	CỬA CHÌ CHẮN TIA BỨC XẠ - 1000X1900X35MM	2018	34201818110166	Nhà Q	1	19.000.000	4.750.000
23	CỬA CHÌ CHẮN TIA BỨC XẠ - 1000X1900X35MM	2018	34201818110167	Nhà Q	1	19.000.000	4.750.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

24	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ ÂM TRẦN - DAIKIN - FCNQ18MV1	2018	34201842062333	P.103 nhà P	1	36.699.300	4.587.413
25	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ ÂM TRẦN - DAIKIN - FCNQ18MV1 - E000905	2018	34201842062334	102 nhà P	1	36.699.300	4.587.413
26	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ ÂM TRẦN - DAIKIN - FCNQ21MV1	2018	34201842062352	Phòng Giám đốc Trung tâm nhà P	1	42.083.800	5.260.475
27	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ ÂM TRẦN - DAIKIN - FCNQ21MV1 - E002597	2018	34201842062351	sinh hoạt chung nhà P	1	42.083.800	5.260.475
28	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ ÂM TRẦN - DAIKIN - FCNQ21MV1 - E002674	2018	34201842062353	104 nhà P	1	42.083.800	5.260.475
29	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ ÂM TRẦN - DAIKIN - FHYC71KVE9 - E025428	2018	-	cạnh phòng 102	1	42.083.800	5.260.475
30	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ ÂM TRẦN - DAIKIN - FTNQ21MV1 - 2598	2018	34201842062350	111 nhà P	1	42.083.800	5.260.475
31	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ ÂM TRẦN - DAIKIN - R18PUV2V	2018	34201842062332	Phòng 105 nhà P văn phòng trung tâm	1	36.699.300	4.587.413
32	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ ÂM TRẦN - DAIKIN - R24PUV2V	2018	-	hành lang nhà p	1	42.083.800	5.260.475
33	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ ÂM TRẦN - DAIKIN - R35GV1	2018	-	nhiên viên trực nhà p	1	42.083.800	5.260.475
34	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ ÂM TRẦN - DAIKIN - R50GV1	2018	34201842062331	hội trường nhà P	1	36.699.300	4.587.413
35	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ ÂM TRẦN - DAIKIN - R71LUV1	2018	-	112 nhà P	1	42.083.800	5.260.475
36	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ ÂM TRẦN - DAIKIN - RNQ21MV1	2018	34201842062348	cpu nhà P	1	42.083.800	5.260.475
37	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ ÂM TRẦN - DAIKIN - RZF71CV2V - E024765	2022	34202242062694	cạnh phòng 112 - hành lang nhà P	1	48.849.350	30.530.844
38	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ ÂM TRẦN ỐNG GIÓ - DAIKIN	2018	-	phòng 102 nhà k2	1	42.083.800	5.260.475
39	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ ÂM TRẦN ỐNG GIÓ - DAIKIN	2018	-	phòng 101 nhà k2	1	42.083.800	5.260.475
40	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ ÂM TRẦN ỐNG GIÓ - DAIKIN - RNQ21MV1	2018	34201842062349	113 nhà p	1	42.083.800	5.260.475

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

41	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ ÂM TRẦN ỐNG GIÓ - FUJITSU - RI45ALC3 - T000383	2018	-	phòng 106 nhà k2	1	42.083.800	5.260.475
42	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FCF71CMM - E016877	2022	34202242062693	Phòng 101 Nhà P	1	48.849.350	30.530.844
43	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FCNQ21MV1 - E002632	2018	34201842062347	phòng đọc phim nhà P	1	42.083.800	5.260.475
44	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FCNQ21MV1 - E002645	2018	91201842062120	phòng đọc phim nhà P	1	25.973.794	3.246.724
45	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTC35NV1V - E048583	2018	47201842061974	phòng 102 nhà k2	1	13.296.998	1.662.125
46	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTE25LV1V - E080320	2018	-	phòng kho 107 nhà K2	1	13.296.998	1.662.125
47	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE 50MV1V - E067731	2018	37201842062047	phòng chờ 107 nhà k2	1	19.778.682	2.472.335
48	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V - E026210	2019	-	phòng chụp 408A nhà k2	1	27.621.000	6.905.250
49	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V - E048912	2019	-	phòng 106 nhà k2	1	27.621.000	6.905.250
50	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTXD71HVMV - E000566	2018	-	phòng chụp 256 dãy nhà K2	1	25.973.794	3.246.724
51	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FXAQ63AVM - 16486	2019	-	phòng máy hầm B1. 05 nhà K1	1	32.472.000	8.118.000
52	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS - 18S3KS - V - 2400032	2020	ĐH Toshiba	phòng điều khiển 107 nhà k2	1	22.136.000	8.301.000
53	HỆ THỐNG CHỤP CẮT LỚP VI TÍNH - PHILIPS HEALTHCARE (SUZHOU) - ACCESS CT 320704 - 304422	2024	34202442420050	101 nhà P	1	5.915.000.000	5.175.625.000
54	HỆ THỐNG CHỤP CẮT LỚP VI TÍNH - PHILIPS HEALTHCARE (SUZHOU) - ACCESS CT 320704 - 320703	2023	34202342420046	Tầng hầm b1 nhà K1	1	6.702.150.000	5.026.612.500
55	HỆ THỐNG CHỤP CẮT LỚP VI TÍNH - SIEMMENS - SOMATOM DEFINITION EDGE - 10590000/83610	2018	34201852420026	P.111 nhà P	1	22.500.000.000	12.375.000.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

56	HỆ THỐNG CHỤP CẮT LỚP VI TÍNH - SIEMMENS - SOMATOM DEFINITION FLASH - 10430603/73392	2018	34201852420023	P.114 KKB	1	41.700.000.000	22.935.000.000
57	HỆ THỐNG CHỤP CẮT LỚP VI TÍNH - SIEMMENS - SOMATOM SCOPE - 10046799/92954	2018	34201852420028	P.107 KKB	1	9.000.000.000	4.950.000.000
58	HỆ THỐNG CHỤP CẮT LỚP VI TÍNH - SIEMMENS - SOMATOM SCOPE - 9204	2017	3420172420043	Trung tâm Thần Kinh	1	9.000.000.000	4.950.000.000
59	HỆ THỐNG CHỤP CỘNG HƯỞNG - GE - SIGNA ARCHITECT - 1-9374197427	2021	34202142420048	Hầm B1 nhà Q	1	51.995.000.000	28.597.250.000
60	HỆ THỐNG CHỤP CỘNG HƯỞNG - HITACHI - ECHELON - V734	2018	34201852420025	P.113 nhà P	1	29.100.000.000	16.005.000.000
61	HỆ THỐNG CHỤP CỘNG HƯỞNG TỪ TIM TỔNG QUÁT - PHILIPS - PRODIVA 1.5T CX - 83384	2024	34202442420053	Hầm B1 nhà K1	1	23.184.000.000	20.286.000.000
62	HỆ THỐNG CHỤP CỘNG HƯỞNG TỪ TỔNG QUÁT - PHILIPS - PRODIVA 1.5T CX - 83386	2024	34202442420051	Hầm B1 nhà K1	1	22.260.000.000	19.477.500.000
63	HỆ THỐNG CHỤP CỘNG HƯỞNG TỪ TỔNG QUÁT - PHILIPS - PRODIVA 1.5T CX - 83387	2024	34202442420056	Khu Cấp cứu nhà C	1	23.184.000.000	20.286.000.000
64	HỆ THỐNG CHỤP CỘNG HƯỞNG TỪ TUYẾN VÚ TỔNG QUÁT - PHILIPS - PRODIVA 1.5T CX - 83385	2024	34202442420052	Hầm B1 nhà K1	1	22.596.000.000	19.771.500.000
65	HỆ THỐNG CHỤP MẠCH SỐ XÓA NỀN (DSA) - PHILIPS - AZURION 7 B20 - (21)508/509	2021	34202142420045	Hầm B1 TTĐQ	1	29.882.000.000	16.435.100.000
66	HỆ THỐNG X QUANG KỸ THUẬT SỐ - FUJIFILM - FDR SMART F - 19A1532	2019	125201942420031	P.103 nhà P	1	4.234.850.000	1.482.197.500
67	HỆ THỐNG X QUANG KỸ THUẬT SỐ - FUJIFILM - FDR SMART F - 19A1533	2019	125201942420030	P.102 nhà P	1	4.234.850.000	1.482.197.500
68	HỆ THỐNG X QUANG KỸ THUẬT SỐ - OR TECHNOLOGY - AMADEO R	2021	34202142550047	Hầm B1 nhà Q	1	3.780.000.000	2.079.000.000
69	HỆ THỐNG X QUANG KỸ THUẬT SỐ - OR TECHNOLOGY - AMADEO R - 2021210	2021	34202142550046	Nhà C	1	3.780.000.000	2.079.000.000
70	KÍNH CHÌ X-QUANG	2021	34202148151839	Nhà k1	1	99.500.000	54.725.000
71	MÁY ĐỐT BẰNG SÓNG CAO TẦN - RF MEDICA - V-1000 - V101607-010	2018	3420183253000	114,00	1	1.190.000.000	654.500.000
72	MÁY ĐỐT BẰNG SÓNG CAO TẦN - STARMED - VMS30 - VMS16K1803	2019	34201932530416	114,00	1	2.600.000.000	1.430.000.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

73	MÁY ĐỐT BẰNG SÓNG VIBA - CANYON MEDICAL - H-1 - 180910	2019	34201932530415	114,00	1	2.200.000.000	1.210.000.000
74	MÁY LỌC NƯỚC 2 VÒI NÓNG ẤM - HAOHSING - HM-2682 - A1-22009624	2024	34202448160384	phòng tiếp đón chụp xquang nhà c	1	11.000.000	8.800.000
75	MÁY LỌC NƯỚC 2 VÒI NÓNG ẤM - HAOHSING - HM-2682 - A1-22009634	2024	34202448160383	phòng tiếp đón chụp xquang nhà c	1	11.000.000	8.800.000
76	MÁY LỌC NƯỚC 2 VÒI NÓNG ẤM - HAOHSING - HM-2682 - A1-22009635	2024	34202448160382	hành lang trước cửa phòng 111 nhà p	1	11.000.000	8.800.000
77	MÁY PHUN SƯƠNG KHỬ KHUẨN - LABORATOIRES ANIOS - AEROSEPT 100VF - A1V5546	2017	34201712450060	Phòng 115 - DSA - nhà P	1	99.800.000	12.475.000
78	MÁY SIÊU ÂM - SAMSUNG - HS50 - S13RM3HJ20006E	2018	34201852210132	P.214 nhà K1	1	980.000.000	245.000.000
79	MÁY SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN - GE - LOGIQ E9 - 202129US6	2017	34201742210101	P114 nhà P	1	2.975.000.000	446.250.000
80	MÁY SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN - GE - LOGIQ P7 - LP7350257	2020	34202042210170	Phòng 113 Nhà K2	1	1.470.000.000	661.500.000
81	MÁY SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN - GE - LOGIQ P7 - LP7351340	2022	34202242210188	P.SA1 hầm B1 nhà Q	1	1.450.000.000	942.500.000
82	MÁY SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN - GE - S8 - 5014270US2	2017	34201742210100	Khu Cấp cứu nhà C	1	2.475.000.000	371.250.000
83	MÁY SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN - HITACHI - ALOKA V60 - 20620331	2018	34201842210196	P220 nhà K1	1	1.700.000.000	425.000.000
84	MÁY SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN - HITACHI - ALOKA V60 - 20620332	2018	34201802210195	Khu Cấp cứu nhà C	1	1.700.000.000	425.000.000
85	MÁY SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN - HITACHI - ALOKA V60 - 20637324	2018	34201892210122	P213 nhà K1	1	1.700.000.000	425.000.000
86	MÁY SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN - HITACHI - ALOKA V60 - 20637325	2018	34201892210119	P219 nhà K1	1	1.700.000.000	425.000.000
87	MÁY SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN - HITACHI - ALOKA V60 - 20637350	2018	34201892210123	P216 nhà K1	1	1.700.000.000	425.000.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

88	MÁY SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN - HITACHI - ARIETTA V60 - 205Q0928	2017	34201712210109	P.DSA hầm B1	1	1.685.000.000	674.000.000
89	MÁY SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN - HITACHI - ARIETTA V60 - 205Q0929	2017	34201712210110	P223 nhà K1	1	1.685.000.000	674.000.000
90	MÁY SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN - HITACHI - ARIETTA V60 - 205Q0930	2017	34201712210111	Phòng 113 Nhà K2	1	1.685.000.000	674.000.000
91	MÁY SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN - HITACHI - ARIETTA V70 - 205K4698	2017	34201712210107	P223 nhà K1	1	2.990.000.000	1.196.000.000
92	MÁY SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN - HITACHI - ARIETTA V70 - 205P2020	2017	34201712210108	Siêu âm 2 nhà Q	1	2.990.000.000	1.196.000.000
93	MÁY SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN - PHILIPS - AFFINITI 50G - US018D1611	2019	125201912210148	Phòng 113 Nhà K2	1	1.885.820.000	660.037.000
94	MÁY SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN - SAMSUNG - HS50 - S287M3HT 400045E	2022	34202242210181	P220 nhà K1	1	1.139.000.000	740.350.000
95	MÁY SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN - SAMSUNG - HS50 - S287M3HT 400046F	2022	34202242210180	Phòng 113 Nhà K2	1	1.139.000.000	740.350.000
96	MÁY SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN - SAMSUNG - HS50 - S287M3HT 500054Z	2022	34202242210174	Phòng 113 Nhà K2	1	1.139.000.000	740.350.000
97	MÁY SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN - SAMSUNG - HS50 - S287M3HT 500059X	2022	34202242210183	Phòng 113 Nhà K2	1	1.139.000.000	740.350.000
98	MÁY SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN - SAMSUNG - HS50 - S287M3HT500017L	2022	34202242210178	P217 nhà K1	1	1.139.000.000	740.350.000
99	MÁY SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN - SAMSUNG - HS50 - S287M3HT500052B	2022	34202242210177	P215 nhà K1	1	1.139.000.000	740.350.000
100	MÁY SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN - SAMSUNG - HS50 - S287M3HT500053K	2022	34202242210184	Phòng 113 Nhà K2	1	1.139.000.000	740.350.000
101	MÁY SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN - SAMSUNG - HS50 - S287M3HT500055Y	2022	34202242210173	P218 nhà K1	1	1.139.000.000	740.350.000
102	MÁY SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN - SAMSUNG - HS50 - S287M3HT500056A	2022	34202242210185	P221 nhà K1	1	1.139.000.000	740.350.000
103	MÁY SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN - SAMSUNG - HS50 - S287M3HT500057P	2022	34202242210176	P219 nhà K1	1	1.139.000.000	740.350.000
104	MÁY SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN - SAMSUNG - HS50 - S287M3HT500058D	2022	34202242210175	Phòng 113 Nhà K2	1	1.139.000.000	740.350.000
105	MÁY SIÊU ÂM DOPPLER - SAMSUNG - HS50 - S287M3HJ500060M	2022	34202242210182	P.222 nhà K1	1	1.139.000.000	740.350.000
106	MÁY THỞ - EVENT MEDICAL - 3E - EVL42449	2021	05202332250837		1	650.000.000	357.500.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

107	MÁY THỞ - EVENT MEDICAL - 3E - EVL42450	2021	05202332250838		1	650.000.000	357.500.000
108	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - DELL INSPIRION 3030 - 5DVQT44	2024	34202432022996	Phòng Đọc phim nhà P	1	16.199.700	12.959.760
109	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 - 1RCM754	2024	10202432023242	Phòng Can thiệp nhà Q	1	19.935.000	15.948.000
110	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 - 85WT754	2024	10202432023229	Phòng 115 Nhà P	1	19.935.000	15.948.000
111	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 - 8QCM754	2024	10202432023497	Phòng 216 Nhà K2	1	19.935.000	15.948.000
112	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 - 9DWT754	2024	10202432023510	Phòng CT Khu C	1	19.935.000	15.948.000
113	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 - 9JWT754	2024	10202432023514	Phòng 111 nhà P	1	19.935.000	15.948.000
114	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 - GCWT754	2024	10202432023623	Phòng tiếp đón Can thiệp nhà Q	1	19.935.000	15.948.000
115	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 - HHCM754	2024	10202432023651	Phòng 114 Nhà P	1	19.935.000	15.948.000
116	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - DELL VOSTRO 3800 - 1V3R7C2	2024	34202432022998	Phòng 102 Nhà P	1	16.199.700	12.959.760
117	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030S - 7CVQT44	2024	34202432022997	Phòng 114 Nhà P	1	16.199.700	12.959.760
118	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030S - C9VQT44	2024	34202432022994	Phòng 114 Nhà P	1	16.199.700	12.959.760
119	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - 8BVQT44	2024	34202432022995		1	16.199.700	12.959.760
120	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - HP - HP 280 PRO G5 - 4CE150DRF2	2022	34202242030153	Phòng GS Thông	1	13.200.000	5.280.000
121	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - HP - HP 280 PRO G5 - 4CE150DRG2	2022	34202242030156	Phòng 221 Nhà K1	1	13.200.000	5.280.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

122	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - HP - HP 280 PRO G5 - 4CE150DRGT	2022	34202242030155	Phòng 222 Nhà K1	1	13.200.000	5.280.000
123	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - HP - HP 280 PRO G5 - 4CE150DRGY	2022	34202242030152	Phòng HC Nhà P	1	13.200.000	5.280.000
124	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - HP - HP 280 PRO G6 - 4CE238D2VZ	2022	34202242030154	Phòng 216 Nhà K2	1	13.200.000	5.280.000
125	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - HP - HP ALL IN ONE PRO ONE 440 G9 - 8CN24606YY	2023	34202342011868	Phòng 224 Nhà K1	1	19.900.000	11.940.000
126	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - HP - HP Z440 - CZC7198TZM	2023	34202342011869	Phòng GĐ TTĐQ	1	19.900.000	11.940.000
127	MÁY X QUANG DI DỘNG - FUJIFILM - DR-XD 1000 - 16752327	2021	34202132550067	TTĐQ	1	4.390.000.000	2.414.500.000
128	MÁY X QUANG DI DỘNG - FUJIFILM - DR-XD 1000 - 86450384	2019	34201942420032	TTĐQ	1	4.485.624.000	1.569.968.400
129	MÁY X QUANG DI DỘNG - FUJIFILM - DR-XD 1000 - 86650447	2019	34201942420033	TTĐQ	1	4.485.624.000	1.569.968.400
130	MÁY X QUANG DI DỘNG - FUJIFILM - DR-XD 1000 - 96850887	2020	34202042550045	TTĐQ	1	4.390.000.000	1.975.500.000
131	TẤM CHẮN TIA BỨC XẠ DI ĐỘNG CHUYÊN DỤNG CHO PHÒNG CHỤP MẠCH	2019	34201948110174	Nhà Q	1	33.000.000	11.550.000
132	THIẾT BỊ X-QUANG TỔNG HỢP ECORAY - ECORAY CO.,LTD - ECOVIEW9 PLUS - EVP5-2206156	2022	34202242550059	P.2067 nhà K1	1	1.600.500.000	1.040.325.000
133	THIẾT BỊ X-QUANG TỔNG HỢP ECORAY - ECORAY CO.,LTD - ECOVIEW9 PLUS - EVP5-2206157	2022	34202242550060	P.204 nhà K1	1	1.600.500.000	1.040.325.000
134	THIẾT BỊ X-QUANG TỔNG HỢP ECORAY - ECORAY CO.,LTD - ECOVIEW9 PLUS - EVP5-2206204	2022	34202242550058	Phòng 113 Nhà K2	1	1.600.500.000	1.040.325.000
135	THIẾT BỊ X-QUANG TỔNG HỢP ECORAY - ECORAY CO.,LTD - ECOVIEW9 PLUS - EVP5-2206205	2022	34202242550061	P.216 KKB	1	2.182.500.000	1.418.625.000
136	THIẾT BỊ X-QUANG TỔNG HỢP ECORAY - ECORAY CO.,LTD - ECOVIEW9 PLUS - EVP5-2206206	2022	34202242550062	P.205 nhà K1	1	2.182.500.000	1.418.625.000
137	THIẾT BỊ X-QUANG TỔNG HỢP ECORAY - ECORAY CO.,LTD - ECOVIEW9 PLUS - EVP5-2206207	2022	34202242550063	P.206 nhà K1	1	2.182.500.000	1.418.625.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

138	THIẾT BỊ X-QUANG TỔNG HỢP ECORAY - ECORAY CO.,LTD - ECOVIEW9 PLUS - EVP5-2206208	2022	34202242550064	P.208 nhà K1	1	2.182.500.000	1.418.625.000
139	THIẾT BỊ X-QUANG TỔNG HỢP ECORAY - ECORAY CO.,LTD - ECOVIEW9 PLUS - EVP5-2206209	2022	34202242550065	P.216 KKB	1	2.182.500.000	1.418.625.000
140	THIẾT BỊ X-QUANG TỔNG HỢP ECORAY - ECORAY CO.,LTD - ECOVIEW9 PLUS - EVP5-2206210	2022	34202242550066	P.216 KKB	1	2.182.500.000	1.418.625.000
141	XE CÁNG CỨU THƯƠNG CAO CẤP - BETTER MEDICAL - BT201	2017	34201713020413	P 115 - nhà P	1	24.000.000	3.600.000
142	XE TIÊM ĐẨY CẤP CỨU - HOÀNG NGUYỄN - XD-10.2	2021	34202148090086	P 114 - nhà P	1	15.000.000	8.250.000
143	XE TIÊM ĐẨY CẤP CỨU - HOÀNG NGUYỄN - XD-10.2	2021	34202148090087	P 114 - nhà P	1	15.000.000	8.250.000
	Cộng	**-**	**-**	**-**	**143**	**402.815.719.138**	**246.070.301.130**
X	**KHOA PHẪU THUẬT THẦN KINH**						
1	BƠM TIÊM ĐIỆN - NIHON KOHDEN - TE-SS700 - 1701010512	2017	54201718010634	Hồi Sức	1	24.990.000	3.748.500
2	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1608010104	2016	120201618010607	Kho	1	24.990.000	1.249.500
3	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1608010114	2016	120201618010611	Kho	1	24.990.000	1.249.500
4	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1608010133	2016	120201618010610	Kho	1	24.990.000	1.249.500
5	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1608010138	2016	120201618010609	Kho	1	24.990.000	1.249.500
6	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1608010140	2016	120201618010608	Kho	1	24.990.000	1.249.500
7	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1701010612	2017	120201718010653	Kho	1	24.990.000	3.748.500
8	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1807010295	2018	120201828010734	Kho	1	24.990.000	6.247.500
9	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1807010309	2018	120201828010735	Kho	1	24.990.000	6.247.500
10	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1807010311	2018	120201828010733	Kho	1	24.990.000	6.247.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

11	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1808010226	2019	120201918010848	Kho	1	24.990.000	8.746.500
12	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1808010274	2019	120201918010849	Kho	1	24.990.000	8.746.500
13	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1810010128	2019	120201918010851	Kho	1	24.990.000	8.746.500
14	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1810010160	2019	120201918010850	Kho	1	24.990.000	8.746.500
15	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1811012128	2019	120201918010918	Kho	1	24.990.000	8.746.500
16	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1811012352	2019	120201918010915	Kho	1	24.990.000	8.746.500
17	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1811012436	2019	120201918010916	Kho	1	24.990.000	8.746.500
18	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1811012483	2019	120201918010917	Kho	1	24.990.000	8.746.500
19	CÂN BỆNH NHÂN - SECA - 769 - E113895	2018	120201848080054	Kho	1	99.880.000	24.970.000
20	CÂY NƯỚC TINH KHIẾT TỰ ĐỘNG 3 VÒI NÓNG - LẠNH - WATIO - HM-2681 - A1-1723192	2021	-	hàng lang	1	13.640.000	2.728.000
21	CÂY NƯỚC TINH KHIẾT TỰ ĐỘNG 3 VÒI NÓNG - LẠNH - WATIO - HM-2681 - A1-1723251	2021	-	hàng lang	1	13.640.000	2.728.000
22	CÂY NƯỚC TINH KHIẾT TỰ ĐỘNG 3 VÒI NÓNG - LẠNH - WATIO - HM-2681 - A1-1723264	2021	-	hàng lang	1	13.640.000	2.728.000
23	CÂY NƯỚC TINH KHIẾT TỰ ĐỘNG 3 VÒI NÓNG - LẠNH - WATIO - HM-2681 - A1-1727043	2021	-	hàng lang	1	13.640.000	2.728.000
24	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 1 TAY QUAY	2016	120201648040160	P 938	1	19.750.000	987.500
25	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 2 TAY QUAY	2016	120201648040161	P 923	1	19.750.000	987.500
26	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 2 TAY QUAY	2016	120201648040162	P 941	1	19.750.000	987.500
27	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 3 TAY QUAY	2016	120201648040163	Hồi Sức	1	19.750.000	987.500
28	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 3 TAY QUAY	2016	120201648040164	Hồi Sức	1	19.750.000	987.500
29	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 3 TAY QUAY	2016	120201648040165	Hồi Sức	1	19.750.000	987.500
30	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 3 TAY QUAY	2016	120201648040166	Hồi Sức	1	19.750.000	987.500
31	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 3 TAY QUAY	2016	120201648040167	Hồi Sức	1	19.750.000	987.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

32	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 3 TAY QUAY	2016	120201648040168	P 937	1	19.750.000	987.500
33	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 3 TAY QUAY	2016	120201648040169	P 937	1	19.750.000	987.500
34	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 3 TAY QUAY	2016	120201648040170	P 937	1	19.750.000	987.500
35	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 3 TAY QUAY	2016	120201648040171	P 937	1	19.750.000	987.500
36	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 3 TAY QUAY	2016	120201648040172	P 923	1	19.750.000	987.500
37	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 3 TAY QUAY	2016	120201648040173	P 923	1	19.750.000	987.500
38	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 3 TAY QUAY	2016	120201648040174	P 923	1	19.750.000	987.500
39	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 3 TAY QUAY	2016	120201648040175	P 923	1	19.750.000	987.500
40	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 3 TAY QUAY	2016	120201648040176	P 923	1	19.750.000	987.500
41	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 3 TAY QUAY	2016	120201648040177	P 922	1	19.750.000	987.500
42	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 3 TAY QUAY	2016	120201648040178	P 922	1	19.750.000	987.500
43	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 3 TAY QUAY	2016	120201648040179	P 922	1	19.750.000	987.500
44	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 3 TAY QUAY	2016	120201648040180	P 922	1	19.750.000	987.500
45	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 3 TAY QUAY	2016	120201648040181	P 934	1	19.750.000	987.500
46	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 3 TAY QUAY	2016	120201648040182	P 934	1	19.750.000	987.500
47	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 3 TAY QUAY	2016	120201648040183	P 934	1	19.750.000	987.500
48	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 3 TAY QUAY	2016	120201648040184	P 935	1	19.750.000	987.500
49	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 3 TAY QUAY	2016	120201648040185	P 935	1	19.750.000	987.500
50	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 3 TAY QUAY	2016	120201648040186	P 935	1	19.750.000	987.500
51	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 3 TAY QUAY	2016	120201648040187	P 936	1	19.750.000	987.500
52	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 3 TAY QUAY	2016	120201648040188	P 941	1	19.750.000	987.500
53	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 3 TAY QUAY	2016	120201648040189	P 941	1	19.750.000	987.500
54	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 3 TAY QUAY	2016	120201648040190	P 941	1	19.750.000	987.500
55	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 3 TAY QUAY	2016	120201648040191	P 941	1	19.750.000	987.500
56	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 3 TAY QUAY	2016	120201648040192	P 937	1	19.750.000	987.500
57	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 3 TAY QUAY	2016	120201648040193	Hành lang	1	19.750.000	987.500
58	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 3 TAY QUAY	2016	120201648040194	P 939	1	19.750.000	987.500
59	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 3 TAY QUAY	2016	120201648040195	P 939	1	19.750.000	987.500
60	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 3 TAY QUAY	2016	120201648040196	P 938	1	19.750.000	987.500
61	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 3 TAY QUAY	2016	120201648040197	P 938	1	19.750.000	987.500
62	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 3 TAY QUAY	2016	120201648040198	P 938	1	19.750.000	987.500
63	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 3 TAY QUAY	2016	120201648040199	P 938	1	19.750.000	987.500
64	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - 3 TAY QUAY	2016	120201648040200	P 938	1	19.750.000	987.500
65	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA- ĐIỆN - B-640S	2016	120201618040681	P 938	1	39.375.000	1.968.750
66	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S	2016	120201618040682	P 938	1	39.375.000	1.968.750

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

67	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S	2016	120201618040683	P 939	1	39.375.000	1.968.750
68	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S	2016	120201618040684	P 939	1	39.375.000	1.968.750
69	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S	2016	120201618040685	P 939	1	39.375.000	1.968.750
70	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S	2016	120201618040686	P 939	1	39.375.000	1.968.750
71	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S	2016	120201618040687	P 939	1	39.375.000	1.968.750
72	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S	2016	120201618040688	P 939	1	39.375.000	1.968.750
73	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S	2016	120201618040689	P 940	1	39.375.000	1.968.750
74	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S	2016	120201618040690	P 940	1	39.375.000	1.968.750
75	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S	2016	120201618040691	P 940	1	39.375.000	1.968.750
76	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S	2016	120201618040697	Hồi Sức	1	39.375.000	1.968.750
77	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S	2016	120201618040706	P 916	1	39.375.000	1.968.750
78	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S	2016	120201618040715	P 912	1	39.375.000	1.968.750
79	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S	2016	120201618040718	P 911	1	39.375.000	1.968.750
80	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S	2016	120201618040720	P 910	1	39.375.000	1.968.750
81	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S	2016	120201618040721	P 910	1	39.375.000	1.968.750
82	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S	2016	120201618040723	P909	1	39.375.000	1.968.750
83	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S	2016	120201618040724	Hành lang	1	39.375.000	1.968.750
84	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S	2016	120201618040725	P 937	1	39.375.000	1.968.750
85	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S	2016	120201618040726	P 937	1	39.375.000	1.968.750

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

86	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S	2016	120201618040727	P 941	1	39.375.000	1.968.750
87	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S	2016	120201618040728	P 941	1	39.375.000	1.968.750
88	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S	2016	120201618040729	P 936	1	39.375.000	1.968.750
89	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S	2016	120201618040730	P 936	1	39.375.000	1.968.750
90	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S	2016	120201618040731	P 935	1	39.375.000	1.968.750
91	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S	2016	120201618040732	P 934	1	39.375.000	1.968.750
92	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S	2016	120201618040733	P 922	1	39.375.000	1.968.750
93	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S	2016	120201618040734	P 922	1	39.375.000	1.968.750
94	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S	2016	120201618040735	P 922	1	39.375.000	1.968.750
95	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S	2016	120201618040736	P 922	1	39.375.000	1.968.750
96	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S	2016	120201618040737	P 923	1	39.375.000	1.968.750
97	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S	2016	120201618040738	P 923	1	39.375.000	1.968.750
98	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S	2016	120201618040806	P 924	1	64.575.000	3.228.750
99	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S	2016	120201618040807	P 924	1	64.575.000	3.228.750
100	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S	2016	120201618040808	P 924	1	64.575.000	3.228.750
101	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S - 1609130004	2016	120201618040716	P 911	1	39.375.000	1.968.750
102	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S - 1609130006	2016	120201618040711	P 913	1	39.375.000	1.968.750
103	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S - 1609130030	2016	120201618040694	Hồi Sức	1	39.375.000	1.968.750
104	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S - 1609130038	2016	120201618040707	P 915	1	39.375.000	1.968.750

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

105	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S - 1609130045	2016	120201618040708	P 915	1	39.375.000	1.968.750
106	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S - 1609130065	2016	120201618040701	Hồi Sức	1	39.375.000	1.968.750
107	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S - 1609130067	2016	120201618040703	Hồi Sức	1	39.375.000	1.968.750
108	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S - 1609130071	2016	120201618040693	Hồi Sức	1	39.375.000	1.968.750
109	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S - 1609130082	2016	120201618040714	P 912	1	39.375.000	1.968.750
110	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S - 1609130086	2016	120201618040696	Hồi Sức	1	39.375.000	1.968.750
111	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S - 1609130092	2016	120201618040692	Hồi Sức	1	39.375.000	1.968.750
112	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S - 1609130096	2016	120201618040704	P 916	1	39.375.000	1.968.750
113	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S - 1609130098	2016	120201618040722	Hồi Sức	1	39.375.000	1.968.750
114	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S - 1609130102	2016	120201618040699	Hồi Sức	1	39.375.000	1.968.750
115	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S - 1609130104	2016	120201618040700	Hồi Sức	1	39.375.000	1.968.750
116	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S - 1609130113	2016	120201618040719	P 910	1	39.375.000	1.968.750
117	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S - 1609130114	2016	120201618040705	P 916	1	39.375.000	1.968.750
118	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S - 1609130139	2016	120201618040709	P 914	1	39.375.000	1.968.750
119	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S - 1609130140	2016	120201618040713	P 913	1	39.375.000	1.968.750
120	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S - 1609130141	2016	120201618040695	Hồi Sức	1	39.375.000	1.968.750
121	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S - 1609130148	2016	120201618040717	P 911	1	39.375.000	1.968.750
122	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S - 1609130149	2016	120201618040712	P 913	1	39.375.000	1.968.750
123	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S - 1609130150	2016	120201618040698	Hồi Sức	1	39.375.000	1.968.750

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

124	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S - 1609130157	2016	120201618040702	Hồi Sức	1	39.375.000	1.968.750
125	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-CARE - B-330S - 1609130158	2016	120201618040710	P 914	1	39.375.000	1.968.750
126	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-ĐIỆN - B-640S - 1609130066	2016	120201618040679	Hồi Sức	1	39.375.000	1.968.750
127	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - SIGMA-ĐIỆN - B-640S - 1609230063	2016	120201618040680	P 912	1	39.375.000	1.968.750
128	LAPTOP - HP - HP 240R G9 I5 1335 8GB DDR4-3200 256GB MÀN HÌNH 14INCH TRỌNG LƯỢNG 1.47KG - 5CG4260JJF	2024	10202432030186	-	1	15.895.000	12.716.000
129	MÁY ĐIỆN TIM - NIHON KOHDEN - ECG-1250K - 12935	2016	120201612170095	-	1	63.000.000	3.150.000
130	MÁY ĐO NỒNG ĐỘ BÃO HÒA OXY TRONG MÁU CẦM TAY - MBP162241	2016	120201642150201	Kho	1	24.780.000	1.239.000
131	MÁY ĐO NỒNG ĐỘ BÃO HÒA OXY TRONG MÁU CẦM TAY - MBP1622422	2016	120201642150199	Kho	1	24.780.000	1.239.000
132	MÁY ĐO NỒNG ĐỘ BÃO HÒA OXY TRONG MÁU CẦM TAY - MBP1622424	2016	120201642150200	-	1	24.780.000	1.239.000
133	MÁY ĐO NỒNG ĐỘ BÃO HÒA OXY TRONG MÁU CẦM TAY - MBP1622427	2016	120201642150198	Kho	1	24.780.000	1.239.000
134	MÁY TÍNH - DELL - 2CWT754	2024	10202432023340	-	1	19.935.000	15.948.000
135	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - FLWT754	2024	10202432023605	-	1	19.935.000	15.948.000
136	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - HGWT754	2024	10202432023650	-	1	19.935.000	15.948.000
137	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - J5WT754	2024	10202432023669	-	1	19.935.000	15.948.000
138	MÁY TÍNH - DELL - INSPIRION 3030SFF - 8RWQT44	2024	10202432023145	-	1	16.170.000	12.936.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

139	MÁY TÍNH - DELL - INSPIRION 3030SFF - D5WQT44	2024	10202432023208	-	1	16.170.000	12.936.000
140	MÁY TÍNH - DELL - INSPIRION 3030SFF - H5WQT44	2024	10202432023172	-	1	16.170.000	12.936.000
141	MÁY TÍNH - HP 280 PRO G6	2022	04202242030144	-	1	13.200.000	5.280.000
142	MÁY TÍNH - HP 280 PRO G6	2022	04202242030145	-	1	13.200.000	5.280.000
143	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM 3562 - 13552	2018	120201842220533	Hồi Sức	1	167.000.000	41.750.000
144	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM 3562 - 21781	2018	120201822220562	Hồi Sức	1	169.000.000	42.250.000
145	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM 3562 - 21787	2018	120201822220563	Hồi Sức	1	169.000.000	42.250.000
146	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM 3562 - 21859	2018	120201822220566	Hồi Sức	1	169.000.000	42.250.000
147	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM 3562 - 22634	2018	120201822220565	Hồi Sức	1	169.000.000	42.250.000
148	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM 3562 - 22640	2018	120201822220564	Kho	1	169.000.000	42.250.000
149	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 13523	2018	120201842220534	kho	1	167.000.000	41.750.000
150	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 13550	2018	120201842220532	Kho	1	167.000.000	41.750.000
151	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 13835	2018	120201842220526	Kho	1	167.000.000	41.750.000
152	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 13847	2018	120201842220525	Hồi Sức	1	167.000.000	41.750.000
153	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - BWMC754	2024	-	-	1	19.935.000	15.948.000
154	XE CÁNG CỨU THƯƠNG CAO CẤP - BT-201	2016	120201643020365	Hành lang	1	24.000.000	1.200.000
155	XE CÁNG CỨU THƯƠNG CAO CẤP - BT-201	2016	120201643020366	Hành lang	1	24.000.000	1.200.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

156	XE CÁNG CỨU THƯƠNG CAO CẤP - BT-201	2016	120201643020367	Hành lang	1	24.000.000	1.200.000
157	XE CÁNG CỨU THƯƠNG CAO CẤP - BT-201	2016	120201643020368	Hành lang	1	24.000.000	1.200.000
158	XE CÁNG CỨU THƯƠNG CAO	2016	120201643020380	Hành lang	1	24.000.000	1.200.000
159	XE CÁNG CỨU THƯƠNG CAO CẤP - BT-201	2016	120201643020381	Hành lang	1	24.000.000	1.200.000
160	XE CÁNG CỨU THƯƠNG CAO CẤP - BT-201	2016	120201643020382	Hành lang	1	24.000.000	1.200.000
161	XE CÁNG CỨU THƯƠNG CAO CẤP - BT-201	2016	120201643020383	Hành lang	1	24.000.000	1.200.000
162	XE CÁNG CỨU THƯƠNG CAO CẤP - BT-201	2016	120201643020384	Hành lang	1	24.000.000	1.200.000
163	XE CÁNG CỨU THƯƠNG CAO CẤP - BT-201	2016	120201643020385	Hồi Sức	1	24.000.000	1.200.000
	Cộng				**163**	**6.242.835.000**	**888.569.750**
XI	**KHOA DƯỢC**						
1	BỘ GIÁ SẮT ĐỂ THUỐC	2017	16201712460051	Cấp phát B2	1	97.403.900	12.175.488
2	BỘ GIÁ SẮT ĐỂ THUỐC	2017	16201712460052	Cấp phát B2	1	95.652.700	11.956.588
3	CAMERA IP BÁN CẦU HỒNG NGOẠI TD-9524S3	2021	47202148160348	Cấp phát B2	1	16.923.500	5.923.225
4	CỬA CUỐN KHE THOÁNG A50	2018	16201848160298	Kho bảo hiểm y tế	1	93.851.890	28.155.567
5	HỆ THỐNG ÂM THANH	2021	47202144010050	Hủy	1	32.754.700	6.550.940
6	MÁY CHIẾU - SONY - VPL-CH350 - SN7007490	2022	16202242070139	hầm B2	1	34.980.000	13.992.000
7	MÁY TÍNH - DELL	2019	16201912022778	Phòng Dược Chính	1	35.000.000	12.250.000
8	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION - 3030SFF - 10XQT44	2024	10202432023107	hầm B2	1	16.170.000	12.936.000
9	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION - 3030SFF - 15WQT44	2024	10202432023180	hầm B2	1	16.170.000	12.936.000
10	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION - 3030SFF - 16WQT44	2024	10202432023176	hầm B2	1	16.170.000	12.936.000
11	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION - 3030SFF - 26WQT44	2024	10202432023201	hầm B2	1	16.170.000	12.936.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

12	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION - 3030SFF - 27WQT44	2024	10202432023170	hầm B2	1	16.170.000	12.936.000
13	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION - 3030SFF - 37WQT44	2024	10202432023186	VTM	1	16.170.000	12.936.000
14	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION - 3030SFF - 46WQT44	2024	10202432023210	hầm B2	1	16.170.000	12.936.000
15	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION - 3030SFF - 76WQT44	2024	10202432023181	hầm B2	1	16.170.000	12.936.000
16	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION - 3030SFF - 94WQT44	2024	10202432023192	hầm B2	1	16.170.000	12.936.000
17	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION - 3030SFF - 96WQT44	2024	10202432023193	K1	1	16.170.000	12.936.000
18	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION - 3030SFF - B6WQT44	2024	10202432023171	hầm B2	1	16.170.000	12.936.000
19	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION - 3030SFF - C4WQT44	2024	10202432023185	hầm B2	1	16.170.000	12.936.000
20	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION - 3030SFF - C5WQT44	2024	10202432023211	hầm B2	1	16.170.000	12.936.000
21	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION - 3030SFF - J5WQT44	2024	10202432023212	NT Phương Mai	1	16.170.000	12.936.000
22	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION - 3030SFF - JPWQT44	2024	10202432023154	Nhà thuốc 24h A9	1	16.170.000	12.936.000
23	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX - 7020 - 1TCM754	2024	10202432023331	hầm B2	1	19.935.000	15.948.000
24	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX - 7020 - 1VCM754	2024	10202432023332	hầm B2	1	19.935.000	15.948.000
25	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX - 7020 - 44WT754	2024	-	hầm B2	1	19.935.000	15.948.000
26	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX - 7020 - 4JCM754	2024	-	hầm B2	1	19.935.000	15.948.000
27	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX - 7020 - 4LWT754	2024	10202432023395	Nhà thuốc 24h A9	1	19.935.000	15.948.000
28	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX - 7020 - 64WT754	2024	-	hầm B2	1	19.935.000	15.948.000
29	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX - 7020 - 6HCM754	2024	10202432023441	Nhà K1	1	19.935.000	15.948.000
30	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX - 7020 - 7RCM754	2024	10202432023478	Nhà thuốc 24h A9	1	19.935.000	15.948.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

31	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX - 7020 - 84WT754	2024	-	hầm B2	1	19.935.000	15.948.000
32	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX - 7020 - 8JCM754	2024		hầm B2	1	19.935.000	15.948.000
33	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX - 7020 - 94WT754	2024		hầm B2	1	19.935.000	15.948.000
34	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX - 7020 - 95WT754	2024	10202432023506	NT Phương Mai	1	19.935.000	15.948.000
35	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX - 7020 - 9HCM754	2024	10202432023512	hầm B2	1	19.935.000	15.948.000
36	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX - 7020 - 9JCM754	2024		hầm B2	1	19.935.000	15.948.000
37	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX - 7020 - B4WT754	2024		hầm B2	1	19.935.000	15.948.000
38	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX - 7020 - C4WT754	2024		hầm B2	1	19.935.000	15.948.000
39	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX - 7020 - C9WT754	2024	10202432023549	Nhà K1	1	19.935.000	15.948.000
40	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX - 7020 - DJCM754	2024		hầm B2	1	19.935.000	15.948.000
41	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX - 7020 - FJCM754	2024		hầm B2	1	19.935.000	15.948.000
42	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX - 7020 - G2WT754	2024	10202432023616	hầm B2	1	19.935.000	15.948.000
43	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX - 7020 - GWCM754	2024	10202432023638	Nhà K1	1	19.935.000	15.948.000
44	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX - 7020 - HHWT754	2024	10202432023652	hầm B2	1	19.935.000	15.948.000
45	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX - 7020 - HLWT754	2024	10202432023658	hầm B2	1	19.935.000	15.948.000
46	MÁY TÍNH - HP - 4CE125168H	2022	16202242030150	T1 Q	1	13.200.000	5.280.000
47	MÁY TÍNH - HP - 4CE238D2W1	2022	16202242030148	K2	1	13.200.000	5.280.000
48	MÁY TÍNH - HP - 4CE238D2XB	2022	16202242030147	Nhà thuốc 24h A9	1	13.200.000	5.280.000
49	MÁY TÍNH - HP - 4CE238DV47	2022	16202242030149	T1 Q	1	13.200.000	5.280.000
50	MÁY TÍNH - HP - DHFXH13612	2022	16202242030151	hầm B2	1	13.200.000	5.280.000
51	TỦ LẠNH 340 LÍT ELECTROLUX EME 3700HA	2020	96202044031022	Pha chế D2	1	13.000.000	5.850.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

52	TỦ MÁT ALASKA - ALASKA	2021	05202144031029	hầm B2	1	16.500.000	9.075.000
53	TỦ MÁT ALASKA - ALASKA	2021	05202144031030	hầm B2	1	16.500.000	9.075.000
54	TỦ MÁT ALASKA - ALASKA	2021	71202144031036	hầm B2	1	16.500.000	9.075.000
55	TỦ MÁT ALASKA - ALASKA	2021	71202144031037	hầm B2	1	16.500.000	9.075.000
56	TỦ MÁT - HAIER	2018	08201844030976	hầm B2	1	16.380.000	4.095.000
57	TỦ MÁT - HAIER	2018		hầm B2	1	16.380.000	4.095.000
58	TỦ MÁT - HAIER	2018		hầm B2	1	16.380.000	4.095.000
59	TỦ MÁT - HAIER	2018		hầm B2	1	16.380.000	4.095.000
60	TỦ MÁT - HAIER	2018		hầm B2	1	16.380.000	4.095.000
61	TỦ MÁT - SANAKY - TỦ SỐ 3	2020	96202044031023	Kho BH	1	19.500.000	8.775.000
62	THIẾT BỊ QUÉT HÌNH ẢNH - HP - SCANJET PRO 4500 FN1 - 02400048	2023	16202342080035	Phòng dược chính	1	16.899.300	10.139.580
63	THIẾT BỊ QUÉT HÌNH ẢNH - HP - SCANJET PRO 4500 FN1 - E008216	2023	16202342080036	Phòng dược chính	1	16.899.300	10.139.580
	Cộng				**63**	**1.387.820.290**	**769.926.967**
XII	**KHOA TAI MŨI HỌNG**						
1	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE35MV1V9 - E103612	2018	59201842062200	đo thính lực 2 tòa nhà A5	1	13.467.300	1.683.413
2	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE35MV1V9 - E103683	2018	59201842062199	đo chức năng tòa nhà A5	1	13.467.300	1.683.413
3	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE35MV1V9 - E217327	2018	59201842062198	nội soi A tòa nhà A5	1	13.467.300	1.683.413
4	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V - E020615	2018	59201842062251	Khám tiền đình tòa nhà A5	1	19.880.300	2.485.038
5	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTXD50FVMV - E001180	2018	59201842062250	Cấp cứu tòa nhà A5	1	19.880.300	2.485.038
6	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V - E023911	2018	59201842062249	giao ban tòa nhà A5	1	19.880.300	2.485.038
7	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - MITSUBISHI - SRK-52HE-2 - MẤT TEM	2020	93202042062564	phó khoa tòa nhà A5	1	13.375.000	6.687.500
8	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - MITSUBISHI - SRK19CK - 123801202RE	2020	93202042062565	nội soi D tòa nhà A5	1	13.375.000	6.687.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

9	BÀN GHẾ KHÁM TAI MŨI HỌNG - CHAMMED - XU1 EXTREME - XU117010415	2018	08201848050051	Phòng nội soi D (TMH)- Tầng 1- Nhà A5	1	59.000.000	14.750.000
10	BÀN GHẾ KHÁM TAI MŨI HỌNG - CHAMMED - CH-200 - CH216111367	2017	08201712530326	Phòng 407 (B2-TMH)- Tầng 4- Nhà K2	1	235.000.000	35.250.000
11	BÀN GHẾ KHÁM TAI MŨI HỌNG - GEOMED	2017	5920178151898	Phòng 608 (TMH 2)- Tầng 6- Nhà K1	1	235.000.000	35.250.000
12	HỆ THỐNG NỘI SOI TMH - KARL STORZ - TELECAM DX II - VY687626-P	2019	11201942140111	Phòng 407 (B2-TMH)- Tầng 4- Nhà K2	1	845.000.000	295.750.000
13	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL INSPIRION 303SFF - JSWQT44	2024	10202432023158	Nội soi C	1	16.170.000	12.936.000
14	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL INSPIRION 303SFF - 9RWQT44	2024	10202432023159	Nội soi B	1	16.170.000	12.936.000
15	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL INSPIRION 303SFF - HQWQT44	2024	10202432023157	Trưởng khoa	1	16.170.000	12.936.000
16	MÁY VI TÍNH XÁCH TAY - HP 240R G9 - 5CG4260JNM	2024	10202432030248	Thính lực 1	1	15.895.000	12.716.000
17	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL INSPIRION 3030SFF - 8TCM754	2024	10202432023248	TS.Lương	1	19.935.000	15.948.000
18	MÁY VI TÍNH XÁCH TAY - HP 240R G9 - 5CG4260JJ4	2024	10202432030177	Q8	1	15.895.000	12.716.000
19	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEXN SFF PLUS 7020 - 6SCM754	2024	10202432023452	-	1	19.935.000	15.948.000
20	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEXN SFF PLUS 7020 - 9CWT754	2024	10202432023509	-	1	19.935.000	15.948.000
21	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEXN SFF PLUS 7020 - DTCM754	2024	10202432023586	-	1	19.935.000	15.948.000
22	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN- DELL OPTIPLEXN SFF PLUS 7020 - 3GWT754	2024	10202432023249	-	1	19.935.000	15.948.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

23	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEXN SFF PLUS 7020 - 18WT754	2024	10202432023315	-	1	19.935.000	15.948.000
24	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEXN SFF PLUS 7020 - GJWT754	2024	10202432023629	-	1	19.935.000	15.948.000
25	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010216	2022	59202248011278	Phòng 808 (TMH)- Tầng 8- Nhà Q	1	24.000.000	15.600.000
26	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010358	2022	59202248011273	Phòng 808 (TMH)- Tầng 8- Nhà Q	1	24.000.000	15.600.000
27	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2111010383	2022	59202248011359	Phòng 808 (TMH)- Tầng 8- Nhà Q	1	32.500.000	21.125.000
28	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 19655	2018	59201812220549	Phòng thủ thuật (TMH)- Tầng 8- Nhà Q	1	167.000.000	41.750.000
29	MÁY HÚT DỊCH - BICAKCILAR - VACULINE MAXI - 1306	2018	59201842560618	Phòng thủ thuật (TMH)- Tầng 8- Nhà Q	1	43.050.000	10.762.500
30	BỘ NỘI SOI TMH - KARL STORZ - TELECAM DX II - TX696052-P	2018	08201292140104	Phòng 610 (TMH)- Tầng 6- Nhà K1	1	511.100.000	127.775.000
31	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - 3 TAY QUAY - KHÔNG SERI	2020	-	816	1	19.750.000	2.468.750
32	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - 3 TAY QUAY - KHÔNG SERI	2020	-	810	1	19.750.000	2.468.750
33	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - 3 TAY QUAY - KHÔNG SERI	2020	-	815	1	19.750.000	2.468.750

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

	MÁY ĐO ÂM ỐC TAI (OAE) - RION - ER-60 - 950333	2016	592016421 50432	Phòng đo thính lực (TMH)- Tầng 1-Nhà A5	1	334.950.000	16.747.500
	MÁY ĐO THÍNH LỰC - RION - AA-M1C - 8260380	2016	592016421 50430	Phòng đo thính lực (TMH)- Tầng 1-Nhà A5	1	483.801.780	24.190.089
	MÁY ĐO NHĨ LƯỢNG - RION - RS-H1 - 160064	2016	592016421 50431	Phòng đo thính lực (TMH)- Tầng 1-Nhà A5	1	744.325.890	37.216.295
	MÁY ĐO THÍNH LỰC - RION - AA-M1C - 8260381	2016	592016421 50430	Phòng đo chức năng (TMH)- Tầng 1-Nhà A5	1	483.801.780	24.190.089
	MÁY ĐO ÂM ỐC TAI (OAE) - RION - ER-60 - 950334	2016	592016421 50432	Phòng đo chức năng (TMH)- Tầng 1-Nhà A5	1	483.801.780	16.747.500
	MÁY ĐO NHĨ LƯỢNG - RION - RS-H1 - 1250052	2016	592016421 50431	Phòng đo chức năng (TMH)- Tầng 1-Nhà A5	1	744.325.890	37.216.295
	MÁY ĐO CHỨC NĂNG VÒI NHĨ - RION - JK-05A - 260272	2016	592016421 50045	Phòng đo chức năng (TMH)- Tầng 1-Nhà A5	1	279.147.330	13.957.367

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TỪ NGHĨA ký, 03/10/2025 17:48:19

34	HỆ THỐNG NỘI SOI TMH - KARL STORZ - TELECAM DX II - VW706632-P	2018	59201292140103	Phòng nội soi A (TMH)-Tầng 1-Nhà A5	1	511.100.000	127.775.000
35	MÁY HÚT DỊCH - BICAKCILAR - M4E 500 - 1303	2018	59201842560619	-	1	43.050.000	10.762.500
36	HỆ THỐNG NỘI SOI TMH - KARL STORZ - TELECAM DX II - AA658727-P	2016	59201642140081	Phòng nội soi C (TMH)-Tầng 1-Nhà A5	1	198.000.000	9.900.000
37	CÁNG BỆNH NHÂN - 1 TAY QUAY	2021	-	-	1	13.860.000	1.732.500
38	DAO MỔ ĐIỆN CAO TẦN - COVIDIEN - FORCE FX-8C - F8E81128AX	2019	59201948020198	Cấp cứu TMH-Tầng 1-Nhà A5	1	249.500.000	87.325.000
39	CÂY NƯỚC TINH KHIẾT TỰ ĐỘNG 3 VÒI NÓNG - LẠNH - WATIO - HM-2681 - A1-1727249	2021	-	Hành chính tầng 8 nhà Q	1	13.640.000	2.728.000
40	CÂY NƯỚC TINH KHIẾT TỰ ĐỘNG 3 VÒI NÓNG - LẠNH - WATIO - HM-2681 - A1-1723198	2021		Hành lang tầng 8 nhà Q	1	13.640.000	2.728.000
41	CÂY NƯỚC TINH KHIẾT TỰ ĐỘNG 3 VÒI NÓNG - LẠNH - WATIO - HM-2681 - A1-1723273	2021		Hành lang tầng 8 nhà Q	1	13.640.000	2.728.000
42	CÂY NƯỚC TINH KHIẾT TỰ ĐỘNG 3 VÒI NÓNG - LẠNH - WATIO - HM-2681 - A1-1727057	2021		Hành lang tòa nhà A5	1	13.640.000	2.728.000
43	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL INSPIRION 303SFF - 6QWQT44	2024	10202432023114	Phòng 612 nhà K1	1	16.170.000	12.936.000
44	BỘ SOFA - 2050X850X800MM	2020	59202048160344	Phòng bộ môn tầng 8 nhà Q	1	17.600.000	6.600.000
45	HỆ THỐNG CAMERA 8 MẮT VD80SM2TI-IR - VD80SM2TI-IR	2019	59201942100870	Hành lang tòa nhà A5	1	78.061.500	7.806.150
46	HỆ THỐNG NỘI SOI TMH - KARL STORZ - TELECAM DX II - TY18635; SX19022	2017	59201712140085	Phòng 301 nhà K2 (B1)	1	588.000.000	88.200.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

47	HỆ THỐNG TMH - KARL STORZ - TELECAM DX II	2019	59201942140112	-	1	845.000.000	295.750.000
	Cộng				**54**	**8.750.593.750**	**1.652.739.385**
XIII	**TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ**						
1	BỘ ĐẶT NỘI KHÍ QUẢN CÓ CAMERA - MEDTRONIC - MCGRATH™ MAC - 380948	2021	139202142150403	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	99.460.000	54.703.000
2	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TESS700N03 - 1911010056	2020	139202048011078	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	24.990.000	11.245.500
3	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TESS700N03 - 1911010072	2020	139202048011082	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	24.990.000	11.245.500
4	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TESS700N03 - 1911010086	2020	139202048011077	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	24.990.000	11.245.500
5	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TESS700N03 - 1911010097	2020	139202048011089	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	24.990.000	11.245.500
6	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TESS700N03 - 1911010102	2020	139202048011081	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	24.990.000	11.245.500
7	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TESS700N03 - 1911010111	2020	139202048011080	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	24.990.000	11.245.500
8	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TESS700N03 - 1911010117	2020	139202048011086	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	24.990.000	11.245.500
9	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TESS700N03 - 1911010129	2020	139202048011076	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	24.990.000	11.245.500
10	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TESS700N03 - 1911010134	2020	139202048011092	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	24.990.000	11.245.500
11	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TESS700N03 - 1911010172	2020	139202048011084	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	24.990.000	11.245.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

12	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TESS700N03 - 1911010186	2020	139202048011085	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	24.990.000	11.245.500
13	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TESS700N03 - 1911010243	2020	139202048011087	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	24.990.000	11.245.500
14	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TESS700N03 - 1911010259	2020	139202048011090	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	24.990.000	11.245.500
15	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TESS700N03 - 1911010287	2020	139202048011074	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	24.990.000	11.245.500
16	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TESS700N03 - 1911010332	2020	139202048011091	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	24.990.000	11.245.500
17	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TESS700N03 - 1911010333	2020	139202048011073	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	24.990.000	11.245.500
18	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TESS700N03 - 1911010345	2020	139202048011075	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	24.990.000	11.245.500
19	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TESS700N03 - 2001010035	2020	139202048011088	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	24.990.000	11.245.500
20	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TESS700N03 - 2001010066	2020	139202048011079	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	24.990.000	11.245.500
21	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TESS700N03 - 2001010282	2020	139202048011083	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	24.990.000	11.245.500
22	CÁNG 1 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN - XC 07 - KM	2020	139202043020516	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	13.860.000	6.237.000
23	CÁNG 1 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN - XC-09 - KM	2023	139202343020660	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	16.000.000	12.000.000

22140_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

24	CÁNG 1 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN - XC-09 - KM	2023	139202343020661	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	16.000.000	12.000.000
25	CÁNG 1 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN - XC-09 - KM	2023	139202343020662	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	16.000.000	12.000.000
26	CÁNG 3 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN - XC 07 - KM	2020	139202043020511	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	13.860.000	6.237.000
27	CÁNG 3 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN - XC 07 - KM	2020	139202043020512	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	13.860.000	6.237.000
28	CÁNG 3 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN - XC 07 - KM	2020	139202043020513	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	13.860.000	6.237.000
29	CÁNG 3 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN - XC 07 - KM	2020	139202043020514	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	13.860.000	6.237.000
30	CÁNG 3 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN - XC 07 - KM	2020	139202043020515	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	13.860.000	6.237.000
31	CÁNG 3 TAY QUAY - MEDICAL MASTER - MET 3000 - KM	2020	139202043020508	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	30.800.000	13.860.000
32	CÁNG 3 TAY QUAY - MEDICAL MASTER - MET 3000 - KM	2020	139202043020509	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	30.800.000	13.860.000
33	CÁNG 3 TAY QUAY - MEDICAL MASTER - MET 3000 - KM	2020	139202043020510	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	30.800.000	13.860.000
34	CÁNG 3 TAY QUAY - MEDICAL MASTER - MET 3000 - KM	2021	138202142170169	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	30.800.000	16.940.000
35	CÁNG 3 TAY QUAY - MEDICAL MASTER - MET 3000 - KM	2021	138202142170170	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	30.800.000	16.940.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

36	CÂY NƯỚC - HM-2681	2021		TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	13.640.000	2.728.000
37	CÂY NƯỚC - HT3A	2021		TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	14.630.000	2.728.000
38	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - MIDEA - MSAFG-18CRN8	2020	93202042062573	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	13.375.000	6.687.500
39	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - MIDEA - MSAFG-18CRN8	2020	93202042062574	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	13.375.000	6.687.500
40	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-13S3KV-V	2020	ĐH Toshiba	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	16.792.500	6.297.188
41	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-13S3KV-V	2020	ĐH Toshiba	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	16.792.500	6.297.188
42	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	22.136.000	8.301.000
43	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	22.136.000	8.301.000
44	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	22.136.000	8.301.000
45	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	22.136.000	8.301.000
46	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS18S3RV-V	2020	ĐH Toshiba	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	22.136.000	8.301.000
47	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-24S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	23.028.500	8.635.688

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bảo hiểm NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

48	HỆ THỐNG CAMERA - DQ.CAM.01	2021	139202148160353	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	80.476.000	28.166.600
49	HỆ THỐNG MÁY BƠM HƠI ÁP LỰC - COVIDIEN - KENDALL SCD 700 - V1936735SX	2021	139202142150404	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	97.990.000	53.894.500
50	MÁY ĐIỆN TIM - NIHON KOHDEN - ECG-125K - 16116	2020	139202042170159	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	69.000.000	31.050.000
51	MÁY GIẢM ĐAU PCA - TOP - TOP-5520C - ES01940	2022	139202248012763	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	93.000.000	60.450.000
52	MÁY GIẢM ĐAU PCA - TOP - TOP-5520C - ES01941	2022	139202248012764	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	93.000.000	60.450.000
53	MÁY IN - FUJIXEROX - DOCUCENTRE S2520 - 631827	2022	139202228160377	TRUNG GIAO BAN - TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	28.990.000	13.770.250
54	MÁY SỐC ĐIỆN - NIHON KOHDEN - TEC-5631K - 10836	2020	139202032240626	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	169.000.000	76.050.000
55	MÁY SPO2 DI ĐỘNG - MEDIBLU - M01 - M0118033T9	2020	139202042150379	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	16.000.000	7.200.000
56	MÁY SPO2 DI ĐỘNG - MEDIBLU - M01 - M012003T41	2020	139202042150380	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	16.000.000	7.200.000
57	MÁY TÍNH - DELL - INSPIRON 3030S - CPWQT44	2024	139202432023002	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	16.199.700	12.959.760
58	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLEX 7020 - 2BWT754	2024	10202432023284	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	19.935.000	15.948.000
59	MÁY TÍNH - DELL - INSPIRON 3030S - 5NWQT44	2024	139202432023001	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	16.199.700	12.959.760

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

60	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLEX 7020 - 1MWT754	2024	10202432023285	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	19.935.000	15.948.000
61	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLEX 7020 - 1QCM754	2024	10202432023294	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	19.935.000	15.948.000
62	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLEX 7020 - 9LWT754	2024	-	P Giao Ban	1	19.935.000	15.948.000
63	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLEX 7020 - 5HWT754	2024	10202432023418	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	19.935.000	15.948.000
64	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLEX 7020 - 5ODM754	2024	10202432023408	Nhà K1	1	19.935.000	15.948.000
65	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLEX 7020 - BBWT754	2024	-	Tái khám	1	19.935.000	15.948.000
66	MÁY TÍNH LABTOP - HP - 240RG9 - 5CG4260JK2	2024	10202432030206	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	15.895.000	12.716.000
67	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240RG9 - 5CG4260JK5	2024	10202432030209	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	15.895.000	12.716.000
68	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 27946	2020	139202042220749	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	169.000.000	76.050.000
69	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 36276	2022	139202242221082	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	144.000.000	93.600.000
70	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 37501	2022	139202242221083	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	144.000.000	93.600.000
71	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 37512	2022	139202242221084	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	144.000.000	93.600.000
72	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 37514	2022	139202242221085	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	144.000.000	93.600.000

2240_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Bệnh viện Giao thông vận tải Cơ sở 2 ký, 03/10/2025 17:48:04
NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19
2240_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

73	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 37516	2022	139202242221086	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	144.000.000	93.600.000
74	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 37518	2022	139202242221087	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	144.000.000	93.600.000
75	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 37521	2022	139202242221088	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	144.000.000	93.600.000
76	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 37523	2022	139202242221102	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	144.000.000	93.600.000
77	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 37546	2022	139202242221116	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	144.000.000	93.600.000
78	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 37559	2022	139202242221119	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	144.000.000	93.600.000
79	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 37588	2022	139202242221127	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	144.000.000	93.600.000
80	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 38105	2022	139202232221141	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	144.000.000	93.600.000
81	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 38144	2022	139202232221142	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	144.000.000	93.600.000
82	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3763 - 21086	2022	139202232221143	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	144.000.000	93.600.000
83	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3763 - 21092	2021	139202132221138	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	144.000.000	79.200.000
84	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3763 - 21098	2021	139202132221139	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	144.000.000	79.200.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

85	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3763 - 21100	2022	139202412221162	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	144.000.000	93.600.000
86	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3763 - 21101	2021	139202132221140	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	144.000.000	93.600.000
87	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3763 - 21102	2022	139202412221163	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	144.000.000	93.600.000
88	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-6501K - 27914	2020	139202042220748	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	169.000.000	76.050.000
89	MÁY THỞ - COVIDIEN - PURITAN BENNETT 840 (6) - 3512200756	2020	139202432250689	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	595.000.000	327.250.000
90	MÁY THỞ - COVIDIEN - PURITAN BENNETT 840 (7) - 3512200758	2020	139202432250690	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	595.000.000	327.250.000
91	MÁY THỞ - COVIDIEN - PURRITAN BENNETT 840 (1) - 3512192037	2020	139202042250492	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	645.000.000	290.250.000
92	MÁY THỞ - COVIDIEN - PURRITAN BENNETT 840 (2) - 3512192053	2020	139202042250494	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	645.000.000	290.250.000
93	MÁY THỞ - COVIDIEN - PURRITAN BENNETT 840 (3) - 3512192036	2020	139202042250491	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	645.000.000	290.250.000
94	MÁY THỞ - COVIDIEN - PURRITAN BENNETT 840 (5) - 3512192137	2020	139202042250495	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	645.000.000	290.250.000
95	MÁY THỞ - EVENT MEDICAL - 3E EVOLUTION - EVL 42428	2022	139202432250692	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	650.000.000	422.500.000
96	MÁY THỞ - EVENT MEDICAL - 3E EVOLUTION - EVL 42441	2024	139202432250693	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	650.000.000	568.750.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

97	MÁY THỞ - EVENT MEDICAL - 3E EVOLUTION - EVL 42446	2024	139202432250691	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	650.000.000	568.750.000
98	MÁY THỞ - EVENT MEDICAL - 3E EVOLUTION - EVL42440	2021	139202132250618	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	650.000.000	357.500.000
99	MÁY THỞ - EVENT MEDICAL - 3E EVOLUTION - EVL42448	2021	139202132250619	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	650.000.000	357.500.000
100	MÁY THỞ - GE - CARES CAPE R860 - CBRA20501	2021	139202132250615	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	640.000.000	352.000.000
101	MÁY THỞ - GE - CARES CAPE R860 - CBRA20515	2021	139202132250616	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	640.000.000	352.000.000
102	MÁY THỞ - GE - CARES CAPE R860 - CBRA20653	2021	139202132250617	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	640.000.000	352.000.000
103	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - COVIDIEN - BENNETT 840 - 3512192050	2020	139202042250493	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	645.000.000	290.250.000
104	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TELF600N03 - 1909012012	2020	139202042230924	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	34.996.500	15.748.425
105	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TELF600N03 - 1909012020	2020	139202042230921	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	34.996.500	15.748.425
106	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TELF600N03 - 1909012022	2020	139202042230931	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	34.996.500	15.748.425
107	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TELF600N03 - 1909012026	2020	139202042230923	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	34.996.500	15.748.425
108	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TELF600N03 - 1911010121	2020	139202042230925	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	34.996.500	15.748.425

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

109	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TELF600N03 - 1911010129	2020	139202042230933	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	34.996.500	15.748.425
110	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TELF600N03 - 1911010140	2020	139202042230917	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	34.996.500	15.748.425
111	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TELF600N03 - 1911010141	2020	139202042230927	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	34.996.500	15.748.425
112	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TELF600N03 - 1911010142	2020	139202042230928	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	34.996.500	15.748.425
113	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TELF600N03 - 1911010154	2020	139202042230919	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	34.996.500	15.748.425
114	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TELF600N03 - 1911010157	2020	139202042230914	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	34.996.500	15.748.425
115	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TELF600N03 - 1911010158	2020	139202042230916	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	34.996.500	15.748.425
116	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TELF600N03 - 1911010160	2020	139202042230915	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	34.996.500	15.748.425
117	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TELF600N03 - 1911010161	2020	139202042230926	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	34.996.500	15.748.425
118	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TELF600N03 - 1911010167	2020	139202042230922	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	34.996.500	15.748.425
119	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TELF600N03 - 1911010169	2020	-	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	34.996.500	15.748.425
120	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TELF600N03 - 1911010172	2020	139202042230929	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	34.996.500	15.748.425

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

121	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TELF600N03 - 1911010174	2020	139202042230918	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	34.996.500	15.748.425
122	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TELF600N03 - 1911010176	2020	139202042230920	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	34.996.500	15.748.425
123	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TELF600N03 - 1911010179	2020	139202042230930	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	34.996.500	15.748.425
124	MÁY TRUYỀN DỊCH - TOP - TOP-2300 - 20G0417	2022	139202432230943	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	29.650.000	19.272.500
125	MÁY TRUYỀN DỊCH - TOP - TOP-2300 - 20G0418	2022	139202432230944	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	29.650.000	19.272.500
126	MÁY TRUYỀN DỊCH - TOP - TOP-2300 - 20G0419	2022	139202432230946	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	29.650.000	19.272.500
127	MÁY TRUYỀN DỊCH - TOP - TOP-2300 - 20G0452	2022	139202432230947	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	29.650.000	19.272.500
128	MÁY TRUYỀN DỊCH - TOP - TOP-2300 - 20G0467	2022	139202432230945	TRUNG TÂM ĐỘT QUỴ	1	29.650.000	19.272.500
	Cộng				**128**	**15.481.103.900**	**8.761.060.933**
XIV	**PHÒNG HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ**						
1	Nhà P	2000	Nhà		1	640.534.356.458	440.367.370.065
2	Nhà Q	2015	Nhà		1	664.379.495.448	581.332.058.517
3	Nhà K1 - Trung tâm điều trị khám ban ngày	2016	Nhà		1	232.274.621.475	190.465.189.610
4	Nhà K2 - Khoa khám bệnh	1995	Nhà		1	24.151.822.658	-
5	Nhà K3 - Trung tâm chống độc	1995	Nhà		1	12.652.222.000	-
6	Nhà H - Trung tâm YHHN và Ung bướu	1995	Nhà		1	9.865.004.685	-
7	Nhà G - Để xe cao tầng cho nhân viên	2004	Nhà		1	8.892.959.000	1.422.873.440
8	Nhà T - T1,T2 TT thần kinh - T5 Viện SKTT	2005	Nhà		1	17.699.731.184	3.539.946.237
9	Nhà T3 - TT thần kinh	2001	Nhà		1	6.539.257.439	261.570.298
10	Nhà E - Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn	1995	Nhà		1	6.256.844.454	-
11	Nhà D3 - Trường Cao đẳng y tế Bạch Mai	2005	Nhà		1	9.436.881.000	1.887.376.200

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

12	Nhà A11	2005	Nhà		1	9.313.732.595	1.862.746.519
13	Nhà D4 - Trung tâm phục hồi chức năng	1911	Nhà		1	2.462.100.000	-
14	Nhà D6 - Trung tâm dị ứng MDLS và Viện Giám định y khoa	1992	Nhà		1	-	-
15	Nhà D5 - Viện Đào tạo và NCYD Bạch Mai	2006	Nhà		1	14.260.367.040	3.422.488.090
16	Nhà A9 - Trung tâm cấp cứu A9	2002	Nhà		1	24.361.859.140	1.948.948.731
17	Nhà A10 - Trung tâm đột quỵ	2002	Nhà		1		
18	Nhà C - Viện tim mạch	1911	Nhà		1	55.824.136.672	-
19	Nhà B2 - Khu hành cũ	1911	Nhà		1	17.848.512.132	-
20	Nhà B1 - Khu huyết học	1995	Nhà		1	3.412.769.958	-
22	Nhà D2 - Khoa Đông y	1997	Nhà		1	2.230.940.561	-
24	Khu hệ thống xử lý nước thải - Nhà xử lý chất thải	2000	Nhà		1	67.103.152.084	56.366.647.751
25	Nhà F - Viện nhiệt đới y học Bạch Mai	2005	Nhà		1	16.810.578.304	3.362.115.661
26	Bộ phận Vận chuyển và Kỹ thuật phòng HCQT + nhà thuốc (khu nhà dịch vụ cũ)	2005	Nhà		1	396.480.000	-
27	Khu nhà chụp C - 78 Giải Phóng, Đống Đa, Hà Nội	2024	Nhà		1	2.751.201.893	2.567.696.727
28	Nhà bảo vệ cấp 2	2005	Nhà		1	77.120.000	-
29	Nhà đại thể (mới cạnh cao đẳng y)	2024	Nhà		1	894.999.584	835.303.112
30	Phòng 102, 103 khu tập thể E10 - Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội.	1965	Nhà		1	-	-
31	Xe điện chở người 4 chỗ ngồi LT.A627.4 - 2102253	2021	Cái	Tổ xe - HCQT	1	290.000.000	174.000.000
32	Xe điện chở người 4 chỗ ngồi LT.A627.4 - 21022238	2021	Cái	Tổ xe - HCQT	1	290.000.000	174.000.000
33	Xe điện chở người 4 chỗ ngồi + cáng đẩy EG6088K - X00038	2021	Cái	Tổ xe - HCQT	1	240.000.000	144.000.000
34	Xe điện chở người 4 chỗ ngồi + cáng đẩy EG6088K - X00041	2021	Cái	Tổ xe - HCQT	1	240.000.000	144.000.000
35	Xe điện chở người 4 chỗ ngồi + cáng đẩy EG6088K - X00042	2021	Cái	Tổ xe - HCQT	1	240.000.000	144.000.000
36	Xe điện chở người 2 chỗ ngồi + cáng đẩy EG2048K02 - X00829	2021	Cái	Tổ xe - HCQT	1	192.000.000	115.200.000
37	Xe điện chở người 2 chỗ ngồi + cáng đẩy EG2048K02 - X00856	2021	Cái	Tổ xe - HCQT	1	192.000.000	115.200.000
38	Xe điện chở người 2 chỗ ngồi + cáng đẩy EG2048K02 - X000883	2021	Cái	Tổ xe - HCQT	1	192.000.000	115.200.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

39	Xe điện chở hành lý 2 chỗ ngồi + cáng đẩy EG204AHCX02 - X00870	2021	Cái	Tổ xe - HCQT	1	174.500.000	104.700.000
40	Xe điện chở hành lý 2 chỗ ngồi + cáng đẩy EG204AHCX02 - X00923	2021	Cái	Tổ xe - HCQT	1	174.500.000	104.700.000
41	Ô tô con Nissan Patrol 29M-008.00	2013	Cái	Tổ xe - HCQT	1	511.764.500	119.241.129
42	Ô tô chở khách Huyndai 29A-016.86	2015	Cái	Tổ xe - HCQT	1	1.155.000.000	384.615.000
43	Ô tô cứu thương - HUYNDAI - - 29A- 025.41	2020	Cái	Tổ xe - HCQT	1	766.000.000	510.539.000
44	Ô tô cứu thương - HUYNDAI - - 29A- 025.39	2020	Cái	Tổ xe - HCQT	1	766.000.000	510.539.000
45	Ô tô cứu thương - FORD - - 29A-026.37	2021	Cái	Tổ xe - HCQT	1	1.600.000.000	1.173.120.000
46	Ô tô cứu thương - FORD - - 29A-026.38	2021	Cái	Tổ xe - HCQT	1	1.600.000.000	1.173.120.000
47	Ô tô cứu thương - IVECO - - 29A-026.65	2021	Cái	Tổ xe - HCQT	1	1.200.000.000	879.840.000
48	Ô tô cứu thương - HUYNDAI - - 29A- 027.05	2021	Cái	Tổ xe - HCQT	1	1.065.220.000	781.019.304
49	Ô tô cứu thương - HUYNDAI - - 29A- 027.06	2021	Cái	Tổ xe - HCQT	1	1.065.220.000	781.019.304
50	Ô tô cứu thương - FORD - - 29A-028.11	2022	Cái	Tổ xe - HCQT	1	1.590.000.000	1.271.841.000
51	Ô tô cứu thương - FORD - - 29A-028.12	2022	Cái	Tổ xe - HCQT	1	1.590.000.000	1.271.841.000
52	Ô tô chuyên dụng - MITSUBISHIFUSO - - Chưa đăng ký được BKS	2021	Cái	Tổ xe - HCQT	1	3.706.000.000	2.717.239.200
53	MÁY BƠM ĐIỆN 7,5KW 3M50 - 160/55, KÈM TỦ ĐK 1 BƠM CHẠY BIẾN TẦN	2020	-	hành chính quản trị	1	65.450.000	24.543.750
54	Hệ thống bơm chữa cháy 22kw	2017	93201712390016	HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ	1	40.174.200	5.021.775
55	Hệ thống bơm chữa cháy 22kw	2017	93201712390016	HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ	1	58.960.000	7.370.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

56	Hệ thống bơm chữa cháy 22kw	2017	93201712390017	HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ	1	31.166.666	3.895.833
57	Hệ thống bơm chữa cháy 22kw	2017	93201712390018	HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ	1	31.166.667	3.895.833
58	Hệ thống bơm chữa cháy 22kw	2017	93201712390019	HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ	1	31.166.667	3.895.833
59	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - 5KCM754	2024	10202432023420	Tổ Văn phòng	1	19.935.000	15.948.000
60	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - 1NCM754	2024	10202432023328	Tổ dự án	1	19.935.000	15.948.000
61	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - 4ZCM754	2024	10202432023407	P222	1	19.935.000	15.948.000
62	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - 8VCM754	2024	10202432023499	P222	1	19.935.000	15.948.000
63	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - LF- 630 - 2105010011	2021	03202132231168	-	1	24.990.000	13.744.500
64	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS830 - 2102010102	2021	03202138013376	-	1	29.000.000	15.950.000
65	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - LF- 630 - 2105010012	2021	03202132231169	-	1	24.990.000	13.744.500
66	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS830 - 2102010101	2021	03202138013377	-	1	29.000.000	15.950.000
67	BỘ BÀN GHẾ NHÔM ĐÚC - VIỆT NAM	2021	56202148160359	-	1	12.375.000	6.187.500
68	BỘ BÀN GHẾ NHÔM ĐÚC - VIỆT NAM	2021	56202148160360	-	1	12.375.000	6.187.500
69	BỘ BÀN GHẾ NHÔM ĐÚC - VIỆT NAM	2021	56202148160361	-	1	12.375.000	6.187.500
70	BỘ BÀN GHẾ NHÔM ĐÚC - VIỆT NAM	2021	56202148160362	-	1	12.375.000	6.187.500
71	BỘ BÀN GHẾ NHÔM ĐÚC - VIỆT NAM	2021	56202148160363	-	1	12.375.000	6.187.500
72	BỘ BÀN GHẾ NHÔM ĐÚC - VIỆT NAM	2021	56202148160364	-	1	12.375.000	6.187.500
73	BỘ BÀN GHẾ NHÔM ĐÚC - VIỆT NAM	2021	56202148160365	-	1	12.375.000	6.187.500
74	BỘ BÀN GHẾ NHÔM ĐÚC - VIỆT NAM	2021	56202148160366	-	1	12.375.000	6.187.500
75	BỘ BÀN GHẾ NHÔM ĐÚC - VIỆT NAM	2020	12202042190038	-	1	25.861.000	9.697.875

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

76	THIẾT BỊ LỌC NƯỚC TINH KHIẾT - WAITO - 3 VÒI 3 CHỨC NĂNG	2021	03202142120152	-	1	13.640.000	2.728.000
77	CABIN SOÁT VÉ	2023	03202348190023	-	1	161.051.000	128.840.800
78	TIVI - SAMSUNG - UA85BU8000KXXV - 0JBM3NIWC00561	2024	03202442101110	Phòng họp T2 HCC	1	36.223.000	28.978.400
79	MÀN HÌNH LED P2,5 INDOOR FULL COLOR A-300AB-5	2023	03202342101099	K1 - Tầng 1	1	85.360.000	51.216.000
80	MÁY PHOTOCOPY - KONICA MINOLTA BIZHUB - 308E	2019	03201942040085	-	1	48.500.000	16.975.000
81	MÁY PHUN XỊT RỬA CAO ÁP - BOSH - GHP5-55	2024	03202448153791	Buồng biến áp nhà k1	1	12.420.000	10.867.500
82	BƠM LY TÂM	2019	71201942120116	-	1	86.988.000	21.747.000
83	MÁY BƠM 3 PHA - 3M50-160/55	2019	12201942120123	QLCT	1	86.042.000	21.510.500
84	MÁY BƠM NƯỚC THẢI	2019	93201942120113	-	1	25.630.000	6.407.500
85	MÁY BƠM NƯỚC THẢI	2019	93201942120114	-	1	25.630.000	6.407.500
86	MÁY BƠM NƯỚC THẢI	2019	93201942120115	-	1	25.630.000	6.407.500
87	MÁY BƠM NƯỚC THẢI	2019	71201942120124	-	1	25.300.000	6.325.000
88	MÁY BƠM CHÌM KBZ-MEUDY	2019	93201912120121	-	1	39.022.500	9.755.625
89	MÁY BƠM CHÌM KBZ-MEUDY	2019	93201912120123	-	1	39.022.500	9.755.625
90	TỦ ĐIỀU KHIỂN TỰ ĐỘNG MÁY BƠM KHU A-C	2019	93201912120122	-	1	18.150.000	4.537.500
91	MÁY BƠM CHÌM NƯỚC THẢI INOX VERATT VS-2.2	2019	03201942120117	-	1	25.630.000	6.407.500
92	MÁY BƠM CHÌM NƯỚC THẢI INOX VERATT VS-2.2	2019	03201942120118	-	1	25.630.000	6.407.500
93	MÁY BƠM CHÌM NƯỚC THẢI INOX VERATT VS-2.2	2019	03201942120119	-	1	25.630.000	6.407.500
94	MÁY BƠM ĐIỆN 7,5KW 3M50 - 160/55, KÈM TỦ ĐK 1 BƠM CHẠY BIẾN TẦN	2020	03202042120128	-	1	65.450.000	24.543.750
95	MÁY BƠM CHÌM NƯỚC THẢI VERATT VS 2.2	2020	03202042120129	-	1	43.428.000	16.285.500
96	HỆ THỐNG KIỂM SOÁT	2018	03201842100807	-	1	709.281.000	177.320.250
97	TỦ ĐIỀU KHIỂN TỰ ĐỘNG MÁY BƠM KHU A-C	2019	71201942120125	-	1	41.162.000	10.290.500
98	TỦ SẮT SƠN TĨNH ĐIỆN 3300X500X2430	2019	03201948100449	-	1	13.464.000	3.366.000
99	HỆ THỐNG BIỂN CHỈ DẪN 3M	2020	03202042101061	-	1	45.056.000	22.528.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

100	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ PANASONIC 45.000 BTU 1 CHIỀU	2020	11202042062683	Buồng biến áp nhà k1	1	44.950.000	16.856.250
101	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ PANASONIC 45.000 BTU 1 CHIỀU	2020	11202042062678	Kho tầng 10 nhà K1	1	44.900.000	16.837.500
102	MÁY PHOTOCOPY BIZHUB 308E	2020	14202042040089	-	1	48.500.000	10.912.500
103	HỆ THỐNG QUẢN LÝ XE MÁY	2021	131202148160350	Nhà K1	1	94.094.000	18.818.800
104	BỘ CHỮ TRUNG TÂM KHÁM BỆNH VÀ ĐIỀU TRỊ TRONG NGÀY	2021	131202142030139	Nhà K1	1	26.114.000	15.668.400
105	TRẠM THU PHÍ XE	2021	71202148190020	-	1	17.160.000	10.296.000
106	HỆ THỐNG MÁY LỌC NƯỚC	2021	71202142120155	-	1	29.620.000	5.924.000
107	HỆ THỐNG MÁY LỌC NƯỚC	2021	71202142120156	-	1	29.620.000	5.924.000
108	HỆ THỐNG MÁY LỌC NƯỚC	2021	71202142120157	-	1	29.620.000	5.924.000
109	PHẦN MỀM THU PHÍ XE	2021	71202148200070	-	1	18.700.000	3.740.000
110	BỐT KIỂM SOÁT PHƯƠNG TIỆN INOX 2300*1500*2400	2021	71202148160376	-	1	49.500.000	29.700.000
111	KỆ SẮT 3580X3100X3100	2019	125201948160340	-	1	96.195.000	24.048.750
112	KỆ SẮT 3580X3100X3100	2019	125201948160341	-	1	96.195.000	24.048.750
113	KỆ SẮT 3580X3100X600	2019	125201948160342	-	1	96.195.000	24.048.750
	Cộng				**91**	**1.870.647.514.464**	**1.303.601.070.444**
1	CÂY LỌC NƯỚC 2 VÒI - AQUA	2021		Trưởng phòng	1	14.630.000	11.704.000
2	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - HP - PRO TOWER 280G9PCI - 4CE347CJQV	2024	135202442022901	Phòng quản lý đầu thầu cũ	1	15.830.000	12.664.000
3	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - HP - PRO TOWER 280G9PCI - 4CE347CJVH	2024	135202442022902	Phòng quản lý đầu thầu cũ	1	15.830.000	12.664.000
4	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - HP - PRO TOWER 280G9PCI - 4CE347CJRN	2024	135202442022903	Phòng quản lý đầu thầu cũ	1	15.830.000	12.664.000
5	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - HP - PRO TOWER 280G9PCI - 4CE347CJQ2	2024	135202442022904	Phòng quản lý đầu thầu cũ	1	15.830.000	12.664.000
6	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030SFF - 7QVQT44	2024	135202432022908	Phòng quản lý đầu thầu cũ	1	16.199.700	12.959.760

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

7	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030SFF - 5QVQT44	2024	135202432022909	Phòng quản lý đầu thầu cũ	1	16.199.700	12.959.760
8	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030SFF - 8QVQT44	2024	135202432022910	Phòng quản lý đầu thầu cũ	1	16.199.700	12.959.760
9	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030SFF - 1QVQT44	2024	135202432022911	Phòng quản lý đầu thầu cũ	1	16.199.700	12.959.760
10	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - KXĐ - Z790UDAX	2024	135202442022906	Phòng quản lý đầu thầu cũ	1	33.550.000	26.840.000
11	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - KXĐ - 2790UDAX	2024	135202442022907	Phòng quản lý đầu thầu cũ	1	33.550.000	26.840.000
12	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240RG9 - 5CG42605LH	2024	10202432030244	Phòng quản lý đầu thầu cũ	1	15.895.000	12.716.000
13	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 348G7 - 70207704	2024		Phòng quản lý đầu thầu cũ	1	19.935.000	15.948.000
14	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240RG9 - 5CG4260JK7	2024	10202432030211	Phòng quản lý đầu thầu cũ	1	15.895.000	12.716.000
15	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OTIPLEX SFF PLUS 7020 - D4WT754	2024		Phòng quản lý đầu thầu cũ	1	19.935.000	15.948.000
16	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - HP - 280 PRO G9	2024	135202442022905	Phòng quản lý đầu thầu cũ	1	15.830.000	12.664.000
17	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - JNVQT44	2024	135202432022912	Phòng quản lý đầu thầu cũ	1	16.199.700	12.959.760
	Cộng				**17**	**313.538.500**	**250.830.800**
XV	**VIỆN SỨC KHỎE TÂM THẦN**						
1	BIỂN VIỆN SỨC KHỎE TÂM THẦN NGOÀI TRỜI	2021	41202148190016		1	33.660.000	20.196.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

2	BƠM ĐIỆN EBARA ĐẦU INOX 3M32-160/2,2 - EBARA - 3032-160/2,2	2021	41202142410005		1	19.910.000	10.950.500
3	BỒN CHỨA INOX - SƠN HÀ - 5000L - 41202448153792 - SƠN HÀ - 5000L	2024	41202448153792	Sân M5	1	48.968.000	42.847.000
4	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2021	41202143020582	314,00	1	13.860.000	7.623.000
5	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2021	41202143020583	308,00	1	13.860.000	7.623.000
6	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2021	41202143020584	307,00	1	13.860.000	7.623.000
7	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2021	41202143020585	306,00	1	13.860.000	7.623.000
8	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2021	41202143020586	108,00	1	13.860.000	7.623.000
9	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2021	41202143020587	110,00	1	13.860.000	7.623.000
10	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2021	41202143020598	111,00	1	13.860.000	7.623.000
11	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2021	41202143020599	105,00	1	13.860.000	7.623.000
12	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2021	41202143020600	106,00	1	13.860.000	7.623.000
13	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2021	41202143020601	108,00	1	13.860.000	7.623.000
14	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2021	41202143020602	113,00	1	13.860.000	7.623.000
15	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2021	41202143020603	114,00	1	13.860.000	7.623.000
16	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2021	41202143020588	215,00	1	13.860.000	7.623.000
17	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-09	2023	41202343020658	101,00	1	18.000.000	13.500.000
18	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-09	2023	41202343020659	101,00	1	18.000.000	13.500.000
19	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2021	41202143020666	214,00	1	13.860.000	7.623.000
20	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2021	41202143020667	213,00	1	13.860.000	7.623.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

21	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2021	41202143020668	315,00	1	13.860.000	7.623.000
22	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2021	41202143020669	306,00	1	13.860.000	7.623.000
23	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2021	41202143020670	312,00	1	13.860.000	7.623.000
24	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2021	41202143020671	312,00	1	13.860.000	7.623.000
25	CÂY NƯỚC NÓNG LẠNH - HAOSHING - HM2628 - A1-24003421	2021		hành làng m3	1	13.640.000	2.728.000
26	CÂY NƯỚC NÓNG LẠNH - HAOSHING - HM2681 - A-1723199	2021		hành lang m3	1	13.640.000	2.728.000
27	CÂY NƯỚC NÓNG LẠNH - HAOSHING - HM2681 - A1-1727195	2021		hành chính m7	1	13.640.000	2.728.000
28	CÂY NƯỚC NÓNG LẠNH - HAOSHING - HM2681 - A1-17271953	2021		tiếp đón	1	13.640.000	2.728.000
29	CÂY NƯỚC NÓNG LẠNH - HAOSHING - HM2681 - A1-1726040	2021		hàng lang m8	1	13.640.000	2.728.000
30	CÂY NƯỚC NÓNG LẠNH - HAOSHING - HM2681 - A1-1723141	2021		sân m4	1	13.640.000	2.728.000
31	CÂY NƯỚC NÓNG LẠNH - HAOSHING - HM2681 - A1-1727075	2021		hành lang m7	1	13.640.000	2.728.000
32	CÂY NƯỚC NÓNG LẠNH - HAOSHING - HM2681 - A1-1727045	2021		hành lang m6	1	11.000.000	2.200.000
33	CÂY NƯỚC NÓNG LẠNH - HAOSHING - HM2682 - A1-24003423	2021		hành lang m6	1	13.640.000	2.728.000
34	ĐIỀU HÒA - DAIKIN - FTCN50NVN - E058240	2019		hội trường m7	1	19.778.682	2.472.335
35	ĐIỀU HÒA - MIDEA - MFJJ-50CRN1 - 111Y20847019510020115	2019	14201912062481	p trị liệu tâm lí	1	33.140.000	8.285.000
36	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V - 9310005	2020		điều dưỡng trưởng	1	22.136.000	8.301.000
37	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V - 02400039	2020		thư viện	1	22.136.000	13.739.750
39	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V - 02600022	2020		203,00	1	22.136.000	8.301.000
40	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-24S3KS-V - 02700055	2020		202,00	1	23.028.500	14.632.250

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

42	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - LG - B18ENDN - BSLWN186K3B0	2020		viện trưởng	1	16.792.500	6.297.188
47	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V - 02600040	2020	ĐH Toshiba	108,00	1	22.136.000	8.301.000
54	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - LG - 3H1S002A77758R	2020	ĐH Toshiba	207,00	1,0	16.792.500	6.297.188
55	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-13S3KS-V - 02700072	2020		208,00	1,0	16.792.500	8.396.250
61	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTXD50FVM - E001099	2018	41201842061993	106,00	1,0	19.778.682	2.472.335
62	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V - E086180	2018	41201842061994	104,00	1,0	19.778.682	2.472.335
63	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V - E022107	2018	41201842061995	103,00	1,0	19.778.682	2.472.335
66	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V - E083206	2018	41201842061996	210,00	1,0	19.778.682	2.472.335
67	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V - E085544	2018	41201842061997	211,00	1,0	19.778.682	2.472.335
69	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V - E086548	2018	41201842061998	216,00	1,0	19.778.682	2.472.335
70	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V - E086212	2018	41201842061999	217,00	1,0	19.778.682	2.472.335
71	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V - E086200	2018	41201842062000	218,00	1,0	19.778.682	2.472.335
72	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V - E022122	2018	41201842062001	219,00	1,0	19.778.682	2.472.335
75	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V - E058235	2018	41201842062002	hội trường	1,0	19.778.682	2.472.335
81	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V - 02700077	2020		314,00	1,0	22.136.000	8.301.000
82	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-24S3KS-V - 02700053	2019		315,00	1,0	23.028.500	5.757.125
83	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - MIDEA - MFJJ-50CRN1	2019	14201912062482	sân cầu lông	1,0	33.140.000	8.285.000
84	LAPTOP - HP - HP 240R G9 - 5CG4260JJN	2024	10202432030193	KHTH	1,0	15.895.000	12.716.000
85	LAPTOP - HP - HP 240R G9 - 5CG4260JK3	2024	10202432030207	208T6	1,0	15.895.000	12.716.000
86	MÁY ĐIỆN NÃO - CADWELL - EASY III - 1906IX90-09-004	2019	41201942160018	203,00	1,0	645.750.000	226.012.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

89	MÁY ĐIỆN TIM - NIHON KOHDEN - ECG-1250K - 14278	2019	41201942170142	204,00	1,0	65.000.000	22.750.000
93	MÁY HÚT DỊCH 2 BÌNH - BICAKCILAR - VACULINE MAXI	2018	41201812560615	102,00	1,0	43.050.000	10.762.500
94	MÁY KÍCH THÍCH TỪ XUYÊN SỌ - DEYMED DIAGNOSTIC - DUO MAG XT-100 - DM-XT 0722003	2020	41202042530408	204,00	1,0	1.932.000.000	869.400.000
96	MÁY TÍNH - DELL - DELL INSPIRION 3030 SFF - 2CVQT44	2024	41202432022920	215 T6	1,0	16.199.700	12.959.760
97	MÁY TÍNH - DELL - INSPIRION 3030 SFF - 2DVQT44	2024	41202432022928	103 T5	1,0	16.199.700	12.959.760
99	MÁY TÍNH - FPT - DUOE6500 - DUOE6500	2024	41202432022927	HC M3	1,0	16.199.700	12.959.760
100	MÁY TÍNH - DELL - DELL INSPIRION 3030SFF - 9CVQT44	2024	41202432022917	213 T6	1,0	16.199.700	12.959.760
101	MÁY TÍNH - DELL - DELL INSPIRION 3030SFF - 79VQT44	2024	41202432022918	309 M3	1,0	16.199.700	12.959.760
102	MÁY TÍNH - DELL - DELL INSPIRION 3030SFF - BCVQT44	2024	41202432022919	102 T5	1,0	16.199.700	12.959.760
103	MÁY TÍNH - DELL - DELL INSPIRION 3030SFF - 1CVQT44	2024	41202432022921	115 T6	1,0	16.199.700	12.959.760
104	MÁY TÍNH - DELL - DELL INSPIRION 3030SFF - 4DVQT44	2024	41202432022922	201 T4	1,0	16.199.700	12.959.760
105	MÁY TÍNH - DELL - DELL INSPIRION 3030SFF - 59VQT44	2024	41202432022923	305 T4	1,0	16.199.700	12.959.760
106	MÁY TÍNH - DELL - DELL INSPIRION 3030SFF - 7BVQT44	2024	41202432022925	119 T6	1,0	16.199.700	12.959.760
107	MÁY TÍNH - DELL - DELL INSPIRION 3030SFF - 1BVQT44	2024	41202432022926	301 T4	1,0	16.199.700	12.959.760
108	MÁY TÍNH - DELL - DELL INSPIRION 3030SFF - 89VQT44	2024	41202432022929	119 T6	1,0	16.199.700	12.959.760
109	MÁY TÍNH - DELL - DELL INSPIRION 3030SFF - J9VQT44	2024	41202432022930	101 T5	1,0	16.199.700	12.959.760
110	MÁY TÍNH - DELL - DELL OPTIPLEX 7020 - 7DWT754	2024	10202432023255	202T6	1,0	16.199.700	12.959.760
111	MÁY TÍNH - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL 7020 - 6RCM754	2024	10202432023263	201 T6	1,0	19.935.000	15.948.000
112	MÁY TÍNH - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL 7020 - 5MWT754	2024	10202432023247	101 T5	1,0	19.935.000	15.948.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

113	MÁY TÍNH - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL 7020 - 6FWT754	2024	10202432023439	101 T4	1,0	19.935.000	15.948.000
114	MÁY TÍNH - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL 7020 - DPCM754	2024	10202432023583	212 T4	1,0	19.935.000	15.948.000
115	MÁY TÍNH - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL 7020 - 4QCM754	2024	10202432023400	310,00	1,0	19.935.000	15.948.000
116	MÁY TÍNH - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL 7020 - 2DWT754	2024	10202432023341	116 T6	1,0	19.935.000	15.948.000
117	MÁY TÍNH - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL 7020 - 58WT754	2024	10202432023411	302 T4	1,0	19.935.000	15.948.000
118	MÁY TÍNH - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL 7020 - C8WT754	2024	10202432023548	110 T4	1,0	19.935.000	15.948.000
119	MÁY TÍNH - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL 7020 - 5XCM754	2024	10202432023430	118 T4	1,0	19.935.000	15.948.000
120	MÁY TÍNH - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL 7020 - D9WT754	2024	10202432023572	205 T6	1,0	19.935.000	15.948.000
121	MÁY TÍNH - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL 7020 - 45WT754	2024	10202432023383	113 T6	1,0	19.935.000	15.948.000
122	MÁY TÍNH - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL 7020 - 13WT754	2024	10202432023312	205 T6	1,0	19.935.000	15.948.000
123	MÁY TÍNH - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL 7020 - FNCM754	2024	10202432023606	103 T5	1,0	19.935.000	15.948.000
124	MÁY TÍNH - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL 7020 - 78WT754	2024	10202432023463	218 T6	1,0	19.935.000	15.948.000
125	MÁY TÍNH - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL 7020 - 7PCM754	2024	10202432023476	101 T4	1,0	19.935.000	15.948.000
129	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - 2FWT754	2024	10202432023342	phòng khám SKTT nhà K1	1,0	19.935.000	15.948.000
130	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 70205NCM754	2024	10202432023424	Khoa	1,0	19.935.000	15.948.000
	Cộng	-	-	-	**93**	**4.296.238.802**	**2.008.853.578**
XVI	**VIỆN TIM MẠCH**						
1	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010097	2019	37201918011015	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	8.746.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

2	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010099	2019	37201918011016	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	8.746.500
3	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010391	2019	05201918011017	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	8.746.500
4	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1811012508	2020	37202048011209	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
5	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1906010040	2020	37202048011206	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
6	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1906010064	2020	37202048011211	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
7	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010095	2020	37202048011217	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
8	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010288	2020	37202048011208	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
9	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010317	2020	37202048011220	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
10	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010348	2020	37202048011221	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
11	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010381	2020	37202048011219	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
12	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010054	2020	37202048011158	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
13	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010063	2020	37202048011156	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500

22140_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

14	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010254	2020	37202048011188	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
15	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010255	2020	37202048011169	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
16	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010256	2020	37202048011171	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
17	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010264	2020	37202048011170	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
18	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010266	2020	37202048011155	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
19	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010279	2020	37202048011167	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
20	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010283	2020	37202048011162	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
21	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010291	2020	37202048011164	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
22	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010301	2020	37202048011168	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
23	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010314	2020	37202048011160	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
24	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010321	2020	37202048011161	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
25	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 2001010003	2020	37202048011166	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

26	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 2001010065	2020	37202048011159	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
27	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 200101011	2020	37202048011189	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
28	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 2001010143	2020	37202048011187	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
29	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 2001010220	2020	37202048011186	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
30	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 2001010230	2020	37202048011165	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
31	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 2001010278	2020	37202048011157	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
32	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010250	2022	37202238012920	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
33	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010261	2021	37202138013000	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	13.200.000
34	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010276	2021	37202138013002	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	13.200.000
35	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010286	2022	37202238012921	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
36	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - XC 07 - 442	2020	37202043020578	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	13.860.000	6.237.000
37	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - XC 07 - 442	2020	37202043020579	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	13.860.000	6.237.000

22140_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

38	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTXD50DVMA	2018	37201842062256	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	19.880.300	2.485.038
39	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTXD50DVMA	2018	37201842062257	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	19.880.300	2.485.038
40	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - RXM35HVMV	2018	37201842062209	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	13.467.300	1.683.413
41	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - RXM35HVMV	2018	37201842062210	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	13.467.300	1.683.413
42	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - RXM35HVMV	2018	37201842062211	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	13.467.300	1.683.413
43	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - RXM35HVMV	2018	37201842062212	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	13.467.300	1.683.413
44	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - MITSUBISHI - RAS-H13S3KS-V - 62303700	2020	ĐH Toshiba	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	16.792.500	6.297.188
45	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-13S3AS-V	2020	ĐH Toshiba	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	16.792.500	6.297.188
46	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	22.136.000	8.301.000
47	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-24S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	23.028.500	8.635.688
48	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG 3 TAY QUAY - VIỆT THÁI	2018	37201848041122	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	19.750.000	4.937.500
49	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG 3 TAY QUAY - VIỆT THÁI	2018	37201848041123	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	19.750.000	4.937.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

50	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG 3 TAY QUAY - VIỆT THÁI	2018	37201848041124	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	19.750.000	4.937.500
51	GIƯỜNG ĐIỆN	2017	37201718040932	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	99.500.000	12.437.500
52	MÁY ĐIỆN TIM - NIHON KOHDEN - ECG-1250K - 16960	2023	05202332170955	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	71.400.000	53.550.000
53	MÁY ĐIỆN TIM 6 CẦN - NIHON KOHDEN - ECG-1250K - 15990	2020	37202012170160	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	69.000.000	31.050.000
54	MÁY HÚT DỊCH 2 BÌNH BICAKCILAR VACULINE MAXI	2018	37201842560620	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	43.050.000	10.762.500
55	MÁY PHÁ RUNG TIM - NIHON KOHDEN - TEC-5631K - 1187	2017	37201712240052	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	172.000.000	21.500.000
56	MÁY PHÁ RUNG TIM - NIHON KOHDEN - TEC-5631K - 12785	2020	37202032240629	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	169.000.000	76.050.000
57	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 26818	2019	37201912220668	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	169.000.000	59.150.000
58	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 27323	2020	37202042220747	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	169.000.000	76.050.000
59	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 27363	2019	37201912220669	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	169.000.000	59.150.000
60	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 27367	2020	37202042220746	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	169.000.000	76.050.000
61	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 27902	2020	37202042220762	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	169.000.000	76.050.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

62	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - COVIDIEN - BENNETT 840 - 3512201073	2020	37202032250709	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	645.000.000	290.250.000
63	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - COVIDIEN - BENNETT 840 - 3512201112	2020	37202032250710	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	645.000.000	290.250.000
64	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - EVENT MEDICAL - EVOLUTION 3E - EVL42427	2021	37202132250711	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	650.000.000	357.500.000
65	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRA20488	2021	37202132250712	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	640.000.000	352.000.000
66	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRA20489	2021	37202132250713	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	640.000.000	352.000.000
67	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRA20500	2021	20202132250612	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	640.000.000	352.000.000
68	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRA20504	2021	37202132250714	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	640.000.000	352.000.000
69	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRA20509	2021	37202132250715	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	640.000.000	352.000.000
70	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRA20516	2021	37202132250716	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	640.000.000	352.000.000
71	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - WBRA00597	2018	-	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	649.000.000	162.250.000
72	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - 2QVQT44	2024	37202432022955	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	16.199.700	12.959.760
73	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - 6MWT754	2024	10202432023448	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	19.935.000	15.948.000

22440_NGUYỄN THỊ YÊN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc BV NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

74	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - 6PCM754	2024	10202432023450	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	19.935.000	15.948.000
75	XE ĐẨY BỆNH NHÂN NGỒI LKL CCH0019-FS	2019	125201913020487	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	12.880.000	4.508.000
76	XE ĐẨY BỆNH NHÂN NGỒI LKL CCH0019-FS	2019	125201913020488	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	12.880.000	4.508.000
77	XE ĐẨY BỆNH NHÂN NGỒI LKL CCH0019-FS	2019	125201913020489	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	12.880.000	4.508.000
78	XE ĐẨY BỆNH NHÂN NGỒI LKL CCH0019-FS	2019	125201913020490	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	12.880.000	4.508.000
79	XE ĐẨY LƯU TRỮ Y DỤNG CỤ MAILIDA MACHAN SC32EMG	2020	37202043010083	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	33.000.000	14.850.000
80	XE ĐẨY LƯU TRỮ Y DỤNG CỤ MAILIDA MACHAN SC32EMG - BM20-P0248	2020	37202043010085	C1 - VIỆN TIM MẠCH	1	33.000.000	14.850.000
81	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V - E092408	2018	37201842062112	C2 - VIỆN TIM MẠCH	1	25.973.794	3.246.724
82	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V - E015646	2018	37201842062114	C2 - VIỆN TIM MẠCH	1	25.973.794	3.246.724
83	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V - E016100	2018	37201842062115	C2 - VIỆN TIM MẠCH	1	25.973.794	3.246.724
84	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V - E016092	2018	37201842062147	C2 - VIỆN TIM MẠCH	1	25.973.794	3.246.724
85	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V - E015642	2018	37201842062148	C2 - VIỆN TIM MẠCH	1	25.973.794	3.246.724

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

86	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-13S3KS-V - 02700074	2020	ĐH Toshiba	C2 - VIỆN TIM MẠCH	1	16.792.500	6.297.188
87	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-13S3KS-V - 02700050	2020	ĐH Toshiba	C2 - VIỆN TIM MẠCH	1	16.792.500	6.297.188
88	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010359	2019	37201918011019	C2 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	8.746.500
89	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010485	2021	37202138012945	C2 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	13.200.000
90	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010556	2021	37202138012946	C2 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	13.200.000
91	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010578	2021	37202138012947	C2 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	13.200.000
92	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010582	2021	37202138012948	C2 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	13.200.000
93	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010219	2021	37202138012949	C2 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	13.200.000
94	MÁY ĐIỆN TIM - NIHON KOHDEN - ECG-1250K - 9282	2018	37201842170108	C2 - VIỆN TIM MẠCH	1	65.000.000	16.250.000
95	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 13876	2018	37201842220527	C2 - VIỆN TIM MẠCH	1	167.000.000	41.750.000
96	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 27912	2020	37202042220761	C2 - VIỆN TIM MẠCH	1	169.000.000	76.050.000
97	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 27945	2020	37202042220764	C2 - VIỆN TIM MẠCH	1	169.000.000	76.050.000

22140_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:28:19

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

98	CÁNG 3 TAY QUAY - SUMMIT CARE - SMSC-003 - 013126-0026-00228	2019	43201943020503	C2 - VIỆN TIM MẠCH	1	33.000.000	11.550.000
99	GIƯỜNG 3 TAY QUAY	2017	37201718040887	C2 - VIỆN TIM MẠCH	1	19.750.000	2.962.500
100	GIƯỜNG 3 TAY QUAY - VIỆT THÁI	2017	37201718040888	C2 - VIỆN TIM MẠCH	1	19.750.000	2.962.500
101	GIƯỜNG 3 TAY QUAY	2017	37201718040889	C2 - VIỆN TIM MẠCH	1	19.750.000	2.962.500
102	GIƯỜNG 3 TAY QUAY	2017	37201718040890	C2 - VIỆN TIM MẠCH	1	19.750.000	2.962.500
103	XE ĐỂ VẬT TƯ, DỤNG CỤ CẤP CỨU BAILIDA	2020	37202043010083	C2 - VIỆN TIM MẠCH	1	29.700.000	13.365.000
104	CÁNG 1 TAY QUAY	2017	37201713020398	C2 - VIỆN TIM MẠCH	1	33.000.000	4.950.000
105	CÁNG 3 TAY QUAY	2019	37201943020496	C2 - VIỆN TIM MẠCH	1	33.000.000	11.550.000
106	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - 2MWQT44	2024	37202432022950	C2 - VIỆN TIM MẠCH	1	16.199.700	12.959.760
107	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - CMWQT44	2024	37202432022947	C2 - VIỆN TIM MẠCH	1	16.199.700	12.959.760
108	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - BGWT754	2024	10202432023531	C2 - VIỆN TIM MẠCH	1	19.935.000	15.948.000
109	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - T9WY754	2024	-	C2 - VIỆN TIM MẠCH	1	19.935.000	15.948.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

110	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - HWQT744	2024	-	C2 - VIỆN TIM MẠCH	1	16.170.000	12.936.000
111	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S	2024	37202432022933	C3 - VIỆN TIM MẠCH	1	16.199.700	12.959.760
112	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S	2024	37202432022936	C3 - VIỆN TIM MẠCH	1	16.199.700	12.959.760
113	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2018	37201842062149	C3 - VIỆN TIM MẠCH	1	25.973.794	3.246.724
114	CÂY NƯỚC NÓNG - 11723298	2021	-	C3 - VIỆN TIM MẠCH	1	14.630.000	2.926.000
115	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS - 18S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	C3 - VIỆN TIM MẠCH	1	22.136.000	8.301.000
116	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2018	37201842062150	C3 - VIỆN TIM MẠCH	1	25.973.794	3.246.724
117	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2018	37201842062151	C3 - VIỆN TIM MẠCH	1	25.973.794	3.246.724
118	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS - 13S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	C3 - VIỆN TIM MẠCH	1	16.792.500	6.297.188
119	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1701010574	2017	37201718010640	C3 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	3.123.750
120	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2109010561	2022	37202238012959	C3 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
121	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010547	2022	37202238012957	C3 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

122	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2109010508	2022	37202238012956	C3 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
123	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2109010553	2022	37202238012958	C3 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
124	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG 03 TAY QUAY - VIỆT THÁI	2017	37201218040357	C3 - VIỆN TIM MẠCH	1	19.750.000	2.962.500
125	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG 03 TAY QUAY - VIỆT THÁI	2017	-	C3 - VIỆN TIM MẠCH	1	19.750.000	2.962.500
126	MÁY HÚT ĐỜM - FLAEM NUOVA - 14A1030246	2017	37201712560587	C3 - VIỆN TIM MẠCH	1	15.225.000	1.903.125
127	MÁY THEO DÕI - NIHON KOHDEN - BMS 3562 - 27354	2019	37201912220670	C3 - VIỆN TIM MẠCH	1	169.000.000	59.150.000
128	MÁY THEO DÕI - NIHON KOHDEN -BSM-3562- 27908	2020	37202042220754	C3 - VIỆN TIM MẠCH	1	169.000.000	76.050.000
129	XE ĐẨY DỤNG CỤ CẤP CỨU - SUMMIT CARE - MACHAN SC 32EMG - BM20-P0249	2020	37202043010086	C3 - VIỆN TIM MẠCH	1	31.000.000	13.950.000
130	MÁY ĐIỆN TIM - NIHON KOHDEN - ECG1250 - 12956	2016	37201672170945	C3 - VIỆN TIM MẠCH	1	60.000.000	3.150.000
131	CÁNG NHỰA CẤP CỨU 1 TAY QUAY - ĐÀI LOAN	2019	37201943020495	C3 - VIỆN TIM MẠCH	1	33.000.000	11.550.000
132	CÁNG NHỰA CẤP CỨU 1 TAY QUAY - ĐÀI LOAN	2018	37201843020460	C3 - VIỆN TIM MẠCH	1	33.000.000	8.250.000
133	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - HLWQT44 - HLWQT44	2024	37202432022943	C3 - VIỆN TIM MẠCH	1	16.199.700	12.959.760
134	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTE50KV1	2018	37201842062224	C4 - TIM MẠCH	1	13.467.300	1.683.413

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

135	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE35MV1V9	2018	37201842061968	C4 - TIM MẠCH	1	13.296.998	1.662.125
136	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2018	37201842062298	C4 - TIM MẠCH	1	26.595.800	3.324.475
137	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2018	37201842062299	C4 - TIM MẠCH	1	26.595.800	3.324.475
138	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2018	37201842062300	C4 - TIM MẠCH	1	26.595.800	3.324.475
139	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-13S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	C4 - TIM MẠCH	1	16.792.500	6.297.188
140	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	C4 - TIM MẠCH	1	22.136.000	8.301.000
141	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - R22UAS	2018	37201842061969	C4 - TIM MẠCH	1	13.296.998	1.662.125
142	MÁY ĐIỆN TIM 6 CẦN - NIHON KOHDEN - ECG 1250K - 13441	2016	37201602150423	C4 - TIM MẠCH	1	60.000.000	3.150.000
143	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 26806	2019	37201912220672	C4 - TIM MẠCH	1	169.000.000	59.150.000
144	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 27352	2020	37202042220742	C4 - TIM MẠCH	1	169.000.000	76.050.000
145	Máy tính Dell Inspirion 3030SFF 7MWQT44	2024	37202432022933	C4 - TIM MẠCH	1	16.199.700	12.959.760
146	Máy tính Dell Inspirion 3030SFF 7NWQT44	2024	37202432022945	C4 - TIM MẠCH	1	16.199.700	12.959.760
147	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010339	2019	05201918011020	VIỆN TIM MẠCH- C5	1	24.990.000	8.746.500
148	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010496	2021	37202138012991	VIỆN TIM MẠCH- C5	1	24.000.000	13.200.000
149	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010507	2021	37202138012992	VIỆN TIM MẠCH- C5	1	24.000.000	13.200.000
150	CÁNG - SUPPLIER - SMSC-003 - 0131216-0025-2523	2018	37201843020461	VIỆN TIM MẠCH- C5	1	33.000.000	8.250.000
151	XE TIÊM CẤP CỨU	2021	71202143020643	VIỆN TIM MẠCH- C5	1	15.000.000	8.250.000
152	XE ĐẨY LƯU TRỮ Y DỤNG CỤ MAILIDA MACHAN SC32EMG	2020	37202043010081	VIỆN TIM MẠCH- C5	1	33.000.000	14.850.000
153	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - BNWQT44	2024	37202432022944	VIỆN TIM MẠCH- C5	1	16.199.700	12.959.760

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

154	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020SFF PLUS - GPCM754	2024	10202432023240	VIỆN TIM MẠCH- C5	1	19.935.000	15.948.000
155	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700N03 - 1701010588	2017	37201718010639	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	3.123.750
156	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700N03 - 1906010042	2019	37201918011022	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	8.746.500
157	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700N03 - 1907010242	2019	37201918011023	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	8.746.500
158	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700N03 - 1907010285	2019	37201918011024	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	8.746.500
159	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700N03 - 1907010307	2019	37201918011025	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	8.746.500
160	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700N03 - 1907010349	2019	37201918011026	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	8.746.500
161	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700N03 - 1907010374	2019	37201918011027	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	8.746.500
162	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700N03 - 1907010398	2019	37201918011028	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	8.746.500
163	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700N03 - 1906010164	2019	37201918010931	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	8.746.500
164	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700N03 - 1906010168	2019	37201918010930	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	8.746.500
165	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700N03 - 1907010275	2020	37202048011214	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
166	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700N03 - 2112010231	2021	37202138012967	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	13.744.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

167	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700N03 - 2112010167	2021	37202138012966	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	13.744.500
168	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TELF600N03 - 1812012187	2019	37201912230904	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	34.996.500	12.248.775
169	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TELF600N03 - 1812010273	2019	37201912230903	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	34.996.500	12.248.775
170	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 3 TAY QUAY - SUMMIT CARE - SMSC-003 - 0131216-0026-00240	2019	37201943020501	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	33.000.000	11.550.000
171	MÁY ĐIỆN TIM - NIHON KOHDEN - BSM3562 - 16985	2023	05202332170953	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	71.400.000	53.550.000
172	MÁY ĐIỀU TRỊ SUY GIÃN TĨNH MẠCH BẰNG LASER - NEOV - NEOV1940 - 1428	2023	37202338152905	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	1.250.000.000	937.500.000
173	MÁY PHÁ RUNG TIM - NIHON KOHDEN - BSM3562 - 10834	2020	37202012240619	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	169.000.000	76.050.000
174	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM3562 - 25449	2019	37201912220671	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	169.000.000	59.150.000
175	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM3562 - 27905	2020	37202042220760	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	169.000.000	76.050.000
176	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM3562 - 26810	2020	37202042220745	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	169.000.000	76.050.000
177	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM3562 - 25133	2019	37201912220651	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	169.000.000	59.150.000
178	BỒN RỬA TAY PHẪU THUẬT 2 VÒI - TUẤN NGỌC-VIỆT NAM - T - 0015686	2019	37201848160299	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	49.599.000	12.399.750

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

179	CÁNG 1 TAY QUAY	2017	37201713020412	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	33.000.000	4.950.000
180	CÁNG 1 TAY QUAY	2017	37201713020411	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	33.000.000	4.950.000
181	XE ĐẨY CẤP CỨU KAIXIANG - XD-10.2 - 202143029965	2021	-	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	15.000.000	8.250.000
182	MÁY ĐIỀU TRỊ SUY GIẢM TĨNH MẠCH BẰNG LASER - BIOLITEC - DUAL 45 - 0481-L	2019	37201912530385	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	1.600.000.000	880.000.000
183	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V - E019319	2018	37201842062301	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	26.595.800	3.324.475
184	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V - E019316	2018	37201842062302	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	26.595.800	3.324.475
185	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V - E019329	2018	37201842062106	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	25.973.794	3.246.724
186	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V - E019312	2018	37201842062107	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	25.973.794	3.246.724
187	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - 3P519059 - E002697	2018	37201842062108	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	25.973.794	3.246.724
188	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V - 02400016	2020	ĐH Toshiba	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	22.136.000	8.301.000
189	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-24S3KS-V - 02700013	2020	ĐH Toshiba	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	23.028.500	8.635.688
190	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - 7CWT754	2024	10202432023465	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	19.935.000	15.948.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

191	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - 1DWT754	2024	10202432023319	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	19.935.000	15.948.000
192	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - GPVQT44	2024	37202432022954	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	16.199.700	12.959.760
193	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - 7LCM754	2024	10202432023471	C6 - VIỆN TIM MẠCH	1	19.935.000	15.948.000
194	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1907010138	2019	37201918011036	C7 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	8.746.500
195	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1811012114	2019	37201918010914	C7 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	8.746.500
196	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1811012322	2019	37201918010913	C7 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	8.746.500
197	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010110	2019	37201918011029	C7 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	8.746.500
198	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010142	2019	37201918011030	C7 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	8.746.500
199	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010321	2019	37201918011031	C7 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	8.746.500
200	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010331	2019	37201918011032	C7 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	8.746.500
201	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010338	2019	37201918011033	C7 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	8.746.500
202	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1907010109	2020	37202048011218	C7 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

203	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1404012449	2018	37201808012968	C7 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	6.247.500
204	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1404012450	2018	37201808012969	C7 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	6.247.500
205	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1404012451	2018	37201808012970	C7 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	6.247.500
206	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1404012452	2018	37201808012971	C7 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	6.247.500
207	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1701010570	2017	37201718010641	C7 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	3.123.750
208	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1811012120	2019	37201918010912	C7 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	8.746.500
209	CÁNG - SUMMIT CARE - SMSC 003	2019	37201943020499	C7 - VIỆN TIM MẠCH	1	33.000.000	11.550.000
210	CÁNG - SUMMIT CARE - SMSC 003	2019	37201943020500	C7 - VIỆN TIM MẠCH	1	33.000.000	11.550.000
211	CÁNG - SUMMIT CARE - SMSC 003	2019	37201943020497	C7 - VIỆN TIM MẠCH	1	33.000.000	11.550.000
212	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-13S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	C7 - VIỆN TIM MẠCH	1	16.792.500	6.297.188
213	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-13S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	C7 - VIỆN TIM MẠCH	1	16.792.500	6.297.188
214	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-13S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	C7 - VIỆN TIM MẠCH	1	16.792.500	6.297.188

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Tho Giang - c B m vi n NGUYỄN TÙNG a ký, 03/10/2025 17:48:19
Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

215	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-13S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	C7 - VIỆN TIM MẠCH	1	16.792.500	6.297.188
216	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-13S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	C7 - VIỆN TIM MẠCH	1	16.792.500	6.297.188
217	GIƯỜNG 3 TAY QUAY	2017	37201718040884	C7 - VIỆN TIM MẠCH	1	19.750.000	2.962.500
218	GIƯỜNG 3 TAY QUAY	2021	37202148041189	C7 - VIỆN TIM MẠCH	1	17.000.000	9.350.000
219	MÁY PHÁ RUNG TIM NIHON KOHDEN TEC-5631K - NIHON KOHDEN - TEC-5631K - 1189	2017	37201712240051	C7 - VIỆN TIM MẠCH	1	172.000.000	25.800.000
220	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - PVM-2701 - 7641 - 23184	2019	37201912220649	C7 - VIỆN TIM MẠCH	1	169.000.000	59.150.000
221	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN 5 THÔNG SỐ NIHON KOHDEN BSM 3562 - 27915	2020	37202042220755	C7 - VIỆN TIM MẠCH	1	169.000.000	76.050.000
222	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN 5 THÔNG SỐ NIHON KOHDEN BSM 3562 - NIHON KOHDEN - BSM - 3562 - 23174	2019	37201912220650	C7 - VIỆN TIM MẠCH	1	169.000.000	59.150.000
223	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN NIHON KOHDEN BSM-3562 - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 27903	2020	37202042220765	C7 - VIỆN TIM MẠCH	1	169.000.000	76.050.000
224	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - 8MWQT44 - 8MWQT44	2024	37202432022949	C7 - VIỆN TIM MẠCH	1	16.199.700	12.959.760
225	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPRIRON 3030S	2024	37202432022941	C7 - VIỆN TIM MẠCH	1	16.199.700	12.959.760
226	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPRIRON 3030S - FMWQT44	2024	37202432022946	C7 - VIỆN TIM MẠCH	1	16.199.700	12.959.760

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

227	TỦ LẠNH BẢO QUẢN DƯỢC PHẨM - MELING - 190430022	2019	37201942062483	C7 - VIỆN TIM MẠCH	1	27.900.000	9.765.000
228	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010147	2019	37201918010905	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	8.746.500
229	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010342	2019	37201918010907	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	8.746.500
230	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010394	2019	37201918010903	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	8.746.500
231	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010064	2020	37202048011185	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
232	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010066	2020	37202048011179	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
233	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010074	2020	37202048011181	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
234	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010101	2020	37202048011180	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
235	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010113	2020	37202048011184	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
236	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010127	2020	37202048011173	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
237	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010139	2020	37202048011163	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
238	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010231	2019	37201918011034	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	8.746.500

22140_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

239	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010263	2020	37202048011172	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
240	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010293	2020	37202048011174	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
241	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010302	2020	37202048011182	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
242	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 2001010178	2020	37202048011176	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
243	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 2001010229	2020	37202048011183	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
244	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 2001010237	2020	37202048011177	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
245	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 2001010239	2020	37202048011175	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	11.245.500
246	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010486	2021	37202138012975	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	13.200.000
247	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010488	2021	37202138012976	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	13.200.000
248	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010493	2021	37202138012990	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	13.200.000
249	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010510	2021	37202138012993	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	13.200.000
250	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010513	2021	37202138012977	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	13.200.000

22140_NGUYỄN THỊ YẾN_ 07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

251	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010544	2021	37202138012996	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	13.200.000
252	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010574	2021	37202138012997	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	13.200.000
253	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010239	2021	37202138012978	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	13.200.000
254	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010269	2021	37202138012979	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	13.200.000
255	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010309	2022	37202248011295	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
256	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010313	2022	37202248011296	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
257	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010330	2022	37202248011302	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
258	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010332	2022	37202248011286	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
259	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010342	2022	37202248011317	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
260	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010346	2022	37202248011319	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
261	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010352	2022	37202248011312	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
262	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010220	2022	37202248011260	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000

22140_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

263	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010222	2022	37202248011234	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
264	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010225	2022	37202248011277	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
265	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010240	2022	37202248011258	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
266	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010255	2022	37202248011248	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
267	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010266	2022	37202248011253	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
268	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010293	2022	37202248011247	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
269	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010375	2022	37202248011268	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
270	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010388	2022	37202248011274	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
271	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010408	2022	37202248011225	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
272	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010411	2022	37202248011241	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
273	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010417	2022	37202248011230	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
274	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010432	2022	37202248011255	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000

22140_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

275	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010454	2022	37202248011231	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
276	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP-5520 - EM00761	2018	37201828010696	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	98.000.000	24.500.000
277	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP-5520 - EM00775	2018	37201828010695	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	98.000.000	24.500.000
278	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP-5520 - EM00777	2018	37201828010694	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	98.000.000	24.500.000
279	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP-5520 - EN01058	2022	37202238012706	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	93.000.000	60.450.000
280	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP-5520 - EN01060	2022	37202238012707	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	93.000.000	60.450.000
281	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP-5520 - EN01087	2022	37202238012709	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	93.000.000	60.450.000
282	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP-5520 - EN01088	2022	37202238012710	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	93.000.000	60.450.000
283	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP-5520 - EN01094	2022	37202238012701	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	93.000.000	60.450.000
284	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP-5520 - EN01095	2022	37202238012702	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	93.000.000	60.450.000
285	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP-5520 - EN01124	2022	37202238012711	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	93.000.000	60.450.000
286	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP-5520 - EN01135	2022	37202238012700	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	93.000.000	60.450.000

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

287	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP-5520 - EN01138	2022	37202238012699	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	93.000.000	60.450.000
288	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP-5520 - EN01150	2022	37202238012712	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	93.000.000	60.450.000
289	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP-5520 - EN01154	2022	37202238012708	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	93.000.000	60.450.000
290	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP-5520 - EN01178	2022	37202238012704	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	93.000.000	60.450.000
291	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP-5520 - EP01224	2022	37202238012693	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	93.000.000	60.450.000
292	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP-5520 - EP01225	2022	37202238012694	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	93.000.000	60.450.000
293	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP-5520 - EP01231	2022	37202238012695	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	93.000.000	60.450.000
294	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP-5520 - EP01245	2022	37202238012696	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	93.000.000	60.450.000
295	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP-5520 - EP01251	2022	37202238012697	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	93.000.000	60.450.000
296	CÁNG BỆNH NHÂN	2017	37201713020410	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	33.000.000	4.950.000
297	GIƯỜNG BỆNH NHÂN 2 TAY QUAY	2018	37201848041133	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	19.750.000	4.937.500

22140_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

298	HỆ THỐNG NỘI SOI PHẪU THUẬT TIM MẠCH - AESCULAP AG - PG150 LMD-X310MT PV640 (EDDY 3D) PV630 OP950 - 2401CE0154 8000990 1744 985751 1009433	2024	37202442430035	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	5.960.000.000	5.215.000.000
299	HỆ THỐNG PHẪU THUẬT TIM PHỔI NHÂN TẠO - LIVANOVA - SORIN S5 CONSOLE - 48E06956	2020	37202042470046	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	5.998.100.000	2.699.145.000
300	MÁY ĐIỆN TIM - NIHON KOHDEN - ECG-1250K - 15965	2020	37202012170162	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	69.000.000	31.050.000
301	MÁY ĐIỆN TIM - NIHON KOHDEN - ECG-1250K - 15972	2020	37202012170163	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	69.000.000	31.050.000
302	MÁY ĐO NỒNG ĐỘ OXY - MASIMO - ROOT - 2000037526	2019	37201912220704	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	647.400.000	226.590.000
303	MÁY PHÁ RUNG TIM - NIHON KOHDEN - TEC-5631 - 10833	2020	37202012240621	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	169.000.000	76.050.000
304	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 27896	2020	37202042220758	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	169.000.000	76.050.000
305	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 38111	2022	05202242221092	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	144.000.000	93.600.000
306	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 38129	2022	05202242221100	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	144.000.000	93.600.000
307	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 38136	2022	05202242221096	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	144.000.000	93.600.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

308	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 38150	2022	05202242221097	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	144.000.000	93.600.000
309	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 38155	2022	05202242221094	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	144.000.000	93.600.000
310	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 38168	2022	05202242221098	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	144.000.000	93.600.000
311	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 38184	2022	05202242221099	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	144.000.000	93.600.000
312	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 38190	2022	05202242221095	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	144.000.000	93.600.000
313	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 38191	2022	05202242221091	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	144.000.000	93.600.000
314	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 38192	2022	05202242221093	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	144.000.000	93.600.000
315	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 27365	2020	37202042220743	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	169.000.000	76.050.000
316	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 27909	2020	37202042220763	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	169.000.000	76.050.000
317	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - COVIDIEN - BENNETT 840 - 3512201078	2020	37202032250719	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	645.000.000	80.625.000
318	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - COVIDIEN - BENNETT 840 - 3512201121	2020	37202032250720	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	645.000.000	80.625.000
319	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	22.136.000	8.301.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

320	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	22.136.000	8.301.000
321	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	22.136.000	8.301.000
322	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - NAGAKAWA	2020	93202042062553	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	13.375.000	6.687.500
323	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	22.136.000	8.301.000
324	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	22.136.000	8.301.000
325	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	22.136.000	8.301.000
326	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	22.136.000	8.301.000
327	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ ÂM TRẦN - DAIKIN	2018	37201842062390	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	53.500.000	6.687.500
328	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ ÂM TRẦN - DAIKIN	2018	25201842062179	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	36.902.140	4.612.768
329	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ ÂM TRẦN - DAIKIN	2019	93201942062465	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	48.999.500	12.249.875
330	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - DELL INSPIRION 3030SFF INTEL CORE I5 – 14400 (10 CORE, 20M CACHE, UP TO 4.6 GHZ), 1 X 8GB DDR5 4400MT/S, SSD 512GB, WIFI + BT, WIN11 SL, NON DVDRW, 180W PSU, BÀN PHÍM VÀ CHUỘT - 2NWQT44	2024	37202432022951	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	16.199.700	12.959.760

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

331	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010392	2022	37202248011228	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
332	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010433	2022	37202248011236	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
333	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010362 - TERUMO - TE- SS700 - 2201010362	2022	37202248011238	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
334	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010249 - TERUMO - TE- SS700 - 2201010249	2022	37202248011240	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
335	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010260 - TERUMO - TE- SS700 - 2201010260	2022	37202248011242	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
336	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010235 - TERUMO - TE- SS700 - 2201010235	2022	37202248011243	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
337	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010247 - TERUMO - TE- SS700 - 2201010247	2022	37202248011245	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
338	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010295 - TERUMO - TE- SS700 - 2201010295	2022	37202248011246	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
339	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010374 - TERUMO - TE- SS700 - 2201010374	2022	37202248011251	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
340	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010399 - TERUMO - TE- SS700 - 2201010399	2022	37202248011256	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
341	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010425 - TERUMO - TE- SS700 - 2201010425	2022	37202248011264	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
342	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010223 - TERUMO - TE- SS700 - 2201010223	2022	37202248011265	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

343	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010272 - TERUMO - TE- SS700 - 2201010272	2022	37202248011269	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
344	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010381 - TERUMO - TE- SS700 - 2201010381	2022	37202248011271	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
345	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010351 - TERUMO - TE- SS700 - 2201010351	2022	37202248011272	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
346	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010259 - TERUMO - TE- SS700 - 2201010259	2022	37202248011276	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
347	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010334 - TERUMO - TE- SS700 - 2112010334	2022	37202248011283	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
348	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010302 - TERUMO - TE- SS700 - 2112010302	2022	37202248011308	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
349	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010336 - TERUMO - TE- SS700 - 2112010336	2022	37202248011324	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.000.000	15.600.000
350	ỐNG KÍNH SOI HOPKINS (10MM) - 122Y32	2019	37201928070155	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	162.850.000	56.997.500
351	ỐNG KÍNH SOI HOPKINS (5MM) KARL STORZ 26046 BA - 121EKM	2019	37201928070156	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	138.210.000	48.373.500
352	HỆ THỐNG GIỮ ỐNG NỘI SOI KARL STORZ 28272RKA	2019	37201922460056	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	86.570.000	30.299.500
353	MÁY THEO DÕI KHÍ MÁU LIÊN TỤC TRONG PHẪU THUẬT TIM TERUMO CDI SYSTEM 550 MONITOR - 1445	2019	37201912520017	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	559.999.400	195.999.790
354	ỐNG KÍNH NỘI SOI PHẪU THUẬT LẤY TĨNH MẠCH HIỂN TERUMO CDI MCEN DO550 - 801159	2019	37201918070157	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	179.999.400	62.999.790
355	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01942	2022	05202248012765	C8 - Viện tim mạch	1	93.000.000	60.450.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

356	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01943	2022	05202248012766	C8 - Viện tim mạch	1	93.000.000	60.450.000
357	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01944	2022	05202248012767	C8 - Viện tim mạch	1	93.000.000	60.450.000
358	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01945	2022	05202248012768	C8 - Viện tim mạch	1	93.000.000	60.450.000
359	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01946	2022	05202248012769	C8 - Viện tim mạch	1	93.000.000	60.450.000
360	XE ĐẨY LƯU TRỮ Y DỤNG CỤ MAILIDA MACHAN SC32EMG	2020	37202043010082	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	33.000.000	14.850.000
361	XE ĐẨY DỤNG CỤ CẤP CỨU SUMMIT CARE SEC 100	2019	37201943010067	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	36.000.000	12.600.000
362	XE ĐẨY DỤNG CỤ CẤP CỨU SUMMIT CARE SEC 100	2019	37201943010068	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	36.000.000	12.600.000
363	XE ĐẨY DỤNG CỤ CẤP CỨU SUMMIT CARE SEC 100	2019	37201943010069	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	36.000.000	12.600.000
364	BỘ DỤNG CỤ PHẪU THUẬT TIM HỞ ASANUS - 56 MỤC, 83 CÁI	2020	37202048020175	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	2.194.500.000	987.525.000
365	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010132 - 1907010132	2019	37201918010904	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	8.746.500
366	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010107 - 1907010107	2019	37201918010906	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	8.746.500
367	TỦ LẠNH BẢO QUẢN DƯỢC PHẨM 2-8OC MEILINH YC 75L	2019	37201942062485	C8 - VIỆN TIM MẠCH	1	27.900.000	9.765.000
368	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010133	2020	37202048011213	VIỆN TIM MẠCH- C9	1	24.990.000	11.245.500
369	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010148	2020	37202048011215	VIỆN TIM MẠCH- C9	1	24.990.000	11.245.500
370	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600. - 1606010240	2016	37201612230567	VIỆN TIM MẠCH- C9	1	34.996.500	1.749.825

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

371	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600. - 1607010972	2016	37201612230568	VIỆN TIM MẠCH- C9	1	34.996.500	1.749.825
372	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN - MEDICAL MASTER - MET 3300 - 0330117-003-1320	2020	37202043020541	VIỆN TIM MẠCH- C9	1	32.000.000	14.400.000
373	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V - E019360	2018	37201842062113	VIỆN TIM MẠCH- C9	1	25.973.794	3.246.724
374	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - FUNIKI - HSH18TMU - 2481R37S2411895H	2024	37202442023591	VIỆN TIM MẠCH- C9	1	10.340.000	9.047.500
375	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-13S3KS-V - 0.2400004	2020	ĐH Toshiba	VIỆN TIM MẠCH- C9	1	16.792.500	6.297.188
376	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-13S3KS-V - 0.2400038	2020	ĐH Toshiba	VIỆN TIM MẠCH- C9	1	16.792.500	6.297.188
377	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-13S3KS-V - 0.2400047	2020	ĐH Toshiba	VIỆN TIM MẠCH- C9	1	16.792.500	6.297.188
378	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-13S3KS-V - 0.270006.0	2020	ĐH Toshiba	VIỆN TIM MẠCH- C9	1	16.792.500	6.297.188
379	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-13S3KS-V - 0.2700061	2020	ĐH Toshiba	VIỆN TIM MẠCH- C9	1	16.792.500	6.297.188
380	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-13S3KS-V - 0.2700075	2020	ĐH Toshiba	VIỆN TIM MẠCH- C9	1	16.792.500	6.297.188
381	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-13S3KS-V - 0.2700087	2020	ĐH Toshiba	VIỆN TIM MẠCH- C9	1	16.792.500	6.297.188
382	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V - 0.2060062	2020	ĐH Toshiba	VIỆN TIM MẠCH- C9	1	22.136.000	8.301.000
383	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V - 0.2600016	2020	ĐH Toshiba	VIỆN TIM MẠCH- C9	1	22.136.000	8.301.000
384	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V - 0.2600026	2020	ĐH Toshiba	VIỆN TIM MẠCH- C9	1	22.136.000	8.301.000
385	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V - 0.2600034	2020	ĐH Toshiba	VIỆN TIM MẠCH- C9	1	22.136.000	8.301.000
386	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V - 0.2600041	2020	ĐH Toshiba	VIỆN TIM MẠCH- C9	1	22.136.000	8.301.000
387	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V - 0.2600055	2020	ĐH Toshiba	VIỆN TIM MẠCH- C9	1	22.136.000	8.301.000
388	MÁY ĐIỆN TIM - WELCH ALLYN - CP150 - 100009731217	2019	125201912170138	VIỆN TIM MẠCH- C9	1	64.755.000	22.664.250

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

389	MÁY ĐIỆN TIM 6 CẦN - NIHON KOHDEN - ECG-1250K - 12959	2017	37201712170101	VIỆN TIM MẠCH- C9	1	65.000.000	8.125.000
390	MÁY PHÁ RUNG TIM - NIHON KOHDEN - TEC-563112776 - 4633	2018	37201822220597	VIỆN TIM MẠCH- C9	1	178.000.000	44.500.000
391	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN 4 THÔNG SỐ - VISMO - PVM2701 - 4301	2018	37201872220610	VIỆN TIM MẠCH- C9	1	147.500.000	36.875.000
392	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN 4 THÔNG SỐ - VISMO - PVM2701 - 4305	2018	37201872220609	VIỆN TIM MẠCH- C9	1	147.500.000	36.875.000
393	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX - DPMC754	2024	-	VIỆN TIM MẠCH- C9	1	19.935.000	15.948.000
394	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - GLWQT44	2024	37202432022937	VIỆN TIM MẠCH- C9	1	16.199.700	12.959.760
395	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPISON 3030S - 8NVQT44	2024	37202432022953	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	16.199.700	12.959.760
396	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPISON 3030S - BPWQT44	2024	37202432022948	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	16.199.700	12.959.760
397	HỆ THỐNG MẠNG ĐIỆN THOẠI + HỆ THỐNG CAMERA	2019	52201942101045	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	96.844.000	9.684.400
398	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1701010504	2017	37201718010630	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	24.990.000	3.123.750
399	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1807010723	2018	37201828010715	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	24.990.000	6.247.500
400	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1807010779	2018	37201828010714	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	24.990.000	6.247.500
401	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1808010266	2019	37201918010882	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	24.990.000	8.746.500
402	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1810010109	2019	37201918010883	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	24.990.000	8.746.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

403	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1811011095	2019	37201948010897	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	24.990.000	8.746.500
404	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1811011145	2019	37201948010896	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	24.990.000	8.746.500
405	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010316	2019	37201918011038	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	24.990.000	8.746.500
406	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010230	2020	37202048011216	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	24.990.000	11.245.500
407	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010522	2022	05202238013027	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	24.000.000	15.600.000
408	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010540	2022	05202238013028	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	24.000.000	15.600.000
409	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010568	2022	05202238013029	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	24.000.000	15.600.000
410	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010579	2022	05202238013030	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	24.000.000	15.600.000
411	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010224	2022	05202238013031	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	24.000.000	15.600.000
412	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010226	2022	05202238013025	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	24.000.000	15.600.000
413	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010233	2022	05202238013032	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	24.000.000	15.600.000
414	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600. - 1810010166	2019	37201912230890	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	34.996.500	12.248.775

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

415	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600. - 1810010087	2019	37201912230891	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	34.996.500	12.248.775
416	CÁNG VẬN CHUYỂN ĐA NĂNG - SMSC - 003 - 131216002	2018	37201843020459	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	33.000.000	8.250.000
417	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - 3 TAY QUAY	2017	37201718040848	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	19.750.000	2.962.500
418	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - 3 TAY QUAY	2017	37201718040849	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	19.750.000	2.962.500
419	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - 3 TAY QUAY	2017	37201718040850	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	19.750.000	2.962.500
420	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - 3 TAY QUAY	2017	37201718040851	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	19.750.000	2.962.500
421	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - 3 TAY QUAY	2017	37201718040852	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	19.750.000	2.962.500
422	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - 3 TAY QUAY	2017	37201718040853	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	19.750.000	2.962.500
423	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - 3 TAY QUAY	2017	37201718040854	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	19.750.000	2.962.500
424	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - 3 TAY QUAY	2017	37201718040855	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	19.750.000	2.962.500
425	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - 3 TAY QUAY	2017	37201718040857	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	19.750.000	2.962.500
426	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - 3 TAY QUAY	2017	37201718040858	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	19.750.000	2.962.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

427	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - 3 TAY QUAY	2017	37201718040859	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	19.750.000	2.962.500
428	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - 3 TAY QUAY	2017	37201718040860	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	19.750.000	2.962.500
429	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - 3 TAY QUAY	2017	37201718040861	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	19.750.000	2.962.500
430	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - 3 TAY QUAY	2017	37201718040862	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	19.750.000	2.962.500
431	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - 3 TAY QUAY	2017	37201718040863	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	19.750.000	2.962.500
432	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - 3 TAY QUAY	2017	37201718040864	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	19.750.000	2.962.500
433	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - 3 TAY QUAY	2017	37201718040865	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	19.750.000	2.962.500
434	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - 3 TAY QUAY	2017	37201718040866	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	19.750.000	2.962.500
435	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - 3 TAY QUAY	2017	37201718040867	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	19.750.000	2.962.500
436	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - 3 TAY QUAY	2017	37201718040868	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	19.750.000	2.962.500
437	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - 3 TAY QUAY	2017	37201718040869	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	19.750.000	2.962.500
438	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - 3 TAY QUAY	2017	37201718040870	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	19.750.000	2.962.500

22140_NGUYỄN THỊ YẾN 07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TỪ NGUNG ký, 03/10/2025 17:48:19
22140_NGUYỄN THỊ YẾN 07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TỪ NGUNG ký, 03/10/2025 17:48:19

439	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - 3 TAY QUAY	2017	37201718040871	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	19.750.000	2.962.500
440	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - 3 TAY QUAY	2017	37201718040872	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	19.750.000	2.962.500
441	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - 3 TAY QUAY	2017	37201718040873	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	19.750.000	2.962.500
442	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - 3 TAY QUAY	2017	37201718040874	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	19.750.000	2.962.500
443	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - 3 TAY QUAY	2017	37201718040875	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	19.750.000	2.962.500
444	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - 3 TAY QUAY	2017	37201718040876	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	19.750.000	2.962.500
445	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - 3 TAY QUAY	2017	37201718040877	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	19.750.000	2.962.500
446	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - 3 TAY QUAY	2017	37201718040878	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	19.750.000	2.962.500
447	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - 3 TAY QUAY	2017	37201718040879	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	19.750.000	2.962.500
448	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - 3 TAY QUAY	2017	37201718040880	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	19.750.000	2.962.500
449	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - 3 TAY QUAY	2017	37201718040881	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	19.750.000	2.962.500
450	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - 3 TAY QUAY	2017	37201718040882	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	19.750.000	2.962.500

22140_NGUYỄN THỊ YẾN 07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TỪ NGUNG ký, 03/10/2025 17:48:19

451	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - 3 TAY QUAY	2018	37201848041145	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	19.750.000	4.937.500
452	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG - 3 TAY QUAY	2017	37201718040883	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	19.750.000	2.962.500
453	MÁY ĐIỆN TIM 6 CẦN - NIHON KOHDEN - ECG-1250K - 14816	2018	37201812170114	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	65.000.000	16.250.000
454	MÁY HÚT DỊCH 2 BÌNH - BICAKCILAR - VACULINE MAXI - 1329	2018	37201842560629	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	43.050.000	10.762.500
455	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 13885	2018	37201842220529	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	167.000.000	41.750.000
456	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 14006	2018	37201842220524	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	167.000.000	41.750.000
457	MÁY PHÁ RUNG TIM - NIHON KOHDEN - TEC-5631K - 6759	2019	37201912240601	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	178.000.000	62.300.000
458	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN 5 THÔNG SỐ - NIHON KOHDEN - BSM - 3562 - 21747	2019	37201912220648	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	169.000.000	59.150.000
459	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN 5 THÔNG SỐ - NIHON KOHDEN - BSM - 3562 - 21736	2019	37201912220647	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	169.000.000	59.150.000
460	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM - 3562 - 22588	2018	37201812220591	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	169.000.000	42.250.000
461	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 27950	2020	37202042220766	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	169.000.000	76.050.000
462	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 27898	2020	37202042220753	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	169.000.000	76.050.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

463	MÁY THỞ - GE - CARESCAPE R860 - CBRX02806	2018	37201822250388	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	649.000.000	162.250.000
464	MÁY THỞ - GE - CARESCAPE R860 - CBRA20492	2022	37202232250741	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	640.000.000	416.000.000
465	MÁY THỞ - COVIDIEN - VENTILATOR 840 - 3512182185	2019	37201912250459	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	645.000.000	225.750.000
466	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600. - 1607011008	2016	37201612230580	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	34.996.500	1.749.825
467	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600. - 1607010996	2016	37201612230581	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	34.996.500	1.749.825
468	XE CẤP CỨU - BAILIDA - SEC-100	2018	37201843010058	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	36.000.000	9.000.000
469	XE CẤP CỨU - BAILIDA - SEC-100 - 25819	2018	37201843010057	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	36.000.000	9.000.000
470	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 03 TAY QUAY SMSC-003 -	2018	37201813020437	VIỆN TIM MẠCH- Q1	1	33.000.000	8.250.000
471	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPISON 3030S - JMWQT44	2024	37202432022938	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	16.199.700	12.959.760
472	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPISON 3030S - 2PWQT44	2024	37202432022935	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	16.199.700	12.959.760
473	HỆ THỐNG CAMERA	2019	14201942100872	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	99.954.250	9.995.425
474	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1509010709	2020	37202048011222	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	24.990.000	11.245.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

475	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010491	2022	05202238013026	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	24.000.000	15.600.000
476	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010213	2021	37202138012998	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	24.000.000	13.200.000
477	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600 - 1607010981	2016	37201612230578	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	34.996.500	1.749.825
478	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600 - 1607010989	2016	37201612230569	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	34.996.500	1.749.825
479	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG	2017	37201718040846	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	19.750.000	2.962.500
480	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG	2017	37201718040809	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	19.750.000	2.962.500
481	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG	2017	37201718040810	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	19.750.000	2.962.500
482	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG	2017	37201718040811	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	19.750.000	2.962.500
483	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG	2017	37201718040812	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	19.750.000	2.962.500
484	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG	2017	37201718040813	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	19.750.000	2.962.500
485	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG	2017	37201718040814	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	19.750.000	2.962.500
486	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG	2017	37201718040815	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	19.750.000	2.962.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

487	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG	2017	37201718040816	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	19.750.000	2.962.500
488	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG	2017	37201718040817	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	19.750.000	2.962.500
489	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG	2017	37201718040818	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	19.750.000	2.962.500
490	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG	2017	37201718040819	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	19.750.000	2.962.500
491	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG	2017	37201718040820	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	19.750.000	2.962.500
492	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG	2017	37201718040821	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	19.750.000	2.962.500
493	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG	2017	37201718040822	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	19.750.000	2.962.500
494	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG	2017	37201718040823	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	19.750.000	2.962.500
495	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG	2017	37201718040824	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	19.750.000	2.962.500
496	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG	2017	37201718040825	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	19.750.000	2.962.500
497	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG	2017	37201718040826	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	19.750.000	2.962.500
498	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG	2017	37201718040827	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	19.750.000	2.962.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

499	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG	2017	37201718040828	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	19.750.000	2.962.500
500	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG	2017	37201718040829	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	19.750.000	2.962.500
501	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG	2017	37201718040830	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	19.750.000	2.962.500
502	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG	2017	37201718040831	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	19.750.000	2.962.500
503	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG	2017	37201718040832	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	19.750.000	2.962.500
504	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG	2017	37201718040833	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	19.750.000	2.962.500
505	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG	2017	37201718040834	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	19.750.000	2.962.500
506	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG	2017	37201718040835	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	19.750.000	2.962.500
507	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG	2017	37201718040836	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	19.750.000	2.962.500
508	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG	2017	37201718040837	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	19.750.000	2.962.500
509	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG	2017	37201718040838	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	19.750.000	2.962.500
510	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG	2017	37201718040839	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	19.750.000	2.962.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

511	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG	2017	37201718040840	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	19.750.000	2.962.500
512	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG	2017	37201718040841	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	19.750.000	2.962.500
513	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG	2017	37201718040842	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	19.750.000	2.962.500
514	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG	2017	37201718040843	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	19.750.000	2.962.500
515	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG	2017	37201718040844	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	19.750.000	2.962.500
516	MÁY ĐIỆN TIM - NIHON KOHDEN - ECG-1250K - 12960	2017	37201718040845	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	65.000.000	8.125.000
517	MÁY HÚT DỊCH - FLAEM NOUVA - PS11P00 - 14A1030254	2017	37201712560588	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	15.225.000	2.283.750
518	MÁY PHÁ RUNG TIM - NIHON KOHDEN - TEC-5631K - 2889	2017	37201712240054	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	172.000.000	25.800.000
519	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 04800	2017	-	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	167.000.000	41.750.000
520	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 13884	2018	37201872220614	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	167.000.000	41.750.000
521	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 13897	2018	37201842220523	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	167.000.000	41.750.000
522	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - PVM-2701 - 05274	2018	37201842220528	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	167.000.000	41.750.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

523	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN XC 07	2020	37202043020580	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	13.860.000	6.237.000
524	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN XC 07	2020	-	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	13.860.000	6.237.000
525	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN XC 07	2020	-	VIỆN TIM MẠCH- Q2	1	13.860.000	6.237.000
526	BỘ MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN DELL - DELL - OPTIPLEX 7020 SFT PLUS - 6LCM754	2024	10202432023237	YÊU CẦU - VIỆN TIM MẠCH	1	19.935.000	15.948.000
527	BỘ MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN DELL - DELL - OPTIPLEX 7020 SFT PLUS - D5WT754	2024	10202432023228	YÊU CẦU - VIỆN TIM MẠCH	1	19.935.000	15.948.000
528	BỘ MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN DELL - DELL - OPTIPLEX 7020 SFT PLUS - DBW1754	2024	05201712022555	YÊU CẦU - VIỆN TIM MẠCH	1	19.935.000	15.948.000
529	BỘ MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN FPT	2020	37202042022798	YÊU CẦU - VIỆN TIM MẠCH	1	27.600.000	12.420.000
530	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1701010591	2017	37201718010847	YÊU CẦU - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	3.123.750
531	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1701010641	2017	37201718010655	YÊU CẦU - VIỆN TIM MẠCH	1	24.990.000	3.123.750
532	CÁNG 3 TAY QUAY	2020	37202043020581	YÊU CẦU - VIỆN TIM MẠCH	1	13.860.000	6.237.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

533	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG TOSHIBA 13000 BTU - TOSHIBA - RAS-13S3KS-V - 02400030	2020	ĐH Toshiba	YÊU CẦU - VIỆN TIM MẠCH	1	16.792.500	6.297.188
534	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG TOSHIBA 18000 BTU - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V - 02600024	2020	ĐH Toshiba	YÊU CẦU - VIỆN TIM MẠCH	1	22.136.000	8.301.000
535	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG TOSHIBA 18000 BTU - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V - 02600057	2020	ĐH Toshiba	YÊU CẦU - VIỆN TIM MẠCH	1	22.136.000	8.301.000
536	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG TOSHIBA 24000 BTU - TOSHIBA - RAS-24S3KS-V - 02700051	2020	ĐH Toshiba	YÊU CẦU - VIỆN TIM MẠCH	1	23.028.500	8.635.688
537	HỆ THỐNG ĐIỆN TIM GẮNG SỨC - PHILIPS - ST80I - US01902148	2020	37202042170157	YÊU CẦU - VIỆN TIM MẠCH	1	1.067.400.000	480.330.000
538	Hệ thống Holter điện tim 24 giờ Philips - Máy và phụ kiện DigiTrak XT	2017	37201712150206	YÊU CẦU - VIỆN TIM MẠCH	1	635.000.000	254.000.000
539	HỆ THỐNG HOLTER ĐIỆN TIM DIGITRAL XT	2022	37202242150413	YÊU CẦU - VIỆN TIM MẠCH	1	993.000.000	645.450.000
540	HỆ THỐNG HOLTER ĐIỆN TIM DIGITRAL XT	2022	37202242150414	YÊU CẦU - VIỆN TIM MẠCH	1	993.000.000	645.450.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

541	HỆ THỐNG HOLTER HUYẾT ÁP ABPM 7100 BAO GỒM: HOLTER HUYẾT ÁP - WELCH ALLYN - ABPM 7100 - 21W20058; HOLTER HUYẾT ÁP - WELCH ALLYN - ABPM 7100 - 21W20059; HOLTER HUYẾT ÁP - WELCH ALLYN - ABPM 7100 - 21W20060 - WELCH ALLYN - ABPM 7100 - 21W20058	2022	37202242150415	THEO YÊU CẦU - VIỆN TIM MẠCH	1	425.000.000	276.250.000
542	HỆ THỐNG HOLTER HUYẾT ÁP ABPM 7100 BAO GỒM: HOLTER HUYẾT ÁP - WELCH ALLYN - ABPM 7100 - 21W20061; HOLTER HUYẾT ÁP - WELCH ALLYN - ABPM 7100 - 21W20062; HOLTER HUYẾT ÁP - WELCH ALLYN - ABPM 7100 - 21W20067 - WELCH ALLYN - ABPM 7100 - 21W20061	2022	37202242150416	THEO YÊU CẦU - VIỆN TIM MẠCH	1	425.000.000	276.250.000
543	MÁY CHẨN ĐOÁN XƠ VỮA MẠCH MÁU - FUKUDA - VS-2000 - 50300266	2019	37201992530380	THEO YÊU CẦU - VIỆN TIM MẠCH	1	518.300.000	181.405.000
544	MÁY CHẨN ĐOÁN XƠ VỮA MẠCH MÁU - FUKUDA - VS-2000 - 50300273	2019	37201992530379	YÊU CẦU - VIỆN TIM MẠCH	1	518.300.000	181.405.000
545	MÁY ĐIỆN TIM - NIHON KOHDEN - ECG-1250K - 13428	2017	37201712170102	YÊU CẦU - VIỆN TIM MẠCH	1	65.000.000	8.125.000
546	MÁY ĐIỆN TIM - NIHON KOHDEN - ECG-1250K - 14781	2019	37201942170144	YÊU CẦU - VIỆN TIM MẠCH	1	65.000.000	22.750.000
547	MÁY ĐIỆN TIM - NIHON KOHDEN - ECG-1250K - 14782	2019	37201942170143	YÊU CẦU - VIỆN TIM MẠCH	1	65.000.000	22.750.000
548	MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG OMRON - OMRON - HP9020 - 02005416LF	2018	37201822150243	YÊU CẦU - VIỆN TIM MẠCH	1	64.990.000	16.247.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

549	MÁY SIÊU ÂM - GE - VIVID E95 - SW32276TYP5	2019	37201992210152	THIẾU YÊU CẦU - VIỆN TIM MẠCH	1	5.198.600.000	1.819.510.000
550	MÁY SIÊU ÂM - GE - VIVID S70N - 002504S70N	2017	37201712210104	THIẾU YÊU CẦU - VIỆN TIM MẠCH	1	2.393.500.000	957.400.000
551	MÁY SIÊU ÂM - GE - VIVID S70N - 002511S70N	2017	37201712210105	THIẾU YÊU CẦU - VIỆN TIM MẠCH	1	2.393.500.000	957.400.000
552	MÁY SIÊU ÂM - GE - VIVID S70N - 110022S70N	2019	37201992210153	THIẾU YÊU CẦU - VIỆN TIM MẠCH	1	3.485.680.000	1.219.988.000
553	MÁY SIÊU ÂM - GE - VIVID T8 - 6026088WXO	2024	20202442210201	THIẾU YÊU CẦU - VIỆN TIM MẠCH	1	1.150.000.000	1.006.250.000
554	MÁY SIÊU ÂM - PHILIPS - AFFINITI 70G - US018F1382	2019	125201912210146	THIẾU YÊU CẦU - VIỆN TIM MẠCH	1	2.098.540.000	734.489.000
555	MÁY SIÊU ÂM - PHILIPS - AFFINITI 70G - US121F1785	2022	37202242210191	THIẾU YÊU CẦU - VIỆN TIM MẠCH	1	1.895.000.000	1.231.750.000
556	MÁY SIÊU ÂM - PHILIPS - AFFINITI 70G - US719F2151	2019	37201992210159	THIẾU YÊU CẦU - VIỆN TIM MẠCH	1	2.497.716.000	874.200.600
557	MÁY SIÊU ÂM - PHILIPS - AFFINITI 70G - US822F2203	2022	37202242210193	THIẾU YÊU CẦU - VIỆN TIM MẠCH	1	2.255.000.000	1.465.750.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

558	MÁY SIÊU ÂM - PHILIPS - EPIQ 7 - US317B0975	2017	37201712210103	THIẾU YÊU CẦU - VIỆN TIM MẠCH	1	3.895.000.000	1.558.000.000
559	MÁY SIÊU ÂM - PHILIPS - EPIQ CVX - US819B1226	2019	37201992210156	YÊU CẦU - VIỆN TIM MẠCH	1	5.727.650.000	2.004.677.500
560	MÁY SIÊU ÂM - SIEMENS - ACUSON SC2000 - 404638	2019	37201992210154	YÊU CẦU - VIỆN TIM MẠCH	1	4.895.100.000	1.713.285.000
561	MÁY THEO DÕI SPO2 BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 15550	2018	37201842220543	YÊU CẦU - VIỆN TIM MẠCH	1	167.000.000	41.750.000
562	MÁY THEO DÕI SPO2 BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 27943	2020	37202042220757	YÊU CẦU - VIỆN TIM MẠCH	1	169.000.000	76.050.000
563	MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG ĐỂ BÀN - OMRON - HBP-9020 - 02005386LF	2018	-	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	64.990.000	16.247.500
564	MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG ĐỂ BÀN OMRON HBP 9020 - OMRON - HBP-9020 - 02005659LF	2018	37201822150235	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	64.990.000	16.247.500
565	MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG ĐỂ BÀN OMRON HBP 9020 - OMRON - HBP-9020 - 02005651LF	2018	37201822150236	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	64.990.000	16.247.500
566	MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG ĐỂ BÀN OMRON HBP 9020 - OMRON - HBP-9020 - 02005686LF	2018	37201822150237	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	64.990.000	16.247.500
567	MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG ĐỂ BÀN OMRON HBP 9020 - OMRON - HBP-9020 - 02005711LF	2018	37201822150238	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	64.990.000	16.247.500
568	MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG ĐỂ BÀN OMRON HBP 9020 - OMRON - HBP-9020 - 02005681LF	2018	37201822150239	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	64.990.000	16.247.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

569	MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG ĐỂ BÀN OMRON HBP 9020 - OMRON - HBP-9020 - 02005655LF	2018	37201822150240	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	64.990.000	16.247.500
570	MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG ĐỂ BÀN OMRON HBP 9020 - OMRON - HBP-9020 - 02005710LF	2018	37201822150241	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	64.990.000	16.247.500
571	MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG ĐỂ BÀN OMRON HBP 9020 - OMRON - HBP-9020 - 02005712LF	2018	37201822150242	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	64.990.000	16.247.500
572	MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG ĐỂ BÀN OMRON HBP 9020 - OMRON - HBP-9020 - 02005683LF	2018	37201822150244	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	64.990.000	16.247.500
573	MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG ĐỂ BÀN OMRON HBP 9020 - OMRON - HBP-9020 - 02005418LF	2018	37201822150245	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	64.990.000	16.247.500
574	MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG ĐỂ BÀN OMRON HBP 9020 - OMRON - HBP-9020 - 02005644LF	2018	37201822150246	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	64.990.000	16.247.500
575	MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG ĐỂ BÀN OMRON HBP 9020 - OMRON - HBP-9020 - 02005658LF	2018	37201822150247	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	64.990.000	16.247.500
576	MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG ĐỂ BÀN OMRON HBP 9020 - OMRON - HBP-9020 - 02005694LF	2018	37201822150249	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	64.990.000	16.247.500
577	MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG ĐỂ BÀN OMRON HBP 9020 - OMRON - HBP-9020 - 02005652LF	2018	37201822150250	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	64.990.000	16.247.500
578	MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG ĐỂ BÀN OMRON HBP 9020 - OMRON - HBP-9020 - 02005641LF	2018	37201822150251	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	64.990.000	16.247.500
579	MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG ĐỂ BÀN OMRON HBP 9020 - OMRON - HBP-9020 - 02005688LF	2018	37201822150252	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	64.990.000	16.247.500
580	MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG ĐỂ BÀN OMRON HBP 9020 - OMRON - HBP-9020 - 02005696LF	2018	37201822150253	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	64.990.000	16.247.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

581	MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG ĐỂ BÀN OMRON HBP 9020 - OMRON - HBP-9020 - 02005689LF	2018	37201822150254	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	64.990.000	16.247.500
582	MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG ĐỂ BÀN OMRON HBP 9020 - OMRON - HBP-9020 - 02006515LF	2019	37201912150338	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	64.990.000	22.746.500
583	MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG ĐỂ BÀN OMRON HBP 9020 - OMRON - HBP-9020 - 02006579LF	2019	37201912150339	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	64.990.000	22.746.500
584	MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG ĐỂ BÀN OMRON HBP 9020 - OMRON - HBP-9020 - 02006583LF	2019	37201912150340	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	64.990.000	22.746.500
585	MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG ĐỂ BÀN OMRON HBP 9020 - OMRON - HBP-9020 - 02006582LF	2019	37201912150341	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	64.990.000	22.746.500
586	MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG ĐỂ BÀN OMRON HBP 9020 - OMRON - HBP-9020 - 02006581LF	2019	37201912150342	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	64.990.000	22.746.500
587	MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG ĐỂ BÀN OMRON HBP 9020 - OMRON - HBP-9020 - 02006570LF	2019	37201912150343	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	64.990.000	22.746.500
588	MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG ĐỂ BÀN OMRON HBP 9020 - OMRON - HBP-9020 - 02006521LF	2019	37201912150344	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	64.990.000	22.746.500
589	MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG ĐỂ BÀN OMRON HBP 9020 - OMRON - HBP-9020 - 02006585LF	2019	37201912150345	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	64.990.000	22.746.500
590	MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG ĐỂ BÀN OMRON HBP 9020 - OMRON - HBP-9020 - 02006590LF	2019	37201912150346	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	64.990.000	22.746.500
591	MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG ĐỂ BÀN OMRON HBP 9020 - OMRON - HBP-9020 - 02006516LF	2019	37201912150347	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	64.990.000	22.746.500
592	MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG ĐỂ BÀN OMRON HBP 9020 - OMRON - HBP-9020 - 02006512LF	2019	37201912150348	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	64.990.000	22.746.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

593	MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG ĐỂ BÀN OMRON HBP 9020 - OMRON - HBP-9020 - 02006589LF	2019	37201912150349	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	64.990.000	22.746.500
594	MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG ĐỂ BÀN OMRON HBP 9020 - OMRON - HBP-9020 - 02006588LF	2019	37201912150350	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	64.990.000	22.746.500
595	MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG ĐỂ BÀN OMRON HBP 9020 - OMRON - HBP-9020 - 02006519LF	2019	37201912150351	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	64.990.000	22.746.500
596	MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG ĐỂ BÀN OMRON HBP 9020 - OMRON - HBP-9020 - 02006536LF	2019	37201912150337	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	64.990.000	22.746.500
597	MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG ĐỂ BÀN OMRON HBP 9020 - OMRON - HBP-9020 - 02005705LF	2018	37201822150248	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	64.990.000	16.247.500
598	MÁY ĐIỆN TIM 24/24 PHILIPS DIGITRAK XT - US11744728	2018	37201822170115	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	90.000.000	22.500.000
599	MÁY ĐIỆN TIM 24/24 PHILIPS DIGITRAK XT - US11744738	2018	37201822170116	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	90.000.000	22.500.000
600	MÁY ĐIỆN TIM 24/24 PHILIPS DIGITRAK XT - US11746621	2018	37201822170117	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	90.000.000	22.500.000
601	MÁY GHI HUYẾT ÁP 24/24 IEM ABPM 7100 - W08012	2018	37201822150255	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	80.000.000	20.000.000
602	MÁY GHI HUYẾT ÁP 24/24 IEM ABPM 7100 - W08014	2018	37201822150256	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	80.000.000	20.000.000
603	MÁY ĐIỆN TIM 6 CẦN WELCH CP150 - 100009641217	2018	37201822170119	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	65.000.000	16.250.000
604	MÁY ĐIỆN TIM 6 CẦN WELCH CP150 - 100009641217	2018	37201822170118	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	65.000.000	16.250.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

605	PHẦN MỀM GHI NHẬN, QUẢN LÝ BỆNH NHÂN NHỒI MÁU CƠ TIM	2019	71201928200075	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	216.686.260	54.171.565
606	BỘ MÔ HÌNH MÔ PHỎNG (SIMULATOR) SIÊU ÂM TIM	2019	37201918120148	VIỆN TIM MẠCH-DỰ ÁN	1	2.000.000.000	700.000.000
607	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - 6PWQT44	2024	37202432022934	ĐIỆN TÂM ĐỒ - VIỆN TIM MẠCH	1	16.199.700	12.959.760
608	HỆ THỐNG MÁY NGHIỆM PHÁP GẮNG SỨC ĐTĐ - PHILIPS - ST80I - 10781839	2021	37202132170947	ĐIỆN TÂM ĐỒ - VIỆN TIM MẠCH	1	600.000.000	450.000.000
609	MÁY SỐC TIM - NIHON KOHDEN - TEC 5631	2020	-	ĐIỆN TÂM ĐỒ - VIỆN TIM MẠCH	1	169.000.000	76.050.000
610	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 - HPCM754	2024	10202432023233	VIỆN TIM MẠCH-siêu âm	1	19.935.000	15.948.000
611	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - 9PWQT44	2024	37202432022942	VIỆN TIM MẠCH-siêu âm	1	16.199.700	12.959.760
612	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 - 3QCM754	2024	10202432023234	VIỆN TIM MẠCH-siêu âm	1	19.935.000	15.948.000
613	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 - GQCM754	2024	10202432023227	VIỆN TIM MẠCH-siêu âm	1	19.935.000	15.948.000
614	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - 8NWQT44	2024	37202432022940	VIỆN TIM MẠCH-siêu âm	1	16.199.700	12.959.760
615	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 - 3RCM754	2024	10202432023244	VIỆN TIM MẠCH-siêu âm	1	19.935.000	15.948.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

616	MÁY SIÊU ÂM - GE - VIVID S70N - 110031S70N	2019	37201992210149	VIỆN TIM MẠCH-siêu âm	1	3.198.600.000	1.119.510.000
617	MÁY SIÊU ÂM - GE - VIVID S70N - 100357S70N	2019	37201992210150	VIỆN TIM MẠCH-siêu âm	1	2.486.680.000	870.338.000
618	MÁY SIÊU ÂM - PHILIPS - AFFIINITI 50G - US - 816D0855	2016	37201642210095	VIỆN TIM MẠCH-siêu âm	1	1.595.000.000	79.750.000
619	MÁY SIÊU ÂM - PHILIPS - AFFIINITI 50G - US - 018D1443	2018	37201822210127	VIỆN TIM MẠCH-siêu âm	1	1.799.000.000	449.750.000
620	MÁY SIÊU ÂM - PHILIPS - AFFIINITI 70G - US - 522F0612	2022	37202242210189	VIỆN TIM MẠCH-siêu âm	1	1.895.000.000	1.231.750.000
621	MÁY SIÊU ÂM - PHILIPS - AFFIINITI 70G - US - 419F1285	2019	37201992210157	VIỆN TIM MẠCH-siêu âm	1	2.489.620.000	871.367.000
622	MÁY SIÊU ÂM - PHILIPS - AFFIINITI 70G - US - 822F2202	2022	37202242210192	VIỆN TIM MẠCH-siêu âm	1	2.255.000.000	1.465.750.000
623	MÁY SIÊU ÂM - PHILIPS - AFFIINITI 50G - US - 419D1282	2019	37201992210158	VIỆN TIM MẠCH-siêu âm	1	1.985.624.000	694.968.400
624	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM - 3562K - 27324	2020	37202042220744	VIỆN TIM MẠCH-siêu âm	1	169.000.000	76.050.000
625	XE CẤP CỨU NHIỀU TẦNG XD-10.2	2021	37202143020607	VIỆN TIM MẠCH-siêu âm	1	15.000.000	8.250.000
626	BỘ DỤNG CỤ CẢN TIA BARRAY ANTIMONY (ÁO VEST V51234, VÁY S54862)	2019	37201948110169	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	33.200.000	11.620.000
627	BỘ DỤNG CỤ CẢN TIA BARRAY ANTIMONY (ÁO VEST V51234, VÁY S54862)	2019	37201948110170	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	33.200.000	11.620.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

628	BỘ DỤNG CỤ CẢN TIA BARRAY ANTIMONY (ÁO VEST V51234, VÁY S54862)	2019	37201948110171	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	33.200.000	11.620.000
629	BỘ DỤNG CỤ CẢN TIA BARRAY ANTIMONY (ÁO VEST V51234, VÁY S54862)	2019	37201948110172	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	33.200.000	11.620.000
630	BỘ DỤNG CỤ CẢN TIA BARRAY ANTIMONY (ÁO VEST V51234, VÁY S54862)	2019	37201948110173	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	33.200.000	11.620.000
631	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700N03 - 1607010888	2017	37201718010642	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	24.990.000	3.123.750
632	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700N03 - 1608010001	2017	37201718010643	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	24.990.000	3.123.750
633	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700N03 - 1807010827	2018	37201828010713	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	24.990.000	6.247.500
634	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700N03 - 1808010238	2019	37201918010881	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	24.990.000	8.746.500
635	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700N03 - 1811012191	2020	37202048011210	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	24.990.000	11.245.500
636	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700N03 - 1906010192	2020	37202048011207	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	24.990.000	11.245.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

637	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700N03 - 1907010045	2020	37202048011212	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	24.990.000	11.245.500
638	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700N03 - 1907010102	2019	37201918011035	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	24.990.000	8.746.500
639	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010521	2021	37202138012995	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	24.000.000	13.200.000
640	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010244	2021	37202138012999	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	24.000.000	13.200.000
641	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010270	2021	37202138013001	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	24.000.000	13.200.000
642	BỒN RỬA TAY PHẪU THUẬT 2 VÒI - BR-02	2018	37201942190036	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	90.000.000	31.500.000
643	BỒN RỬA TAY PHẪU THUẬT 2 VÒI - BR-02	2018	37201942190036	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	90.000.000	31.500.000
644	BỒN RỬA TAY PHẪU THUẬT 2 VÒI - BRT-02PT	2019	37201848160300	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	49.599.000	12.399.750
645	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ ÂM TRẦN - DAIKIN	2018	37201842062365	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	52.126.800	6.515.850

12440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc B nh viện NGUY N TU N TÙNG a ký, 03/10/2025 17:48:19

646	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ ÂM TRẦN - DAIKIN - BYT125 - W19 - E196190	2019	37201942062455	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	53.500.000	13.375.000
647	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ ÂM TRẦN - MITSUBISHI	2019	-	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	159.497.800	39.874.450
648	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ ÂM TRẦN - MITSUBISHI	2019	37201942062450	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	159.497.800	39.874.450
649	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ ÂM TRẦN - TRANE	2019	-	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	159.497.800	39.874.450
650	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60NV1V - E002763	2018	37201842062110	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	25.973.794	3.246.724
651	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60NV1V - E003139	2018	37201842062109	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	25.973.794	3.246.724
652	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - FUNIKI - SC12-T - 8041017707	2007	37200722060962	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	16.000.000	3.246.724
653	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - FUNIKI - SC24C-T - 8041011679	2007	37200722060963	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	16.000.000	3.246.724
654	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - LG - LS - 126RMA2 - 412VAII00598	2012	37201212060906	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	10.778.503	3.246.724

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

655	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - MITSUBISHI - PKFY-P32VHM-E	2014	37201412061506	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	22.104.500	3.246.724
656	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - MITSUBISHI - SRK24CK-5 - 328800203RE	2013	37201312061020	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	17.825.500	3.246.724
657	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - MITSUBISHI - SRK24CK-5 - 328800209RE	2013	37201312061021	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	23.050.500	3.246.724
658	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - MITSUBISHI - SRK24CK-S - 328800124RE	2013	37201312061022	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	23.050.500	3.246.724
659	HỆ THỐNG CHỤP MẠCH - PHILIPS - ALLURA XPER FD20 - 325	2007	37200722420008	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	36.474.370.214	3.246.724
660	HỆ THỐNG CHỤP MẠCH - TOSHIBA - INFINIX - A1D17Y2276	2017	201778153803	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	10.304.000.000	1.545.600.000
661	HỆ THỐNG CHỤP MẠCH - GE - INNOVA IGS 530 - M3-19-117	2019	37201932420055	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	24.000.000.000	18.000.000.000
662	HỆ THỐNG CHỤP MẠCH - PHILIPS - ALLURA XPER FD10 - 1341	2007	37200722420007	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	53.774.605.575	3.246.724
663	HỆ THỐNG HÚT HUYẾT KHỐI - BOSTON SCIENTIFIC - ANGIOJET ULTRA 5000A - U9092	2018	37201832470046	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	2.300.000.000	345.000.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

664	KÍNH CẢN TIA X BẢO VỆ NỬA MẶT	2014	37201418110088	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	18.260.000	3.246.724
665	KÍNH CẢN TIA X BẢO VỆ NỬA MẶT	2014	37201418110089	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	18.260.000	3.246.724
666	KÍNH CẢN TIA X BẢO VỆ NỬA MẶT	2014	37201418110090	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	18.260.000	3.246.724
667	KÍNH CẢN TIA X BẢO VỆ NỬA MẶT	2014	37201418110091	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	18.260.000	3.246.724
668	KÍNH CẢN TIA X BẢO VỆ NỬA MẶT	2014	37201418110092	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	18.260.000	3.246.724
669	KÍNH CẢN TIA X BẢO VỆ NỬA MẶT	2014	37201418110096	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	18.260.000	3.246.724
670	KÍNH CẢN TIA X BẢO VỆ NỬA MẶT	2014	37201418110097	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	18.260.000	3.246.724
671	KÍNH CẢN TIA X BẢO VỆ NỬA MẶT	2014	37201418110098	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	18.260.000	3.246.724
672	KÍNH CẢN TIA X BẢO VỆ NỬA MẶT	2014	37201418110099	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	18.260.000	3.246.724

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

673	KÍNH CẢN TIA X BẢO VỆ NỬA MẶT	2014	37201418110100	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	18.260.000	3.246.724
674	MÁY BƠM BÓNG ĐỐI XUNG ĐỘNG MẠCH CHỦ - MAQUET - DATASCOPE CS100 - SA06405-B7	2007	37200728010004	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	3.403.304.721	3.246.724
675	MÁY GÂY MÊ KÈM THỞ - DRAEGER - FABIUS GS PREMIUM - ASFN-0063	2014	37201472200041	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	599.500.000	3.246.724
676	MÁY PHÁ RUNG TIM - PHILIPS - HEARTSTART XL - US00457328	2008	37200822240013	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	328.648.092	3.246.724
677	MÁY PHÁ RUNG TIM - NIHON KOHDEN - TEC-5531K - 09584	2014	37201422530238	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	160.000.000	3.246.724
678	MÁY PHÁ RUNG TIM - NIHON KOHDEN - TEC-5631K - 02885	2017	37201712240053	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	172.000.000	3.246.724
679	MÁY SIÊU ÂM - PHILIPS - ENVISOR C - USN0609384	2008	37200822210048	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	1.581.856.601	3.246.724
680	MÁY SIÊU ÂM LÒNG MẠCH - BOSTON SCIENTIFIC - H7493932 2240C0; H749MD U5PLUS0 - 302229; 82576	2005	37200512210059	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	297.469.000	3.246.724
681	MÁY SIÊU ÂM LÒNG MẠCH - BOSTON SCIENTIFIC - ILAB220C270 - 10563	2016	37201632210097	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	8.500.000.000	3.246.724

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

682	MÁY SIÊU ÂM LÒNG MẠCH - BOSTON SCIENTIFIC - ILAB240CART - 5596	2019	37201938152923	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	8.500.000.000	6.375.000.000
683	MÁY TẠO NHỊP TẠM THỜI - BIOTRONIK - EDP 30/B - 45700397	2007	37200722350010	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	60.695.880	3.246.724
684	MÁY TẠO NHỊP TẠM THỜI - MEDTRONIC - 5391 - 1534322	2015	37201502350034	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	88.900.000	3.246.724
685	MÁY TẠO NHỊP TẠM THỜI - ST JUDE - 1804112	2013	37201312350024	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	88.900.000	3.246.724
686	MÁY TẠO NHỊP TẠM THỜI - ST JUDE - EXT.PG 3077 - 1926013	2019	20201942350031	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	89.700.000	31.395.000
687	MÁY TẠO NHỊP TẠM THỜI 1 BUỒNG - MEDICAL - OSYPKA 3077 - 1925221	2019	20201942350032	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	89.700.000	31.395.000
688	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - 00167	2008	37200822220189	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	522.742.037	3.246.724
689	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 11701	2018	37201872220612	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	167.000.000	41.750.000
690	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 27910	2020	37202042220759	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	169.000.000	76.050.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

691	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 27944	2020	37202042220756	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	169.000.000	76.050.000
692	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - PHILIPS - MP50 - DE44038493	2008	37200822220227	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	657.850.040	3.246.724
693	MÁY THEO DÕI ĐIỆN SINH LÝ - ST JUDE - WORKMATE CLARIS - 15632353	2015	37201572440072	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	5.995.000.000	3.246.724
694	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - FPT - NL2018 - 0812180201	2013	37201312021226	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	12.500.000	3.246.724
695	Phần mềm quản lý vật tư tim mạch can thiệp	2016	93201648200046	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	90.000.000	3.246.724
696	TIVI - SAMSUNG - P551D450A2 - MPXJ3YLBA00753Y	2019	37201942100878	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	11.869.000	3.246.724
697	TỦ BẢO QUẢN THUỐC - MELING	2000	37200038100060	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	80.027.601	3.246.724
698	TỦ SẤY DỤNG CỤ - MEMMERT - UM200 - 62960965	2019	37201942062484	VIỆN TIM MẠCH-tim mạch can thiệp	1	24.800.000	8.680.000
699	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ ÂM TRẦN - DAIKIN - SCQ140KAVEA - E014929	2012	37201212060697	VIỆN TIM MẠCH-hành chính	1	47.344.000	3.246.724
700	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ ÂM TRẦN - DAIKIN - SCQ140KAVEA - E014931	2012	37201212060708	VIỆN TIM MẠCH-hành chính	1	47.344.000	3.246.724

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

701	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN	2019	37201942062454	VIỆN TIM MẠCH-hành chính	1	20.649.750	5.162.438
702	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2018	37201842062111	VIỆN TIM MẠCH-hành chính	1	25.973.794	3.246.724
703	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTXM25HVMV - E108554	2018	37201842062224	VIỆN TIM MẠCH-hành chính	1	13.467.300	1.683.413
704	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTXM25HVMV - E108558	2019	37201942062453	VIỆN TIM MẠCH-hành chính	1	20.649.750	5.162.438
705	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	VIỆN TIM MẠCH-hành chính	1	22.136.000	8.301.000
706	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V - 2700139	2020	ĐH Toshiba	VIỆN TIM MẠCH-hành chính	1	22.136.000	8.301.000
707	MÁY ĐIỆN TIM 6 CẦN - NIHON KOHDEN - ECG-1250K - 11729	2017	37201712170104	VIỆN TIM MẠCH-hành chính - 410 KKB	1	65.000.000	8.125.000
708	MÁY ĐIỆN TIM 6 CẦN - NIHON KOHDEN - ECG-1250K - 13952	2018	08201842170124	VIỆN TIM MẠCH-hành chính - 410 KKB	1	65.000.000	16.250.000
709	MÁY ĐIỆN TIM 6 CẦN - NIHON KOHDEN - ECG-1250K - 14812	2018	11201842170127	VIỆN TIM MẠCH-hành chính 306 nhà K1	1	65.000.000	16.250.000
710	MÁY ĐIỆN TIM 6 CẦN - NIHON KOHDEN - ECG-1250K - 15964	2020	05202012170166	VIỆN TIM MẠCH-hành chính 305 nhà K1	1	69.000.000	31.050.000
711	MÁY ĐIỆN TIM 6 CẦN - NIHON KOHDEN - ECG-1250K - 15968	2020	11202012170944	VIỆN TIM MẠCH-hành chính 305 nhà K1	1	69.000.000	31.050.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

712	MÁY ĐIỆN TIM 6 CẦN - NIHON KOHDEN - ECG-1250K - 16009	2020	11202012170943	VIỆN TIM MẠCH-hành chính 306 nhà K1	1	69.000.000	31.050.000
713	MÁY ĐIỆN TIM 6 CẦN WELCH ALLYN - 100000310220	2020	37202012170154	VIỆN TIM MẠCH-hành chính	1	65.000.000	29.250.000
714	MÁY ĐIỆN TIM 6 CẦN WELCH ALLYN - 100000670220	2020	37202012170941	VIỆN TIM MẠCH-hành chính	1	65.000.000	29.250.000
715	MÁY ĐIỆN TIM 6 CẦN WELCH ALLYN - 100000680220	2020	37202012170156	VIỆN TIM MẠCH-hành chính	1	65.000.000	29.250.000
716	MÁY ĐIỆN TIM 6 CẦN WELCH ALLYN - 100000690220	2020	37202012170942	VIỆN TIM MẠCH-hành chính	1	65.000.000	29.250.000
717	MÁY SIÊU ÂM - ALOKA HITACHI - PROSOUND F75 - 20570556	2017	08201712210102	VIỆN TIM MẠCH-hành chính - 410 KKB	1	2.193.000.000	877.200.000
718	MÁY SIÊU ÂM - GE - VIVID S70N - 100356S70N	2019	37201992210151	VIỆN TIM MẠCH-hành chính 302 nhà K1	1	2.486.680.000	870.338.000
719	MÁY SIÊU ÂM - PHILIPS - AFFFINITI 70 - US018F1383	2019	125201912210147	VIỆN TIM MẠCH-hành chính 410 KKB	1	2.098.540.000	734.489.000
720	MÁY SIÊU ÂM - PHILIPS - AFFFINITI 70 - USS517F0832	2017	08201712210106	VIỆN TIM MẠCH-hành chính 410 KKB	1	1.948.000.000	779.200.000
721	MÁY SIÊU ÂM - PHILIPS - AFFIINITI 70G - US - 621F0266	2022	37202242210190	VIỆN TIM MẠCH-siêu âm	1	1.895.000.000	1.231.750.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

722	MÁY SIÊU ÂM - PHILIPS - VIVID S70 - 100017S70N	2018	11201892210115	VIỆN TIM MẠCH- hành chính 302 nhà K1	1	2.486.800.000	621.700.000
723	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL INSPIRON 3030 - 3MWQT44	2024	37202432022931	HÀNH CHÍNH T1	1	16.199.700	12.959.760
724	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL INSPIRON 3030 - 1MWQT44	2024	37202432022939	HÀNH CHÍNH T2	1	16.199.700	12.959.760
725	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL INSPIRON 3030 - 7PWQT44	2024	37202432022932	HÀNH CHÍNH T2	1	16.199.700	12.959.760
726	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL INSPIRON 3030 - FNWQT44	2024	37202432022952	HÀNH CHÍNH T2	1	16.199.700	12.959.760
727	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX 7020 - 1JWT754	2024	10202432023324	HÀNH CHÍNH T2	1	19.935.000	15.948.000
728	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX 7020 - 1XCM754	2024	10202432023333	HÀNH CHÍNH T2	1	19.935.000	15.948.000
729	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX 7020 - BMCM754	2024	10202432023537	HÀNH CHÍNH T2	1	19.935.000	15.948.000
730	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX 7020 - 24WT754	2024	10202432023337	HÀNH CHÍNH T2	1	19.935.000	15.948.000
731	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX 7020 - 3BWT754	2024	10202432023361	HÀNH CHÍNH T2	1	19.935.000	15.948.000
732	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX 7020 - 3KCM754	2024	10202432023368	HÀNH CHÍNH T2	1	19.935.000	15.948.000
733	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX 7020 - 3LWT754	2024	10202432023371	HÀNH CHÍNH T2	1	19.935.000	15.948.000
734	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX 7020 - 49WT754	2024	10202432023385	HÀNH CHÍNH T2	1	19.935.000	15.948.000
735	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX 7020 - 4KWT754	2024	10202432023393	HÀNH CHÍNH T2	1	19.935.000	15.948.000
736	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX 7020 - 5LCM754	2024	10202432023421	HÀNH CHÍNH T2	1	19.935.000	15.948.000
737	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX 7020 - 5RCM754	2024	10202432023426	HÀNH CHÍNH T2	1	19.935.000	15.948.000
738	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX 7020 - 5YCM754	2024	10202432023431	HÀNH CHÍNH T2	1	19.935.000	15.948.000
739	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX 7020 - 5ZCM754	2024	10202432023432	HÀNH CHÍNH T2	1	19.935.000	15.948.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

740	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX 7020 - 6JWT754	2024	10202432023443	HÀNH CHÍNH T2	1	19.935.000	15.948.000
741	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX 7020 - 6VCM754	2024	10202432023454	HÀNH CHÍNH T2	1	19.935.000	15.948.000
742	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX 7020 - 6ZCM754	2024	10202432023458	HÀNH CHÍNH T2	1	19.935.000	15.948.000
743	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX 7020 - 70DM754	2024	10202432023459	HÀNH CHÍNH T2	1	19.935.000	15.948.000
744	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX 7020 - 7NCM754	2024	10202432023475	HÀNH CHÍNH T2	1	19.935.000	15.948.000
745	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX 7020 - 80DM754	2024	10202432023485	HÀNH CHÍNH T2	1	19.935.000	15.948.000
746	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX 7020 - 8LCM754	2024	10202432023492	HÀNH CHÍNH T2	1	19.935.000	15.948.000
747	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX 7020 - 8MWT754	2024	10202432023494	HÀNH CHÍNH T2	1	19.935.000	15.948.000
748	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX 7020 - 9YCM754	2024	10202432023523	HÀNH CHÍNH T2	1	19.935.000	15.948.000
749	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX 7020 - BFWT754	2024	10202432023530	HÀNH CHÍNH T2	1	19.935.000	15.948.000
750	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX 7020 - CSCM754	2024	10202432023561	HÀNH CHÍNH T2	1	19.935.000	15.948.000
751	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX 7020 - CWCM754	2024	10202432023564	HÀNH CHÍNH T2	1	19.935.000	15.948.000
752	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX 7020 - DDWT754	2024	10202432023573	HÀNH CHÍNH T2	1	19.935.000	15.948.000
753	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX 7020 - DHWT754	2024	10202432023577	HÀNH CHÍNH T2	1	19.935.000	15.948.000
754	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX 7020 - DRCM754	2024	10202432023584	HÀNH CHÍNH T2	1	19.935.000	15.948.000
755	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX 7020 - DWCM754	2024	10202432023588	HÀNH CHÍNH T2	1	19.935.000	15.948.000
756	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX 7020 - F2WT754	2024	10202432023591	HÀNH CHÍNH T2	1	19.935.000	15.948.000
757	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX 7020 - FHWT754	2024	10202432023602	HÀNH CHÍNH T2	1	19.935.000	15.948.000
758	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX 7020 - FZCM754	2024	10202432023615	HÀNH CHÍNH T2	1	19.935.000	15.948.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

759	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX 7020 - GVCM754	2024	10202432023637	HÀNH CHÍNH T2	1	19.935.000	15.948.000
760	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX 7020 - H8WT754	2024	10202432023646	HÀNH CHÍNH T2	1	19.935.000	15.948.000
761	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX 7020 - HZCM754	2024	10202432023665	HÀNH CHÍNH T2	1	19.935.000	15.948.000
762	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX 7020 - J4WT754	2024	10202432023668	HÀNH CHÍNH T2	1	19.935.000	15.948.000
763	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL OPTIPLEX 7020 - JDWT754	2024	10202432023675	HÀNH CHÍNH T2	1	19.935.000	15.948.000
764	MÁY TÍNH LAPTOP - HP 240R G9 - 5CG4260JLK	2024	10202432030246	HÀNH CHÍNH T2	1	15.895.000	12.716.000
765	MÁY TÍNH LAPTOP - HP 240R G9 - 5CG4260JL2	2024	10202432030231	HÀNH CHÍNH T2	1	15.895.000	12.716.000
766	MÁY TÍNH LAPTOP - HP 240R G9 - 5CG4260JK4	2024	10202432030208	HÀNH CHÍNH T2	1	15.895.000	12.716.000
767	MÁY TÍNH LAPTOP - HP 240R G9 - 5CG4260JKB	2024	10202432030214	HÀNH CHÍNH T2	1	15.895.000	12.716.000
768	MÁY TÍNH LAPTOP - HP 240R G9 - 5CG4260JJD	2024	10202432030185	HÀNH CHÍNH T2	1	15.895.000	12.716.000
769	MÁY TÍNH LAPTOP - HP 240R G9 - 5CG4260JJZ	2024	10202432030203	HÀNH CHÍNH T2	1	15.895.000	12.716.000
770	MÁY TÍNH LAPTOP - HP 240R G9 - 5CG4260JL8	2024	10202432030237	HÀNH CHÍNH T2	1	15.895.000	12.716.000
771	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLIEX 3010 - 5P1YX1		CC	VIỆN TIM MẠCH- tim mạch can thiệp	1		
772	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLIEX 5000 - 2FQB9X3		CC	VIỆN TIM MẠCH- tim mạch can thiệp	1		
773	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLIEX 5000 - 3NOD9X3		CC	VIỆN TIM MẠCH- tim mạch can thiệp	1		

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

774	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLIEX 5000 - 782B9X3		CC	VIỆN TIM MẠCH- tim mạch can thiệp	1		
775	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLIEX 5000 - F131C9X3		CC	VIỆN TIM MẠCH- tim mạch can thiệp	1		
776	TỦ LẠNH - SAMSUNG - RT32FARBD4T - 0884DAG600238		CC	VIỆN TIM MẠCH- tim mạch can thiệp	1		
777	MÁY HÚT DỊCH ĐỜM - DRAEGER - E1009003		CC	VIỆN TIM MẠCH- tim mạch can thiệp	1		
	Cộng				**770**	**293.451.719.421**	**85.330.615.033**
XVII	**KHOA KHÁM BỆNH**						
1	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 03 TAY QUAY SMSC 003 - 0 - SMSC 003	2018	08201843020458	Khoa khám bệnh tòa nhà K2	1	33.000.000	8.250.000
2	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 03 TAY QUAY SMSC 003 - 0 - SMSC 003	2018	08201843020463	Khoa khám bệnh tòa nhà K2	1	33.000.000	8.250.000
3	CỬA CUỐN KHE THOÁNG ĐỨC A50 - 0	2018	08201848210001		1	37.105.200	11.131.560
4	ĐIỀU HÒA ÂM TRẦN ỐNG GIÓ - FUJITSU - AOY45APA3L	2018	71201842062389	106	1	73.351.300	9.168.913
5	ĐIỀU HÒA CASSETLE - DAIKIN - RNQ21MV1	2018	08201842062363	hành lang	1	42.083.800	5.260.475
6	ĐIỀU HÒA CASSETLE - DAIKIN - RNQ21MV1	2018	08201842062364	hành lang	1	42.083.800	5.260.475
7	ĐIỀU HÒA CASSETLE - DAIKIN - RNQ21MV1	2018	08201842062362	hành lang	1	42.083.800	5.260.475
8	ĐIỀU HÒA CASSETLE - DAIKIN - RY71LUV1	2018	96201842062116	114	1	25.973.794	3.246.724
9	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ - DAIKIN - FTF35UV1	2023	16202342062697	Phòng 316	1	18.108.200	13.581.150
10	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FT50FVM	2018	96201842062049	112	1	19.778.682	2.472.335

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

11	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTE35FV1	2018	07201842062230	204	1	13.467.300	1.683.413
12	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTE35LV1V	2018	06201842062231	211	1	13.467.300	1.683.413
13	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTE60KV1	2019	08201942062475	207	1	32.472.000	8.118.000
14	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTE60LV1V	2018	08201842062130	nhà thuốc	1	25.973.794	3.246.724
15	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE35MV1V9	2018	28201842062197	407	1	13.467.300	1.683.413
16	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE35MV1V9	2018	28201842062196	304	1	13.467.300	1.683.413
17	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE35MV1V9	2018	08201842061942	316	1	13.296.998	1.662.125
18	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V	2018	96201842062048	108	1	19.778.682	2.472.335
19	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V	2019	08201942062479	410	1	27.621.000	6.905.250
20	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V	2019	08201942062478	410	1	27.621.000	6.905.250
21	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V	2018	08201842062093	408A	1	19.778.682	2.472.335
22	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V	2018	08201842062092	408A	1	19.778.682	2.472.335
23	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V	2018	08201842062091		1	19.778.682	2.472.335
24	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2018	96201842062117	nhà thuốc	1	25.973.794	3.246.724
25	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2019	08201942062474	nhà thuốc	1	32.472.000	8.118.000
26	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2019	08201942062473	nhà thuốc	1	32.472.000	8.118.000
27	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2018	08201842062129	nhà thuốc	1	25.973.794	3.246.724
28	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2018	96201842062118	kho dịch truyền	1	25.973.794	3.246.724
29	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2018	96201842062119	kho dịch truyền	1	25.973.794	3.246.724

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

30	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2018	96201842062124	kho dịch truyền	1	25.973.794	3.246.724
31	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2018	96201842062125	kho dịch truyền	1	25.973.794	3.246.724
32	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2018	96201842062161	405	1	25.973.794	3.246.724
33	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2018	96201842062162	405	1	25.973.794	3.246.724
34	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2018	96201842062163	hành lang	1	25.973.794	3.246.724
35	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2018	96201842062169	hành lang	1	25.973.794	3.246.724
36	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2018	96201842062170	hành lang	1	25.973.794	3.246.724
37	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2018	96201842062171	hành lang	1	25.973.794	3.246.724
38	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2018	96201842062172	401	1	25.973.794	3.246.724
39	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2018	96201842062175	313	1	25.973.794	3.246.724
40	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTXD35DVMV	2018	08201842061941	316	1	13.296.998	1.662.125
41	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTXM35HVMV	2018	28201842062240	304	1	13.467.300	1.683.413
42	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FV50FVM	2012	CÔNG CỤ DỤNG CỤ	112	1	-	
43	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - RE60LV1V	2018	96201842062174	408B	1	25.973.794	3.246.724
44	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - RV60AXV1V	2018	96201842062173	408A	1	25.973.794	3.246.724
45	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - ELECTROLUX - ESM18HRD-CE1	2020	93202042062554	209	1	13.375.000	6.687.500
46	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - FUJILUX - FJ18WMI	2020	93202042062555	105	1	13.375.000	6.687.500
47	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - FUJILUX - FJ18WMKHN	2020	93202042062556	304	1	13.375.000	6.687.500
48	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - FUJILUX - FJ24WMI	2020	93202042062620	215	1	16.250.000	6.093.750

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

49	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - FUNIKI - HSC-24TMU	2024	08202442062999	312	1	13.090.000	11.453.750
50	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - FUNIKI - HSC-24TMU	2024	08202442062998	401	1	13.090.000	11.453.750
51	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - NAGAKAWA - NA-A188AV	2020	93202042062557	305	1	13.375.000	6.687.500
52	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - NAGAKAWA - NS-A182	2020	93202042062558	316	1	13.375.000	6.687.500
53	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - PANASONIC - CS-PC18JKH	2020	93202042062559	216	1	13.375.000	6.687.500
54	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-13S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	402	1	16.792.500	6.297.188
55	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-13S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	402	1	16.792.500	6.297.188
56	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-13S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	414	1	16.792.500	6.297.188
57	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-13S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	307	1	16.792.500	8.301.000
58	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	kho dược	1	22.136.000	8.301.000
59	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	kho dược	1	22.136.000	8.301.000
60	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	107	1	22.136.000	8.301.000
61	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TỦ CÂY - DAIKIN - RR71CGXV19	2019	08201942062477	101	1	49.258.000	12.314.500
62	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TỦ CÂY - DAIKIN - RR71CGXV19	2018	08201842062193	102	1	46.882.000	5.860.250
63	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TỦ CÂY - FUNIKI - FC24	2021	71202142062685	hành lang	1	49.023.250	26.962.788
64	HỆ THỐNG CHUẨN BỊ ỐNG MẪU VÀ DÁN NHÃN TỰ ĐỘNG BC ROBO 8001 RFID	2018	30201812530333	Khoa khám bệnh tòa nhà K2	1	3.345.000.000	836.250.000
65	HỆ THỐNG CHUẨN BỊ ỐNG MẪU VÀ DÁN NHÃN TỰ ĐỘNG BC ROBO 8001 RFID	2018	30201812530334	Khoa khám bệnh tòa nhà K2	1	3.345.000.000	836.250.000
66	MÁY ĐIỆN NÃO VI TÍNH 46 KÊNH CADWELL EASY III - 1906IX90-09-001	2019	125201942160019		1	645.750.000	226.012.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

67	MÁY ĐO CHỨC NĂNG HÔ HẤP | CHEST | HI-801 | 14812947	2019	125201912150335		1	198.120.000	69.342.000
68	MÁY ĐO HUYẾT ÁP - OMRON - HBP-9020 - 02004409LF - OMRON - HBP-9020 - 02004409LF	2018	08201842150214	Khoa khám bệnh tòa nhà K2	1	60.000.000	15.000.000
69	MÁY ĐO HUYẾT ÁP - OMRON - HBP-9020 - 02004745LF - OMRON - HBP-9020 - 02004745LF	2018	08201842150215	Khoa khám bệnh tòa nhà K2	1	60.000.000	15.000.000
70	MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG ĐỂ BÀN OMRON HBP-9020 - 0 - OMRON - HBP-9020 - 02005117LF	2019	37201912150352	Khoa khám bệnh tòa nhà K2	1	64.990.000	22.746.500
71	MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG ĐỂ BÀN OMRON HBP-9020 - 0 - OMRON - HBP-9020 - 02005682LF	2018	24201842150224	Khoa khám bệnh tòa nhà K2	1	60.000.000	15.000.000
72	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - DELL OPTIPLEX XE - G9WT754	2024	10202432023243	Phòng 108	1	19.935.000	15.948.000
73	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - 1QWQT44	2024	10202432023160	P307	1	16.170.000	12.936.000
74	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - 1SWQT44	2024	10202432023127	Phòng 313	1	16.170.000	12.936.000
75	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - 2QWQT44	2024	10202432023134	p402	1	16.170.000	12.936.000
76	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - 2YWQT44	2024	10202432023068	Phòng 103	1	16.170.000	12.936.000
77	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - 2ZWQT44	2024	10202432023088	Phòng 305	1	16.170.000	12.936.000
78	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - 65WQT44	2024	10202432023188	Phòng 214	1	16.170.000	12.936.000
79	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - 6SWQT44	2024	10202432023135	Phòng 414	1	16.170.000	12.936.000
80	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - 8ZWQT44	2024	10202432023069	Phòng 214	1	16.170.000	12.936.000
81	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - 9YWQT44	2024	10202432023106	Phòng 110	1	16.170.000	12.936.000
82	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - BRWQT44	2024	10202432023142	P307	1	16.170.000	12.936.000
83	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - CRWQT44	2024	10202432023143	Phòng 411	1	16.170.000	12.936.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

84	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - HSWQT44	2024	59201942062789	Phòng 412	1	16.170.000	12.936.000
85	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - JQWQT44	2024	10202432023150	Phòng 412	1	16.170.000	12.936.000
86	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - JRWQT44	2024	10202432023155	P307	1	16.170.000	12.936.000
87	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7010 - 1KWT754	2024	10202432023325	P Hội trường	1	19.935.000	15.948.000
88	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7010 - 5DWT754	2024	10202432023414	P Hội trường	1	19.935.000	15.948.000
89	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7010 - 89WT754	2024	10202432023488	P Hội trường	1	19.935.000	15.948.000
90	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7010 - DKWT754	2024	10202432023580	P Hội trường	1	19.935.000	15.948.000
91	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7010 - G3W7754	2024	10202432023617	P Hội trường	1	19.935.000	15.948.000
92	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 - 19GNB04	2015	CÔNG CỤ DỤNG CỤ	Phòng 405	1	19.935.000	15.948.000
93	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 - 1LCM754	2024	10202432023326	KHO	1	19.935.000	15.948.000
94	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 - 1SCM754	2024	10202432023330	KHO	1	19.935.000	15.948.000
95	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 - 20DM754	2024	10202432023309	Phòng 111	1	19.935.000	15.948.000
96	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 - 3CWT754	2024	10202432023362	KHO	1	19.935.000	15.948.000
97	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 - 3HGNB04	2015	CÔNG CỤ DỤNG CỤ	Phòng 410	1	19.935.000	15.948.000
98	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 - 4NCM754	2024	10202432023398	KHO	1	19.935.000	15.948.000
99	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 - 5QGNB04	2024	-	Phòng 413	1	19.935.000	15.948.000
100	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 - 6TCM754	2024	10202432023453	KHO	1	19.935.000	15.948.000
101	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 - 6XCM754	2024	10202432023456	Phòng 414	1	19.935.000	15.948.000
102	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 - 78GNB04	2015	CÔNG CỤ DỤNG CỤ	Phòng 412	1	19.935.000	15.948.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

103	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 - 7QGNB04	2015	CÔNG CỤ DỤNG CỤ	Phòng 410	1	19.935.000	15.948.000
104	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 - CVCM754	2024	10202432023563	KHO	1	19.935.000	15.948.000
105	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 - GSCM754	2024	10202432023636	KHO	1	19.935.000	15.948.000
106	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 - H2WT754	2024	10202432023641	KHO	1	19.935.000	15.948.000
107	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 - HYCM754	2024	10202432023304	Phòng 111	1	19.935.000	15.948.000
108	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLIEX 7010 - 1ZCM754	2024	10202432023335	BÀN 17	1	19.935.000	15.948.000
109	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLIEX 7010 - 5QCM754	2024	10202432023239	P406	1	19.935.000	15.948.000
110	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLIEX 7010 - BXWQT44	2024	10202432023082	P407	1	16.170.000	12.936.000
111	TỦ ĐIỀU KHIỂN THANG MÁY FUJI AS 380 22KWH	2020	08202043050017		1	88.000.000	39.600.000
	Cộng				**111**	**10.123.097.548**	**3.005.223.922**
XVIII	**KHOA PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ**						
1	BÀN MỔ ĐA NĂNG - TECHNOMED - TMI-1203 - 20846	2021	137202148050056	Phòng mổ	1	38.500.000	21.175.000
2	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE SS700 - 1911010160	2020	137202048011151		1	24.990.000	11.245.500
3	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010094	2020	137202048011152		1	24.990.000	11.245.500
4	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010158	2020	137202048011154		1	24.990.000	11.245.500
5	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010310	2020	137202048011153		1	24.990.000	11.245.500
6	BỒN RỬA TAY COMPOSITE 2 VÒI TỰ ĐỘNG - TECHNOMED - TMI-1203	2020	137202042190041	Phòng tiểu phẫu	1	56.100.000	25.245.000
7	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2021	137202143020589		1	13.860.000	7.623.000
8	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2021	137202143020590		1	13.860.000	7.623.000
9	DAO MỔ ĐIỆN CAO TẦN - LED SPA - SURTRON 120 - 363 0244497	2021	137202148020179	Phòng mổ	1	17.000.000	9.350.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

10	ĐÈN MỔ DI ĐỘNG - DENTIS - S300 - S3A21A0004	2021	137202148060134		1	99.750.000	54.862.500
11	GIƯỜNG - GDK-05ABS - GDK-05ABS1	2021	137202148041194	Kiểm tra lại	1	17.000.000	9.350.000
12	GIƯỜNG - GDK-05ABS - GDK-05ABS2	2021	137202148041195	Kiểm tra lại	1	17.000.000	9.350.000
13	GIƯỜNG - GDK-05ABS - GDK-05ABS3	2021	137202148041196	Kiểm tra lại	1	17.000.000	9.350.000
14	KÍNH LÚP PHẪU THUẬT - ZEISS - EYEMAG PRO F - 6905513290	2021	137202148070162		1	82.000.000	45.100.000
15	MÁY PHÁ RUNG TIM - NIHON KOHDEN - TEC 5631 - 10831	2020	137202012240622		1	169.000.000	76.050.000
16	MÁY SIÊU ÂM DOPPLER MẠCH - HADECO - BIDOP ES-100V3	2021	137202142530412		1	19.800.000	10.890.000
17	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 27906	2020	137202042220750		1	169.000.000	76.050.000
18	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 27940	2020	137202042220752		1	169.000.000	76.050.000
19	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 27942	2020	137202042220751		1	169.000.000	76.050.000
20	MÁY TÍNH - DELL - 3030SFF - FPVQT44	2024	124202432022987	830	1	16.199.700	12.959.760
21	MÁY TÍNH - DELL - 3030SFF - JBVQT44	2024	10202432023053	844	1	16.199.700	12.959.760
22	MÁY TÍNH - DELL - 7020 - 8KCM754	2024	10202432023491	840	1	19.935.000	15.948.000
23	MÁY TÍNH - DELL - 7020 - DHCM754	2024	10202432023576	840	1	19.935.000	15.948.000
24	MÁY TÍNH - DELL - 7020 - HKCM754	2024	10202432023655	quầy tiếp đón	1	19.935.000	15.948.000
25	MÁY TÍNH - FPT - PRIME H310M2R20 - WT2210200004	2021	137202142022883	845	1	12.800.000	2.560.000
26	MÁY TÍNH - FPT - PRIME H310MR2.0 - WT2210200003	2021	137202142022880	844	1	12.800.000	2.560.000
27	MÁY TÍNH - FPT - PRIME H310MR2.0 - WT2210200006	2021	137202142022879	844	1	12.800.000	2.560.000
28	MÁY TÍNH - FPT - PRIME H310MR2.0 - WT2210200007	2021	137202142022881	844	1	12.800.000	2.560.000
29	MÁY TÍNH - FPT - PRIME H310MR2.0 - WT2210200009	2021	137202142022882	844	1	12.800.000	2.560.000
30	MÁY TÍNH - HP - PAVILLION - 4CE123XR4B	2001	48200122020428	Quầy tiếp đón	1	10.408.711	
31	MÁY VI TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R G9 - 5CG4260JJ7	2024	10202432030180	Hành chính	1	15.895.000	12.716.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

32	TIVI - SAM SUNG - UA43UB8000 - 0JAQ3NCWB02899	2024	137202442101106	826	1	11.137.500	8.910.000
33	TIVI - SAMSUNG - UA43BU8000 - 0JAQ3NCWB02256	2024	137202442101107	Phòng 821	1	11.137.500	8.910.000
34	TIVI - SAMSUNG - UA43BU8000 - 0JAQ3NCWB02256T	2024	137202442101109	Phòng 824	1	11.137.500	8.910.000
35	TIVI - SAMSUNG - UA43BU8000 - 0JAQ3NCWB02258	2024	137202442101108	Phòng 825	1	11.137.500	8.910.000
36	TIVI - SONY - 65X7000G - 65X7000G	2021	137202142101084	Phòng 831	1	17.105.000	3.421.000
37	XE TIÊM ĐẨY CẤP CỨU - HOÀNG NGUYỄN - XD-10.2	2021	137202148090085		1	15.000.000	8.250.000
38	THIẾT BỊ Y TẾ PHẪU TÍCH VẠT	2021	137202148151840		1	99.607.600	54.784.180
39	BỘ DỤNG CỤ PHẪU THUẬT NGỰC	2021	137202148151847		1	99.450.900	54.697.995
40	BỘ DỤNG CỤ PHẪU THUẬT MŨI	2021	137202148151848		1	62.263.500	34.244.925
41	BỘ DỤNG CỤ VI PHẪU	2021	137202148151849		1	98.867.000	54.376.850
42	NẮP NGOÀI HỘP ĐỰNG VÀ BẢO QUẢN DỤNG CỤ PHẪU THUẬT JK188	2021	137202148151868		1	10.600.000	5.830.000
43	ĐÁY HỘP ĐỰNG VÀ BẢO QUẢN DỤNG CỤ PHẪU THUẬT JK188	2021	137202148151869		1	10.600.000	5.830.000
44	BỘ DỤNG CỤ PHẪU THUẬT MÍ MẮT AESCULAP	2021	137202148151872		1	34.366.300	18.901.465
45	BỘ DỤNG CỤ PHẪU THUẬT MÍ MẮT AESCULAP	2021	137202148151873		1	34.366.300	18.901.465
	Cộng				**45**	**1.877.114.711**	**953.257.900**
XIX	**ĐƠN VỊ GEN**						
1	MÁY LI TÂM MÁU - EPPENDORF - ĐỨC - 5430R - 5428BL313810	2017	ĐVG138	1605 tầng 16 nhà Q	1	377.000.000	47.125.000
2	TỦ THAO TÁC PCR - ESCO - SINGAPORE - PCR-4A1 - 2018-125544	2017	ĐVG72	1607A tầng 16 nhà Q	1	178.500.000	22.312.500
3	HỆ THỐNG NUÔI TẾ BÀO BẰNG CHAI - PFEIFFER - ĐỨC - CELLROLL - 18617125	2017	ĐVG26	1607B tầng 16 nhà Q	1	223.500.000	27.937.500
4	KÍNH HIỂN VI HUỲNH QUANG KÈM CAMERA VÀ PHẦN MỀM PHÂN TÍCH HÌNH ẢNH - OLYMPUS - NHẬT BẢN - BX43 - 7L50157	2017	ĐVG28	1605 tầng 16 nhà Q	1	1.574.500.000	196.812.500
5	THIẾT BỊ HỖ TRỢ HÚT PIPETTE THỦY TINH TỰ ĐỘNG - LABNET - MỸ - FASTPETTE - 703950311	2017	ĐVG135	1601 tầng 16 nhà Q	1	15.500.000	1.937.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

6	THIẾT BỊ TRỢ HÚT PIPETTE (PIPETTE AID) THỦY TINH TỰ ĐỘNG - LABNET - MỸ - FASTPETTE - 703950312	2017	ĐVG136	1601 tầng 16 nhà Q	1	15.500.000	1.937.500
7	TỦ LẠNH -80ºC - PANASONIC - MDF-U33V-PB - 17110236	2017	ĐVG30	1607A tầng 16 nhà Q	1	494.500.000	61.812.500
8	BỘ CHUYỂN PHÂN TỬ LÊN MÀNG LAI - INVITROGEN/THERMO FISHER SCIENTIFIC - MỸ - IBLOT 2 - 30572036	2017	ĐVG1	1604 tầng 16 nhà Q	1	112.000.000	14.000.000
9	BỘ ĐIỆN DI CỠ LỚN VÀ BỘ NGUỒN - CLEAVER SCIENTIFIC LTD - ANH - MULTISUB MAXI	2017	ĐVG69	1604 tầng 16 nhà Q	1	168.250.000	21.031.250
10	HỆ THỐNG PHÂN TÍCH DI TRUYỀN DNA - MÁY GIẢI TRÌNH TỰ GEN: HÃNG LIFE TECHNOLOGIES/ THERMO FISHER SCIENTIFIC. MODEL: IRON S5 XL. SL:1 - BỘ MÁY CHỦ ĐIỀU KHIỂN VÀ XỬ LÝ DỮ LIỆU. HÃNG LIFE TECHNOLOGIES/ THERMO FISHER SCIENTIFIC. MODEL: TORRENT SEVER. SL:1 - MÁY CHUẨN BỊ MẪU TỰ ĐỘNG TRÊN CHIP BÁN DẪN. HÃNG LIFE TECHNOLOGIES/ THERMO FISHER SCIENTIFIC. MODEL: ION CHEF. SL:1 - MÁY CHỦ PHÂN TÍCH DỮ LIỆU THEO ỨNG DỤNG.HÃNG LIFE TECHNOLOGIES/ THERMO FISHER SCIENTIFIC. MODEL: ION REPORTER.SL:01 - BỘ LƯU ĐIỆN ONLINE 3KVA. HÃNG: SANTAK- TRUNG QUỐC. MODEL: C3K.SL:02 - BỘ MÁY TÍNH VÀ MÁY IN MÀU LASER A4.SL: 01	2017	ĐVG14	1607B tầng 16 nhà Q	1	15.207.000.000	1.900.875.000
11	MÁY ĐO PH - SI ANALYTICS - ĐỨC - LAB 875 - 15430939	2017	ĐVG3	1604 tầng 16 nhà Q	1	44.500.000	5.562.500
12	MÁY KHUẤY TỪ GIA NHIỆT - DAIHAN LABTECH - HÀN QUỐC - MSH-20A - 0400985179K028	2017	ĐVG5	1604 tầng 16 nhà Q	1	22.000.000	2.750.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

13	MÁY LẮC RUNG TRỘN MẪU CHUYÊN DỤNG SINH HỌC PHÂN TỬ - HERCUVAN - MỸ - TT-3000 - TT-E05-1005	2017	ĐVG4	1605 tầng 16 nhà Q	1	67.250.000	8.406.250
14	MÁY LY TÂM LẠNH ĐA NĂNG ĐỂ BÀN - EPPENDORF - ĐỨC - 5702 - 5702GM0444108	2017	ĐVG6	1606 tầng 16 nhà Q	1	202.000.000	25.250.000
15	MÁY NGHIỀN ĐỒNG THỂ - IKA - ĐỨC - ULTRA-TURAX - 07.611794	2017	ĐVG7	1601 tầng 16 nhà Q	1	89.500.000	11.187.500
16	MÁY Ủ NHIỆT KÈM LẮC RUNG - ESCO - SINGAPORE - ESC-PVC-1 - PVC011218.06	2017	ĐVG8	1607B tầng 16 nhà Q	1	146.000.000	18.250.000
17	TỦ AN TOÀN SINH HỌC CẤP II - AZBIL TELSTAR TECHNOLOGIES S.L.U - CHÂU ÂU - BIO II ADVANCE 4 - 523756	2017	ĐVG18	1606 tầng 16 nhà Q	1	336.500.000	42.062.500
18	TỦ AN TOÀN SINH HỌC CẤP II - AZBIL TELSTAR TECHNOLOGIES S.L.U - CHÂU ÂU - BIO II ADVANCE 4 - 523757	2017	ĐVG9	1607A tầng 16 nhà Q	1	336.500.000	42.062.500
19	TỦ GẮN KẾT CỰC TÍM - UV - VILBER LOURMAT - PHÁP - BLX-254 - 18100556	2017	ĐVG10	1601 tầng 16 nhà Q	1	78.650.000	9.831.250
20	TỦ LẠNH SÂU -30ºC - PANASONIC - NHẬT BẢN - MDF-U334-PE - 16070318	2017	ĐVG20	1607A tầng 16 nhà Q	1	132.500.000	16.562.500
21	TỦ LẠNH SÂU -30ºC - PANASONIC - NHẬT BẢN - MDF-U334-PE - 16070325	2017	ĐVG21	1610 tầng 16 nhà Q	1	132.500.000	16.562.500
22	TỦ SẤY ≥ 100 LÍT - DAIHAN LABTECH - HÀN QUỐC - SON-W105	2017	ĐVG12	1601 tầng 16 nhà Q	1	110.000.000	13.750.000
23	TỦ LẠNH ÂM SÂU - PANASONIC - MDF-U334-PE - 16070322	2017	ĐVG137	1607A tầng 16 nhà Q	1	132.500.000	16.562.500
24	TỦ LẠNH SÂU -30ºC-PANASONIC - NHẬT BẢN-MDF-U334-PE-16070326	2018	ĐVG144	1607A tầng 16 nhà Q	1	132.500.000	16.562.500
Cộng					**24**	**20.329.150.000**	**2.541.143.750**
XX	**PHÒNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**						
1	DELL POWEREDGE R750XS 16X2.5IN HOT PLUG RACK 2U - DELL - R750XS - 4GYMG24	2024	10202438160700	Tầng 16 - Nhà Q	1	250.000.300	200.000.240
2	DELL POWEREDGE R750XS 16X2.5IN HOT PLUG RACK 2U - DELL - R750XS - 6GYMG24	2024	10202438160701	Tầng 16 - Nhà Q	1	250.000.300	200.000.240
3	DELL POWEREDGE R750XS 16X2.5IN HOT PLUG RACK 2U - DELL - R750XS - 7GYMG24	2024	10202438160702	Tầng 16 - Nhà Q	1	250.000.300	200.000.240

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

4	DELL POWEREDGE R750XS 16X2.5IN HOT PLUG RACK 2U - DELL - R750XS - FD31034	2024	10202438160703	Tầng 16 - Nhà Q	1	250.000.300	200.000.240
5	DELL POWEREDGE R750XS 16X2.5IN HOT PLUG RACK 2U - DELL - R750XS - GD31034	2024	10202438160704	Tầng 16 - Nhà Q	1	250.000.300	200.000.240
6	DELL POWEREDGE R750XS 16X2.5IN HOT PLUG RACK 2U - DELL - R750XS - HD31034	2024	10202438160705	Tầng 16 - Nhà Q	1	250.000.300	200.000.240
7	FIREWALL FG-500E FORTINET FORTIGATE-500E - FORTINET - FORTIGATE-500E - FG5H0E5818907619	2024	10202438160706	Tầng 16 - Nhà Q	1	490.600.000	392.480.000
8	MÁY CHỦ LENOVO THINKSYSTEM SR550	2019	30201942022779	-	1	98.000.000	34.300.000
9	MÁY TÍNH - DELL OTIPLEX 7020 SFF PLUS - 3PCM754	2024	-	P. Họp	1	19.935.000	15.948.000
10	MÁY TÍNH - DELL OTIPLEX 7020 SFF PLUS - 3XCM754	2024	-	P. Họp	1	19.935.000	15.948.000
11	MÁY TÍNH - DELL OTIPLEX 7020 SFF PLUS - 4JWT754	2024	-	P. Họp	1	19.935.000	15.948.000
12	MÁY TÍNH - DELL OTIPLEX 7020 SFF PLUS - 4PCM754	2024	-	P. Họp	1	19.935.000	15.948.000
13	MÁY TÍNH - DELL OTIPLEX 7020 SFF PLUS - 4VCM754	2024	-	P. Họp	1	19.935.000	15.948.000
14	MÁY TÍNH - DELL OTIPLEX 7020 SFF PLUS - 6NCM754	2024	-	P. Họp	1	19.935.000	15.948.000
15	MÁY TÍNH - DELL OTIPLEX 7020 SFF PLUS - 98WT754	2024	-	P. Họp	1	19.935.000	15.948.000
16	MÁY TÍNH - DELL OTIPLEX 7020 SFF PLUS - CNCM754	2024	-	P. Họp	1	19.935.000	15.948.000
17	MÁY TÍNH - DELL OTIPLEX 7020 SFF PLUS - GNCM754	2024	-	P. Họp	1	19.935.000	15.948.000
18	MÁY TÍNH DELL OPTIPLEX - DELL - DELL SFF PLUS 7020 - 74WT754	2024	-	P. Phần mềm	1	19.935.000	15.948.000
19	MÁY TÍNH DELL OPTIPLEX - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - 2LCM754	2024	-	P. Phần mềm	1	19.935.000	15.948.000
20	MÁY TÍNH DELL OPTIPLEX - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - 3HWT754	2024	-	P. Phần mềm	1	19.935.000	15.948.000
21	MÁY TÍNH DELL OPTIPLEX - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - 4SCM754	2024	-	P. Phần mềm	1	19.935.000	15.948.000
22	MÁY TÍNH DELL OPTIPLEX - SFF PLUS - F4WT754	2024	-	P. Họp	1	19.935.000	15.948.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

23	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R 9 - 5CG4260JLC	2024	10202432030240	-	1	15.895.000	12.716.000
24	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP 240RG9 - 5CG4260JHZ	2024	10202432030172	P. Phần cứng	1	15.895.000	12.716.000
25	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP 240RG9 - 5CG4260JKN	2024	10202432030218	P. Phần cứng	1	15.895.000	12.716.000
26	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP 240RG9 - 5CG4260JLT	2024	10202432030254	P. Phần cứng	1	15.895.000	12.716.000
27	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP 240RG9 - 5CG4260JLW	2024	10202432030256	P. Phần cứng	1	15.895.000	12.716.000
28	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP240RG9 - 5CG4260JKM	2024	10202432030217	P. Phần mềm	1	15.895.000	12.716.000
29	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061B7L	2024	10202438160653	Tầng 16 - Nhà Q	1	17.206.200	13.764.960
30	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061BXH	2024	10202438160654	Tầng 5 - Nhà Q	1	17.206.200	13.764.960
31	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061C09	2024	10202438160655	Tầng 2 - Nhà H	1	17.206.200	13.764.960
32	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061C20	2024	10202438160656	Tầng 9 - Nhà Q	1	17.206.200	13.764.960
33	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061C2U	2024	10202438160657	Tầng 16 - Nhà Q	1	17.206.200	13.764.960
34	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061C2Z	2024	10202438160658	Tầng 16 - Nhà Q	1	17.206.200	13.764.960
35	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061C3Q	2024	10202438160659	Tầng 16 - Nhà Q	1	17.206.200	13.764.960
36	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061C3W	2024	10202438160660	Tầng 3 - Nhà Q	1	17.206.200	13.764.960
37	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061C40	2024	10202438160661	Tầng 14 - Nhà Q	1	17.206.200	13.764.960
38	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061C41	2024	10202438160662	C7 - Viện tim mạch	1	17.206.200	13.764.960
39	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061C42	2024	10202438160663	T16 - Nhà Q	1	17.206.200	13.764.960
40	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061C67	2024	10202438160664	T16 - Nhà Q (trục kỹ thuật)	1	17.206.200	13.764.960

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

41	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061C71	2024	10202438160665	Tầng 3 - Nhà Q	1	17.206.200	13.764.960
42	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061C78	2024	10202438160666	T3 - Hành chính cũ	1	17.206.200	13.764.960
43	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061C8R	2024	10202438160667	Tầng 7 - Nhà Q	1	17.206.200	13.764.960
44	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061C8W	2024	10202438160668	Tầng 18 - Nhà Q	1	17.206.200	13.764.960
45	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061C9C	2024	10202438160669	T16 - Nhà Q	1	17.206.200	13.764.960
46	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061C9T	2024	10202438160670	Tầng 18 - Nhà Q	1	17.206.200	13.764.960
47	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061CJ5	2024	10202438160671	Tủ 1 - Dãy 2 -1609	1	17.206.200	13.764.960
48	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061CMG	2024	10202438160672	Tầng 7 - Nhà Q	1	17.206.200	13.764.960
49	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061CN6	2024	10202438160673	Tầng 3 - Nhiệt đới TW	1	17.206.200	13.764.960
50	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061CPA	2024	10202438160674	Tầng 5 - Nhà Q	1	17.206.200	13.764.960
51	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061CPC	2024	10202438160675	Cấp cứu A9 - Tầng 1	1	17.206.200	13.764.960
52	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061CQU	2024	10202438160676	Tầng 11 - Nhà Q	1	17.206.200	13.764.960
53	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061CR3	2024	10202438160677	Tầng 16 - Nhà Q	1	17.206.200	13.764.960
54	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061CRP	2024	10202438160678	Tầng 13 - Nhà Q	1	17.206.200	13.764.960
55	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061CSJ	2024	10202438160679	207 - KKB	1	17.206.200	13.764.960
56	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061CW1	2024	10202438160680	Tầng 2 - Nhiệt đới TW	1	17.206.200	13.764.960
57	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061CWC	2024	10202438160681	Tầng 13 - Nhà Q	1	17.206.200	13.764.960
58	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061CX6	2024	10202438160682	Tầng 14 - Nhà Q	1	17.206.200	13.764.960

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

59	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061CXG	2024	10202438160683	Tầng 11 - Nhà Q	1	17.206.200	13.764.960
60	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061CXK	2024	10202438160684	Tầng 11 - Nhà Q	1	17.206.200	13.764.960
61	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061CYE	2024	10202438160685	C1 - Viện tim mạch	1	17.206.200	13.764.960
62	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061CYQ	2024	10202438160686	Tầng 9 - Nhà Q	1	17.206.200	13.764.960
63	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061CZ1	2024	10202438160687	T16 - Nhà Q	1	17.206.200	13.764.960
64	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061CZE	2024	10202438160688	Tầng 16 - Nhà Q	1	17.206.200	13.764.960
65	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061CZJ	2024	10202438160689	Tầng 16 - Nhà Q	1	17.206.200	13.764.960
66	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061CZN	2024	10202438160690	Tầng 15 - Nhà Q	1	17.206.200	13.764.960
67	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061CZT	2024	10202438160691	Nhà Q	1	17.206.200	13.764.960
68	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061D00	2024	10202438160692	Tầng 16 - Nhà Q	1	17.206.200	13.764.960
69	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061D02	2024	10202438160693	Tầng 1 - Nhà Q	1	17.206.200	13.764.960
70	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061D08	2024	10202438160694	Tầng 16 - Nhà Q	1	17.206.200	13.764.960
71	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061D0S	2024	10202438160695	Tầng 15 - Nhà Q	1	17.206.200	13.764.960
72	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061D3C	2024	10202438160696	Tầng 16 - Nhà Q	1	17.206.200	13.764.960
73	SWITCH ACCESS 48 PORT - CISCO - C1000-48T-4G-L - PSZ28061D4E	2024	10202438160697	Tầng 1 - Nhiệt đới TW	1	17.206.200	13.764.960
74	THIẾT BỊ LƯU TRỮ MẠNG SYNOLOGY RS2423RP + Ổ CỨNG - SYNOLOGY - SYNOLOGY-RS2423RP+ - 2420V3R2RNZ2M	2024	10202438160698	Tầng 16 - Nhà Q	1	66.500.000	53.200.000
75	THIẾT BỊ LƯU TRỮ MẠNG SYNOLOGY RS2423RP + Ổ CỨNG - SYNOLOGY - SYNOLOGY-RS2423RP+ - 2440V3RE4MAAW	2024	10202438160699	Tầng 16 - Nhà Q	1	66.500.000	53.200.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

76	THIẾT BỊ MẠNG LÕI PHÒNG MÁY CHỦ 48 PORT - CISCO - X - FDO28040TF5	2024	10202438160552	Tầng 16 - Nhà Q	1	242.660.000	194.128.000
77	TI VI - SAM SUNG - UA75UB8000K - UA75UB8000KXXV	2024	10202442101116	Tầng 16 - Nhà Q	1	21.725.000	17.380.000
	Cộng				**77**	**3.634.725.800**	**2.863.680.640**
XXI	**PHÒNG VẬT TƯ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ**						
1	BÀN KHÁM BỆNH NHÂN MEDICAL MASTER MS 03B- 0330117-00025988	2019	125201918050057	Phòng Vật tư trang thiết bị y tế	1	14.950.000	5.232.500
2	BÀN KHÁM BỆNH NHÂN MEDICAL MASTER MS 03B- 0330117-00025991	2019	125201918050060	Phòng Vật tư trang thiết bị y tế	1	14.950.000	5.232.500
3	BÀN KHÁM BỆNH NHÂN MEDICAL MASTER MS 03B- 0330117-00075986	2019	125201918050061	Phòng Vật tư trang thiết bị y tế	1	14.950.000	5.232.500
4	BỘ LỌC KHUẨN VÀ BẪY DỊCH ĐƯỜNG ỐNG OMEGA AIR M-VAC 2406	2019	05201942530382	Tổ khí	1	84.000.000	29.400.000
5	BỘ LỌC KHUẨN VÀ BẪY DỊCH ĐƯỜNG ỐNG OMEGA AIR M-VAC 2406	2019	05201942530383	Tổ khí	1	84.000.000	29.400.000
6	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2205010013	2022	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	24.000.000	15.600.000
7	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2205010030	2022	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	24.000.000	15.600.000
8	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010190	2022	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	24.000.000	15.600.000
9	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010196	2022	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	24.000.000	15.600.000
10	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010206	2022	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	24.000.000	15.600.000
11	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010256	2022	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	24.000.000	15.600.000
12	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010260	2022	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	24.000.000	15.600.000
13	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010267	2022	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	24.000.000	15.600.000
14	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010268	2022	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	24.000.000	15.600.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

15	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010275	2022	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	24.000.000	15.600.000
16	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010291	2022	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	24.000.000	15.600.000
17	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010296	2022	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	24.000.000	15.600.000
18	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01947	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
19	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01948	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
20	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01949	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
21	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01950	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
22	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01951	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
23	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01952	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
24	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01953	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
25	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01954	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
26	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01955	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
27	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01956	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
28	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01957	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
29	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01958	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
30	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01959	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
31	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01960	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
32	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01961	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
33	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01966	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

34	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01967	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
35	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01968	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
36	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01969	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
37	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01970	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
38	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01971	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
39	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01972	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
40	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01973	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
41	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01974	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
42	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01975	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
43	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01976	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
44	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01977	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
45	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01978	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
46	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01979	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
47	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01980	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
48	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01981	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
49	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01982	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
50	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01983	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
51	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01984	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
52	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01985	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

53	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01986	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
54	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01987	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
55	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01988	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
56	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01989	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
57	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01990	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
58	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01991	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
59	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01992	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
60	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01993	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
61	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01994	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
62	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01995	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
63	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01996	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
64	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01997	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
65	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01998	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
66	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01999	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
67	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES02000	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
68	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES02001	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
69	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES02002	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
70	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES02003	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
71	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES02004	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

72	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES02005	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
73	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES02006	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
74	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES02007	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
75	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES02008	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
76	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES02009	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
77	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES02010	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
78	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES02014	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
79	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES02015	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
80	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES02016	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
81	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES02017	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
82	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES02018	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
83	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES02019	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
84	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES02020	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
85	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES02021	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
86	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES02022	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
87	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES02023	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
88	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES02024	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
89	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES02025	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
90	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES02026	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

91	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES02027	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
92	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES02028	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
93	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES02029	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
94	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES02030	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
95	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES02031	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
96	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES02032	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
97	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES02033	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
98	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES02034	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
99	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES02035	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
100	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES02036	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
101	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES02037	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
102	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES02038	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
103	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES02039	2022	#NAME?	Tầng 19 nhà Q	1	93.000.000	60.450.000
104	BƠM TIÊM ĐIỆN-TERUMO-TE-SS700-1911010124	2020	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	24.990.000	11.245.500
105	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 2001010251	2020	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	24.990.000	11.245.500
106	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 2001010259	2020	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	24.990.000	11.245.500
107	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO- TE-SS700-2001010293	2020	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	24.990.000	11.245.500
108	0BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2101010059	2023	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	24.990.000	18.742.500
109	0BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010187	2023	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	24.990.000	18.742.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

110	0BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010218	2023	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	24.990.000	18.742.500
111	0BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010243	2023	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	24.990.000	18.742.500
112	0BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010251	2023	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	24.990.000	18.742.500
113	0BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010266	2023	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	24.990.000	18.742.500
114	0BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010287	2023	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	24.990.000	18.742.500
115	0BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010299	2023	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	24.990.000	18.742.500
116	BƠM TIÊM ĐIỆN-TERUMO-TE-SS730-2201010020	2022	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	24.000.000	15.600.000
117	BƠM TIÊM ĐIỆN-TERUMO-TE-SS730-2201010257	2023	05202248011229	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	24.990.000	18.742.500
118	BƠM TIÊM ĐIỆN-TERUMO-TE-SS730-2205010037	2022	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	24.000.000	15.600.000
119	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS830 - 2101010445	2022	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	29.000.000	18.850.000
120	BƠM TRUYỀN DỊCH-TOP-2300-20G0420	2022	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	29.650.000	19.272.500
121	BƠM TRUYỀN DỊCH-TOP-2300-20G0423	2022	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	29.650.000	19.272.500
122	BƠM TRUYỀN DỊCH-TOP-2300-20G0433	2022	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	29.650.000	19.272.500
123	BƠM TRUYỀN DỊCH-TOP-2300-20G0437	2022	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	29.650.000	19.272.500
124	CÂN TRỌNG LƯỢNG VÀ THƯỚC ĐO CHIỀU CAO CHARDER MS 4900 T18003223	2019	-	Phòng Vật tư trang thiết bị y tế	1	14.980.000	5.243.000
125	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG-FUJITSU-ASAA12ADT	2020	-	kho vật tư 1	1	9.720.000	4.860.000
126	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG-PANASONIC-CS-C18DKF	2020	-	tổ điện tử	1	13.375.000	6.687.500
127	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG-TOSHIBA-RAS-18S3AV-V	2020	-	trưởng phòng	1	22.136.000	8.301.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

128	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG-TOSHIBA-RAS-H13S3KS-V	2020	-	tổ điện tử	1	16.792.500	6.297.188
129	GIÁ ĐỂ HỒ SƠ C29000 X R600 X D5700MM	2021	-	Khu HC Cũ	1	20.130.000	10.065.000
130	HỆ THỐNG MÁY NÉN KHÍ CECCATO MÁY NÉN CSC60+MÁY SẤY CDX100	2019	-	Tổ khí	1	618.200.000	216.370.000
131	HỆ THỐNG THIẾT BỊ KHÍ Y TẾ	2016	-	SỬ DỤNG CHO CẢ VIỆN	1	13.601.570.000	680.078.500
132	MÁY ĐIỆN TIM - NIHON KOHDEN - ECG-1250K- 14317	2018	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	65.000.000	16.250.000
133	MÁY ĐIỆN TIM-NIHON KOHDEN-ECG-1250K-16529	2024	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	71.400.000	62.475.000
134	MÁY ĐIỆN TIM-WELCH ALLYN-CP150	2019	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	64.755.000	22.664.250
135	MÁY ĐIỆN TIM-WELCH ALLYN-CP150-100009771217	2019	-	Tầng 19 nhà Q	1	64.755.000	22.664.250
136	MÁY ĐO SP02 CẦM TAY OXY9 - 02P1000020	2017	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	15.600.000	2.340.000
137	MÁY ĐO EC/TDS CHO NƯỚC SIÊU TINH KHIẾT HI98197	2019	-	kho tổ điện máy	1	48.808.000	17.082.800
138	MÁY HÚT DỊCH CHÂN KHÔNG BUSCH R5RA0305D	2019	-	Tổ khí	1	490.000.000	171.500.000
139	MÁY HÚT DỊCH CHÂN KHÔNG BUSCH R5RA0305D	2019	-	Tổ khí	1	490.000.000	171.500.000
140	MÁY PHÁ RUNG TIM - NIHON KOHDEN - TEC-5631K - 10817	2021	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	169.000.000	92.950.000
141	MÁY PHÁ RUNG TIM - NIHON KOHDEN - TEC-5631K - 10837	2021	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	169.000.000	92.950.000
142	MÁY PHÁ RUNG TIM - NIHON KOHDEN - TEC-5631K - 10845	2021	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	169.000.000	92.950.000
143	MÁY PHÁ RUNG TIM - NIHON KOHDEN - TEC-5631K - 12777	2021	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	169.000.000	92.950.000
144	MÁY PHÁ RUNG TIM - NIHON KOHDEN - TEC-5631K - 12779	2021	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	169.000.000	92.950.000
145	MÁY PHÁ RUNG TIM - NIHON KOHDEN - TEC-5631K - 12781	2021	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	169.000.000	92.950.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

146	MÁY PHÁ RUNG TIM - NIHON KOHDEN - TEC-5631K - 12782	2021	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	169.000.000	92.950.000
147	MÁY PHÁ RUNG TIM - NIHON KOHDEN - TEC-5631K - 12783	2021	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	169.000.000	92.950.000
148	MÁY PHÁ RUNG TIM - NIHON KOHDEN - TEC-5631K - 12784	2021	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	169.000.000	92.950.000
149	MÁY PHÁ RUNG TIM - NIHON KOHDEN - TEC-5631K - 12786	2021	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	169.000.000	92.950.000
150	MÁY PHOTOCOPY FUJI XEROX DOCUCENTRE V3065 CPS	2019	-	Khu HC Cũ	1	61.000.000	6.100.000
151	MÁY SẤY KHÍ EGRD 300	2018	-	Tổ khí	1	89.650.000	22.412.500
152	MÁY SẤY KHÍ EGRD100	2018	-	Tổ khí	1	51.150.000	12.787.500
153	MÁY SẤY KHÍ NÉN LH 50HA	2017	-	Tổ khí	1	78.000.000	11.700.000
154	MÁY SỐC ĐIỆN - NIHON KOHDEN - TEC-5631K - 12775	2021	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	169.000.000	92.950.000
155	MÁY SỐC ĐIỆN - NIHON KOHDEN - TEC-5631K -12780	2021	-	Kho vật tư tầng 1 nhà	1	169.000.000	92.950.000
156	MÁY THỞ - GE CARE SCAPE - R860 - CBRX 03078	2018	-	Tầng 19 nhà Q	1	848.000.000	212.000.000
157	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO-COVIDIEN-BENNETT 980-35B2102147	2024	05202412250635	Tầng 19 nhà Q	1	588.929.802	515.313.577
158	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO-COVIDIEN-BENNETT 980-35B2102955	2024	05202412250670	Tầng 19 nhà Q	1	588.929.802	515.313.577
159	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO-COVIDIEN-BENNETT 980-35B2102974	2024	05202412250643	Tầng 19 nhà Q	1	588.929.802	515.313.577
160	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO-COVIDIEN-BENNETT 980-35B2102977	2024	05202412250645	Tầng 19 nhà Q	1	588.929.802	515.313.577
161	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO-COVIDIEN-BENNETT 980-35B2102992	2024	05202412250647	Tầng 19 nhà Q	1	588.929.802	515.313.577
162	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO-COVIDIEN-BENNETT 980-35B2103024	2024	05202412250648	Tầng 19 nhà Q	1	588.929.802	515.313.577
163	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO-COVIDIEN-BENNETT 980-35B2103028	2024	05202412250652	Tầng 19 nhà Q	1	588.929.802	515.313.577
164	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO-COVIDIEN-BENNETT 980-35B2103108	2024	05202412250671	Tầng 19 nhà Q	1	588.929.802	515.313.577
165	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO-COVIDIEN-BENNETT 980-35B2104866	2024	05202412250674	Tầng 19 nhà Q	1	588.929.802	515.313.577

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

166	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO-COVIDIEN-BENNETT 980-35B2104977	2024	05202412250657	Tầng 19 nhà Q	1	588.929.802	515.313.577
167	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO-COVIDIEN-BENNETT 980-35B2105025	2024	05202412250658	Tầng 19 nhà Q	1	588.929.802	515.313.577
168	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO-COVIDIEN-BENNETT 980-35B2105042	2024	05202412250659	Tầng 19 nhà Q	1	588.929.802	515.313.577
169	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO-COVIDIEN-BENNETT 980-35B2105059	2024	05202412250663	Tầng 19 nhà Q	1	588.929.802	515.313.577
170	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO-GE-R860-CBRA20624	2023	05202332250825	Tầng 19 nhà Q	1	649.000.000	486.750.000
171	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO-GE-R860-CBRA20692	2023	05202332250826	Tầng 19 nhà Q	1	649.000.000	486.750.000
172	MÁY TÍNH-DELL-36Q4232	2021	-	Khu HC Cũ	1	20.500.000	4.100.000
173	MÁY TÍNH-DELL-96WT7W754	2018	-	Khu HC Cũ	1	11.200.000	2.800.000
174	MÁY TÍNH-DELL-HBQ4232	2021	-	Khu HC Cũ	1	20.500.000	4.100.000
175	MÁY TÍNH-DELL-TZCM754	2018	-	Khu HC Cũ	1	11.200.000	2.800.000
176	THIẾT BỊ ĐO ĐỘ ẨM CỦA NGUỒN KHÍ Y TẾ OHMIC AMM 15	2019	-	Tổ khí	1	69.740.000	24.409.000
177	THIẾT BỊ KIỂM TRA HIỆU CHUẨN BƠM TIÊM ĐIỆN FLUKE IDA 5	2019	-	Tầng 19 nhà Q	1	500.280.000	175.098.000
178	THIẾT BỊ KIỂM TRA HIỆU CHUẨN MÁY ĐỐT ĐIỆN CAO TẦN FLUKE QA-ES III	2019	-	Tầng 19 nhà Q	1	507.150.000	177.502.500
179	THIẾT BỊ PHÂN TÍCH AN TOÀN ĐIỆN FLUKE ESA 615	2019	-	Tầng 19 nhà Q	1	236.390.000	82.736.500
180	TỦ SẤY DÂY THỞ-HOÀNG NGUYỄN-KHÔNG SỐ	2021	71202148100467	Tầng 19 nhà Q	1	78.000.000	42.900.000
181	XE CÁNG LKL PT1002	2019	125201913020483	Tầng 19 nhà Q	1	14.285.000	4.999.750
182	XE CÁNG LKL PT1002	2019	125201913020484	Tầng 19 nhà Q	1	14.285.000	4.999.750
183	XE CÁNG LKL PT1002	2019	125201913020486	Tầng 19 nhà Q	1	14.285.000	4.999.750
Cộng					**183**	**38.254.243.926**	**16.810.002.235**
XXII	**TRUNG TÂM CƠ XƯƠNG KHỚP**						
1	Bàn để chậu rửa	2024	25202448160403	Trung tâm Cơ xương khớp	1	17.600.000	14.080.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

2	Bàn để chậu rửa	2024	25202448160404	Trung tâm Cơ xương khớp	1	17.600.000	14.080.000
3	Bàn để đồ	2024	25202448160401	Trung tâm Cơ xương khớp	1	11.330.000	9.064.000
4	Bàn để đồ	2024	25202448160402	Trung tâm Cơ xương khớp	1	11.330.000	9.064.000
5	Bơm tiêm điện - TERUMO - TE-SS730 - 2112010339	2022	25202248011311	Kho	1	24.000.000	15.600.000
6	Bơm tiêm điện - TERUMO - TE-SS730 - 2201010232	2022	25202248011249	Kho	1	24.000.000	15.600.000
7	Bơm tiêm điện - TERUMO - TE-SS730 - 2201010361	2022	25202248011227	Kho	1	24.000.000	15.600.000
8	Bơm truyền dịch - TERUMO - TE-LF600 - 1503010125	2016	25201612230565	Trung tâm Cơ xương khớp	1	34.996.500	1.749.825
9	Bơm truyền dịch - TERUMO - TE-LF600 - 1509010103	2016	25201612230564	Kho	1	34.996.500	1.749.825
10	Bơm truyền dịch - TERUMO - TE-LF600 - 1509010104	2016	25201612230566	Trung tâm Cơ xương khớp	1	34.996.500	1.749.825
11	Điều hòa cassette - DAIKIN - 12000	2018	25201842061964	P515	1	13.296.998	1.662.125
12	Điều hòa cassette - DAIKIN - 12000	2018	25201842061965	P514	1	13.296.998	1.662.125
13	Điều hòa cassette - DAIKIN - 18000	2018	25201842062330	P519	1	36.699.300	4.587.413
14	Điều hòa cassette - DAIKIN - 21000	2018	25201842062187	hành chính	1	43.658.780	5.457.348
15	Điều hòa cassette - DAIKIN - 28000	2018	25201842062186	P516	1	43.658.780	5.457.348
16	Điều hòa cassette - DAIKIN - R18PUV2V	2018	-	trưởng khoa nhà P	1	19.880.300	2.485.038
17	Điều hòa treo tường - DAIKIN - FTNE50MV1V - E018034	2018	25201842062272	P508	1	19.880.300	2.485.038
18	Điều hòa treo tường - DAIKIN - FTNE50MV1V - E021624	2018	25201842062273	P509	1	19.880.300	2.485.038
19	Điều hòa treo tường - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V - 2400028	2020	-	P509	1	22.136.000	8.301.000
20	Điều hòa treo tường - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V - 2400033	2020	-	P510	1	22.136.000	8.301.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

21	Điều hòa treo tường - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V - 2400044	2020	-	P510	1	22.136.000	8.301.000
22	Điều hòa treo tường - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V - 2400060	2020	-	P511	1	22.136.000	8.301.000
23	Điều hòa treo tường - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V - 2400083	2020	-	P511	1	22.136.000	8.301.000
24	Điều hòa treo tường - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V - 2600002	2020	-	P502	1	22.136.000	8.301.000
25	Điều hòa treo tường - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V - 2600004	2020	-	P506	1	22.136.000	8.301.000
26	Điều hòa treo tường - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V - 2600012	2020	-	P507	1	22.136.000	8.301.000
27	Điều hòa treo tường - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V - 2600038	2020	-	P505	1	22.136.000	8.301.000
28	Điều hòa treo tường - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V - 2600049	2020	-	P507	1	22.136.000	8.301.000
29	Điều hòa treo tường - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V - 2600068	2020	-	P505	1	22.136.000	8.301.000
30	Điều hòa treo tường - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V - 2600073	2020	-	P506	1	22.136.000	8.301.000
31	Điều hòa treo tường - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V - 2600078	2020	-	P508	1	22.136.000	8.301.000
32	Điều hòa treo tường - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V - 2700092	2020	-	P517	1	22.136.000	8.301.000
33	Laptop - HP - 240R G9 - 5CG4260JK1	2024	10202432030205	Phòng giao ban	1	15.895.000	12.716.000
34	Máy điện cơ - NIHON KOHDEN - JB-964B - 435	2022	25202242150419	P429 K1	1	860.000.000	559.000.000
35	Máy điện tim - NIHON KOHDEN - ECG 1250K - 14783	2018	25201842170122	Kho	1	65.000.000	16.250.000
36	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu - NONIN - AVANT 2120 - 502504097	2018	25201842150328	Trung tâm Cơ xương khớp	1	61.600.000	15.400.000
37	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu - NONIN - AVANT 2120 - 502578488	2018	29201842150259	Trung tâm Cơ xương khớp	1	61.600.000	15.400.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

38	Máy đo huyết áp & SPO2 - NONIN - 2120 - 502578491	2019	25201942150332	Trung tâm Cơ xương khớp	1	61.600.000	21.560.000
39	Máy đo mật độ xương - HOLOGIC - HORIZON WI - 306328M	2022	25202242150409	P.202 nhà K2	1	1.700.000.000	1.105.000.000
40	Máy siêu âm - GE - LOGIQ E9 - 204721US6	2018	25201892210116	P518	1	3.886.000.000	971.500.000
41	Máy siêu âm - SAMSUNG - ACCUVIX V10 - B23509300004375	2018	25201202210143	P.411 nhà K1	1	1.145.700.000	286.425.000
42	Máy theo dõi bệnh nhân - PHILIPS - DE54803672	2019	125201912220642	Phòng Cấp Cứu	1	168.924.000	59.123.400
43	Máy tính - DELL - INSPIRION 3030SFF - 2SWQT44	2024	10202432023130	Phòng Giao ban	1	16.170.000	12.936.000
44	Máy tính - DELL - INSPIRION 3030SFF - 6YWQT44	2024	10202432023071	Tiếp đón	1	16.170.000	12.936.000
45	Máy tính - DELL - INSPIRION 3030SFF - CZWQT44	2024	10202432023090	Văn phòng TT	1	16.170.000	12.936.000
46	Máy tính - DELL - INSPIRION 3030SFF - JYWQT44	2024	10202432023081	Phòng Giao ban	1	16.170.000	12.936.000
47	Máy tính - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS - 1HCM754	2024	10202432023321	Phòng Giao ban	1	19.935.000	15.948.000
48	Máy tính - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS - 23WT754	2024	10202432023336	Phòng Giao ban	1	19.935.000	15.948.000
49	Máy tính - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS - 2MWT754	2024	10202432023348	Phòng Giao ban	1	19.935.000	15.948.000
50	Máy tính - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS - 2YCM754	2024	10202432023292	Siêu âm khớp	1	19.935.000	15.948.000
51	Máy tính - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS - 4HWT754	2024	10202432023390	Phòng Giao ban	1	19.935.000	15.948.000
52	Máy tính - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS - 5MCM754	2024	10202432023423	Phòng Giao ban	1	19.935.000	15.948.000
53	Máy tính - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS - 7MWT754	2024	10202432023474	Trung tâm Cơ xương khớp	1	19.935.000	15.948.000
54	Máy tính - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS - 8CWT754	2024	10202432023290	Nội soi khớp	1	19.935.000	15.948.000
55	Máy tính - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS - CQCM754	2024	10202432023291	Phòng Giao ban	1	19.935.000	15.948.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

56	Máy tính - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS - CXCM754	2024	25202432023311	Tiếp đón	1	19.935.000	15.948.000
57	Máy tính - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS - FJWT754	2024	10202432023603	Trung tâm Cơ xương khớp	1	19.935.000	15.948.000
58	Máy tính - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS - GKWT754	2024	10202432023630	Phòng Giao ban	1	19.935.000	15.948.000
59	Máy tính - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS - HJWT754	2024	10202432023654	Văn phòng TT	1	19.935.000	15.948.000
60	Máy tính - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS - J3WT754	2024	10202432023667	Phòng Giao ban	1	19.935.000	15.948.000
61	Máy tính - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS - JJCM754	2024	10202432023680	Trung tâm Cơ xương khớp	1	19.935.000	15.948.000
	Cộng				**61**	**9.145.029.256**	**3.594.171.345**
XXIII	**PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ**						
1	MÁY IN THẺ NHỰA - EVOLIS AVANSIA - 0	2022	02202242011863	Phòng TCCB-tầng 2 khu HCC	1	41.800.000	16.720.000
2	BỘ SOFA - W2600XD900XH860 - 0	2020	02202042320032	Phòng TCCB-tầng 2 khu HCC	1	15.510.000	5.816.250
3	GHẾ SOFA VÀ 2 ĐÔN - KT: 2500X600X800MM - 0	2023	02202348160378	Phòng TCCB-tầng 2 khu HCC	1	17.280.000	12.960.000
4	CÂY NƯỚC NÓNG TẦNG 2 KHU HCC - HH6681	2021		Phòng TCCB-tầng 2 khu HCC	1	14.630.000	2.926.000
5	MÁY PHOTOCOPY - FUJI - FUJIXEROX 4570 DB5-30 - 131649	2023	02202342040092	Phòng TCCB-tầng 2 khu HCC	1	93.500.000	56.100.000
	Cộng				**5**	**182.720.000**	**94.522.250**
XXIV	**TRUNG TÂM PHẪU THUẬT TIÊU HÓA**						
1	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTE60KV1 - E003428	2018	-		1	25.973.794	3.246.724
2	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 7010247	2019	-		1	24.990.000	8.746.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

3	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - SS730 - 1811012298	2022	-		1	24.990.000	8.746.500
4	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - LF630 - 2106070345	2022	-		1	24.990.000	8.746.500
5	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - LF630 - 2106070339	2022	-		1	32.500.000	21.125.000
6	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - LF630 - 2106070341	2022	-		1	32.500.000	21.125.000
7	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - LF630 - 2112010030	2022	-		1	32.500.000	21.125.000
8	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - LF630 - 2112010003	2022	05202248011336		1	32.500.000	21.125.000
9	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - LF630 - 2106010356	2022	-		1	32.500.000	21.125.000
10	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - LF630 - 2106010338	2022	-		1	32.500.000	21.125.000
11	GIƯỜNG 3 TAY QUAY	2018	-		1	19.750.000	4.937.500
12	GIƯỜNG 3 TAY QUAY	2018	-		1	19.750.000	4.937.500
	Cộng				**12**	**335.443.794**	**166.111.224**
XXV	**VIỆN GIÁM ĐỊNH Y KHOA**						
1	HỆ THỐNG MÁY CHIẾU - SONY - VPL-FH31	2021	44202112070136	Phòng 307	1	45.650.000	9.130.000
2	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ - DAKIN - 18000BTU FTC50NV1V	2021	44202112070137	Phòng 305	1	14.949.000	7.474.500
3	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ - DAKIN - 18000BTU FTC50NV1V	2021	44202112070138	Phòng 104	1	14.949.000	7.474.500
4	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ CỤC BỘ - DAKIN - FTHF35XVMV - 12000	2023	44202342022808	Phòng 310	1	23.354.100	17.515.575
5	TV - SAMSUNG - QD98Q80CAKXXV	2024	44202442101118	Phòng 104	1	88.000.000	70.400.000
7	MÁY TÍNH - ACER - VERITON X2690G - DTVM5SV0743118021DF9600	2023	44202342022892	P. Hành chính 307	1	14.404.000	8.642.400
9	MÁY TÍNH - ĐNA - H510MH - MAC: 74563C07C862 (màn Dell, cây Orient)	2022	44202212011865	P. Hành chính 307 Trang	1	14.000.000	5.680.000
10	MÁY TÍNH - ĐNA - H510M - 74563C07CA0E (màn Dell, cây Orient)	2022	44202212011866	P. Hành chính 307 M.Hương	1	14.000.000	5.680.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

12	MÁY PHOTO- FUJISU - APEOS3060 - 450869	2022	44202212040091	P. Hành chính 307	1	65.000.000	30.875.000
15	MÁY TÍNH - ĐNA - H510M - MAC: 74563C07D15C (màn Dell, cây Orient)	2022	44202212011864	P.Viện trưởng 311	1	14.000.000	5.680.000
16	MÁY TÍNH - HP - PROTOWER 280G9EPCI - 4CE4251Z05R	2024	44202412023058	P.Họp 104	1	13.350.000	10.680.000
17	MÁY TÍNH - HP - PROTOWER 280G - 4CE425F055	2024	44202412023059	P.111	1	13.350.000	10.680.000
19	MÁY TÍNH - HP - 4CE425F06G	2024	44202412023060	p307 Linh	1	13.350.000	10.680.000
21	MÁY TÍNH XÁCH TAY - DELL - INSPIRON 153000 - GDEPJP3	2022	-	P307	1	14.800.000	5.920.000
23	MÁY TÍNH XÁCH TAY - DELL - INSPIRON - 3KGEPJP3	2022	-	P307	1	14.800.000	5.920.000
	Cộng				**15**	**377.956.100**	**212.431.975**
XXVI	**TRUNG TÂM CẤP CỨU A9**						
1	AMPU BÓNG BÓP CẤP CỨU LAERDAL 87005133	2019	125201912530364	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	14.668.000	5.133.800
2	AMPU BÓNG BÓP CẤP CỨU LAERDAL 87005133	2019	125201912530365	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	14.668.000	5.133.800
3	AMPU BÓNG BÓP CẤP CỨU LAERDAL 87005133	2019	125201912530366	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	14.668.000	5.133.800
4	AMPU BÓNG BÓP CẤP CỨU LAERDAL 87005133	2019	125201912530367	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	14.668.000	5.133.800
5	AMPU BÓNG BÓP CẤP CỨU LAERDAL 87005133	2019	125201912530368	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	14.668.000	5.133.800
6	AMPU BÓNG BÓP CẤP CỨU LAERDAL 87005133	2019	125201912530369	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	14.668.000	5.133.800
7	AMPU BÓNG BÓP CẤP CỨU LAERDAL 87005133	2019	125201912530370	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	14.668.000	5.133.800

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

8	AMPU BÓNG BÓP CẤP CỨU LAERDAL 87005133	2019	125201912530371	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	14.668.000	5.133.800
9	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010434	2022		TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	15.600.000
10	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS370 - 2112010356	2022	05202248011291	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	15.600.000
11	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1608010005	2017	54201718010637	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.990.000	3.123.750
12	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1608010017	2016	54201618010625	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.990.000	1.249.500
13	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1608010035	2016	54201618010622	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.990.000	1.249.500
14	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1608010061	2017	54201718010638	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.990.000	3.123.750
15	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1608010150	2017	54201718010636	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.990.000	3.123.750
16	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1608010886	2016	54201618010623	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.990.000	1.249.500
17	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1610010228	2016	54201618010627	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.990.000	1.249.500
18	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1807010333	2019	142201918011037	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.990.000	8.746.500
19	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1810010282	2019	54201918010879	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.990.000	8.746.500

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

20	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1511010320	2021	142202178013067	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.990.000	13.744.500
21	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1607010886	2017	54201718010635	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.990.000	3.123.750
22	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1610010212	2016	54201618010626	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.990.000	1.249.500
23	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1807010272	2018	54201828010783	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.990.000	6.247.500
24	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1807010330	2018	54201828010785	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.990.000	6.247.500
25	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1807010342	2018	54201828010786	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.990.000	6.247.500
26	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1808010232	2019	54201918010876	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.990.000	8.746.500
27	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1810010141	2019	54201918010877	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.990.000	8.746.500
28	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1906010101	2019	54201918010937	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.990.000	8.746.500
29	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1906010140	2019	54201918010936	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.990.000	8.746.500
30	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1906010149	2019	54201918010934	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.990.000	8.746.500
31	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1906010155	2019	54201918010938	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.990.000	8.746.500

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_ 07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

32	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1906010191	2019	54201918010935	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.990.000	8.746.500
33	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010127	2019	54201918010899	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.990.000	8.746.500
34	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010144	2019	54201918010902	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.990.000	8.746.500
35	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010295	2019	54201918010901	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.990.000	8.746.500
36	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010315	2019	54201918010898	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.990.000	8.746.500
37	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010356	2019	54201918010900	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.990.000	8.746.500
38	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 1807010300	2018	54201828010784	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.990.000	6.247.500
39	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2101090565	2022		TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	15.600.000
40	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010489	2022	142202238013004	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	15.600.000
41	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010504	2022	142202238013024	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	15.600.000
42	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010506	2022	142202238013022	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	15.600.000
43	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010512	2022	142202238013018	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	15.600.000

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_ 07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19
Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

44	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010525	2022	142202238013066	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	15.600.000
45	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010526	2022	142202238013010	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	15.600.000
46	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010527	2022	142202238013013	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	15.600.000
47	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010528	2022	142202238013017	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	15.600.000
48	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010531	2022	142202238013011	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	15.600.000
49	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010536	2022	142202238013015	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	15.600.000
50	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010537	2022	142202238013007	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	15.600.000
51	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010543	2022	142202238013005	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	15.600.000
52	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010550	2022	142202238013014	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	15.600.000
53	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010567	2022	142202238013021	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	15.600.000
54	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010570	2022	142202238013019	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	15.600.000
55	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010580	2022	142202238013023	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	15.600.000

22140_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

56	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010229	2022	142202238013009	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	15.600.000
57	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010238	2022	142202238013012	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	15.600.000
58	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010258	2022	142202238013006	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	15.600.000
59	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010289	2022	142202238013016	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	15.600.000
60	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010301	2022	05202248011315	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	15.600.000
61	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010323	2022	05202248011289	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	15.600.000
62	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010357	2022	05202248011322	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	15.600.000
63	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010258	2022	05202248011237	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	15.600.000
64	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010347	2022	05202248011279	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	15.600.000
65	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010366	2022	05202248011252	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	15.600.000
66	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010403	2022	05202248011244	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	15.600.000
67	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010404	2022	05202248011266	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	15.600.000

22140_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

68	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010413	2022	05202248011275	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	15.600.000
69	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010415	2022	142202248011233	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	15.600.000
70	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010430	2022	05202248011261	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	15.600.000
71	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2205010001	2023	05202338013135	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	18.000.000
72	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2205010002	2023	05202338013136	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	18.000.000
73	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2205010005	2023	05202338013138	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	18.000.000
74	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2205010015	2023	05202338013158	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	18.000.000
75	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2205010018	2023	05202338013143	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	18.000.000
76	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2205010024	2023	05202338013147	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	18.000.000
77	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2205010033	2023	05202338013151	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	18.000.000
78	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2205010038	2023	05202338013154	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	18.000.000
79	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2205010048	2023	05202338013156	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	18.000.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

80	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2205010053	2023	05202338013148	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	18.000.000
81	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600 - 1607011023	2016	54201672230011	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	34.996.500	1.749.825
82	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2002010453	2023	05202332231052	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	32.500.000	24.375.000
83	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2002010454	2023	05202332231054	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	32.500.000	24.375.000
84	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2002010456	2023	05202332231059	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	32.500.000	24.375.000
85	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2002010457	2023	05202332231056	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	32.500.000	24.375.000
86	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2002010458	2023	05202332231058	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	32.500.000	24.375.000
87	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2002010459	2023	05202332231057	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	32.500.000	24.375.000
88	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2002010460	2023	-	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	32.500.000	24.375.000
89	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2002010461	2023	05202332231055	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	32.500.000	24.375.000
90	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2111010121	2023	-	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	32.500.000	24.375.000
91	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2111010442	2022	05202248011360	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	32.500.000	21.125.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

92	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2111010445	2022	05202248011350	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	32.500.000	21.125.000
93	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2112010046	2022	05202248011352	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	32.500.000	21.125.000
94	BƠM TRUYỀN DỊCH LF600 - 1606010213	2016	54201672230012	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	34.996.500	1.749.825
95	BƠM TRUYỀN DỊCH LF600 - 1606010242	2016	54201672230014	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	34.996.500	1.749.825
96	BƠM TRUYỀN DỊCH LF600 - 1606010249	2016	54201672230013	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	34.996.500	1.749.825
97	BƠM TRUYỀN DỊCH LF600 - 1607010973	2016	54201672230015	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	34.996.500	1.749.825
98	CÂN BỆNH NHÂN TẠI GIƯỜNG - SCALE-TRONIX - 2002 - 2002-2399	2019	54201948080064	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	99.400.000	34.790.000
99	CÁNG BỆNH NHÂN - -	2019	54201943020478	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	33.000.000	11.550.000
100	CÁNG BỆNH NHÂN - -	2019	54201943020479	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	33.000.000	11.550.000
101	CÁNG BỆNH NHÂN - -	2019	54201943020480	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	33.000.000	11.550.000
102	CÁNG BỆNH NHÂN - -	2019	54201943020481	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	33.000.000	11.550.000
103	CÁNG BỆNH NHÂN - -	2019	54201943020482	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	33.000.000	11.550.000

2440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

104	CÁNG BỆNH NHÂN - -	2020	54202043020512	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	33.000.000	14.850.000
105	CÁNG BỆNH NHÂN - -	2020	54202043020513	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	33.000.000	14.850.000
106	CÁNG BỆNH NHÂN - -	2020	54202043020514	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	33.000.000	14.850.000
107	CÁNG BỆNH NHÂN - -	2020	54202043020515	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	33.000.000	14.850.000
108	CÁNG BỆNH NHÂN - -	2020	54202043020549	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	33.000.000	14.850.000
109	CÁNG BỆNH NHÂN - -	2020	54202043020517	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	33.000.000	14.850.000
110	CÁNG BỆNH NHÂN - -	2020	54202043020521	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	33.000.000	14.850.000
111	CÁNG BỆNH NHÂN - -	2020	54202043020522	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	33.000.000	14.850.000
112	CÁNG BỆNH NHÂN - -	2020	54202043020523	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	33.000.000	14.850.000
113	CÁNG BỆNH NHÂN - -	2020	54202043020542	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	13.860.000	6.237.000
114	CÁNG BỆNH NHÂN - -	2020	54202043020543	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	13.860.000	6.237.000
115	CÁNG BỆNH NHÂN - -	2020	54202043020544	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	13.860.000	6.237.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

116	CÁNG BỆNH NHÂN - -	2020	54202043020545	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	13.860.000	6.237.000
117	CÁNG BỆNH NHÂN - -	2020	54202043020546	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	13.860.000	6.237.000
118	CÁNG BỆNH NHÂN - -	2020	54202043020547	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	13.860.000	6.237.000
119	CÁNG BỆNH NHÂN - -	2021	54202148041187	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	30.800.000	16.940.000
120	CÁNG BỆNH NHÂN - -	2021	54202148041188	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	30.800.000	16.940.000
121	CÁNG BỆNH NHÂN - -	2021	54202143020624	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	30.800.000	16.940.000
122	CÁNG BỆNH NHÂN - -	2021	54202143020625	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	30.800.000	16.940.000
123	CÁNG BỆNH NHÂN - -	2021	54202143020626	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	30.800.000	16.940.000
124	CÁNG BỆNH NHÂN - -	2016	54201643020353	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	23.000.000	1.150.000
125	CÁNG BỆNH NHÂN - -	2016	54201643020354	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	23.000.000	1.150.000
126	CÁNG BỆNH NHÂN - -	2016	54201643020355	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	23.000.000	1.150.000
127	CÁNG BỆNH NHÂN - -	2016	54201643020356	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	23.000.000	1.150.000

2440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

128	CÁNG BỆNH NHÂN - -	2018	54201843020421	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	6.000.000
129	CÁNG BỆNH NHÂN - -	2018	54201843020422	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	6.000.000
130	CÁNG BỆNH NHÂN - -	2018	54201843020423	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	6.000.000
131	CÁNG BỆNH NHÂN - -	2018	54201843020424	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	6.000.000
132	CÁNG BỆNH NHÂN - -	2018	54201843020425	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	6.000.000
133	CÁNG BỆNH NHÂN - -	2018	54201843020426	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	6.000.000
134	CÁNG BỆNH NHÂN - -	2018	54201843020427	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.000.000	6.000.000
135	CÁNG BỆNH NHÂN - HILL-ROM - -	2019	54201943020477	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	33.000.000	11.550.000
136	CÁNG BỆNH NHÂN - J217AN8928	2020	54202043020548	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	13.860.000	6.237.000
137	CÁNG BỆNH NHÂN INOX - - - - - -	2021	54202148041186	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	30.800.000	16.940.000
138	CỬA TỰ ĐỘNG VẬT KIẾN TRÚC	2021	54202148210003	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	59.180.000	35.508.000
139	ĐÈN MỔ DI ĐỘNG - WELCH ALLYN - GS 600 - 121114 (KHÔNG SỐ)	2020	54202048060132	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	23.800.000	10.710.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

140	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ ÂM TRẦN - DAIKIN - RNQ36MY1	2023	142202342062711	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	47.079.600	35.309.700
141	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ CASSETLE - DAIKIN - RZA100DV1	2018	30201842062382	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	53.614.000	6.701.750
142	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ CASSETLE - DAIKIN - RZA140DV1	2023		TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	47.079.600	35.309.700
143	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ CASSETLE - DAIKIN - RZA140DV1	2023		TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	47.079.600	35.309.700
144	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ CASSETLE - DAIKIN - RZA140DV1	2023		TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	47.079.600	35.309.700
145	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ CASSETLE - DAIKIN - RZA50DV2V	2023		TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	47.079.600	35.309.700
146	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ CASSETLE - DAIKIN - RZFC50DVM	2019		TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	19.880.300	2.485.038
147	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ CASSETLE - DAIKIN - RZFC50DVM	2019		TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	19.880.300	2.485.038
148	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ CASSETLE - DAIKIN - RZFC50DVM	2019		TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	19.880.300	2.485.038
149	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ CASSETLE - DAIKIN - RZFC50DVM	2019		TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	19.880.300	2.485.038
150	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ CASSETLE - DAIKIN - RZFC50DVM	2018		TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	19.880.300	2.485.038
151	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ CASSETLE - DAIKIN - RZFC50DVM	2019		TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	19.880.300	2.485.038

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

152	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ CASSETLE - PANASONIC - U36PN1H8	2018	03201842062368	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	52.126.800	6.515.850
153	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ CASSETLE - PANASONIC - U36PN1H8	2018		TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	19.880.300	2.485.038
154	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTC35NV1V	2018	14201842062035	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	19.778.682	2.472.335
155	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTHF71VVMV	2018	80201842062054	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	19.778.682	2.472.335
156	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTKB35YVMV	2018	80201842062053	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	19.778.682	2.472.335
157	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTKB35YVMV	2018	80201842061989	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	19.778.682	2.472.335
158	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTKB35YVMV	2023		TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	47.079.600	35.309.700
159	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTKB50YVMV	2018	25201842062058	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	19.778.682	2.472.335
160	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2023	142202342062712	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.674.120	18.505.590
161	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - GREE - GH-12H	2020	93202042062570	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	13.375.000	6.687.500
162	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - HITACHI - RAS-18C9	2020	93202042062621	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	16.250.000	6.093.750
163	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - PANASONIC - CS-YZ18UKH8	2020	93202042062571	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	13.375.000	6.687.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

164	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KV-V	2020	ĐH Toshiba	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	22.136.000	8.301.000
165	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KV-V	2020	ĐH Toshiba	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	22.136.000	8.301.000
166	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - -	2020	54202048041183	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	33.000.000	14.850.000
167	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - -	2020	54202048041184	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	33.000.000	14.850.000
168	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - -	2020	54202048041185	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	33.000.000	14.850.000
169	HỆ THỐNG TIM PHỔI NHÂN TẠO CẤP CỨU - MAQUET - CARDIOHELP-I - 90412944	2019	54201942220705	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	4.480.000.000	1.568.000.000
170	HỆ THỐNG TIM PHỔI NHÂN TẠO CẤP CỨU - TERUMO - SP200 - 220600001	2022		TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	2.373.000.000	1.542.450.000
171	MÁY DÁN NHÃN MÃ VẠCH TỰ ĐỘNG ỐNG MẪU - ENERGIUM - HENM - H1223210	2024	142202432011881	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	650.000.000	568.750.000
172	MÁY ĐIỆN TIM - BIONET - CARDIOTOUCH3000 - TAB5EUA0019	2022	142202232170173	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	39.000.000	21.450.000
173	MÁY ĐIỆN TIM - BIONET - CARDIOTOUCH3000 - TAB5EUA0020	2022	142202232170174	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	39.000.000	21.450.000
174	MÁY ĐIỆN TIM - NIHON KOHDEN - ECG-1250K - 14739	2017	54201772170129	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	65.000.000	22.750.000
175	MÁY ĐIỆN TIM 6 CẦN NIHON KOHDEN ECG 1250K 15180	2019	05201912170149	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	74.000.000	25.900.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

176	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu 10005941SG	2016	54201642150189	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	44.500.000	2.225.000
177	Máy đo độ bão hòa oxy trong máu 10005941SG	2016	54201642150190	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	44.500.000	2.225.000
178	MÁY ĐO SPO2 LOẠI CẦM TAY MEDIBLU M01	2021	54202142150400	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	16.000.000	8.800.000
179	MÁY ĐO SPO2 LOẠI CẦM TAY MEDIBLU M01	2021	54202142150401	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	16.000.000	8.800.000
180	MÁY ĐO SPO2 LOẠI CẦM TAY MEDIBLU M01	2021	54202142150402	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	16.000.000	8.800.000
181	MÁY ĐO VÀ THEO DÕI ÁP LỰC NỘI SỌ - RAUMEDIC AG - MPR2 LOGO DATALOGER - 820.5 / 16 / 0281	2018	54201822150258	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	750.000.000	187.500.000
182	MÁY GHI ĐIỆN TIM 6 CẦN CARDIOLINE EGC 100L 5831927	2020	54202042170158	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	36.000.000	16.200.000
183	MÁY HẠ THÂN NHIỆT NỘI MẠCH - ZOLL - THERMOGARD XP - TGXP11902	2016	54201612530302	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	1.838.000.000	91.900.000
184	MÁY HÚT DỊCH 2 BÌNH - BICAKCILAR - M4E-500 - 1314	2018	08201842560630	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	43.050.000	10.762.500
185	MÁY HÚT DỊCH 2 BÌNH - SHIN-EI - TAF-3000FD - 1809001	2019	125201912560635	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	44.135.000	15.447.250
186	MÁY HÚT DỊCH 2 BÌNH - SHIN-EI - TAF-3000FD - 1809002	2019	125201912560636	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	44.135.000	15.447.250
187	MÁY KHỬ KHUẨN AEROSEPT 100VF ANIOS - A5M0026	2017	54201772530393	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	99.800.000	14.970.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

188	MÁY LỌC MÁU LIÊN TỤC - GAMBRO LUNDIA AB - PRISMAFLEX - PA30508	2020		TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	1.268.000.000	570.600.000
189	MÁY LỌC MÁU LIÊN TỤC - GAMBRO LUNDIA AB - PRISMAFLEX - PA30854	2020	54202072330042	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	1.268.000.000	570.600.000
190	MÁY LỌC MÁU LIÊN TỤC - GAMBRO LUNDIA AB - PRISMAFLEX - PA34453	2023	05202332330045	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	1.268.000.000	951.000.000
191	MÁY LỌC MÁU LIÊN TỤC - GAMBRO LUNDIA AB - PRISMAFLEX - PA34581	2023	05202332330046	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	1.268.000.000	951.000.000
192	MÁY LỌC MÁU PRISMA FLEX GAMBO - PA16282	2017	54201772330013	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	1.268.000.000	190.200.000
193	MÁY LỌC MÁU PRISMA FLEX GAMBO - PA19897	2017	54201772330014	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	1.268.000.000	190.200.000
194	MÁY LỌC NƯỚC 2 VÒI NÓNG ẤM - HAOHSING - HM-2682	2024	142202448160387	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	11.000.000	8.800.000
195	MÁY LỌC NƯỚC 2 VÒI NÓNG ẤM - HAOHSING - HM-2682	2024	142202448160386	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	11.000.000	8.800.000
196	MÁY LỌC NƯỚC 2 VÒI NÓNG ẤM - HAOHSING - HM-2682	2024	142202448160385	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	11.000.000	8.800.000
197	MÁY LỌC NƯỚC 2 VÒI NÓNG ẤM - HAOHSING - HM-2682	2021	54202142120151	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	13.640.000	2.728.000
198	MÁY LỌC NƯỚC 2 VÒI NÓNG ẤM - HAOHSING - HM-2682	2021	54202142120150	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	13.640.000	2.728.000
199	MÁY LỌC NƯỚC 2 VÒI NÓNG ẤM - HAOHSING - HM-2682	2021	54202142120149	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	13.640.000	2.728.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

200	MÁY PHÁ RUNG TIM - NIHON KOHDEN - TEC-5631 - 10307	2020	142202032240634	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	169.000.000	76.050.000
201	MÁY PHÁ RUNG TIM - PHILIPS - EFFICIA DFM100 - CN32621773	2019	125201912240600	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	179.540.000	62.839.000
202	Máy tạo nhịp một buồng ngoài lồng ngực	2016	54201612350028	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	89.500.000	4.475.000
203	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 25231	2019	142201912220675	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	169.000.000	59.150.000
204	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 25316	2019	142201912220680	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	169.000.000	59.150.000
205	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 25324	2019	142201912220679	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	169.000.000	59.150.000
206	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 25446	2019	142201912220673	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	169.000.000	59.150.000
207	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 25452	2019	142201912220674	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	169.000.000	59.150.000
208	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 25458	2019	142201912220676	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	169.000.000	59.150.000
209	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 26809	2019	142201912220677	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	169.000.000	59.150.000
210	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 37554	2022	05202242221118	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	144.000.000	93.600.000
211	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 37594	2022	05202242221128	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	144.000.000	93.600.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

212	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 37597	2022	05202242221130	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	144.000.000	93.600.000
213	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 38602	2023	05202332221317	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	144.000.000	108.000.000
214	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - PHILIPS - MX430 - DE67206928	2020	05202012220854	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	153.900.000	84.645.000
215	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - PHILIPS - MX430 - DE67207192	2020	05202012220793	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	153.900.000	84.645.000
216	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - PHILIPS - MX430 - DE67207230	2020	05202012220829	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	153.900.000	84.645.000
217	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN 3562K - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 06756	2017	54201772220733	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	149.500.000	18.687.500
218	MÁY THỞ - PHILIPS - V60 - 100282849	2020	54202012250488	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	449.800.000	202.410.000
219	MÁY THỞ - PHILIPS - V60 - 100298806	2019	142201942250462	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	449.800.000	157.430.000
220	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - CAREFUSION - AVEA - BGV02227	2016	54201612250349	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	798.000.000	39.900.000
221	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - COVIDIEN - BENNETT 840 - 3512170743	2018	54201812250407	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	645.000.000	161.250.000
222	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - COVIDIEN - BENNETT 840 - 3512170747	2018	54201812250406	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	645.000.000	161.250.000
223	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - COVIDIEN - BENNETT 840 - 3512171563	2018	54201812250408	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	645.000.000	161.250.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

224	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - COVIDIEN - BENNETT 840 - 3512181503	2019	54201942250431	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	649.000.000	227.150.000
225	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - COVIDIEN - BENNETT 840 - 3512181504	2019	54201942250430	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	649.000.000	227.150.000
226	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - COVIDIEN - BENNETT 840 - 3512190116	2019	54201942250433	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	649.000.000	227.150.000
227	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - COVIDIEN - BENNETT 840 - 3512201108	2021	54202132250807	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	645.000.000	354.750.000
228	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - COVIDIEN - BENNETT 840 - 3512201110	2021	54202132250806	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	645.000.000	354.750.000
229	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - DRAEGER - SAVINA - ASNB-0390	2020	142202032250799	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	1.035.105.685	465.797.558
230	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - DRAEGER - SAVINA 300 - ASNB-0389	2020	142202032250796	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	1.035.105.685	465.797.558
231	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - DRAEGER - SAVINA 300 - ASNB-0530	2023	05202332250823	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	1.035.105.685	776.329.264
232	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRX04095	2019	54201942250442	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	649.000.000	227.150.000
233	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRX04219	2019	54201942250443	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	649.000.000	227.150.000
234	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - LOWENSTEIN - ELISA 600 - 0400600HUL06218409	2021	20202132250596	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	645.000.000	354.750.000
235	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - MAQUET - SERVO-I - 56808	2017	54201772250477	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	700.000.000	105.000.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

236	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - NEWPORT - E360 - N16360131354	2019	54201942250426	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	490.000.000	171.500.000
237	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - NEWPORT - E360 - N16360231483	2019	54201942250424	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	490.000.000	171.500.000
238	MÁY THỞ ĐA NĂNG COVIDIEN E360E N16360131350	2019	54201942250425	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	490.000.000	171.500.000
239	MÁY THỞ ĐA NĂNG COVIDIEN E360E N16360131364	2019	54201942250423	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	490.000.000	171.500.000
240	MÁY THỞ XÂM NHẬP, KHÔNG XÂM NHẬP COVIDIEN PURITAN BENNETT 840 3512190114	2019	54201942250434	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	649.000.000	227.150.000
241	Máy truyền dịch TE-LF600	2016	54201612230574	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	34.996.500	1.749.825
242	Máy truyền dịch TE-LF600	2016	54201612230575	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	34.996.500	1.749.825
243	Máy truyền dịch TE-LF600	2016	54201612230576	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	34.996.500	1.749.825
244	Máy truyền dịch TE-LF600	2016	54201612230577	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	34.996.500	1.749.825
245	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030 SFF - 1NVQT44	2024	142202432022971	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	16.199.700	12.959.760
246	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030 SFF - 5PVQT44	2024	142202432022967	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	16.199.700	12.959.760
247	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030 SFF - 7PVQT44	2024	142202432022969	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	16.199.700	12.959.760
248	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030 SFF - 9PVQT44	2024	142202432022970	Nhà K1	1	16.199.700	12.959.760

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

249	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030 SFF - BNVQT44	2024	142202432022978	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	16.199.700	12.959.760
250	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030 SFF - CNVQT44	2024	142202432022977	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	16.199.700	12.959.760
251	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030 SFF - CPVQT44	2024	142202432022972	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	16.199.700	12.959.760
252	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030 SFF - CQVQT44	2024	142202432022968	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	16.199.700	12.959.760
253	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030 SFF - GNVQT44	2024	103202432022915	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	16.199.700	12.959.760
254	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030 SFF - GPWQT44	2024	142202432022964	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	16.199.700	12.959.760
255	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030 SFF - HMVQT44	2024	142202432022975	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	16.199.700	12.959.760
256	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030 SFF - JPVQT44	2024	142202432022976	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	16.199.700	12.959.760
257	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 3020 SFF - 6PVQT44	2024	142202432022966	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	16.199.700	12.959.760
258	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 3020 SFF - BQVQT44	2024	142202432022973	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	16.199.700	12.959.760
259	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 3020 SFF - GMVQT44	2024	142202432022974	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	16.199.700	12.959.760
260	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - 4BWT754	2024	10202432023129	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	16.170.000	12.936.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

261	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - 4RCM754	2024	10202432023121	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	19.935.000	15.948.000
262	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - 5TCM754	2024	10202432023427	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	19.935.000	15.948.000
263	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - 68WT754	2024	10202432023435	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	19.935.000	15.948.000
264	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - 75WT754	2024	10202432023461	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	19.935.000	15.948.000
265	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - 7FWT754	2024	10202432023466	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	19.935.000	15.948.000
266	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - 8SCM754	2024	10202432023498	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	19.935.000	15.948.000
267	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - 9RCM754	2024	10202432023137	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	16.170.000	12.936.000
268	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - CYCM754	2024	10202432023565	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	19.935.000	15.948.000
269	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - FCWT754	2024	10202432023597	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	19.935.000	15.948.000
270	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - FPCM754	2024	10202432023607	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	19.935.000	15.948.000
271	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - GRCM754	2024	10202432023635	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	19.935.000	15.948.000
272	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - HCWT754	2024	10202432023647	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	19.935.000	15.948.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

273	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - HKWT754	2024	10202432023656	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	19.935.000	15.948.000
274	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - HWCM754	2024	10202432023664	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	19.935.000	15.948.000
275	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - J8WT754	2024	10202432023672	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	19.935.000	15.948.000
276	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - JFWT754	2024	10202432023676	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	19.935.000	15.948.000
277	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - HP - 280 PRO G6 - 4CE1280KBV	2022	04202242030146	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	13.200.000	5.280.000
278	MÁY VI TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R G9 - 5CG4260JJS	2024	10202432030197	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	15.895.000	12.716.000
279	MÁY VI TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R G9 - 5CG4260JLD	2024	10202432030241	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	15.895.000	12.716.000
280	MÁY VI TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R G9 - 5CG4260JLF	2024	10202432030242	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	15.895.000	12.716.000
281	MÁY VI TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R G9 - 5CG4260JLJ	2024	10202432030245	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	15.895.000	12.716.000
282	THIẾT BỊ LỌC NƯỚC TINH KHIẾT 3 VÒI 3 CHỨC NĂNG WAITO	2021	54202142120147	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	13.640.000	2.728.000
283	THIẾT BỊ LỌC NƯỚC TINH KHIẾT 3 VÒI 3 CHỨC NĂNG WAITO	2021	54202142120148	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	13.640.000	2.728.000
284	THIẾT BỊ TRỢ GIÚP THỞ CAREFUSION OMNIBLENDER	2020	54202012250490	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	149.200.000	67.140.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

285	XE ĐẨY DỤNG CỤ CẤP CỨU BỆNH NHÂN XD-10.2	2021	71202143010095	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	15.000.000	8.250.000
286	XE ĐẨY DỤNG CỤ CẤP CỨU BỆNH NHÂN XD-10.2	2021	71202143010096	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	15.000.000	8.250.000
287	XE ĐẨY DỤNG CỤ CẤP CỨU BỆNH NHÂN XD-10.2	2021	71202143010097	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	15.000.000	8.250.000
288	XE ĐẨY DỤNG CỤ CẤP CỨU SUMMIT CARE SEC 100	2020	54202043010089	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	31.000.000	13.950.000
289	XE ĐẨY DỤNG CỤ CẤP CỨU SUMMIT CARE SEC 100	2020	54202043010090	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	31.000.000	13.950.000
290	XE ĐẨY LƯU TRỮ Y DỤNG CỤ CẤP CỨU CAO CẤP MACHAN SC 32 EMG	2019	54201943010075	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	32.000.000	11.200.000
291	XE ĐẨY LƯU TRỮ Y DỤNG CỤ CẤP CỨU CAO CẤP MACHAN SC 32 EMG	2019	54201943010076	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	32.000.000	11.200.000
292	XE ĐẨY LƯU TRỮ Y DỤNG CỤ CẤP CỨU CAO CẤP MACHAN SC 32 EMG	2019	54201943010077	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	32.000.000	11.200.000
293	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS730 - 2109010542 - Terumo - TE-SS730 - 2109010542	2021	20202138012865	TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.990.000	13.744.500
294	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1707010280	2018		TRUNG TÂM CẤP CỨU A9	1	24.990.000	6.247.500
	Cộng				**294**	**42.144.250.085**	**17.394.595.184**
XXVII	**TRUNG TÂM BỆNH NHIỆT ĐỚI CŨ(D6)**						
1	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 2001010045	2020	76202048011205	-	1	24.990.000	11.245.500
2	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010334	2020	76202048011196	-	1	24.990.000	11.245.500
3	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1807010718	2019	125201918010885	-	1	24.900.000	8.715.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

4	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010166	2020	76202048011200	-	1	24.990.000	11.245.500
5	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010095	2020	76202048011197	-	1	24.990.000	11.245.500
6	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010130	2020	76202048011198	-	1	24.990.000	11.245.500
7	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS830 - 2101010440	2022	76202238012930	-	1	29.000.000	18.850.000
8	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS830 - 2101010431	2022	76202238012929	-	1	29.000.000	18.850.000
9	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS830 - 2101010429	2022	76202238012928	-	1	29.000.000	18.850.000
10	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010078	2020	76202048011194	-	1	24.990.000	11.245.500
11	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 2001010271	2020	76202048011193	-	1	24.990.000	11.245.500
12	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 2001010291	2020	76202048011201	-	1	24.990.000	11.245.500
13	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 2001010300	2020	76202048011199	-	1	24.990.000	11.245.500
14	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 2001010260	2020	76202048011195	-	1	24.990.000	11.245.500
15	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS830 - 2101010420	2022	76202238012927	-	1	29.000.000	18.850.000
16	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS830 - 2101010454	2022	76202238012931	-	1	29.000.000	18.850.000
17	BƠM TRUYỀN DỊCH - TOP-2300 - 20G0409	2022	76202232231167	-	1	29.650.000	19.272.500
18	BƠM TRUYỀN DỊCH - TOP-2300 - 20G0468	2022	76202232231166	-	1	29.650.000	19.272.500
19	BƠM TRUYỀN DỊCH - TOP-2300 - 20G0445	2022	76202232231163	-	1	29.650.000	19.272.500
20	BƠM TRUYỀN DỊCH - TOP-2300 - 20G0465	2022	76202232231170	-	1	29.650.000	19.272.500
21	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010169	2020	139202042230932	-	1	34.996.500	15.748.425
22	BƠM TRUYỀN DỊCH - TOP-2300 - 20G0466	2022	76202232231164	-	1	29.650.000	19.272.500
23	CÁNG BỆNH NHÂN	2023	76202343020665	-	1	16.000.000	12.000.000
24	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - 3 TAY QUAY	2020	76202043020510	-	1	19.750.000	8.887.500
25	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - 3 TAY QUAY	2020		-	1	19.750.000	8.887.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

26	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - 3 TAY QUAY	2020	76202043020511	-	1	19.750.000	8.887.500
27	MÁY SIÊU ÂM - HITACHI ALOKA - ARIETTA V60 - 20637349	2018	76201892210120	-	1	1.700.000.000	425.000.000
28	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - INFINIUM - OMNI II - 11001705	2021	76202132221198	-	1	123.860.000	68.123.000
	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - INFINIUM - OMNI II - 11001691	2021	76202132221191	-	1	123.860.000	68.123.000
	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - INFINIUM - OMNI II - 11001704	2021	76202132221197	-	1	123.860.000	68.123.000
	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - INFINIUM - OMNI II - 11001692	2021	76202132221192	-	1	123.860.000	68.123.000
	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - INFINIUM - OMNI II - 11001698	2021	76202132221194	-	1	123.860.000	68.123.000
	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - INFINIUM - OMNI II - 11001688	2021	76202132221189	-	1	123.860.000	68.123.000
29	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - INFINIUM - OMNI II - 11001706	2021	76202132221199	-	1	123.860.000	68.123.000
30	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - INFINIUM - OMNI II - 11001700	2021	76202132221195	-	1	123.860.000	68.123.000
31	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - COVIDIEN - BENNETT 840 - 3512192042	2020	05202042250499	-	1	645.000.000	290.250.000
32	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - COVIDIEN - BENNETT 840 - 3512192030	2020	05202042250497	-	1	645.000.000	290.250.000
33	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030SFF - 3DVQT44	2024	76202432022960	Phòng 109	1	16.199.700	12.959.760
34	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - 5FWT754	2024	10202432023415	Phòng 103	1	19.935.000	15.948.000
35	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - 9GWT754	2024	10202432023511	Phòng 103	1	19.935.000	15.948.000
36	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030SFF - JCVQT44	2024	76202432022958	Phòng 103	1	16.199.700	12.959.760
37	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - 7KWT754	2024	10202432023224	Phòng 103	1	19.935.000	15.948.000
38	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - 53WT754	2024	10202432023267	Phòng 201	1	19.935.000	15.948.000
39	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030SFF - BBVQT44	2024	76202432022956	Phòng 203	1	16.199.700	12.959.760

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

40	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3470 - 6MCK6Q2	2018	76201842022719	Phòng 203	1	13.600.000	3.400.000
41	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030SFF - 4BVQT44	2024	76202432022962	Phòng 203	1	16.199.700	12.959.760
42	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - DCWT754	2024	10202432023222	Phòng 301	1	19.935.000	15.948.000
43	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - FXCM754	2024	10202432023118	Phòng 301	1	19.935.000	15.948.000
44	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - C7WT754	2024	10202432023258	Phòng 301	1	19.935.000	15.948.000
45	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - PCWT754	2024	10202432023266	Phòng 303	1	19.935.000	15.948.000
46	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - 7QCM754	2024	10202432023477	Phòng 303	1	19.935.000	15.948.000
47	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030SFF - 69VQT44	2024	76202432022963	Phòng 303	1	16.199.700	12.959.760
48	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030SFF - FCVQT44	2024	76202432022961	Phòng 303	1	16.199.700	12.959.760
49	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - 69WT754	2024	10202432023436	Phòng 403	1	19.935.000	15.948.000
50	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3470 - 6R2G6Q2	2018	76201842022720	Phòng 403	1	13.600.000	3.400.000
51	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R G9 - 5CG4260JL9	2024	10202432030238	Phòng 203	1	15.895.000	12.716.000
52	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R G9 - 5CG4260JJX	2024	10202432030201	-	1	15.895.000	12.716.000
53	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R G9 - 5CG4260JK0	2024	10202432030204	-	1	15.895.000	12.716.000
54	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R G9 - 5CG4260JKS	2024	10202432030222	-	1	15.895.000	12.716.000
55	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - NAGAKAWA - NAC188AV	2020	93202042062568	404	1	13.375.000	6.687.500
56	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - PANASONIC - CS-U18VKH8	2023	76202302062989	408	1	18.221.000	13.665.750
57	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - MITSUBISHI - SRK-71HE-2	2013	76201312061051	413	1	21.120.000	16.706.250
58	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V	2018	76201842062069	401B	1	19.778.682	16.706.250

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

59	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - MITSUBISHI - SRK-40HG-1	2013	76201312061061	402	1	21.089.200	16.706.250
60	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - MITSUBISHI - SRK-52HE-2	2013	76201312061056	403	1	16.610.000	16.706.250
61	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - MITSUBISHI - SRK-12CM5	2013	76201312061057	313	1	11.220.000	16.706.250
62	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FT50FVM	2018	76201842062070	301	1	19.778.682	16.706.250
63	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - MITSUBISHI - SRK-40HG-1	2013	76201312061060	302	1	21.089.200	16.706.250
64	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2019	76201942062476	303	1	32.461.000	16.706.250
65	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V	2018	76201842062071	304	1	19.778.682	16.706.250
66	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V	2018	76201842062072	304	1	19.778.682	16.706.250
	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2018	76201842062306	312	1	32.461.000	16.706.250
	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V	2018	76201842062073	305b	1	19.778.682	16.706.250
	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - PANASONIC - CS-U18VKH8	2023	76202302062986	308	1	18.221.000	13.665.750
67	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - PANASONIC - FTNE50MV1V	2023	76202302062990	305	1	22.275.000	16.706.250
68	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE35MV1V9	2023	76202342062695	306	1	19.563.500	14.672.625
	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2018	76201842062307	311	1	32.461.000	3.324.475
69	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2018	76201842062308	311	1	32.461.000	3.324.475
70	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V	2018	76201842062074	309	1	19.778.682	2.472.335
71	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V	2018	76201842062075	216	1	19.778.682	2.472.335
72	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V	2018	76201842062076	215	1	19.778.682	2.472.335
73	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V	2018	76201842062077	212	1	19.778.682	2.472.335

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

74	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE35MV1V9	2018	76201842061926	211	1	19.563.500	1.662.125
75	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE35MV1V9	2018	76201842061927	210	1	19.563.500	1.662.125
76	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V	2018	76201842062078	209	1	19.778.682	2.472.335
77	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V	2018	76201842062079	208	1	19.778.682	2.472.335
78	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V	2018	76201842062080	207	1	19.778.682	2.472.335
79	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE35MV1V9	2018	76201842061962	206	1	19.563.500	1.662.125
80	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V	2018	76201842062082	205	1	19.778.682	2.472.335
81	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V	2018	76201842062083	204	1	19.778.682	2.472.335
82	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - RHF50VVMV	2018	76201842062084	202	1	19.778.682	2.472.335
83	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V	2018	76201842062280	213	1	19.778.682	2.485.038
84	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V	2018	76201842062281	217	1	19.778.682	2.485.038
85	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTHM50HVMV	2018	76201842062282	BS	1	19.880.300	2.485.038
86	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2018	76201842062143	108	1	32.461.000	3.246.724
87	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE35MV1V9	2018	76201842061963	110	1	19.563.500	1.662.125
88	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE35MV1V9	2018	76201842061966	111	1	19.563.500	1.662.125
89	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - PANASONIC - CS-U18VKH8	2023	76202302062984	101	1	18.221.000	13.665.750
90	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V	2018	76201842062384	106	1	19.778.682	2.860.825
91	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE35MV1V9	2018	76201842061967	105	1	19.563.500	1.662.125
92	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2018	76201842062142	103	1	32.461.000	3.246.724

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

93	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - PANASONIC - CS-U18VKH8	2023	76202302062983	nhân viên	1	18.221.000	13.665.750
94	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2018	76201842062141	phát thuốc	1	32.461.000	3.246.724
95	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG	2020	93202042062569	216	1	13.375.000	6.687.500
96	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - RHF35VVMV - DH5070	2024	76202442063587	409	1	16.605.400	14.529.725
97	MÁY ĐO SPO2 CẦM TAY NONNIN - 2500A - 502202608	2017	76201712150205	Đã hủy không còn tại khoa	1	24.800.000	3.720.000
98	CÂN ĐỨNG KÈM THƯỚC ĐO CHIỀU CAO - CHORDER - MS4900 - C16032059	2017	76201718080048	-	1	15.200.000	1.900.000
99	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1900010078	2019	76201918011018	Đã hủy không còn tại khoa	1	24.990.000	8.746.500
100	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 2001010082	2020	76202048011202	Đã hủy không còn tại khoa	1	24.990.000	11.245.500
101	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700	2020	76202048011203	Đã hủy không còn tại khoa	1	24.990.000	11.245.500
102	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 2001010198	2020	76202048011204	Đã hủy không còn tại khoa	1	24.990.000	11.245.500
103	BỘ ĐÈN ĐẶT NỘI KHÍ QUẢN CÓ CAMERA 300-000-000 MCGRATH MAC HANDLE 9X1 - 380961	2021	76202142150405	-	1	98.000.000	53.900.000
104	XE TIÊM ĐẨY CẤP CỨU XD-10.2	2021	76202148090089	-	1	15.000.000	8.250.000
105	XE TIÊM ĐẨY CẤP CỨU XD-10.2	2021	76202148090090	-	1	15.000.000	8.250.000
106	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 3 TAY QUAY MET-3300	2021	76202143020639	-	1	30.800.000	16.940.000
107	CÁNG - HOÀNG NGUYỄN - XC-09	2023	76202343020663	-	1	16.000.000	12.000.000
108	CÁNG - HOÀNG NGUYỄN - XC-09	2023	76202343020664	-	1	16.000.000	12.000.000
109	MÁY LY TÂM - HEMATOCRIT - KH-410E - 2206905	2023	76202342500071	-	1	22.215.000	16.661.250
110	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - 5CVQT44	2024	76202432022957	Phòng 621 nhà K1	1	16.199.700	12.959.760

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

111	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - 3BVQT44	2024	76202432022959	Điều dưỡng	1	16.199.700	12.959.760
112	CÂN CÁNG BỆNH NHÂN ACP 10170SL/APEXCARE	2017	76201718080050	-	1	99.880.000	12.485.000
113	MÁY TRUYỀN DỊCH - TOP-2300 - 20G0416	2022	76202232231171	-	1	29.650.000	19.272.500
114	MÁY TRUYỀN DỊCH - TOP-2300 - 20G0422 - TOP-2300 - 20G0422	2022	76202232231165	-	1	29.650.000	19.272.500
115	MÁY LỌC NƯỚC 2 VÒI NÓNG ẤM - HAOHSING - HM-2682	2024	76202448160388	-	1	11.000.000	8.800.000
116	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - INFINIUM - OMNI II - 11001702	2021	76202132221196	-	1	123.860.000	68.123.000
117	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - INFINIUM - OMNI II - 11001693	2021	76202132221193	-	1	123.860.000	68.123.000
118	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - COVIDIEN - BENNETT 840 - 3512211631	2021	76202132250697	-	1	595.000.000	327.250.000
119	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - EVENT MEDICAL - EVOLUTION 3E - EVL42437	2021	76202132250703	-	1	650.000.000	357.500.000
120	MÁY TRUYỀN DỊCH - TOP - 2300 - 20G0451	2022	76202232231164	-	1	29.650.000	19.272.500
121	MÁY TRUYỀN DỊCH - TOP - 2300 - 20G0453	2022	-	-	1	29.650.000	19.272.500
122	MÁY TRUYỀN DỊCH - TOP - 2300 - 20G0410	2022	-	-	1	29.650.000	19.272.500
	Cộng				**131**	**8.153.439.976**	**3.728.070.016**
XXVIII	**TRUNG TÂM THẬN TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU**						
1	BIẾN HỘP ĐÈN XUYÊN SÁNG	2022	141202248190021	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	38.167.200	26.717.040
2	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1608010016 - TERUMO - TE-SS700 - 1608010016	2017	31201718010633	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	24.990.000	3.748.500
3	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1811012200 - TERUMO - TE-SS700 - 1811012200	2019	23201918010926	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	24.990.000	8.746.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

4	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1811012462 - TERUMO - TE-SS700 - 1811012462	2019	23201918010928	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	24.990.000	8.746.500
5	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010048 - TERUMO - TE-SS700 - 1911010048	2020	23202048011144	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	24.990.000	11.245.500
6	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010091 - TERUMO - TE-SS700 - 1911010091	2020	23202048011140	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	24.990.000	11.245.500
7	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010164 - TERUMO - TE-SS700 - 1911010164	2020	23202048011146	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	24.990.000	11.245.500
8	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010233 - TERUMO - TE-SS700 - 1911010233	2020	23202048011141	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	24.990.000	11.245.500
9	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010257 - TERUMO - TE-SS700 - 1911010257	2020	23202048011147	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	24.990.000	11.245.500
10	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010307 - TERUMO - TE-SS700 - 1911010307	2020	23202048011139	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	24.990.000	11.245.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

11	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 2001010131 - TERUMO - TE-SS700 - 2001010131	2020	23202048011145	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	24.990.000	11.245.500
12	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010532	2022	141202238012950	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	24.000.000	15.600.000
13	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010571	2022	141202238012951	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	24.000.000	15.600.000
14	CÂN TRỌNG LƯỢNG VÀ THƯỚC ĐO CHIỀU CAO CHARDER MS 4900	2019	125201918080061	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	14.980.000	5.243.000
15	CÂN TRỌNG LƯỢNG VÀ THƯỚC ĐO CHIỀU CAO CHARDER MS 4900	2019	125201918080062	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	14.980.000	5.243.000
16	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07 - - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2020	07202043020562	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	13.860.000	6.237.000
17	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07 - - HOÀNG NGUYỄN - XC-07 - 0	2021	07202043020563	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	13.860.000	7.623.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

18	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07 - - HOÀNG NGUYỄN - XC-07 - 0	2021	07202043020564	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	13.860.000	7.623.000
19	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07 - - HOÀNG NGUYỄN - XC-07 - 0	2021	07202043020565	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	13.860.000	7.623.000
20	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07 - - HOÀNG NGUYỄN - XC-07 - 0	2021	07202043020566	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	13.860.000	7.623.000
21	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07 - - HOÀNG NGUYỄN - XC-07 - 0	2021	07202043020567	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	13.860.000	7.623.000
22	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07 - - HOÀNG NGUYỄN - XC-07 - 0	2021	141202143020591	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	13.860.000	7.623.000
23	CÂY LỌC NƯỚC 3 VÒI - HAOHSING	2020	-	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	13.640.000	2.728.000
24	CÂY LỌC NƯỚC 3 VÒI - HAOHSING	2020	-	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	13.640.000	2.728.000

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

25	DAO MỔ ĐIỆN CAO TẦN | LONG PHƯƠNG | LTTD350-2K1/03 | B16008 - LONG PHƯƠNG - LTTD350-2K1/03 - B16008	2016	31201648050041	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	90.000.000	4.500.000
26	ĐÈN TIỂU PHẪU ÁNH SÁNG LẠNH MODEL: L50 - L50	2016	23201648060120	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	25.000.000	1.250.000
27	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - CHIGO - CVAS24CNAA	2020	93202042062622	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	16.250.000	6.093.750
28	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - CHIGO - CVAS24CNAA	2020	93202042062625	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	16.250.000	6.093.750
29	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V - E019247	2018	23201842062122	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	25.973.794	3.246.724
30	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V - E019330	2018	23201842062123	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	25.973.794	3.246.724
31	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - LG - HS-C246C4A1 - MEZ64709617	2020	93202042062623	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	16.250.000	6.093.750

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TỪ NGHĨA ký, 03/10/2025 17:48:19

32	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-24S3KS-V - 0.2700002	2020	ĐH Toshiba	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	23.028.500	8.635.688
33	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-24S3KS-V - 0.2700005	2020	ĐH Toshiba	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	23.028.500	8.635.688
34	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-24S3KS-V - 0.2700007	2020	ĐH Toshiba	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	23.028.500	8.635.688
35	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-24S3KS-V - 0.2700009	2020	ĐH Toshiba	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	23.028.500	8.635.688
36	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-24S3KS-V - 0.2700019	2020	ĐH Toshiba	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	23.028.500	8.635.688
37	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-24S3KS-V - 0.270002.0	2020	ĐH Toshiba	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	23.028.500	8.635.688
38	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-24S3KS-V - 0.2700021	2020	ĐH Toshiba	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	23.028.500	8.635.688

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TỪ NGÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

39	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-24S3KS-V - 0.270005.0	2020	ĐH Toshiba	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	23.028.500	8.635.688
40	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-24S3KS-V - 0.2700057	2020	ĐH Toshiba	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	23.028.500	8.635.688
41	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-24S3KS-V - 0.2700063	2020	ĐH Toshiba	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	23.028.500	8.635.688
42	GIƯỜNG 3 TAY QUAY	2018	-	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	19.750.000	4.937.500
43	MÁY ĐIỆN TIM - NIHON KOHDEN - ECG 1250K - 16980	2024	141202432170949	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	69.000.000	51.750.000
44	MÁY ĐO HUYẾT ÁP - OMRON - HBP-9020 - 02005400LF - OMRON - HBP-9020 - 02005400LF	2019	125201912150334	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	64.500.000	22.575.000
45	MÁY ĐO HUYẾT ÁP - OMRON - HBP-9020 - 02010001LF - OMRON - HBP-9020 - 02010001LF	2019	31201912150363	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	56.000.000	19.600.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

46	MÁY ĐO HUYẾT ÁP - OMRON - HBP-9020 - 02010178LF - OMRON - HBP-9020 - 02010178LF	2020	31202042150384	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	55.600.000	25.020.000
47	MÁY ĐO HUYẾT ÁP ỒMN - 02004197LF	2018	24201842150223	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	60.000.000	15.000.000
48	MÁY HẤP TIỆT TRÙNG | TUTTNAUER | 2340MK | 226855 - TUTTNAUER - 2340MK - 226855	2016	31201642450057	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	96.000.000	4.800.000
49	Máy hút đờm Vaculine Maxi	2017	31201712560590	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	43.890.000	6.583.500
50	MÁY PHÁ RUNG TIM - NIHON KOHDEN - TEC-5631K - 9722 - NIHON KODEN - TEC-5631K - 9722	2020	23202042240618	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	178.000.000	80.100.000
51	MÁY SIÊU ÂM | PHILIPS | AFFINITI 70G | US719F2150 - PHILIPS - AFFINITI 70G - US719F2150	2019	31201992220644	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	2.495.500.000	873.425.000
52	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KODEN - BSM-3562K - 13872	2018	31201842220520	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	167.000.000	41.750.000

2440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025 Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

53	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KODEN - BSM-3562K - 22647	2018	1020242012032	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	169.000.000	42.250.000
54	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION 3030SFF INTEL CORE I5 – 14400 - 3YWQT44	2024	10202432023075	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	16.199.700	12.936.000
55	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION 3030SFF INTEL CORE I5 – 14400- 7XWQT44	2024	10202432023104	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	16.199.700	12.936.000
56	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION 3030SFF INTEL CORE I5 – 14400 - 7YWQT44	2024	10202432023055	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	16.199.700	12.936.000
57	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION 3030SFF INTEL CORE I5 – 14400 - 7ZWQT44	2024	10202432023093	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	16.199.700	12.936.000
58	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION 3030SFF INTEL CORE I5 – 14400 - DXWQT44	2024	10202432023067	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	16.199.700	12.936.000
59	MÁY TÍNH - DELL - INSPIRION 3030SFF INTEL CORE I5 – 14400 - HZWQT44	2024	10202432023084	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	16.199.700	12.936.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

60	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - 29WT754	2024	10202432023339	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	19.935.000	15.948.000
61	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - 6WCM754	2024	10202432023455	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	19.935.000	15.948.000
62	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - 8ZCM754	2024	10202432023503	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	19.935.000	15.948.000
63	MÁY TÍNH- DELL- OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - BHWT754	2024	10202432023533	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	19.935.000	15.948.000
64	MÁY TÍNH - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - DFWT754	2024	10202432023251	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	19.935.000	15.948.000
65	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - GZCM754	2024	10202432023640	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	19.935.000	15.948.000
66	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - JWCM754	2024	10202432023690	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 3 nhà A9)	1	19.935.000	15.948.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

67	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V - E019346	2018	23201842062121	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	25.973.794	3.246.724
68	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTXS35GVHV - E019189	2018	23201842061936	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	13.296.998	1.662.125
69	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-24S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	23.028.500	8.635.688
70	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS24S3KSV - 0.2700011	2020	ĐH Toshiba	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	23.028.500	8.635.688
71	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS24S3KSV - 0.2700014	2020	ĐH Toshiba	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	23.028.500	8.635.688
72	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS24S3KSV - 0.2700058	2020	ĐH Toshiba	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	23.028.500	8.635.688
73	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-24S3KS-V - 2700003	2020	ĐH Toshiba	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	23.028.500	8.635.688

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TỪ NGÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

74	MÁY THẬN NHÂN TẠO - FRESENIUS - 4008S - 7SXAQT65	2018	31201872342781	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	518.700.000	129.675.000
75	MÁY THẬN NHÂN TẠO - FRESENIUS - 4008S - 9SXA0W9W - FRESENIUS - 4008S - 9SXA0W9W	2019	54201912342806	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	518.700.000	181.545.000
76	MÁY THẬN NHÂN TẠO - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 27936	2020	05202012221081	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	156.500.000	86.075.000
77	MÁY THẬN NHÂN TẠO - NIPRO - SURDIAL - 10T7720	2016	31201672340050	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	230.000.000	11.500.000
78	MÁY THẬN NHÂN TẠO - NIPRO - SURDIAL - 10T7747	2016	31201672340048	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	230.000.000	11.500.000
79	MÁY THẬN NHÂN TẠO - NIPRO - SURDIAL - 14T11123	2016	31201632340176	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	419.750.000	20.987.500
80	MÁY THẬN NHÂN TẠO - NIPRO - SURDIAL - 14T11124	2016	31201632340183	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	419.750.000	20.987.500

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

81	MÁY THẬN NHÂN TẠO - NIPRO - SURDIAL - 10T7741	2016	31201672340038	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	230.000.000	11.500.000
82	MÁY THẬN NHÂN TẠO - NIPRO - SURDIAL - 10T7744	2016	31201672340045	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	230.000.000	11.500.000
83	MÁY THẬN NHÂN TẠO - NIPRO - SURDIAL - 10T7745	2016	31201672340043	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	230.000.000	11.500.000
84	MÁY THẬN NHÂN TẠO - NIPRO - SURDIAL - 14T11107	2016	31201632340180	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	419.750.000	20.987.500
85	MÁY THẬN NHÂN TẠO - NIPRO - SURDIAL - 14T11111	2016	31201632340178	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	419.750.000	20.987.500
86	MÁY THẬN NHÂN TẠO - NIPRO - SURDIAL - 14T11121	2016	31201632340184	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	419.750.000	20.987.500
87	MÁY THẬN NHÂN TẠO - NIPRO - SURDIAL - 14T11125	2016	31201632340187	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	419.750.000	20.987.500

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

88	MÁY THẬN NHÂN TẠO - NIPRO - SURDIAL - 10T7595	2016	31201672340044	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	230.000.000	11.500.000
89	MÁY THẬN NHÂN TẠO - NIPRO - SURDIAL - 10T7715	2016	31201672340052	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	230.000.000	11.500.000
90	MÁY THẬN NHÂN TẠO - NIPRO - SURDIAL - 10T7722	2016	31201672340041	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	230.000.000	11.500.000
91	MÁY THẬN NHÂN TẠO - NIPRO - SURDIAL - 10T7724	2016	31201672340040	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	230.000.000	11.500.000
92	MÁY THẬN NHÂN TẠO - NIPRO - SURDIAL - 10T7725	2016	31201672340051	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	230.000.000	11.500.000
93	MÁY THẬN NHÂN TẠO - NIPRO - SURDIAL - 10T7726	2016	31201672340047	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	230.000.000	11.500.000
94	MÁY THẬN NHÂN TẠO - NIPRO - SURDIAL - 10T7739	2016	31201672340039	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	230.000.000	11.500.000

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

95	MÁY THẬN NHÂN TẠO - NIPRO - SURDIAL - 10T7740	2016	31201672340049	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	230.000.000	11.500.000
96	MÁY THẬN NHÂN TẠO - NIPRO - SURDIAL - 10T7753	2016	31201672340046	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	230.000.000	11.500.000
97	MÁY THẬN NHÂN TẠO - NIPRO - SURDIAL - 10T7755	2016	31201672340042	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	230.000.000	11.500.000
98	MÁY THẬN NHÂN TẠO - NIPRO - SURDIAL - 14T11100	2016	31201632340185	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	419.750.000	20.987.500
99	MÁY THẬN NHÂN TẠO - NIPRO - SURDIAL - 14T11101	2016	31201632340181	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	419.750.000	20.987.500
100	MÁY THẬN NHÂN TẠO - NIPRO - SURDIAL - 14T11102	2016	31201632340174	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	419.750.000	20.987.500
101	MÁY THẬN NHÂN TẠO - NIPRO - SURDIAL - 14T11103	2016	31201632340177	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	419.750.000	20.987.500

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

102	MÁY THẬN NHÂN TẠO - NIPRO - SURDIAL - 14T11110	2016	31201632340179	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	419.750.000	20.987.500
103	MÁY THẬN NHÂN TẠO - NIPRO - SURDIAL - 14T11114	2016	31201632340191	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	419.750.000	20.987.500
104	MÁY THẬN NHÂN TẠO- NIPRO - SURDIAL - 14T11116	2016	31201632340173	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	419.750.000	20.987.500
105	MÁY THẬN NHÂN TẠO - NIPRO - SURDIAL - 14T11119	2016	31201632340190	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	419.750.000	20.987.500
106	MÁY THẬN NHÂN TẠO - NIPRO - SURDIAL - 14T11120	2016	31201632340182	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	419.750.000	20.987.500
107	MÁY THẬN NHÂN TẠO - NIPRO - SURDIAL - 14T11122	2016	31201632340175	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	419.750.000	20.987.500
108	MÁY THẬN NHÂN TẠO - NIPRO - SURDIAL - 14T11126	2016	31201632340192	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	419.750.000	20.987.500

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

109	MÁY THẬN NHÂN TẠO - NIPRO - SURDIAL - 14T11127	2016	31201632340186	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	419.750.000	20.987.500
110	MÁY THẬN NHÂN TẠO - NIPRO - SURDIAL - 14T11128	2016	31201632340188	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	419.750.000	20.987.500
111	MÁY THẬN NHÂN TẠO - NIPRO - SURDIAL - 14T11129	2016	31201632340189	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	419.750.000	20.987.500
112	THIẾT BỊ LỌC NƯỚC TINH KHIẾT - WAITO - 3 VÒI 3 CHỨC NĂNG - - WATIO - 3 VÒI 3 CHỨC NĂNG - 0	2021	141202142120153	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 4 nhà A9)	1	13.640.000	2.728.000
113	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE - SS700 - 1811012498	2019	23201918010927	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	24.990.000	8.746.500
114	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE - SS700 - 2001010164	2020	141202078012879	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	24.990.000	11.245.500
115	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1606010573 - TERUMO - TE-SS700 - 1606010573	2016	23201618010619	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	24.990.000	1.249.500
116	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1606010585 - TERUMO - TE-SS700 - 1606010585	2016	23201618010618	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	24.990.000	1.249.500

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TỪ NGÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19
22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TỪ NGÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

117	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1811012331 - TERUMO - TE-SS700 - 1811012331	2019	23201918010925	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	24.990.000	8.746.500
118	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010060 - TERUMO - TE-SS700 - 1911010060	2020	23202048011143	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	24.990.000	11.245.500
119	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 2001010272 - TERUMO - TE-SS700 - 2001010272	2020	23202048011142	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	24.990.000	11.245.500
120	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010518	2023	05202338013174	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	24.000.000	18.000.000
121	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010529	2023	05202338013101	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	24.000.000	18.000.000
122	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010546	2023	05202338013097	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	24.000.000	18.000.000
123	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010554	2023	05202338013106	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	24.000.000	18.000.000
124	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010564	2023	05202338013089	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	24.000.000	18.000.000
125	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010572	2023	05202338013090	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	24.000.000	18.000.000

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

126	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010575	2023	05202338013094	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	24.000.000	18.000.000
127	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010577	2023	05202338013091	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	24.000.000	18.000.000
128	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010584	2023	05202338013104	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	24.000.000	18.000.000
129	BƠM TIÊM ĐIỆN | TERUMO | TE-SS700N02 | 1811012414 - TERUMO - TE-SS700 - 1811012414	2019	23201918010924	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	24.990.000	8.746.500
130	BƠM TIÊM ĐIỆN | TERUMO | TE-SS730 | 2109010539	2021	141202138012876	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	24.000.000	15.600.000
131	BƠM TIÊM ĐIỆN | TERUMO | TE-SS730 | 2109010549	2021	141202138012877	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	24.000.000	15.600.000
132	BƠM TIÊM ĐIỆN | TERUMO | TE-SS730 | 2109010552	2021	141202138012878	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	24.000.000	15.600.000
133	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - B.BRAUN - PERFUSOR SPACE - 444059	2018	141201878012874	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	96.000.000	24.000.000
134	BƠM TIÊM ĐIỆN PCA BRAUN PERFUSOR SPACCE	2018	23201848010788	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	96.000.000	24.000.000

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025 Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

135	BƠM TRUYỀN DỊCH TE 311 - 1110101	2018	23201818010333	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	31.500.000	1.575.000
136	BƠM TRUYỀN DỊCH TE 311 - 2050039	2018	23201818010344	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	31.500.000	1.575.000
137	CÂN BỆNH NHÂN TẠI GIƯỜNG | APEX HEALTH CARE | ACP-10170SL | E113896 - APEX HEALTH CARE - ACP-10170SL - E113896	2018	23201848080052	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	99.880.000	24.970.000
138	CÁNG	2021	-	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	13.860.000	7.623.000
139	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07 - - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2020	141202143020592	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	13.860.000	6.237.000
140	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07 - - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2020	141202143020593	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	13.860.000	6.237.000
141	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07 - - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2020	141202143020594	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	13.860.000	6.237.000
142	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07 - - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2020	141202143020595	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	13.860.000	6.237.000
143	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07 - - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2020	141202143020596	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	13.860.000	6.237.000

22440 _ NGUYỄN THỊ YẾN _ 07:39 06/10/2025 Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

144	CÂY LỌC NƯỚC 3 VÒI - WATIO	2021	141202142120154	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	13.640.000	2.728.000
145	CÂY LỌC NƯỚC 3 VÒI - WATIO	2020	-	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	13.640.000	2.728.000
146	CÂY LỌC NƯỚC 3 VÒI - WATIO	2020	-	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	13.640.000	2.728.000
147	CÂY LỌC NƯỚC 3 VÒI - WATIO	2020	-	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	13.640.000	2.728.000
148	CỬA TỰ ĐỘNG CT803E	2018	23201848210002	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	60.414.090	18.124.227
149	ĐIỀU HÒA ÂM TRẦN - DAIKIN - BYC125K-W1 - 6923810	2018	23201842062177	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	36.902.140	4.612.768
150	ĐIỀU HÒA ÂM TRẦN - DAIKIN - BYC125K-W1 - 6925112	2018	23201842062176	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	36.902.140	4.612.768
151	ĐIỀU HÒA ÂM TRẦN - DAIKIN - R50GV1	2018	23201842062178	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	36.902.140	4.612.768
152	ĐIỀU HÒA CASSETTE - DAIKIN - BYC125K-W19 - E228119	2018	23201842062359	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	42.083.800	5.260.475

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TỪ NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

153	ĐIỀU HÒA CASSETTE - DAIKIN - FCNQ21MV1 - E002477	2018	23201842062188	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	43.658.780	5.457.348
154	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTE35KV1 - E005138	2018	23201842061935	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	13.296.998	1.662.125
155	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V - E086195	2018	23201842062023	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	19.778.682	2.472.335
156	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V - E086203	2018	23201842062019	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	19.778.682	2.472.335
157	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V - E086204	2018	23201842062032	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	19.778.682	2.472.335
158	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V - E086205	2018	23201842062029	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	19.778.682	2.472.335
159	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V - E086208	2018	23201842062025	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	19.778.682	2.472.335
160	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V - E086209	2018	23201842062022	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	19.778.682	2.472.335
161	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V - E086218	2018	23201842062026	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	19.778.682	2.472.335

2440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025 Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

162	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V - E086219	2018	23201842062033	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	19.778.682	2.472.335
163	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V - E086247	2018	23201842062030	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	19.778.682	2.472.335
164	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V - E086541	2018	23201842062031	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	19.778.682	2.472.335
165	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V - E086542	2018	23201842062024	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	19.778.682	2.472.335
166	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V - E086543	2018	23201842062034	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	19.778.682	2.472.335
167	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V - E086546	2018	23201842062021	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	19.778.682	2.472.335
168	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V - E086550	2018	23201842062028	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	19.778.682	2.472.335
169	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V - E086554	2018	23201842062020	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	19.778.682	2.472.335
170	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V - E086556	2018	23201842062027	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	19.778.682	2.472.335

2440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025 - Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

171	ĐO ÁP LỰC THẨM THẤU | FISKE | 210 MICRO-OSMOMETER | 17101003D - FISKE - 210 MICRO-OSMOMETER - 17101003D	2017	23201718050045	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	239.800.000	35.970.000
172	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG 03 TAY QUAY	2018	23201848041141	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	19.750.000	4.937.500
173	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG 03 TAY QUAY	2018	23201848041142	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	19.750.000	4.937.500
174	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG 03 TAY QUAY	2018	23201848041143	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	19.750.000	4.937.500
175	LAPTOP - HP - HP 240R G9 I5 1335 8GB DDR4-3200 256GB MÀN HÌNH 14INCH TRỌNG LƯỢNG 1.47KG - 5CG4260JKP	2024	10202432030219	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	15.895.000	12.716.000
176	LAPTOP - HP - HP 240R G9 I5 1335 8GB DDR4-3200 256GB MÀN HÌNH 14INCH TRỌNG LƯỢNG 1.47KG - 5CG4260JKV	2024	10202432030224	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	15.895.000	12.716.000
177	MÁY BƠM THUỐC GIẢM ĐAU TỰ ĐỘNG - 155435	2017	23201718010234	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	39.450.000	5.917.500
178	MÁY ĐIỆN TIM | NIHON KOHDEN | ECG-1250K | 16149 - NIHON KODEN - ECG-1250K - 16149	2021	141202142170168	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	69.000.000	37.950.000
179	MÁY HÚT DỊCH - SHIN-EI/SANKO - CD-2800	2017	23201712560591	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	29.000.000	4.350.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

180	MÁY LÀM ẤM MÁU VÀ DỊCH TRUYỀN | ELLTEC | ANIMEC AM-301 | 2015D0612 - ELTEC - ANIMEC AM-301 - 2015D0612	2016	23201642490031	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	28.098.000	1.404.900
181	MÁY LÀM ẤM MÁU VÀ DỊCH TRUYỀN | ELLTEC | ANIMEC AM-301 | 2015D0613 - ELTEC - ANIMEC AM-301 - 2015D0613	2016	23201642490030	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	28.098.000	1.404.900
182	MÁY PHÁ RUNG TIM - NIHON KOHDEN - TEC-5631K - 9747 - NIHON KODEN - TEC-5631K - 9747	2020	23202042240614	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	178.000.000	80.100.000
183	MÁY PHOTOCOPY FUJIXEROX DOCUENTER 2056	2018	23201822040086	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	51.150.000	6.393.750
184	MÁY SIÊU ÂM | PHILIPS | AFFINITI 70G | US819F1045 - PHILIPS - AFFINITI 70G - US819F1045	2019	23201942210161	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	2.695.000.000	943.250.000
185	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KODEN - BSM-3562K - 13591	2016	23201642220439	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	218.500.000	10.925.000
186	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION 3030SFF INTEL CORE I5 – 14400 - 1YWQT44	2024	10202432023091	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	16.199.700	12.936.000
187	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION 3030SFF INTEL CORE I5 – 14400 - 4YWQT44	2024	10202432023108	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	16.199.700	12.936.000
188	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION 3030SFF INTEL CORE I5 – 14400 - 9XWQT44	2024	10202432023103	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	16.199.700	12.936.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

189	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION 3030SFF INTEL CORE I5 – 14400 - CXWQT44	2024	10202432023079	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	16.199.700	12.936.000
190	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION 3030SFF INTEL CORE I5 – 14400 - FZWQT44	2024	10202432023086	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	16.199.700	12.936.000
191	MÁY TÍNH - DELL - INSPIRION 3030SFF INTEL CORE I5 – 14400 - GZWQT44	2024	10202432023105	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	16.199.700	12.936.000
192	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - 10DM754	2024	10202432023250	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	19.935.000	15.948.000
193	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - 3MWT754	2024	10202432023372	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	19.935.000	15.948.000
194	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - 5LWT754	2024	10202432023422	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	19.935.000	15.948.000
195	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - 6GWT754	2024	10202432023440	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	19.935.000	15.948.000
196	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - 7KCM754	2024	10202432023470	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	19.935.000	15.948.000
197	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - 97WT754	2024	10202432023260	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	19.935.000	15.948.000

2440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025 Kho Giám Bỉnh viện NGUY N TU N TÙNG a ký, 03/10/2025 17:48:19

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

198	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - 9MWT754	2024	10202432023518	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	19.935.000	15.948.000
199	MÁY TÍNH - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - F9WT754	2024	10202432023596	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	19.935.000	15.948.000
200	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - JHCM754	2024	10202432023678	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	19.935.000	15.948.000
201	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - JJWT754	2024	10202432023681	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	19.935.000	15.948.000
202	XE ĐẨY CẤP CỨU EQ-02-133	2021	71202143010092	TRUNG TÂM THẬN - TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU (tầng 5	1	15.000.000	8.250.000
	Cộng				**202**	**23.400.069.480**	**4.654.350.291**
XXIX	**TRUNG TÂM TIÊU HÓA GAN MẬT**						
1	BỘ HÚT DỊCH ÁP LỰC THẤP MEDICOP - MEDICOP	2018	24201842560622	Trung tâm nội soi	1	22.050.000	5.512.500
2	BỘ HÚT DỊCH ÁP LỰC THẤP MEDICOP - MEDICOP	2018	24201842560623	Trung tâm nội soi	1	22.050.000	5.512.500
3	BỘ HÚT DỊCH ÁP LỰC THẤP MEDICOP - MEDICOP	2018	-	Trung tâm nội soi	1	22.050.000	5.512.500
4	BỘ HÚT DỊCH ÁP LỰC THẤP MEDICOP - MEDICOP	2018	-	Trung tâm nội soi	1	22.050.000	5.512.500
5	BỘ HÚT DỊCH ÁP LỰC THẤP MEDICOP - MEDICOP	2018	-	Trung tâm nội soi	1	22.050.000	5.512.500
6	BỘ HÚT DỊCH ÁP LỰC THẤP MEDICOP - MEDICOP	2018	-	Trung tâm nội soi	1	22.050.000	5.512.500
7	BỘ HÚT DỊCH ÁP LỰC THẤP MEDICOP - MEDICOP	2018	-	Trung tâm nội soi	1	22.050.000	5.512.500
8	BỘ HÚT DỊCH ÁP LỰC THẤP MEDICOP - MEDICOP	2018	-	Trung tâm nội soi	1	22.050.000	5.512.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

9	BỘ HÚT DỊCH ÁP LỰC THẤP MEDICOP - MEDICOP	2018	-	Trung tâm nội soi	1	22.050.000	5.512.500
10	BỘ HÚT DỊCH ÁP LỰC THẤP MEDICOP - MEDICOP	2018	-	Khu nội trú - TT Tiêu hóa-Gan mật tầng 3	1	22.050.000	5.512.500
11	BỘ HÚT DỊCH ÁP LỰC THẤP MEDICOP - MEDICOP	2018	-	Khu nội trú - TT Tiêu hóa-Gan mật tầng 3	1	22.050.000	5.512.500
12	BỘ HÚT DỊCH ÁP LỰC THẤP MEDICOP - MEDICOP	2018	-	Trung tâm nội soi	1	22.050.000	5.512.500
13	BỘ HÚT DỊCH ÁP LỰC THẤP MEDICOP - MEDICOP	2018	-	Trung tâm nội soi	1	22.050.000	5.512.500
14	BỘ XỬ LÝ HÌNH ẢNH - OLYMPUS - CV- 170 - 7316213	2023	134202342140139	Nhà K1	1	2.470.000.000	1.852.500.000
15	BỘ XỬ LÝ HÌNH ẢNH - OLYMPUS - CV- 170 - 7316214	2023	134202342140140	Trung tâm nội soi	1	2.470.000.000	1.852.500.000
16	BỘ XỬ LÝ HÌNH ẢNH - OLYMPUS - CV- 170 - 7316215	2023	134202342140141	Nhà K1	1	2.470.000.000	1.852.500.000
17	BỘ XỬ LÝ HÌNH ẢNH - OLYMPUS - CV- 170 - 7316216	2023	134202342140142	Nhà K1	1	2.470.000.000	1.852.500.000
18	BỘ XỬ LÝ HÌNH ẢNH - OLYMPUS - CV- 170 - 7316217	2023	134202342140143	Nhà K1	1	2.470.000.000	1.852.500.000
19	BỘ XỬ LÝ HÌNH ẢNH - OLYMPUS - CV- 170 - 7316218	2023	134202342140144	Nhà K1	1	2.470.000.000	1.852.500.000
20	BỘ XỬ LÝ HÌNH ẢNH - OLYMPUS - CV- 170 - 7316219	2023	134202342140145	Nhà K1	1	2.470.000.000	1.852.500.000
21	BỘ XỬ LÝ HÌNH ẢNH KÈM NGUỒN SÁNG - FUJIFILM - EP-6000 - 4V696K248	2023	-	Trung tâm nội soi	1	2.720.000.000	2.040.000.000
22	BỘ XỬ LÝ HÌNH ẢNH KÈM NGUỒN SÁNG - FUJIFILM - EP-6000 - 4V696K249	2023	-	Trung tâm nội soi	1	2.720.000.000	2.040.000.000
23	BỘ XỬ LÝ HÌNH ẢNH KÈM NGUỒN SÁNG - FUJIFILM - EP-6000 - 4V696K240	2023	134202342140131	Trung tâm nội soi	1	2.720.000.000	2.040.000.000
24	BỘ XỬ LÝ HÌNH ẢNH KÈM NGUỒN SÁNG - FUJIFILM - EP-6000 - 4V696K241	2023	134202342140132	Trung tâm nội soi	1	2.720.000.000	2.040.000.000
25	BỘ XỬ LÝ HÌNH ẢNH KÈM NGUỒN SÁNG - FUJIFILM - EP-6000 - 4V696K242	2023	134202342140133	Trung tâm nội soi	1	2.720.000.000	2.040.000.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

26	BỘ XỬ LÝ HÌNH ẢNH KÈM NGUỒN SÁNG - FUJIFILM - EP-6000 - 4V696K243	2023	134202342140134	Trung tâm nội soi	1	2.720.000.000	2.040.000.000
27	BỘ XỬ LÝ HÌNH ẢNH KÈM NGUỒN SÁNG - FUJIFILM - EP-6000 - 4V696K244	2023	134202342140135	Trung tâm nội soi	1	2.720.000.000	2.040.000.000
28	BỘ XỬ LÝ HÌNH ẢNH KÈM NGUỒN SÁNG - FUJIFILM - EP-6000 - 4V696K245	2023	134202342140136	Trung tâm nội soi	1	2.720.000.000	2.040.000.000
29	BỘ XỬ LÝ HÌNH ẢNH KÈM NGUỒN SÁNG - FUJIFILM - EP-6000 - 4V696K246	2023	134202342140137	Trung tâm nội soi	1	2.720.000.000	2.040.000.000
30	BỘ XỬ LÝ HÌNH ẢNH KÈM NGUỒN SÁNG - FUJIFILM - EP-6000 - 4V696K247	2023	134202342140138	Trung tâm nội soi	1	2.720.000.000	2.040.000.000
31	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700N03 - 1610010126	2016	-	Trung tâm nội soi	1	24.990.000	1.249.500
32	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700N03 - 1702010620	2020	-	Khu nội trú - TT Tiêu hóa-Gan mật tầng 3	1	24.990.000	11.245.500
33	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700N03 - 1702010705	2020	-	Nhà K1	1	24.990.000	11.245.500
34	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700N03 - 1811012243	2020	-	Trung tâm nội soi	1	24.990.000	11.245.500
35	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700N03 - 1811012293	2020	-	Trung tâm nội soi	1	24.990.000	11.245.500
36	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700N03 - 1907010212	2019	71201912230913	Khu nội trú - TT Tiêu hóa-Gan mật tầng 3	1	34.996.500	12.248.775
37	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700N03 - 1911010053	2019	-	Khu nội trú - TT Tiêu hóa-Gan mật tầng 3	1	24.990.000	8.746.500
38	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700N03 - 1911010083	2019	-	Khu nội trú - TT Tiêu hóa-Gan mật tầng 3	1	24.990.000	8.746.500
39	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700N03 - 1911010084	2019	-	Khu nội trú - TT Tiêu hóa-Gan mật tầng 3	1	24.990.000	8.746.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

40	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700N03 - 1911010099	2019	-	Khu nội trú - TT Tiêu hóa-Gan mật tầng 3	1	24.990.000	8.746.500
41	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700N03 - 1911010146	2019	121201918010855	Khu nội trú - TT Tiêu hóa-Gan mật tầng 3	1	24.990.000	8.746.500
42	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700N03 - 1911010295	2019	-	Khu nội trú - TT Tiêu hóa-Gan mật tầng 3	1	24.990.000	8.746.500
43	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700N03 - 1911010322	2019	-	Khu nội trú - TT Tiêu hóa-Gan mật tầng 3	1	24.990.000	8.746.500
44	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700N03 - 2001010054	2020	-	Khu nội trú - TT Tiêu hóa-Gan mật tầng 3	1	24.990.000	11.245.500
45	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700N03 - 2001010099	2020	-	Khu nội trú - TT Tiêu hóa-Gan mật tầng 3	1	24.990.000	11.245.500
46	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700N03 - 2001010299	2020	-	Khu nội trú - TT Tiêu hóa-Gan mật tầng 3	1	24.990.000	11.245.500
47	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700N03 - 2109010581	2022	142202238013061	Trung tâm nội soi	1	24.990.000	16.243.500
48	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN XC-07 - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2020	24202043020534	-	1	13.860.000	6.237.000
49	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN XC-07 - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2020	24202043020535	-	1	13.860.000	6.237.000
50	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN XC-07 - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2020	24202043020533	-	1	13.860.000	6.237.000
51	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN XC-07 - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2021	134202143020615	-	1	13.860.000	7.623.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

52	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN XC-07 - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2021	134202143020616	-	1	13.860.000	7.623.000
53	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN XC-07 - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2021	134202143020617	-	1	13.860.000	7.623.000
54	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN XC-07 - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2021	134202143020618	-	1	13.860.000	7.623.000
55	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN XC-07 - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2021	134202143020619	-	1	13.860.000	7.623.000
56	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN XC-07 - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2021	134202143020620	-	1	13.860.000	7.623.000
57	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 03 TAY QUAY SMSC 003 - SUMMIT CARE - SMSC-003	2016	53201643020373	-	1	33.000.000	1.650.000
58	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 03 TAY QUAY SMSC 003 - SUMMIT CARE - SMSC-003	2016	53201643020374	-	1	33.000.000	1.650.000
59	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 03 TAY QUAY SMSC 003 - SUMMIT CARE - SMSC-003	2016	53201643020375	-	1	33.000.000	1.650.000
60	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 03 TAY QUAY SMSC 003 - SUMMIT CARE - SMSC-003	2017	53201713020407	-	1	33.000.000	4.950.000
61	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 03 TAY QUAY SMSC 003 - SUMMIT CARE - SMSC-003	2017	53201713020408	-	1	33.000.000	4.950.000
62	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 03 TAY QUAY SMSC 003 - SUMMIT CARE - SMSC-003	2017	53201713020409	-	1	33.000.000	4.950.000
63	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 3 TAY QUAY SMSC-003 - SUMMIT CARE - SMSC-003	2017	53201713020418	-	1	33.000.000	4.950.000
64	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 3 TAY QUAY SMSC-003 - SUMMIT CARE - SMSC-003	2017	53201713020419	-	1	33.000.000	4.950.000
65	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 3 TAY QUAY SMSC-003 - SUMMIT CARE - SMSC-003	2017	53201713020420	-	1	33.000.000	4.950.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

66	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 3 TAY QUAY SMSC-003 - SUMMIT CARE - SMSC-003	2018	53201843020453	-	1	33.000.000	8.250.000
67	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 3 TAY QUAY SMSC-003 - SUMMIT CARE - SMSC-003	2018	53201843020473	-	1	33.000.000	8.250.000
68	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 3 TAY QUAY SMSC-003 - SUMMIT CARE - SMSC-003	2018	53201843020474	-	1	33.000.000	8.250.000
69	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 3 TAY QUAY SMSC-003 - SUMMIT CARE - SMSC-003	2018	53201843020454	-	1	33.000.000	8.250.000
70	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 3 TAY QUAY SMSC-003 - SUMMIT CARE - SMSC-003	2018	53201843020475	-	1	33.000.000	8.250.000
71	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 3 TAY QUAY SMSC-003 - SUMMIT CARE - SMSC-003	2018	53201843020476	-	1	33.000.000	8.250.000
72	CÂY NƯỚC UỐNG NÓNG LẠNH - WATIO - SHM2681	2021	134202142120160	phòng 204	1	14.630.000	2.926.000
73	CÂY NƯỚC UỐNG NÓNG LẠNH - WATIO - SHM2681	2021	134202142120161	phòng 209	1	14.630.000	2.926.000
74	CÂY NƯỚC UỐNG NÓNG LẠNH - WATIO - SHM2681	2021	134202142120162	phòng 107	1	14.630.000	2.926.000
75	CHẬU RỬA INOX	2021	71202148151877	Nhà K1	1	28.000.000	15.400.000
76	ĐIỀU HÒA - DAIKIN	2018	-	phòng 209	1	36.902.140	4.612.768
77	ĐIỀU HÒA - DAIKIN	2018	-	phòng 211	1	36.902.140	4.612.768
78	ĐIỀU HÒA - DAIKIN - CASSETTE	2018	-	phòng đồ vải	1	36.902.140	4.612.768
79	ĐIỀU HÒA - DAIKIN - CASSETTE	2018	-	phòng trực mật tụy	1	36.902.140	4.612.768
80	ĐIỀU HÒA - DAIKIN - FCNQ21MV1 - CASSETTE	2018	-	kho thuốc mật tụy	1	43.658.780	5.457.348
81	ĐIỀU HÒA - DAIKIN - FTK35KVF	2018	-	phòng giám đốc	1	13.296.998	1.662.125
82	ĐIỀU HÒA - DAIKIN - CASSETTE	2018	-	điều trị nội trú	1	36.902.140	4.612.768
83	ĐIỀU HÒA - DAIKIN - CASSETTE	2018	-	hành chính	1	36.902.140	4.612.768

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

84	ĐIỀU HÒA - DAIKIN - FHC18BUV2V - CASSETTE	2018	25201842062267	giao ban	1	19.880.300	2.485.038
85	ĐIỀU HÒA - DAIKIN - FHC18BUV2V - CASSETTE	2018	-	phòng tự nguyện	1	19.880.300	2.485.038
86	ĐIỀU HÒA - DAIKIN - FTKD50FVM - TREO TƯỜNG	2018	-	207	1	19.778.682	2.472.335
87	ĐIỀU HÒA - DAIKIN - FTNE50MV1V - TREO TƯỜNG	2018	-	300	1	19.778.682	2.860.825
88	ĐIỀU HÒA - DAIKIN - FTNE50MV1V - TREO TƯỜNG	2018	-	309	1	19.778.682	2.860.825
89	ĐIỀU HÒA - DAIKIN - FTNE50MV1V - TREO TƯỜNG	2018	-	309	1	19.778.682	2.860.825
90	ĐIỀU HÒA - DAIKIN - FTNE50MV1V - TREO TƯỜNG	2018	-	308	1	19.778.682	2.860.825
91	ĐIỀU HÒA - DAIKIN - FTNE50MV1V - TREO TƯỜNG	2018	-	308	1	19.778.682	2.860.825
92	ĐIỀU HÒA - DAIKIN - FTNE50MV1V - TREO TƯỜNG	2018	-	307	1	19.778.682	2.860.825
93	ĐIỀU HÒA - DAIKIN - FTNE50MV1V - TREO TƯỜNG	2018	-	307	1	19.778.682	2.860.825
94	ĐIỀU HÒA - DAIKIN - FTNE50MV1V - TREO TƯỜNG	2018	-	306	1	19.778.682	2.860.825
95	ĐIỀU HÒA - DAIKIN - FTNE50MV1V - TREO TƯỜNG	2018	-	207	1	19.778.682	2.860.825
96	ĐIỀU HÒA - DAIKIN - FTNE50MV1V - TREO TƯỜNG	2018	-	208	1	19.778.682	2.860.825
97	ĐIỀU HÒA - DAIKIN - FTNE50MV1V - TREO TƯỜNG	2018	-	208	1	19.778.682	2.860.825
98	ĐIỀU HÒA - DAIKIN - FTNE50MV1V - TREO TƯỜNG	2018	-	209	1	19.778.682	2.860.825
99	ĐIỀU HÒA - DAIKIN - FTNE50MV1V - TREO TƯỜNG	2018	-	210	1	19.778.682	2.860.825
100	ĐIỀU HÒA - DAIKIN - FTXD50HVMV - TREO TƯỜNG	2018	-	nhân viên	1	19.778.682	2.472.335
101	ĐIỀU HÒA - DAIKIN - R18PUV2V - CASSETTE	2018	25201842062271	phó giám đốc	1	19.880.300	2.485.038
102	ĐIỀU HÒA - DAIKIN - R18PUV2V - CASSETTE	2018	25201842062270	khám tiêu hóa 1	1	19.880.300	2.485.038

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

103	ĐIỀU HÒA - DAIKIN - R18PUV2V - CASSETTE	2018	25201842062269	điều trị nội trú	1	19.880.300	2.485.038
104	ĐIỀU HÒA - DAIKIN - R18PUV2V - CASSETTE	2018	25201842062268	dụng cụ cấp cứu	1	19.880.300	2.485.038
105	ĐIỀU HÒA - DAIKIN - R18PUV2V - CASSETTE	2018	-	tiếp đón	1	19.880.300	2.485.038
106	ĐIỀU HÒA - DAIKIN - R18PUV2V - CASSETTE	2018	-	nhân viên	1	19.880.300	2.485.038
107	ĐIỀU HÒA - DAIKIN - RNE35MV1V9 - TREO TƯỜNG	2017	-	xét nghiệm	1	16.864.100	2.108.013
108	ĐIỀU HÒA - DAIKIN - RNE35MV1V9 - TREO TƯỜNG	2017	-	xét nghiệm	1	16.864.100	2.108.013
109	ĐIỀU HÒA - DAIKIN - RNE35MV1V9 - TREO TƯỜNG	2017	-	điều dưỡng trưởng	1	16.864.100	2.108.013
110	ĐIỀU HÒA - DAIKIN - RNE35MV1V9 - TREO TƯỜNG	2017	-	xét nghiệm	1	16.864.100	2.108.013
111	ĐIỀU HÒA - MITSUBISHI - SRK-40HG-1 - TREO TƯỜNG	2017	-	313	1	21.089.200	2.636.150
112	ĐIỀU HÒA - MITSUBISHI - SRK-40HG-1 - TREO TƯỜNG	2017	-	312	1	21.089.200	2.636.150
113	ĐIỀU HÒA - MITSUBISHI - SRK-40HG-1 - TREO TƯỜNG	2017	-	311	1	21.089.200	2.636.150
114	ĐIỀU HÒA - MITSUBISHI - SRK-40HG-1 - TREO TƯỜNG	2017	-	310	1	21.089.200	2.636.150
115	ĐIỀU HÒA - MITSUBISHI - SRK-40HG-1 - TREO TƯỜNG	2017	-	302	1	21.089.200	2.636.150
116	ĐIỀU HÒA - MITSUBISHI - SRK-40HG-1 - TREO TƯỜNG	2017	-	301	1	21.089.200	2.636.150
117	GIƯỜNG BN 1 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN	2022	134202248041213	TRUNG TÂM TIÊU HÓA-GAN	1	24.000.000	15.600.000
118	GIƯỜNG BN 2 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN	2018	-	TRUNG TÂM TIÊU HÓA-GAN	1	19.750.000	4.937.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

119	GIƯỜNG BN 2 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN	2018	-	TRUNG TÂM TIÊU HÓA-GAN	1	19.750.000	4.937.500
120	GIƯỜNG BN 2 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN	2018	-	TRUNG TÂM TIÊU HÓA-GAN	1	19.750.000	4.937.500
121	GIƯỜNG BN 2 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN	2018	-	TRUNG TÂM TIÊU HÓA-GAN	1	19.750.000	4.937.500
122	GIƯỜNG BN 2 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN	2018	-	TRUNG TÂM TIÊU HÓA-GAN	1	19.750.000	4.937.500
123	GIƯỜNG BN 2 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN	2018	-	TRUNG TÂM TIÊU HÓA-GAN	1	19.750.000	4.937.500
124	GIƯỜNG BN 2 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN	2018	-	TRUNG TÂM TIÊU HÓA-GAN	1	19.750.000	4.937.500
125	GIƯỜNG BN 2 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN	2018	-	TRUNG TÂM TIÊU HÓA-GAN	1	19.750.000	4.937.500
126	GIƯỜNG BN 2 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN	2018	-	TRUNG TÂM TIÊU HÓA-GAN	1	19.750.000	4.937.500
127	GIƯỜNG BN 2 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN	2018	-	TRUNG TÂM TIÊU HÓA-GAN	1	19.750.000	4.937.500

22410_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc thực hiện ký thay NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

128	GIƯỜNG BN 2 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN	2018	-	TRUNG TÂM TIÊU HÓA-GAN	1	19.750.000	4.937.500
129	GIƯỜNG BN 2 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN	2018	-	TRUNG TÂM TIÊU HÓA-GAN	1	19.750.000	4.937.500
130	GIƯỜNG BN 2 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN	2018	-	TRUNG TÂM TIÊU HÓA-GAN	1	19.750.000	4.937.500
131	GIƯỜNG BN 2 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN	2018	-	TRUNG TÂM TIÊU HÓA-GAN	1	19.750.000	4.937.500
132	GIƯỜNG BN 2 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN	2018	-	TRUNG TÂM TIÊU HÓA-GAN	1	19.750.000	4.937.500
133	GIƯỜNG BN 2 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN	2018	-	TRUNG TÂM TIÊU HÓA-GAN	1	19.750.000	4.937.500
134	GIƯỜNG BN 2 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN	2018	-	TRUNG TÂM TIÊU HÓA-GAN	1	19.750.000	4.937.500
135	GIƯỜNG BN 2 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN	2018	-	TRUNG TÂM TIÊU HÓA-GAN	1	19.750.000	4.937.500
136	GIƯỜNG BN 2 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN	2018	-	TRUNG TÂM TIÊU HÓA-GAN	1	19.750.000	4.937.500

22410_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Trung tâm NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

137	GIƯỜNG BN 2 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN	2018	-	TRUNG TÂM TIÊU HÓA-GAN	1	19.750.000	4.937.500
138	GIƯỜNG BN 2 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN	2018	-	TRUNG TÂM TIÊU HÓA-GAN	1	19.750.000	4.937.500
139	GIƯỜNG BN 2 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN	2018	-	TRUNG TÂM TIÊU HÓA-GAN	1	19.750.000	4.937.500
140	GIƯỜNG BN 2 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN	2018	-	TRUNG TÂM TIÊU HÓA-GAN	1	19.750.000	4.937.500
141	GIƯỜNG BN 2 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN	2018	-	TRUNG TÂM TIÊU HÓA-GAN	1	19.750.000	4.937.500
142	GIƯỜNG BN 2 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN	2018	-	TRUNG TÂM TIÊU HÓA-GAN	1	19.750.000	4.937.500
143	GIƯỜNG BN 2 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN	2018	-	TRUNG TÂM TIÊU HÓA-GAN	1	19.750.000	4.937.500
144	GIƯỜNG BN 2 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN	2018	-	TRUNG TÂM TIÊU HÓA-GAN	1	19.750.000	4.937.500
145	GIƯỜNG BN 2 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN	2018	-	TRUNG TÂM TIÊU HÓA-GAN	1	19.750.000	4.937.500

22410_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Đơn vị ký: NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

146	GIƯỜNG BN 2 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN	2018	-	TRUNG TÂM TIÊU HÓA-GAN	1	19.750.000	4.937.500
147	GIƯỜNG BN 2 TAY QUAY - HOÀNG NGUYỄN	2018	-	TRUNG TÂM TIÊU HÓA-GAN	1	19.750.000	4.937.500
148	HỆ THỐNG LỌC NƯỚC RO	2022	134202242120168	Nóc nhà P	1	19.966.260	7.986.504
149	HỆ THỐNG NỘI SOI DẠ DÀY - ĐẠI TRÀNG - OLYMPUS - CV-170 - 7009947	2021	134202142140126	Trung tâm nội soi	1	2.098.700.000	1.154.285.000
150	HỆ THỐNG NỘI SOI DẠ DÀY - ĐẠI TRÀNG - OLYMPUS - CV-170 - 7009953	2021	134202142140130	Phòng 112 nhà K2	1	2.098.700.000	1.154.285.000
151	HỆ THỐNG NỘI SOI DẠ DÀY, ĐẠI TRÀNG CÓ CHỨ NĂNG CHẨN ĐOÁN UNG THƯ SỚM - FUJIFILM - VP-7000, BL-7000, EG-720R, EC-720R/I - 5S101K932 -	2021	134202142470047	Trung tâm nội soi	1	3.500.000.000	1.925.000.000
152	HỆ THỐNG NỘI SOI OLYMPUS - OLYMPUS - CV-170 - 7431733	2016	53201652140099	Trung tâm nội soi	1	1.450.000.000	797.500.000
153	HỆ THỐNG NỘI SOI OLYMPUS - OLYMPUS - CV-170 - 7431734	2016	53201652140097	Đang hỏng chờ sửa chữa - bảo quản tại trung tâm	1	1.450.000.000	797.500.000
154	LAPTOP - HP - 240R-G9 - 5CG4260JJ9	2024	10202432030182	-	1	15.895.000	12.716.000
155	LAPTOP - HP - 240R-G9 - 5CG4260JLG	2024	10202432030243	-	1	15.895.000	12.716.000
156	LAPTOP - HP - 240R-G9 - 5CG4260JLS	2024	10202432030253	-	1	15.895.000	12.716.000
157	MÁY BƠM NƯỚC NỘI SOI - FUJIFILM - JW-2 - RW599A469	2023	-	-	1	115.000.000	14.375.000
158	MÁY BƠM KHÍ CO2 NỘI SOI - FUIJIFILM - GW-100 - 6V605K552 - FUJIFILM - GW- 100 - 6V605K552	2023	134202342120065	Trung tâm nội soi	1	285.000.000	213.750.000
159	MÁY BƠM KHÍ CO2 NỘI SOI - FUIJIFILM - GW-100 - 6V605K609 - FUJIFILM - GW- 100 - 6V605K609	2023	134202342120062	Trung tâm nội soi	1	285.000.000	213.750.000
160	MÁY BƠM KHÍ CO2 NỘI SOI - FUIJIFILM - GW-100 - 6V605K610 - FUJIFILM - GW- 100 - 6V605K610	2023	134202342120063	Trung tâm nội soi	1	285.000.000	213.750.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

161	MÁY BƠM KHÍ CO2 NỘI SOI - FUIJIFILM - GW-100 - 6V605K611 - FUJIFILM - GW- 100 - 6V605K611	2023	134202342120064	Trung tâm nội soi	1	285.000.000	213.750.000
162	MÁY BƠM KHÍ CO2 NỘI SOI - FUIJIFILM - GW-100 - 6V605K658 - FUJIFILM - GW- 100 - 6V605K658	2023	134202342120066	Trung tâm nội soi	1	285.000.000	213.750.000
163	MÁY BƠM NƯỚC NỘI SOI - FUJIFILM - JW-2 - 7W599K408	2023	134202342120047	Nhà K1	1	115.000.000	86.250.000
164	MÁY BƠM NƯỚC NỘI SOI - FUJIFILM - JW-2 - 7W599K411	2023	134202342120048	Trung tâm nội soi	1	115.000.000	86.250.000
165	MÁY BƠM NƯỚC NỘI SOI - FUJIFILM - JW-2 - 7W599K413	2023	134202342120050	Trung tâm nội soi	1	115.000.000	86.250.000
166	MÁY BƠM NƯỚC NỘI SOI - FUJIFILM - JW-2 - 7W599K414	2023	134202342120051	Nhà K1	1	115.000.000	86.250.000
167	MÁY BƠM NƯỚC NỘI SOI - FUJIFILM - JW-2 - 7W599K415	2023	134202342120052	Nhà K1	1	115.000.000	86.250.000
168	MÁY BƠM NƯỚC NỘI SOI - FUJIFILM - JW-2 - 7W599K416	2023	134202342120053	Nhà K1	1	115.000.000	86.250.000
169	MÁY BƠM NƯỚC NỘI SOI - FUJIFILM - JW-2 - 7W599K419	2023	134202342120049	Nhà K1	1	115.000.000	86.250.000
170	MÁY BƠM NƯỚC NỘI SOI - FUJIFILM - JW-2 - 7W599K439	2023	134202342120055	Nhà K1	1	115.000.000	86.250.000
171	MÁY BƠM NƯỚC NỘI SOI - FUJIFILM - JW-2 - 7W599K440	2023	134202342120060	-	1	115.000.000	86.250.000
172	MÁY BƠM NƯỚC NỘI SOI - FUJIFILM - JW-2 - 7W599K441	2023	134202342120056	Nhà K1	1	115.000.000	86.250.000
173	MÁY BƠM NƯỚC NỘI SOI - FUJIFILM - JW-2 - 7W599K442	2023	134202342120057	Nhà K1	1	115.000.000	86.250.000
174	MÁY BƠM NƯỚC NỘI SOI - FUJIFILM - JW-2 - 7W599K443	2023	134202342120061	-	1	115.000.000	86.250.000
175	MÁY BƠM NƯỚC NỘI SOI - FUJIFILM - JW-2 - 7W599K449	2023	134202342120054	Trung tâm nội soi	1	115.000.000	86.250.000
176	MÁY BƠM NƯỚC NỘI SOI - FUJIFILM - JW-2 - 7W599K462	2023	134202342120058	Trung tâm nội soi	1	115.000.000	86.250.000
177	MÁY BƠM NƯỚC NỘI SOI - FUJIFILM - JW-2 - 7W599K464	2023	134202342120059	Nhà K1	1	115.000.000	86.250.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

178	MÁY CẮT ĐỐT QUA ĐƯỜNG NỘI SOI - ERBE - VIO 300D - 11475693 / APC2: 11475990/ UC000241	2020	24202048020178	Trung tâm nội soi	1	1.446.000.000	650.700.000
179	MÁY ĐIỆN TIM - NIHON KOHDEN - ECG-1250K - 11513	2020	-	Nhà K1	1	69.000.000	31.050.000
180	MÁY ĐIỆN TIM - NIHON KOHDEN - ECG-1250K - 12388	2018	-	Khu nội trú - TT Tiêu hóa-Gan mật tầng 3	1	65.000.000	16.250.000
181	MÁY ĐIỆN TIM - NIHON KOHDEN - ECG-1250K - 14882	2019	24201942170145	Khu nội trú - TT Tiêu hóa-Gan mật tầng 3	1	65.000.000	22.750.000
182	MÁY ĐIỆN TIM - NIHON KOHDEN - ECG-1250K - 14958	2019	53201942170147	Khu nội trú - TT Tiêu hóa-Gan mật tầng 3	1	74.000.000	25.900.000
183	MÁY ĐO HUYẾT ÁP ĐỂ BÀN HBP 9020 - OMRON - HBP 9020 - 02005743LF	2018	24201842150222	Trung tâm nội soi	1	60.000.000	15.000.000
184	MÁY ĐO HUYẾT ÁP ĐỂ BÀN HBP 9020 - OMRON - HBP 9020 - 02007578LF	2019	53201942150356	Trung tâm nội soi	1	56.000.000	19.600.000
185	MÁY ĐO HUYẾT ÁP ĐỂ BÀN HBP 9020 - OMRON - HBP 9020 - 02010000LF	2019	31201912150364	Trung tâm nội soi	1	55.000.000	19.250.000
186	MÁY ĐO SPO2 CẦM TAY NONIN - 502575290	2018	24201842150260	Khu nội trú - TT Tiêu hóa-Gan mật tầng 3	1	24.000.000	6.000.000
187	MÁY GÂY MÊ KÈM THỞ - DATECH OMEDA - CARE 620 - SM 62111008MA	2021	134202142200038	Trung tâm nội soi	1	848.000.000	466.400.000
188	MÁY HÚT DỊCH 1 BÌNH CHEISON DYNAMIC II BATTERY	2019	53201942560639	Nhà K1	1	38.600.000	13.510.000
189	MÁY HÚT DỊCH 2 BÌNH BICAKCILAR VACULINE MAXI	2019	53201942560638	Nhà K1	1	43.050.000	15.067.500
190	MÁY NÉN KHÍ OULSTANDING	2019	53201942400023	Nhà K1	1	32.230.000	11.280.500
191	MÁY NÉN KHÍ OULSTANDING	2019	53201942400024	Phòng 112 nhà K2	1	32.230.000	11.280.500
192	MÁY PHOTOCOPY BIZHUB 308E	2020	24202042040088	-	1	48.500.000	10.912.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

193	MÁY RỬA DỤNG CỤ NỘI SOI DSD-201 - MEDIVATORS - DSD-201 - 88162701	2017	53201712150210	Nhà K1	1	796.800.000	99.600.000
194	MÁY RỬA DỤNG CỤ NỘI SOI DSD-201 - MEDIVATORS - DSD-201 - 92935907	2019	125201912190035	Nhà K1	1	800.000.000	280.000.000
195	MÁY RỬA KÊNH ỐNG SOI VÀ KHỬ TRÙNG ỐNG SOI	2018	24201842190028	-	1	64.000.000	16.000.000
196	MÁY RỬA VÀ KHỬ KHUẨN ỐNG NỘI SOI - OLYMPUS - OER-AW - 2033562	2021	134202142190044	Nhà K1	1	790.000.000	434.500.000
197	MÁY RỬA VÀ KHỬ KHUẨN ỐNG NỘI SOI - OLYMPUS - OER-AW - 2033564	2021	134202142190045	Nhà K1	1	790.000.000	434.500.000
198	MÁY RỬA VÀ KHỬ KHUẨN ỐNG NỘI SOI - OLYMPUS - OER-AW - 2033567	2021	134202142190046	-	1	790.000.000	434.500.000
199	MÁY RỬA VÀ KHỬ KHUẨN ỐNG NỘI SOI - OLYMPUS - OER-AW - 2033568	2021	134202142190047	Trung tâm nội soi	1	790.000.000	434.500.000
200	MÁY RỬA VÀ KHỬ KHUẨN ỐNG NỘI SOI - OLYMPUS - OER-AW - 2033569	2021	134202142190048	Trung tâm nội soi	1	790.000.000	434.500.000
201	MÁY RỬA VÀ KHỬ KHUẨN ỐNG NỘI SOI - OLYMPUS - OER-AW - 2033574	2021	134202142190049	Nhà K1	1	790.000.000	434.500.000
202	MÁY RỬA VÀ KHỬ KHUẨN ỐNG NỘI SOI - OLYMPUS - OER-AW - 2033581	2021	134202142190050	Nhà K1	1	790.000.000	434.500.000
203	MÁY RỬA VÀ KHỬ KHUẨN ỐNG NỘI SOI - OLYMPUS - OER-AW - 2033582	2021	134202142190051	Trung tâm nội soi	1	790.000.000	434.500.000
204	MÁY RỬA VÀ KHỬ KHUẨN ỐNG NỘI SOI - OLYMPUS - OER-AW - 2033583	2021	134202142190052	Nhà K1	1	790.000.000	434.500.000
205	MÁY RỬA VÀ KHỬ KHUẨN ỐNG NỘI SOI - OLYMPUS - OER-AW - 2033586	2021	134202142190053	Trung tâm nội soi	1	790.000.000	434.500.000
206	MÁY RỬA VÀ KHỬ KHUẨN ỐNG NỘI SOI - OLYMPUS - OER-AW - 2033587	2021	134202142190054	Trung tâm nội soi	1	790.000.000	434.500.000
207	MÁY RỬA VÀ KHỬ KHUẨN ỐNG NỘI SOI - OLYMPUS - OER-AW - 2033588	2021	134202142190055	Trung tâm nội soi	1	790.000.000	434.500.000
208	MÁY RỬA VÀ KHỬ KHUẨN ỐNG NỘI SOI - OLYMPUS - OER-AW - 2033589	2021	134202142190056	Trung tâm nội soi	1	790.000.000	434.500.000
209	MÁY RỬA VÀ KHỬ KHUẨN ỐNG NỘI SOI - OLYMPUS - OER-AW - 2033590	2021	134202142190057	Trung tâm nội soi	1	790.000.000	434.500.000
210	MÁY RỬA VÀ KHỬ KHUẨN ỐNG NỘI SOI - OLYMPUS - OER-AW - 2033592	2021	134202142190058	Trung tâm nội soi	1	790.000.000	434.500.000
211	MÁY RỬA VÀ KHỬ KHUẨN ỐNG NỘI SOI - OLYMPUS - OER-AW - 2421357	2021	05202012190043	Nhà K1	1	790.000.000	434.500.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

212	MÁY SẤY VÀ BẢO QUẢN VÔ KHUẨN ỐNG NỘI SOI SAO KIM SSK-09-NS	2019	125201912280024	Trung tâm nội soi	1	50.000.000	17.500.000
213	MÁY SHOCK TIM - NIHON KOHDEN - TEC-5621K - 08000	2021	134202142240623	Nhà K1	1	147.000.000	80.850.000
214	MÁY SHOCK TIM - NIHON KOHDEN - TEC-5621K - 08001	2021	134202142240624	Khu nội trú - TT Tiêu hóa-Gan mật tầng 3	1	147.000.000	80.850.000
215	MÁY SHOCK TIM - NIHON KOHDEN - TEC-5621K - 08003	2021	134202142240625	Trung tâm nội soi	1	147.000.000	80.850.000
216	MÁY SIÊU ÂM ARIETTA V60 - ALOKA - ARIETTA V60 - 203D7311	2018	-	Đang hỏng chờ sửa chữa - bảo quản tại trung tâm	1	1.700.000.000	425.000.000
217	MÁY SIÊU ÂM ARIETTA V60 - ALOKA - ARIETTA V60 - 203D7312	2018	201878153624	Phòng 112 nhà K2	1	1.700.000.000	425.000.000
218	MÁY SIÊU ÂM ARIETTA V60 - ALOKA - ARIETTA V60 - 20637323	2018	53201892210121	Nhà K1	1	1.700.000.000	425.000.000
219	MÁY SIÊU ÂM ĐÀN HỒI GAN - ECHOSENS - FIBROCAN EXPERT - F0110342	2022	134202242210172	Nhà K1	1	4.620.000.000	3.003.000.000
220	MÁY SÚC RỬA KÊNH NƯỚC PHỤ - SCOPE BUDDY - ECG-100G - SB819016- 14	2019	-	Trung tâm nội soi	1	64.000.000	22.400.000
221	MÁY SÚC RỬA KÊNH NƯỚC PHỤ - SCOPE BUDDY - ECG-100G - SB819016- 16	2018	-	Trung tâm nội soi	1	64.000.000	16.000.000
222	MÁY SÚC RỬA KÊNH NƯỚC PHỤ - SCOPE BUDDY - ECG-100G - SB819016- 21	2018	24201842190028	-	1	64.000.000	16.000.000
223	MÁY SÚC RỬA KÊNH NƯỚC PHỤ - SCOPE BUDDY - ECG-100G - SB902413- 08	2019	24201942190034	Trung tâm nội soi	1	64.000.000	22.400.000
224	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 15589	2018	53201842220537	Khu nội trú - TT Tiêu hóa-Gan mật tầng 3	1	167.000.000	41.750.000
225	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 18488	2018	24201842220546	Khu nội trú - TT Tiêu hóa-Gan mật tầng 3	1	167.000.000	41.750.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

226	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 19731	2018	53201812220553	Trung tâm nội soi	1	167.000.000	41.750.000
227	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 19734	2018	24201842220544	Khu nội trú - TT Tiêu hóa-Gan mật tầng 3	1	167.000.000	41.750.000
228	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 19736	2018	24201842220545	Khu nội trú - TT Tiêu hóa-Gan mật tầng 3	1	167.000.000	41.750.000
229	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 19758	2018	24201842220548	Trung tâm nội soi	1	167.000.000	41.750.000
230	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 20062	2018	24201842220547	Trung tâm nội soi	1	167.000.000	41.750.000
231	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 21703	2019	53201912220661	Trung tâm nội soi	1	169.000.000	59.150.000
232	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 21861	2018	24201812220587	Trung tâm nội soi	1	169.000.000	42.250.000
233	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 22591	2018	24201812220586	Trung tâm nội soi	1	169.000.000	42.250.000
234	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 22635	2018	53201812220583	Trung tâm nội soi	1	169.000.000	42.250.000
235	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 22639	2018	53201812220582	Trung tâm nội soi	1	169.000.000	42.250.000
236	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 22710	2018	24201812220585	Nhà K1	1	169.000.000	42.250.000
237	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 25315	2020	134202042220736	Trung tâm nội soi	1	169.000.000	76.050.000
238	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 25317	2020	134202042220737	Trung tâm nội soi	1	169.000.000	76.050.000
239	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 25329	2019	05201912220667	Trung tâm nội soi	1	169.000.000	59.150.000
240	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 27897	2020	134202042220739	Khu nội trú - TT Tiêu hóa-Gan mật tầng 3	1	169.000.000	76.050.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

241	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 27904	2020	134202042220738	Khu nội trú - TT Tiêu hóa-Gan mật tầng 3	1	169.000.000	76.050.000
242	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 37508	2022	05202242221089	Nhà K1	1	144.000.000	93.600.000
243	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 37522	2022	05202242221090	Nhà K1	1	144.000.000	93.600.000
244	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 37530	2022	05202242221106	Nhà K1	1	144.000.000	93.600.000
245	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 37531	2022	05202242221107	Nhà K1	1	144.000.000	93.600.000
246	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 37532	2022	05202242221108	Nhà K1	1	144.000.000	93.600.000
247	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 37536	2022	05202242221109	Nhà K1	1	144.000.000	93.600.000
248	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 37538	2022	05202242221111	Nhà K1	1	144.000.000	93.600.000
249	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 37540	2022	05202242221112	Nhà K1	1	144.000.000	93.600.000
250	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 37544	2022	05202242221114	Nhà K1	1	144.000.000	93.600.000
251	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 37545	2022	05202242221115	Nhà K1	1	144.000.000	93.600.000
252	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 37564	2022	05202242221122	Nhà K1	1	144.000.000	93.600.000
253	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 37576	2022	05202242221123	Nhà K1	1	144.000.000	93.600.000
254	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 37585	2022	05202242221125	Nhà K1	1	144.000.000	93.600.000
255	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 37596	2022	05202242221129	Nhà K1	1	144.000.000	93.600.000
256	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 37598	2022	05202242221131	Nhà K1	1	144.000.000	93.600.000
257	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030 - 20XQT44	2024	10202432023095	HC-BỆNH LÝ GAN	1	16.170.000	12.936.000
258	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030 - 30XQT44	2024	10202432023076	hc-Tiêu hóa dưới	1	16.170.000	12.936.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

259	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030 - 3ZWQT44	2024	10202432023080	HC-TIÊU HÓA TRÊN	1	16.170.000	12.936.000
260	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030 - 40XQT44	2024	10202432023092	hc-Tiêu hóa dưới	1	16.170.000	12.936.000
261	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030 - 4ZQT44	2024	10202432023099	HC-TIÊU HÓA TRÊN	1	16.170.000	12.936.000
262	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030 - 5QWQT44	2024	10202432023116	HC-BỆNH LÝ MẬT TỤY	1	16.170.000	12.936.000
263	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030 - 5SWQT44	2024	10202432023153	HC-BỆNH LÝ MẬT TỤY	1	16.170.000	12.936.000
264	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030 - 5XWQT44	2024	10202432023100	HC-TIÊU HÓA TRÊN	1	16.170.000	12.936.000
265	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030 - 5YWQT44	2024	10202432023083	HC-BỆNH LÝ GAN	1	16.170.000	12.936.000
266	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030 - 9ZWQT44	2024	10202432023110	HC-TIÊU HÓA TRÊN	1	16.170.000	12.936.000
267	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030 - BYWQT44	2024	10202432023066	HC-TIÊU HÓA TRÊN	1	16.170.000	12.936.000
268	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030 - DQWQT44	2024	10202432023133	HC-BỆNH LÝ MẬT TỤY	1	16.170.000	12.936.000
269	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030 - DYWQT44	2024	10202432023096	HC-TIÊU HÓA TRÊN	1	16.170.000	12.936.000
270	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030 - FXWQT44	2024	10202432023089	HC-BỆNH LÝ GAN	1	16.170.000	12.936.000
271	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030 - HYWQT44	2024	10202432023070	hc-Tiêu hóa dưới	1	16.170.000	12.936.000
272	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - 6XWQT44	2024	10202432023072	Trung tâm nội soi	1	16.170.000	12.936.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

273	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030S - FYWQT44	2024	10202432023077	-	1	16.170.000	12.936.000
274	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3930 - 1ZWQT44	2024	10202432023109	HC-BỆNH LÝ MẬT TỤY	1	16.170.000	12.936.000
275	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020S - 1FWT754	2024	10202432023320	HC-TIÊU HÓA TRÊN	1	19.935.000	15.948.000
276	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020S - 1HWT754	2024	10202432023322	HC-BỆNH LÝ GAN	1	19.935.000	15.948.000
277	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020S - 2LWT754	2024	10202432023347	BS NAM A	1	19.935.000	15.948.000
278	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020S - 3KWT754	2024	10202432023369	hc-Tiêu hóa dưới	1	19.935.000	15.948.000
279	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020S - 43WT754	2024	10202432023382	hc-Tiêu hóa dưới	1	19.935.000	15.948.000
280	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020S - 4DWT754	2024	10202432023387	HC-TIÊU HÓA TRÊN	1	19.935.000	15.948.000
281	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020S - 4FWT754	2024	10202432023388	DDT	1	19.935.000	15.948.000
282	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020S - 8WCMT754	2024	10202432023500	HC-TIÊU HÓA TRÊN	1	19.935.000	15.948.000
283	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020S - B3JWT754	2024	10202432023525	HC-BỆNH LÝ MẬT TỤY	1	19.935.000	15.948.000
284	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020S - HLCM754	2024	10202432023657	Trung tâm nội soi	1	19.935.000	15.948.000
285	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - VOSTRO 3710 - 5PCM754	2024	10202432023425	HC-BỆNH LÝ MẬT TỤY	1	19.935.000	15.948.000
286	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R 9 - 5CG4260JJT - HP - 240R-G9 - 5CG4260JJT	2024	10202432030198	-	1	15.895.000	12.716.000
287	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE- LF630 - 2110010183	2022	05202248011337	Nhà K1	1	32.500.000	21.125.000
288	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE- LF630 - 2110010190	2022	05202248011325	Trung tâm nội soi	1	32.500.000	21.125.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

289	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE- LF630 - 2111010374	2022	05202248011344	Khu nội trú - TT Tiêu hóa-Gan mật tầng 3	1	32.500.000	21.125.000
290	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE- LF630 - 2112010012	2022	-	Nhà K1	1	32.500.000	21.125.000
291	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE- LF630 - 2112010039	2022	05202248011349	Khu nội trú - TT Tiêu hóa-Gan mật tầng 3	1	32.500.000	21.125.000
292	MÁY TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE- LF630 - 2204010094	2022	-	Khu nội trú - TT Tiêu hóa-Gan mật tầng 3	1	32.500.000	21.125.000
293	ỐNG NỘI SOI DẠ DÀY EG 600WR/ 4 DÂY - EG 600WR - 2G391K825	2018	24201842140089	-	1	2.902.000.000	725.500.000
294	ỐNG NỘI SOI DẠ DÀY EG 600WR/ 4 DÂY - EG 600WR - 2G391K858	2018	24201842140088	-	1	2.902.000.000	725.500.000
295	ỐNG NỘI SOI DẠ DÀY EG 600WR/ 4 DÂY - EG 600WR - 2G391K859	2018	24201842140086	-	1	2.902.000.000	725.500.000
296	ỐNG NỘI SOI DẠ DÀY EG 600WR/ 4 DÂY - EG 600WR - 2G391K861	2018	24201842140087	-	1	2.902.000.000	725.500.000
297	ỐNG NỘI SOI ĐẠI TRÀNG EG 600WI/ 2 DÂY - EG 600WI - 1C692K861	2018	24201842140090	-	1	1.496.000.000	374.000.000
298	ỐNG NỘI SOI ĐẠI TRÀNG EG 600WI/ 2 DÂY - EG 600WI - 1C692K870	2018	24201842140091	-	1	1.496.000.000	374.000.000
299	TỦ GỖ	2019	24201948160339	Khu nội trú - TT Tiêu hóa-Gan mật tầng 3	1	14.071.200	3.517.800
300	TỦ LABOR MẶT ĐÁ BAO GỒM CHẬU RỬA	2019	24201948160336	Trung tâm nội soi	1	24.695.000	6.173.750
301	TỦ LABOR MẶT ĐÁ BAO GỒM CHẬU RỬA	2019	24201948160337	Trung tâm nội soi	1	23.388.200	5.847.050
302	TỦ LABOR MẶT ĐÁ BAO GỒM CHẬU RỬA	2019	24201948160338	Trung tâm nội soi	1	36.696.000	9.174.000
303	XE CÁNG CỨU THƯƠNG - EMPROSERCO - XM-14A1	2019	24201943020491	-	1	24.000.000	8.400.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

304	XE CÁNG CỨU THƯƠNG - EMPROSERCO - XM-14A1 - EMPROSERCO - XM-14A1	2019	24201943020492	-	1	24.000.000	8.400.000
305	XE CÁNG CỨU THƯƠNG - EMPROSERCO - XM-14A1 - EMPROSERCO - XM-14A1	2019	24201943020493	-	1	24.000.000	8.400.000
306	XE CÁNG CỨU THƯƠNG - EMPROSERCO - XM-14A1 - EMPROSERCO - XM-14A1	2019	24201943020494	-	1	24.000.000	8.400.000
307	XE CÁNG CỨU THƯƠNG CAO CẤP	2017	24201713020414	-	1	24.000.000	3.600.000
308	XE CÁNG CỨU THƯƠNG CAO CẤP	2017	24201713020415	-	1	24.000.000	3.600.000
309	XE CÁNG CỨU THƯƠNG CAO CẤP	2017	24201713020416	-	1	24.000.000	3.600.000
310	XE CÁNG CỨU THƯƠNG CAO CẤP	2017	24201713020417	-	1	24.000.000	3.600.000
311	XE CÁNG CỨU THƯƠNG CAO CẤP	2018	24201843020428	-	1	24.000.000	6.000.000
312	XE CÁNG CỨU THƯƠNG CAO CẤP	2018	24201843020429	-	1	24.000.000	6.000.000
313	XE CÁNG CỨU THƯƠNG CAO CẤP	2018	24201843020430	-	1	24.000.000	6.000.000
314	XE CÁNG CỨU THƯƠNG CAO CẤP	2018	24201843020431	-	1	24.000.000	6.000.000
315	XE CÁNG CỨU THƯƠNG CAO CẤP	2018	24201843020432	-	1	24.000.000	6.000.000
316	XE CÁNG CỨU THƯƠNG CAO CẤP	2018	24201843020433	-	1	24.000.000	6.000.000
317	XE CÁNG CỨU THƯƠNG CAO CẤP	2018	24201843020434	-	1	24.000.000	6.000.000
318	XE CÁNG CỨU THƯƠNG CAO CẤP	2018	24201843020435	-	1	24.000.000	6.000.000
319	XE CÁNG CỨU THƯƠNG XM 14A1 - EMPROSERCO - XM-14A1	2018	24201843020445	-	1	24.000.000	6.000.000
320	XE CÁNG CỨU THƯƠNG XM 14A1 - EMPROSERCO - XM-14A1	2018	24201843020446	-	1	24.000.000	6.000.000
321	XE CÁNG CỨU THƯƠNG XM 14A1 - EMPROSERCO - XM-14A1	2018	24201843020447	-	1	24.000.000	6.000.000
322	XE CÁNG CỨU THƯƠNG XM 14A1 - EMPROSERCO - XM-14A1	2018	24201843020448	-	1	24.000.000	6.000.000
323	XE ĐẨY CÁP CỨU SEC-100 - SEC-100	2021	71202143010093	Khu nội trú - TT Tiêu hóa-Gan mật tầng 3	1	15.000.000	8.250.000
324	XE ĐẨY CÁP CỨU SEC-100 - SEC-100	2021	71202143010094	Khu nội trú - TT Tiêu hóa-Gan mật tầng 3	1	15.000.000	8.250.000
325	XE ĐẨY CÁP CỨU SEC-100 - SEC-100	2018	24201843010059	Khu nội trú - TT Tiêu hóa-Gan mật tầng 3	1	36.000.000	9.000.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

326	XE ĐẨY CẤP CỨU SEC-100 - SEC-100	2018	24201843010060	Trung tâm nội soi	1	36.000.000	9.000.000
327	XE ĐẨY CẤP CỨU SEC-100 - SEC-100	2021	53201713010055	Khu nội trú - TT Tiêu hóa-Gan mật tầng 3	1	15.000.000	8.250.000
328	XE ĐẨY CẤP CỨU SEC-100 - SEC-100	2021	53201713010056	Nhà K1	1	15.000.000	8.250.000
329	XE ĐỰNG DỤNG CỤ CẤP CỨU NGƯỜI BỆNH XD-10.2 - SEC-100	2021	134202143020604	Nhà K1	1	15.000.000	8.250.000
330	XE ĐỰNG DỤNG CỤ CẤP CỨU NGƯỜI BỆNH XD-10.2 - SEC-100	2021	134202143020605	Nhà K1	1	15.000.000	8.250.000
	Cộng				**330**	**110.352.251.008**	**62.355.346.111**
XXX	**TRUNG TÂM GÂY MÊ HỒI SỨC**						
1	BÀN MỔ CỘT SỐNG - MIZUHO OSI - TRIOS - 1110	2019	52201948050063	PM05.Q	1	4.300.000.000	1.505.000.000
2	BÀN MỔ ĐA NĂNG - BAXTER MEDICAL - PST 300L - 108340223	2024	43202448050066	PM07.Q	1	844.000.000	738.500.000
3	BÀN MỔ ĐA NĂNG - BAXTER MEDICAL - PST 300L - 108340224	2024	43202448050067	PM17.Q	1	844.000.000	738.500.000
4	BỘ ÁO CHÌ CẢN TIA	2018	43201848110161	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	31.800.000	7.950.000
5	BỘ ÁO CHÌ CẢN TIA	2018	43201848110162	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	31.800.000	7.950.000
6	BỘ ÁO CHÌ CẢN TIA	2018	43201848110163	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	31.800.000	7.950.000
7	BỘ ÁO CHÌ CẢN TIA	2018	43201848110164	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	31.800.000	7.950.000
8	BỘ ÁO CHÌ CẢN TIA	2018	43201848110165	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	31.800.000	7.950.000
9	Bộ dụng cụ mổ bàn tay Asanus	2019	43201948020177	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	419.790.000	146.926.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

10	Bộ dụng cụ mổ cắt chi dưới Asanus	2019	43201948020178	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	346.500.000	121.275.000
11	Bộ dụng cụ mổ kế hợp xương chi dưới Asanus	2019	43201948020179	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	598.500.000	209.475.000
12	Bộ dụng cụ mổ kế hợp xương chi dưới Asanus	2019	43201948020180	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	598.500.000	209.475.000
13	Bộ dụng cụ mổ kết hợp xương chi trên Asanus	2019	43201948020181	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	599.550.000	209.842.500
14	Bộ dụng cụ mổ mạch máu ngoại vi cho chấn thương chỉnh hình Asanus	2019	43201948020182	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	699.300.000	244.755.000
15	Bộ dụng cụ phẫu thuật cột sống cổ Asanus	2019	43201948020183	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	743.400.000	260.190.000
16	Bộ dụng cụ phẫu thuật cột sống cổ Asanus	2019	43201948020184	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	743.400.000	260.190.000
17	Bộ dụng cụ phẫu thuật cột sống lưng Asanus	2019	43201948020185	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	499.800.000	174.930.000
18	Bộ dụng cụ phẫu thuật cột sống lưng Asanus	2019	43201948020186	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	499.800.000	174.930.000
19	Bộ dụng cụ phẫu thuật dạ dày	2021	43202148151851	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	299.750.000	164.862.500
20	Bộ dụng cụ phẫu thuật dạ dày	2021	43202148151852	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	299.750.000	164.862.500
21	Bộ dụng cụ phẫu thuật dạ dày	2021	43202148151853	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	299.750.000	164.862.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

22	Bộ dụng cụ phẫu thuật dạ dày Asanus	2019	43201948020187	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	299.775.000	104.921.250
23	Bộ dụng cụ phẫu thuật gan mật	2021	43202148151854	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	446.600.000	245.630.000
24	Bộ dụng cụ phẫu thuật gan mật	2021	43202148151855	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	446.600.000	245.630.000
25	Bộ dụng cụ phẫu thuật gan mật Asanus	2019	43201948020188	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	449.925.000	157.473.750
26	Bộ dụng cụ phẫu thuật sản khoa	2021	43202148151856	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	420.750.000	231.412.500
27	Bộ dụng cụ phẫu thuật sản khoa	2021	43202148151857	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	420.750.000	231.412.500
28	Bộ dụng cụ phẫu thuật sản khoa	2021	43202148151858	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	420.750.000	231.412.500
29	Bộ dụng cụ phẫu thuật thần kinh Asanus	2019	43201948020189	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	839.790.000	293.926.500
30	Bộ dụng cụ phẫu thuật thần kinh Asanus	2019	43201948020190	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	839.790.000	293.926.500
31	Bộ dụng cụ phẫu thuật thần kinh sọ não	2021	43202148151859	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	837.100.000	460.405.000
32	Bộ dụng cụ phẫu thuật thận tiết niệu	2021	43202148151860	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	313.500.000	172.425.000
33	Bộ dụng cụ phẫu thuật thận tiết niệu	2021	43202148151861	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	313.500.000	172.425.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

34	Bộ dụng cụ phẫu thuật tuyến giáp	2021	43202148151862	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	108.350.000	59.592.500
35	Bộ dụng cụ phẫu thuật tuyến giáp	2021	43202148151863	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	108.350.000	59.592.500
36	Bộ dụng cụ vá da, bóc u phần mềm Asanus	2019	43201948020191	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	239.925.000	83.973.750
37	Bộ dụng cụ vi phẫu thuật Asanus	2020	43202048020176	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	284.760.000	128.142.000
38	Bộ dụng cụ vi phẫu thuật Asanus	2020	43202048020177	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	284.760.000	128.142.000
39	BỘ GÁ ĐẦU PHẪU THUẬT THẦN KINH SỌ NÃO MAYFIELD INTEFRA	2019	43201918020193	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	430.000.000	150.500.000
40	BỘ GÁ ĐẦU PHẪU THUẬT THẦN KINH SỌ NÃO MAYFIELD INTEFRA	2019	43201918020194	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	430.000.000	150.500.000
41	BỘ XỬ LÝ HÌNH ẢNH NỘI SOI - AESCULAP AG - PV480 - 1009287	2024	161202442430034	PM16.Q	1	2.680.000.000	2.345.000.000
42	BỘ XỬ LÝ HÌNH ẢNH NỘI SOI - AESCULAP AG - PV480 - 1009288	2024	18202442430032	HP.P	1	2.160.000.000	1.890.000.000
43	BỘ XỬ LÝ HÌNH ẢNH NỘI SOI - AESCULAP AG - PV480 - 1009289	2024	161202442430033	PM08.Q	1	2.680.000.000	2.345.000.000
44	BỘ XỬ LÝ HÌNH ẢNH NỘI SOI - AESCULAP AG - PV630 - 985752	2024	134202442430030	PM14.P	1	3.590.000.000	3.141.250.000
45	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-331 - 00020079	2020	43202048011106	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	11.245.500
46	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-331 - 1207000521	2017	43201778010845	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	17.850.000	1.785.000
47	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 18030101581803010158	2018	43201828010776	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	6.247.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

48	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 18030108641803010864	2018	43201828010774	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	6.247.500
49	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 18070103221807010322	2018	43201828010736	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	6.247.500
50	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 18070107411807010741	2018	43201828010742	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	6.247.500
51	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 19070101521907010152	2019	43201918011047	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	8.746.500
52	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 19070102771907010277	2019	43201918010977	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	8.746.500
53	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 19070102871907010287	2019	43201918010978	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	8.746.500
54	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 19070701011907070101	2019	43201918010975	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	8.746.500
55	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1608010098	2020	43202048011110	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	11.245.500
56	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1608010108	2020	43202048011109	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	11.245.500
57	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1608010131	2020	43202048011108	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	11.245.500
58	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1608010134	2020	43202048011107	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	11.245.500
59	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1803010641	2018	43201828010738	PM05.Q	1	24.990.000	6.247.500
60	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1803010873	2018	43201828010775	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	6.247.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

61	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1803010878	2018	43201828010771	HP.P	1	24.990.000	6.247.500
62	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1803010880	2018	43201828010773	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	6.247.500
63	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1805010140	2018	43201828010770	HP.P	1	24.990.000	6.247.500
64	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1805010142	2018	43201828010772	HP.P	1	24.990.000	6.247.500
65	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1805010151	2018	43201828010777	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	6.247.500
66	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1805010161	2018	43201828010778	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	6.247.500
67	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1805010173	2018	43201828010779	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	6.247.500
68	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1807010324	2018	43201828010739	PM03.Q	1	24.990.000	6.247.500
69	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1807010768	2018	43201828010741	PM01.Q	1	24.990.000	6.247.500
70	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1807010787	2018	43201828010737	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	6.247.500
71	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1807010789	2018	43201828010740	HP.P	1	24.990.000	6.247.500
72	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1808010211	2019	43201918010869	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	8.746.500
73	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1808010214	2019	43201918010870	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	8.746.500
74	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1808010218	2019	43201918010871	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	8.746.500

22440_NGUYEN THI YEN_07:39 06/10/2025
Cục Giám định Bảo hiểm NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 11:48:19

75	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1808010252	2019	43201918010861	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	8.746.500
76	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1810010113	2019	43201918010862	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	8.746.500
77	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1810010145	2019	43201918010866	HP.P	1	24.990.000	8.746.500
78	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1810010148	2019	43201918010867	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	8.746.500
79	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1810010156	2019	43201918010868	PM01.Q	1	24.990.000	8.746.500
80	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1810010158	2019	43201918010873	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	8.746.500
81	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1810010163	2019	43201918010864	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	8.746.500
82	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1810010179	2019	43201918010872	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	8.746.500
83	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1810010198	2019	43201918010863	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	8.746.500
84	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1810010295	2019	43201918010874	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	8.746.500
85	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1811012270	2019	05201918011044	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	8.746.500
86	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1907010101	2019	43201918011045	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	8.746.500
87	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1907010111	2019	43201918010976	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	8.746.500

22440 _ NGUYỄN THỊ YẾN _ 07:39 06/10/2025

88	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1907010117	2019	43201918011046	HP.P	1	24.990.000	8.746.500
89	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1907010306	2019	43201918010979	HP.P	1	24.990.000	8.746.500
90	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1907010332	2019	43201918010980	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	8.746.500
91	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1907010341	2019	43201912230910	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	34.996.500	12.248.775
92	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1907010400	2019	43201912230911	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	34.996.500	12.248.775
93	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1911010051	2020	43202048011100	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	11.245.500
94	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1911010052	2020	43202048011097	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	11.245.500
95	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1911010062	2020	43202048011099	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	11.245.500
96	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1911010080	2020	43202048011105	HP.P	1	24.990.000	11.245.500
97	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1911010093	2020	43202048011122	PM03.Q	1	24.990.000	11.245.500
98	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1911010104	2020	43202048011102	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	11.245.500
99	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1911010125	2020	43202048011115	PM03.Q	1	24.990.000	11.245.500
100	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1911010150	2020	43202048011111	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	11.245.500
101	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1911010228	2020	43202048011120	PM05.Q	1	24.990.000	11.245.500
102	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1911010269	2020	43202048011117	PM08.Q	1	24.990.000	11.245.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

103	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 1911010320	2020	43202048011116	PM06.Q	1	24.990.000	11.245.500
104	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 2001010030	2020	43202048011118	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	11.245.500
105	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 2001010040	2020	43202048011114	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	11.245.500
106	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 2001010062	2021	43202172230962	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	13.744.500
107	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 2001010080	2020	43202048011101	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	11.245.500
108	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 2001010083	2020	43202048011119	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	11.245.500
109	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 2001010097	2020	43202048011113	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	11.245.500
110	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 2001010170	2020	43202048011103	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	11.245.500
111	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 2001010268	2020	43202048011098	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	11.245.500
112	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS700 - 2001010292	2020	43202048011121	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	11.245.500
113	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2006011144	2020	43202032230964	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.000.000	10.800.000
114	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2101010033	2021	43202132230967	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.000.000	13.200.000
115	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2101010037	2021	43202132230968	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.000.000	13.200.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

116	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2101010038	2021	43202132230969	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.000.000	13.200.000
117	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2101010039	2021	43202132230970	HP.P	1	24.000.000	13.200.000
118	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2101010040	2021	43202132230971	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.000.000	13.200.000
119	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2101010042	2021	43202132230972	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.000.000	13.200.000
120	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2101010043	2021	43202132230973	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.000.000	13.200.000
121	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2101010045	2021	43202132230975	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.000.000	13.200.000
122	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2101010048	2021	43202132230976	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.000.000	13.200.000
123	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2101010049	2021	43202132230977	PM10.P	1	24.000.000	13.200.000
124	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2101010050	2021	43202132230978	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.000.000	13.200.000
125	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2101010055	2021	43202132230979	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.000.000	13.200.000
126	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2101010058	2021	43202132230981	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.000.000	13.200.000
127	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2101010111	2021	43202132230983	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.000.000	13.200.000
128	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2101010112	2021	43202132230984	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.000.000	13.200.000

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025 Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

129	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2101010113	2021	43202132230985	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.000.000	13.200.000
130	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2101010114	2021	43202132230986	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.000.000	13.200.000
131	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2101010115	2021	43202132230987	PM08.Q	1	24.000.000	13.200.000
132	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2101010116	2021	43202132230988	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.000.000	13.200.000
133	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2101010117	2021	43202132230989	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.000.000	13.200.000
134	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2101010118	2021	43202132230990	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.000.000	13.200.000
135	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2101010120	2021	43202132230992	HP.P	1	24.000.000	13.200.000
136	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2101010121	2021	43202132230993	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.000.000	13.200.000
137	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2101010123	2021	43202132230994	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.000.000	13.200.000
138	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2101010125	2021	43202132230996	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.000.000	13.200.000
139	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2101010126	2021	43202132230997	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.000.000	13.200.000
140	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2101010127	2021	43202132230998	PM07.Q	1	24.000.000	13.200.000
141	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2101010128	2021	43202132230999	PM05.Q	1	24.000.000	13.200.000
142	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2101010130	2021	43202132231000	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.000.000	13.200.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

143	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2205010004	2023	43202332231001	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.750.000	18.562.500
144	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2205010006	2023	43202332231002	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.750.000	18.562.500
145	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2205010007	2023	43202332231003	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.750.000	18.562.500
146	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2205010008	2023	43202332231004	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.750.000	18.562.500
147	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2205010010	2023	43202332231005	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.750.000	18.562.500
148	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2205010011	2023	43202332231006	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.750.000	18.562.500
149	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2205010012	2023	43202332231007	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.750.000	18.562.500
150	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2205010016	2023	43202332231008	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.750.000	18.562.500
151	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2205010019	2023	43202332231009	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.750.000	18.562.500
152	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2205010021	2023	43202332231010	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.750.000	18.562.500
153	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2205010026	2023	43202332231011	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.750.000	18.562.500
154	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2205010028	2023	43202332231012	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.750.000	18.562.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

155	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2205010029	2023	43202332231013	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.750.000	18.562.500
156	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2205010031	2023	43202332231014	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.750.000	18.562.500
157	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2205010032	2023	43202332231015	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.750.000	18.562.500
158	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2205010034	2023	43202332231016	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.750.000	18.562.500
159	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2205010036	2023	43202332231017	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.750.000	18.562.500
160	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2205010039	2023	43202332231018	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.750.000	18.562.500
161	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2205010040	2023	43202332231019	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.750.000	18.562.500
162	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2205010041	2023	43202332231020	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.750.000	18.562.500
163	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2205010044	2023	43202332231021	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.750.000	18.562.500
164	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2205010045	2023	43202332231022	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.750.000	18.562.500
165	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2205010046	2023	43202332231023	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.750.000	18.562.500
166	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2205010047	2023	43202332231024	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.750.000	18.562.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

167	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2205010049	2023	43202332231025	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.750.000	18.562.500
168	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2205010052	2023	43202332231026	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.750.000	18.562.500
169	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2205010054	2023	43202332231027	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.750.000	18.562.500
170	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2205010058	2023	43202332231028	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.750.000	18.562.500
171	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS730 - 2006010887	2020	43202032230963	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.000.000	10.800.000
172	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS730 - 2101010119	2021	43202132230991	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.000.000	13.200.000
173	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS730 - 2101010124	2013	43202132230995	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.000.000	13.200.000
174	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS730 - 2101010032	2021	43202132230966	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.000.000	13.200.000
175	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS730 - 2101010060	2021	43202132230982	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.000.000	13.200.000
176	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 2192929938 - TE-SS700 - 2192929938	2020	43202012230961	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	11.245.500
177	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS730 - 2101010031 - TE-SS730 - 2101010031	2021	43202132230965	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.000.000	13.200.000
178	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS730 - 2101010044 - TE-SS730 - 2101010044	2021	43202132230974	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.000.000	13.200.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

179	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS730 - 2101010057 - TE-SS730 - 2101010057	2021	43202132230980	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.000.000	13.200.000
180	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS730 - 2101010124	2019	43201918010875	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.990.000	8.746.500
181	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2205010059	2023	43202332231029	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.750.000	18.562.500
182	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE- SS730 - 2205010060	2023	43202332231030	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.750.000	18.562.500
183	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - EM00769	2018	43201828010692	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	98.000.000	24.500.000
184	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - EM00776	2018	43201828010693	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	98.000.000	24.500.000
185	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01890	2022	05202248012713	HP.P	1	93.000.000	60.450.000
186	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01891	2022	05202248012714	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	93.000.000	60.450.000
187	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01892	2022	05202248012715	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	93.000.000	60.450.000
188	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01893	2022	05202248012716	HP.P	1	93.000.000	60.450.000
189	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01894	2022	05202248012717	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	93.000.000	60.450.000
190	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01895	2022	05202248012718	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	93.000.000	60.450.000
191	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01896	2022	05202248012719	HP.P	1	93.000.000	60.450.000
192	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01897	2022	05202248012720	HP.P	1	93.000.000	60.450.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

193	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01898	2022	05202248012721	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	93.000.000	60.450.000
194	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01899	2022	05202248012722	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	93.000.000	60.450.000
195	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01900	2022	05202248012723	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	93.000.000	60.450.000
196	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01901	2022	05202248012724	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	93.000.000	60.450.000
197	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01902	2022	05202248012725	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	93.000.000	60.450.000
198	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01903	2022	05202248012726	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	93.000.000	60.450.000
199	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01904	2022	05202248012727	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	93.000.000	60.450.000
200	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01905	2022	05202248012728	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	93.000.000	60.450.000
201	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01906	2022	05202248012729	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	93.000.000	60.450.000
202	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01907	2022	05202248012730	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	93.000.000	60.450.000
203	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01908	2022	05202248012731	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	93.000.000	60.450.000
204	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01909	2022	05202248012732	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	93.000.000	60.450.000

2240_NGUYEN THI YEN_07:39 06/10/2025
Phê Giám Đốc Bệnh viện NGUYỄN TỪ NGHĨ ký, 03/10/2025 17:48:19

205	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01910	2022	05202248012733	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	93.000.000	60.450.000
206	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01911	2022	05202248012734	HP.P	1	93.000.000	60.450.000
207	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01912	2022	05202248012735	HP.P	1	93.000.000	60.450.000
208	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01913	2022	05202248012736	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	93.000.000	60.450.000
209	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01914	2022	05202248012737	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	93.000.000	60.450.000
210	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01915	2022	05202248012738	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	93.000.000	60.450.000
211	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01916	2022	05202248012739	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	93.000.000	60.450.000
212	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01917	2022	05202248012740	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	93.000.000	60.450.000
213	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01918	2022	05202248012741	HP.P	1	93.000.000	60.450.000
214	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01919	2022	05202248012742	HP.P	1	93.000.000	60.450.000
215	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01920	2022	05202248012743	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	93.000.000	60.450.000
216	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01921	2022	05202248012744	HP.P	1	93.000.000	60.450.000
217	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01922	2022	05202248012745	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	93.000.000	60.450.000
218	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01923	2022	05202248012746	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	93.000.000	60.450.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

219	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01924	2022	05202248012747	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	93.000.000	60.450.000
220	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01925	2022	05202248012748	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	93.000.000	60.450.000
221	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01926	2022	05202248012749	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	93.000.000	60.450.000
222	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01927	2022	05202248012750	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	93.000.000	60.450.000
223	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01928	2022	05202248012751	PM17.Q	1	93.000.000	60.450.000
224	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01929	2022	05202248012752	PM16.Q	1	93.000.000	60.450.000
225	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01930	2022	05202248012753	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	93.000.000	60.450.000
226	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01931	2022	05202248012754	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	93.000.000	60.450.000
227	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01932	2022	05202248012755	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	93.000.000	60.450.000
228	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01933	2022	05202248012756	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	93.000.000	60.450.000
229	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01934	2022	05202248012757	PM09.P	1	93.000.000	60.450.000
230	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01935	2022	05202248012758	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	93.000.000	60.450.000
231	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01936	2022	05202248012759	PM14.P	1	93.000.000	60.450.000
232	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01937	2022	05202248012760	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	93.000.000	60.450.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

233	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01938	2022	05202248012761	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	93.000.000	60.450.000
234	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP - TOP-5520 - ES01939	2022	05202248012762	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	93.000.000	60.450.000
235	BƠM TRUYỀN DỊCH - TOP - TOP-2300 - 20G0411	2022	43202032231031	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	29.650.000	19.272.500
236	BƠM TRUYỀN DỊCH - TOP - TOP-2300 - 20G0414	2022	43202232231032	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	29.650.000	19.272.500
237	BƠM TRUYỀN DỊCH - TOP - TOP-2300 - 20G0415	2022	43202232231033	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	29.650.000	19.272.500
238	BƠM TRUYỀN DỊCH - TOP - TOP-2300 - 20G0421	2022	43202232231034	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	29.650.000	19.272.500
239	BƠM TRUYỀN DỊCH - TOP - TOP-2300 - 20G0439	2022	43202232231035	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	29.650.000	19.272.500
240	BƠM TRUYỀN DỊCH - TOP - TOP-2300 - 20G0440	2022	43202232231036	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	29.650.000	19.272.500
241	BƠM TRUYỀN DỊCH - TOP - TOP-2300 - 20G0441	2022	43202232231037	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	29.650.000	19.272.500
242	BƠM TRUYỀN DỊCH - TOP - TOP-2300 - 20G0444	2022	43202232231038	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	29.650.000	19.272.500
243	BƠM TRUYỀN DỊCH - TOP - TOP-2300 - 20G0448	2022	43202232231039	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	29.650.000	19.272.500
244	BƠM TRUYỀN DỊCH - TOP - TOP-2300 - 20G0464	2022	43202232231040	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	29.650.000	19.272.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

245	BỒN RỬA TAY VÔ TRÙNG 1 VÒI TỰ ĐỘNG COMPOSITE - MEDITOP - ME- BRT01 - 43202448153790	2024	43202448153790	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	35.000.000	30.625.000
246	CAMERA IP THÂN TRỤ HỒNG NGOẠI TD-9421S3	2021	43202148160345	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	52.904.500	18.516.575
247	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 03 TAY QUAY SMSC 003	2018	43201843020438	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	33.000.000	8.250.000
248	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 03 TAY QUAY SMSC 003	2018	43201843020439	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	33.000.000	8.250.000
249	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 03 TAY QUAY SMSC 003	2018	43201843020440	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	33.000.000	8.250.000
250	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 03 TAY QUAY SUMMIT CARE SMSC 0030131216-0026-00229	2019	43201943020504	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	33.000.000	11.550.000
251	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 03 TAY QUAY SUMMIT CARE SMSC 0030131216-0026-00244	2019	43201943020502	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	33.000.000	11.550.000
252	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay SMSC-003	2017	43201713020404	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	33.000.000	4.950.000
253	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay SMSC-003	2017	43201713020405	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	33.000.000	4.950.000
254	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay SMSC-003	2019	43201943020503	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	33.000.000	11.550.000
255	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay SMSC-003	2017	43201713020406	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	33.000.000	4.950.000
256	CÂY LỌC NƯỚC - THIÊN TRƯỜNG	2020	-	Hành lang hồi sức A	1	13.640.000	2.728.000
257	CÂY LỌC NƯỚC - THIÊN TRƯỜNG	2020	-	Tầng 4 nhà Q	1	13.640.000	2.728.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

258	CÂY LỌC NƯỚC - THIÊN TRƯỜNG	2020	-	Tầng 4 nhà Q	1	13.640.000	2.728.000
259	DAO MỔ ĐIỆN - COVIDIEN - FORCE FX-8C - F8E81127AX	2019	43201948020197	PM03.Q	1	249.500.000	87.325.000
260	DAO MỔ ĐIỆN - ETHICO - GEN 11 - 1111720153	2017	71201712170105	PM07.Q	1	2.097.900.000	262.237.500
261	DAO MỔ ĐIỆN CAO TẦN - COVIDIEN - FORCE FX-8C - F7B77322AX	2018	43201828050046	PM05.Q	1	249.500.000	62.375.000
262	DAO MỔ ĐIỆN CAO TẦN - COVIDIEN - FORCE FX-8C - F8E81124AX	2019	43201948020196	PM12	1	249.500.000	87.325.000
263	DAO MỔ ĐIỆN CAO TẦN - COVIDIEN - FORCE FX-8C - F8E81125AX	2019	43201948020199	Hàng lang PM.P; PM12	1	249.500.000	87.325.000
264	DAO MỔ ĐIỆN CAO TẦN - COVIDIEN - FORCE FX-8C - F8E81126AX	2019	43201948020195	PM02.Q	1	249.500.000	87.325.000
265	DAO MỔ ĐIỆN CAO TẦN - COVIDIEN - VALLEYLAB FX8 - F2K21665KX	2023	43202348020205	PM01.Q	1	330.000.000	247.500.000
266	DAO MỔ ĐIỆN CAO TẦN - COVIDIEN - VALLEYLAB FX8 - F3F23364KX	2023	43202348020180	PM16.Q	1	330.000.000	247.500.000
267	DAO MỔ ĐIỆN CAO TẦN CÓ CHỨC NĂNG HÀN MẠCH - COVIDIEN - VALLEYLAB FT10 - T7G16575DX	2017	43201718050043	PM07.Q	1	2.095.000.000	261.875.000
268	DAO MỔ ĐIỆN CAO TẦN CÓ CHỨC NĂNG HÀN MẠCH - COVIDIEN - VALLEYLAB FT10 - T7G16576DX	2017	43201718050044	PM14.P	1	2.095.000.000	261.875.000
269	ĐÈN MỔ DI ĐỘNG 500E LED	2018	46201848060125	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	73.500.000	18.375.000
270	ĐÈN MỔ TREO TRẦN 2 NHÁNH - BAXTER MEDICAL - ILED 7 CEILING DUO - 109352220	2024	43202448060137	PM16.Q	1	660.000.000	577.500.000
271	ĐÈN MỔ TREO TRẦN 2 NHÁNH - BAXTER MEDICAL - ILED 7 CEILING DUO - 109352221	2024	43202448060138	PM17.Q	1	660.000.000	577.500.000
272	ĐIỀU HÒA ÁP TRẦN - DAIKIN - R50GV1	2018	43201842062089	phòng máy	1	19.778.682	2.472.335
273	ĐIỀU HÒA CASSETTE - DAIKIN - R50GV1	2018	43201842062339	hành lang phòng mổ	1	36.699.300	4.587.413

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

274	ĐIỀU HÒA CASSETTE - DAIKIN - R71KV1	2018	43201842062371	hành lang phòng mổ	1	50.977.300	6.372.163
275	ĐIỀU HÒA CASSETTE - DAIKIN - R71KV1	2018	43201842062372	hành lang phòng mổ	1	50.977.300	6.372.163
276	ĐIỀU HÒA CASSETTE - DAIKIN - R71KV1	2018	43201842062373	hành lang phòng mổ	1	50.977.300	6.372.163
277	ĐIỀU HÒA CASSETTE - DAIKIN - RNQ21MV1	2018	96201842062160	hồi sức	1	25.973.794	3.246.724
278	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTE25LV1V	2018	43201842061972	bác sĩ nội trú	1	13.296.998	1.662.125
279	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTHF35VAVMV - V033229	2023	43202342062709	tự nguyện 4	1	15.628.250	11.721.188
280	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTHF35VAVMV - V033317	2023	43202342062707	tự nguyện 1	1	15.628.250	11.721.188
281	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTHF35VAVMV - V033327	2023	43202342062710	tự nguyện 6	1	15.620.000	11.715.000
282	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTHF35VAVMV - V033335	2023	43202342062708	tự nguyện 2	1	15.628.250	11.721.188
283	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTHF71VAVMV - E002132	2023	43202342062706	khoang 4 khu a	1	34.284.250	25.713.188
284	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	khoang 1 khu b	1	22.136.000	8.301.000
285	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	khoang 2 khu a	1	22.136.000	8.301.000
286	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	khoang 3 khu a	1	22.136.000	8.301.000
287	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KV-V	2020	ĐH Toshiba	khoang 4 khu b	1	22.136.000	8.301.000
288	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - HILL-ROM - CS-900B - HRP002706456	2017	43201718040943	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	70.000.000	8.750.000
289	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - HILL-ROM - CS-900B - HRP002706457	2017	43201718040935	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	70.000.000	8.750.000
290	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - HILL-ROM - CS-900B - HRP002706460	2017	43201718040939	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	70.000.000	8.750.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

291	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - HILL-ROM - CS-900B - HRP002706461	2017	43201718040940	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	70.000.000	8.750.000
292	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - HILL-ROM - CS-900B - HRP002706463	2017	43201718040936	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	70.000.000	8.750.000
293	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - HILL-ROM - CS-900B - HRP002706466	2017	43201718040945	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	70.000.000	8.750.000
294	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - HILL-ROM - CS-900B - HRP002706474	2017	43201718040942	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	70.000.000	8.750.000
295	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - HILL-ROM - CS-900B - HRP002706477	2017	43201718040947	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	70.000.000	8.750.000
296	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - HILL-ROM - CS-900B - HRP002708422	2017	43201718040934	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	70.000.000	8.750.000
297	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - HILL-ROM - CS-900B - HRP002708825	2017	43201718040941	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	70.000.000	8.750.000
298	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - HILL-ROM - CS-900B - HRP002708833	2017	43201718040933	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	70.000.000	8.750.000
299	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - HILL-ROM - CS-900B - HRP002708836	2017	43201718040944	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	70.000.000	8.750.000
300	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - HILL-ROM - CS-900B - HRP002708868	2017	43201718040937	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	70.000.000	8.750.000
301	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - HILL-ROM - CS-900B - HRP002708869	2017	43201718040946	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	70.000.000	8.750.000
302	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - HILL-ROM - CS-900B - HRP004029445	2017	43201718040938	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	70.000.000	8.750.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

303	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - -	2018	43201828041084	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	64.575.000	16.143.750
304	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - -	2018	43201818041233	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	64.575.000	16.143.750
305	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - -	2018	43201818041234	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	64.575.000	16.143.750
306	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - 1609230013	2016	43201618040799	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	64.575.000	3.228.750
307	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - 1609230014	2016	43201618040796	PM.Q	1	64.575.000	3.228.750
308	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - 1609230016	2016	43201618040779	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	64.575.000	3.228.750
309	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - 1609230017	2016	43201618040787	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	64.575.000	3.228.750
310	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - 1609230020	2016	43201618040776	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	64.575.000	3.228.750
311	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - 1609230021	2016	43201618040785	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	64.575.000	3.228.750
312	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - 1609230025	2016	43201618040797	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	64.575.000	3.228.750
313	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - 1609230029	2016	43201618040800	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	64.575.000	3.228.750
314	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - 1609230030	2016	43201618040786	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	64.575.000	3.228.750
315	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - 1609230032	2016	43201618040784	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	64.575.000	3.228.750

NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

316	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - 1609230036	2016	43201618040774	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	64.575.000	3.228.750
317	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - 1609230037	2016	43201618040782	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	64.575.000	3.228.750
318	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - 1609230038	2016	43201618040778	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	64.575.000	3.228.750
319	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - 1609230039	2018	43201828041090	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	64.575.000	16.143.750
320	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - 1609230041	2016	43201618040781	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	64.575.000	3.228.750
321	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - 1609230046	2016	43201618040777	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	64.575.000	3.228.750
322	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - 1609230047	2016	43201618040783	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	64.575.000	3.228.750
323	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - 1609230048	2016	43201618040789	PM.Q	1	64.575.000	3.228.750
324	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - 1609230049	2016	43201618040793	PM.Q	1	64.575.000	3.228.750
325	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - 1609230050	2016	43201618040790	PM.Q	1	64.575.000	3.228.750
326	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - 1609230055	2016	43201618040788	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	64.575.000	3.228.750
327	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - 1609230061	2016	43201618040780	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	64.575.000	3.228.750
328	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - 1609230062	2016	43201618040791	PM.Q	1	64.575.000	3.228.750
329	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - 1609230064	2016	43201618040792	PM.Q	1	64.575.000	3.228.750

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

330	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - 1609230067	2016	43201618040801	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	64.575.000	3.228.750
331	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - 1806150004	2018	43201828041082	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	64.575.000	16.143.750
332	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - 1806150029	2018	43201828041089	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	64.575.000	16.143.750
333	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - 1806150030	2018	43201828041088	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	64.575.000	16.143.750
334	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - 1806150031	2018	43201828041087	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	64.575.000	16.143.750
335	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - 1806150032	2018	43201828041086	PM.Q	1	64.575.000	16.143.750
336	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - 1806150033	2018	43201828041085	PM.Q	1	64.575.000	16.143.750
337	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - 1806150040	2018	43201828041091	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	64.575.000	16.143.750
338	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - 1806150045	2018	43201828041083	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	64.575.000	16.143.750
339	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - 1906120003	2016	43201618040798	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	64.575.000	3.228.750
340	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - 1906120018	2016	43201618040795	PM.Q	1	64.575.000	3.228.750
341	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA-CARE - B-640S - 1906120037	2019	43201918041235	PM.Q	1	64.575.000	22.601.250
342	HỆ THỐNG CAMERA	2021	43202148160357	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	39.501.000	13.825.350
343	HỆ THỐNG CAMERA QUAN SÁT FD 8169A 12 MẮT	2019	43201942100906	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	96.717.500	9.671.750

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

344	HỆ THỐNG CAMERA QUAN SÁT FD8169A 10 MẮT	2019	43201942100910	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	92.229.500	9.222.950
345	HỆ THỐNG PHẪU THUẬT NỘI SOI - OLYMPUS - OTV-S200 - 7931464	2019	43201942430025	PM06.Q	1	4.800.000.000	1.680.000.000
346	HỆ THỐNG PHẪU THUẬT NỘI SOI GAN MẬT TỤY FULL HD - AESCULAP - PV630 -	2024	134202442430031	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	2.160.000.000	1.890.000.000
347	HỆ THỐNG PHẪU THUẬT NỘI SOI GAN MẬT TỤY FULL HD - AESCULAP - PV630 -	2024	43202442430036	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	2.160.000.000	1.890.000.000
348	HỆ THỐNG PHẪU THUẬT NỘI SOI SMITH & NEPHEW - SMITH & NEPHEW - 72204354 - EEI4020	2016	201678153258	PM02.Q	1	3.538.135.241	176.906.762
349	HỆ THỐNG THEO DÕI TRUNG TÂM - NIHON KOHDEN - CNS-6201 - 1751	2019	43201912220683	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	505.000.000	176.750.000
350	KÍNH HIỂN VI PHẪU THUẬT - CARL ZEISS - OPMI PENTERO 800 - 6641720908	2019	43201918070153	PM03.Q	1	6.998.250.000	2.449.387.500
351	KÍNH HIỂN VI PHẪU THUẬT - CARL ZEISS - OPMI VARIO 700 - 6636162537	2019	43201918070154	PM05.Q	1	3.995.250.000	1.398.337.500
352	MÁY ĐIỆN TIM - NIHON KOHDEN - ECG-1250K - 14314	2018	43201812170120	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	65.000.000	16.250.000
353	MÁY ĐO SPO2 LOẠI CẦM TAY NONIN 2500502505489	2019	43201942150331	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.000.000	8.400.000
354	MÁY ĐO SPO2 LOẠI CẦM TAY NONIN 2500502505491	2019	43201942150330	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.000.000	8.400.000
355	MÁY ĐO SPO2 LOẠI CẦM TAY NONIN 2500502505496	2019	43201942150329	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	24.000.000	8.400.000
356	MÁY GẮP SỎI MAYFIELD/CHỮ U	2018	120201842530330	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	99.300.000	24.825.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

357	MÁY GÂY MÊ KÈM THỞ CARESTATION 620SM618340023MA	2018	43201822200034	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	948.000.000	237.000.000
358	MÁY GÂY MÊ KÈM THỞ - GE - CARESTATION 620 - SM618340018MA	2018	43201822200032	PM10.P	1	948.000.000	237.000.000
359	MÁY GÂY MÊ KÈM THỞ - GE - CARESTATION 620 - SM618340021MA	2018	43201822200033	PM06.Q	1	948.000.000	237.000.000
360	MÁY GÂY MÊ KÈM THỞ - MAQUET - FLOW-C - 5455	2023	43202342200039	PM16.Q	1	934.000.000	700.500.000
361	MÁY GÂY MÊ KÈM THỞ - MAQUET - FLOW-C - 5456	2023	43202342200040	PM17.Q	1	934.000.000	700.500.000
362	MÁY HÚT DỊCH - SHIN-EI - TAF- 6000FD - 1805001	2018	43201842560149	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	60.000.000	15.000.000
363	MÁY HÚT DỊCH - SHIN-EI - TAF- 6000FD - 1806001	2018	43201842560150	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	55.000.000	13.750.000
364	MÁY HÚT DỊCH - SHIN-EI - TAF- 6000FD - 1810008	2018	43201842560617	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	60.000.000	15.000.000
365	MÁY HÚT DỊCH - SHIN-EI - TAF- 6000FD - 1810010	2018	43201842560616	PM05.Q	1	60.000.000	15.000.000
366	MÁY HÚT DỊCH SHIN EI TAF - 6000FD1810007	2019	43201942560634	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	60.000.000	21.000.000
367	MÁY HÚT DỊCH SHIN EI TAF - 6000FD1810008	2019	43201942560633	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	60.000.000	21.000.000
368	MÁY HÚT LIÊN TỤC ÁP LỰC THẤP SHIN-EI CONSTANT-140018090574	2018	43201812510019	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	21.000.000	5.250.000
369	MÁY HÚT LIÊN TỤC ÁP LỰC THẤP SHIN-EI CONSTANT-140018090584	2018	43201812510020	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	21.000.000	5.250.000
370	MÁY HÚT LIÊN TỤC ÁP LỰC THẤP SHIN-EI CONSTANT-140018090594	2018	43201812510021	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	21.000.000	5.250.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

371	MÁY KHOAN CƯA PHẪU THUẬT - AESCULAP - GA800 - 3108	2019	43201948020192	PM03.Q	1	898.590.000	314.506.500
372	MÁY KÍCH THÍCH THẦN KINH CƠ BRAUN STIMUPLEX HNS 12 NERVE STIMULATOR 4892098320150	2019	43201942530377	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	29.925.000	10.473.750
373	MÁY KÍCH THÍCH THẦN KINH CƠ BRAUN STIMUPLEX HNS 12 NERVE STIMULATOR 4892098320154	2019	43201942530378	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	29.925.000	10.473.750
374	MÁY PHÁ RUNG TIM - NIHON KOHDEN - TEC-5631K - 12773	2020	43202032240632	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	268.000.000	120.600.000
375	MÁY PHÁ RUNG TIM - NIHON KOHDEN - TEC-5631K - 12774	2020	43202032240633	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	268.000.000	120.600.000
376	MÁY PHÁ RUNG TIM - NIHON KOHDEN - TEC-5631K - 22112	2023	43202342240630	Hàng lang PM.P	1	268.000.000	201.000.000
377	MÁY PHÁ RUNG TIM 2 PHA - NIHON KOHDEN - TEC-5631 - 2211122111	2023	43202342240628	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	268.000.000	201.000.000
378	MÁY SIÊU ÂM - GE - LOGIQ F6 - 6000953WX0	2018	43201812210126	HP.P	1	1.187.000.000	296.750.000
379	MÁY SOI THANH QUẢN CÓ CAMERA INFINIUM CLEARVUE224	2019	43201942140114	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	86.000.000	30.100.000
380	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K -	2019	18201912220666	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	169.000.000	59.150.000
381	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 19728	2018	43201812220552	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	167.000.000	41.750.000
382	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 19733	2018	43201812220551	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	167.000.000	41.750.000
383	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 21779	2018	43201822220572	HP.P	1	169.000.000	42.250.000
384	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 21788	2018	43201822220568	HP.P	1	169.000.000	42.250.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

385	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 21827	2018	43201822220570	HP.P	1	169.000.000	42.250.000
386	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 21828	2018	43201822220571	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	169.000.000	42.250.000
387	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 21829	2018	43201822220569	HP.P	1	169.000.000	42.250.000
388	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 21846	2018	43201812220574	PM14.P	1	169.000.000	42.250.000
389	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 21848	2018	43201822220576	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	169.000.000	42.250.000
390	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 21852	2018	43201812220579	HP.P	1	169.000.000	42.250.000
391	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 21855	2018	43201812220576	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	169.000.000	42.250.000
392	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 22590	2018	43201812220577	HP.P	1	169.000.000	42.250.000
393	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 22596	2018	43201812220573	PM03.Q	1	169.000.000	42.250.000
394	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 22618	2018	43201812220560	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	169.000.000	42.250.000
395	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 22619	2018	43201812220593	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	169.000.000	42.250.000
396	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 22620	2018	43201812220599	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	169.000.000	42.250.000
397	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 22622	2018	43201812220598	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	169.000.000	42.250.000
398	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 22623	2018	43201812220597	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	169.000.000	42.250.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

399	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 22624	2018	43201812220561	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	169.000.000	42.250.000
400	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 22627	2018	43201812220592	HP.P	1	169.000.000	42.250.000
401	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 22628	2018	43201812220595	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	169.000.000	42.250.000
402	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 22631	2018	43201812220594	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	169.000.000	42.250.000
403	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 22645	2018	43201822220575	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	169.000.000	42.250.000
404	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 22648	2018	43201812220572	PM08.Q	1	169.000.000	42.250.000
405	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 22700	2018	43201822220577	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	169.000.000	42.250.000
406	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 22705	2018	43201812220578	HP.P	1	169.000.000	42.250.000
407	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 22709	2018	43201822220574	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	169.000.000	42.250.000
408	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 22713	2018	43201822220573	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	169.000.000	42.250.000
409	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 25264	2019	43201912220698	PM05.Q	1	169.000.000	59.150.000
410	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 25265	2019	43201912220700	HP.P	1	169.000.000	59.150.000
411	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 25270	2019	43201912220701	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	169.000.000	59.150.000
412	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 25275	2019	43201912220694	PM17.Q	1	169.000.000	59.150.000
413	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 25276	2019	43201912220696	PM09.P	1	169.000.000	59.150.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

414	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 25277	2019	43201912220702	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	169.000.000	59.150.000
415	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 25278	2019	43201912220703	HP.P	1	169.000.000	59.150.000
416	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 25282	2019	43201912220699	PM01.Q	1	169.000.000	59.150.000
417	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 25492	2019	43201912220697	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	169.000.000	59.150.000
418	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 37524	2022	05202242221103	HP.P	1	144.000.000	93.600.000
419	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 37525	2022	05202242221104	HP.P	1	144.000.000	93.600.000
420	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 37537	2022	43202242221110	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
421	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 37541	2022	05202242221113	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
422	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 37550	2022	05202242221117	HP.P	1	144.000.000	93.600.000
423	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 37561	2022	05202242221120	PM05.Q	1	144.000.000	93.600.000
424	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 37562	2022	05202242221121	PM10.P	1	144.000.000	93.600.000
425	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 37580	2022	05202242221124	HP.P	1	144.000.000	93.600.000
426	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 37587	2022	05202242221126	PM15.P	1	144.000.000	93.600.000
427	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38095	2022	43202232221239	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
428	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38096	2022	43202232221240	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

429	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38097	2022	43202232221241	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
430	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38098	2022	43202232221242	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
431	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38099	2022	43202232221243	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
432	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38100	2022	43202232221244	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
433	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38101	2022	43202232221245	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
434	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38102	2022	43202232221246	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
435	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38103	2022	43202232221247	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
436	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38104	2022	43202232221248	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
437	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38106	2022	43202232221249	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
438	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38108	2022	43202232221250	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
439	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38113	2022	43202232221251	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
440	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38118	2022	43202232221252	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

441	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38119	2022	43202232221253	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
442	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38121	2022	43202232221254	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
443	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38125	2022	43202232221255	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
444	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38126	2022	43202232221256	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
445	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38128	2022	43202232221257	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
446	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38133	2022	43202232221258	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
447	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38137	2022	43202232221259	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
448	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38138	2022	43202232221260	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
449	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38140	2022	43202232221261	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
450	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38142	2022	43202232221262	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
451	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38143	2022	43202232221263	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
452	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38145	2022	43202232221264	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

453	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38146	2022	43202232221265	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
454	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38148	2022	43202232221266	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
455	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38153	2022	43202232221267	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
456	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38154	2022	43202232221268	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
457	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38156	2022	43202232221269	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
458	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38157	2022	43202232221270	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
459	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38161	2022	43202232221271	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
460	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38164	2022	43202232221272	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
461	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38166	2022	43202232221273	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
462	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38167	2022	43202232221274	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
463	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38169	2022	43202232221275	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
464	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38170	2022	43202232221276	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

465	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38185	2022	43202232221277	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
466	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38186	2022	43202232221278	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
467	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38194	2022	43202232221279	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
468	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 38689	2022	43202232221281	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
469	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 6838	2019	43201912220662	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	169.000.000	59.150.000
470	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - PHILIPS - INTELLIVUE MX450 - DE7770CDBP	2023	43202342221149	PM17.Q	1	199.000.000	149.250.000
471	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - PHILIPS - INTELLIVUE MX450 - DE7770CDBU	2023	43202342221150	PM16.Q	1	199.000.000	149.250.000
472	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN 5 THÔNG SỐ NIHON KOHDEN BSM 3562 37573	2019	05201912220681	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	169.000.000	59.150.000
473	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN BSM 356220076	2018	43201812220550	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	167.000.000	41.750.000
474	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN BSM 3562K 22856	2018	43201812220554	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	167.000.000	41.750.000
475	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN NIHON KOHDEN BSM 356225281	2019	43201912220695	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	169.000.000	59.150.000
476	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN NIHON KOHDEN BSM 356221856	2018	43201812220581	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	169.000.000	42.250.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

477	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 22638	2018	43201812220580	PHÒNG VẬT TƯ - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	1	169.000.000	42.250.000
478	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 22642	2018	43201812220575	PHÒNG VẬT TƯ - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	1	169.000.000	42.250.000
479	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 37526	2022	05202242221105	PHÒNG VẬT TƯ - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	1	144.000.000	93.600.000
480	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 38589	2022	43202232221280	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	144.000.000	93.600.000
481	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN NIHON KOHDEN BSM 356222632	2018	43201812220596	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	169.000.000	42.250.000
482	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - COVIDIEN - BENNETT 840 - 3512182183	2019	43201912250458	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	645.000.000	225.750.000
483	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - COVIDIEN - BENNETT 840 - 3512182186	2019	43201912250456	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	645.000.000	225.750.000
484	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - COVIDIEN - BENNETT 840 - 3512182187	2019	43201912250457	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	645.000.000	225.750.000
485	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - COVIDIEN - BENNETT 840 - 3512162292	2019	43201612250348	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	645.000.000	225.750.000
486	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - COVIDIEN - BENNETT 840 - 3512183123	2019	43201912250455	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	645.000.000	225.750.000
487	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRA20493	2022	43202232250752	Hành lang HP.Q	1	649.000.000	421.850.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

488	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRA20494	2021	20202132250573	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	649.000.000	356.950.000
489	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRA20497	2022	43202232250753	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	649.000.000	421.850.000
490	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRA20502	2022	43202232250754	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	649.000.000	421.850.000
491	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRA20503	2021	20202132250608	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	649.000.000	356.950.000
492	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRA20505	2022	43202232250755	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	649.000.000	421.850.000
493	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRA20507	2022	43202232250756	HP.P	1	649.000.000	421.850.000
494	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRA20511	2021	20202132250575	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	649.000.000	356.950.000
495	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRA20649	2022	43202232250758	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	649.000.000	421.850.000
496	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRV01829	2018	43201822250392	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	649.000.000	162.250.000
497	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRV01830	2018	43201822250393	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	649.000.000	162.250.000
498	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRV03077	2018	43201822250387	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	649.000.000	162.250.000
499	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRW00224	2017	43201712250356	Hành lang HP.Q	1	648.000.000	81.000.000
500	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRW01097	2018	43201822250390	Hàng lang PM.P	1	649.000.000	162.250.000
501	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRW02138	2017	43201712250360	HP.P	1	648.000.000	81.000.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

502	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRW02139	2018	43201822250391	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	649.000.000	162.250.000
503	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRW02140	2017	43201712250363	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	648.000.000	81.000.000
504	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRW02141	2017	43201712250361	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	648.000.000	81.000.000
505	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRW02150	2017	43201712250362	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	648.000.000	81.000.000
506	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRW02151	2017	43201712250355	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	648.000.000	81.000.000
507	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRW02152	2017	43201712250354	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	648.000.000	81.000.000
508	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRW02157	2017	43201712250357	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	648.000.000	81.000.000
509	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRW02158	2017	43201712250359	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	648.000.000	81.000.000
510	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRW02162	2018	43201872250422	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	649.000.000	162.250.000
511	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRW02165	2017	43201712250358	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	648.000.000	81.000.000
512	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRX01539	2019	43201942250440	HP.P	1	649.000.000	227.150.000
513	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRX02760	2018	43201822250386	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	649.000.000	162.250.000
514	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRX02807	2018	20201822250398	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	848.000.000	212.000.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

515	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRX02816	2019	43201942250441	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	649.000.000	227.150.000
516	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - WBRA00598	2022	43202232250759	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	649.000.000	421.850.000
517	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - WBRA00618	2022	43202232250760	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	649.000.000	421.850.000
518	Máy thở chức năng cao - GE - R860 - CBRA20632	2022	43202232250757	PHÒNG VẬT TƯ - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	1	649.000.000	421.850.000
519	Máy thở chức năng cao - GE - R860 - CBRA20491	2022	43202232250751	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	649.000.000	421.850.000
520	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRA20495	2021	20202132250591	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	649.000.000	356.950.000
521	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R G9 - 5CG4260JHT	2024	10202432030167	Phòng Mổ	1	15.895.000	12.716.000
522	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R G9 - 5CG4260JHX	2024	10202432030170	Phòng Mổ	1	15.895.000	12.716.000
523	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R G9 - 5CG4260JJ0	2024	10202432030173	Phòng Mổ	1	15.895.000	12.716.000
524	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R G9 - 5CG4260JJ2	2024	10202432030175	Phòng Mổ	1	15.895.000	12.716.000
525	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R G9 - 5CG4260JJ6	2024	10202432030179	Phòng Mổ	1	15.895.000	12.716.000
526	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R G9 - 5CG4260JJC	2024	10202432030184	Phòng Mổ	1	15.895.000	12.716.000
527	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R G9 - 5CG4260JJK	2024	10202432030190	Phòng Mổ	1	15.895.000	12.716.000
528	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R G9 - 5CG4260JJW	2024	10202432030200	Phòng Mổ	1	15.895.000	12.716.000
529	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R G9 - 5CG4260JK6	2024	10202432030210	Phòng Mổ	1	15.895.000	12.716.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

530	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R G9 - 5CG4260JKW	2024	10202432030225	Phòng Mổ	1	15.895.000	12.716.000
531	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R G9 - 5CG4260JL0	2024	10202432030229	Phòng Mổ	1	15.895.000	12.716.000
532	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R G9 - 5CG4260JL5	2024	10202432030234	Phòng Mổ	1	15.895.000	12.716.000
533	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R G9 - 5CG4260JL6	2024	10202432030235	Phòng Mổ	1	15.895.000	12.716.000
534	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R G9 - 5CG4260JLP	2024	10202432030250	Phòng Mổ	1	15.895.000	12.716.000
535	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R G9 - 5CG4260JLR	2024	10202432030252	Phòng Mổ	1	15.895.000	12.716.000
536	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R G9 - 5CG4260JLV	2024	10202432030255	Phòng Mổ	1	15.895.000	12.716.000
537	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030SFF - 1TWQT44	2024	59201942062790	Chưa xác định	1	16.170.000	12.936.000
538	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030SFF - 25WQT44	2024	10202432023167	Chưa xác định	1	16.170.000	12.936.000
539	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030SFF - 4RWQT44	2024	10202432023113	Chưa xác định	1	16.170.000	12.936.000
540	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030SFF - 4SWQT44	2024	10202432023146	Phòng Mổ - Nhà P	1	16.170.000	12.936.000
541	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030SFF - 4XWQT44	2024	10202432023101	Tầng 4 - Nhà P	1	16.170.000	12.936.000
542	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030SFF - B5WQT44	2024	10202432023202	Tầng 4 - Nhà P	1	16.170.000	12.936.000
543	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030SFF - DSWQT44	2024	59202332150427	Tầng 4 - Nhà P	1	16.170.000	12.936.000
544	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030SFF - FQWQT44	2024	10202432023161	Tầng 4 - Nhà P	1	16.170.000	12.936.000
545	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF PLUS - 1LWT754	2024	10202432023327	Phòng Mổ - Nhà P	1	19.935.000	15.948.000
546	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF PLUS - 2TCM754	2024	10202432023352	Tầng 4 nhà Q	1	19.935.000	15.948.000
547	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF PLUS - 3JCM754	2024	10202432023253	Tầng 4 - Nhà P	1	19.935.000	15.948.000
548	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF PLUS - 55WT754	2024	10202432023409	Phòng Mổ - Nhà P	1	19.935.000	15.948.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

549	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF PLUS - 65WT754	2024	10202432023254	Tầng 4 - Nhà P	1	19.935.000	15.948.000
550	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF PLUS - 7JWT754	2024	10202432023469	Tầng 4 nhà Q	1	19.935.000	15.948.000
551	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF PLUS - 9BWT754	2024	10202432023261	Tầng 4 - Nhà P	1	19.935.000	15.948.000
552	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF PLUS - BNCM754	2024	10202432023538	Tầng 4 nhà Q	1	19.935.000	15.948.000
553	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF PLUS - BZCM754	2024	10202432023543	Tầng 4 - Nhà P	1	19.935.000	15.948.000
554	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF PLUS - FRCM754	2024	10202432023609	Phòng Mổ - Nhà P	1	19.935.000	15.948.000
555	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF PLUS - FWCM754	2024	10202432023613	Tầng 4 - Nhà P	1	19.935.000	15.948.000
556	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF PLUS - G5WT754	2024	10202432023619	Tầng 4 nhà Q	1	19.935.000	15.948.000
557	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF PLUS - HXCM754	2024	10202432023252	Phòng Mổ - Nhà P	1	19.935.000	15.948.000
558	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF PLUS - J6WT754	2024	10202432023670	Phòng Mổ - Nhà P	1	19.935.000	15.948.000
559	MÁY X QUANG C-ARM - SIEMENS - CIOS SELECT - 60274	2023	43202342420047	PM.Q	1	3.400.000.000	2.550.000.000
560	MÁY X QUANG O-ARM - MEDTRONIC - O-ARM - B16031126	2017	43201772420029	PM05.Q	1	30.000.000.000	16.500.000.000
561	MODUL HỆ THỐNG NỘI SOI - KARL STORZ - TC 200 - XR794191-P	2019	59201942140113	PM04.Q	1	1.186.000.000	415.100.000
562	TỦ LÀM ẤM MÁU VÀ DỊCH TRUYỀN - FHC - FHCSWC72-MB-220 - 100818- D03	2018	43201818100436	PM.Q	1	249.800.000	62.450.000
563	TỦ LẠNH BẢO QUẢN - HAIER - HYC- 68A - BE07T 6E0N0 0QEJ7 60001	2018	43201814030956	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	16.380.000	4.095.000
564	TỦ LẠNH BẢO QUẢN - HAIER - HYC- 68A - BE07T 6E0N0 0QEJ7 60005	2018	43201814030957	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	16.380.000	4.095.000
565	TỦ LẠNH BẢO QUẢN - HAIER - HYC- 68A - BE07T 6E0N0 0QEJ7 60009	2018	43201814030958	PM.Q	1	16.380.000	4.095.000
566	TỦ LẠNH BẢO QUẢN - HAIER - HYC- 68A - BE07T 6E0N0 0QEJ7 60018	2018	43201814030954	HP.P	1	16.380.000	4.095.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

567	TỦ LẠNH BẢO QUẢN - HAIER - HYC- 68A - BE07T 6E0N0 0QEJ7 60022	2018	43201814030955	Trung tâm Gây Mê Hồi Sức	1	16.380.000	4.095.000
568	TỦ LẠNH BẢO QUẢN - HAIER - HYC- 68A - BE07T 6E0N0 0QEJ7 J0004	2018	43201814030959	PM.Q	1	16.380.000	4.095.000
	Cộng				**541**	**129.251.094.415**	**77.598.792.275**
XXXI	**KHOA PHẪU THUẬT LỒNG NGỰC**						
1	BỘ DỤNG CỤ PHẪU THUẬT LỒNG NGỰC ÍT XÂM LẤN ASANUS - 19 MỤC, 35 CHI TIẾT	2017	122201712430023	Đặt tại phòng mổ GMHS	1	1.745.100.000	218.137.500
2	BỘ DỤNG CỤ PHẪU THUẬT LỒNG NGỰC MỔ MỞ ASANUS - 61 MỤC, 139 CHI TIẾT	2017	122201712430024	Đặt tại phòng mổ GMHS	1	1.543.500.000	192.937.500
3	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010052	2020	122202048011135	Phòng máy	1	24.990.000	11.245.500
4	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1701010568	2017	122201718010651	Phòng máy	1	24.990.000	3.123.750
5	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1701010583	2017	122201718010648	Phòng máy	1	24.990.000	3.123.750
6	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1701010599	2017	122201718010650	Phòng máy	1	24.990.000	3.123.750
7	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1701010624	2017	122201718010652	Phòng máy	1	24.990.000	3.123.750
8	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1807010721	2018	122201828010767	Phòng máy	1	24.990.000	6.247.500
9	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1807010754	2018	122201828010768	Phòng máy	1	24.990.000	6.247.500
10	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1807010764	2018	122201828010769	Phòng máy	1	24.990.000	6.247.500
11	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1906010022	2020	122202048011134	Phòng máy	1	24.990.000	11.245.500
12	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010055	2020	122202048011137	Phòng máy	1	24.990.000	11.245.500
13	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010110	2020	122202048011136	Phòng máy	1	24.990.000	11.245.500
14	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1906010170	2020	122202048011133	-	1	24.990.000	11.245.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

15	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1701010564	2017	122201718010649	Phòng máy	1	24.990.000	3.123.750
16	CÁNG - VIỆT NAM - XM14A1 - PTLN.CANG.01	2018	122201843020449	Phòng máy	1	24.000.000	6.000.000
17	DAO MỔ ĐIỆN CAO TẦN - COVIDIEN - FORCE FX-8C - P7G78180AX	2018	122201828050047	Phòng tiểu phẫu	1	249.500.000	62.375.000
18	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TOSHIBA - TOSHIBA - RAS-13S3AV-V	2020	ĐH Toshiba	-	1	16.792.500	6.297.188
19	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2018	122201848040978	-	1	19.750.000	4.937.500
20	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2018	122201848040979	-	1	19.750.000	4.937.500
21	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2018	122201848040980	-	1	19.750.000	4.937.500
22	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2018	122201848040981	-	1	19.750.000	4.937.500
23	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2018	122201848040982	-	1	19.750.000	4.937.500
24	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2018	122201848040983	-	1	19.750.000	4.937.500
25	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2018	122201848040984	-	1	19.750.000	4.937.500
26	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2018	122201848040985	-	1	19.750.000	4.937.500
27	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2018	122201848040986	-	1	19.750.000	4.937.500
28	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2018	122201848040987	-	1	19.750.000	4.937.500
29	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2018	122201848040988	-	1	19.750.000	4.937.500
30	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2018	122201848040989	-	1	19.750.000	4.937.500
31	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2018	122201848040990	-	1	19.750.000	4.937.500
32	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2018	122201848040991	-	1	19.750.000	4.937.500
33	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2018	122201848040992	-	1	19.750.000	4.937.500
34	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2018	122201848040993	-	1	19.750.000	4.937.500
35	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2018	122201848040994	-	1	19.750.000	4.937.500
36	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2018	122201848040995	-	1	19.750.000	4.937.500
37	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2018	122201848040996	-	1	19.750.000	4.937.500
38	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2018	122201848040997	-	1	19.750.000	4.937.500
39	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2018	122201848040998	-	1	19.750.000	4.937.500
40	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2018	122201848040999	-	1	19.750.000	4.937.500
41	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2018	122201848041000	-	1	19.750.000	4.937.500
42	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2018	122201848041001	-	1	19.750.000	4.937.500
43	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2018	122201848041002	-	1	19.750.000	4.937.500
44	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2018	122201848041003	-	1	19.750.000	4.937.500
45	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2018	122201848041004	-	1	19.750.000	4.937.500
46	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2018	122201848041005	-	1	19.750.000	4.937.500
47	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2018	122201848041006	-	1	19.750.000	4.937.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

48	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2018	122201848041007	-	1	19.750.000	4.937.500
49	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2018	122201848041008	-	1	19.750.000	4.937.500
50	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2018	122201848041009	-	1	19.750.000	4.937.500
51	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2018	122201848041010	-	1	19.750.000	4.937.500
52	HỆ THỐNG CAMERA - TRUNG QUỐC - FD8169A	2018	122201842100853	-	1	43.197.000	10.799.250
53	HỆ THỐNG CAMERA - TRUNG QUỐC - FD8169A	2019	122201942101057	-	1	65.637.000	6.563.700
54	MÁY ĐIỆN TIM - NIHON KOHDEN - ECG-1250K - 14163	2018	122201842170109	Phòng máy	1	65.000.000	16.250.000
55	MÁY HÚT DỊCH - BICAKCILAR - VACULINE MAXI - 1319	2018	122201842560614	Phòng cấp cứu	1	43.050.000	10.762.500
56	MÁY SIÊU ÂM - GE - LOGIQ F6 - 6058079WX0	2021	1222021000	Phòng máy	1	1.187.000.000	652.850.000
57	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 15569	2018	122201842220535	Phòng máy	1	167.000.000	41.750.000
58	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 15587	2018	122201842220536	Phòng máy	1	167.000.000	41.750.000
59	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 15581	2018	122201842220538	Phòng máy	1	167.000.000	41.750.000
60	MÁY TÍNHL - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF PLUS - H3WT754	2024	10202432023642	Phòng hành chính	1	19.935.000	15.948.000
61	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF PLUS - FDWT754	2024	10202432023598	Phòng hành chính	1	19.935.000	15.948.000
62	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF PLUS - 3JWT754	2024	10202432023367	Phòng hành chính	1	19.935.000	15.948.000
63	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP 240R 9 - 5CG4260JLY	2024	10202432030258	Phòng hành chính	1	15.895.000	12.716.000
64	THIẾT BỊ NỘI SOI - AMBU - ASCOPE	2018	122201842140092	Đặt tại phòng mổ GMHS	1	95.000.000	23.750.000
65	XE ĐẨY DỤNG CỤ - SUMMIT CARE - SEC-100	2019	122201943010065	Phòng tiểu phẫu	1	36.000.000	12.600.000
66	XE ĐẨY DỤNG CỤ - SUMMIT CARE - SEC-100	2019	122201943010066	Phòng cấp cứu	1	36.000.000	12.600.000
67	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - 47WQT44	2024	10202432023168	-	1	16.170.000	12.936.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

68	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - 35WQT44	2024	10202432023191	-	1	16.170.000	12.936.000
	Cộng	**-**	**-**	**-**	**68**	**6.735.436.500**	**1.697.130.888**
XXXII	TRUNG TÂM HUYẾT HỌC VÀ TRUYỀN MÁU						
1	BÀN SẤY TIÊU BẢN - DIAPATH - 30113	2019	11202042280940	-	1	29.500.000	13.275.000
2	BÀN SẤY TIÊU BẢN - SLEE SLIDETEC - SIDETEC HEAT - V1 17 0006	2019	125201942280026	Phòng xét nghiệm	1	64.000.000	22.400.000
3	BÀN XÉT NGHIỆM 4000X2400X750MM - KHUNG CHÍNH THÉP HỘP, SƠN TĨNH ĐIỆN, MẶT BÀN COMPOSIT	2017	80201718020147	-	1	20.724.000	2.590.500
4	BÀN XÉT NGHIỆM 4000X2400X750MM - KHUNG CHÍNH THÉP HỘP, SƠN TĨNH ĐIỆN, MẶT BÀN COMPOSIT	2017	80201718020148	-	1	20.724.000	2.590.500
5	BÀN XÉT NGHIỆM 4000X2400X750MM - KHUNG CHÍNH THÉP HỘP, SƠN TĨNH ĐIỆN, MẶT BÀN COMPOSIT	2017	80201718020149	-	1	20.724.000	2.590.500
6	BÀN XÉT NGHIỆM 4000X2400X750MM - KHUNG CHÍNH THÉP HỘP, SƠN TĨNH ĐIỆN, MẶT BÀN COMPOSIT	2017	80201718020150	-	1	20.724.000	2.590.500
7	BÀN XÉT NGHIỆM 4000X2400X750MM - KHUNG CHÍNH THÉP HỘP, SƠN TĨNH ĐIỆN, MẶT BÀN COMPOSIT	2017	80201718020151	-	1	20.724.000	2.590.500
8	BÀN XÉT NGHIỆM 4000X2400X750MM - KHUNG CHÍNH THÉP HỘP, SƠN TĨNH ĐIỆN, MẶT BÀN COMPOSIT	2017	80201718020152	-	1	20.724.000	2.590.500
9	BÀN XÉT NGHIỆM 4000X2400X750MM - KHUNG CHÍNH THÉP HỘP, SƠN TĨNH ĐIỆN, MẶT BÀN COMPOSIT	2017	80201718020153	-	1	11.902.000	1.487.750
10	BÀN XÉT NGHIỆM 4000X2400X750MM - KHUNG CHÍNH THÉP HỘP, SƠN TĨNH ĐIỆN, MẶT BÀN COMPOSIT	2017	80201718020154	-	1	15.092.000	1.886.500
11	BÀN XÉT NGHIỆM 5400X800X750MM - KHUNG CHÍNH THÉP HỘP, SƠN TĨNH ĐIỆN, MẶT BÀN COMPOSIT	2017	80201718020159	-	1	10.318.000	1.289.750
12	BÀN XÉT NGHIỆM 6000X2000X750MM - KHUNG CHÍNH THÉP HỘP, SƠN TĨNH ĐIỆN, MẶT BÀN COMPOSIT	2017	80201718020155	-	1	30.910.000	3.863.750

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

13	BÀN XÉT NGHIỆM 6000X2000X750MM - KHUNG CHÍNH THÉP HỘP, SƠN TĨNH ĐIỆN, MẶT BÀN COMPOSIT	2017	80201718020156	-	1	30.910.000	3.863.750
14	BÀN XÉT NGHIỆM 6000X2000X750MM - KHUNG CHÍNH THÉP HỘP, SƠN TĨNH ĐIỆN, MẶT BÀN COMPOSIT	2017	80201718020157	-	1	30.910.000	3.863.750
15	BÀN XÉT NGHIỆM 6000X2000X750MM - KHUNG CHÍNH THÉP HỘP, SƠN TĨNH ĐIỆN, MẶT BÀN COMPOSIT	2017	80201718020158	-	1	30.910.000	3.863.750
16	BÀN XÉT NGHIỆM 6890X700X750MM - KHUNG CHÍNH THÉP HỘP, SƠN TĨNH ĐIỆN, MẶT BÀN COMPOSIT	2017	80201718020164	-	1	12.309.000	1.538.625
17	BÀN XÉT NGHIỆM 6890X700X750MM - KHUNG CHÍNH THÉP HỘP, SƠN TĨNH ĐIỆN, MẶT BÀN COMPOSIT	2017	80201718020165	-	1	12.309.000	1.538.625
18	BỂ ẤM - MEMMERT - WNB14 - L418.1398	2019	125201948030011	Phòng xét nghiệm	1	24.800.000	8.680.000
19	BỂ ỔN NHIỆT - MEMMERT - WNB 10 - L3170794	2018	80201848030007	-	1	24.000.000	6.000.000
20	BỂ ỔN NHIỆT - MEMMERT - WNB29 - L607.0022	2018	80201848030008	-	1	24.000.000	6.000.000
21	BỂ ỔN NHIỆT - MEMMERT - WNB29 - L607.0023	2020	11202048030012	-	1	23.000.000	10.350.000
22	BỂ ỔN NHIỆT - MEMMERT - WNB29 - L617.0443	2018	80201848030009	-	1	35.500.000	8.875.000
23	BƠM HÚT CHÂN KHÔNG - INTERGA - VACUSAFE - 170445	2017	80201712530325	-	1	75.000.000	9.375.000
24	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1811010249	2019	80201948010887	-	1	24.990.000	8.746.500
25	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1811011113	2019	80201948010888	-	1	24.990.000	8.746.500
26	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS830 - 2101010425	2022	80202238013049	-	1	29.000.000	18.850.000
27	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS830 - 2101010430	2022	80202238013050	-	1	29.000.000	18.850.000
28	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS830 - 2101010436	2022	80202238013051	-	1	29.000.000	18.850.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

29	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS830 - 2101010439	2022	80202238013052	-	1	29.000.000	18.850.000
30	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS830 - 2101010441	2022	80202238013053	-	1	29.000.000	18.850.000
31	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS830 - 2101010443	2022	80202238013054	-	1	29.000.000	18.850.000
32	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS830 - 2101010448	2022	80202238013055	-	1	29.000.000	18.850.000
33	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS830 - 2101010449	2022	80202238013056	-	1	29.000.000	18.850.000
34	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS830 - 2101010450	2022	80202238013057	-	1	29.000.000	18.850.000
35	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS830 - 2101010455	2022	80202238013058	-	1	29.000.000	18.850.000
36	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS830 - 2101010456	2022	80202238013059	-	1	29.000.000	18.850.000
37	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600 - 1804010019	2019	125201912230893	-	1	34.575.000	12.101.250
38	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600 - 1804010035	2019	125201912230892	-	1	34.575.000	12.101.250
39	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2110010211	2022	05202248011342	-	1	32.500.000	21.125.000
40	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2110010215	2022	80202248011354	-	1	32.500.000	21.125.000
41	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2110010221	2022	80202248011367	-	1	32.500.000	21.125.000
42	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2110010230	2022	05202248011357	-	1	32.500.000	21.125.000
43	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2110010239	2022	05202248011355	-	1	32.500.000	21.125.000
44	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2111010428	2022	80202248011353	-	1	32.500.000	21.125.000
45	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2112010038	2022	80202248011362	-	1	32.500.000	21.125.000
46	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2112010043	2022	80202248011348	-	1	32.500.000	21.125.000
47	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 3 TAY QUAY MET-3300	2021	80202143020623	-	1	30.800.000	16.940.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

48	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 3 TAY QUAY MET-3300 - -	2021	80202143020621	-	1	30.800.000	16.940.000
49	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 3 TAY QUAY MET-3300 - -	2021	80202143020622	-	1	30.800.000	16.940.000
50	CÂY NƯỚC NÓNG LẠNH - ĐÔNG Á	2021	80202148160370	Hành lang	1	16.360.667	3.272.133
51	CÂY NƯỚC NÓNG LẠNH - ĐÔNG Á	2021	80202148160371	Hành lang	1	16.360.667	3.272.133
52	CÂY NƯỚC NÓNG LẠNH - HAOSING - A121000408	2021	80202148160372	Hành lang	1	16.360.667	3.272.133
53	CÂY NƯỚC NÓNG LẠNH - HAOSING - A121000408	2021	80202148160367	Hành lang	1	16.360.667	3.272.133
54	CÂY NƯỚC NÓNG LẠNH - HAOSING - A121000408	2021	80202148160368	Hành lang	1	16.360.667	3.272.133
55	CÂY NƯỚC NÓNG LẠNH - HAOSING - A121000408	2021	80202148160369	Hành lang	1	16.360.667	3.272.133
56	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - CASPER - KC18FC32 - DH5355	2020	93202042062575	101	1	13.375.000	6.687.500
57	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FT50FVM - DH5311	2018	80201842061949	211	1	13.296.998	1.662.125
58	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTKC25RVMV - DH5333	2018	80201842062052	106	1	19.778.682	2.472.335
59	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE35MV1V9 - DH5299	2018	80201842061929	310	1	13.296.998	1.662.125
60	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE35MV1V9 - DH5306	2018	80201842062051	213	1	19.778.682	2.472.335
61	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE35MV1V9 - DH5322	2018	80201842061947	205	1	13.296.998	1.662.125
62	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V - DH5289	2018	80201842061990	phòng máy	1	19.778.682	2.472.335
63	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V - DH5317	2018	80201842061930	202	1	13.296.998	1.662.125
64	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V - DH5318	2018	80201842061931	202	1	13.296.998	1.662.125
65	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V - DH5325	2018	80201842061948	208	1	13.296.998	1.662.125
66	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V - DH5339	2018	80201842061987	102	1	19.778.682	2.472.335
67	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V - DH5340	2018	80201842061988	102	1	19.778.682	2.472.335

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

68	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V - DH5285	2018	80201842062138	hội trường	1	25.973.794	3.246.724
69	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V - DH5286	2018	80201842062139	413	1	25.973.794	3.246.724
70	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V - DH5335	2018	80201842062140	105	1	25.973.794	3.246.724
71	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V - DH5343	2018	80201842062136	110	1	25.973.794	3.246.724
72	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - FUJIAIRE - FBS-1817R - DH5330	2020	93202042062576	108	1	13.375.000	6.687.500
73	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - FUJIAIRE - FBS-1817R - DH5331	2020	93202042062577	108	1	13.375.000	6.687.500
74	ĐIỀU HÒA TỦ ĐỨNG - DAIKIN - DH5284	2022	80202242062687	hội trường	1	42.084.900	26.303.063
75	ĐIỀU HÒA TỦ ĐỨNG - DAIKIN - FVY71LAVE3 - DH5283	2018	80201842062050	hội trường	1	19.778.682	2.472.335
76	HỆ THỐNG CAMERA 10 MẮT	2021	80202148160356	-	1	38.665.000	13.532.750
77	HỆ THỐNG CAMERA 4 MẮT	2021	80202148160355	-	1	25.173.500	8.810.725
78	HỆ THỐNG CAMERA 7 MẮT	2021	80202148160354	-	1	34.331.000	12.015.850
79	HỆ THỐNG CAMERA QUAN SÁT 12 MẮT FD8169A	2019	80201912100914	-	1	97.064.000	9.706.400
80	HỆ THỐNG LOẠI TẾ BÀO MÁU, TỦY XƯƠNG TỰ ĐỘNG VISION PRO - 1014134548	2021	80202142440125	-	1	3.849.930.000	2.117.461.500
81	HỆ THỐNG PHÂN TÍCH NHIỄM SẮC THỂ VÀ FISH - METASYSTEMS - IKAROS - 3534000419/ 1121635/ 1615110102R02B72	2021	05202148200066	-	1	1.657.000.000	331.400.000
82	HỆ THỐNG TÁCH TẾ BÀO GỐC ĐA NĂNG BIOSAFE SEPAX S-100	2018	80201812440109	-	1	2.198.000.000	549.500.000
83	KÍNH HIỂN VI - OLYMPUS - BX53 - 9M40873	2020	80202018070161	-	1	1.168.000.000	525.600.000
84	KÍNH HIỂN VI - OLYMPUS - CX23 - 9C88577	2019	80201948070152	-	1	40.000.000	14.000.000
85	KÍNH HIỂN VI - OLYMPUS - CX23 - 9G86832	2019	11201978070164	-	1	40.000.000	14.000.000
86	KÍNH HIỂN VI - OLYMPUS - CX23 - A4342002	2020	11202048070160	-	1	38.000.000	17.100.000
87	KÍNH HIỂN VI - OLYMPUS - CX33 - 7G41093	2018	80201848070119	-	1	92.000.000	23.000.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

88	KÍNH HIỂN VI - OLYMPUS - CX33 - 9D45307	2019	125201948070149	-	1	96.000.000	33.600.000
89	KÍNH HIỂN VI 2 MẮT - 7C87112	2017	80201718070117	-	1	32.000.000	4.000.000
90	MÁY DÁN NHÃN MÃ VẠCH TỰ ĐỘNG ỐNG MẪU - ENERGIUM - HENM - H1224040	2024	80202442011882	Tầng 2	1	650.000.000	568.750.000
91	MÁY ĐIỆN DI TỰ ĐỘNG HYDRASYS 2 SCAN SEBIA - 2565	2017	80201772160021	-	1	975.000.000	536.250.000
92	MÁY ĐỊNH NHÓM MÁU TỰ ĐỘNG GELCARD MAGISTER	2016	80201672530400	-	1	2.500.000.000	1.375.000.000
93	MÁY ĐO SPO2 CẦM TAY BIONET OXY 9 WAVE - 02Q0100031	2017	80201712150204	-	1	15.600.000	1.950.000
94	MÁY ĐO SPO2 CẦM TAY BIONET OXY 9 WAVE - 02Q0100038	2017	80201712150203	-	1	15.600.000	1.950.000
95	MÁY ĐO SPO2 CẦM TAY OXY 9 - 02S1200217	2018	80201842150264	-	1	15.500.000	3.875.000
96	MÁY ĐO TỐC ĐỘ MÁU LẮNG - SFRI SAS - ESR-30 - 1811087	2019	80201902150381	-	1	61.200.000	33.660.000
97	MÁY ĐO TỐC ĐỘ MÁU LẮNG 30 LỖ ESR 30 - 1811001	2019	80201902150382	-	1	61.200.000	33.660.000
98	MÁY ĐO TỐC ĐỘ MÁU LẮNG TỰ ĐỘNG HOÀN TOÀN VITAL	2016	80201672150371	-	1	207.400.000	155.550.000
99	MÁY ĐÔNG MÁU STAGO STA R MAX	2016	80201672530395	-	1	2.500.000.000	1.375.000.000
100	MÁY LẮC VORTEX 3 - V 3 S000 - 08 092255	2018	80201842480019	-	1	11.150.000	2.787.500
101	MÁY LÀM TIÊU BẢN TỰ ĐỘNG SIEMENS AUTOSLIDE - ABX14601242	2018	80201832440077	-	1	1.253.500.000	313.375.000
102	MÁY LẤY SỐ TỰ ĐỘNG MÀN HÌNH CẢM ỨNG AK390DT	2018	80201818190015	-	1	15.500.000	3.875.000
103	MÁY LY TÂM - HETTICH - ROTOFIX 32A - 0030503-04	2017	80201712500055	-	1	82.650.000	10.331.250
104	MÁY LY TÂM - HETTICH - ROTOFIX 32A - 0039937-04	2019	125201942500072	Phòng xét nghiệm	1	83.380.000	29.183.000
105	MÁY LY TÂM - HETTICH - ROTOFIX 32A - 0039938-04	2019	125201942500071	Phòng xét nghiệm	1	83.380.000	29.183.000
106	MÁY LY TÂM - HETTICH - ROTOFIX 32A - 0039939-04	2019	125201942500070	-	1	83.380.000	29.183.000
107	MÁY LY TÂM - HETTICH - UNIVERSAL 320 - 3430100	2018	80201842500061	-	1	99.700.000	24.925.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

108	MÁY LY TÂM LẮNG MẪU NHANH - EPPENDORF - MINISPIN - 5452HJ801254	2018	80201842500062	-	1	58.300.000	14.575.000
109	MÁY LY TÂM LẮNG MẪU NHANH MINISPIN EPPENDOFT ĐỨC - 5452BP363583	2018	80201842500060	-	1	58.300.000	14.575.000
110	MÁY PHÂN TÍCH HUYẾT HỌC TỰ ĐỘNG - SYSMEX - XN-10 - 44674	2019	80201902440124	-	1	1.237.000.000	680.350.000
111	MÁY PHÂN TÍCH HUYẾT HỌC TỰ ĐỘNG - SYSMEX - XN-10 - 44694	2019	8020197244000	-	1	1.875.000.000	1.406.250.000
112	MÁY PHÂN TÍCH NƯỚC TIỂU BECKMAN	2017	80201772180025	-	1	2.776.000.000	1.526.800.000
113	MÁY PHÂN TÍCH NƯỚC TIỂU TỰ ĐỘNG BECKMAN ELITE IQ200	2017	80201772180024	-	1	2.600.000.000	1.430.000.000
114	MÁY PHUN DUNG DỊCH KHỬ TRÙNG LABORATORIES ANIOS AEROSEPT 100VF - A1V6027	2019	80201912450062	-	1	119.800.000	41.930.000
115	MÁY SẤY TIÊU BẢN - DIAPATH - DPH 40 - 30113	2019	11202042280940	-	1	29.500.000	13.275.000
116	BÀN SẤY TIÊU BẢN - SLEE SLIDETEC - SIDETEC HEAT - V1 17 0014	2019	80201942280025	-	1	64.000.000	22.400.000
117	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - INFINIUM - OMNI II - 11001697	2022	80202232221293	-	1	123.860.000	68.123.000
118	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - INFINIUM - OMNI II - 11001707	2022	80202232221294	-	1	123.860.000	68.123.000
119	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - PVM-4761 - 2815	2022	80202232221295	-	1	136.800.000	88.920.000
120	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - EVENT MEDICAL - EVOLUTION - EVL42439	2022	80202232221296	-	1	650.000.000	422.500.000
121	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R G9 - 5CG4260JHV	2024	10202432030168	Tầng 2	1	15.895.000	12.716.000
122	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R G9 - 5CG4260JKX	2024	10202432030226	TẦNG 1	1	15.895.000	12.716.000
123	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R G9 - 5CG4260JLQ	2024	10202432030251	Tầng 3	1	15.895.000	12.716.000
124	MÁY Ủ GELCARD - HANGZHOU ALLSHENG - K37-24 - A049-00477	2019	81202438153211	-	1	33.000.000	28.875.000
125	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - 1DVQT44	2024	80202432023018	Tầng 2	1	16.199.700	12.959.760

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

126	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - 1PVQT44 - DELL - INSPIRION 3030SFF - 1PVQT44	2024	80202432023026	-	1	16.199.700	12.959.760
127	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - 3NVQT44	2024	80202432023027	Tầng 4	1	16.199.700	12.959.760
128	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - 4NVQT44	2024	103202432022914	Phòng hành chính - Tầng 1 - B1	1	16.199.700	12.959.760
129	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - 5NVQT44	2024	80202432023029	Phòng hành chính - Tầng 1 - B1	1	16.199.700	12.959.760
130	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - 5PWQT44	2024	80202432023021	Phòng hành chính - Tầng 1 - B1	1	16.199.700	12.959.760
131	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - 7NVQT44	2024	80202432023025	Tầng 3	1	16.199.700	12.959.760
132	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - 8PWQT44 - DELL - INSPIRION 3030SFF - 8PWQT44	2024	80202432023022	-	1	16.199.700	12.959.760
133	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - 99VQT44 - DELL - INSPIRION 3030SFF - 99VQT44	2024	80202432023020	-	1	16.199.700	12.959.760
134	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - 9NVQT44	2024	80202432023024	Tầng 3	1	16.199.700	12.959.760
135	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - BPVQT44	2024	80202432023031	Tầng 3	1	16.199.700	12.959.760
136	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - DNVQT44	2024	80202432023028	Tầng 3	1	16.199.700	12.959.760
137	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - FBVQT44	2024	80202432023019	Phòng hành chính - Tầng 1 - B1	1	16.199.700	12.959.760
138	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - HMWQT44	2024	80202432023023	Tầng 2	1	16.199.700	12.959.760
139	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - HQVQT44	2024	80202432023030	Tầng 2	1	16.199.700	12.959.760
140	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF PLUS - 16WT754 - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF PLUS - 16WT754	2024	10202432023217	-	1	19.935.000	15.948.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

141	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF PLUS - 5CWT754 - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF PLUS - 5CWT754	2024	10202432023221	-	1	19.935.000	15.948.000
142	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF PLUS - 6CWT754 - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF PLUS - 6CWT754	2024	10202432023218	-	1	19.935.000	15.948.000
143	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF PLUS - 8BWT754 - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF PLUS - 8BWT754	2024	10202432023216	-	1	19.935.000	15.948.000
144	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF PLUS - 8HWT754 - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF PLUS - 8HWT754	2024	10202432023226	-	1	19.935.000	15.948.000
145	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF PLUS - 9XCM754 - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF PLUS - 9XCM754	2024	10202432023215	-	1	19.935.000	15.948.000
146	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF PLUS - BJWT754 - DELL - OPTIPLEX 7020 SFF PLUS - BJWT754	2024	10202432023219	-	1	19.935.000	15.948.000
147	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - 2RCM754 - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - 2RCM754	2024	10202432023351	-	1	19.935.000	15.948.000
148	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - 3TCM754 - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - 3TCM754	2024	10202432023376	-	1	19.935.000	15.948.000
149	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - 3WCM754 - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - 3WCM754	2024	10202432023378	-	1	19.935.000	15.948.000
150	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - 5GWT754 - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - 5GWT754	2024	10202432023416	-	1	19.935.000	15.948.000
151	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - 63WT754 - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - 63WT754	2024	10202432023434	-	1	19.935.000	15.948.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

152	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - 7GWT754 - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - 7GWT754	2024	10202432023467	-	1	19.935.000	15.948.000
153	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - 7ZCM754 - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - 7ZCM754	2024	10202432023484	-	1	19.935.000	15.948.000
154	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - 9NCM754 - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - 9NCM754	2024	10202432023519	-	1	19.935.000	15.948.000
155	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - DZCM754 - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - DZCM754	2024	10202432023590	-	1	19.935.000	15.948.000
156	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - F3WT754 - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - F3WT754	2024	10202432023592	-	1	19.935.000	15.948.000
157	MÁY XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU - INSTRUMENTATION LABORATORY - ACL ACUSTAR - 15090370	2017	80201772440117	-	1	1.796.500.000	988.075.000
158	MÁY XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU - SYSMEX - CS-5100 - 25445	2016	80201672440116	-	1	2.210.000.000	1.215.500.000
159	MÁY XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU ACL TOP 500 CTS	2019	80201902440121	-	1	1.985.928.000	1.092.260.400
160	MÁY XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU SYSMEX CA1500 - F9274	2018	80201802440122	-	1	1.275.500.000	956.625.000
161	MÁY XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU TỰ ĐỘNG ACLTOP 700 CTS - 16020511	2017	806/201772440118	-	1	2.483.000.000	1.365.650.000
162	MÁY XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC 33 THÔNG SỐ SIEMENS ADVIA 2120I - IRL30461314	2018	80201832440076	-	1	1.437.500.000	359.375.000
163	THIẾT BỊ HỖ TRỢ HÚT MÔI TRƯỜNG NUÔI CẤY EASY PET 3	2018	80201848151829	-	1	22.000.000	5.500.000
164	THIẾT BỊ HỖ TRỢ HÚT MÔI TRƯỜNG NUÔI CẤY EASY PET 3	2018	80201848151830	-	1	22.000.000	5.500.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

165	TỦ AN TOÀN SINH HỌC - ESCO - SCI-4N1-S - 2019-PC110311-02	2019	80201948100457	-	1	798.800.000	279.580.000
166	TỦ AN TOÀN SINH HỌC - ESCO - SCI-4N1-S - 2019-PC113011-03	2019	80201948100456	-	1	798.800.000	279.580.000
167	TỦ AN TOÀN SINH HỌC - NUAIRE - NU-540-400E - 196681020520	2020	80202018100461	-	1	348.348.000	156.756.600
168	TỦ HÚT KHÍ ĐỘC - ESCO - EFH-4A8 - 2019-145680	2019	80201948100458	-	1	348.800.000	122.080.000
169	TỦ LẠNH ÂM SÂU - PANASONIC - MDF-U5412 - 19090171	2020	80202044031024	-	1	179.300.000	80.685.000
170	TỦ LẠNH ÂM SÂU - PANASONIC - MDF-U731M - 200890620	2021	81202144031025	-	1	244.890.000	134.689.500
171	TỦ LẠNH ÂM SÂU - PANASONIC - MDF-U731M - 200890621	2021	81202144031026	-	1	244.890.000	134.689.500
172	TỦ LẠNH BẢO QUẢN - ALASKA - LC-743DB - 0418SH991	2021	71202144031038	-	1	10.400.000	5.720.000
173	TỦ LẠNH BẢO QUẢN - PANASONIC - MBR-107DH-PE - 17090266	2018	80201818100434	-	1	95.000.000	23.750.000
174	TỦ LẠNH BẢO QUẢN - PANASONIC - MBR-506DH - 19080107	2019	80201948100455	-	1	248.800.000	87.080.000
175	TỦ LẠNH BẢO QUẢN - PANASONIC - MBR-506DH - 19080108	2019	80201948100453	-	1	248.800.000	87.080.000
176	TỦ LẠNH BẢO QUẢN - PANASONIC - MBR-506DH - 19080109	2019	80201948100454	-	1	248.800.000	87.080.000
177	TỦ LẠNH BẢO QUẢN - SANYO - MPR-514 - 19020062	2019	80201948100451	-	1	196.900.000	68.915.000
178	TỦ LƯU MẪU BỆNH PHẨM PHC MPR 514 PE - 19020058	2019	80201948100450	-	1	196.900.000	68.915.000
179	XE ĐẨY TIÊM - MACHAN - SC32EMG - BM19-P3013	2019	80201913010079	-	1	32.000.000	11.200.000
180	XE ĐẨY TIÊM - MACHAN - SC32EMG - BM19-P3016	2019	80201913010078	-	1	32.000.000	11.200.000
181	XE ĐẨY TIÊM - MACHAN - SC32EMG - BM19-P301X	2019	80201913010080	-	1	32.000.000	11.200.000
182	MÁY ĐÔNG MÁU TỰ ĐỘNG CS2500 - 21333	2016	802016725 30399		1	2.210.000.000	1.215.500.000
183	MÁY LẮC ĐA NĂNG - IKA - VORTEX 3 - 8092255	2010	8020184248 0020		1	11.150.000	2.787.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

184	BỂ ỔN NHIỆT - MEMMERT - WNB29 - L614.0442	2014	802018480 30010		1	35.500.000	8.875.000
	Cộng				**181**	**46.056.122.156**	**24.094.771.644**
XXXIII	**TRUNG TÂM NHI KHOA**						
1	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1704010521	2017	19201838010828	204	1	24.990.000	3.123.750
2	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1704010579	2017	19201838010825	104	1	24.990.000	3.123.750
3	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1704010635	2017	19201718010657	104	1	24.990.000	3.123.750
4	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1704010811	2017	19201718010659	107	1	24.990.000	3.123.750
5	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1805010132	2018	19201828010722	-	1	24.990.000	6.247.500
6	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1805010138	2018	19201828010721	205	1	24.990.000	6.247.500
7	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1807010305	2018	19201828010732	103	1	24.990.000	6.247.500
8	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1807010327	2018	19201828010731	tầng 2	1	24.990.000	6.247.500
9	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1807010395	2019	21201948010890	-	1	24.990.000	8.746.500
10	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1811012208	2019	19201918010919	tầng 2	1	24.990.000	8.746.500
11	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1811012381	2019	19201918010920	tầng 2	1	24.990.000	8.746.500
12	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1811012408	2019	19201918010921	204	1	24.990.000	8.746.500
13	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1811012428	2019	19201918010923	tầng 2	1	24.990.000	8.746.500
14	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1811012451	2019	19201918010922	108	1	24.990.000	8.746.500
15	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1906010063	2019	19201918010908	tầng 2	1	24.990.000	8.746.500
16	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010062	2019	19201918010909	-	1	24.990.000	8.746.500
17	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010113	2019	19201918011004	205	1	24.990.000	8.746.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

18	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010123	2019	19201918011007	-	1	24.990.000	8.746.500
19	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010124	2019	21201918010939	206	1	24.990.000	8.746.500
20	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010128	2019	19201918011003	kho	1	24.990.000	8.746.500
21	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010129	2019	19201918011001	102	1	24.990.000	8.746.500
22	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010143	2019	19201918010981	108	1	24.990.000	8.746.500
23	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010226	2019	19201918010982	kho	1	24.990.000	8.746.500
24	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010344	2019	19201918011008	kho	1	24.990.000	8.746.500
25	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010395	2019	21201918010940	204	1	24.990.000	8.746.500
26	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010397	2019	19201918010984	108	1	24.990.000	8.746.500
27	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010059	2019	21201918010941	-	1	24.990.000	8.746.500
28	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010224	2019	21201918010942	204	1	24.990.000	8.746.500
29	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010292	2019	21201918010943	205	1	24.990.000	8.746.500
30	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010304	2019	21201918010944	tầng 2	1	24.990.000	8.746.500
31	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010312	2019	21201918010989	-	1	24.990.000	8.746.500
32	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010338	2019	54201918010878	101	1	24.990.000	8.746.500
33	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 2001010013	2020	-	109	1	24.990.000	11.245.500
34	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 2001010025	2020	93202048011125	tầng 2	1	24.990.000	11.245.500
35	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 2001010206	2020	93202048011123	205	1	24.990.000	11.245.500
36	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010310	2022	19202248011301	104	1	24.000.000	15.600.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

37	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010314	2022	19202248011304	-	1	24.000.000	15.600.000
38	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010315	2022	19202248011292	204	1	24.000.000	15.600.000
39	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010320	2022	19202248011307	-	1	24.000.000	15.600.000
40	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010325	2022	19202248011284	204	1	24.000.000	15.600.000
41	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010328	2022	19202248011287	tầng 2	1	24.000.000	15.600.000
42	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010329	2022	19202248011306	103	1	24.000.000	15.600.000
43	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010333	2022	19202248011316	tầng 2	1	24.000.000	15.600.000
44	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010344	2022	19202248011305	206	1	24.000.000	15.600.000
45	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010345	2022	19202248011300	204	1	24.000.000	15.600.000
46	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010351	2022	19202248011290	101	1	24.000.000	15.600.000
47	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010353	2022	19202248011299	kho	1	24.000.000	15.600.000
48	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010355	2022	05202248011285	-	1	24.000.000	15.600.000
49	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010358	2022	19202248011310	206	1	24.000.000	15.600.000
50	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010360	2022	19202248011321	204	1	24.000.000	15.600.000
51	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010361	2022	19202248011303	202	1	24.000.000	15.600.000
52	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010362	2022	19202248011320	206	1	24.000.000	15.600.000
53	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010363	2022	19202248011294	205	1	24.000.000	15.600.000
54	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010365	2022	19202248011288	204	1	24.000.000	15.600.000
55	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010251	2022	19202248011267	104	1	24.000.000	15.600.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

56	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010291	2022	19202248011281	-	1	24.000.000	15.600.000
57	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010354	2022	19202248011235	205	1	24.000.000	15.600.000
58	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010355	2022	19202248011239	206	1	24.000.000	15.600.000
59	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010391	2022	19202248011250	103	1	24.000.000	15.600.000
60	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010422	2022	19202248011226	206	1	24.000.000	15.600.000
61	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010424	2022	19202248011232	104	1	24.000.000	15.600.000
62	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010429	2022	19202248011259	204	1	24.000.000	15.600.000
63	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010440	2022	19202248011270	106	1	24.000.000	15.600.000
64	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS830 - 2101010413	2023	05202338013160	203	1	29.000.000	18.850.000
65	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS830 - 2101010414	2023	05202338013161	206	1	29.000.000	18.850.000
66	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS830 - 2101010415	2023	05202338013162	kho	1	29.000.000	18.850.000
67	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS830 - 2101010422	2023	05202338013163	206	1	29.000.000	18.850.000
68	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS830 - 2101010432	2023	05202338013164	110	1	29.000.000	18.850.000
69	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS830 - 2101010433	2023	05202338013165	108	1	29.000.000	18.850.000
70	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS830 - 2101010437	2023	05202338013167	110	1	29.000.000	18.850.000
71	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS830 - 2101010451	2023	05202338013168	206	1	29.000.000	18.850.000
72	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS830 - 2101010453	2023	05202338013169	206	1	29.000.000	18.850.000
73	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS830 - 2101010459	2023	05202338013171	206	1	29.000.000	18.850.000
74	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS830 - 2101010466	2023	05202338013172	kho	1	29.000.000	18.850.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

75	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS830 - 2101010468	2023	05202338013173	206	1	29.000.000	18.850.000
76	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - - TERUMO - TE-SS700	2017	19201718010656	-	1	24.990.000	3.123.750
77	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1812010029 - TERUMO - TE-SS700 - 1812010029	2019	19201912230896	-	1	34.996.500	12.248.775
78	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1812010266 - TERUMO - TE-SS700 - 1812010266	2019	19201912230908	-	1	34.996.500	12.248.775
79	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1812012048 - TERUMO - TE-SS700 - 1812012048	2019	19201918010983	-	1	24.990.000	8.746.500
80	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1906010032 - TERUMO - TE-SS700 - 1906010032	2019	19201918011009	-	1	24.990.000	8.746.500
81	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1701010579 - TERUMO - TE-SS700 - 1701010579	2017	19201718010658	-	1	24.990.000	3.123.750
82	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010039 - TERUMO - TE-SS700 - 1907010039	2019	19201918010910	-	1	24.990.000	8.746.500
83	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010317 - TERUMO - TE-SS730 - 2112010317	2022	19202248011298	-	1	24.000.000	15.600.000
84	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010324 - TERUMO - TE-SS730 - 2112010324	2022	19202248011323	-	1	24.000.000	15.600.000
85	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010441 - TERUMO - TE-SS730 - 2201010441	2022	19202248011262	-	1	24.000.000	15.600.000
86	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600 - 1606010245	2016	19201872230821	110	1	34.996.500	4.374.563
87	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600 - 1607010994	2016	19201872230820	205	1	34.996.500	4.374.563
88	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600 - 1812010024	2019	19201918011005	205	1	24.990.000	8.746.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

89	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600 - 1812010026	2019	19201912230894	104	1	34.996.500	12.248.775
90	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600 - 1812010027	2019	19201912230898	p109	1	34.996.500	12.248.775
91	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600 - 1812010029	2019	05201918010986	tầng 2	1	24.990.000	8.746.500
92	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600 - 1812010038	2019	19201912230897	kho	1	34.996.500	12.248.775
93	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600 - 1812010056	2019	19201912230900	101	1	34.996.500	12.248.775
94	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600 - 1812010241	2019	19201918011002	tầng 2	1	24.990.000	8.746.500
95	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600 - 1812010248	2019	19201912230906	102	1	34.996.500	12.248.775
96	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600 - 1812010252	2019	19201912230905	-	1	34.996.500	12.248.775
97	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600 - 1812010256	2019	19201918011006	tầng 2	1	24.990.000	8.746.500
98	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600 - 1812010266	2019	05201918010985	kho	1	24.990.000	8.746.500
99	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600 - 1812010351	2019	19201912230899	tầng 2	1	34.996.500	12.248.775
100	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600 - 1812010374	2019	19201912230895	205	1	34.996.500	12.248.775
101	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600 - 1812010486	2019	19201912230907	tầng 2	1	34.996.500	12.248.775
102	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600 - 1812012067	2019	19201912230901	kho	1	34.996.500	12.248.775
103	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600 - 1812012170	2019	19201912230909	-	1	34.996.500	12.248.775
104	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2110010200	2022	19202248011358	tầng 2	1	32.500.000	21.125.000
105	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2111010402	2022	19202248011332	205	1	32.500.000	21.125.000
106	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2111010415	2022	19202248011364	kho	1	32.500.000	21.125.000
107	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2112010001	2022	19202248011338	104	1	32.500.000	21.125.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

108	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2112010048	2022	19202248011333	Kho	1	32.500.000	21.125.000
109	CÂN BỆNH NHÂN TẠI GIƯỜNG - NAGATA - C8C00007	2018	19201848080053	tầng 2	1	99.880.000	24.970.000
110	CÁNG ĐÀI LOAN 3 TAY QUAY - MET-3300 - 0011216-0001-0390-2016	2017	19201713020396	hành lang T1	1	33.000.000	4.950.000
111	CÁNG ĐÀI LOAN 3 TAY QUAY - MET-3300 - KO TEM	2017	19201713020397	hành lang T1	1	33.000.000	4.950.000
112	ĐIỀU HÒA CASSETTE - DAIKIN - R18PUV2V	2018	03201842062285	trưởng khoa nhà P	1	19.880.300	2.485.038
113	GIƯỜNG 3 TAY QUAY - VIỆT THÁI	2020	-	tầng 2	1	19.750.000	8.887.500
114	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN - SIGMA-CARE - B-640S - 1906120023	2016	-	tầng 2	1	64.575.000	8.071.875
115	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN - SIGMA-CARE - B-640S - 1906120026	2016	-	tầng 2	1	64.575.000	8.071.875
116	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN - SIGMA-CARE - B-640S - 1906120028	2016	-	tầng 2	1	64.575.000	8.071.875
117	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN - SIGMA-CARE - B-640S - 1906120036	2016	-	tầng 2	1	64.575.000	8.071.875
118	HỆ THỐNG BỒN RỬA INOX	2020	19202048151835	trực tầng 2	1	38.980.000	17.541.000
119	HỆ THỐNG BỒN RỬA INOX	2020	19202048151836	khám nhi 1	1	38.980.000	17.541.000
120	LAPTOP - HP - HP 240R G9 I5 1335 - 5CG4260JJV	2024	10202432030199	-	1	15.895.000	12.716.000
121	LAPTOP - HP - HP 240R G9 I5 1335 - 5CG4260JL3	2024	10202432030232	-	1	15.895.000	12.716.000
122	MÁY ĐIỆN TIM - NIHON KOHDEN - ECG-1250K - 13950	2018	19201842170107	tầng 2	1	65.000.000	16.250.000
123	MÁY ĐO CHỈ SỐ SINH TỒN WELCH ALLYN CONNEX - 100055793419	2019	19201942150358	-	1	134.000.000	46.900.000
124	MÁY PHÁ RUNG TIM - NIHON KOHDEN - TEC-5631K - 6769	2019	19201912240603	205	1	178.000.000	62.300.000
125	MÁY PHÁ RUNG TIM - NIHON KOHDEN - TEC-5631K - 6992	2019	19201912240602	109	1	178.000.000	62.300.000
126	MÁY SIÊU ÂM - PHILIPS - EPIQ 7 - US318B0423	2018	19201892210118	110	1	4.280.500.000	1.070.125.000
127	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 15568	2018	18201842220539	205	1	167.000.000	41.750.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

128	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 15572	2018	18201842220540	204	1	167.000.000	41.750.000
129	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 23178	2019	19201912220659	kho	1	169.000.000	59.150.000
130	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 23179	2019	-	206	1	169.000.000	21.125.000
131	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 25119	2019	19201912220656	205	1	169.000.000	59.150.000
132	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 25325	2020	76202042220780	109	1	169.000.000	76.050.000
133	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 25328	2019	19201912220658	205	1	169.000.000	59.150.000
134	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - CONNEXSPORT - 100055803419	2019	19201942150359	kho	1	134.000.000	46.900.000
135	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHONKORDEN - 25120	2019	19201912220657	205	1	169.000.000	59.150.000
136	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN 5 THÔNG SỐ NIHON KOHDEN BSM 3562 - NIHON KOHDEN - BSM - 3562 - 23719	2019	19201912220660	-	1	169.000.000	59.150.000
137	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - NEWPORT - E360 - G182090049	2020	19202042250520	205	1	550.000.000	247.500.000
138	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - NEWPORT - E360 - G182090050	2020	19202042250517	kho tầng 1	1	550.000.000	247.500.000
139	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - NEWPORT - E360 - G182110169	2020	19202042250522	204	1	550.000.000	247.500.000
140	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - NEWPORT - E360 - G182110173	2020	19202042250519	204	1	550.000.000	247.500.000
141	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - NEWPORT - E360 - G182110176	2020	19202042250521	tầng 2	1	550.000.000	247.500.000
142	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - NEWPORT - E360 - G182110177	2020	19202042250516	kho T1	1	550.000.000	247.500.000
143	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - NEWPORT - E360 - G192100422	2020	19202042250518	205	1	550.000.000	247.500.000
144	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - NEWPORT - E360 - N1630131368	2019	71201942250429	204	1	490.000.000	171.500.000
145	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - NEWPORT - E360 - N16360231466	2019	71201942250428	206	1	490.000.000	171.500.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

146	MÁY THỞ KHÔNG XÂM NHẬP - PHILIPS - V60 - 201027432	2018	19201812250377	kho	1	449.800.000	112.450.000
147	MÁY THỞ KHÔNG XÂM NHẬP - PHILIPS - V60 - 201027434	2018	19201812250375	kho	1	449.800.000	112.450.000
148	MÁY TÍNH - DELL - DELL INSPIRION 3030SFF INTEL CORE I5 – 14400 - CNWQT44	2024	19202432023032	-	1	16.199.700	12.959.760
149	MÁY TÍNH - DELL - DELL INSPIRION 3030SFF INTEL CORE I5 – 14400 - JNWQT44	2024	10202432023055	-	1	16.199.700	12.959.760
150	MÁY TÍNH - DELL - DELL INSPIRION 3030SFF INTEL CORE I5 – 14400 - 3NWQT44	2024	19202432023035	-	1	16.199.700	12.959.760
151	MÁY TÍNH - DELL - DELL INSPIRION 3030SFF INTEL CORE I5 – 14400 - 4PWQT44	2024	19202432023039	-	1	16.199.700	12.959.760
152	MÁY TÍNH - DELL - DELL INSPIRION 3030SFF INTEL CORE I5 – 14400 - 6MWQT44	2024	19202432023038	-	1	16.199.700	12.959.760
153	MÁY TÍNH - DELL - DELL INSPIRION 3030SFF INTEL CORE I5 – 14400 - 9NWQT44	2024	19202432023034	-	1	16.199.700	12.959.760
154	MÁY TÍNH - DELL - DELL INSPIRION 3030SFF INTEL CORE I5 – 14400 - GMWQT44	2024	19202432023036	-	1	16.199.700	12.959.760
155	MÁY TÍNH - DELL - DELL INSPIRION 3030SFF INTEL CORE I5 – 14400 - HPWQT44	2024	19202432023037	-	1	16.199.700	12.959.760
156	MÁY TÍNH - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 - 27WT754	2024	10202432023278	-	1	19.935.000	15.948.000
157	MÁY TÍNH - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 - 2NCM754	2024	10202432023349	-	1	19.935.000	15.948.000
158	MÁY TÍNH - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 - 3ZCM754	2024	10202432023380	-	1	19.935.000	15.948.000
159	MÁY TÍNH - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 - BDWT754	2024	10202432023529	-	1	19.935.000	15.948.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

160	MÁY TÍNH - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 - FVCM754	2024	10202432023612	-	1	19.935.000	15.948.000
161	MÁY TÍNH - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 - GYCM754	2024	10202432023277	-	1	19.935.000	15.948.000
162	MÁY TÍNH - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 - HFWT754	2024	10202432023649	-	1	19.935.000	15.948.000
163	MÁY TÍNH - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 - JKCM754	2024	10202432023682	-	1	19.935.000	15.948.000
164	MÁY XÔNG KHÍ DUNG SIÊU ÂM - NE-4780 - 20171100051AF	2019	125201912270107	kho	1	19.951.000	6.982.850
165	TIVI SAMSUNG 75TU7000 - SAMSUNG - UA75TU7000K - 0A1K3NJNC00057L	2021	19202142101086	hành chính (t2)	1	30.501.900	6.100.380
166	TỦ INOX - 1,8X1,2M	2022	19202248100478	hành lang (cửa p.hành chính)	1	11.979.000	7.486.875
167	TỦ INOX - 1,8X1,2M	2022	19202248100479	hành lang (cửa p.hành chính)	1	11.979.000	7.486.875
168	TỦ LẠNH BẢO QUẢN - HAIER - HYC-68A - BE09T6EONOOQEL6C0016	2020	19202048100466	-	1	19.000.000	8.550.000
169	XE ĐẨY CẤP CỨU SIGMA-CARE CE 021 - SIGMA-CARE - CE 021 - 1708020017	2018	19201818090078	-	1	36.225.000	9.056.250
170	XE ĐẨY CẤP CỨU SIGMA-CARE CE 021 - SIGMA-CARE - CE 021 - 1708020018	2018	19201818090079	-	1	36.225.000	9.056.250
171	XE ĐẨY CẤP CỨU SIGMA-CARE CE 021 - SIGMA-CARE - CE 021 - 1708020019	2018	19201818090080	-	1	36.225.000	9.056.250
172	XE ĐẨY CẤP CỨU SIGMA-CARE CE 021 - SIGMA-CARE - CE 021 - 1708020020	2018	19201818090081	-	1	36.225.000	9.056.250
	Cộng				**172**	**16.221.046.300**	**5.865.503.298**
XXXIV	PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG						
1	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE35MV1V9 - E225059	2018	07201842061950	ĐIỀU DƯỠNG TRƯỞNG	1	13.296.998	1.662.124,75

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

2	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE35MV1V9	2018	07201842062228	PHÓ PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG	1	13.467.300	1.683.412,50
3	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - CS-PC12DKT - 71541115262	2018	07201842062229	VP1-T3-HCC	1	13.467.300	1.683.412,50
4	CÂY NƯỚC NÓNG LẠNH - WATIO - HM-2681 - A1-1725782	2021	-	VP1-T3-HCC	1	13.640.000	2.728.000,00
	Cộng				**4**	**53.871.598**	**7.756.950**
XXXV	**TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC**						
1	BỘ ĐẶT NỘI KHÍ QUẢN CONG - AUG MEDICAL - AUG LLC - 0	2023	46202348151891	Xe cấp cứu	1	12.850.000	9.637.500
2	BỘ ĐẶT NỘI KHÍ QUẢN CONG - AUG MEDICAL - AUG LLC - 0	2023	46202348151892	Xe cấp cứu	1	12.850.000	9.637.500
3	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - SS700 - 1911010141	2019	05201912230912	Phòng máy tầng 2	1	34.996.500	12.248.775
4	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - SS700 - 1911010328	2019	05201918011043	Phòng Bệnh	1	24.990.000	8.746.500
5	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1807010294	2018	46201828010744		1	24.990.000	6.247.500
6	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1807010348	2018	46201828010745	Phòng Bệnh	1	24.990.000	6.247.500
7	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1807010812	2018	46201828010743	Phòng máy tầng 2	1	24.990.000	6.247.500
8	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1811011107	2019	46201948010891	Phòng Bệnh	1	24.990.000	8.746.500
9	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1811011175 - Terumo - TE-SS700 - 1811011175	2019	46201948010893		1	24.990.000	8.746.500
10	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1812010028	2019	46201948010892	Phòng Bệnh	1	24.990.000	8.746.500
11	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010112	2019	05201918011039	Phòng Bệnh	1	24.990.000	8.746.500
12	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010183	2019	05201918011040	Phòng Bệnh	1	24.990.000	8.746.500
13	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010258	2019	05201918011041		1	24.990.000	8.746.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

14	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1911010286	2019	05201918011042		1	24.990.000	8.746.500
15	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 2001010061	2020	05202048011224	Phòng Bệnh	1	24.990.000	11.245.500
16	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 2001010074	2020	46202078013046		1	24.990.000	11.245.500
17	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 2001010228	2020	46202078013047		1	24.990.000	11.245.500
18	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 2001010287	2020	46202078013048		1	24.990.000	11.245.500
19	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010487	2022	46202238013036		1	24.000.000	15.600.000
20	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010499	2022	46202238013037		1	24.000.000	15.600.000
21	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010501	2022	46202238013038	Phòng Bệnh	1	24.000.000	15.600.000
22	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010517	2022	46202238013039		1	24.000.000	15.600.000
23	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010519	2022	46202238013040	Phòng máy tầng 2	1	24.000.000	15.600.000
24	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010557	2022	46202238013041		1	24.000.000	15.600.000
25	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010566	2022	46202238013042		1	24.000.000	15.600.000
26	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010573	2022	46202238013043		1	24.000.000	15.600.000
27	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010277	2022	46202238013044	Phòng Bệnh	1	24.000.000	15.600.000
28	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2112010292	2022	46202238013045	Phòng máy tầng 2	1	24.000.000	15.600.000
29	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010415	2022	142202248011233	Phòng máy tầng 2	1	24.000.000	15.600.000
30	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2110010207	2022	05202248011329		1	32.500.000	21.125.000
31	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2111010384	2022	46202248011371		1	32.500.000	21.125.000
32	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2111010386	2022	05202248011330	Phòng Bệnh	1	32.500.000	21.125.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

33	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2111010399	2022	37202248011339	Phòng máy tầng 2	1	32.500.000	21.125.000
34	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2111010417	2022	37202248011331	Phòng máy tầng 2	1	32.500.000	21.125.000
35	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2112010022	2022	05202248011334	Phòng Bệnh	1	32.500.000	21.125.000
36	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF630 - 2112010042	2022	46202248011365	Phòng Bệnh	1	32.500.000	21.125.000
37	BƠM TRUYỀN DỊCH TE LF600 - TERUMO - LF600 - 1703010318	2018	46201822230749	Phòng máy tầng 2	1	34.996.500	8.749.125
38	BƠM TRUYỀN DỊCH TE LF600 - TERUMO - LF600 - 1703010418	2018	46201822230748		1	34.996.500	8.749.125
39	BƠM TRUYỀN DỊCH TE LF600 - TERUMO - LF600 - 1703010488	2018	46201822230746		1	34.996.500	8.749.125
40	BƠM TRUYỀN DỊCH TE LF600 - TERUMO - LF600 - 1704010147	2018	46201822230750	Phòng máy tầng 2	1	34.996.500	8.749.125
41	BƠM TRUYỀN DỊCH TE LF600 - TERUMO - LF600 - 1704010148	2018	46201822230747	Phòng Bệnh	1	34.996.500	8.749.125
42	BUỒNG SOI TỬ NGOẠI UV VILBER LOURMAT CN15LC - VILBER / PHÁP - 20100490	2020	46202012140120		1	209.935.000	94.470.750
43	CÂN BỆNH NHÂN ĐIỆN TỬ - BW 170 CAP - E113898	2018	46201848080055		1	99.880.000	24.970.000
44	ĐÈN MỔ DI ĐỘNG_HUIFENG 500E LED - HF120180803GLE	2018	46201848060124		1	73.500.000	18.375.000
45	ĐIỀU HÒA ÂM TRẦN NỐI ỐNG GIÓ DAIKIN 48000 - DAIKIN - FTHM35HVMV	2019	08201912062714	cấp cứu	1	95.000.000	23.750.000
46	ĐIỀU HÒA ÂM TRẦN NỐI ỐNG GIÓ DAIKIN 48000 - DAIKIN - FTHM35HVMV	2019	08201912062714	cấp cứu	1	95.000.000	23.750.000
47	ĐIỀU HÒA ÂM TRẦN NỐI ỐNG GIÓ DAIKIN 48000 - DAIKIN - FTHM35HVMV	2019	08201912062714	cấp cứu	1	95.000.000	23.750.000
48	ĐIỀU HÒA ÂM TRẦN NỐI ỐNG GIÓ DAIKIN 48000 - DAIKIN - FTHM35HVMV	2019	08201912062714	cấp cứu	1	95.000.000	23.750.000
49	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG DAIKIN 12000 - DAIKIN - FTHM35HVMV	2020	93202042062663	202	1	14.375.000	5.390.625
50	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG DAIKIN 12000 - DAIKIN - FTHM35HVMV	2020	93202042062664	204	1	14.375.000	5.390.625

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

51	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG DAIKIN 12000 - DAIKIN - FTHM35HVMV	2020	93202042062665	205	1	14.375.000	5.390.625
52	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG DAIKIN 12000 - DAIKIN - FTHM35HVMV	2020	93202042062666	206	1	14.375.000	5.390.625
53	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG DAIKIN 12000 - DAIKIN - FTHM35HVMV	2020	93202042062667	207	1	14.375.000	5.390.625
54	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG DAIKIN 12000 - DAIKIN - FTHM35HVMV	2020	93202042062668	208	1	19.375.000	7.265.625
55	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG DAIKIN 12000 - DAIKIN - RNQ48MY1	2020	93202042062660	112	1	14.375.000	5.390.625
56	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG DAIKIN 12000 - DAIKIN - RNQ48MY1	2020	93202042062661	112	1	14.375.000	5.390.625
57	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG DAIKIN 12000 - DAIKIN - RNQ48MY1	2020	93202042062662	201	1	14.375.000	5.390.625
58	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG DAIKIN 18000 - DAIKIN - FTHM35HVMV	2020	93202042062552	hồi sức	1	13.375.000	6.687.500
59	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG DAIKIN 18000 - DAIKIN - FTHM35HVMV	2020	93202042062580	hồi sức	1	13.375.000	6.687.500
60	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG DAIKIN 18000 - DAIKIN - FTHM35HVMV	2020	93202042062581	hồi sức	1	13.375.000	6.687.500
61	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG DAIKIN 18000 - DAIKIN - FTHM35HVMV	2020	93202042062582	hồi sức	1	13.375.000	6.687.500
62	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG DAIKIN 18000 - DAIKIN - FTHM35HVMV	2020	93202042062583	301	1	13.375.000	6.687.500
63	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG DAIKIN 18000 - DAIKIN - FTHM35HVMV	2020	93202042062584	302	1	13.375.000	6.687.500
64	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG DAIKIN 18000 - DAIKIN - FTHM35HVMV	2020	93202042062585	303	1	13.375.000	6.687.500
65	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG DAIKIN 18000 - DAIKIN - FTHM35HVMV	2020	93202042062586	304	1	13.375.000	6.687.500
66	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG DAIKIN 18000 - DAIKIN - FTHM35HVMV	2020	93202042062587	305	1	13.375.000	6.687.500
67	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG DAIKIN 18000 - DAIKIN - FTHM35HVMV	2020	93202042062588	306	1	13.375.000	6.687.500
68	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG DAIKIN 22000 - DAIKIN - FTHM35HVMV	2020	93202042062624	phòng họp	1	16.250.000	6.093.750
69	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG DAIKIN 22000 - DAIKIN - FTNE60MV1V	2020	93202042062626	phòng họp	1	16.250.000	6.093.750

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

70	GIÁ ĐỂ HỒ SƠ C29000 X R600 X D3800MM - 0	2021	46202148160374		1	13.420.000	6.710.000
71	GIÁ ĐỂ HỒ SƠ C29000 X R600 X D3800MM - 0	2021	46202148160375		1	13.420.000	6.710.000
72	GIƯỜNG 3 TAY QUAY	2021	-		1	19.600.000	10.780.000
73	GIƯỜNG 3 TAY QUAY	2021	-		1	19.600.000	10.780.000
74	GIƯỜNG 3 TAY QUAY	2021	-		1	19.600.000	10.780.000
75	GIƯỜNG 3 TAY QUAY	2021	-		1	19.600.000	10.780.000
76	GIƯỜNG 3 TAY QUAY	2021	-		1	19.600.000	10.780.000
77	GIƯỜNG 3 TAY QUAY	2021	-		1	19.600.000	10.780.000
78	GIƯỜNG BỆNH NHÂN 3 TAY QUAY HP-N300 - HPN 300022101	2021	46202148041190		1	19.600.000	10.780.000
79	GIƯỜNG BỆNH NHÂN 3 TAY QUAY HP-N300 - HPN 300022102	2021	46202148041191		1	19.600.000	10.780.000
80	GIƯỜNG BỆNH NHÂN 3 TAY QUAY HP-N300 - HPN 300022103	2021	46202148041192		1	19.600.000	10.780.000
81	GIƯỜNG BỆNH NHÂN 3 TAY QUAY HP-N300 - HPN 300022104	2021	46202148041193		1	19.600.000	10.780.000
82	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG 03 TAY QUAY - 0	2018	46201848041033	Tầng 1	1	19.750.000	4.937.500
83	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG 03 TAY QUAY - 0	2018	46201848041034	Tầng 1	1	19.750.000	4.937.500
84	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG 03 TAY QUAY - 0	2018	46201848041035	Tầng 1	1	19.750.000	4.937.500
85	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG 03 TAY QUAY - 0	2018	46201848041036	110	1	19.750.000	4.937.500
86	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG 03 TAY QUAY - 0	2018	46201848041037	111	1	19.750.000	4.937.500
87	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG 03 TAY QUAY - 0	2018	46201848041038	101	1	19.750.000	4.937.500
88	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG 03 TAY QUAY - 0	2018	46201848041039	101	1	19.750.000	4.937.500
89	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG 03 TAY QUAY - 0	2018	46201848041040	101	1	19.750.000	4.937.500
90	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG 03 TAY QUAY - 0	2018	46201848041041	101	1	19.750.000	4.937.500
91	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG 03 TAY QUAY - 0	2018	46201848041042	101	1	19.750.000	4.937.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

92	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG 03 TAY QUAY - 0	2018	46201848041043	211	1	19.750.000	4.937.500
93	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG 03 TAY QUAY - 0	2018	46201848041044	206	1	19.750.000	4.937.500
94	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG 03 TAY QUAY - 0	2018	46201848041045	206	1	19.750.000	4.937.500
95	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG 03 TAY QUAY - 0	2018	46201848041046	207	1	19.750.000	4.937.500
96	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG 03 TAY QUAY - 0	2018	46201848041047	207	1	19.750.000	4.937.500
97	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG 03 TAY QUAY - 0	2018	46201848041048	210	1	19.750.000	4.937.500
98	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG 03 TAY QUAY - 0	2018	46201848041049	210	1	19.750.000	4.937.500
99	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG 03 TAY QUAY - 0	2018	46201848041050	208	1	19.750.000	4.937.500
100	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG 03 TAY QUAY - 0	2018	46201848041051	208	1	19.750.000	4.937.500
101	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG 03 TAY QUAY HOÀNG NGUYỄN GC 03ABS - 0	2020	46202048041179	209	1	24.500.000	11.025.000
102	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG 03 TAY QUAY HOÀNG NGUYỄN GC 03ABS - HOÀNG NGUYỄN - GC 03ABS	2020	46202048041182		1	24.500.000	11.025.000
103	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG 03 TAY QUAY HOÀNG NGUYỄN GC 03ABS - HOÀNG NGUYỄN - GC 03ABS - 0	2020	46202048041180	204	1	24.500.000	11.025.000
104	GIƯỜNG BỆNH NHÂN ĐA NĂNG 03 TAY QUAY HOÀNG NGUYỄN GC 03ABS - HOÀNG NGUYỄN - GC 03ABS - 0	2020	46202048041181	202	1	24.500.000	11.025.000
105	HỆ THỐNG BÀN CHẬU THÍ NGHIỆM CHỮ L 5100*750*825 VÀ 1500*750*825 - 0	2021	46202148050062		1	49.074.300	26.990.865
106	HỆ THỐNG BÀN CHẬU THÍ NGHIỆM CHỮ L 5100*750*825 VÀ 1500*750*825 - 0	2021	46202148050063		1	49.074.300	26.990.865
107	HỆ THỐNG CAMERA HIKVISON - 0	2021	46202148160358		1	39.776.000	13.921.600
108	HỆ THỐNG CÔ MẪU BẰNG KHÍ NITO TAITEC - 0	2019	46201942470041		1	89.100.000	31.185.000
109	MÁY VI TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R G9 - 5CG4260JJP	2024	10202432030194		1	15.895.000	12.716.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

110	MÁY VI TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R G9 - 5CG4260JK8	2024	10202432030212		1	15.895.000	12.716.000
111	MÁY ĐIỆN TIM 6 CẦN ECG - 1250K - 14306	2018	46201842170125		1	65.000.000	16.250.000
112	MÁY ĐIỆN TIM 6 CẦN ECG - 1250K - 14307	2018	46201842170128	Phòng Bệnh	1	65.000.000	16.250.000
113	MÁY ĐIỆN TIM 6 KÊNH ECG-1250K	2021	46202148151864		1	69.000.000	37.950.000
114	MÁY ĐO ÁP LỰC THẤM THẤU 210/ADVANCE INSTRUMENT - 17101002D	2017	46201712150209		1	239.800.000	29.975.000
115	MÁY ĐO ÁP LỰC THẨM THẤU GONOTEC OSMOMAT 3000-D - 300180351	2020	46202012150390		1	249.700.000	112.365.000
116	MÁY ĐO ĐỘ BÃO HÒA OXY TRONG MÁU LOẠI ĐỂ BÀN MASIMO RAD-97 - MASIMO - RAD-97 - 3000047908	2020	46202012150389		1	239.800.000	107.910.000
117	MÁY ĐO PH METLER TOLETO S220 - SEVEN COMPACT - S220 - B935193962	2019	46201912150362		1	65.670.000	22.984.500
118	MÁY HÚT DỊCH ÁP LỰC THẤP CONSTANT-1400 - 0	2021	46202142560629		1	15.300.000	8.415.000
119	MÁY HÚT DỊCH ÁP LỰC THẤP CONSTANT-1400 - 0	2021	46202142560630		1	15.300.000	8.415.000
120	MÁY HÚT DỊCH ÁP LỰC THẤP CONSTANT-1400 - 20070640	2021	46202142560628		1	15.300.000	8.415.000
121	MÁY LY TÂM LẠNH >=1500V/PHÚT HERMLE Z366K - 81B1900051	2020	46202012500069		1	288.750.000	129.937.500
122	MÁY PHÁ RUNG TIM NIHON KOHDEN TEC 5631K - 4634	2018	46201822240599	Phòng Bệnh	1	178.000.000	44.500.000
123	MÁY QUANG PHỔ TỬ NGOẠI KHẢ KIẾN SHIMADZU UV 1900 - A124257	2020	46202012530407		1	449.460.000	202.257.000
124	MÁY SẮC KÝ KHÍ VỚI ĐẦU DÒ ION HÓA NHIỆT AGILENT TECHNOLOGIES 8890 GC - US2001A019	2020	46202092530409		1	2.948.000.000	1.326.600.000
125	MÁY SIÊU ÂM TỔNG QUÁT 2 ĐẦU DÒ GE LOGIQ P7 - LP7350006	2019	46201992210162		1	1.470.000.000	514.500.000
126	MÁY TẠO ĐỘ ẨM VADI - 0	2021	46202148151876		1	11.500.000	6.325.000
127	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM 3562 - 21691	2019	46201912220653		1	169.000.000	59.150.000
128	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM 3562 - 21745	2019	46201912220654	Phòng Bệnh	1	169.000.000	59.150.000
129	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - PHILIPS - DE67206926	2020	05202012220853	Phòng máy tầng 2	1	153.900.000	84.645.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

130	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - PHILIPS - RES866D61 - DE67207232	2020	05202012220831		1	153.900.000	84.645.000
131	MÁY THỞ - GE - R860 - CBRA20486	2022	46202232250789	Phòng Bệnh	1	649.000.000	421.850.000
132	MÁY THỞ - GE - R860 - CBRA20496	2022	46202232250790	Phòng Bệnh	1	649.000.000	421.850.000
133	MÁY THỞ - GE - R860 - CBRA20499	2022	46202232250791	Phòng Bệnh	1	649.000.000	421.850.000
134	MÁY THỞ - GE - R860 - CBRA20510	2022	46202232250792	Phòng Bệnh	1	649.000.000	421.850.000
135	MÁY THỞ - GE - R860 - CBRA20517	2022	46202232250793		1	649.000.000	421.850.000
136	MÁY THỞ - GE - R860 - CBRA20644	2022	46202232250794	Phòng máy tầng 2	1	649.000.000	421.850.000
137	MÁY THỞ - R860 - CBRA20478	2021	20202132250587	Phòng Bệnh	1	649.000.000	421.850.000
138	MÁY THỞ - R860 - CBRA20514	2021	20202132250609	Phòng Bệnh	1	649.000.000	421.850.000
139	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO COVIDIEN/ MEDTRONIC PURITAN BENNETT 840 - 3512200748	2020	05202012250527		1	595.000.000	327.250.000
140	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO COVIDIEN/ MEDTRONIC PURITAN BENNETT 840 - 3512200750	2020	05202012250533	Phòng Bệnh	1	595.000.000	327.250.000
141	MÁY THỞ ĐA NĂNG COVIDIEN E360E N16360131351	2019	71201942250427		1	490.000.000	171.500.000
142	MÁY THỞ KHÔNG XÂM NHẬP RESPIRONICS V60 - RESPIRONICS - V60 - 201038712	2018	46201842250514	Phòng máy tầng 2	1	449.800.000	202.410.000
143	MÁY THỞ KHÔNG XÂM NHẬP RESPIRONICS V60 - RESPIRONICS - V60 - 201038746	2020	46202042250515	Phòng máy tầng 2	1	449.800.000	202.410.000
144	MÁY THỞ VENTILATOR 840 - 3512170748	2018	46201812250404	Phòng Bệnh	1	645.000.000	161.250.000
145	MÁY THỞ XÂM NHẬP + KHÔNG XÂM NHẬP - MEDTRONI - COVIDIEN 840 VENTILATOR SYSTEM - 3512192032 - 3512192032	2020	05202042250501	Phòng Bệnh	1	645.000.000	290.250.000
146	MÁY THỞ XÂM NHẬP + KHÔNG XÂM NHẬP - MEDTRONI - COVIDIEN 840 VENTILATOR SYSTEM - 3512192045 - 3512192045	2020	05202042250498		1	645.000.000	290.250.000
147	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN- DELL - INSPIRION 3030SFF - 2BVQT44	2024	46202432022981		1	16.199.700	12.959.760
148	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN- DELL -INSPIRION 3030SFF - 5BVQT44	2024	46202432022982		1	16.199.700	12.959.760

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

149	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN- DELL -INSPIRION 3030SFF - 9BVQT44	2024	46202432022983		1	16.199.700	12.959.760
150	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN- DELL -INSPIRION 3030SFF - CCVQT44	2024	46202432022979		1	16.199.700	12.959.760
151	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN- DELL -INSPIRION 3030SFF - H9VQT44	2024	46202432022980		1	16.199.700	12.959.760
152	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - 1PCM754	2024	10202432023329		1	19.935.000	15.948.000
153	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - - 25WT754	2024	10202432023276		1	19.935.000	15.948.000
154	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - 28WT754	2024	10202432023338		1	19.935.000	15.948.000
155	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - 3VCM754	2024	10202432023377		1	19.935.000	15.948.000
156	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - 5HCM754	2024	10202432023417		1	19.935.000	15.948.000
157	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - 79WT754	2024	10202432023464		1	19.935.000	15.948.000
158	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - CRCM754	2024	10202432023560		1	19.935.000	15.948.000
159	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - GBWT754	2024	10202432023622		1	19.935.000	15.948.000
160	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - GFWT754	2024	10202432023275		1	19.935.000	15.948.000
161	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - GJCM754	2024	10202432023628		1	19.935.000	15.948.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

162	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - HGCM754	2024	10202432023274		1	19.935.000	15.948.000
163	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - HSCM754	2024	10202432023662		1	19.935.000	15.948.000
164	MÁY TRUYỀN DỊCH - TOP - TOP-2300 - 20G0412	2022	-		1	29.650.000	19.272.500
165	MÁY TRUYỀN DỊCH - TOP - TOP-2300 - 20G0413	2022	-		1	29.650.000	19.272.500
166	MÁY TRUYỀN DỊCH - TOP - TOP-2300 - 20G0442	2022	-		1	29.650.000	19.272.500
167	MÁY TRUYỀN DỊCH - TOP - TOP-2300 - 20G0457	2022	-	Phòng Bệnh	1	29.650.000	19.272.500
168	MÁY TRUYỀN DỊCH - TOP - TOP-2300 - 20G0458	2022	-		1	29.650.000	19.272.500
169	THANG MÁY TẢI BỆNH NHÂN LOẠI CÓ PHÒNG MÁY	2019	81201913050016		1	1.198.000.000	299.500.000
170	THANG MÁY TẢI BỆNH NHÂN LOẠI CÓ PHÒNG MÁY	2019	81201912062713		1	1.635.664.509	408.916.127
171	THIẾT BỊ LỌC NƯỚC TINH KHIẾT 3 VÒI 3 CHỨC NĂNG - 0	2021	46202142120163		1	14.630.000	2.926.000
172	THIẾT BỊ LỌC NƯỚC TINH KHIẾT 3 VÒI 3 CHỨC NĂNG - 0	2021	46202142120164		1	14.630.000	2.926.000
173	TỦ LẠNH PANASONIC 322L - B202GM	2019	46201944030992		1	12.760.000	3.190.000
174	XE CÁNG CỨU THƯƠNG CAO CẤP BT 201 - 0	2016	46201643020357		1	24.000.000	1.200.000
175	XE CÁNG CỨU THƯƠNG CAO CẤP BT 201 - 0	2016	46201643020358		1	24.000.000	1.200.000
176	XE CÁNG CỨU THƯƠNG CAO CẤP BT 201 - 0	2016	46201643020359		1	24.000.000	1.200.000
177	XE CÁNG CỨU THƯƠNG CAO CẤP BT 201 - 0	2016	46201643020360		1	24.000.000	1.200.000
178	XE CÁNG CỨU THƯƠNG CAO CẤP BT 201 - 0	2016	46201643020361		1	24.000.000	1.200.000
179	XE CÁNG CỨU THƯƠNG CAO CẤP BT 201 - 0	2016	46201643020362		1	24.000.000	1.200.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

180	XE CÁNG CỨU THƯƠNG CAO CẤP BT 201 - 0	2016	46201643020363		1	24.000.000	1.200.000
181	XE CÁNG CỨU THƯƠNG CAO CẤP BT 201 - 0	2016	46201643020364		1	24.000.000	1.200.000
182	XE ĐẨY DỤNG CỤ CẤP CỨU SEC 100 - 0	2020	46202043010084		1	40.000.000	18.000.000
	Cộng				**182**	**23.435.006.609**	**10.599.967.032**
XXXVI	**TRUNG TÂM GIẢI PHẪU BỆNH**						
1	MODUL TIỀN XỬ LÝ MẪU - DAKO - PTLINK - PT3946Y1406	2020	352020000	-	1	3.200.000.000	1.440.000.000
2	HỆ THỐNG PHẪU TÍCH BỆNH PHẨM MILESTONE REF 102900 - 194206060	2019	35201912470042	-	1	1.648.500.000	576.975.000
3	KÍNH HIỂN VI - CARL ZEISS - AXIO - 3528000416	2018	35201818070121	-	1	1.818.795.000	454.698.750
4	KÍNH HIỂN VI - CARL ZEISS - PRIMO STAR - 3144050000	2017	-	-	1	28.875.000	4.331.250
5	KÍNH HIỂN VI - CARL ZEISS - PRIMO STAR - 3144050059	2018	-	-	1	28.875.000	7.218.750
6	KÍNH HIỂN VI - MOTIC - PANTHERA C - 19015705	2019	35201948070147	-	1	49.500.000	17.325.000
7	KÍNH HIỂN VI - OLYMPUS - CX33RTFS2 - 8F46177	2019	125201948070146	-	1	96.000.000	33.600.000
8	KÍNH HIỂN VI HUỲNH QUANG - OLYMPUS - BX43F - 6A43738	2018	201578153664	-	1	506.000.000	126.500.000
9	KÍNH HIỂN VI QUANG HỌC MOTIC PANTHERA C 2 MẮT - 19015706	2019	35201948070148	P.315 Khoa	1	49.500.000	17.325.000
10	MÁY CẮT TIÊU BẢN - SLEE MAINZ - CUT 4062 - A 24 0019	2018	-	-	1	376.002.000	94.000.500
11	MÁY CẮT TIÊU BẢN - SLEE MAINZ - CUT 4062 - A180100	2018	35201818050050	-	1	376.002.000	94.000.500
12	MÁY CẮT TIÊU BẢN - SLEE MAINZ - CUT 4062 - A180110	2018	35201818050049	-	1	376.002.000	94.000.500
13	MÁY CẮT TIÊU BẢN - SLEE MAINZ - CUT 6062 - C 24 0035	2018	-	-	1	376.002.000	94.000.500
14	MÁY ĐO PH - LAQUA - - - -	2016	35201642150197	-	1	50.990.000	2.549.500
15	MÁY IN MÃ SỐ BỆNH NHÂN - SLEE MAINZ - PRINTTEC C - ZC 18 0002	2018	35201812011851	-	1	1.100.000.000	275.000.000
16	MÁY LỌC NƯỚC - THIÊN TRƯỜNG - WATIO	2021	35202142120158	Hành lang	1	13.640.000	2.728.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

17	MÁY LỌC NƯỚC - THIÊN TRƯỜNG - WATIO	2021	35202142120159	Hành lang	1	13.640.000	2.728.000
18	MÁY LY TÂM ĐA NĂNG 28 ỐNG NGHIỆM ROTOFIX 32A	2021	35202142500070	-	1	99.500.000	54.725.000
19	MÁY NHUỘM HÓA MÔ MIỄN DỊCH VÀ LAI TẠI CHỖ TỰ ĐỘNG - ROCHE - BENCHMARK ULTRA - 317285	2019	352019000	-	1	3.122.000.000	1.092.700.000
20	Hệ thống máy nhuộm đặc biệt tự động Ventana BenchMark Special Stain-5112174	2019	35200912530065	-	1	2.400.000.000	840.000.000
21	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - DELL OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - 7XCM754	2024	10202432023482	Phòng 1621	1	19.935.000	15.948.000
22	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - DELL OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - 9KCM754	2024	10202432023515	Phòng 1621	1	19.935.000	15.948.000
23	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - DELL OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - FMCM754	2024	10202432023288	Phòng 1615	1	19.935.000	15.948.000
24	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - DELL OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - GXCM754	2024	10202432023639	Phòng 1621	1	19.935.000	15.948.000
25	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - DELL OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - J7WT754	2024	10202432023671	Phòng 1621	1	19.935.000	15.948.000
26	MÁY XỬ LÝ MÔ TỰ ĐỘNG CÓ KIỂM SOÁT VIP6- AI -E2	2018	35201812530336	-	1	1.818.795.000	454.698.750
27	THIẾT BỊ SẤY TÍCH HỢP BỂ DÀN TIÊU BẢN SLIDECTEC WATER HEAT - UV1180025	2018	35201812280022	-	1	148.005.000	37.001.250
28	THIẾT BỊ SẤY TÍCH HỢP BỂ DÀN TIÊU BẢN SLIDECTEC WATER HEAT - UV1180026	2018	35201812280021	-	1	148.005.000	37.001.250
29	TỦ BẢO QUẢN TỬ THI 2 NGĂN FIOCCHETTI MOR0002	2017	35201718100430	-	1	540.000.000	67.500.000
30	TỦ BẢO QUẢN TỬ THI 2 NGĂN FIOCCHETTI MOR0002	2017	35201718100431	-	1	540.000.000	67.500.000
	Cộng				**30**	**19.024.303.000**	**6.067.847.500**
XXXVII	**TRUNG TÂM THẦN KINH**						
1	BỘ ĐẶT NỘI KHÍ QUẢN CÓ CAMERA - INFINIUM - CLEARVUE - R0287 - R0287	2019	29201942140115	cấp cứu thần kinh	1	86.000.000	30.100.000
2	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1803010852	2018	29201828010717		1	24.990.000	6.247.500
3	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1803010863	2018	29201828010720		1	24.990.000	6.247.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

4	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1803010868	2018	29201828010718		1	24.990.000	6.247.500
5	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1805010118	2018	29201828010719		1	24.990.000	6.247.500
6	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1805010155	2018	29201828010716		1	24.990.000	6.247.500
7	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1807010727	2018	29201828010762		1	24.990.000	6.247.500
8	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1807010755	2018	29201828010764		1	24.990.000	6.247.500
9	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1807010766	2018	29201828010763		1	24.990.000	6.247.500
10	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1807010782	2018	29201828010765		1	24.990.000	6.247.500
11	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1807010786	2018	29201828010766		1	24.990.000	6.247.500
12	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1808010233	2019	29201918010856		1	24.990.000	8.746.500
13	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1810010154	2019	29201918010857		1	24.990.000	8.746.500
14	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1810010173	2019	29201918010858		1	24.990.000	8.746.500
15	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1810010208	2019	29201918010860		1	24.990.000	8.746.500
16	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2006010886	2022	29202238012908		1	24.000.000	15.600.000
17	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2101010051	2022	29202238012909		1	24.000.000	15.600.000
18	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2101010052 - TERUMO - TE-SS730 - 2101010052	2022	29202238012910		1	24.000.000	15.600.000
19	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2101010054	2022	29202238012911		1	24.000.000	15.600.000
20	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2101010081	2022	29202238012912		1	24.000.000	15.600.000
21	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600 - 1810010024	2019	29201912230826		1	34.996.500	12.248.775

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

22	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600 - 1810010028	2019	29201912230824		1	34.996.500	12.248.775
23	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600 - 1810010045	2019	29201912230828		1	34.996.500	12.248.775
24	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600 - 1810010099	2019	29201912230829		1	34.996.500	12.248.775
25	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600 - 1810010139	2019	29201912230827		1	34.996.500	12.248.775
26	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600 - 1810010146 - TERUMO - TE-LF600 - 1810010146	2019	29201912230823		1	34.996.500	12.248.775
27	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600 - 1810010147	2019	29201912230825		1	34.996.500	12.248.775
28	CAMERA IP BÁN CẦU HỒNG NGOẠI TD-9524S3 - CAMERA TD-9524S3 ĐẦU GHI: TD-3132B2	2021	29202148160347		1	20.071.308	7.024.958
29	CAMERA IP BÁN CẦU HỒNG NGOẠI TD-9524S3 - CAMERA TD-9524S3 ĐẦU GHI: TD-3136B2	2021	29202148160346		1	19.264.692	6.742.642
30	CÂN BỆNH NHÂN TẠI GIƯỜNG - APEX HEALTH CARE - APC-10170SL - E113964	2018	29201848080060		1	99.880.000	24.970.000
31	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2020	29202043020528		1	13.860.000	6.237.000
32	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2020	29202043020529		1	13.860.000	6.237.000
33	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2020	29202043020530		1	13.860.000	6.237.000
34	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2020	29202043020531		1	13.860.000	6.237.000
35	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2020	29202043020532		1	13.860.000	6.237.000
36	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2020	29202043020572		1	13.860.000	6.237.000
37	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2020	29202043020573		1	13.860.000	6.237.000
38	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2020	29202043020574		1	13.860.000	6.237.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

39	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2020	29202043020575		1	13.860.000	6.237.000
40	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2020	29202043020576		1	13.860.000	6.237.000
41	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2020	29202043020577		1	13.860.000	6.237.000
42	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FT60FVM - DH8519	2018	29201842062155	201	1	25.973.794	3.246.724
43	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V - DH8428	2018	29201842062317	232	1	26.595.800	3.324.475
44	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V - DH8485	2018	29201842062311	315	1	26.595.800	3.324.475
45	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V - DH8507	2018	29201842062312	325	1	26.595.800	3.324.475
46	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V - DH8512	2018	29201842062313	326	1	26.595.800	3.324.475
47	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V - DH8513	2018	29201842062314	326	1	26.595.800	3.324.475
48	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V - DH8514	2018	29201842062315	326	1	26.595.800	3.324.475
49	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V - DH8515	2018	29201842062316	326	1	26.595.800	3.324.475
50	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V - DH8520	2018	29201842062154	202	1	25.973.794	3.246.724
51	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V - DH8526	2018	29201842062153	205	1	25.973.794	3.246.724
52	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V - DH8529	2018	29201842062157	206	1	25.973.794	3.246.724
53	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V - DH8530	2018	29201842062158	207	1	25.973.794	3.246.724
54	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V - DH8532	2018	29201842062156	209	1	25.973.794	3.246.724
55	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V - DH8550	2018	76201842062135	106	1	25.973.794	3.246.724
56	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V - DH8551	2018	29201842062159	107	1	25.973.794	3.246.724
57	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V - DH8552	2018	96201842062131	108	1	25.973.794	3.246.724

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

58	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V - DH8576	2018	29201842062152	123	1	25.973.794	3.246.724
59	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-13S3KS-V - DH8504	2018	ĐH Toshiba	316	1	16.792.500	6.297.188
60	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-H13S3KS-V - DH8461	2018	ĐH Toshiba	219	1	16.792.500	6.297.188
61	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-H13S3KS-V - DH8466	2020	ĐH Toshiba	221	1	16.792.500	6.297.188
62	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-H13S3KS-V - DH8488	2018	ĐH Toshiba	317	1	16.792.500	6.297.188
63	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-H13S3KS-V - DH8492	2018	ĐH Toshiba	319	1	16.792.500	6.297.188
64	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-H13S3KS-V - DH8533	2020	ĐH Toshiba	210	1	16.792.500	6.297.188
65	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-H13S3KS-V - DH8555	2020	ĐH Toshiba	110	1	16.792.500	6.297.188
66	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-H13S3KS-V - DH8588	2020	ĐH Toshiba	119	1	16.792.500	6.297.188
67	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - HILL_ROM - CS900B - HRP002706467	2017	29201718040952		1	70.000.000	8.750.000
68	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - HILL_ROM - CS900B - HRP002706473	2017	29201718040949		1	70.000.000	8.750.000
69	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - HILL_ROM - CS900B - HRP002708874	2017	29201718040951		1	70.000.000	8.750.000
70	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - HILL_ROM - CS900B - HRP002708974	2017	29201718040948		1	70.000.000	8.750.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

71	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - HILL_ROM - CS900B - HRP002708976	2017	29201718040950		1	70.000.000	8.750.000
72	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 170720002	2018	29201818041103		1	64.575.000	16.143.750
73	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 170720003	2018	29201818041104		1	64.575.000	16.143.750
74	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 170720005	2018	29201818041107		1	64.575.000	16.143.750
75	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 170720006	2018	29201818041108		1	64.575.000	16.143.750
76	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 170720008	2018	29201818041109		1	64.575.000	16.143.750
77	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 170720009	2018	29201818041110		1	64.575.000	16.143.750
78	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 170720010	2018	29201818041111		1	64.575.000	16.143.750
79	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 170720011	2018	29201818041112		1	64.575.000	16.143.750
80	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 170720012	2018	29201818041113		1	64.575.000	16.143.750
81	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 170720013	2018	29201818041114		1	64.575.000	16.143.750
82	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 170720014	2018	29201818041115		1	64.575.000	16.143.750
83	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 170720015	2018	29201818041116		1	64.575.000	16.143.750
84	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 170720016	2018	29201818041117		1	64.575.000	16.143.750
85	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 170720017	2018	29201818041118		1	64.575.000	16.143.750
86	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 170720019	2018	29201818041120		1	64.575.000	16.143.750
87	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 1707210007	2016	-	-	1	64.575.000	3.228.750
88	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 1707210013	2016	-	-	1	64.575.000	3.228.750

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

89	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 171720004	2018	29201818041106		1	64.575.000	16.143.750
90	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 1806150001	2018	29201828041062		1	64.575.000	16.143.750
91	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 1806150003	2018	29201828041072		1	64.575.000	16.143.750
92	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 1806150006	2018	29201828041076		1	64.575.000	16.143.750
93	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 1806150007	2018	29201828041071		1	64.575.000	16.143.750
94	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 1806150008	2018	29201828041059		1	64.575.000	16.143.750
95	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 1806150011	2018	29201828041052		1	64.575.000	16.143.750
96	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 1806150012	2018	29201828041077		1	64.575.000	16.143.750
97	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 1806150013	2018	29201828041070		1	64.575.000	16.143.750
98	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 1806150014	2018	29201828041075		1	64.575.000	16.143.750
99	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 1806150016	2018	29201828041080		1	64.575.000	16.143.750
100	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 1806150017	2018	29201828041081		1	64.575.000	16.143.750
101	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 1806150019	2018	29201828041067		1	64.575.000	16.143.750
102	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 1806150020	2018	29201828041079		1	64.575.000	16.143.750
103	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 1806150021	2018	29201828041073		1	64.575.000	16.143.750
104	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 1806150023	2018	29201828041060		1	64.575.000	16.143.750
105	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 1806150024	2018	29201828041074		1	64.575.000	16.143.750
106	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 1806150025	2018	29201828041061		1	64.575.000	16.143.750
107	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 1806150027	2018	29201828041056		1	64.575.000	16.143.750

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

108	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 1806150034	2018	29201828041058		1	64.575.000	16.143.750
109	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 1806150035	2018	29201828041053		1	64.575.000	16.143.750
110	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 1806150036	2018	29201828041054		1	64.575.000	16.143.750
111	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 1806150037	2018	29201828041055		1	64.575.000	16.143.750
112	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 1806150038	2018	29201828041064		1	64.575.000	16.143.750
113	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 1806150042	2018	29201828041063		1	64.575.000	16.143.750
114	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 1806150043	2018	29201828041057		1	64.575.000	16.143.750
115	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 1806150048	2018	29201828041069		1	64.575.000	16.143.750
116	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 1906120006	2016	-	-	1	64.575.000	3.228.750
117	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 1906120011	2016	-	-	1	64.575.000	3.228.750
118	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 1906120016	2016	43201618040794		1	64.575.000	3.228.750
119	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 1906120035	2016	-	-	1	64.575.000	3.228.750
120	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - 1906120040	2016	-	-	1	64.575.000	3.228.750
121	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - MẤT SỐ	2018	29201828041065		1	64.575.000	16.143.750
122	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - MẤT SỐ	2018	29201828041066		1	64.575.000	16.143.750
123	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - MẤT SỐ	2018	29201828041068		1	64.575.000	16.143.750
124	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - MẤT SỐ	2018	29201828041078		1	64.575.000	16.143.750
125	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - MẤT SỐ	2018	29201818041102		1	64.575.000	16.143.750
126	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - MẤT SỐ	2018	29201818041105		1	64.575.000	16.143.750

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

127	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - MẤT SỐ	2018	29201818041119		1	64.575.000	16.143.750
128	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - SIGMA CARE - B-640S - MẤT SỐ	2018	29201818041121		1	64.575.000	16.143.750
129	GIƯỜNG BỆNH NHÂN - VIỆT THÁI - 300A - VT3000XX	2021	-		1	19.600.000	10.780.000
130	HỆ THỐNG CAMERA 9 MẮT VD80SM2TI-IR	2019	29201942100871		1	85.783.500	8.578.350
131	HỆ THỐNG CAMERA QUAN SÁT FD8169A 9 MẮT	2019	29201942100912		1	96.976.000	9.697.600
132	HỆ THỐNG CAMERA QUAN SÁT 9 MẮT VD80SM2TI-IR	2018	29201712100796		1	86.548.000	13.158.750
133	MÁY ĐIỆN CƠ - CADWELL - SIERRA® SUMMIT™ - 19027205AA1219007 - 19027205AA1219007	2019	29201912530384		1	827.000.000	289.450.000
134	MÁY ĐIỆN CƠ - NIHON KOHDEN - MEB-9600 - 436	2022	29202242150411		1	860.000.000	559.000.000
135	MÁY ĐIỆN CƠ - NIHON KOHDEN - MEB-9600 - 437	2022	29202242150412		1	860.000.000	559.000.000
136	MÁY ĐIỆN NÃO - NIHON KOHDEN - EEG-1200K - 1518	2018	29201202160017		1	600.000.000	150.000.000
137	MÁY ĐIỆN NÃO - NIHON KOHDEN - EEG-1200K - 5229	2021	29202142160023		1	631.000.000	347.050.000
138	MÁY ĐIỆN NÃO - NIHON KOHDEN - EEG-1200K - 5230	2021	29202142160024		1	631.000.000	347.050.000
139	MÁY ĐIỆN NÃO - NIHON KOHDEN - EEG-1200K - 5231	2021	11202142160025		1	631.000.000	347.050.000
140	MÁY ĐIỆN TIM - NIHON KOHDEN - ECG-1250K - 14606	2019	29201942170146		1	65.000.000	22.750.000
141	MÁY ĐIỆN TIM - NIHON KOHDEN - ECG-1250K - 14738	2018	29201842170112		1	65.000.000	16.250.000
142	MÁY ĐIỆN TIM - NIHON KOHDEN - ECG-1250K - 16962	2023	05202332170952		1	71.400.000	53.550.000
143	MÁY ĐIỆN TIM - NIHON KOHDEN - ECG-1250K - 16989	2023	05202332170954		1	71.400.000	53.550.000
144	MÁY ĐIỆN TIM - NIHON KOHDEN - ECG-1250K - 6651	2018	29201842170111		1	65.000.000	16.250.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

145	MÁY ĐO BÃO HÒA OXY CẦM TAY - NONIN - 2500A - 502226973 - NONIN - 2500A - 502226973	2018	29201842150217		1	24.800.000	6.200.000
146	MÁY ĐO BÃO HÒA OXY CẦM TAY - NONIN - 2500A - 502226985 - NONIN - 2500A - 502226985	2018	29201842150218		1	24.800.000	6.200.000
147	MÁY ĐO BÃO HÒA OXY CẦM TAY - NONIN - 2500A - 502422400 - NONIN - 2500A - 502422400	2018	29201842150216		1	24.800.000	6.200.000
148	MÁY ĐO ĐỘ BÃO HÒA OXY TRONG MÁU - NONIN - AVANT® 2120 - 502504110	2018	29201842150261		1	61.600.000	15.400.000
149	MÁY ĐO ĐỘ BÃO HÒA OXY TRONG MÁU - NONIN - AVANT® 2120 - 502669877	2019	29201942150360		1	65.300.000	22.855.000
150	MÁY ĐO ĐỘ BÃO HÒA OXY TRONG MÁU - NONIN - AVANT® 2120 - 502669882	2020	29202042150394		1	65.300.000	29.385.000
151	MÁY ĐO ĐỘ BÃO HÒA OXY TRONG MÁU - NONIN - AVANT® 2120 - 502669893	2020	29202042150395		1	65.300.000	29.385.000
152	MÁY HÚT DỊCH - BICAKCILAR - M4E 500 - 1100	2018	29201842560151		1	43.050.000	10.762.500
153	MÁY HÚT DỊCH - BICAKCILAR - M4E 500 - 1305	2018	08201842560632		1	43.050.000	10.762.500
154	MÁY HÚT DỊCH - BICAKCILAR - M4E 500 - 1318	2018	29201842560621		1	43.050.000	10.762.500
155	MÁY HÚT DỊCH - BICAKCILAR - M4E 500 - 1320	2018	29201842560152		1	43.050.000	10.762.500
156	MÁY HÚT DỊCH - BICAKCILAR - M4E 500 - 1336	2018	29201842560613		1	43.050.000	10.762.500
157	MÁY HÚT DỊCH - BICAKCILAR - M4E 500 - 1337	2018	29201842560612		1	43.050.000	10.762.500
158	MÁY HÚT DỊCH - BICAKCILAR - M4E 500 - 1338	2018	29201842560610		1	43.050.000	10.762.500
159	MÁY HÚT DỊCH - BICAKCILAR - M4E 500 - 1344	2018	29201842560611		1	43.050.000	10.762.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

160	MÁY SIÊU ÂM XUYÊN SỌ - VIASONIX - DOLPHIN 4D - 4D34322	2022	29202242210186		1	830.000.000	539.500.000
161	MÁY SIÊU ÂM XUYÊN SỌ - VIASONIX - DOLPHIN 4D - 4D34422	2022	29202242210187		1	830.000.000	539.500.000
162	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 21785	2018	29201812220590		1	169.000.000	42.250.000
163	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 21789	2018	29201812220588		1	169.000.000	42.250.000
164	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 21793	2018	29201812220589		1	169.000.000	42.250.000
165	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 22592	2018	29201822220594		1	169.000.000	42.250.000
166	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 22703	2018	29201822220596		1	169.000.000	42.250.000
167	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 22706	2018	29201822220595		1	169.000.000	42.250.000
168	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - COVIDIEN - BENNETT 840 - 3512170731	2018	29201812250405		1	645.000.000	161.250.000
169	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - COVIDIEN - BENNETT 840 - 3512192039	2020	29202042250502		1	645.000.000	290.250.000
170	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - COVIDIEN - BENNETT 840 - 3512192040	2020	29202042250500		1	645.000.000	290.250.000
171	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - COVIDIEN - BENNETT 840 - 3512192044	2020	29202042250496		1	645.000.000	290.250.000
172	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - GE - R860 - CBRZ00964	2020	05202012250512		1	640.000.000	352.000.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

173	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - VYAIRE MEDICAL - VELA - BJT02406	2019	29201942250449		1	480.000.000	168.000.000
174	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - VYAIRE MEDICAL - VELA - BKT01578 - BKT01578	2019	29201942250447		1	480.000.000	168.000.000
175	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - VYAIRE MEDICAL - VELA - BKT01579	2019	29201942250446		1	480.000.000	168.000.000
176	MÁY THỞ CHỨC NĂNG CAO - VYAIRE MEDICAL - VELA - BKT01585	2019	29201942250448		1	480.000.000	168.000.000
177	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240 G9 - 5CG4260JJH	2024	10202432030188	T3 - Phòng 231	1	15.895.000	12.716.000
178	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240 G9 - 5CG4260JLB	2024	10202432030239	T3 - Phòng 231	1	15.895.000	12.716.000
179	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240 G9 - 5CG4260JM5	2024	10202432030265	T3 - Phòng 231	1	15.895.000	12.716.000
180	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R 9 - 5CG4260JHW - HP - 240 G9 - 5CG4260JHW	2024	10202432030169		1	15.895.000	12.716.000
181	MÁY TRUYỀN DỊCH TERUMO TE LF600 1810010185	2019	20201912230864		1	34.996.500	12.248.775
182	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - 3CVQT44	2024	29202432023043	T1 - Phòng 105	1	16.199.700	12.959.760
183	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - 49VQT44	2024	29202432023042	T2 - Phòng 115	1	16.199.700	12.959.760
184	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - 4CVQT44	2024	29202432023050	T1 - Phòng 105	1	16.199.700	12.959.760
185	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - 6BVQT44	2024	29202432023048	T2 - Phòng 315	1	16.199.700	12.959.760
186	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - B9VQT44	2024	29202432023046	T2 - HSTC	1	16.199.700	12.959.760

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

187	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - D9VQT44	2024	29202432023051	T1 - Phòng 205	1	16.199.700	12.959.760
188	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - DBVQT44	2024	29202432023044	T2 - HSTC	1	16.199.700	12.959.760
189	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - G9VQT44	2024	29202432023047	T2 - Phòng 315	1	16.199.700	12.959.760
190	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - GBVQT44	2024	29202432023049	T2 - Phòng 115	1	16.199.700	12.959.760
191	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - HBVQT44	2024	29202432023045	T2 - Đột quỵ não	1	16.199.700	12.959.760
192	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - 2JWT754	2024	10202432023344	T2 - Phòng 315	1	19.935.000	15.948.000
193	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - 30DM754	2024	10202432023355	T2 - Phòng 115	1	19.935.000	15.948.000
194	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - 37WT754	2024	10202432023358	T2 - Phòng 315	1	19.935.000	15.948.000
195	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - 46WT754	2024	10202432023273	T3 - Phòng 138	1	19.935.000	15.948.000
196	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - 6DWT754	2024	10202432023438	T2 - Phòng 115	1	19.935.000	15.948.000
197	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - 6LWT754	2024	10202432023446	T1 - Phòng 205	1	19.935.000	15.948.000
198	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - 6YCM754	2024	10202432023457	T2 - HSTC	1	19.935.000	15.948.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

199	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - 77WT754	2024	10202432023462	T2 - Đột quỵ não	1	19.935.000	15.948.000
	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - 9MCM754	2024	10202432023517	T1 - Phòng 101	1	19.935.000	15.948.000
200	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - C2WT754	2024	10202432023544	T1 - Phòng 205	1	19.935.000	15.948.000
201	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - CHCM754	2024	10202432023554	T2 - HSTC	1	19.935.000	15.948.000
202	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - CPCM754	2024	10202432023286	T2 - Phòng 115	1	19.935.000	15.948.000
203	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - DLCM754	2024	10202432023272	T3 - Hội trường	1	19.935.000	15.948.000
204	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - DLWT754	2024	10202432023581	T3 - Phòng 131	1	19.935.000	15.948.000
205	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - F7WT754	2024	10202432023594	T2 - Đột quỵ não	1	19.935.000	15.948.000
206	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - FHCM754	2024	10202432023601	T3 - Phòng 231	1	19.935.000	15.948.000
207	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - GDWT754	2024	10202432023624	T3 - Phòng 231	1	19.935.000	15.948.000
208	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - GGCM754	2024	10202432023625	T1 - Phòng 105	1	19.935.000	15.948.000
	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SFF PLUS 7020 - HDWT754	2024	10202432023648	T3 - Phòng 137	1	19.935.000	15.948.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

	TỦ LẠNH BẢO QUẢN - HAIER - HYC-68A - BE07T 6EONO OQEJA Q0004 - BE07T 6EONO OQEJA Q0004	2019	29201948100447		1	16.380.000	5.733.000
	TỦ LẠNH BẢO QUẢN - HAIER - HYC-68A - BE07T 6EONO OQEJA Q0008 - BE07T 6EONO OQEJA Q0008	2019	29201948100448		1	16.380.000	5.733.000
	XE ĐẨY DỤNG CỤ CẤP CỨU SUMMIT CARE SEC 100	2019	29201943010063		1	36.000.000	12.600.000
	XE ĐẨY DỤNG CỤ CẤP CỨU SUMMIT CARE SEC 100	2019	29201943010064		1	36.000.000	12.600.000
	XE LĂN CÓ CÂN DETECO 6880	2018	29201848090083		1	81.000.000	20.250.000
	Cộng				**209**	**20.479.946.040**	**8.324.329.919**
XXXVIII	**KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN**						
1	MÁY ĐO SPO2 LOẠI CẦM TAY - MEDIBLU - M01	2020	28202042150399	Tủ thuốc trực	1	16.000.000	7.200.000
2	MÁY SẮC THUỐC TỰ ĐỘNG - KYUNGSEO - KSP-240L - 1700622	2017	28201712540031	Phòng Bào chế-Tầng 2-Nhà D4	1	49.500.000	6.187.500
3	MÁY SẮC THUỐC TỰ ĐỘNG - KYUNGSEO - KSP-240L - 1700623	2017	28201712540032	Phòng Bào chế-Tầng 2-Nhà D4	1	49.500.000	6.187.500
4	MÁY SIÊU ÂM TRỊ LIỆU - CHUNGWOO - CWM-302 - U1WG 5254	2023	28202342210199	Phòng ngoại trú	1	24.900.000	18.675.000
5	MÁY SIÊU ÂM TRỊ LIỆU - CHUNGWOO - CWM-302 - U1WO 5145	2023	28202342210200	Phòng ngoại trú	1	24.900.000	18.675.000
6	TỦ SẤY THUỐC - DRYING OWEN	2018	28201812280018	Phòng Bào chế-Tầng 2-Nhà D4	1	98.000.000	24.500.000
7	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TOSHIBA 12.000 BTU - TOSHIBA - RAS-H13S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	điều trị A6	1	16.792.500	6.297.188
8	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TOSHIBA 18.000 BTU - TOSHIBA - RAS-H18S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	điều trị A10	1	22.136.000	8.301.000
9	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TOSHIBA 18.000 BTU - TOSHIBA - RAS-H18S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	điều trị A10	1	22.136.000	8.301.000
10	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TOSHIBA 18.000 BTU - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	cấp phát thuốc	1	22.136.000	8.301.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

11	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TOSHIBA 18.000 BTU - TOSHIBA - RAS-H18S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	điều trị A6	1	22.136.000	8.301.000
12	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TOSHIBA 18.000 BTU - TOSHIBA - RAS-H18S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	điều trị A8	1	22.136.000	8.301.000
13	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TOSHIBA 18.000 BTU - TOSHIBA - RAS-H18S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	điều trị A8	1	22.136.000	8.301.000
14	HỆ THỐNG BIỂN CHỈ DẪN 3M	2020	28202042101062	-	1	50.688.000	25.344.000
15	MÁY TÍNH - ACER X2610G - DTX0DSV00153702BC53000	2023	-		1	13.980.000	8.388.000
16	LAPTOP - HP 240R G9 I5 1335 8GB DDR4-3200 256GB MÀN HÌNH 14INCH TRỌNG LƯỢNG 1.47KG - 5CG4260JJR	2024	10202432030196	Máy sách tay phòng bs nữ	1	15.895.000	12.716.000
17	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION 3030SFF INTEL CORE I5 – 14400 (10 CORE, 20M CACHE, UP TO 4.6 GHZ), 1 X 8GB DDR5 4400MT/S, SSD 512GB, WIFI + BT, WIN11 SL, NON DVDRW, 180W PSU, BÀN PHÍM VÀ CHUỘT - CBVQT44	2024	10202432023054	Nhà K1	1	16.199.700	12.959.760
18	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION 3030SFF INTEL CORE I5 - 3RWQT44	2024	10202432023125	Hành chính 5	1	16.170.000	12.936.000
19	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION 3030SFF INTEL CORE I5 – 14400 (10 CORE, 20M CACHE, UP TO 4.6 GHZ), 1 X 8GB DDR5 4400MT/S, SSD 512GB, WIFI + BT, WIN11 SL, NON DVDRW, 180W PSU, BÀN PHÍM VÀ CHUỘT - 95WQT44	2024	10202432023174	Phòng phó khoa	1	16.170.000	12.936.000
20	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION 3030SFF INTEL CORE I5 – 14400 (10 CORE, 20M CACHE, UP TO 4.6 GHZ), 1 X 8GB DDR5 4400MT/S, SSD 512GB, WIFI + BT, WIN11 SL, NON DVDRW, 180W PSU, BÀN PHÍM VÀ CHUỘT - 85WQT44	2024	10202432023190	Hành chính 5	1	16.170.000	12.936.000
21	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - H7WT754	2024	10202432023645	Bs nam 1	1	19.935.000	15.948.000
22	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - 2KCM754	2024	10202432023345	Trưởng khoa 2	1	19.935.000	15.948.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

23	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - CDWT754	2024	10202432023550	Hành chính 3	1	19.935.000	15.948.000
24	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - D6WT754	2024	10202432023569	Hành chính 1	1	19.935.000	15.948.000
	Cộng	**-**	**-**	**-**	**24**	**637.421.200**	**299.535.948**
XXXIX	TRUNG TÂM PHỤC HỒI CHỨC NĂNG						
1	MÁY TÍNH - DELL - DELL INSPIRION 3030SFF INTEL CORE I5 – 14400 (10 CORE, 20M CACHE, UP TO 4.6 GHZ), 1 X 8GB DDR5 4400MT/S, SSD 512GB, WIFI + BT, WIN11 SL, NON DVDRW, 180W PSU, BÀN PHÍM VÀ CHUỘT - DNWQT44	2024	32202432023040	Phòng khám	1	16.199.700	12.959.760
2	MÁY TÍNH - DELL - DELL INSPIRION 3030SFF INTEL CORE I5 – 14400 (10 CORE, 20M CACHE, UP TO 4.6 GHZ), 1 X 8GB DDR5 4400MT/S, SSD 512GB, WIFI + BT, WIN11 SL, NON DVDRW, 180W PSU, BÀN PHÍM VÀ CHUỘT - GNWQT44	2024	32202432023041	Phòng Trực BS	1	16.199.700	12.959.760
3	MÁY TÍNH - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - H9WT754	2024	10202432023307	Phòng ĐD 1	1	19.935.000	15.948.000
4	MÁY TÍNH - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - 9PCM754	2024	10202432023308	Phòng hành chính T1	1	19.935.000	15.948.000
5	MÁY TÍNH - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - JPCM754	2024	10202432023305	Phòng Trực BS T2	1	19.935.000	15.948.000
6	MÁY TÍNH - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - CCWT754	2024	10202432023310	Phòng ĐD 2	1	19.935.000	15.948.000
7	MÁY TÍNH - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - BLWT754	2024	10202432023536	Phòng VĐ T3	1	19.935.000	15.948.000
8	MÁY TÍNH - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - H6WT754	2024	10202432023644	Phòng Trực BS	1	19.935.000	15.948.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

9	MÁY TÍNH - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - 36WT754	2024	10202432023357	Phòng Trực BS	1	19.935.000	15.948.000
10	MÁY TÍNH - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - FSCM754	2024	10202432023610	Phòng Điện T2	1	19.935.000	15.948.000
11	MÁY TÍNH - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - 88WT754	2024	10202432023487	Phòng Trực BS	1	19.935.000	15.948.000
12	MÁY TÍNH - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - 4XCM754	2024	10202432023405	Phòng ĐD 2	1	19.935.000	15.948.000
13	MÁY TÍNH - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - JGWT754	2024	10202432023677	Phòng 810 K1	1	19.935.000	15.948.000
14	MÁY TÍNH - DELL - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - 4TCM754	2024	10202432023402	Phòng Trực BS	1	19.935.000	15.948.000
15	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	14,00	1	22.136.000	8.301.000
16	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	14,00	1	22.136.000	8.301.000
17	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-24S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	14,00	1	23.028.500	8.635.688
18	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-24S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	Điều dưỡng	1	23.028.500	8.635.688
19	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	15,00	1	22.136.000	8.301.000
20	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE SS700 - 1911010309	2020	32202048011128	Phòng điều dưỡng 1	1	24.990.000	11.245.500
21	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE SS700 - 1911010323	2020	32202048011132	Phòng điều dưỡng 1	1	24.990.000	11.245.500
22	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE SS700 - 1911010144	2020	32202048011129	Phòng điều dưỡng 1	1	24.990.000	11.245.500
23	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE SS700 - 1911010108	2020	32202048011131	Phòng Cấp Cứu	1	24.990.000	11.245.500
24	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE SS700 - 1911010109	2020	32202048011130	Phòng Cấp Cứu	1	24.990.000	11.245.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

25	HỆ THỐNG ĐIỆN TÂM ĐỒ GẮNG SỨC - PHILIPS - ST80I STRESS TEST SYSTEM - USO2311885	2024	32202442170946	Phòng TM	1	788.500.000	689.937.500
26	HỆ THỐNG TẬP PHỤC HỒI CHỨC NĂNG TIM MẠCH - ERGOLINE GMBH - ERGOSPRINT 200K - - 30026-01	2024	32202448152927	Phòng Tim mạch	1	2.935.000.000	2.568.125.000
27	MÁY ĐIỀU TRỊ BẰNG SÓNG XUNG KÍCH - MECTRONIC HEALTHCARE - PULSWAVE 2 - PL01124	2024	32202448152926	Phòng vật lý trị liệu	1	449.500.002	393.312.502
28	MÁY ĐIỀU TRỊ LASER CÔNG SUẤT CAO - FISIOLINE SRL - LUMIX PLUS - CY200323	2024	32202448152903	Phòng vật lý trị liệu	1	802.620.000	702.292.500
29	MÁY ĐIỀU TRỊ LIỆU ĐA NĂNG - BTL INDUSTRIES JSC - BTL 4625 PREMIUM - 058P0B026845	2022	32202248152900	Phòng vật lý trị liệu	1	260.000.000	195.000.000
30	MÁY ĐIỀU TRỊ LIỆU ĐA NĂNG - BTL INDUSTRIES JSC - BTL 4710 PREMIUM - 058P0B027153	2024	32202448152901	Phòng vật lý trị liệu	1	260.000.000	227.500.000
31	MÁY ĐIỀU TRỊ LIỆU ĐA NĂNG - BTL INDUSTRIES JSC - BTL 4710 PREMIUM - 058P0B027156	2024	32202448152902	Phòng vật lý trị liệu	1	260.000.000	227.500.000
32	MÁY HÚT ĐỜM BICAKCILAR - BICAKCILAR - M4E5000 - 1323	2018	08201842560631	Phòng TM	1	43.050.000	10.762.500
33	MÁY KÍCH THICH TỪ TRƯỜNG XUYÊN SỌ - THE MAGSTIM COMPANY LIMITED - RAPID 2 - 3331	2024	32202448152904	Phòng điện cơ	1	1.713.726.000	1.499.510.250
34	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 27907	2020	32202042220770	Phòng Cấp cứu	1	169.000.000	76.050.000
35	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 27941	2020	32202042220769	Phòng Tim mạch	1	169.000.000	76.050.000
36	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 27901	2020	32202042220768	Phòng điều dưỡng 1	1	169.000.000	76.050.000
37	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 27949	2020	32202042220771	Phòng Cấp cứu	1	169.000.000	76.050.000
38	XE ĐẨY LƯU TRỮ DỤNG CỤ CẤP CỨU - MACHCAN - SC32EMG - BM19-P0655	2019	32201943010073	Phòng Cấp cứu	1	32.000.000	11.200.000
39	XE LĂN CÓ CÂN - DETECTO - DETECTO 6880 - E29819-0105	2019	32201948090084	Phòng khám TT	1	88.500.000	30.975.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

40	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R 9 - 5CG4260JKT	2024	10202432030223	-	1	15.895.000	12.716.000
41	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R 9 - 5CG4260JL4	2024	10202432030233	-	1	15.895.000	12.716.000
	Cộng				**41**	**8.849.720.402**	**7.201.444.648**
XXXX	**TRUNG TÂM HỒI SỨC TÍCH CỰC**						
1	Bàn mổ	2019	20201948050056		1	99.960.000	34.986.000
2	Bộ máy làm ẩm cho máy thở Vadi VH3000	2020	20202042490033		1	28.300.000	12.735.000
3	Bộ máy làm ẩm cho máy thở Vadi VH3000	2020	20202042490034		1	28.300.000	12.735.000
4	Bộ máy làm ẩm cho máy thở Vadi VH3000	2020	20202042490035		1	28.300.000	12.735.000
5	Bộ máy làm ẩm cho máy thở Vadi VH3000	2020	20202042490036		1	28.300.000	12.735.000
6	Bộ máy làm ẩm cho máy thở Vadi VH3000	2020	20202042490037		1	28.300.000	12.735.000
7	Bộ máy làm ẩm cho máy thở Vadi VH3000	2020	20202042490038		1	28.300.000	12.735.000
8	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1805010158	2018	20201828010676		1	24.990.000	6.247.500
9	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - 1810010131	2019	20201912230832		1	34.996.500	12.248.775
10	Máy truyền dịch Terumo TE LF600- 1810010145	2019	20201912230871		1	34.996.500	12.248.775
11	Máy truyền dịch Terumo TE LF600- 1810010156	2019	20201912230875		1	34.996.500	12.248.775
12	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - 1810010174	2019	20201912230852		1	34.996.500	12.248.775
13	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1607010887	2017	20201718010631		1	24.990.000	3.748.500
14	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1608010091	2017	20201718010632		1	24.990.000	3.748.500
15	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1701010562	2017	20201718010672		1	24.990.000	3.748.500
16	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1701010638	2017	20201718010673		1	24.990.000	3.748.500
17	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1701010644	2017	20201718010674		1	24.990.000	3.748.500
18	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1701010662	2017	20201718010675		1	24.990.000	3.748.500
19	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1803010579	2018	20201838010660		1	24.990.000	6.247.500
20	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1803010583	2018	20201838010661		1	24.990.000	6.247.500
21	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1803010603	2018	20201838010662		1	24.990.000	6.247.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

22	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1803010681	2018	20201838010663		1	24.990.000	6.247.500
23	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1803010682	2018	20201838010664		1	24.990.000	6.247.500
24	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1803010683	2018	20201838010665		1	24.990.000	6.247.500
25	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1803010691	2018	20201838010666		1	24.990.000	6.247.500
26	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1803010707	2018	20201828010697		1	24.990.000	6.247.500
27	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1803010840	2018	20201828010677		1	24.990.000	6.247.500
28	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1803010848	2018	20201828010678		1	24.990.000	6.247.500
29	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1803010865	2018	20201828010679		1	24.990.000	6.247.500
30	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1803010871	2018	20201828010680		1	24.990.000	6.247.500
31	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1805010153	2018	20201828010681		1	24.990.000	6.247.500
32	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1805010162	2018	20201828010682		1	24.990.000	6.247.500
33	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1805010175	2018	20201828010683		1	24.990.000	6.247.500
34	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1807010253	2018	20201838010667		1	24.990.000	6.247.500
35	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1807010268	2018	20201838010668		1	24.990.000	6.247.500
36	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1807010280	2018	20201838012866		1	24.990.000	6.247.500
37	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1807010287	2018	20201838010670		1	24.990.000	6.247.500
38	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1807010290	2018	20201828010698		1	24.990.000	6.247.500
39	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1807010293	2018	20201838010671		1	24.990.000	6.247.500
40	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1807010735	2018	20201828010699		1	24.990.000	6.247.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

41	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1807010748	2018	20201828010700		1	24.990.000	6.247.500
42	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1807010750	2018	20201828010701		1	24.990.000	6.247.500
43	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1807010752	2018	20201828010702		1	24.990.000	6.247.500
44	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1807010753	2018	20201828010703		1	24.990.000	6.247.500
45	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1807010763	2018	20201828010704		1	24.990.000	6.247.500
46	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1807010770	2018	20201828010705		1	24.990.000	6.247.500
47	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1807010777	2018	20201828010706		1	24.990.000	6.247.500
48	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1807010797	2018	20201828010707		1	24.990.000	6.247.500
49	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1807010807	2018	20201828010708		1	24.990.000	6.247.500
50	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1807010809	2018	20201828010709		1	24.990.000	6.247.500
51	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1807010845	2018	20201828010710		1	24.990.000	6.247.500
52	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1807010861	2018	20201828010711		1	24.990.000	6.247.500
53	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1807010897	2018	20201828010712		1	24.990.000	6.247.500
54	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1808010203	2019	20201918010729		1	24.990.000	8.746.500
55	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1808010204	2019	20201918010730		1	24.990.000	8.746.500
56	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1808010208	2019	20201918010731		1	24.990.000	8.746.500
57	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1808010216	2019	20201918010732		1	24.990.000	8.746.500
58	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1808010229	2019	20201918010733		1	24.990.000	8.746.500
59	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1808010230	2019	20201918010734		1	24.990.000	8.746.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

60	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1808010235	2019	20201918010735		1	24.990.000	8.746.500
61	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1808010255	2019	20201918010736		1	24.990.000	8.746.500
62	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1808010262	2019	20201918010737		1	24.990.000	8.746.500
63	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1808010270	2019	20201918010738		1	24.990.000	8.746.500
64	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1808010271	2019	20201918010739		1	24.990.000	8.746.500
65	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1808010272	2019	20201918010740		1	24.990.000	8.746.500
66	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1808010276	2019	20201918010741		1	24.990.000	8.746.500
67	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1810010106	2019	20201918010742		1	24.990.000	8.746.500
68	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1810010112	2019	20201918010743		1	24.990.000	8.746.500
69	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1810010114	2019	20201918010744		1	24.990.000	8.746.500
70	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1810010119	2019	20201918010745		1	24.990.000	8.746.500
71	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1810010125	2019	20201918010746		1	24.990.000	8.746.500
72	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1810010133	2019	20201918010747		1	24.990.000	8.746.500
73	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1810010134	2019	20201918010748		1	24.990.000	8.746.500
74	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1810010138	2019	20201918010749		1	24.990.000	8.746.500
75	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1810010143	2019	20201918010750		1	24.990.000	8.746.500
76	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1810010146	2019	20201918010751		1	24.990.000	8.746.500
77	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1810010153	2019	20201918010752		1	24.990.000	8.746.500
78	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - 1810010173	2019	20201912230836		1	34.996.500	12.248.775
79	Máy truyền dịch Terumo TE LF600- 1810010185	2019	20201912230864		1	34.996.500	12.248.775

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

80	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1810010197	2019	20201918010753		1	24.990.000	8.746.500
81	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1810010225	2019	20201918010754		1	24.990.000	8.746.500
82	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1810010250	2019	20201918010755		1	24.990.000	8.746.500
83	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1810010258	2019	20201918010756		1	24.990.000	8.746.500
84	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1810010260	2019	20201918010757		1	24.990.000	8.746.500
85	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1810010296	2019	20201918010758		1	24.990.000	8.746.500
86	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1811012277	2019	20201938011072		1	24.990.000	8.746.500
87	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1902010260	2019	20201918010945		1	24.990.000	8.746.500
88	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1902010261	2019	20201918010946		1	24.990.000	8.746.500
89	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1902010264	2019	20201918010947		1	24.990.000	8.746.500
90	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1902010272	2019	20201918010948		1	24.990.000	8.746.500
91	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1902010276	2019	20201918010949		1	24.990.000	8.746.500
92	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1902010280	2019	20201918010950		1	24.990.000	8.746.500
93	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1902010282	2019	20201918010951		1	24.990.000	8.746.500
94	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1902010285	2019	20201918010952		1	24.990.000	8.746.500
95	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1903010002	2019	20201918010953		1	24.990.000	8.746.500
96	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1903010006	2019	20201918010954		1	24.990.000	8.746.500
97	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1903010010	2019	20201918010955		1	24.990.000	8.746.500
98	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1903010012	2019	20201918010956		1	24.990.000	8.746.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

99	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1903010019	2019	20201918010957		1	24.990.000	8.746.500
100	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1903010026	2019	20201918010958		1	24.990.000	8.746.500
101	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1903010032	2019	20201918010959		1	24.990.000	8.746.500
102	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1903010063	2019	20201918010960		1	24.990.000	8.746.500
103	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1903010081	2019	20201918010961		1	24.990.000	8.746.500
104	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1903010095	2019	20201918010962		1	24.990.000	8.746.500
105	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1903010136	2019	20201918010963		1	24.990.000	8.746.500
106	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1903010156	2019	20201918010964		1	24.990.000	8.746.500
107	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1907010114	2019	20201918010965		1	24.990.000	8.746.500
108	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1907010122	2019	20201918010966		1	24.990.000	8.746.500
109	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1907010136	2019	20201918010967		1	24.990.000	8.746.500
110	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1907010139	2019	20201918010968		1	24.990.000	8.746.500
111	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1907010150	2019	20201918010969		1	24.990.000	8.746.500
112	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1907010260	2019	20201918010970		1	24.990.000	8.746.500
113	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1907010268	2019	20201918010971		1	24.990.000	8.746.500
114	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1907010322	2019	20201918010972		1	24.990.000	8.746.500
115	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1907010368	2019	20201918010973		1	24.990.000	8.746.500
116	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1907010377	2019	20201918010974		1	24.990.000	8.746.500
117	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS730 - 2109010562	2023	05202338013095		1	24.990.000	18.742.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

118	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS730 - 2109010535	2023	05202338013099		1	24.990.000	18.742.500
119	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS730 - 2109010576	2023	05202338013092		1	24.990.000	18.742.500
120	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS730 - 2109010509	2023	05202338013105		1	24.990.000	18.742.500
121	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS730 - 2109010515	2023	05202338013103		1	24.990.000	18.742.500
122	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS730 - 2109010523	2023	05202338013102		1	24.990.000	18.742.500
123	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS730 - 2109010545	2023	05202338013098		1	24.990.000	18.742.500
124	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS730 - 2109010511	2023	05202338013096		1	24.990.000	18.742.500
125	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS730 - 2109010583	2023	05202338013093		1	24.990.000	18.742.500
126	Bơm tiêm điện - Terumo - TE-SS700 - 1811011175 - Terumo - TE-SS700 - 1811011175	2019	46201948010893		1	24.990.000	8.746.500
127	Bơm truyền dịch - Terumo - TE-SS700 - 1810010125	2019	20201912230884		1	24.990.000	12.248.775
128	Bơm truyền dịch - Terumo - TE-LF600 - 1810010138	2019	20201912230839		1	24.990.000	12.248.775
129	Bơm truyền dịch - Terumo - TE-LF630 - 2110010195	2022	20202248011341		1	24.990.000	21.125.000
130	Bơm truyền dịch - Terumo - TE-LF630 - 2110010199	2022	05202248011327		1	24.990.000	21.125.000
131	Bơm truyền dịch - Terumo - TE-LF630 - 2110010202	2022	05202248011370		1	24.990.000	21.125.000
132	Bơm truyền dịch - Terumo - TE-LF630 - 2110010213	2022	05202248011363		1	24.990.000	21.125.000
133	Bơm truyền dịch - Terumo - TE-LF630 - 2110010228	2022	05202248011356		1	24.990.000	21.125.000
134	Bơm truyền dịch - Terumo - TE-LF630 - 2112010009	2022	05202248011326		1	24.990.000	21.125.000
135	Bơm truyền dịch - Terumo - TE-LF600 - 1704010111	2018	20201842230939		1	24.990.000	6.247.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

136	Bơm truyền dịch - Terumo - TE-LF601 - 1804010084	2018	20201842230940		1	24.990.000	6.247.500
137	Bơm truyền dịch - Terumo - TE-LF602 - 1703010430	2018	20201832230594		1	24.990.000	6.247.500
138	Bơm truyền dịch - Terumo - TE-LF600 - 1703010457	2018	20201832230599		1	24.990.000	6.247.500
139	Bơm truyền dịch - Terumo - TE-LF600 - 1703010474	2018	20201832230595		1	24.990.000	6.247.500
140	Bơm truyền dịch - Terumo - TE-LF600 - 1703010483	2018	20201832230596		1	24.990.000	6.247.500
141	Bơm truyền dịch - Terumo - TE-LF600 - 1703010493	2018	20201832230597		1	24.990.000	6.247.500
142	Bơm truyền dịch - Terumo - TE-LF607 - 1703010501	2018	20201832230598		1	24.990.000	6.247.500
143	Cáng vận chuyển bệnh nhân 03 tay quay SMSC 003	2018	20201843020467		1	33.000.000	8.250.000
144	Cáng vận chuyển bệnh nhân 03 tay quay SMSC 003	2018	20201843020468		1	33.000.000	8.250.000
145	Cáng vận chuyển bệnh nhân 03 tay quay SMSC 003	2018	20201843020469		1	33.000.000	8.250.000
146	Dao mổ điện cao tần Codivien Force FX-8C - Codivien - Force FX-8C	2018	20201828050048		1	249.500.000	62.375.000
147	Đèn mổ di động - Huifeng - 500E LED - HF120171205GLE	2018	20201848060123		1	73.500.000	18.375.000
148	Đèn mổ di động | Huifeng | 500E Led - Huifeng - 500E LED	2018	20201848060122		1	73.500.000	18.375.000
149	Giường cấp cứu bệnh nhân - Hill Rom - HRP004019703 HR07/19703	2018	20201838041232		1	31.252.500	7.813.125
150	Giường cấp cứu bệnh nhân - Hill Rom - HRP004019704	2018	20201838041177		1	31.252.500	7.813.125
151	Giường cấp cứu bệnh nhân - Hill Rom - HRP004019707 HR09/19707	2018	20201838041176		1	31.252.500	7.813.125
152	Giường cấp cứu bệnh nhân - Sigma-Care - B640S - 1806150005	2018	20201818041092		1	64.575.000	16.143.750
153	Giường cấp cứu bệnh nhân - Sigma-Care - 1806150050	2018	20201818041093		1	64.575.000	16.143.750
154	Giường cấp cứu bệnh nhân - Sigma-Care - 1806150039	2018	20201818041094		1	64.575.000	16.143.750

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

155	Giường cấp cứu bệnh nhân - Sigma-Care - 1806150046	2018	20201818041095		1	64.575.000	16.143.750
156	Giường cấp cứu bệnh nhân - Sigma-Care - 1806150047	2018	20201818041096		1	64.575.000	16.143.750
157	Giường cấp cứu bệnh nhân - Sigma-Care - 1806150022	2018	20201818041097		1	64.575.000	16.143.750
158	Giường cấp cứu bệnh nhân - Sigma-Care - 1806150041	2018	20201818041098		1	64.575.000	16.143.750
159	Giường cấp cứu bệnh nhân - Sigma-Care - 1806150015	2018	20201818041099		1	64.575.000	16.143.750
160	Giường cấp cứu bệnh nhân - Sigma-Care - 1806150028	2018	20201818041100		1	64.575.000	16.143.750
161	Giường cấp cứu bệnh nhân - Sigma-Care - 1806150010	2018	20201818041101		1	64.575.000	16.143.750
162	Giường hồi sức cấp cứu - Sigma-Care	2016	20201618040739		1	64.575.000	3.228.750
163	Giường hồi sức cấp cứu - Sigma-Care - 640S - 1609230054	2016	20201618040740		1	64.575.000	3.228.750
164	Giường hồi sức cấp cứu - Sigma-Care	2016	20201618040741		1	64.575.000	3.228.750
165	Giường hồi sức cấp cứu - Sigma-Care - 19053001717	2016	20201618040742		1	64.575.000	3.228.750
166	Giường hồi sức cấp cứu - Sigma-Care - 1603240001	2016	20201618040743		1	64.575.000	3.228.750
167	Giường hồi sức cấp cứu - Sigma-Care - 1609230060	2016	20201618040744		1	64.575.000	3.228.750
168	Giường hồi sức cấp cứu - Sigma-Care - 1609230042	2016	20201618040745		1	64.575.000	3.228.750
169	Giường hồi sức cấp cứu - Sigma-Care - 1609230040	2016	20201618040746		1	64.575.000	3.228.750
170	Giường hồi sức cấp cứu - Sigma-Care - 1609230034	2016	20201618040747		1	64.575.000	3.228.750
171	Giường hồi sức cấp cứu - Sigma-Care - 1609230025	2016	20201618040748		1	64.575.000	3.228.750
172	Giường hồi sức cấp cứu - Sigma-Care - 1609230033	2016	20201618040749		1	64.575.000	3.228.750
173	Giường hồi sức cấp cứu - Sigma-Care - 1609230012	2016	20201618040750		1	64.575.000	3.228.750
174	Giường hồi sức cấp cứu - Sigma-Care - 1609230027	2016	20201618040751		1	64.575.000	3.228.750

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

175	Giường hồi sức cấp cứu - Sigma-Care - 1609230035	2016	20201618040752		1	64.575.000	3.228.750
176	Giường hồi sức cấp cứu - Sigma-Care - 1609230007	2016	20201618040753		1	64.575.000	3.228.750
177	Giường hồi sức cấp cứu - Sigma-Care - 1609230056	2016	20201618040754		1	64.575.000	3.228.750
178	Giường hồi sức cấp cứu - Sigma-Care - 1609230002	2016	20201618040755		1	64.575.000	3.228.750
179	Giường hồi sức cấp cứu - Sigma-Care - 1609230009	2016	20201618040756		1	64.575.000	3.228.750
180	Giường hồi sức cấp cứu - Sigma-Care - 1609230058	2016	20201618040757		1	64.575.000	3.228.750
181	Giường hồi sức cấp cứu - Sigma-Care - 1609230018	2016	20201618040758		1	64.575.000	3.228.750
182	Giường hồi sức cấp cứu - Sigma-Care - 1609230004	2016	20201618040759		1	64.575.000	3.228.750
183	Giường hồi sức cấp cứu - Sigma-Care - 1609230045	2016	20201618040760		1	64.575.000	3.228.750
184	Giường hồi sức cấp cứu - Sigma-Care - 1609230028	2016	20201618040761		1	64.575.000	3.228.750
185	Giường hồi sức cấp cứu - Sigma-Care - 1609230024	2016	20201618040762		1	64.575.000	3.228.750
186	Giường hồi sức cấp cứu - Sigma-Care - 1609230005	2016	20201618040763		1	64.575.000	3.228.750
187	Giường hồi sức cấp cứu - Sigma-Care - 1609230003	2016	20201618040764		1	64.575.000	3.228.750
188	Giường hồi sức cấp cứu - Sigma-Care - 1609230044	2016	20201618040765		1	64.575.000	3.228.750
189	Giường hồi sức cấp cứu - Sigma-Care - 1609230011	2016	20201618040766		1	64.575.000	3.228.750
190	Giường hồi sức cấp cứu - Sigma-Care - 1609230022	2016	20201618040767		1	64.575.000	3.228.750
191	Giường hồi sức cấp cứu - Sigma-Care - 1609230006	2016	20201618040768		1	64.575.000	3.228.750
192	Giường hồi sức cấp cứu - Sigma-Care - 1609230059	2016	20201618040769		1	64.575.000	3.228.750
193	Giường hồi sức cấp cứu - Sigma-Care - 1609230031	2016	20201618040770		1	64.575.000	3.228.750

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

194	Giường hồi sức cấp cứu - Sigma-Care - 1609230051	2016	20201618040771		1	64.575.000	3.228.750
195	Giường hồi sức cấp cứu điều khiển điện - Sigma-Care - 1906120021	2019	20201918041164		1	64.575.000	22.601.250
196	Giường hồi sức cấp cứu điều khiển điện - Sigma-Care - 1906120030	2019	20201918041170		1	64.575.000	22.601.250
197	Giường hồi sức cấp cứu điều khiển điện - Sigma-Care - 1906120012	2019	20201918041158		1	64.575.000	22.601.250
198	Giường hồi sức cấp cứu điều khiển điện - Sigma-Care - 1906120019	2019	20201918041162		1	64.575.000	22.601.250
199	Giường hồi sức cấp cứu điều khiển điện - Sigma-Care - 1906120008	2019	20201918041155		1	64.575.000	22.601.250
200	Giường hồi sức cấp cứu điều khiển điện - Sigma-Care - 1906120017	2019	20201918041161		1	64.575.000	22.601.250
201	Giường hồi sức cấp cứu điều khiển điện - Sigma-Care - 1906120014	2019	20201918041160		1	64.575.000	22.601.250
202	Giường hồi sức cấp cứu điều khiển điện - Sigma-Care - 1906120027	2019	20201918041168		1	64.575.000	22.601.250
203	Giường hồi sức cấp cứu điều khiển điện - Sigma-Care - 1906120004	2019	20201918041152		1	64.575.000	22.601.250
204	Giường hồi sức cấp cứu điều khiển điện - Sigma-Care - 1906120024	2019	20201918041166		1	64.575.000	22.601.250
205	Giường hồi sức cấp cứu điều khiển điện - Sigma-Care - 1906120025	2019	20201918041167		1	64.575.000	22.601.250
206	Giường hồi sức cấp cứu điều khiển điện - Sigma-Care - 1906120009	2019	20201918041156		1	64.575.000	22.601.250
207	Giường hồi sức cấp cứu điều khiển điện - Sigma-Care - 1906120022	2019	20201918041165		1	64.575.000	22.601.250
208	Giường hồi sức cấp cứu điều khiển điện - Sigma-Care - 1906120034	2019	20201918041173		1	64.575.000	22.601.250
209	Giường hồi sức cấp cứu điều khiển điện - Sigma-Care - 1906120007	2019	20201918041154		1	64.575.000	22.601.250
210	Giường hồi sức cấp cứu điều khiển điện - Sigma-Care - 1906120005	2019	20201918041153		1	64.575.000	22.601.250
211	Giường hồi sức cấp cứu điều khiển điện - Sigma-Care - 1906120001	2019	20201918041151		1	64.575.000	22.601.250
212	Giường hồi sức cấp cứu điều khiển điện - Sigma-Care - 1906120038	2019	20201918041174		1	64.575.000	22.601.250

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

213	Giường hồi sức cấp cứu điều khiển điện - Sigma-Care - 1906120013	2019	20201918041159		1	64.575.000	22.601.250
214	Giường hồi sức cấp cứu điều khiển điện - Sigma-Care - 1906120010	2019	20201918041157		1	64.575.000	22.601.250
215	Giường hồi sức cấp cứu điều khiển điện - Sigma-Care - 1906120039	2019	20201918041175		1	64.575.000	22.601.250
216	Giường hồi sức cấp cứu điều khiển điện - Sigma-Care - 1906120020	2019	20201918041163		1	64.575.000	22.601.250
217	Giường hồi sức cấp cứu điều khiển điện - Sigma-Care - 1906120031	2019	20201918041171		1	64.575.000	22.601.250
218	Giường hồi sức cấp cứu điều khiển điện - Sigma-Care - 1906120029	2019	20201918041169		1	64.575.000	22.601.250
219	Giường hồi sức cấp cứu điều khiển điện - Sigma-Care - 1906120032	2019	20201918041172		1	64.575.000	22.601.250
220	Giường hồi sức cấp cứu Sigma-Care B-640S - Sigma-Care	2016	20201618040773		1	64.575.000	3.228.750
221	Hệ thống báo gọi y tá JNS- 4CM	2018	20201844010041		1	45.100.000	11.275.000
222	Hệ thống camera AI-AH720Z35A 22 mắt	2019	20201942100888		1	97.053.000	9.705.300
223	Hệ thống camera VD80SM2TI-IR 5 mắt	2019	20201942100889		1	61.743.000	6.174.300
224	Hệ thống camera PTZ	2021	20202148160379		1	26.042.500	9.114.875
225	Hệ thống camera quan sát FD8169A 10 mắt	2019	20201942100907		1	97.058.500	9.705.850
226	Hệ thống camera quan sát FD8169A 12 mắt	2019	20201942100911		1	83.803.500	8.380.350
227	Hệ thống hút mùi Tomeco AFA.POG.030 - Tomeco - AFA.POG.030	2019	20201942110193		1	75.562.575	26.446.901
228	Hệ thống hút mùi Tomeco AFA.POG.035 - Tomeco - AFA.POG.030	2019	20201942110194		1	83.917.350	29.371.073
229	Hệ thống monitor và máy theo dõi tại giường (giá treo)	2018	20201842220518		1	74.340.000	18.585.000
230	Hệ thống theo dõi trung tâm - Nihon Kohden - CNS-6201 - 01507	2018	20201842220452		1	519.000.000	129.750.000
231	Máy điện não vi tính 46 kênh - Cadwell Easy III - 1906IX90-09-002	2019	20201912160020		1	645.750.000	226.012.500
232	Máy điện tim 6 cần - Nihon Kohden - ECG 1250K - 15192	2019	05201912170150		1	74.000.000	25.900.000
233	Máy điện tim 6 cần - Nihon Kohden - ECG 1250K - 15179	2019	05201912170148		1	74.000.000	25.900.000
234	Máy điện tim 6 cần - Nihon Kohden - ECG 1250K - 15946	2020	20202012170164		1	69.000.000	31.050.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

235	Máy điện tim 6 cần - Nihon Kohden - ECG 1250K - 15978	2020	20202012170161		1	69.000.000	31.050.000
236	Máy đo cung lượng tim USCOM A1 - 101528	2018	20201812150327		1	1.100.000.000	275.000.000
237	Máy đo độ bão hòa loại cầm tay Covidien Nellcor Portable SP02 - MBP1935851	2020	20202042150385		1	24.500.000	11.025.000
238	Máy đo độ bão hòa loại cầm tay Covidien Nellcor Portable SP02 - MBP1935839	2020	20202042150386		1	24.500.000	11.025.000
239	Máy đo độ bão hòa loại cầm tay Covidien Nellcor Portable SP02 - MBP1935838	2020	20202042150387		1	24.500.000	11.025.000
240	Máy đo độ bão hòa loại cầm tay Covidien Nellcor Portable SP02 - MBP1935837	2020	20202042150388		1	24.500.000	11.025.000
241	Máy đo nồng độ bão hòa oxy - Covidien - PM10N	2020	20202042150391		1	24.500.000	11.025.000
242	Máy đo nồng độ bão hòa oxy - Covidien - PM10N	2020	20202042150392		1	24.500.000	11.025.000
243	Máy đo nồng độ bão hòa oxy - Covidien - PM10N	2020	20202042150393		1	24.500.000	11.025.000
244	Máy ECMO di động dùng trong cấp cứu Maquet Cardiohelp-i - 90413281	2020	20202042220781		1	4.480.000.000	2.016.000.000
245	Máy hút liên tục áp lực thấp Silmi-LI Constant-1400	2018	20201812510017		1	21.000.000	5.250.000
246	Máy hút liên tục áp lực thấp Silmi-LI Constant-1400	2018	20201812510018		1	21.000.000	5.250.000
247	Máy lọc máu - Prismax - 109259	2023	20202372330040		1	1.268.000.000	951.000.000
248	Máy lọc máu - Prismax - PX204637	2024	202478153490		1	1.268.000.000	1.109.500.000
249	Máy lọc máu - Prismax - PX204636	2024	202478153489		1	1.268.000.000	1.109.500.000
250	Máy lọc máu Gambro Prisma Flex - PA22769	2019	20201982330017		1	1.268.000.000	443.800.000
251	Máy lọc máu Gambro Prisma Flex - PA 22770	2019	20201982330018		1	1.268.000.000	443.800.000
252	Máy lọc máu Gambro Prisma Flex - PA 22773	2019	20201982330019		1	1.268.000.000	443.800.000
253	Máy lọc máu Gambro Prisma Flex - PA 22776	2019	20201982330020		1	1.268.000.000	443.800.000
254	Máy lọc máu Prisma Flex - PA17536	2017	20201782330003		1	1.268.000.000	126.800.000
255	Máy lọc máu Prisma Flex - PA11020	2017	20201782330006		1	1.268.000.000	126.800.000
256	Máy lọc máu Prisma Flex - PA16126	2017	20201782330002		1	1.268.000.000	126.800.000
257	Máy lọc máu Prisma Flex - PA34455	2017	20201752330004		1	1.268.000.000	126.800.000
258	Máy lọc máu Prisma Flex - PA34456	2017	20201752330001		1	1.268.000.000	126.800.000
259	Máy lọc máu Prisma Flex Gambo - PA16282	2017	54201772330013		1	1.268.000.000	126.800.000
260	Máy phá rung tim - Nihon Kohden - TEC 5631K - 4629	2018	20201822240598		1	178.000.000	44.500.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

261	Máy phá rung tim - Nihon Kohden - TEC 5631K - 10832	2020	20202012240620		1	169.000.000	76.050.000
262	Máy phá rung tim - Nihon Kohden - TEC 5631K - 09723	2020	20202042240613		1	178.000.000	80.100.000
263	Máy phá rung tim - Nihon Kohden - TEC 5631K - 09748	2020	20202042240611		1	178.000.000	80.100.000
264	Máy phá rung tim - Nihon Kohden - TEC 5631K - 09751	2020	20202042240612		1	178.000.000	80.100.000
265	Máy Vỗ rung lồng ngực - PV-100 - P02H00000581	2024	20202418153754	-	1	142.500.000	124.687.500
266	Máy Vỗ rung lồng ngực - PV-100 - P02H00000580	2024	20202418153753	-	1	142.500.000	124.687.500
267	Máy Vỗ rung lồng ngực - Trung Quốc - PV-100 - P02400000131	2024	-	-	1	142.500.000	124.687.500
268	Máy Vỗ rung lồng ngực - Trung Quốc - PV-100 - P02400000584	2024	20202418153755	-	1	142.500.000	124.687.500
269	Máy Vỗ rung lồng ngực - PV-100 - P02H00000585	2024	20202418153756	-	1	142.500.000	124.687.500
270	Máy siêu âm | GE | Logiq S7 Expert R3 - LS7004823	2020	20202042210194		1	1.470.000.000	661.500.000
271	Máy siêu âm GE Logiq P7 - LP7001648	2018	20201812210125		1	1.485.000.000	371.250.000
272	Máy siêu âm tim - GE Medical System - Vivid T8 - 6206840WX0	2024	20202442210201		1	1.150.000.000	1.006.250.000
273	Máy tạo nhịp tạm thời Osypka 3077 - 1804112	2018	20201822350029		1	89.700.000	22.425.000
274	Máy tạo nhịp tạm thời Osypka 3077 - 1804114	2018	20201822350030		1	89.700.000	22.425.000
275	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM 3562 - 20058	2018	20201842220482		1	167.000.000	41.750.000
276	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 19654	2018	20201842220454		1	167.000.000	41.750.000
277	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 19656	2018	20201842220455		1	167.000.000	41.750.000
278	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 20080	2018	20201842220494		1	167.000.000	41.750.000
279	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 19723	2018	20201842220457		1	167.000.000	41.750.000
280	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 19724	2018	20201842220458		1	167.000.000	41.750.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

281	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 19725	2018	20201842220459		1	167.000.000	41.750.000
282	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 19726	2018	20201842220460		1	167.000.000	41.750.000
283	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 19729	2018	20201842220461		1	167.000.000	41.750.000
284	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 19730	2018	20201842220462		1	167.000.000	41.750.000
285	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 19732	2018	20201842220463		1	167.000.000	41.750.000
286	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 19735	2018	20201842220464		1	167.000.000	41.750.000
287	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 19737	2018	20201842220465		1	167.000.000	41.750.000
288	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 19738	2018	20201842220466		1	167.000.000	41.750.000
289	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 19755	2018	20201842220467		1	167.000.000	41.750.000
290	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 19756	2018	20201842220468		1	167.000.000	41.750.000
291	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 19757	2018	20201842220469		1	167.000.000	41.750.000
292	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 19759	2018	20201842220470		1	167.000.000	41.750.000
293	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 19760	2018	20201842220471		1	167.000.000	41.750.000
294	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 19761	2018	20201842220472		1	167.000.000	41.750.000
295	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 19762	2018	20201842220473		1	167.000.000	41.750.000
296	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 19763	2018	20201842220474		1	167.000.000	41.750.000
297	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 19764	2018	20201842220475		1	167.000.000	41.750.000
298	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 19765	2018	20201842220476		1	167.000.000	41.750.000
299	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 19766	2018	20201842220477		1	167.000.000	41.750.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

300	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 20050	2018	20201842220478		1	167.000.000	41.750.000
301	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 20061	2018	20201842220483		1	167.000.000	41.750.000
302	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 20063	2018	20201842220484		1	167.000.000	41.750.000
303	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 20064	2018	20201842220485		1	167.000.000	41.750.000
304	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 20070	2018	20201842220486		1	167.000.000	41.750.000
305	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 20071	2018	20201842220487		1	167.000.000	41.750.000
306	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 20072	2018	20201842220488		1	167.000.000	41.750.000
307	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 20073	2018	20201842220489		1	167.000.000	41.750.000
308	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 20075	2018	20201842220490		1	167.000.000	41.750.000
309	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 20079	2018	20201842220493		1	167.000.000	41.750.000
310	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 22523	2018	20201842220495		1	167.000.000	41.750.000
311	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 21850	2018	20201822220587		1	169.000.000	42.250.000
312	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 22637	2018	20201822220591		1	169.000.000	42.250.000
313	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 22641	2018	20201822220593		1	169.000.000	42.250.000
314	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 22643	2018	20201822220590		1	169.000.000	42.250.000
315	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 22644	2018	20201822220584		1	169.000.000	42.250.000
316	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 22646	2018	20201822220580		1	169.000.000	42.250.000
317	Máy theo dõi bệnh nhân- Nihon Kohden - BSM-3562K - 22649	2018	20201822220581		1	169.000.000	42.250.000
318	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 22698	2018	20201822220578		1	169.000.000	42.250.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

319	Máy theo dõi bệnh nhân | Nihon Kohden | BSM-3562K - Nihon Kohden - BSM-3562K - 22699	2018	20201822220589		1	169.000.000	42.250.000
320	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 22701	2018	20201822220583		1	169.000.000	42.250.000
321	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 22702	2018	20201822220588		1	169.000.000	42.250.000
322	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 22704	2018	20201822220579		1	169.000.000	42.250.000
323	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 22708	2018	20201822220585		1	169.000.000	42.250.000
324	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 22712	2018	20201822220582		1	169.000.000	42.250.000
325	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 21858	2018	20201812221136		1	169.000.000	59.150.000
326	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 23176	2019	20201912220684		1	169.000.000	59.150.000
327	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 23177	2019	20201912220689		1	169.000.000	59.150.000
328	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 23180	2019	20201912220692		1	169.000.000	59.150.000
329	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 23181	2019	20201912220685		1	169.000.000	59.150.000
330	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 23185	2019	20201912220686		1	169.000.000	59.150.000
331	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 23187	2019	20201912220688		1	169.000.000	59.150.000
332	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 23189	2019	20201912220687		1	169.000.000	59.150.000
333	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 23366	2019	20201912220691		1	169.000.000	59.150.000
334	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 23374	2019	20201912220693		1	169.000.000	59.150.000
335	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 23378	2019	20201912220690		1	169.000.000	59.150.000
336	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 19664	2018	20201842220456		1	167.000.000	41.750.000
337	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden - BSM-3562K - 22707	2018	20201822220586		1	169.000.000	42.250.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

338	Máy theo dõi bệnh nhân - Nihon Kohden CNS6201 - 1754	2019	20201912220682		1	505.000.000	176.750.000
339	Máy theo dõi bệnh nhân trung tâm CNS6201 - 01450	2018	20201842220451		1	519.000.000	129.750.000
340	Máy theo dõi bệnh nhân trung tâm CNS6201 - 01508	2018	20201842220453		1	519.000.000	129.750.000
341	Máy theo dõi bệnh nhân Vismo PVM 2701 - 10152	2018	20201832220500		1	169.000.000	42.250.000
342	Máy thở chức năng cao - Covidien - Bennett 840 - 3512173422	2018	20201832250365		1	645.000.000	161.250.000
343	Máy thở chức năng cao - Covidien - Bennett 840 - 3512173424	2018	20201832250366		1	645.000.000	161.250.000
344	Máy thở chức năng cao - Covidien - Bennett 840 - 3512173426	2018	20201832250367		1	645.000.000	161.250.000
345	Máy thở chức năng cao - Covidien - Bennett 840 - 3512190105	2019	20201942250438		1	649.000.000	227.150.000
346	Máy thở chức năng cao - Covidien - Bennett 840 - 3512190118	2019	20201942250436		1	649.000.000	227.150.000
347	Máy thở chức năng cao - Covidien - Bennett 840 - 3512190119	2019	20201942250439		1	649.000.000	227.150.000
348	Máy thở chức năng cao | Covidien | Bennett 840 - 3512190120	2019	20201942250437		1	649.000.000	227.150.000
349	Máy thở chức năng cao | Covidien | Bennett 840 - 3512190036	2019	20201942250435		1	649.000.000	227.150.000
350	Máy thở chức năng cao | Covidien | Bennett 840 - 3512182170	2019	20201912250452		1	645.000.000	225.750.000
351	Máy thở chức năng cao | Covidien | Bennett 840 - 3512182179	2019	20201912250453		1	645.000.000	225.750.000
352	Máy thở chức năng cao | Covidien | Bennett 840 - 3512182189	2019	20201912250454		1	645.000.000	225.750.000
353	Máy thở chức năng cao | Covidien | Bennett 840 - 3512183166	2019	20201912250451		1	645.000.000	225.750.000
354	Máy thở chức năng cao | Covidien | Bennett 840 - 3512183167	2019	20201912250450		1	645.000.000	225.750.000
355	Máy thở chức năng cao | GE | R86 - CBRA20495	2021	20202132250591		1	649.000.000	356.950.000
356	Máy thở chức năng cao | GE | R860 - GE - R860 - CBRX04226	2019	20201942250445		1	649.000.000	227.150.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

357	Máy thở chức năng cao | GE | R860 - CBRA20487	2021	20202132250576		1	649.000.000	356.950.000
358	Máy thở chức năng cao | GE | R860 - CBRX02804	2018	20201822250397		1	848.000.000	212.000.000
359	Máy thở chức năng cao | GE | R860 - CBRX04242	2019	20201942250444		1	649.000.000	227.150.000
360	Máy thở chức năng cao | GE | R860 - CBRA20688	2021	20202132250577	Tầng 19	1	649.000.000	356.950.000
361	Máy thở chức năng cao | GE | R860 - CBRA20513	2021	20202132250574	Tầng 19	1	649.000.000	356.950.000
362	Máy thở chức năng cao | GE | R860 - GE - R860 - CBRA20478	2018	20201822250399	Tầng 19	1	848.000.000	212.000.000
363	Máy thở GE Care Scape R860 FRC - CBRX02793	2018	20201822250394	Tầng 19	1	649.000.000	162.250.000
364	Máy thở GE Care Scape R860 FRC - CBRX02801	2018	20201822250395	Tầng 19	1	649.000.000	162.250.000
365	Máy thở GE Care Scape R860 FRC - CBRX02802	2018	20201822250396	Tầng 19	1	649.000.000	162.250.000
366	Máy thở không xâm nhập Respironics V60 - 100282845	2019	20201942250460		1	449.800.000	157.430.000
367	Máy thở không xâm nhập Respironics V60 - 100282855	2019	20201942250461		1	449.800.000	157.430.000
368	Máy thở Puritan Bennett 980 - 35B1800799	2018	20201822250403		1	1.099.600.000	274.900.000
369	Máy thở V60 - 201027310	2018	20201822250400		1	449.800.000	112.450.000
370	Máy thở V60 - 201027433	2018	20201822250401		1	449.800.000	112.450.000
371	Máy thở V60 - 201027440	2018	20201822250402		1	449.800.000	112.450.000
372	Máy tính xách tay - HP - HP 240R G9 i5 1335 8GB DDR4-3200 256GB màn hình 14inch trọng lượng 1.47kg - 5CG4260JJQ	2024	10202432030195		1	15.895.000	12.716.000
373	Máy tính xách tay - HP - HP 240R G9 i5 1335 8GB DDR4-3200 256GB màn hình 14inch trọng lượng 1.47kg - 5CG4260JKC	2024	10202432030215		1	15.895.000	12.716.000
374	Máy tính xách tay - HP - HP 240R G9 i5 1335 8GB DDR4-3200 256GB màn hình 14inch trọng lượng 1.47kg - 5CG4260JKR	2024	10202432030221		1	15.895.000	12.716.000
375	Máy tính xách tay - HP - HP 240R G9 i5 1335 8GB DDR4-3200 256GB màn hình 14inch trọng lượng 1.47kg - 5CG4260JM1	2024	10202432030261		1	15.895.000	12.716.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

376	Máy tính xách tay - HP - HP 240R G9 i5 1335 8GB DDR4-3200 256GB màn hình 14inch trọng lượng 1.47kg - 5CG4260JM3	2024	10202432030263		1	15.895.000	12.716.000
377	Máy tính xách tay - HP - HP 240R G9 i5 1335 8GB DDR4-3200 256GB màn hình 14inch trọng lượng 1.47kg - 5CG4260JM4	2024	10202432030264		1	15.895.000	12.716.000
378	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1703010324	2018	20201822230600		1	34.996.500	8.749.125
379	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1703010412	2018	20201822230601		1	34.996.500	8.749.125
380	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1703010428	2018	20201822230602		1	34.996.500	8.749.125
381	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1703010446	2018	20201822230603		1	34.996.500	8.749.125
382	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1703010453	2018	20201822230604		1	34.996.500	8.749.125
383	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1703010471	2018	20201822230605		1	34.996.500	8.749.125
384	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1703010472	2018	20201822230606		1	34.996.500	8.749.125
385	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1703010479	2018	20201822230607		1	34.996.500	8.749.125
386	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1703010498	2018	20201822230608		1	34.996.500	8.749.125
387	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1703010500	2018	20201822230609		1	34.996.500	8.749.125
388	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1703010312	2018	20201822230718		1	34.996.500	8.749.125
389	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1703010313	2018	20201822230714		1	34.996.500	8.749.125
390	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1703010327	2018	20201822230722		1	34.996.500	8.749.125
391	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1703010331	2018	20201822230727		1	34.996.500	8.749.125
392	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1703010333	2018	20201822230715		1	34.996.500	8.749.125
393	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1703010342	2018	20201822230724		1	34.996.500	8.749.125

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

394	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1703010343	2018	20201822230716		1	34.996.500	8.749.125
395	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1703010374	2018	20201822230712		1	34.996.500	8.749.125
396	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1703010404	2018	20201822230719		1	34.996.500	8.749.125
397	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1703010411	2018	20201822230728		1	34.996.500	8.749.125
398	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1703010419	2018	20201822230723		1	34.996.500	8.749.125
399	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1703010425	2018	20201822230717		1	34.996.500	8.749.125
400	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1703010462	2018	20201822230725		1	34.996.500	8.749.125
401	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1703010465	2018	20201822230726		1	34.996.500	8.749.125
402	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1703010470	2018	20201822230713		1	34.996.500	8.749.125
403	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1703010478	2018	20201822230720		1	34.996.500	8.749.125
404	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1703010492	2018	20201822230721		1	34.996.500	8.749.125
405	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1704010120	2018	20201822230731		1	34.996.500	8.749.125
406	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1704010137	2018	20201822230734		1	34.996.500	8.749.125
407	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1704010151	2018	20201822230730		1	34.996.500	8.749.125
408	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1704010165	2018	20201822230729		1	34.996.500	8.749.125
409	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1704010171	2018	20201822230732		1	34.996.500	8.749.125
410	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1704010172	2018	20201822230733		1	34.996.500	8.749.125
411	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1804010015	2018	20201822230706		1	34.996.500	8.749.125
412	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1804010022	2018	20201822230708		1	34.996.500	8.749.125

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

413	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1804010025	2018	20201822230709		1	34.996.500	8.749.125
414	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1804010031	2018	20201822230703		1	34.996.500	8.749.125
415	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1804010032	2018	20201822230700		1	34.996.500	8.749.125
416	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1804010043	2018	20201822230711		1	34.996.500	8.749.125
417	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1804010059	2018	20201822230710		1	34.996.500	8.749.125
418	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1804010062	2018	20201822230701		1	34.996.500	8.749.125
419	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1804010065	2018	20201822230702		1	34.996.500	8.749.125
420	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1804010079	2018	20201822230705		1	34.996.500	8.749.125
421	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1804010082	2018	20201822230707		1	34.996.500	8.749.125
422	Máy truyền dịch TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1701010111	2018	20201822230735		1	34.996.500	8.749.125
423	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010025	2019	20201912230834		1	34.996.500	12.248.775
424	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010031	2019	20201912230861		1	34.996.500	12.248.775
425	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010033	2019	20201912230837		1	34.996.500	12.248.775
426	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010035	2019	20201912230870		1	34.996.500	12.248.775
427	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010036	2019	20201912230889		1	34.996.500	12.248.775
428	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010038	2019	20201912230880		1	34.996.500	12.248.775
429	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010043	2019	20201912230881		1	34.996.500	12.248.775
430	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010046	2019	20201912230868		1	34.996.500	12.248.775
431	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010056	2019	20201912230879		1	34.996.500	12.248.775

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

432	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010057	2019	20201912230831		1	34.996.500	12.248.775
433	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010061	2019	20201912230885		1	34.996.500	12.248.775
434	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010063	2019	20201912230866		1	34.996.500	12.248.775
435	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010064	2019	20201912230848		1	34.996.500	12.248.775
436	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010065	2019	20201912230846		1	34.996.500	12.248.775
437	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010071	2019	20201912230887		1	34.996.500	12.248.775
438	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010072	2019	20201912230842		1	34.996.500	12.248.775
439	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010078	2019	20201912230878		1	34.996.500	12.248.775
440	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010080	2019	20201912230835		1	34.996.500	12.248.775
441	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010086	2019	20201912230843		1	34.996.500	12.248.775
442	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010088	2019	20201912230841		1	34.996.500	12.248.775
443	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010089	2019	20201912230856		1	34.996.500	12.248.775
444	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010090	2019	20201912230865		1	34.996.500	12.248.775
445	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010095	2019	20201912230847		1	34.996.500	12.248.775
446	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010096	2019	20201912230859		1	34.996.500	12.248.775
447	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010097	2019	20201912230888		1	34.996.500	12.248.775
448	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010098	2019	20201912230857		1	34.996.500	12.248.775
449	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010100	2019	20201912230850		1	34.996.500	12.248.775
450	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010101	2019	20201912230877		1	34.996.500	12.248.775

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

451	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010103	2019	20201912230873		1	34.996.500	12.248.775
452	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010106	2019	20201912230838		1	34.996.500	12.248.775
453	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010108	2019	20201912230860		1	34.996.500	12.248.775
454	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010110	2019	20201912230854		1	34.996.500	12.248.775
455	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010111	2019	20201912230844		1	34.996.500	12.248.775
456	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010115	2019	20201912230862		1	34.996.500	12.248.775
457	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010116	2019	20201912230853		1	34.996.500	12.248.775
458	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010117	2019	20201912230869		1	34.996.500	12.248.775
459	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010118	2019	20201912230867		1	34.996.500	12.248.775
460	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010120	2019	20201912230872		1	34.996.500	12.248.775
461	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010122	2019	20201912230858		1	34.996.500	12.248.775
462	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010124	2019	20201912230849		1	34.996.500	12.248.775
463	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010126	2019	20201912230874		1	34.996.500	12.248.775
464	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010127	2019	20201912230876		1	34.996.500	12.248.775
465	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010132	2019	20201912230855		1	34.996.500	12.248.775
466	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010151	2019	20201912230833		1	34.996.500	12.248.775
467	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010155	2019	20201912230882		1	34.996.500	12.248.775
468	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010159	2019	20201912230863		1	34.996.500	12.248.775
469	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010165	2019	20201912230845		1	34.996.500	12.248.775

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

470	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010167	2019	20201912230830		1	34.996.500	12.248.775
471	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010181	2019	20201912230851		1	34.996.500	12.248.775
472	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - Terumo - TE-LF600 - 1810010184	2019	20201912230883		1	34.996.500	12.248.775
473	Máy truyền dịch Terumo TE LF600 - 1810010112 - Terumo - TE-LF600 - 1810010112	2019	20201912230840		1	34.996.500	12.248.775
474	Máy truyền dịch Terumo TE LF600-1810010134 - Terumo - TE-LF600 - 1810010134	2019	20201912230886		1	34.996.500	12.248.775
475	Máy xét nghiệm đông máu ACT - ACT 2007415	2018	20201832150213		1	300.000.000	135.000.000
476	Máy xét nghiệm khí máu cầm tay I-Stat-300G - I-Stat - 300G	2018	20201832440074		1	300.000.000	75.000.000
477	Máy lọc máu liên tục - Baxter - Prismax - PX205161	2024	-	-	1	1.268.000.000	1.109.500.000
478	Tủ bảo quản thuốc Haier HYC-68A - Haier - HYC-68A - BE07T 6E0N0 0QEK7 S0013	2020	20202048100460		1	19.000.000	8.550.000
479	Tủ lạnh bảo quản | Haier | HYC-68A - Haier - HYC-68A - B07T 6E0N0 0QEK7 S0010	2020	20202044031019		1	16.380.000	7.371.000
480	Tủ lạnh bảo quản | Haier | HYC-68A - Haier - HYC-68A - B07T 6E0N0 0QEK8 A0001	2020	20202044031020		1	16.380.000	7.371.000
481	Tủ lạnh bảo quản | Haier | HYC-68A - Haier - HYC-68A - BE07T 6E0N0 0QEJ7 60023	2018	20201814030953		1	16.380.000	4.095.000
482	Tủ lạnh bảo quản dược phẩm - 60002	2018	20201814030949		1	16.380.000	4.095.000
483	Tủ lạnh bảo quản dược phẩm - 60006	2018	20201814030950		1	16.380.000	4.095.000
484	Tủ lạnh bảo quản dược phẩm - B07T 6E0N0 0QEJ7 60021	2018	20201814030952		1	16.380.000	4.095.000
485	Tủ lạnh bảo quản dược phẩm - S0002	2020	20202044031018		1	16.380.000	7.371.000
486	Tủ lạnh bảo quản dược phẩm - 60018	2018	20201814030951		1	16.380.000	4.095.000
487	Xe đẩy cấp cứu Sigma-Care CE 021 - Sigma-Care - CE 021 - 1708020001	2018	20201818090062		1	36.225.000	9.056.250
488	Xe đẩy cấp cứu Sigma-Care CE 021 - Sigma-Care - CE 021 - 1708020009	2018	20201818090070		1	36.225.000	9.056.250
489	Xe đẩy cấp cứu Sigma-Care CE 021 - Sigma-Care - CE 021 - 1708020010	2018	20201818090071		1	36.225.000	9.056.250
490	Xe đẩy cấp cứu Sigma-Care CE 021 - Sigma-Care - CE 021 - 1708020011	2018	20201818090072		1	36.225.000	9.056.250

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

491	Xe đẩy cấp cứu Sigma-Care CE 021 - 1708020002	2018	20201818090063		1	36.225.000	9.056.250
492	Xe đẩy cấp cứu Sigma-Care CE 021 - 1708020003	2018	20201818090064		1	36.225.000	9.056.250
493	Xe đẩy cấp cứu Sigma-Care CE 021 - 1708020004	2018	20201818090065		1	36.225.000	9.056.250
494	Xe đẩy cấp cứu Sigma-Care CE 021 - 1708020005	2018	20201818090066		1	36.225.000	9.056.250
495	Xe đẩy cấp cứu Sigma-Care CE 021 - 1708020006	2018	20201818090067		1	36.225.000	9.056.250
496	Xe đẩy cấp cứu Sigma-Care CE 021 - 1708020007	2018	20201818090068		1	36.225.000	9.056.250
497	Xe đẩy cấp cứu Sigma-Care CE 021 - 1708020008	2018	20201818090069		1	36.225.000	9.056.250
498	Xe đẩy cấp cứu Sigma-Care CE 021 - 1708020012	2018	20201818090073		1	36.225.000	9.056.250
499	Xe đẩy cơ động Hội chẩn trực tuyến	2018	20201848090082		1	77.000.000	19.250.000
500	Điều hòa Cassette Mitsubishi 2 chiều - mitsubishi	2018	20201812062385	Phòng hành chính	1	41.974.500	5.246.813
501	Điều hòa Cassette Mitsubishi 2 chiều - mitsubishi	2018	20201812062386	Phòng hành chính	1	34.784.500	4.348.063
502	Điều hòa Cassette Mitsubishi 2 chiều - mitsubishi	2018	20201812062387	Phòng máy tầng 5	1	41.974.500	5.246.813
503	Điều hòa Cassette Mitsubishi 2 chiều - mitsubishi	2018	20201812062388	Phòng máy tầng 6	1	34.784.500	4.348.063
504	Máy vi tính để bàn - DELL - Dell OptiPlex Small Form Factor Plus 7020 i5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - 8KWT754	2024	10202432023119		1	19.935.000	15.948.000
505	Máy vi tính để bàn - DELL - Dell OptiPlex Small Form Factor Plus 7020 i5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - 9LCM754	2024	10202432023120	Phòng 417 nhà K1	1	19.935.000	15.948.000
506	Máy vi tính để bàn - DELL - Dell OptiPlex Small Form Factor Plus 7020 i5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - 8HCM754	2024	10202432023112		1	16.170.000	12.936.000
507	Máy vi tính để bàn - DELL - Dell OptiPlex Small Form Factor Plus 7020 i5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - 8YCM754	2024	10202432023502		1	19.935.000	15.948.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

508	Máy vi tính để bàn - DELL - Dell OptiPlex Small Form Factor Plus 7020 i5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - 6KWT754	2024	10202432023445		1	19.935.000	15.948.000
509	Máy vi tính để bàn - DELL - Dell OptiPlex Small Form Factor Plus 7020 i5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - HNCM754	2024	10202432023659		1	19.935.000	15.948.000
510	Máy vi tính để bàn - DELL - Dell OptiPlex Small Form Factor Plus 7020 i5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - BLCM754	2024	10202432023535		1	19.935.000	15.948.000
511	Máy vi tính để bàn - DELL - Dell OptiPlex Small Form Factor Plus 7020 i5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - B7WT754	2024	10202432023526		1	19.935.000	15.948.000
512	Bơm Tiêm Điện - Terumo - TE - SS 730N03 - 2109010533	2023	05202338013100		1	24.990.000	18.742.500
513	Máy Theo Dõi - Nellcor - Nellcor PM10N	2020	-	-	1	24.780.000	11.151.000
514	Máy Theo Dõi - Nellcor - Nellcor PM10N	2020	-	-	1	24.780.000	11.151.000
515	Máy Theo Dõi - Nellcor - Nellcor PM10N - 1835837	2020	-	-	1	24.780.000	11.151.000
516	Máy Theo Dõi - Nellcor - Nellcor PM10N - 1835838	2020	-	-	1	24.780.000	11.151.000
517	Máy Theo Dõi - Nellcor - Nellcor PM10N - 1906477	2020	-	-	1	24.780.000	11.151.000
518	Máy Theo Dõi - Nellcor - Nellcor PM10N - 1906478	2020	-	-	1	24.780.000	11.151.000
519	Máy Theo Dõi - Nellcor - Nellcor PM10N - 1906484	2020	-	-	1	24.780.000	11.151.000
520	Máy Theo Dõi - Nellcor - Nellcor PM10N - 2001346	2020	-	-	1	24.780.000	11.151.000
521	Máy Theo Dõi - Nellcor - Nellcor PM10N - 2001347	2020	-	-	1	24.780.000	11.151.000
522	Máy Thở - GE Care Scape - R860 - CBRA 20514	2023	-	-	1	649.000.000	486.750.000
523	Máy Truyền Dịch - Terumo - TE - LF 600 - 1703030419	2018	-	-	1	34.996.500	8.749.125
524	Máy Truyền Dịch - Terumo - TE - LF 600 - 1702010120	2018	-	-	1	34.996.500	8.749.125
525	Máy Vỗ rung lồng ngực - PV-100 - P02H00000225	2024	-	-	1	142.500.000	124.687.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

	Cộng				**525**	**78.013.258.425**	**27.352.441.899**
XXXXI	**VIỆN ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU Y DƯỢC BẠCH MAI**						
1	BÀN BẦU DỤC FAMI (PHÒNG TELEMEDICINE VÀ PHÒNG HỌP) - FAMI CM6000H - 5000	2018	-	-	1	29.260.000	3.657.500
2	BÀN BẦU DỤC FAMI (PHÒNG TELEMEDICINE VÀ PHÒNG HỌP) - FAMI CM6000H - 5000	2018	-	-	1	29.260.000	3.657.500
3	BÀN QUẦY LỄ TÂN (P. LỄ TÂN)	2018	-	-	1	24.046.000	3.005.750
4	ĐIỀU HÒA - TOSHIBA - RAS-1353KSV - 2400043	2020	-	201	1	16.792.500	6.297.188
5	ĐIỀU HÒA - TOSHIBA - RAS-1353KSV - 2700001	2020	-	210	1	16.792.500	6.297.188
6	ĐIỀU HÒA - TOSHIBA - RAS-1353KSV - 2700056	2020	-	306	1	16.792.500	6.297.188
7	HỆ THỐNG MÔ PHỎNG ĐÀO TẠO CẤP CỨU CHẤN THƯƠNG MODEL 1031001 - NGA/3B SCIENTIFIC - 1031001	2020	-	-	1	6.052.300.000	2.723.535.000
8	MÀN HÌNH LED P3 192X192	2019	48201942100909	-	1	219.500.000	54.875.000
9	MÁY ĐÁNH GIÁ ÉP TIM TRONG CẤP CỨU HSG1PR10011	2021	48202148151866	-	1	12.800.000	7.040.000
10	MÁY ĐÁNH GIÁ ÉP TIM TRONG CẤP CỨU HSG1PR10011	2021	48202148151867	-	1	12.800.000	7.040.000
11	MÁY ĐÁNH GIÁ ÉP TIM TRONG NGỪNG TUẦN HOÀN - NASCO - HSG1PR100U - 1810A0018	2020	-	P401	1	31.000.000	13.950.000
12	MÁY ĐÁNH GIÁ ÉP TIM TRONG NGỪNG TUẦN HOÀN - NASCO - HSG1PR100U - 1902A0327	2020	-	P401	1	31.000.000	13.950.000
13	MÁY ĐÁNH GIÁ ÉP TIM TRONG NGỪNG TUẦN HOÀN - NASCO - HSG1PR100U - 1902A0453	2020	-	P401	1	31.000.000	13.950.000
14	MÁY ĐÁNH GIÁ ÉP TIM TRONG NGỪNG TUẦN HOÀN - NASCO - HSG1PR100U - 1902A0594	2020	-	P401	1	31.000.000	13.950.000
15	MÁY ÉP TIM TỰ ĐỘNG - ZOLL - 35243	2020	94201812240055	P409	1	1.026.700.000	462.015.000
16	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - 124202442023971	2024	124202442023971	-	1	18.326.000	14.660.800

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

17	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - 1PWQT44	2024	124202432022984	-	1	16.199.700	12.959.760
18	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - 3PWQT44	2024	124202432022986	-	1	16.199.700	12.959.760
19	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - 4QVQT44	2024	124202432022988	-	1	16.199.700	12.959.760
20	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - 5MWQT44	2024	124202432022985	-	1	16.199.700	12.959.760
21	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - FPWQT44	2024	10202432023056	-	1	16.199.700	12.959.760
22	MÔ HÌNH CHO ĂN VÀ RỬA DẠ DÀY - NASCO - LF01174U	2020	-	P411	1	58.000.000	26.100.000
23	MÔ HÌNH CHO ĂN VÀ RỬA DẠ DÀY - NASCO - LF01174U	2020	-	P411	1	58.000.000	26.100.000
24	MÔ HÌNH CHỌC DỊCH MÀNG PHỔI - NASCO - LF03770U - 2730	2020	-	P413	1	89.000.000	40.050.000
25	MÔ HÌNH CHỌC DÒ MÀNG TIM - NASCO - LF03769 - 713	2020	-	P411	1	86.000.000	38.700.000
26	MÔ HÌNH CHỌC DÒ MÀNG TIM - NASCO - LF03769 - 714	2020	-	P411	1	86.000.000	38.700.000
27	MÔ HÌNH CHỌC KHÍ MÀNG PHỔI DƯỚI HƯỚNG DẪN SIÊU ÂM - LIMBS& THINGS - 60230	2020	-	P413	1	262.000.000	117.900.000
28	MÔ HÌNH ĐẶT CATHETER TĨNH MẠCH TRUNG TÂM - NASCO - LF01087U - 6682	2020	-	P411	1	50.000.000	22.500.000
29	MÔ HÌNH ĐẶT CATHETER TĨNH MẠCH TRUNG TÂM - NASCO - LF01087U - 6684	2020	-	P411	1	50.000.000	22.500.000
30	MÔ HÌNH ĐỂ LÀM SIÊU ÂM Ổ BỤNG - TRUEPHANTOM - US-A01 - 1-0912-2	2020	-	P403	1	786.000.000	353.700.000
31	MÔ HÌNH ĐỂ LÀM SIÊU ÂM Ổ BỤNG - TRUEPHANTOM - US-A01 - 19-0912-1	2020	-	P403	1	786.000.000	353.700.000
32	MÔ HÌNH MỞ KHÍ QUẢN - NASCO - LF00994U - 1431	2020	-	P411	1	40.000.000	18.000.000
33	MÔ HÌNH MỞ KHÍ QUẢN - NASCO - LF00994U - 1433	2020	-	P411	1	40.000.000	18.000.000
34	MÔ HÌNH MỞ KHÍ QUẢN - NASCO - LF00994U - 1434	2020	-	P411	1	40.000.000	18.000.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

35	MÔ HÌNH MỞ KHÍ QUẢN - NASCO - LF00994U - 1436	2020	-	P411	1	40.000.000	18.000.000
36	MÔ HÌNH NGHE TIM PHỔI KẾT NỐI VỚI MÁY TÍNH - 3B - 1020095 - 8801508	2020	-	P411	1	886.000.000	398.700.000
37	MÔ HÌNH SIÊU ÂM VÚ - NASCO - SB48847(L)U	2020	-	P411	1	46.000.000	20.700.000
38	MÔ HÌNH TAY TĨNH MẠCH NGƯỜI LỚN	2017	-	P413	1	94.750.000	16.581.250
39	MÔ HÌNH TAY TĨNH MẠCH NGƯỜI LỚN	2017	-	P413	1	94.750.000	16.581.250
40	MÔ HÌNH TAY TĨNH MẠCH NGƯỜI LỚN	2017	-	P413	1	94.750.000	16.581.250
41	TỦ ĐỰNG MÔ HÌNH, DỤNG CỤ - VIỆT NAM	2018	-	-	1	35.500.000	4.437.500
42	TỦ ĐỰNG TÀI LIỆU - VIỆT NAM	2018	-	-	1	24.822.600	3.102.825
43	TỦ PHỤC VỤ ĐỒ HẬU CẦN VÀ PHỤ KIỆN - VIỆT NAM	2018	-	-	1	36.582.700	4.572.838
44	TỦ SÁCH	2018	-	-	1	24.822.700	3.102.838
45	TỦ VĂN PHÒNG (SAU QUẦY LỄ TÂN) - VIỆT NAM	2018	-	-	1	31.724.000	3.965.500
	Cộng				**45**	**11.521.070.000**	**5.019.252.163**
XXXXII	**KHOA CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH VÀ CỘT SỐNG**						
1	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1803010593	2018	121201828010781	Phòng máy	1	24.990.000	6.247.500
2	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1807010742	2018	121201828010782	Phòng máy	1	24.990.000	6.247.500
3	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1807010771	2018	121201828010780	Phòng máy	1	24.990.000	6.247.500
4	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1808010246	2019	121201918010853	Phòng máy	1	24.990.000	8.746.500
5	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1808010265	2019	121201918010852	Phòng máy	1	24.990.000	8.746.500
6	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1810010199	2019	121201918010854	Phòng máy	1	24.990.000	8.746.500
7	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1810010298	2019	43201918010865	Phòng máy	1	24.990.000	8.746.500
8	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010069	2020	121202048011190	Phòng máy	1	24.990.000	11.245.500
9	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010115	2020	121202048011191	Phòng máy	1	24.990.000	11.245.500
10	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010131	2020	121202048011192	Phòng máy	1	24.990.000	11.245.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

11	MÁY ĐIỆN TIM - NIHON KOHDEN - ECG-1250K - 12940	2017	121201712170106	Phòng máy	1	65.000.000	8.125.000
12	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 13524	2018	121201842220531	Phòng máy	1	167.000.000	41.750.000
13	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 13551	2018	121201842220530	Phòng máy	1	167.000.000	41.750.000
14	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 22600	2018	121201822220567	Phòng máy	1	169.000.000	42.250.000
15	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562K - 27383	2020	121202042220767	Phòng máy	1	169.000.000	76.050.000
16	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R G9 - 5CG4260JJJ	2024	10202432030189	Phòng giao ban	1	15.895.000	12.716.000
17	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - CYWQT44	2024	10202432023073	Phòng cho thuốc	1	16.199.700	12.959.760
18	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - DZWQT44	2024	10202432023094	Phòng cho thuốc	1	16.199.700	12.959.760
19	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - JZWQT44	2024	10202432023112	Phòng cho thuốc	1	16.199.700	12.959.760
20	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - 1CWT754	2024	10202432023318	Phòng cho thuốc	1	19.935.000	15.948.000
21	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - DJWT754	2024	10202432023578	Phòng cho thuốc	1	19.935.000	15.948.000
22	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - FGWT754	2024	10202432023600	Phòng cho thuốc	1	19.935.000	15.948.000
23	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 - JSCM754	2024	10202432023689	Phòng cho thuốc	1	19.935.000	15.948.000
24	XE CÁNG CỨU THƯƠNG CAO CẤP - BRATECO - BT-201 - CTCH.XC.01	2016	121201613020369	Khu để cáng	1	24.000.000	1.200.000
25	XE CÁNG CỨU THƯƠNG CAO CẤP - BRATECO - BT-201 - CTCH.XC.02	2016	121201613020370	Khu để cáng	1	24.000.000	1.200.000
26	XE CÁNG CỨU THƯƠNG CAO CẤP - BRATECO - BT-201 - CTCH.XC.03	2016	121201613020371	Khu để cáng	1	24.000.000	1.200.000
27	XE CÁNG CỨU THƯƠNG CAO CẤP - BRATECO - BT-201 - CTCH.XC.04	2016	121201613020372	Khu để cáng	1	24.000.000	1.200.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

	Cộng				**27**	**1.227.134.100**	**417.577.280**
XXXXIII	PHÒNG CÔNG TÁC XÃ HỘI						
1	MÀN CHIẾU LED	2020	93202042101065	CỔNG SỐ 1	1	190.080.000	85.536.000
2	MÁY TÍNH - ASUS	2023	43202342022889	-	1	13.980.000	8.388.000
3	MÁY TÍNH - ASUS	2023	42202342022888	-	1	13.980.000	8.388.000
4	MÁY TÍNH - ASUS	2023	45202342022891	-	1	13.980.000	8.388.000
5	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN - ACER - VERITON X2690G - DTVV1SV02M223013793000	2023	44202342022890	-	1	13.980.000	8.388.000
	Cộng				**5**	**246.000.000**	**119.088.000**
XXXXIV	**TRUNG TÂM DỊ ỨNG MIỄN DỊCH LÂM SÀNG**						
1	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010505	2021	27202138012880	Lâm sàng	1	24.000.000	3.000.000
2	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010520	2022	27202238012884	Lâm sàng	1	24.000.000	3.000.000
3	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010534	2022	27202238012885	Lâm sàng	1	24.000.000	3.000.000
4	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2109010538	2021	27202138012881	Lâm sàng	1	24.000.000	3.000.000
5	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN	2020	27202043020541	Dị Nguyên	1	13.860.000	6.237.000
6	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2020	27202043020536	Lâm sàng	1	13.860.000	6.237.000
7	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2020	27202043020537	Lâm sàng	1	13.860.000	6.237.000
8	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2020	27202043020538	Lâm sàng	1	13.860.000	6.237.000
9	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2020	27202043020539	Lâm sàng	1	13.860.000	6.237.000
10	CÁNG ĐẨY BỆNH NHÂN - HOÀNG NGUYỄN - XC-07	2020	27202043020540	Lâm sàng	1	13.860.000	6.237.000
11	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ ÂM TRẦN - DAIKIN - RNQ48MY1	2019	-	**đón tiếp tầng 1**	1	33.140.000	4.142.500
12	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - CARRER - 42CSR018-703	2017	27201702062427	**giao ban**	1	13.280.000	1.660.000
13	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - CARRER - 42CSR018-703	2017	27201702062428	**giao ban**	1	13.280.000	1.660.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

14	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN	2018	-	phòng truyền	1	13.296.998	1.662.125
15	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTE50L1V1	2018	-	kho vật tư	1	19.778.682	2.472.335
16	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE35MV1V9	2018	27201842061937	giường 25-28	1	13.296.998	1.662.125
17	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE35MV1V9	2018	27201842061938	giường 33-37	1	13.296.998	1.662.125
18	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE35MV1V9	2018	27201842061939	giường 44-61	1	13.296.998	1.662.125
19	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE35MV1V9	2018	27201842061940	điều dưỡng trưởng	1	13.296.998	1.662.125
20	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE35MV1V9	2018	-	điều dưỡng nam	1	19.563.500	1.662.125
21	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE35MV1V9	2018	-	bác sĩ nam	1	19.563.500	1.662.125
22	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE35MV1V9	2018	-	bác sĩ nữ	1	19.563.500	1.662.125
23	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE35MV1V9	2018	-	điều dưỡng nữ	1	19.563.500	1.662.125
24	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE35MV1V9	2018	-	bác sĩ nữ	1	19.563.500	1.662.125
25	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE35MV1V9	2018	-	**đón tiếp tầng 2**	1	19.563.500	1.662.125
26	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V	2018	27201842062042	P Điều dưỡng	1	19.778.682	2.472.335
27	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V	2018	27201842062043	cấp cứu	1	19.778.682	2.472.335
28	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V	2018	27201842062044	giường 69	1	19.778.682	2.472.335
29	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V	2018	27201842062045	bộ môn	1	19.778.682	2.472.335
30	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V	2018	27201842062248	giường 67	1	19.880.300	2.485.038
31	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V	2018	27201842062291	bệnh nhân khu B	1	19.880.300	2.485.038
32	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V	2018	27201842062292	giường 29-32	1	19.880.300	2.485.038

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

33	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V	2018	27201842062293	giường 33-37	1	19.880.300	2.485.038
34	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V	2018	-	giường 94-99	1	19.778.682	2.860.825
35	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V	2018	-	giường 82-93	1	19.778.682	2.860.825
36	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V	2018	-	giường 82-93	1	19.778.682	2.860.825
37	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V	2018	-	bác sĩ	1	19.778.682	2.860.825
38	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V	2018	-	hội trường	1	19.778.682	2.860.825
39	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE50MV1V	2018	-	hội trường	1	19.778.682	2.860.825
40	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2018	27201842062318	**hành chính**	1	26.595.800	3.324.475
41	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2018	27201842062319	buồng bệnh lớn	1	26.595.800	3.324.475
42	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2018	27201842062320	buồng bệnh lớn	1	26.595.800	3.324.475
43	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2018	27201842062321	buồng bệnh lớn	1	26.595.800	3.324.475
44	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2018	27201842062322	buồng bệnh lớn	1	26.595.800	3.324.475
45	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2018	27201842062324	buồng bệnh lớn	1	26.595.800	3.324.475
46	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2018	-	giường 74-77	1	26.595.800	3.324.475
47	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - MITSUBISHI - SRK-35ZSPS-S5	2018	-	chức năng 2	1	13.296.998	1.662.125
48	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - MITSUBISHI - SRK-35ZSPS-S5	2018	-	khám 2	1	13.296.998	1.662.125
49	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - MITSUBISHI - SRK-35ZSPS-S5	2018	-	khám 1	1	13.296.998	1.662.125
50	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - MITSUBISHI - SRK-35ZSPS-S5	2018	-	khám 3	1	13.296.998	1.662.125
51	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - MITSUBISHI - SRK-50ZS-S	2018	-	xét nghiệm	1	19.880.300	2.485.038

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

52	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - MITSUBISHI - SRK-50ZS-S	2018	-	xét nghiệm	1	19.880.300	2.485.038
53	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - MITSUBISHI - SRK-50ZS-S	2018	-	xét nghiệm	1	19.880.300	2.485.038
54	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - MITSUBISHI - SRK-50ZS-S	2018	-	chức năng 1	1	19.880.300	2.485.038
55	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - MITSUBISHI - SRK-50ZS-S	2018	-	quản lý chất lượng	1	19.880.300	2.485.038
56	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3AS-V	2020	-	giám đốc trung tâm	1	22.136.000	8.301.000
57	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3AS-V	2020	-	dị nguyên	1	22.136.000	8.301.000
58	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3AS-V	2020	-	-	1	22.136.000	8.301.000
59	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3AS-V	2020	-	-	1	22.136.000	8.301.000
60	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3KS-V	2020	-	**hành chính**	1	22.136.000	8.301.000
61	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-24S3KS-V	2020	-	giường 78-81	1	23.028.500	8.635.688
62	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - INFINIUM - OMNI II - 11001696	2021	27202232221145	Lâm sàng - Buồng G72	1	123.860.000	68.123.000
63	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - INFINIUM - OMNI II - 11001701	2021	27202232221146	Lâm sàng - Buồng G71	1	123.860.000	68.123.000
64	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - 1WCM754	2024	10202432023296	-	1	19.935.000	15.948.000
65	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - 26WT754	2024	10202432023298	-	1	19.935.000	15.948.000
66	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - 2XCM754	2024	10202432023354	-	1	19.935.000	15.948.000
67	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - 5JWT754	2024	10202432023419	-	1	19.935.000	15.948.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

68	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - 8FWT754	2024	10202432023490	-	1	19.935.000	15.948.000
69	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - 90DM754	2024	10202432023504	-	1	19.935.000	15.948.000
70	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - 9WCM754	2024	10202432023522	-	1	19.935.000	15.948.000
71	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - CLWT754	2024	10202432023557	-	1	19.935.000	15.948.000
72	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - F6WT754	2024	10202432023593	-	1	19.935.000	15.948.000
73	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - FKCM754	2024	10202432023297	-	1	19.935.000	15.948.000
74	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - G6WT754	2024	10202432023620	-	1	19.935.000	15.948.000
75	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - GLCM754	2024	10202432023631	-	1	19.935.000	15.948.000
76	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - H4WT754	2024	10202432023295	-	1	19.935.000	15.948.000
77	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - HVCM754	2024	10202432023663	-	1	19.935.000	15.948.000
78	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R 9 - 5CG4260JLZ	2024	10202432030259	-	1	15.895.000	12.716.000
79	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R 9 - 5CG4260JM2	2024	10202432030262	-	1	15.895.000	12.716.000
80	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - 1NWQT44	2024	27202432022992	-	1	16.199.700	12.959.760
81	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - 4MWQT44	2024	27202432022989	-	1	16.199.700	12.959.760

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

82	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - 6NWQT44	2024	27202432022965	-	1	16.199.700	12.959.760
83	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - BMWQT44	2024	27202432022990	-	1	16.199.700	12.959.760
84	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - DPWQT44	2024	27202432022991	-	1	16.199.700	12.959.760
85	XE ĐẨY LƯU TRỮ Y DỤNG CỤ - BAILIDA - SC 32 EMG - BM20-P1073	2020	27202043010087	Lâm sàng	1	29.700.000	13.365.000
	Cộng				**144**	**9.587.365.525**	**670.234.148**
XXXXV	**KHOA KHÁM CHỮA BỆNH THEO YÊU CẦU**						
1	Bàn sấy lam kính Diapath 37o	2020	11202042280940	-	1	29.500.000	13.275.000
2	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 03 TAY QUAY SMSC 003	2018	11201843020464	-	1	33.000.000	8.250.000
3	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 03 TAY QUAY SMSC 003	2018	11201843020465	-	1	33.000.000	8.250.000
4	CÁNG VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN 03 TAY QUAY SMSC 003	2018	11201843020466	-	1	33.000.000	8.250.000
5	CÂY LỌC NƯỚC	2021	-	-	1	14.630.000	2.728.000
6	CÂY LỌC NƯỚC	2021	-	-	1	14.630.000	2.728.000
7	CÂY NƯỚC - THIÊN TRƯỜNG	2021	-	-	1	14.630.000	2.728.000
8	CÂY NƯỚC - THIÊN TRƯỜNG	2021	-	-	1	14.630.000	2.728.000
9	CÂY NƯỚC - THIÊN TRƯỜNG	2021	-	-	1	14.630.000	2.728.000
10	CÂY NƯỚC - THIÊN TRƯỜNG	2021	-	-	1	14.630.000	2.728.000
11	CÂY NƯỚC - THIÊN TRƯỜNG	2021	-	-	1	14.630.000	2.728.000
12	CÂY NƯỚC - THIÊN TRƯỜNG	2021	-	-	1	14.630.000	2.728.000
13	CÂY NƯỚC - THIÊN TRƯỜNG - HM2681	2021	-	-	1	14.630.000	2.728.000
14	CÂY NƯỚC - THIÊN TRƯỜNG - HM2681	2021	-	-	1	14.630.000	2.728.000
15	CÂY NƯỚC - THIÊN TRƯỜNG - HM2681 A1-20007003/ A1-20007007	2021	-	-	1	14.630.000	2.728.000
16	CÂY NƯỚC - THIÊN TRƯỜNG - HM2681 A1-20007003/ A1-20007007	2021	-	-	1	14.630.000	2.728.000
17	CÂY NƯỚC - THIÊN TRƯỜNG - HM2681 A1-20008033	2021	-	-	1	14.630.000	2.728.000
18	CÂY NƯỚC - THIÊN TRƯỜNG - HM2681 A1-20008033	2021	-	-	1	14.630.000	2.728.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

19	CÂY NƯỚC - THIÊN TRƯỜNG - HM2681 A1-20008033	2021	-	-	1	14.630.000	2.728.000
20	CÂY NƯỚC - THIÊN TRƯỜNG - HM2682	2021	-	-	1	14.630.000	2.728.000
21	CÂY NƯỚC 2 VÒI - HM-2682	2021	-	-	1	14.630.000	2.728.000
22	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS18S3HS-V - DH1652	2020	ĐH Toshiba	chờ thang máy	1	22.136.000	8.301.000
23	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS18S3HS-V - DH5874	2020	ĐH Toshiba	chờ thang máy	1	22.136.000	8.301.000
24	Kính chì chắn tia bức xạ	2018	11201848110156	chờ thang máy	1	38.000.000	9.500.000
25	Kính chì chắn tia bức xạ	2018	11201818110168	chờ thang máy	1	38.000.000	9.500.000
26	MÀN HÌNH LED P2.5 INDOOR FULL COLOR - 118202442070140 - 118202442070140	2024	118202442070140	P. 208	1	75.680.000	60.544.000
27	MÁY ĐO HUYẾT ÁP ĐỂ BÀN - OMRON - HBP-9030 - 07006420LF	2.023	11202342150417	P. 208	1	48.350.000	36.262.500
28	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3020S - F9VQT44	2024	41202432022924	P. 702A	1	16.199.700	12.959.760
29	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRON 3030SFF - 8SWQT44	2024	10202432023126	P. 702A	1	16.170.000	12.936.000
30	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - VPRO - C3WT754	2024	10202432023545	P. 608	1	19.935.000	15.948.000
31	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL - INSPIRION 3030SFF - BSWQT44	2024	10202432023162	Sảnh chính	1	16.170.000	12.936.000
32	TIVI SAMSUNG 55TU7000	2021	131202142101087	Sảnh chính	1	11.880.000	2.376.000
33	Máy vi tính để bàn - Dell - Inspirion 3030SFF - JXWQT44	2024	10202432023063	Sảnh chính	1	16.170.000	12.936.000
34	Máy vi tính để bàn - Dell - Inspirion 3030SFF - 7SWQT44	2024	10202432023129	Sảnh chính	1	16.170.000	12.936.000
35	Máy vi tính để bàn - Dell - Inspirion 3030SFF - HRWQT44	2024	10202432023137	Sảnh chính	1	16.170.000	12.936.000
36	TỦ LẠNH SAMSUNG RL4364SBABS/SV	2021	11202144031032	Sảnh chính	1	16.899.300	3.379.860
37	Máy đo huyết áp điện tử - Omron - HBP-9030 - 11202448153789	2024	11202448153789	P. 208	1	49.650.000	43.443.750
	Cộng				**37**	**816.926.000**	**359.596.870**
XXXXVI	**KHOA NỘI TIẾT ĐÁI THÁO ĐƯỜNG**						

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

1	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010049	2019	22201918011011	đang sd	1	24.990.000	8.746.500
2	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010075	2019	22201918011012	đang sd	1	24.990.000	8.746.500
3	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010077	2019	22201918011013	đang sd	1	24.990.000	8.746.500
4	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010151	2019	22201918011010	đang sd	1	24.990.000	8.746.500
5	BƠM TIÊM INSULIN - MEDTRONIC - MINIMED 640G - NG2725793H	2019	22201918011048	đang sd	1	572.775.000	200.471.250
6	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600 - 1911010080	2020	22202048011112	đang sd	1	24.990.000	11.245.500
7	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600 - 1911010147	2020	22202042230934	đang sd	1	34.996.500	15.748.425
8	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600 - 1911010155	2020	22202042230935	đang sd	1	34.996.500	15.748.425
9	BƠM TRUYỀN DỊCH - TERUMO - TE-LF600 - 1911010182	2020	22202042230936	đang sd	1	34.996.500	15.748.425
10	CÁNG	2020	07202043020568	-	1	13.860.000	6.237.000
11	CÁNG - BETTER MEDICAL - BT201	2017	22201713020388	đang sd	1	24.000.000	3.600.000
12	CÂY LỌC NƯỚC 3 VÒI - HAOHSING	2021	22202142120165	Hành lang trước phòng bệnh (tem 916)	1	15.048.000	3.009.600
13	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ ÂM TRẦN - DAIKIN	2020	93202042062561	P. 617 (số tem 887)	1	13.375.000	6.687.500
14	ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ ÂM TRẦN - DAIKIN	2020	93202042062562	P. 626 (số tem 903)	1	13.375.000	6.687.500
15	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2017	22201718040892	614,00	1	19.750.000	2.468.750
16	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2017	22201718040893	615,00	1	19.750.000	2.468.750
17	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2017	22201718040894	615,00	1	19.750.000	2.468.750
18	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2017	22201718040895	625,00	1	19.750.000	2.468.750
19	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2017	22201718040896	625,00	1	19.750.000	2.468.750
20	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2017	22201718040897	624,00	1	19.750.000	2.468.750
21	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2017	22201718040898	624,00	1	19.750.000	2.468.750
22	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2017	22201718040899	624,00	1	19.750.000	2.468.750
23	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2017	22201718040900	624,00	1	19.750.000	2.468.750
24	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2017	22201718040901	624,00	1	19.750.000	2.468.750

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

25	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2017	22201718040902	624,00	1	19.750.000	2.468.750
26	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2017	22201718040903	624,00	1	19.750.000	2.468.750
27	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS	2017	22201718040904	624,00	1	19.750.000	2.468.750
28	GIƯỜNG - HOÀNG NGUYỄN - G-03ABS - 1907010077	2017	22201718040891	614,00	1	19.750.000	2.468.750
29	LAPTOP - HP - HP 240R G9 I5 1335 8GB DDR4-3200 256GB MÀN HÌNH 14INCH TRỌNG LƯỢNG 1.47KG - 5CG4260JM0	2024	10202432030260	Phòng họp	1	15.895.000	12.716.000
30	MÁY ĐIỆN TIM - NIHON KOHDEN - ECG-1250K - 15546	2020	22202042180026	P 626	1	70.000.000	31.500.000
31	MÁY PHÁ RUNG TIM - NIHON KOHDEN - TEC-5631 - 9755	2020	22202042240615	P 626	1	178.000.000	80.100.000
32	MÁY SIÊU ÂM - GE - LOGIQ S7 EXPERT R3 - LS7002549	2018	22201892210117	P Siêu âm	1	1.988.000.000	497.000.000
33	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - 7SCM754	2024	10202432023479	phòng điều dưỡng trưởng	1	19.935.000	15.948.000
34	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - 4LCM754	2024	10202432023394	phòng điều dưỡng trưởng	1	19.935.000	15.948.000
35	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION 3030SFF INTEL CORE I5 – 14400 - 57WQT44	2024	10202432023194	Hành lang	1	16.170.000	12.936.000
36	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION 3030SFF INTEL CORE I5 – 14400 - 84WQT44	2024	10202432023179	Phòng hành chính	1	16.170.000	12.936.000
37	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION 3030SFF INTEL CORE I5 – 14400 - 67WQT44	2024	10202432023206	Hành lang	1	16.170.000	12.936.000
38	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION 3030SFF INTEL CORE I5 – 14400 - FSWQT44	2024	10202432023123	Phòng họp	1	16.170.000	12.936.000
39	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION 3030SFF INTEL CORE I5 – 14400 (10 CORE, 20M CACHE, UP TO 4.6 GHZ), 1 X 8GB DDR5 4400MT/S, SSD 512GB, WIFI + BT, WIN11 SL, NON DVDRW, 180W PSU, BÀN PHÍM VÀ CHUỘT - GSWQT44	2024	10202432023147	Phòng họp	1	16.170.000	12.936.000
40	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - 2GWT754	2024	10202432023264	Hành lang	1	19.935.000	15.948.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

41	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - 8XCM754	2024	10202432023501	phòng điều dưỡng trưởng	1	19.935.000	15.948.000
42	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - JYCM754	2024	10202432023265	Hành lang	1	19.935.000	15.948.000
43	MÁY TÍNH- DELL OPTIPLEX SMALL FORM FACTOR PLUS 7020 I5 14500 08GB DDR5 SSD512GB - CGWT754	2024	10202432023553	phòng điều dưỡng trưởng	1	19.935.000	15.948.000
44	THIẾT BỊ THEO DÕI ĐƯỜNG MÁU LIÊN TỤC 24H - MEDTRONIC - MMT 7741 - GT3121533M	2019	22201912520018	-	1	406.225.000	142.178.750
45	XE ĐẨY DỤNG CỤ - EQ MEDICAL - EQ-02-133	2021	71202143020636	626 (số tem 919)	1	15.000.000	8.250.000
	Cộng				**45**	**4.032.452.500**	**1.286.844.875**
XXXXVII	**KHOA PHẪU THUẬT TIẾT NIỆU**						
1	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2205010056	2023	05202338013072		1	24.000.000	18.000.000
2	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2205010042	2022	161202238013068		1	24.000.000	18.000.000
3	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2205010051	2023	05202338013070		1	24.000.000	18.000.000
4	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2205010050	2023	05202338013071		1	24.000.000	18.000.000
5	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2205010057	2023	05202338013069		1	24.000.000	18.000.000
6	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2205010022	2023	05202338013145		1	24.000.000	18.000.000
7	BƠM TRUYỀN DỊCH - TOP -2300 - 20G0450	2020	71202032231049		1	29.650.000	19.272.500
8	BƠM TRUYỀN DỊCH - TOP-2300 - 20G0447	2020	71202032231047		1	29.650.000	19.272.500
9	BƠM TRUYỀN DỊCH - TOP-2300 - 20G0456	2020	71202032231046		1	29.650.000	19.272.500
10	BƠM TRUYỀN DỊCH - TOP-2300 - 20G0454	2020	71202032231048		1	29.650.000	19.272.500
11	BƠM TRUYỀN DỊCH - TOP-2300 - 20G0446	2020	71202032231050		1	29.650.000	19.272.500
12	BƠM TRUYỀN DỊCH - TOP-2300 - 20G0449	2020	71202032231062		1	29.650.000	19.272.500
13	MÁY ĐIỆN TIM - NIHON KOHDEN - ECG 1250K - 16967	2022	05202232170951		1	69.000.000	44.850.000
14	XE ĐỰNG DỤNG CỤ CẤP CỨU - HOÀNG NGUYỄN - XD-12 - 161202443010099	2024	161202443010099		1	13.750.000	12.031.250

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

15	XE ĐỰNG DỤNG CỤ CẤP CỨU - HOÀNG NGUYỄN - XD-12 - 161202443010100	2024	161202443010100		1	13.750.000	12.031.250
16	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP-5520 - ES01962	2022	05202248012785		1	93.000.000	60.450.000
17	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP-5520 - ES01963	2022	05202248012786		1	93.000.000	60.450.000
18	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP-5520 - ES01964	2022	05202248012787		1	93.000.000	60.450.000
19	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP-5520 - ES01965	2022	05202248012788		1	93.000.000	60.450.000
20	BƠM TIÊM ĐIỆN GIẢM ĐAU - TOP-5520 - ES02000	2022	05202248012823		1	93.000.000	60.450.000
21	CÁNG 1 TAY QUAY	2020	07202043020569		1	13.860.000	6.237.000
22	CÁNG 1 TAY QUAY	2020	07202043020570		1	13.860.000	6.237.000
23	CÁNG 1 TAY QUAY	2020	07202043020571		1	13.860.000	6.237.000
24	CÁNG 1 TAY QUAY	2021	71202143020633		1	13.860.000	7.623.000
25	CÁNG 1 TAY QUAY	2021	71202143020634		1	13.860.000	7.623.000
26	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP 240R G9 - 5CG4260JJB	2024	10202432030183	Phòng tiếp đón 1241	1	15.895.000	12.716.000
27	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL INSPIRION 3030SFF - G6WQT44	2024	10202432023169	Phòng giao ban	1	16.170.000	12.936.000
28	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL INSPIRION 3030SFF - 87WQT44	2024	10202432023173	Phòng tiếp đón 1241	1	16.170.000	12.936.000
29	MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN - DELL INSPIRION 3030SFF - 77WQT44	2024	10202432023198	Phòng trực	1	16.170.000	12.936.000
30	MÁY TÍNH - DELL - 7020 - 7TCM754	2024	10202432023480		1	19.935.000	15.948.000
	Cộng	**-**	**-**	**-**	**30**	**1.037.040.000**	**696.226.500**
XXXXVII	**KHOA RĂNG HÀM MẶT**						
1	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1907010363	2019	26201918011000	PHÒNG CC- Tủ trực	1	24.990.000	8.746.500,00
2	CÁNG - HOÀNG NGUYỄN - XC-09 - 0	2023	26202343020655	BUỒNG BN 2	1	18.000.000	13.500.000,00
3	CÁNG - HOÀNG NGUYỄN - XC-09 - 0	2023	26202343020660	BUỒNG BN 1	1	18.000.000	13.500.000,00
4	GHẾ MÁY RĂNG - NINGBOO RUNYES MEDICAL INSTRUMENT - CARE022D - CA22D2403033	2024	26202448152905	P03 - Implant	1	97.216.000	85.064.000,00

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

5	GHẾ MÁY RĂNG - NINGBOO RUNYES MEDICAL INSTRUMENT - CARE022D - CA22D2403034	2024	26202458152906	P05- Chỉnh hình	1	97.216.000	85.064.000,00
6	GHẾ MÁY RĂNG - NINGBOO RUNYES MEDICAL INSTRUMENT - CARE022D - CA22D2403035	2024	26202468152907	P TIỂU PHẪU	1	97.216.000	85.064.000,00
7	GHẾ MÁY RĂNG - NINGBOO RUNYES MEDICAL INSTRUMENT - CARE022D - CA22D2403036	2024	26202478152908	P05- Chỉnh hình	1	97.216.000	85.064.000,00
8	GHẾ MÁY RĂNG - NINGBOO RUNYES MEDICAL INSTRUMENT - CARE022D - CA22D2403037	2024	26202448152909	P07- Nội nha	1	97.216.000	85.064.000,00
9	GHẾ MÁY RĂNG - NINGBOO RUNYES MEDICAL INSTRUMENT - CARE022D - CA22D2403038	2024	26202448152910	P06- TYC2	1	97.216.000	85.064.000,00
10	GHẾ MÁY RĂNG - NINGBOO RUNYES MEDICAL INSTRUMENT - CARE022D - CA22D2403039	2024	26202448152911	P TIỂU PHẪU	1	97.216.000	85.064.000,00
11	GHẾ MÁY RĂNG - NINGBOO RUNYES MEDICAL INSTRUMENT - CARE022D - CA22D2403040	2024	26202448152912	P07- Nội nha	1	97.216.000	85.064.000,00
12	GHẾ MÁY RĂNG - NINGBOO RUNYES MEDICAL INSTRUMENT - CARE022D - CA22D2403041	2024	26202448152913	P07- Nội nha	1	97.216.000	85.064.000,00
13	GHẾ MÁY RĂNG - NINGBOO RUNYES MEDICAL INSTRUMENT - CARE022D - CA22D2403042	2024	26202448152914	P07- Nội nha	1	97.216.000	85.064.000,00
14	GHẾ MÁY RĂNG - NINGBOO RUNYES MEDICAL INSTRUMENT - CARE022D - CA22D2403043	2024	26202448152915	P TIỂU PHẪU	1	97.216.000	85.064.000,00
15	GHẾ MÁY RĂNG - NINGBOO RUNYES MEDICAL INSTRUMENT - CARE022D - CA22D2403044	2024	26202448152916	P03 - Implant	1	97.216.000	85.064.000,00
16	GHẾ MÁY RĂNG - NINGBOO RUNYES MEDICAL INSTRUMENT - CARE022D - CA22D2403045	2024	26202448152917	Phòng thay băng	1	97.216.000	85.064.000,00

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

17	GHẾ MÁY RĂNG - NINGBOO RUNYES MEDICAL INSTRUMENT - CARE022D - CA22D2403046	2024	26202448152918	P07- Nội nha	1	97.216.000	85.064.000,00
18	GHẾ MÁY RĂNG - NINGBOO RUNYES MEDICAL INSTRUMENT - CARE022D - CA22D2403047	2024	26202448152919	P09- Phòng dịch vụ	1	97.216.000	85.064.000,00
19	GHẾ MÁY RĂNG - NINGBOO RUNYES MEDICAL INSTRUMENT - CARE022D - CA22D2403048	2024	26202448152920	P07- Nội nha	1	97.216.000	85.064.000,00
20	GHẾ MÁY RĂNG - DETECT TS-6830	1996		chờ hủy	1		
21	LAPTOP - HP 240R G9 I5 1335 8GB DDR4-3200 256GB MÀN HÌNH 14INCH TRỌNG LƯỢNG 1.47KG - 5CG4260JJY	2024	10202432030202	PHCHM	1	15.895.000	12.716.000,00
22	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION 3030SFF INTEL CORE I5 - 9SWQT44	2024	10202432023124	P YC1	1	16.170.000	12.936.000,00
23	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION -3030SFF - 1RWQT44	2024	10202432023140	P HCHM	1	16.170.000	12.936.000,00
24	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION -3030SFF - GRWQT44	2024	10202432023144	P HCHM	1	16.170.000	12.936.000,00
25	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION -3030SFF - D4WQT44	2024	10202432023163	P NỘI NHA	1	16.170.000	12.936.000,00
26	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION -3030SFF - 86WQT44	2024	10202432023166	P TIỂU PHẪU	1	16.170.000	12.936.000,00
27	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX - 7020 - 1KCM754	2024	10202432023246	P HCHM	1	19.935.000	15.948.000,00
28	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX - 7020 - 2KWT754	2024	10202432023232	P TIỂU PHẪU	1	19.935.000	15.948.000,00
29	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX - 7020 - 7LWT754	2024	10202432023472	KHO	1	19.935.000	15.948.000,00
30	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX - 7020 - 5VCM754	2024	10202432023428	KHO	1	19.935.000	15.948.000,00
31	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX - 7020 - FQCM754	2024	10202432023608	KHO	1	19.935.000	15.948.000,00
32	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX - 7020 - 35WT754	2024	10202432023356	KHO	1	19.935.000	15.948.000,00
	Cộng				**31**	**1.832.801.000**	**1.569.854.500**
XXXXIX	TRUNG TÂM DINH DƯỠNG LÂM SÀNG						

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

1	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION - 3030SFF - GCVQT44	2024	22202432022999	TRUNG TÂM DINH DƯỠNG	1	16.199.700	12.959.760
2	MÁY TÍNH - DELL INSPIRION 3030SFF - HCVQT44	2024	22202432023000	TRUNG TÂM DINH DƯỠNG	1	16.199.700	12.959.760
3	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX - 7020 - 4GWT754	2024	10202432023389	TRUNG TÂM DINH DƯỠNG	1	19.935.000	15.948.000
4	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX - 7020 - DVCM754	2024	10202432023587	TRUNG TÂM DINH DƯỠNG	1	19.935.000	15.948.000
5	MÁY TÍNH - DELL OPTIPLEX - 7020 - GGWT754	2024	10202432023626	TRUNG TÂM DINH DƯỠNG	1	19.935.000	15.948.000
	Cộng				**5**	**92.204.400**	**73.763.520**
XXXXX	**TRUNG TÂM Y HỌC HẠT NHÂN VÀ UNG BƯỚU**						
1	ÁO CHÌ: X1213725-KÍNH ĐEO AN TOÀN BỨC XẠ: X18200001 TẤM CHÌ CH CHẮN TUYẾN GIÁP X1513300 MẶT NẠ	2021	33202128151841	Phòng 118 nhà H Tầng 1	1	46.500.000	25.575.000
2	ÁO CHÌ: X1213725- KÍNH ĐEO AN TOÀN BỨC XẠ: X18200001 TẤM CHÌ CH CHẮN TUYẾN GIÁP X1513300 MẶT NẠ	2021	33202128151842	Phòng 118 nhà H Tầng 1	1	46.500.000	25.575.000
3	HỆ THỐNG CAMERA QUAN SÁT	2018	33201842100851	Tầng 1	1	49.956.500	12.489.125
4	CONTAINER CHÌ VẬN CHUYỂN THUỐC PHÓNG XẠ FDG 01	2020	33202042530410	Phòng 118 nhà H Tầng 1	1	57.200.000	25.740.000
5	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG DAIKIN - FTNE35MV1V9 -E108133	2018	33201842062098	điều khiển dao gama Tầng 1	1	19.778.682	2.472.335

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

6	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG MITSUBISHI -SRK-12CM5	-	-	102 Tầng 1	1	25.973.794	3.246.724
7	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG LG -H18ENA-MEZ64709615-REV01	-	-	103 Tầng 1	1	13.296.998	1.662.125
8	ĐIỀU HÒA FUJITSU GENERAL - ASY12RSJTW- T005590	-	-	Phòng nghỉ NV Tầng 1	1	13.296.998	1.662.125
9	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG DAIKIN - FTKC35QVMV- E023331	-	-	phòng kho Tầng 1	1	19.778.682	2.472.335
10	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG PANASONIC - CS-N24TKH-8 -3756401518	-	-	phòng xạ trị gia tốc Tầng 1	1	19.778.682	2.472.335
11	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG DAIKIN - FTNE25LV1V- E055763	-	-	Ngách hàng lang xạ trị 116a Tầng 1	1	19.778.682	2.472.335
12	ĐIỀU HÒA CATSET DAIKIN -RNQ26MV1	2018	-	118 Tầng 1	1	19.778.682	2.472.335
13	ĐIỀU HÒA CATSET DAIKIN- R36PUY2V	2018	-	118 Tầng 1	1	19.778.682	2.472.335
14	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG DAIKIN - FTNE35MV1V9- E220247	2018	33201842062099	117b Tầng 1	1	19.778.682	2.472.335
15	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG TOSHIBA - RAS-18S3KS-V - 2400017	2020	ĐH Toshiba	điều trị dao gama Tầng 1	1	22.136.000	8.301.000
16	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG DAIKIN - FTNE60MV1V -E008343	-	-	điều trị dao gama Tầng 1	1	32.472.000	8.118.000
17	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG DAIKIN - FTKC35QVMV -E045637	2019	-	phòng chuẩn bị BN Tầng 1	1	32.710.000	8.177.500
18	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG GENERAL-AOGA18FMTAHA	-	-	tiếp đón Tầng 1	1	22.136.000	8.301.000
19	HỆ THỐNG BÁO GỌI Y TÁ JNS- 4CM	2018	33201844010040	Hủy Tầng 1	1	56.793.000	14.198.250
20	HỆ THỐNG GAMMA KNIFE AMERICAN RADIOSURGERY - AMERICAN RADIOSURGE - GAMMAART 6000	2006	33201872430027	Phòng 125 Tầng 1	1	67.019.000.000	36.860.450.000
21	HỆ THỐNG MÁY PET/CT- SIEMENS - SIEMENS - BIOGRAPH TRUEPOINT - 901059	2018	33201872420040	Phòng 117 Tầng 1	1	58.554.000.000	32.204.700.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

22	HỘP CHỈ ĐỰNG BƠM TIÊM THUỐC PHÓNG XẠ - PV-VC14	2021	33202128151843	Phòng 118 nhà H Tầng 1	1	35.000.000	19.250.000
23	HỘP CHỈ ĐỰNG BƠM TIÊM THUỐC PHÓNG XẠ - PV-VC14	2021	33202128151844	Phòng 118 nhà H Tầng 1	1	35.000.000	19.250.000
24	MÁY BƠM ĐIỆN 3M40-200/5.5	2018	33201842120111	Nhà H Tầng 1	1	27.984.000	6.996.000
25	MÁY BƠM ĐIỆN 3M40-200/5.5	2018	33201842120112	Nhà H Tầng 1	1	27.984.000	6.996.000
26	MÁY ĐIỆN TIM 6 CẦN - NIHON KOHDEN - ECG 1250K - 14753	2018	33201832170110	Phòng 109 Tầng 1	1	65.000.000	16.250.000
27	MÁY ĐỐT ĐIỆN CỔ TỬ CUNG LEEP SYSTEM 1000 - COOPER SURGICAL - 1412F5867	2016	33201642530303	T1 Tầng 1	1	285.800.000	14.290.000
28	MÁY MONITOR THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM - 3562 - 15553	2018	33201842220541	Phòng 105 Tầng 1	1	167.000.000	41.750.000
29	MÁY MONITOR THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM - 3562 - 15582	2018	33201842220542	Phòng 105 Tầng 1	1	167.000.000	41.750.000
30	MÁY NỘI SOI CỔ TỬ CUNG - LEISEGANG - CANADA - CMLN-13S2C - 14315161	2016	33201642140082	T1 Tầng 1	1	439.592.100	21.979.605
31	MÁY SIÊU ÂM MÀU ARIETTA V60 - HITACHI - ARIETTA V60(ALOKA) - 20637326	2018	33201892210124	Phòng 128 Tầng 1	1	1.700.000.000	425.000.000
32	MÁY SPECT 2 ĐẦU SIGNATURE - SIEMENS - ECAM - 10040	2018	33201872420039	Phòng 114 nhà H Tầng 1	1	12.083.000.000	6.645.650.000
33	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLIEX 7020 - DGWT754	2024	10202432023575	Phòng 111 Tầng 1	1	19.935.000	15.948.000
34	MÁY TÍNH - DELL - INSPIRON 3030 - 8QWQT44	2024	10202432023156	P.X.nghiệm T1 Tầng 1	1	16.170.000	12.936.000
35	MÁY TÍNH - DELL - INSPIRON 3030 - 8YWQT44	2024	10202432023087	Phòng 105 Tầng 1	1	16.170.000	12.936.000
36	MÁY TÍNH - DELL - INSPIRON 3030 - 8YWQT44	2024	10202432023087	Phòng 105 Tầng 1	1	16.170.000	12.936.000
37	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLIEX 7020 - 4CWT754	2024	10202432023386	P.X.nghiệm T1 Tầng 1	1	19.935.000	15.948.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

38	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLIEX 7020 - BCWT754	2024	10202432023528	Phòng 128 Tầng 1	1	19.935.000	15.948.000
39	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLIEX 7020 - DGCM754	2024	10202432023574	Phòng 111 Tầng 1	1	19.935.000	15.948.000
40	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R G9 - 5CG4260JLN	2023	10202432030249	Phòng 100B Tầng 1	1	15.895.000	12.716.000
41	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R G9 - 5CG4260JLX	2023	10202432030257	Phòng 127 Tầng 1	1	15.895.000	12.716.000
42	THÙNG RÁC CHÌ CÓ BÁNH XE - PV-M001	2021	33202128151845	Phòng 118 nhà H Tầng 1	1	48.000.000	26.400.000
43	XE VẬN CHUYỂN CONTRAINER CHÌ ĐỰNG THUỐC PHÓNG XẠ - PV-XK01	2021	33202128151846	Phòng 118 nhà H Tầng 1	1	65.000.000	35.750.000
44	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE35MV1V9 - E245692	2018	33201842062100	231 KHO PXA Tầng 2	1	19.778.682	2.472.335
45	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE35MV1V9 - E247002	2018	33201842062101	217 Tầng 2	1	19.778.682	2.472.335
46	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-13S3KS-V - 93100007	2020	ĐH Toshiba	207C Tầng 2	1	16.792.500	6.297.188
47	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN - NIHON KOHDEN - BSM-3562 - 27911	2019-2020	33202042220741	T2 Tầng 2	1	169.000.000	76.050.000
48	MÁY TÍNH - DELL - INSPIRON 3030 - 3QWQT44	2024	10202432023115	Phòng 212 Tầng 2	1	16.170.000	12.936.000
49	MÁY TÍNH - DELL - INSPIRON 3030 - 7QWQT44	2024	10202432023139	Phòng 208 Tầng 2	1	16.170.000	12.936.000
50	MÁY TÍNH - DELL - INSPIRON 3030 - DRWQT44	2024	10202432023138	Phòng 212 Tầng 2	1	16.170.000	12.936.000
51	MÁY TÍNH - DELL - INSPIRON 3030 - GXWQT44	2024	10202432023064	Phòng 217 Tầng 2	1	16.170.000	12.936.000
52	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLIEX 7020 - 2PCM754	2024	10202432023350	Phòng 208 Tầng 2	1	19.935.000	15.948.000
53	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLIEX 7020 - BSM754	2024	-	Phòng 214 Tầng 2	1	19.935.000	15.948.000
54	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLIEX 7020 - C6WT754	2024	10202432023547	Phòng 208 Tầng 2	1	19.935.000	15.948.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

55	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLIEX 7020 - HRCM754	2024	10202432023661	Phòng 212 Tầng 2	1	19.935.000	15.948.000
56	MÁY TÍNH - DELL - VOSTRO 3020 - 4FDD414	2024	-	Phòng 212 Tầng 2	1	16.170.000	12.936.000
57	MÁY TÍNH XÁCH TAY - HP - 240R G9 - 5CG4260JK9	2023	10202432030213	Phòng 208 Tầng 2	1	15.895.000	12.716.000
58	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE35MV1V9 - E022917	2018	33201842062102	319 Tầng 3	1	19.778.682	2.472.335
59	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3AS-V - 02600010	2020	ĐH Toshiba	312A,B Tầng 3	1	22.136.000	8.301.000
60	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3AS-V - 02600018	2020	ĐH Toshiba	310 Tầng 3	1	22.136.000	8.301.000
61	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3AS-V - 02600021	2020	ĐH Toshiba	312 Tầng 3	1	22.136.000	8.301.000
62	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-18S3AS-V - 02600029	2020	ĐH Toshiba	312A,B Tầng 3	1	22.136.000	8.301.000
63	MÁY TÍNH - DELL - INSPIRON 3030 - 5ZWQT44	2024	10202432023098	Phòng 316 Tầng 3	1	16.170.000	12.936.000
64	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLIEX 7020 - 1JCM754	2024	10202432023323	Phòng 316 Tầng 3	1	19.935.000	15.948.000
65	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLIEX 7020 - 3NCM754	2024	10202432023373	Phòng 316 Tầng 3	1	19.935.000	15.948.000
66	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLIEX 7020 - 8NWT754	2016	-	Phòng 316 Tầng 3	1	19.935.000	15.948.000
67	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLIEX 7020 - GKCM754	2024	10202432023238	Phòng 316 Tầng 3	1	19.935.000	15.948.000
68	MÁY TÍNH - DELL - VOSTRO 3020 - S1R5Q04	2024	-	Phòng 307B Tầng 3	1	16.170.000	12.936.000
69	TIVI SAMSUNG 75 INCH - SAMSUNG - UA75A7700KXXV - 0G913NNWC00213Z	2021	-	308 Tầng 3	1	30.501.900	6.100.380
70	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1606010582	2016	33201618010598	1032 Tầng 10	1	24.990.000	1.249.500
71	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS700 - 1606010596	2016	33201618010597	1032 Tầng 10	1	24.990.000	1.249.500
72	BƠM TIÊM ĐIỆN - TERUMO - TE-SS730 - 2201010419	2022	33202248011254	1027 Tầng 10	1	24.000.000	15.600.000
73	CÁNG - XM 14A1	2018	33201843020452	Tầng 10	1	24.000.000	6.000.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

74	CÁNG - XM 14A1	2018	33201843020451	Tầng 10	1	24.000.000	6.000.000
75	CÁNG - HOÀNG NGUYỄN - XC - 07	2021	-	H.lang Tầng 10	1	13.860.000	7.623.000
76	CÁNG - HOÀNG NGUYỄN - XC - 07	2021	-	H.lang Tầng 10	1	13.860.000	7.623.000
77	CÁNG - HOÀNG NGUYỄN - XC - 07	2021	-	H.lang Tầng 10	1	13.860.000	7.623.000
78	CÁNG - HOÀNG NGUYỄN - XC - 07	2021	-	H.lang Tầng 10	1	13.860.000	7.623.000
79	CÁNG - HOÀNG NGUYỄN - XC - 07	2021	-	H.lang Tầng 10	1	13.860.000	7.623.000
80	CÁNG - HOÀNG NGUYỄN - XC - 07	2021	-	H.lang Tầng 10	1	13.860.000	7.623.000
81	CÁNG - HOÀNG NGUYỄN - XC - 07	2021	-	H.lang Tầng 10	1	13.860.000	7.623.000
82	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLIEX 7020 - 5BWT754	2024	10202432023413	Phòng HC Tầng 10	1	19.935.000	15.948.000
83	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLIEX 7020 - 73WT754	2024	10202432023460	Phòng HC Tầng 10	1	19.935.000	15.948.000
84	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLIEX 7020 - CJWT754	2024	10202432023245	Phòng HC Tầng 10	1	19.935.000	15.948.000
85	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLIEX 7020 - D8WT754	2024	10202432023571	Phòng HC Tầng 10	1	19.935.000	15.948.000
86	MÁY TÍNH - DELL - VOSTRO 3020 - 6SCD414	2024	-	Tiếp đón T10 Tầng 10	1	16.170.000	12.936.000
87	MÁY TÍNH - DELL - VOSTRO 3020 - 6ZWQT44	2024	10202432023074	Phòng HC Tầng 10	1	16.170.000	12.936.000
88	MÁY TÍNH - DELL - VOSTRO 3020 - HDBD414	2024	-	Phòng HC Tầng 10	1	16.170.000	12.936.000
89	MÁY TÍNH - DELL - INSPRION - HXWQT44	2024	10202432023102	Phòng HC Tầng 10	1	16.170.000	12.936.000
90	BƠM TIÊM ĐIỆN -TERUMO -TE-SS730 - 2201010401	2022	33202248011280	P.tiêm A Tầng 11	1	24.000.000	15.600.000
91	CÁNG - XM 14A1	2018	33201843020450	1142 Tầng 11	1	24.000.000	6.000.000
92	CÁNG - BETTER MEDICAL - BT201	2017	33201713020395	Tầng 11	1	24.000.000	3.600.000
93	CÁNG - BETTER MEDICAL - BT201	2017	33201713020394	Tầng 11	1	24.000.000	3.600.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

94	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG -TOSHIBA -RAS-13S3KS-V -93100025	2020	ĐH Toshiba	1126 Tầng 11	1	16.792.500	6.297.188
95	MÁY ĐIỆN TIM 6 CẦN NIHON KOHDEN ECG 1250K -15948	2020	33202012170165	1142 Tầng 11	1	66.250.000	29.812.500
96	MÁY MONITOR -NIHON KOHDEN -BSM 3562 -13816	2018	33201842220522	Tầng 11	1	167.000.000	41.750.000
97	MÁY TÍNH -DELL - OPTIPLIEX 7020 - 87WT754	2024	10202432023486	Phòng HC Tầng 11	1	19.935.000	15.948.000
98	MÁY TÍNH -DELL -INSPIRON 3030 - 7RWQT44	2024	10202432023152	Phòng HC Tầng 11	1	16.170.000	12.936.000
99	MÁY TÍNH -DELL -INSPIRON 3030 - FRWQT44	2024	10202432023131	Phòng HC Tầng 11	1	16.170.000	12.936.000
100	MÁY TÍNH -DELL -OPTIPLIEX 7020 - DGCM754	2024	10202432023574	Phòng HC Tầng 11	1	19.935.000	15.948.000
101	MÁY TÍNH -DELL -OPTIPLIEX 7020 - JBWT754	2024	10202432023231	Phòng HC Tầng 11	1	19.935.000	15.948.000
102	MÁY TÍNH -DELL -VOSTRO 3020 -50DD414	2024	-	Phòng HC Tầng 11	1	16.170.000	12.936.000
103	MÁY TÍNH -DELL -VOSTRO 3020 -97YD314	2024	-	Tiếp đón T13 Tầng 11	1	16.170.000	12.936.000
104	MÁY TÍNH -DELL -VOSTRO 3020 -HYCD414	2024	-	Phòng HC Tầng 11	1	16.170.000	12.936.000
105	MÁY TÍNH -DELL -VOSTRO 3020T - BZ5GN23	2024	-	Phòng HC Tầng 11	1	16.170.000	12.936.000
106	MÁY TÍNH XÁCH TAY -HP -240R G9 - 5CG4260JHY	2023	10202432030171	Tiếp đón T12 Tầng 11	1	15.895.000	12.716.000
Cộng					**106**	**142.971.744.110**	**77.478.598.061**
XXXXXI	PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP						
1	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLEX 7020 - 17WT754	2024	10202432023314	P.Tổ thống kê	1	19.935.000	15.948.000
2	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLEX 7020 - GMCM754	2024	10202432023633	P.Tổ thống kê	1	19.935.000	15.948.000
3	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLEX 7020 - H5WT754	2024	10202432023643	P.Tổ thống kê	1	19.935.000	15.948.000
4	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLEX 7020 - B9WT754	2024	10202432023220	P. Tổ khám chữa bệnh	1	19.935.000	15.948.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

5	MÁY PHOTOCOPY - KONICA - BIZHUB308E - AA6W041001015	2019	01201942040084	P. Tổ khám chữa bệnh	1	48.500.000	4.850.000
6	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLEX 7020 - CJCM754	2024		P. Đăng ký sao lưu HSBA	1	19.935.000	15.948.000
7	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLEX 7020 - JHWT754	2024	10202432023679	Kho tầng 10 - K3	1	19.935.000	15.948.000
8	MÁY TÍNH - DELL - OPTIPLEX 7020 - 4YCM754	2024	10202432023406	Kho tầng 10 - K9	1	19.935.000	15.948.000
9	BỘ SALON - 0	2018	98201848160327	Phòng anh Sơn	1	38.830.000	9.707.500
10	GIÁ SẮT ĐỂ TÀI LIỆU - 3580X600X2450MM. 52,62M2 (GIÁ 1M 1,380,000K)	2017	01201712460053	Tầng 10 nhà K1	1	79.877.160	9.984.645
11	GIÁ SẮT ĐỂ TÀI LIỆU - 3580X600X2450MM. 61,39M2 (GIÁ 1M 1,380,000K)	2017	01201712460054	Tầng 10 nhà K1	1	93.190.020	11.648.753
12	GIÁ SẮT ĐỂ TÀI LIỆU 2 MẶT - 3580X600X3100 - 0	2018	01201842460055	Tầng 10 nhà K1	1	96.195.000	12.024.375
13	KỆ SẮT ĐỂ HỒ SƠ - 3580X600X3100 - 0	2020	01202044020006	Tầng 10 nhà K1	1	96.195.000	36.073.125
14	KỆ SẮT ĐỂ HỒ SƠ - 3580X600X3100 - 0	2020	01202044020007	Tầng 10 nhà K1	1	96.195.000	36.073.125
15	KỆ SẮT ĐỂ HỒ SƠ - 3580X600X3100 - 0	2020	01202044020008	Tầng 10 nhà K1	1	96.195.000	36.073.125
16	KỆ SẮT ĐỂ HỒ SƠ - 3580X600X3100 - 0	2020	01201944020009	Tầng 10 nhà K1	1	96.195.000	36.073.125
17	KỆ SẮT ĐỂ HỒ SƠ - 3580X600X3100 - 0	2020	01201944020010	Tầng 10 nhà K1	1	96.195.000	36.073.125
18	KỆ SẮT ĐỂ HỒ SƠ - 3580X600X3100 - 0	2020	01202044020011	Kho tầng 2 nhà P	1	96.195.000	36.073.125
19	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - MISUBISHI - SRK19CK - 123803102RE	2020	93202042062566	Tầng 10 nhà K1	1	13.375.000	6.687.500
20	ĐIỀU HÒA ÂM TRẦN - DAIKIN - FCLQ21MV1 - E003028	2018	28201842062244	Tổ Khám chữa bệnh	1	19.880.300	2.485.038
21	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - STE5R1V - E022138	2018	28201842062245	Phòng anh Sơn	1	19.880.300	2.485.038
22	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTHF50RVMV - E012911	2018	25201842062060	Phòng trực lãnh đạo	1	19.778.682	2.472.335

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

23	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTHF50RVMV - E6925079	2018	25201842062059	Phòng trưởng phòng	1	19.778.682	2.472.335
	Cộng				**23**	**1.166.000.144**	**392.892.268**
XXXXXII	TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠCH MAI						
1	Amply Mixer ClassD VM 2120, Hãng TOA,	2022		Phòng Đào tạo (BP Khảo thí)	1	28.551.663	11.420.665
2	Bàn sấy tiêu bản (Sức chứa >=60 slide), Model HI 1220, Hãng Leica Biosystems - Đức; SN 00167	2018		Phòng Thực hành huyết học, BMKTYH	1	44.500.000	13.350.000
3	Bình cách thủy dung tích >=22l, model WNB 22; hãng Memmert Đức; SN L5180899	2018		Phòng Thực hành huyết học, BMKTYH	1	23.500.000	7.050.000
4	Bình cách thủy, Model WNB14, Hãng SX Memmert, Đức, SN L419.1323	2020		Khoa KTYH - XN - Labo hóa sinh 608	1	53.630.000	26.815.000
5	Bộ máy tính bàn phục vụ HĐ khảo thí: Bộ máy tính Dell Vostro 3910MT, ram 8G, SN BCJWYR3.; Màn hình Dell S2421H 23,8 inch, SN: CN06WAFO- WSL00- 21B- 330L	2023		Phòng Đào tạo (BP Khảo thí)	1	18.780.000	11.268.000
6	Bộ sofa Đức Khang	2022		Phòng PHT TS Thu 306	1	16.051.200	6.578.000
7	Bơm tiêm điện Model: TE - SS700 Hãng sx: Terumo - Nhật bản	2019		Khoa Điều dưỡng	1	24.950.000	9.980.000
8	Bơm tiêm điện Model: TE - SS700 Hãng sx: Terumo - Nhật bản	2019		Khoa Điều dưỡng	1	24.950.000	9.980.000
9	Bơm tiêm điện Model: TE - SS700 Hãng sx: Terumo - Nhật bản	2019		Khoa Điều dưỡng	1	24.950.000	9.980.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

10	Bơm tiêm điện Model: TE - SS700 Hãng sx: Terumo - Nhật bản	2019		Khoa Điều dưỡng	1	24.950.000	9.980.000
11	Bơm truyền dịch Model: TE - LF600 Hãng sx: Terumo - Nhật bản	2019		Khoa Điều dưỡng	1	34.950.000	13.980.000
12	Bơm truyền dịch Model: TE - LF600 Hãng sx: Terumo - Nhật bản	2019		Khoa Điều dưỡng	1	34.950.000	13.980.000
13	Bơm truyền dịch Model: TE - LF600 Hãng sx: Terumo - Nhật bản	2019		Khoa Điều dưỡng	1	34.950.000	13.980.000
14	Bơm truyền dịch Model: TE - LF600 Hãng sx: Terumo - Nhật bản	2019		Khoa Điều dưỡng	1	34.950.000	13.980.000
15	Đèn đặt nội khí quản trẻ em khó Hãng sx: Timesco/Anh	2019		Khoa Điều dưỡng	1	29.000.000	11.600.000
16	Đèn đặt nội khí quản trẻ em Hãng sx: Timesco/Anh	2019		Khoa Điều dưỡng	1	17.800.000	7.120.000
17	Điều hòa DAIKIN, loại treo tường, R410. Model FTNE35MV1V9/RNE35MV1V9, công suất 12,000BTU	2018		Phòng GV tầng 4	1	12.236.500	1.529.559
18	Điều hoà treo tường Casper 24.000BTU	2024		Khoa Điều dưỡng (văn phòng 206)	1	15.585.781	12.468.625
19	Điều hoà treo tường Casper 24.000BTU	2024		Khoa YHLS (P110)	1	15.585.781	12.468.625
20	Điều hoà treo tường Casper 24.000BTU	2024		Phòng Chăm sóc người già 207A	1	15.585.781	12.468.625
21	Điều hoà treo tường Casper 24.000BTU	2024		Phòng Đào tạo 105	1	15.585.781	12.468.625
22	Điều hoà treo tường Casper 24.000BTU	2024		Phòng ĐBCL - CTSV 106	1	15.585.781	12.468.625

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

23	Điều hoà treo tường Casper 24.000BTU	2024		Phòng HCTH 104	1	15.585.781	12.468.625
24	Điều hoà treo tường Casper 24.000BTU	2024		Phòng họp 102	1	15.585.781	12.468.625
25	Điều hoà treo tường Casper 24.000BTU	2024		Phòng họp 2 P504 (Phòng 500 cũ)	1	15.585.781	12.468.625
26	Điều hoà treo tường Casper 24.000BTU	2024		Phòng họp BGH 505 (Phòng 507 cũ)	1	15.585.781	12.468.625
27	Điều hoà treo tường Casper 24.000BTU	2024		Phòng Thiết bị mô hình 205	1	15.585.781	12.468.625
28	Điều hoà treo tường Casper 24.000BTU	2024		Phòng thực hành điều dưỡng 202	1	15.585.781	12.468.625
29	Điều hoà treo tường Casper 24.000BTU	2024		Phòng thực hành điều dưỡng 203A	1	15.585.781	12.468.625
30	Điều hoà treo tường Casper 24.000BTU	2024		Phòng thực hành điều dưỡng 203B	1	15.585.781	12.468.625
31	Điều hoà treo tường Casper 24.000BTU	2024		Phòng thực hành điều dưỡng 204A	1	15.585.781	12.468.625
32	Điều hoà treo tường Casper 24.000BTU	2024		Phòng thực hành điều dưỡng 204B	1	15.585.781	12.468.625
33	Điều hoà treo tường Casper 24.000BTU	2024		Phòng thực hành điều dưỡng 501a	1	15.585.781	12.468.625

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

34	Điều hoà treo tường Casper 24.000BTU	2024		Phòng thực hành điều dưỡng 502a	1	15.585.781	12.468.625
35	Điều hoà treo tường Casper 24.000BTU	2024		Phòng thực hành sản nhi 502B	1	15.585.781	12.468.625
36	Điều hoà treo tường Casper 24.000BTU	2024		Phòng TS Thu 306	1	15.585.781	12.468.625
37	Điều hoà treo tường Casper 24.000BTU	2024		Phòng YHCT, PHCN 207B	1	15.585.781	12.468.625
38	Điều hoà treo tường Casper 24.000BTU	2024		Giảng đường 1 Phòng 309	1	15.585.781	12.468.625
39	Điều hoà treo tường Casper 24.000BTU	2024		Giảng đường 5 P408	1	15.585.781	12.468.625
40	Điều hoà treo tường Casper 24.000BTU	2024		Giảng đường 7 P506	1	15.585.781	12.468.625
41	Điều hoà treo tường Casper 24.000BTU	2024		Giảng đường 8 P603	1	15.585.781	12.468.625
42	Điều hoà treo tường Casper 24.000BTU	2024		Phòng thi P310	1	15.585.781	12.468.625
43	Điều hoà treo tường Casper 24.000BTU	2024		Phòng thực hành tin học 2 P409	1	15.585.781	12.468.625
44	Điều hoà treo tường Casper 24.000BTU	2024		Giảng đường 1 Phòng 309	1	15.585.781	12.468.625
45	Điều hoà treo tường Casper 24.000BTU	2024		Giảng đường 5 P408	1	15.585.781	12.468.625
46	Điều hoà treo tường Casper 24.000BTU	2024		Giảng đường 7 P506	1	15.585.781	12.468.625

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

47	Điều hoà treo tường Casper 24.000BTU	2024		Giảng đường 8 P603	1	15.585.781	12.468.625
48	Điều hoà treo tường Casper 24.000BTU	2024		Phòng thi P310	1	15.585.781	12.468.625
49	Điều hoà treo tường Casper 24.000BTU	2024		Phòng thực hành tin học 2 P409	1	15.585.781	12.468.625
50	Điều hoà treo tường Casper 24.000BTU	2024		Hội trường lớn P609	1	15.585.781	12.468.625
51	Điều hoà treo tường Casper 24.000BTU	2024		Hội trường lớn P609	1	15.585.781	12.468.625
52	Điều hoà treo tường Casper 24.000BTU	2024		Hội trường lớn P609	1	15.585.781	12.468.625
53	Điều hoà treo tường Casper 24.000BTU	2024		Hội trường lớn P609	1	15.585.781	12.468.625
54	Giường bệnh nhân đa năng 2 tay quay kèm tủ đầu giường, đệm - Giường, Model VT 200A, Hãng sx: Công ty TNHH TM và DVKT Việt Thái, Việt Nam - Tủ đầu giường, Model MBC 103B, Hãng sx: Medical Master/ Đài Loan	2019		Khoa Điều dưỡng	1	33.500.000	13.400.000
55	Giường bệnh nhân đa năng 2 tay quay kèm tủ đầu giường, đệm - Giường, Model VT 200A, Hãng sx: Công ty TNHH TM và DVKT Việt Thái, Việt Nam - Tủ đầu giường, Model MBC 103B, Hãng sx: Medical Master/ Đài Loan	2019		Khoa Điều dưỡng	1	33.500.000	13.400.000
56	Giường bệnh nhân đa năng 2 tay quay kèm tủ đầu giường, đệm - Giường, Model VT 200A, Hãng sx: Công ty TNHH TM và DVKT Việt Thái, Việt Nam - Tủ đầu giường, Model MBC 103B, Hãng sx: Medical Master/ Đài Loan	2019		Khoa Điều dưỡng	1	33.500.000	13.400.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

57	Giường bệnh nhân đa năng 2 tay quay kèm tủ đầu giường, đệm - Giường, Model VT 200A, Hãng sx: Công ty TNHH TM và DVKT Việt Thái, Việt Nam - Tủ đầu giường, Model MBC 103B, Hãng sx: Medical Master/ Đài Loan	2019		Khoa Điều dưỡng	1	33.500.000	13.400.000
58	Giường bệnh nhân đa năng 2 tay quay kèm tủ đầu giường, đệm - Giường, Model VT 200A, Hãng sx: Công ty TNHH TM và DVKT Việt Thái, Việt Nam - Tủ đầu giường, Model MBC 103B, Hãng sx: Medical Master/ Đài Loan	2019		Khoa Điều dưỡng	1	33.500.000	13.400.000
59	Giường bệnh nhân đa năng 2 tay quay kèm tủ đầu giường, đệm - Giường, Model VT 200A, Hãng sx: Công ty TNHH TM và DVKT Việt Thái, Việt Nam - Tủ đầu giường, Model MBC 103B, Hãng sx: Medical Master/ Đài Loan	2019		Khoa Điều dưỡng	1	33.500.000	13.400.000
60	Giường bệnh nhân đa năng 2 tay quay kèm tủ đầu giường, đệm - Giường, Model VT 200A, Hãng sx: Công ty TNHH TM và DVKT Việt Thái, Việt Nam - Tủ đầu giường, Model MBC 103B, Hãng sx: Medical Master/ Đài Loan	2019		Khoa Điều dưỡng	1	33.500.000	13.400.000
61	Giường bệnh nhân đa năng 2 tay quay kèm tủ đầu giường, đệm - Giường, Model VT 200A, Hãng sx: Công ty TNHH TM và DVKT Việt Thái, Việt Nam - Tủ đầu giường, Model MBC 103B, Hãng sx: Medical Master/ Đài Loan	2019		Khoa Điều dưỡng	1	33.500.000	13.400.000
62	Giường bệnh nhân đa năng 2 tay quay kèm tủ đầu giường, đệm - Giường, Model VT 200A, Hãng sx: Công ty TNHH TM và DVKT Việt Thái, Việt Nam - Tủ đầu giường, Model MBC 103B, Hãng sx: Medical Master/ Đài Loan	2019		Khoa Điều dưỡng	1	33.500.000	13.400.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

63	Giường bệnh nhân đa năng 2 tay quay kèm tủ đầu giường, đệm - Giường, Model VT 200A, Hãng sx: Công ty TNHH TM và DVKT Việt Thái, Việt Nam - Tủ đầu giường, Model MBC 103B, Hãng sx: Medical Master/ Đài Loan	2019		Khoa Điều dưỡng	1	33.500.000	13.400.000
64	Giường bệnh nhân đa năng 2 tay quay kèm tủ đầu giường, đệm - Giường, Model VT 200A, Hãng sx: Công ty TNHH TM và DVKT Việt Thái, Việt Nam - Tủ đầu giường, Model MBC 103B, Hãng sx: Medical Master/ Đài Loan	2019		Khoa Điều dưỡng	1	33.500.000	13.400.000
65	Giường bệnh nhân đa năng 2 tay quay kèm tủ đầu giường, đệm - Giường, Model VT 200A, Hãng sx: Công ty TNHH TM và DVKT Việt Thái, Việt Nam - Tủ đầu giường, Model MBC 103B, Hãng sx: Medical Master/ Đài Loan	2019		Khoa Điều dưỡng	1	33.500.000	13.400.000
66	Giường Bệnh nhân đa năng điều khiển điện kèm đệm Chủng loại: Hill Rom 900 Hãng sx: Hill Rom / Mỹ	2019		Khoa Điều dưỡng	1	122.850.000	49.140.000
67	Giường đa năng 3 tay quay và tủ đầu giường	2021		Khoa Điều dưỡng	1	18.810.000	3.762.000
68	Giường đa năng 3 tay quay và tủ đầu giường	2021		Khoa Điều dưỡng	1	18.810.000	3.762.000
69	Giường đa năng 3 tay quay và tủ đầu giường	2021		Khoa Điều dưỡng	1	18.810.000	3.762.000
70	Giường đa năng 3 tay quay và tủ đầu giường	2021		Khoa Điều dưỡng	1	18.810.000	3.762.000
71	Giường đa năng 3 tay quay và tủ đầu giường	2021		Khoa Điều dưỡng	1	18.810.000	3.762.000
72	Giường đa năng 3 tay quay và tủ đầu giường	2021		Khoa Điều dưỡng	1	18.810.000	3.762.000
73	Giường đa năng 3 tay quay và tủ đầu giường	2021		Khoa Điều dưỡng	1	18.810.000	3.762.000
74	Giường đa năng 3 tay quay và tủ đầu giường	2021		Khoa Điều dưỡng	1	18.810.000	3.762.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

75	Giường đa năng 3 tay quay và tủ đầu giường	2021		Khoa Điều dưỡng	1	18.810.000	3.762.000
76	Giường đa năng 3 tay quay và tủ đầu giường	2021		Khoa Điều dưỡng	1	18.810.000	3.762.000
77	Giường đa năng 3 tay quay và tủ đầu giường	2021		Khoa Điều dưỡng	1	18.810.000	3.762.000
78	Giường đa năng 3 tay quay và tủ đầu giường	2021		Khoa Điều dưỡng	1	18.810.000	3.762.000
79	Giường đa năng 3 tay quay và tủ đầu giường	2021		Khoa Điều dưỡng	1	18.810.000	3.762.000
80	Giường tập phục hồi chức năng kèm theo ghế Model: CA 160 Hãng sx: Everyway Medical Instruments	2019		Khoa KTYH - P thực hành PHCN	1	89.500.000	35.800.000
81	Giường tập phục hồi chức năng kèm theo ghế Model: CA 160 Hãng sx: Everyway Medical Instruments	2019		Khoa KTYH - P thực hành PHCN	1	89.500.000	44.750.000
82	Hệ thống giường kéo dãn cột sống lưng cổ nâng hạ điện Model: ET800 Hãng sx: Everyway Medical Instruments	2019		Khoa KTYH - P thực hành PHCN	1	160.000.000	64.000.000
83	Hệ thống máy chủ HPE ProLiant DL380 Gen 10 (gồm máy chủ, màn hình, chuột, bàn phím)	2021		Phòng Đào tạo (BP Khảo thí)	1	181.500.000	36.300.000
84	Hệ thống máy điện trị liệu Model: Firing Thương hiệu: Cosmogamma Hãng sx: Emildue	2019		Khoa KTYH - P thực hành PHCN	1	150.000.000	60.000.000
85	Hệ thống mô hình cơ Mã hàng: SMD02903 Hãng: YJM	2019		Khoa KTYH - P thực hành PHCN	1	65.000.000	26.000.000
86	Hệ thống mô hình xương Mã hàng: SMD002 Hãng: YJM	2019		Khoa KTYH - P thực hành PHCN	1	61.000.000	24.400.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

87	Hệ thống phần mềm thi thực hành, thi thực hành chạy trạm, và thi thực tập	2024		Phòng Đào tạo (BP Khảo thí)	1	90.000.000	18.000.000
88	Hệ tủ cao Đức Khang	2022		Phòng PHT Ths Tiến 307 (trước là phòng TS Thu)	1	15.263.600	5.947.920
89	Hộp ổ khí y tế gắn tường (Bộ treo đầu giường bệnh nhân) Hãng sx: Oxyvac (Gồm ổ khí đầu ra ô xy, khí nén, hút chân không; ổ cắm; đầu tiếp đất; gá treo bình hút dịch; ống đồng và phụ kiện)	2019		Khoa Điều dưỡng	1	33.480.000	13.392.000
90	Hộp ổ khí y tế gắn tường (Bộ treo đầu giường bệnh nhân) Hãng sx: Oxyvac (Gồm ổ khí đầu ra ô xy, khí nén, hút chân không; ổ cắm; đầu tiếp đất; gá treo bình hút dịch; ống đồng và phụ kiện)	2019		Khoa Điều dưỡng	1	33.480.000	13.392.000
91	Hộp ổ khí y tế gắn tường (Bộ treo đầu giường bệnh nhân) Hãng sx: Oxyvac (Gồm ổ khí đầu ra ô xy, khí nén, hút chân không; ổ cắm; đầu tiếp đất; gá treo bình hút dịch; ống đồng và phụ kiện)	2019		Khoa Điều dưỡng	1	33.480.000	13.392.000
92	Hộp ổ khí y tế gắn tường (Bộ treo đầu giường bệnh nhân) Hãng sx: Oxyvac (Gồm ổ khí đầu ra ô xy, khí nén, hút chân không; ổ cắm; đầu tiếp đất; gá treo bình hút dịch; ống đồng và phụ kiện)	2019		Khoa Điều dưỡng	1	33.480.000	13.392.000
93	Hộp ổ khí y tế gắn tường (Bộ treo đầu giường bệnh nhân) Hãng sx: Oxyvac (Gồm ổ khí đầu ra ô xy, khí nén, hút chân không; ổ cắm; đầu tiếp đất; gá treo bình hút dịch; ống đồng và phụ kiện)	2019		Khoa Điều dưỡng	1	33.480.000	13.392.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

94	Hộp ổ khí y tế gắn tường (Bộ treo đầu giường bệnh nhân) Hãng sx: Oxyvac (Gồm ổ khí đầu ra ô xy, khí nén, hút chân không; ổ cắm; đầu tiếp đất; gá treo bình hút dịch; ống đồng và phụ kiện)	2019		Khoa Điều dưỡng	1	33.480.000	13.392.000
95	Hộp ổ khí y tế gắn tường (Bộ treo đầu giường bệnh nhân) Hãng sx: Oxyvac (Gồm ổ khí đầu ra ô xy, khí nén, hút chân không; ổ cắm; đầu tiếp đất; gá treo bình hút dịch; ống đồng và phụ kiện)	2019		Khoa Điều dưỡng	1	33.480.000	13.392.000
96	Kính hiển vi kết nối màn hình, Model Axio Lab.A1+ Axiocam Erc 5s; gồm 1 thân kính, 2 thị kinh, 1 vật kính, 1 ống kính, 1 camera, 1 bộ máy tính để bàn, 1 máy in…; SN: 3136012324	2018		Phòng Thực hành huyết học, BMKTYH	1	548.500.000	164.550.000
97	Kính hiển vi quang học Optika B292, Xuất xứ Ý	2019		Khoa KTYH	1	21.900.000	8.760.000
98	Kính hiển vi quang học Optika B292, Xuất xứ Ý	2019		Khoa KTYH	1	21.900.000	8.760.000
99	Kính hiển vi quang học Optika B292, Xuất xứ Ý	2019		Khoa KTYH	1	21.900.000	8.760.000
100	Kính hiển vi quang học Optika B292, Xuất xứ Ý	2019		Khoa KTYH	1	21.900.000	8.760.000
101	Kính hiển vi quang học Optika B292, Xuất xứ Ý	2019		Khoa KTYH	1	21.900.000	8.760.000
102	Kính hiển vi quang học Optika B292, Xuất xứ Ý	2019		Khoa KTYH	1	21.900.000	8.760.000
103	Kính hiển vi quang học Optika B292, Xuất xứ Ý	2019		Khoa KTYH	1	21.900.000	8.760.000
104	Kính hiển vi quang học Optika B292, Xuất xứ Ý	2019		Khoa KTYH	1	21.900.000	8.760.000
105	Kính hiển vi quang học Optika B292, Xuất xứ Ý	2019		Khoa KTYH	1	21.900.000	8.760.000
106	Kính hiển vi quang học Optika B292, Xuất xứ Ý	2019		Khoa KTYH	1	21.900.000	8.760.000
107	Kính hiển vi quang học Optika B292, Xuất xứ Ý	2019		Khoa KTYH	1	21.900.000	8.760.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

108	Kính hiển vi quang học Optika B292, Xuất xứ Ý	2019		Khoa KTYH	1	21.900.000	8.760.000
109	Kính hiển vi quang học Optika B292, Xuất xứ Ý	2019		Khoa KTYH	1	21.900.000	8.760.000
110	Kính hiển vi quang học Optika B292, Xuất xứ Ý	2019		Khoa KTYH	1	21.900.000	8.760.000
111	Kính hiển vi quang học Optika B292, Xuất xứ Ý	2019		Khoa KTYH	1	21.900.000	8.760.000
112	Máy điện tim 6 kênh Model: CP 150 Hãng sx: Welch Allyn/Mỹ	2019		Khoa Điều dưỡng	1	62.500.000	25.000.000
113	Máy điện tim 6 kênh Model: CP 150 Hãng sx: Welch Allyn/Mỹ	2019		Khoa Điều dưỡng	1	62.500.000	25.000.000
114	Máy điện tim 6 kênh Model: CP 150 Hãng sx: Welch Allyn/Mỹ	2019		Khoa Điều dưỡng	1	62.500.000	25.000.000
115	Máy điện tim 6 kênh Model: CP 150 Hãng sx: Welch Allyn/Mỹ	2019		Khoa Điều dưỡng	1	62.500.000	25.000.000
116	Máy điện tim 6 kênh Model: CP 150 Hãng sx: Welch Allyn/Mỹ	2019		Khoa Điều dưỡng	1	62.500.000	25.000.000
117	Máy hút dịch dùng trong bệnh viện Model: NEW HOSPIVAC 350 Hãng sx: CA-MI S.R.L	2019		Khoa Điều dưỡng	1	33.450.000	13.380.000
118	Máy hút dịch dùng trong bệnh viện Model: NEW HOSPIVAC 350 Hãng sx: CA-MI S.R.L	2019		Khoa Điều dưỡng	1	33.450.000	13.380.000
119	Máy lắc ngang 25-250 vòng/phút Model: SSL2 Hãng sx: Cole Parmer	2020		Khoa KTYH - Khoa VS, BVBM	1	70.930.000	35.465.000
120	Máy lắc tròn 30-300 vòng/phút Model: SSL1 Hãng sx: Cole Parmer	2019		Khoa KTYH - Khoa VS, BVBM	1	61.415.000	24.566.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

121	Máy li tâm để bàn tốc độ >= 15000 vòng/phút; Model Universel 320, Hãng Hettich Đức; SN 0010189-11	2018		Phòng Thực hành huyết học, BMKTYH	1	142.100.000	42.630.000
122	Máy li tâm để bàn tốc độ >= 6000 vòng/phút; Model Rotofix 32A, Hãng Hettich Đức; SN 0042494-05	2020		Khoa KTYH - Khoa VS, BVBM	1	128.020.000	64.010.000
123	Máy monitor theo dõi người bệnh	2018		Khoa Điều dưỡng	1	169.000.000	50.700.000
124	Máy monitor theo dõi người bệnh	2018		Khoa Điều dưỡng	1	169.000.000	50.700.000
125	Máy monitor theo dõi người bệnh	2018		Khoa Điều dưỡng	1	169.000.000	50.700.000
126	Máy monitor theo dõi người bệnh	2018		Khoa Điều dưỡng	1	169.000.000	50.700.000
127	Máy phá rung tim và tạo nhịp 2 pha (biphasic) Model: Efficia DFM100 Hãng sx: Philips	2019		Khoa Điều dưỡng	1	198.400.000	79.360.000
128	Máy Phân tích sinh hóa tự động Model A15 Hãng sx: Biosystems	2020		Khoa KTYH - XN - Labo hóa sinh 608	1	596.850.000	298.425.000
129	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số Model: Effica CM 120 Hãng sx: Philips	2019		Khoa Điều dưỡng	1	129.500.000	51.800.000
130	Máy tính để bàn Dell Otiflex Small Form Factor Plus 7020	2024		GĐ 6 (P503 nhà D3 sau sửa chữa)	1	19.935.000	15.948.000
131	Máy tính để bàn Dell Otiflex Small Form Factor Plus 7020	2024		GĐ 9 (P604 nhà D3 sau sửa chữa)	1	19.935.000	15.948.000
132	Máy tính để bàn Dell Otiflex Small Form Factor Plus 7020	2024		Phòng HCTH (Ths Tú)	1	19.935.000	15.948.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

133	Máy tính để bàn Dell Otiflex Small Form Factor Plus 7020	2024		Phòng PHT Ths Tiến 307 (Ths Tiến sử dụng)	1	19.935.000	15.948.000
134	Máy tính để bàn Dell Otiflex Small Form Factor Plus 7020	2024		Phòng PHT TS Thu 306	1	19.935.000	15.948.000
135	Máy tính để bàn HP Prodesk	2023		Phòng thực hành tin học ngoại ngữ (8 bộ); Phòng Đào tạo (3 bộ: Ths Đạt, BS Ngọc, Ths Châm); Phòng HCTH (2 bộ: Ths Hiệp, Ths Nữ); HCTH (GĐ 1,2,3, 4,5,7,HT lớn)	1	14.980.000	8.988.000

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám c B nh vi n NGUY N TU N TÙNG a ký, 03/10/2025 17:48:19

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

136	Máy tính để bàn HP Prodesk	2023		Phòng thực hành tin học ngoại ngữ (8 bộ); Phòng Đào tạo (3 bộ: Ths Đạt, BS Ngọc, Ths Châm); Phòng HCTH (2 bộ: Ths Hiệp, Ths Nữ); HCTH (GĐ 1,2,3, 4,5,7,HT lớn)	1	14.980.000	8.988.000
137	Máy tính để bàn HP Prodesk	2023		Phòng thực hành tin học ngoại ngữ (8 bộ); Phòng Đào tạo (3 bộ: Ths Đạt, BS Ngọc, Ths Châm); Phòng HCTH (2 bộ: Ths Hiệp, Ths Nữ); HCTH (GĐ 1,2,3, 4,5,7,HT lớn)	1	14.980.000	8.988.000

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Pho Giam c B nh vi N NGUY N TU N TÙNG a ky, 03/10/2025 17:48:19

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

138	Máy tính để bàn HP Prodesk	2023		Phòng thực hành tin học ngoại ngữ (8 bộ); Phòng Đào tạo (3 bộ: Ths Đạt, BS Ngọc, Ths Châm); Phòng HCTH (2 bộ: Ths Hiệp, Ths Nữ); HCTH (GĐ 1,2,3, 4,5,7,HT lớn)	1	14.980.000	8.988.000
139	Máy tính để bàn HP Prodesk	2023		Phòng thực hành tin học ngoại ngữ (8 bộ); Phòng Đào tạo (3 bộ: Ths Đạt, BS Ngọc, Ths Châm); Phòng HCTH (2 bộ: Ths Hiệp, Ths Nữ); HCTH (GĐ 1,2,3, 4,5,7,HT lớn)	1	14.980.000	8.988.000

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Pho Giam c B nh vi N NGUY N TU N TÙNG a ky, 03/10/2025 17:48:19

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

140	Máy tính để bàn HP Prodesk	2023		Phòng thực hành tin học ngoại ngữ (8 bộ); Phòng Đào tạo (3 bộ: Ths Đạt, BS Ngọc, Ths Châm); Phòng HCTH (2 bộ: Ths Hiệp, Ths Nữ); HCTH (GĐ 1,2,3, 4,5,7,HT lớn)	1	14.980.000	8.988.000
141	Máy tính để bàn HP Prodesk	2023		Phòng thực hành tin học ngoại ngữ (8 bộ); Phòng Đào tạo (3 bộ: Ths Đạt, BS Ngọc, Ths Châm); Phòng HCTH (2 bộ: Ths Hiệp, Ths Nữ); HCTH (GĐ 1,2,3, 4,5,7,HT lớn)	1	14.980.000	8.988.000

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Pho Giam c B nh vi N NGUY N TU N TÙNG a ky, 03/10/2025 17:48:19

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

142	Máy tính để bàn HP Prodesk	2023		Phòng thực hành tin học ngoại ngữ (8 bộ); Phòng Đào tạo (3 bộ: Ths Đạt, BS Ngọc, Ths Châm); Phòng HCTH (2 bộ: Ths Hiệp, Ths Nữ); HCTH (GĐ 1,2,3, 4,5,7,HT lớn)	1	14.980.000	8.988.000
143	Máy tính để bàn HP Prodesk	2023		Phòng thực hành tin học ngoại ngữ (8 bộ); Phòng Đào tạo (3 bộ: Ths Đạt, BS Ngọc, Ths Châm); Phòng HCTH (2 bộ: Ths Hiệp, Ths Nữ); HCTH (GĐ 1,2,3, 4,5,7,HT lớn)	1	14.980.000	8.988.000

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Pho Giam c B nh vi N NGUY N TU N TÙNG a ky, 03/10/2025 17:48:19

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

144	Máy tính để bàn HP Prodesk	2023		Phòng thực hành tin học ngoại ngữ (8 bộ); Phòng Đào tạo (3 bộ: Ths Đạt, BS Ngọc, Ths Châm); Phòng HCTH (2 bộ: Ths Hiệp, Ths Nữ); HCTH (GĐ 1,2,3, 4,5,7,HT lớn)	1	14.980.000	8.988.000
145	Máy tính để bàn HP Prodesk	2023		Phòng thực hành tin học ngoại ngữ (8 bộ); Phòng Đào tạo (3 bộ: Ths Đạt, BS Ngọc, Ths Châm); Phòng HCTH (2 bộ: Ths Hiệp, Ths Nữ); HCTH (GĐ 1,2,3, 4,5,7,HT lớn)	1	14.980.000	8.988.000

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Pho Giam c B nh vi N NGUY N TU N TÙNG a ky, 03/10/2025 17:48:19

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

146	Máy tính để bàn HP Prodesk	2023		Phòng thực hành tin học ngoại ngữ (8 bộ); Phòng Đào tạo (3 bộ: Ths Đạt, BS Ngọc, Ths Châm); Phòng HCTH (2 bộ: Ths Hiệp, Ths Nữ); HCTH (GĐ 1,2,3, 4,5,7,HT lớn)	1	14.980.000	8.988.000
147	Máy tính để bàn HP Prodesk	2023		Phòng thực hành tin học ngoại ngữ (8 bộ); Phòng Đào tạo (3 bộ: Ths Đạt, BS Ngọc, Ths Châm); Phòng HCTH (2 bộ: Ths Hiệp, Ths Nữ); HCTH (GĐ 1,2,3, 4,5,7,HT lớn)	1	14.980.000	8.988.000

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Pho Giam c B nh vi N NGUY N TU N TÙNG a ky, 03/10/2025 17:48:19

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

148	Máy tính để bàn HP Prodesk	2023		Phòng thực hành tin học ngoại ngữ (8 bộ); Phòng Đào tạo (3 bộ: Ths Đạt, BS Ngọc, Ths Châm); Phòng HCTH (2 bộ: Ths Hiệp, Ths Nữ); HCTH (GĐ 1,2,3, 4,5,7,HT lớn)	1	14.980.000	8.988.000
149	Máy tính để bàn HP Prodesk	2023		Phòng thực hành tin học ngoại ngữ (8 bộ); Phòng Đào tạo (3 bộ: Ths Đạt, BS Ngọc, Ths Châm); Phòng HCTH (2 bộ: Ths Hiệp, Ths Nữ); HCTH (GĐ 1,2,3, 4,5,7,HT lớn)	1	14.980.000	8.988.000

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Pho Giam c B nh vi N NGUY N TU N TÙNG a ky, 03/10/2025 17:48:19

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

150	Máy tính để bàn HP Prodesk	2023		Phòng thực hành tin học ngoại ngữ (8 bộ); Phòng Đào tạo (3 bộ: Ths Đạt, BS Ngọc, Ths Châm); Phòng HCTH (2 bộ: Ths Hiệp, Ths Nữ); HCTH (GĐ 1,2,3, 4,5,7,HT lớn)	1	14.980.000	8.988.000
151	Máy tính để bàn HP Prodesk	2023		Phòng thực hành tin học ngoại ngữ (8 bộ); Phòng Đào tạo (3 bộ: Ths Đạt, BS Ngọc, Ths Châm); Phòng HCTH (2 bộ: Ths Hiệp, Ths Nữ); HCTH (GĐ 1,2,3, 4,5,7,HT lớn)	1	14.980.000	8.988.000

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Pho Giam c B nh vi N NGUY N TU N TÙNG a ky, 03/10/2025 17:48:19

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

152	Máy tính để bàn HP Prodesk	2023		Phòng thực hành tin học ngoại ngữ (8 bộ); Phòng Đào tạo (3 bộ: Ths Đạt, BS Ngọc, Ths Châm); Phòng HCTH (2 bộ: Ths Hiệp, Ths Nữ); HCTH (GĐ 1,2,3, 4,5,7,HT lớn)	1	14.980.000	8.988.000
153	Máy tính để bàn HP Prodesk	2023		Phòng thực hành tin học ngoại ngữ (8 bộ); Phòng Đào tạo (3 bộ: Ths Đạt, BS Ngọc, Ths Châm); Phòng HCTH (2 bộ: Ths Hiệp, Ths Nữ); HCTH (GĐ 1,2,3, 4,5,7,HT lớn)	1	14.980.000	8.988.000

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Pho Giam c B nh vi N NGUY N TU N TÙNG a ky, 03/10/2025 17:48:19

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

154	Máy tính để bàn HP Prodesk	2023		Phòng thực hành tin học ngoại ngữ (8 bộ); Phòng Đào tạo (3 bộ: Ths Đạt, BS Ngọc, Ths Châm); Phòng HCTH (2 bộ: Ths Hiệp, Ths Nữ); HCTH (GĐ 1,2,3, 4,5,7,HT khoa Điều dưỡng (8 cái 8 phòng thực hành); Phòng Đào tạo 4 cái; Phòng HCTH 1 cái; Phòng ĐBCL - CTSV: 1 cái	1	14.980.000	8.988.000
155	Máy tính xách tay Dell Latitude 3420	2023			1	12.650.000	7.590.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

156	Máy tính xách tay Dell Latitude 3420	2023		Khoa Điều dưỡng (8 cái 8 phòng thực hành); Phòng Đào tạo 4 cái; Phòng HCTH 1 cái; Phòng ĐBCL - CTSV: 1	1	12.650.000	7.590.000
157	Máy tính xách tay Dell Latitude 3420	2023		Khoa Điều dưỡng (8 cái 8 phòng thực hành); Phòng Đào tạo 4 cái; Phòng HCTH 1 cái; Phòng ĐBCL - CTSV: 1	1	12.650.000	7.590.000
158	Máy tính xách tay Dell Latitude 3420	2023		Khoa Điều dưỡng (8 cái 8 phòng thực hành); Phòng Đào tạo 4 cái; Phòng HCTH 1 cái; Phòng ĐBCL - CTSV: 1	1	12.650.000	7.590.000

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TỪNG ký, 03/10/2025 17:48:19

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

159	Máy tính xách tay Dell Latitude 3420	2023		Khoa Điều dưỡng (8 cái 8 phòng thực hành); Phòng Đào tạo 4 cái; Phòng HCTH 1 cái; Phòng ĐBCL - CTSV: 1	1	12.650.000	7.590.000
160	Máy tính xách tay Dell Latitude 3420	2023		Khoa Điều dưỡng (8 cái 8 phòng thực hành); Phòng Đào tạo 4 cái; Phòng HCTH 1 cái; Phòng ĐBCL - CTSV: 1	1	12.650.000	7.590.000
161	Máy tính xách tay Dell Latitude 3420	2023		Khoa Điều dưỡng (8 cái 8 phòng thực hành); Phòng Đào tạo 4 cái; Phòng HCTH 1 cái; Phòng ĐBCL - CTSV: 1	1	12.650.000	7.590.000

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TỪ TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

162	Máy tính xách tay Dell Latitude 3420	2023		Khoa Điều dưỡng (8 cái 8 phòng thực hành); Phòng Đào tạo 4 cái; Phòng HCTH 1 cái; Phòng ĐBCL - CTSV: 1 cái	1	12.650.000	7.590.000
163	Máy tính xách tay Dell Latitude 3420	2023		Khoa Điều dưỡng (8 cái 8 phòng thực hành); Phòng Đào tạo 4 cái; Phòng HCTH 1 cái; Phòng ĐBCL - CTSV: 1 cái	1	12.650.000	7.590.000
164	Máy tính xách tay Dell Latitude 3420	2023		Khoa Điều dưỡng (8 cái 8 phòng thực hành); Phòng Đào tạo 4 cái; Phòng HCTH 1 cái; Phòng ĐBCL - CTSV: 1 cái	1	12.650.000	7.590.000

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TỪNG ký, 03/10/2025 17:48:19

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

165	Máy tính xách tay Dell Latitude 3420	2023		Khoa Điều dưỡng (8 cái 8 phòng thực hành); Phòng Đào tạo 4 cái; Phòng HCTH 1 cái; Phòng ĐBCL - CTSV: 1	1	12.650.000	7.590.000
166	Máy tính xách tay Dell Latitude 3420	2023		Khoa Điều dưỡng (8 cái 8 phòng thực hành); Phòng Đào tạo 4 cái; Phòng HCTH 1 cái; Phòng ĐBCL - CTSV: 1	1	12.650.000	7.590.000
167	Máy tính xách tay Dell Latitude 3420	2023		Khoa Điều dưỡng (8 cái 8 phòng thực hành); Phòng Đào tạo 4 cái; Phòng HCTH 1 cái; Phòng ĐBCL - CTSV: 1	1	12.650.000	7.590.000

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TỪ TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

168	Máy tính xách tay Dell Latitude 3420	2023		Khoa Điều dưỡng (8 cái 8 phòng thực hành); Phòng Đào tạo 4 cái; Phòng HCTH 1 cái; Phòng ĐBCL - CTSV: 1 cái;	1	12.650.000	7.590.000
169	Máy tính xách tay Dell Vostro 3510 7T2YC3, màn hình 15,6 inch, SN 8DHKNS3	2023		Phòng Đào tạo (BP Khảo thí)	1	21.800.000	13.080.000
170	MH hồi sinh tim phổi, Model: 171-00160; Hãng sản xuất: Laerdal; NG: 3412,5USD	2020		Khoa Điều dưỡng	1	78.272.513	38.978.258
171	MH hồi sinh tim phổi, Model: 171-00160; Hãng sản xuất: Laerdal; NG: 3412,5USD	2020		Khoa Điều dưỡng	1	78.272.513	38.978.258
172	MH thực hành CSNB toàn thân đa năng, Model S222.100.PK.M, Hãng SX: Gaumard Scientific; NG: 11996,25 USD	2020		Khoa Điều dưỡng	1	275.637.836	137.359.462
173	MH thực hành CSNB toàn thân đa năng, Model S222.100.PK.M, Hãng SX: Gaumard Scientific; NG: 11996,25 USD	2020		Khoa Điều dưỡng	1	275.637.836	137.359.462
174	MH thực hành hút dịch và chăm sóc lỗ mở khí quản, Model: LM-097, Hãng SX: Koken; NG: 2194,5USD	2020		Khoa Điều dưỡng	1	50.423.027	25.127.464
175	MH thực hành hút dịch và chăm sóc lỗ mở khí quản, Model: LM-097, Hãng SX: Koken; NG: 2194,5USD	2020		Khoa Điều dưỡng	1	50.423.027	25.127.464
176	MH thực hành hút dịch và chăm sóc lỗ mở khí quản, Model: LM-097, Hãng SX: Koken; NG: 2194,5USD	2020		Khoa Điều dưỡng	1	50.423.027	25.127.464
177	MH tiêm bắp, Model SB40228U, Hãng sản xuất: Nasco Healthcare; NG: 2992,5USD	2020		Khoa Điều dưỡng	1	68.758.673	34.264.724
178	MH tiêm bắp, Model SB40228U, Hãng sản xuất: Nasco Healthcare; NG: 2992,5USD	2020		Khoa Điều dưỡng	1	68.758.673	34.264.724

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

179	MH tiêm bắp, Model SB40228U, Hãng sản xuất: Nasco Healthcare; NG: 2992,5USD	2020		Khoa Điều dưỡng	1	68.758.673	34.264.724
180	Mô hình cánh tay thực hành tiêm tĩnh mạch và lấy máu, Model LM-028; Hãng sản xuất: Koken; NG: 2399,25USD	2020		Khoa Điều dưỡng	1	55.127.567	27.471.892
181	Mô hình cánh tay thực hành tiêm tĩnh mạch và lấy máu, Model LM-028; Hãng sản xuất: Koken; NG: 2399,25USD	2020		Khoa Điều dưỡng	1	55.127.567	27.471.892
182	Mô hình cánh tay tiêm tĩnh mạch Model P50, Hãng sản xuất 3B Đức	2017		Khoa Điều dưỡng	1	18.950.000	3.316.250
183	Mô hình cánh tay tiêm tĩnh mạch Model P50, Hãng sản xuất 3B Đức	2017		Khoa Điều dưỡng	1	18.950.000	3.316.250
184	Mô hình cánh tay tiêm tĩnh mạch Model P50, Hãng sản xuất 3B Đức	2017		Khoa Điều dưỡng	1	18.950.000	3.316.250
185	Mô hình cánh tay tiêm tĩnh mạch Model P50, Hãng sản xuất 3B Đức	2017		Khoa Điều dưỡng	1	18.950.000	3.316.250
186	Mô hình cánh tay tiêm tĩnh mạch Model P50, Hãng sản xuất 3B Đức	2017		Khoa Điều dưỡng	1	18.950.000	3.316.250
187	Mô hình cánh tay tiêm truyền tĩnh mạch và lấy mẫu máu, Model P50, Hãng 3B Scientific,	2018		Khoa Điều dưỡng (Phòng TH Điều dưỡng)	1	34.900.000	10.470.000
188	Mô hình cánh tay tiêm truyền tĩnh mạch và lấy mẫu máu, Model P50, Hãng 3B Scientific,	2018		Khoa Điều dưỡng (Phòng TH Điều dưỡng)	1	34.900.000	10.470.000
189	Mô hình cánh tay tiêm truyền tĩnh mạch và lấy mẫu máu, Model P50, Hãng 3B Scientific,	2018		Khoa Điều dưỡng (Phòng TH Điều dưỡng)	1	34.900.000	10.470.000
190	Mô hình cơ chân 7 phần xuôi, Model M21, Hãng 3B Đức	2017		Khoa YHCS (Bộ môn giải phẫu)	1	42.500.000	7.437.500
191	Mô hình cơ chân 7 phần xuôi, Model M21, Hãng 3B Đức	2017		Khoa YHCS (Bộ môn giải phẫu)	1	42.500.000	7.437.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

192	Mô hình cơ chân 9 phần ngược, Model M20, Hãng 3B Đức	2017		Khoa YHCS (Bộ môn giải phẫu)	1	22.860.000	4.000.500
193	Mô hình cơ chân 9 phần ngược, Model M20, Hãng 3B Đức	2017		Khoa YHCS (Bộ môn giải phẫu)	1	22.860.000	4.000.500
194	Mô hình cơ tay 6 phần, Model M10, Hãng 3B Đức	2017		Khoa YHCS (Bộ môn giải phẫu)	1	16.680.000	2.919.000
195	Mô hình cơ tay 6 phần, Model M10, Hãng 3B Đức	2017		Khoa YHCS (Bộ môn giải phẫu)	1	16.680.000	2.919.000
196	Mô hình cơ tay 6 phần, Model M11, Hãng 3B Đức	2017		Khoa YHCS (Bộ môn giải phẫu)	1	29.680.000	5.194.000
197	Mô hình cơ tay 6 phần, Model M11, Hãng 3B Đức	2017		Khoa YHCS (Bộ môn giải phẫu)	1	29.680.000	5.194.000
198	Mô hình đào tạo cấp cứu ngừng tuần hoàn, Model 171-00150, Hãng Laerdal Na uy, Xuất xứ Na uy	2016		Khoa Điều dưỡng	1	59.950.000	2.997.500
199	Mô hình đào tạo cấp cứu ngừng tuần hoàn, Model 171-00150, Hãng Laerdal Na uy, Xuất xứ Na uy	2016		Khoa Điều dưỡng	1	59.950.000	2.997.500
200	Mô hình giải phẫu bán thân 2 giới tính, 27 phần, model 10003A, Hãng SX: Kangren, Xuất xứ Trung Quốc	2016		Khoa Điều dưỡng	1	20.500.000	1.025.000
201	Mô hình giải phẫu bán thân 2 giới tính, Model B40, Hãng sản xuất 3B Đức	2017		Khoa YHCS (Bộ môn giải phẫu)	1	132.500.000	23.187.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

202	Mô hình giải phẫu bán thân 2 giới tính, Model B40, Hãng sản xuất 3B Đức	2017		Khoa YHCS (Bộ môn giải phẫu)	1	132.500.000	23.187.500
203	Mô hình hệ cơ 45 phần, Model B50; Hãng 3B Scientific	2018		Khoa YHCS (Bộ môn giải phẫu)	1	268.000.000	80.400.000
204	Mô hình người đa năng có kết nối máy tính, Model 325-05050, Hãng Laerdal Na uy, Xuất xứ:	2016		Khoa Điều dưỡng	1	399.800.000	19.990.000
205	Mô hình người đa năng, Model M102, Hãng Sakatomo Nhật Bản, Xuất xứ: Nhật Bản	2016		Khoa Điều dưỡng	1	249.900.000	12.495.000
206	Mô hình phế quản phế nang, Model G60; Hãng 3B Scientific	2018		Khoa YHCS (Bộ môn giải phẫu)	1	11.950.000	3.824.000
207	Mô hình phế quản phế nang, Model G60; Hãng 3B Scientific	2018		Khoa YHCS (Bộ môn giải phẫu)	1	11.950.000	3.824.000
208	Mô hình phế quản phế nang, Model G60; Hãng 3B Scientific	2018		Khoa YHCS (Bộ môn giải phẫu)	1	11.950.000	3.824.000
209	Mô hình phế quản phế nang, Model G60; Hãng 3B Scientific	2018		Khoa YHCS (Bộ môn giải phẫu)	1	11.950.000	3.824.000
210	Mô hình phế quản phế nang, Model G60; Hãng 3B Scientific	2018		Khoa YHCS (Bộ môn giải phẫu)	1	11.950.000	3.824.000
211	Mô hình phổi 5 phần, Model VC243, Hãng sản xuất 3B Đức	2017		Khoa YHCS (Bộ môn giải phẫu)	1	11.360.000	1.988.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

212	Mô hình phổi 5 phần, Model VC243, Hãng sản xuất 3B Đức	2017		Khoa YHCS (Bộ môn giải phẫu)	1	11.360.000	1.988.000
213	Mô hình phổi 7 phần , Model G15, Hãng Sản xuất 3B Đức	2017		Khoa YHCS (Bộ môn giải phẫu)	1	15.680.000	2.744.000
214	Mô hình rửa dạ dày trong suốt, Model KAR/T2, Hãng Shanghai Kangren Medical Science Instrument Equipment Co, Ltd, Xuất xứ Trung Quốc	2016		Khoa Điều dưỡng	1	61.600.000	3.080.000
215	Mô hình rửa dạ dày trong suốt, Model KAR/T2, Hãng Shanghai Kangren Medical Science Instrument Equipment Co, Ltd, Xuất xứ Trung Quốc	2016		Khoa Điều dưỡng	1	61.600.000	3.080.000
216	Mô hình rửa dạ dày trong suốt, Model KAR/T2, Hãng Shanghai Kangren Medical Science Instrument Equipment Co, Ltd, Xuất xứ Trung Quốc	2016		Khoa Điều dưỡng	1	61.600.000	3.080.000
217	Mô hình rửa dạ dày trong suốt, Model KAR/T2, Hãng Shanghai Kangren Medical Science Instrument Equipment Co, Ltd, Xuất xứ Trung Quốc	2016		Khoa Điều dưỡng	1	61.600.000	3.080.000
218	Mô hình rửa dạ dày trong suốt, Model KAR/T2, Hãng Shanghai Kangren Medical Science Instrument Equipment Co, Ltd, Xuất xứ Trung Quốc	2016		Khoa Điều dưỡng	1	61.600.000	3.080.000
219	Mô hình thân não đại não, Model C20, Hãng 3B Đức	2017		Khoa YHCS (Bộ môn giải phẫu)	1	12.500.000	2.187.500
220	Mô hình thân não đại não, Model C20, Hãng 3B Đức	2017		Khoa YHCS (Bộ môn giải phẫu)	1	12.500.000	2.187.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

221	Mô hình thực hành chăm sóc bệnh nhân toàn thân đa năng, Model 325-05050; Hãng 3B Scientific, SN 325UMS4517028	2018		Khoa Điều dưỡng (Phòng TH Điều dưỡng)	1	248.500.000	74.550.000
222	Mô hình thực hành hồi sức cấp cứu và chăm sóc bệnh nhân trẻ em 5 tuổi; Model S3005.PK.L; Hãng Gaumard; NG: 62055USD	2020		Khoa Điều dưỡng	1	1.427.699.385	711.553.658
223	Mô hình thực hành hồi sức tim phổi người lớn, Model 171-00150, Hãng 3B Scientific; SN 1710118044	2018		Khoa Điều dưỡng (Phòng TH Điều dưỡng)	1	69.950.000	20.985.000
224	Mô hình thực hành thông rửa dạ dày, Model 375-1001; Hãng 3B Scientific; SN 375UTS 4718003; 375UTS 4718001; 375UTS 4718002; 375UTS 3517037; 375UTS 4718004;	2018		Khoa Điều dưỡng (Phòng TH Điều dưỡng)	1	67.950.000	20.385.000
225	Mô hình thực hành thông rửa dạ dày, Model 375-1001; Hãng 3B Scientific; SN 375UTS 4718003; 375UTS 4718001; 375UTS 4718002; 375UTS 3517037; 375UTS 4718004;	2018		Khoa Điều dưỡng (Phòng TH Điều dưỡng)	1	67.950.000	20.385.000
226	Mô hình thực hành thông rửa dạ dày, Model 375-1001; Hãng 3B Scientific; SN 375UTS 4718003; 375UTS 4718001; 375UTS 4718002; 375UTS 3517037; 375UTS 4718004;	2018		Khoa Điều dưỡng (Phòng TH Điều dưỡng)	1	67.950.000	20.385.000
227	Mô hình thực hành thông rửa dạ dày, Model 375-1001; Hãng 3B Scientific; SN 375UTS 4718003; 375UTS 4718001; 375UTS 4718002; 375UTS 3517037; 375UTS 4718004;	2018		Khoa Điều dưỡng (Phòng TH Điều dưỡng)	1	67.950.000	20.385.000
228	Mô hình thực hành thông rửa dạ dày, Model 375-1001; Hãng 3B Scientific; SN 375UTS 4718003; 375UTS 4718001; 375UTS 4718002; 375UTS 3517037; 375UTS 4718004;	2018		Khoa Điều dưỡng (Phòng TH Điều dưỡng)	1	67.950.000	20.385.000
229	Mô hình thực hành thông tiểu, Model 375-21001; Hãng 3B Scientific; SN 375UTS2418024; 375UTS2718014	2018		Khoa Điều dưỡng (Phòng TH Điều dưỡng)	1	34.250.000	10.275.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

230	Mô hình thực hành thông tiểu, Model 375-21001; Hãng 3B Scientific; SN 375UTS2418024; 375UTS2718014	2018		Khoa Điều dưỡng (Phòng TH Điều dưỡng)	1	34.250.000	10.275.000
231	Mô hình thực hành tiêm bắp, Model P55; Hãng 3B Scientific	2018		Khoa Điều dưỡng (Phòng TH Điều dưỡng)	1	56.950.000	17.085.000
232	Mô hình thực hành tiêm bắp, Model P55; Hãng 3B Scientific	2018		Khoa Điều dưỡng (Phòng TH Điều dưỡng)	1	56.950.000	17.085.000
233	Mô hình thực hành tiêm mông điện tử, Model : LM-027, Hãng sản xuất: Koken; NG: 2415USD	2020		Khoa Điều dưỡng	1	55.489.455	27.652.233
234	Mô hình thực hành tiêm mông điện tử, Model : LM-027, Hãng sản xuất: Koken; NG: 2415USD	2020		Khoa Điều dưỡng	1	55.489.455	27.652.233
235	Mô hình thụt tháo và lấy phân ra khỏi hậu môn, Model: LM-068; Hãng SX: Koken; NG: 2299,5USD	2020		Khoa Điều dưỡng	1	52.835.612	26.329.735
236	Mô hình thụt tháo và lấy phân ra khỏi hậu môn, Model: LM-068; Hãng SX: Koken; NG: 2299,5USD	2020		Khoa Điều dưỡng	1	52.835.612	26.329.735
237	Mô hình thụt tháo và lấy phân ra khỏi hậu môn, Model: LM-068; Hãng SX: Koken; NG: 2299,5USD	2020		Khoa Điều dưỡng	1	52.835.612	26.329.735
238	Mô hình tiêm bắp tay điện tử, mã P55/1, Hãng SX 3B Đức, Xuất xứ Đức	2014		Khoa Điều dưỡng	1	57.860.000	2.893.000
239	Mô hình tiêm bắp tay điện tử, mã P55/1, Hãng SX 3B Đức, Xuất xứ Đức	2014		Khoa Điều dưỡng	1	57.860.000	2.893.000
240	Mô hình tiêm dưới da, Model: S401.100R.PK.M, Hãng sản xuất: Gaumard Sciencific; NG: 649,95USD	2020		Khoa Điều dưỡng	1	14.933.901	7.442.057
241	Mô hình tiêm dưới da, Model: S401.100R.PK.M, Hãng sản xuất: Gaumard Sciencific; NG: 649,95USD	2020		Khoa Điều dưỡng	1	14.933.901	7.442.057

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

242	Mô hình tiêm mông trong suốt, Model KAR/A1, Hãng Shanghai Kangren Medical Science Instrument Equipment Co, Ltd, Xuất xứ Trung Quốc	2016		Khoa Điều dưỡng	1	44.800.000	2.240.000
243	Mô hình tiêm mông trong suốt, Model KAR/A1, Hãng Shanghai Kangren Medical Science Instrument Equipment Co, Ltd, Xuất xứ Trung Quốc	2016		Khoa Điều dưỡng	1	44.800.000	2.240.000
244	Mô hình tiêm mông trong suốt, Model KAR/A1, Hãng Shanghai Kangren Medical Science Instrument Equipment Co, Ltd, Xuất xứ Trung Quốc	2016		Khoa Điều dưỡng	1	44.800.000	2.240.000
245	Mô hình tiêm mông trong suốt, Model KAR/A1, Hãng Shanghai Kangren Medical Science Instrument Equipment Co, Ltd, Xuất xứ Trung Quốc	2016		Khoa Điều dưỡng	1	44.800.000	2.240.000
246	Mô hình tiêm mông trong suốt, Model KAR/A1, Hãng Shanghai Kangren Medical Science Instrument Equipment Co, Ltd, Xuất xứ Trung Quốc	2016		Khoa Điều dưỡng	1	44.800.000	2.240.000
247	Mô hình tiêm truyền cánh tay, Model P50, hãng 3B/Đức, Xuất xứ: Đức	2016		Khoa Điều dưỡng	1	36.000.000	1.800.000
248	Mô hình tiêm truyền cánh tay, Model P50, hãng 3B/Đức, Xuất xứ: Đức	2016		Khoa Điều dưỡng	1	36.000.000	1.800.000
249	Mô hình tiêm truyền cánh tay, Model P50, hãng 3B/Đức, Xuất xứ: Đức	2016		Khoa Điều dưỡng	1	36.000.000	1.800.000
250	Mô hình tiêm truyền cánh tay, Model P50, hãng 3B/Đức, Xuất xứ: Đức	2016		Khoa Điều dưỡng	1	36.000.000	1.800.000
251	Mô hình tiêm truyền cánh tay, Model P50, hãng 3B/Đức, Xuất xứ: Đức	2016		Khoa Điều dưỡng	1	36.000.000	1.800.000
252	Mô hình xương người cỡ chuẩn, model 11102-1, Hãng SX: Kangren, Xuất xứ Trung Quốc	2016		Khoa Điều dưỡng	1	10.000.000	500.000
253	Nồi hấp tiệt trùng >= 85 lít Model HV85 Hãng sx: Hirayama	2019		Khoa KTYH - Khoa VS, BVBM	1	268.150.000	107.260.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

254	Phần mềm Microsoft windows server standard 2019	2021		Phòng Đào tạo (BP Khảo thí)	1	28.105.000	5.621.000
255	Phần mềm quản lý câu hỏi và tổ chức thi trên máy	2021		Phòng Đào tạo (BP Khảo thí)	1	150.000.000	30.000.000
256	Thiết bị chuyển mạch (Swift)	2021		Phòng Đào tạo (BP Khảo thí)	1	13.860.000	2.772.000
257	Thiết bị chuyển mạch (Swift)	2021		Phòng Đào tạo (BP Khảo thí)	1	13.860.000	2.772.000
258	Tivi 65 inch Hãng sản xuất: Sony	2021		Khoa Điều dưỡng	1	26.750.000	5.350.000
259	Tivi 65 inch Hãng sản xuất: Sony	2021		Khoa Điều dưỡng	1	26.750.000	5.350.000
260	Tivi 65 inch Hãng sản xuất: Sony	2021		Khoa Điều dưỡng	1	26.750.000	5.350.000
261	Tivi LG 32 inch, màn hình LED, 32LQ636BPSA	2022		Khoa Điều dưỡng (P507) (Phòng PHT TS Thu 306 chuyển lên)	1	13.590.591	5.436.236
262	Tivi LG 65 inch, màn hình LED, 65UQ8000PSC,	2022		Phòng Đào tạo (BP Khảo thí)	1	35.505.421	14.202.168
263	Tivi thông minh Samsung	2023		Khoa KTYH - Phòng thực hành Huyết học	1	16.489.000	9.893.400
264	Tủ ấm nuôi cấy vi sinh vật và vi nấm Model IFA 110-8 Hãng sx: Esco /Singapore	2019		Khoa KTYH - Khoa VS, BVBM	1	77.850.000	31.140.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

265	Tủ ấm Model: IN110 Hãng sx: Memmert	2019		Khoa KTYH - XN - Labo hóa sinh 608	1	74.390.000	29.756.000
266	Tủ an toàn sinh học cấp 2 Model SC 4E1 Hãng sx: Esco /Singapore	2019		Khoa KTYH - Khoa VS, BVBM	1	294.965.000	117.986.000
267	Tủ rack	2021		Phòng Đào tạo (BP Khảo thí)	1	10.890.000	2.178.000
268	Xe đẩy cáng cấp cứu Bệnh nhân Model: MET 3300 Hãng sx: Medical Master	2019		Khoa Điều dưỡng	1	33.400.000	13.360.000
269	Xe đẩy cáng cấp cứu Bệnh nhân Model: MET 3300 Hãng sx: Medical Master	2019		Khoa Điều dưỡng	1	33.400.000	13.360.000
Cộng					**269**	**14.402.869.956**	**5.360.803.922**
XXXXXII	PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN						
1	ĐIỀU HÒA CASSETTE - DAIKIN - RNQ21MV1	2018	80201842062137	Viện phí nhà P	1	25.973.794	3.246.724
2	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - FUJILUX - HP P2055D - CNCJ307885	2020	93202042062578	Viện phí thần kinh	1	13.375.000	6.687.500
3	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTC25NV1V	2019	04201942062466	Điểm viện phí Nhà Q- tầng 10	1	15.691.500	3.922.875
4	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-13S3AV-V - 93200134	2020	ĐH Toshiba	Phòng 214	1	16.792.500	6.297.188
5	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTXV35QVMV - E016943	2022	04202242062688	Phòng 215	1	18.632.900	11.645.563
6	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTE35FV1 - E0161676	2018	06201842062243	Phòng 218	1	13.467.300	1.683.413
7	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-13S3KS-V - 93100014	2020	ĐH Toshiba	Phòng thủ quỹ	1	16.792.500	6.297.188
8	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - GENERAL - AOGR18AETH - T090636	2020	93202042062579	Tổ kế toán tài sản	1	13.375.000	6.687.500

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

9	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTC50NV1V	2019	04201942062467	Tổ kiểm soát chi	1	23.391.500	5.847.875
10	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - FUNIKI - HSC-24TMU - 112380051RE	2024	04202442062717	Tổ Kiểm soát thu	1	17.242.700	15.087.363
11	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - FUNIKI - HSC-24BMU - 2471K4750875947Y	2024	04202442062718	Tổ Kiểm soát thu	1	15.092.900	13.206.288
12	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - FUNIKI - HSC-24TMU - E002656	2024	04202442062719	Tổ Thanh toán	1	16.784.700	14.686.613
13	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - TOSHIBA - RAS-13S3KS-V	2020	ĐH Toshiba	Tổ Thanh toán	1	16.792.500	6.297.188
14	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTNE60MV1V	2018	93201842062128	Tổ Thanh toán	1	25.973.794	3.246.724
15	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTE35LV1V - E041680	2018	06201842062242	Viện phí 24H	1	13.467.300	1.683.413
16	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG - DAIKIN - FTE35LV1V - E005167	2018	06201842062241	Viện phí 24H	1	13.467.300	1.683.413
17	TIVI 55 INCH - SAMSUNG - VA55AV7700 - 0GBY3NGX601046H	2024	04202442101117	Trưởng phòng 215	1	10.450.000	8.360.000
18	ĐIỀU HÒA - TOSHIBA - RAS-1353KUV - 93200134	2020	ĐH Toshiba	Phòng 214	1	16.792.500	6.297.188
19	ĐIỀU HÒA - TOSHIBA - RKS18C353KSV - 02400037	2020	ĐH Toshiba	Viện phí khu A	1	22.136.000	8.301.000
20	ĐIỀU HÒA - FUNIKI - HSC-24PMU - 2471K4708815MVR	2024	04202442062716	Viện phí tim mạch	1	19.773.200	14.829.900
21	MÁY PHOTO MONICA - BIZHUB308C	2019	04201942040081	Phòng 217B	1	48.500.000	4.850.000
22	MÁY TÍNH - DELL - 7020 - T754	2024	-	Tổ kế toán tài sản	1	19.935.000	15.948.000
23	MÁY TÍNH - HP - HP 260 PRO G6 - 4CE238DV50	2022	04202242030143	Tổ Kiểm soát chi	1	13.200.000	5.280.000
24	MÁY TÍNH - DELL 7020 - T754	2024	-	P223	1	19.935.000	15.948.000
25	MÁY TÍNH - DELL 7020 - BXCM754	2024	-	Viện phí nhà P	1	19.935.000	15.948.000
26	MÁY TÍNH - DELL 7020 - 15WT754	2024	-	Viện phí nhà P	1	19.935.000	15.948.000
27	MÁY TÍNH - DELL 7020 - CFW754	2024	-	Viện phí nhà P	1	19.935.000	15.948.000
28	MÁY TÍNH - HP280 - PV0C	2022	04202242030142	217B	1	13.200.000	5.280.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

29	TIVI - SONY - KD-55X75	2023	04202342101105	Phó trưởng Phòng	1	16.720.000	10.032.000
30	MÀN HÌNH LED P2.5 KT: (D2400 X C800)MM - 04202442070141	2024	04202442070141	Viện phí nhà P	1	28.512.000	22.809.600
Cộng						**565.271.888**	**273.986.511**
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN BẢO HIỂM TÍNH ĐẾN HẾT 31/12/2024							**2.050.863.749.683**
DANH MỤC TÀI SẢN PHÁT SINH TỪ 01/1/2025-30/6/2025							**170.953.905.000**
1	Tivi-Samsung-Phong Giam Doc	18/04/2025	BM.2025.000235	VĂN PHÒNG BỆNH VIỆN	1	19.525.000	19.525.000
2	Tivi-Samsung-Phong Pho Giam Doc	18/04/2025	BM.2025.000236	VĂN PHÒNG BỆNH VIỆN	1	19.525.000	19.525.000
3	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung khác			0	1	141.306.000	141.306.000
4	Màn hình quảng cáo LCD 27 inch treo tường-ZC356	31/03/2025	BM.2025.000217	KHOA DƯỢC	1	11.550.000	11.550.000
5	Màn hình LED - P2 Pro indoor Zhanxin - FS - P2FID - SMD 1515 - 2.88m x 1.6m	27/05/2025	BM.2025.000260	VIỆN ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU Y DƯỢC BẠCH MAI	1	82.500.000	82.500.000
6	Tủ thuốc - Sao Kim - 1200x500x1800mm	26/05/2025	BM.2025.000259	TRUNG TÂM DỊ ỨNG - MDLS	1	14.993.000	14.993.000
7	Máy tính xách tay - HP - Gaming Victus 16 - CND4120GJH	07/05/2025	BM.2025.000241	PHÒNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	1	36.000.000	36.000.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

8	Máy tính xách tay - Asus - P1503CVA - T3NXCV020111101	09/06/2025	BM.2025.000294	TRUNG TÂM PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	1	10.890.000	10.890.000
9	Máy tính xách tay - Asus - P1503CVA - T3NXCV02010610F	09/06/2025	BM.2025.000295	TRUNG TÂM PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	1	10.890.000	10.890.000
10	Máy tính xách tay - Asus - P1503CVA - T3NXCV02015710C	09/06/2025	BM.2025.000296	TRUNG TÂM PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	1	10.890.000	10.890.000
11	Bộ lưu điện - Santak - C3K-LCD (online/3000VA/2700W) - 240923-89150004	08/05/2025	BM.2025.000242	PHÒNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	1	15.752.000	15.752.000
12	Bộ lưu điện - Santak - C3K-LCD (online/3000VA/2700W) - 241107-86250058	08/05/2025	BM.2025.000243	PHÒNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	1	15.752.000	15.752.000
13	Bộ lưu điện - Santak - C3K-LCD (online/3000VA/2700W) - 241128-23340008	08/05/2025	BM.2025.000244	PHÒNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	1	15.752.000	15.752.000
14	Phần mềm Ứng dụng phần mềm trí tuệ thông minh nhân tạo - US2.AI V2	26/06/2025	BM.2025.000313	VIỆN TIM MẠCH	1	520.523.000	520.523.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

15	Phần mềm trả kết quả khám bệnh cho bệnh nhân thông qua ứng dụng trên thiết bị di động (BM care)	14/02/2025	BM.2025.000155	PHÒNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	1	98.000.000	98.000.000
16	Máy làm ấm khí máu khi truyền Elltec Co.,Ltd AM-301-5AF 2024D0306	2025		NHÀ B1 - KHU HCC	1	32.800.000	32.800.000
17	Máy làm ấm khí máu khi truyền Elltec Co.,Ltd AM-301-5AF 2024D0307	2025		NHÀ B1 - KHU HCC	1	32.800.000	32.800.000
18	Máy làm ấm khí máu khi truyền Elltec Co.,Ltd AM-301-5AF 2024D0308	2025		NHÀ B1 - KHU HCC	1	32.800.000	32.800.000
19	Máy làm ấm khí máu khi truyền Elltec Co.,Ltd AM-301-5AF 2024D0309	2025		NHÀ B1 - KHU HCC	1	32.800.000	32.800.000
20	Kính hiển vi quang học có kết nối camera Motic China Group Co.,Ltd PA53 (Bio) 4240000306	2025		TẦNG 14 - TRUNG TÂM HUYẾT HỌC	1	300.000.000	300.000.000
21	Hệ thống thiết bị dùng cho xét nghiệm nhiễm sắc thể và FISH xác định đột biến gen Carl Zeiss Microscopy GmbH Axio Imager.Z2 3523004882	2025		TẦNG 14 - TRUNG TÂM HUYẾT HỌC	1	7.500.000.000	7.500.000.000
22	Máy chuyển mẫu bệnh phẩm công suất >= 300cassette/ lần Intelsint S.r.l FTP 300	2025		TẦNG 14 - TRUNG TÂM HUYẾT HỌC	1	850.000.000	850.000.000
23	Máy chuyển mẫu bệnh phẩm công suất >= 300cassette/ lần Intelsint S.r.l FTP 300	2025		TẦNG 14 - TRUNG TÂM HUYẾT HỌC	1	850.000.000	850.000.000
24	Máy cắt lớp trở kháng ngực Drägerwerk AG & Co. KGaA Pulmo Vista 500 ASSH-0025	2025		Trung tâm Hồi sức tích cực	1	1.429.000.000	1.429.000.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

25	Máy hạ thân nhiệt bề mặt BrainCool AB Braincool™ System/ 10000 1086	2025		Trung tâm Hồi sức tích cực	1	1.600.000.000	1.600.000.000
26	Máy hạ thân nhiệt bề mặt BrainCool AB Braincool™ System/ 10000 1087	2025		Trung tâm Hồi sức tích cực	1	1.600.000.000	1.600.000.000
27	Máy theo dõi áp lực nội sọ Raumedic AG MPR2 logO DATALOGGER	2025		Trung tâm Hồi sức tích cực	1	920.000.000	920.000.000
28	Máy theo dõi áp lực nội sọ Raumedic AG MPR2 logO DATALOGGER	2025		Trung tâm Hồi sức tích cực	1	920.000.000	920.000.000
29	Máy đo cung lượng tim Pulsion Medical Systems SE PC4000	2025		Trung tâm Hồi sức tích cực	1	1.350.000.000	1.350.000.000
30	Máy đo cung lượng tim Pulsion Medical Systems SE PC4000	2025		Trung tâm Hồi sức tích cực	1	1.350.000.000	1.350.000.000
31	Máy đo cung lượng tim Pulsion Medical Systems SE PC4000	2025		Trung tâm Hồi sức tích cực	1	1.350.000.000	1.350.000.000
32	Máy đo cung lượng tim Pulsion Medical Systems SE PC4000	2025		Trung tâm Hồi sức tích cực	1	1.350.000.000	1.350.000.000
33	Máy theo dõi huyết động liên tục Edwards Lifesciences LLC HEM1 13844509	2025		Trung tâm Hồi sức tích cực	1	2.545.000.000	2.545.000.000
34	Máy nội soi phế quản di động cấp cứu Brütsch Elektronik AG C-MAC HD Monitor (8404ZXK) 8404ZXK	2025		Trung tâm Hồi sức tích cực	1	650.000.000	650.000.000
35	Máy vỗ rung lồng ngực Shenzhen Lifotronic Technology CO.,LTD., PV-100 P02H00000580	2025		Trung tâm Hồi sức tích cực	1	142.500.000	142.500.000
36	Máy vỗ rung lồng ngực Shenzhen Lifotronic Technology CO.,LTD., PV-100 P02H00000581	2025		Trung tâm Hồi sức tích cực	1	142.500.000	142.500.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

37	Máy vỗ rung lồng ngực Shenzhen Lifotronic Technology CO.,LTD., PV-100 P02H00000584	2025		Trung tâm Hồi sức tích cực	1	142.500.000	142.500.000
38	Máy vỗ rung lồng ngực Shenzhen Lifotronic Technology CO.,LTD., PV-100 P02H00000585	2025		Trung tâm Hồi sức tích cực	1	142.500.000	142.500.000
39	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A 551796	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
40	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A 551797	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
41	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A 551798	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
42	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A 551800	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
43	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A 551801	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
44	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A 551832	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TỪ DŨNG ký, 03/10/2025 17:48:19

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

45	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A 551833	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
46	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A 551834	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
47	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A 551835	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
48	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A 551836	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
49	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A 551837	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
50	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A 551843	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
51	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A 551844	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

52	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A 551845	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
53	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A 551846	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
54	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A 551847	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
55	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
56	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
57	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
58	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

59	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
60	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
61	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
62	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
63	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
64	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
65	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

66	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
67	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
68	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
69	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
70	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
71	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
72	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000

22410_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

73	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
74	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
75	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
76	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
77	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
78	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
79	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000

22440_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

80	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
81	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
82	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
83	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
84	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
85	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
86	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000

22410_NGUYỄN THỊ YẾN_07:39 06/10/2025
Phó Giám đốc Bệnh viện NGUYỄN TÙNG ký, 03/10/2025 17:48:19

87	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
88	Máy thận nhân tạo B.Braun Avitum AG 710200A	2025		Tầng 3 nhà A9 - Trung tâm thận tiết niệu và lọc máu	1	303.200.000	303.200.000
89	Đèn đặt nội khí quản có camera Shenzhen HugeMed Medical Technical Development Co., Ltd VL3R	2025		Trung tâm Hồi sức tích cực	1	73.500.000	73.500.000
90	Đèn đặt nội khí quản có camera Shenzhen HugeMed Medical Technical Development Co., Ltd VL3R	2025			1	73.500.000	73.500.000
91	Đèn đặt nội khí quản có camera Shenzhen HugeMed Medical Technical Development Co., Ltd VL3R	2025		GÂY MÊ HỒI SỨC	1	73.500.000	73.500.000
92	Đèn đặt nội khí quản có camera Shenzhen HugeMed Medical Technical Development Co., Ltd VL3R	2025		CẤP CỨU A9	1	73.500.000	73.500.000
93	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-1	2025			1	14.500.000	14.500.000
94	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-2	2025			1	14.500.000	14.500.000
95	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-3	2025			1	14.500.000	14.500.000
96	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-4	2025			1	14.500.000	14.500.000
97	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-5	2025			1	14.500.000	14.500.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

98	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-6	2025			1	14.500.000	14.500.000
99	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-7	2025			1	14.500.000	14.500.000
100	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-8	2025			1	14.500.000	14.500.000
101	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-9	2025			1	14.500.000	14.500.000
102	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-10	2025			1	14.500.000	14.500.000
103	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-11	2025			1	14.500.000	14.500.000
104	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-12	2025			1	14.500.000	14.500.000
105	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-13	2025			1	14.500.000	14.500.000
106	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-14	2025			1	14.500.000	14.500.000
107	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-15	2025			1	14.500.000	14.500.000
108	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-16	2025			1	14.500.000	14.500.000
109	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-17	2025			1	14.500.000	14.500.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

110	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-18	2025			1	14.500.000	14.500.000
111	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-19	2025			1	14.500.000	14.500.000
112	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-20	2025			1	14.500.000	14.500.000
113	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-21	2025			1	14.500.000	14.500.000
114	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-22	2025			1	14.500.000	14.500.000
115	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-23	2025			1	14.500.000	14.500.000
116	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-24	2025			1	14.500.000	14.500.000
117	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-25	2025			1	14.500.000	14.500.000
118	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-26	2025			1	14.500.000	14.500.000
119	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-27	2025			1	14.500.000	14.500.000
120	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-28	2025			1	14.500.000	14.500.000
121	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-29	2025			1	14.500.000	14.500.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

122	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-30	2025			1	14.500.000	14.500.000
123	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-31	2025			1	14.500.000	14.500.000
124	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-32	2025			1	14.500.000	14.500.000
125	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-33	2025			1	14.500.000	14.500.000
126	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-34	2025			1	14.500.000	14.500.000
127	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-35	2025			1	14.500.000	14.500.000
128	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-36	2025			1	14.500.000	14.500.000
129	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-37	2025			1	14.500.000	14.500.000
130	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-38	2025			1	14.500.000	14.500.000
131	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-39	2025			1	14.500.000	14.500.000
132	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-40	2025			1	14.500.000	14.500.000
133	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-41	2025			1	14.500.000	14.500.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

134	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-42	2025			1	14.500.000	14.500.000
135	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-43	2025			1	14.500.000	14.500.000
136	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-44	2025			1	14.500.000	14.500.000
137	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-45	2025			1	14.500.000	14.500.000
138	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-46	2025			1	14.500.000	14.500.000
139	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-47	2025			1	14.500.000	14.500.000
140	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-48	2025			1	14.500.000	14.500.000
141	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-49	2025			1	14.500.000	14.500.000
142	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-50	2025			1	14.500.000	14.500.000
143	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-51	2025			1	14.500.000	14.500.000
144	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-52	2025			1	14.500.000	14.500.000
145	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-53	2025			1	14.500.000	14.500.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

146	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-54	2025			1	14.500.000	14.500.000
147	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-55	2025			1	14.500.000	14.500.000
148	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-56	2025			1	14.500.000	14.500.000
149	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-57	2025			1	14.500.000	14.500.000
150	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-58	2025			1	14.500.000	14.500.000
151	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-59	2025			1	14.500.000	14.500.000
152	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-60	2025			1	14.500.000	14.500.000
153	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-61	2025			1	14.500.000	14.500.000
154	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-62	2025			1	14.500.000	14.500.000
155	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-63	2025			1	14.500.000	14.500.000
156	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-64	2025			1	14.500.000	14.500.000
157	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-65	2025			1	14.500.000	14.500.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

158	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-66	2025			1	14.500.000	14.500.000
159	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-67	2025			1	14.500.000	14.500.000
160	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-68	2025			1	14.500.000	14.500.000
161	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-69	2025			1	14.500.000	14.500.000
162	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-70	2025			1	14.500.000	14.500.000
163	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-71	2025			1	14.500.000	14.500.000
164	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-72	2025			1	14.500.000	14.500.000
165	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-73	2025			1	14.500.000	14.500.000
166	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-74	2025			1	14.500.000	14.500.000
167	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-75	2025			1	14.500.000	14.500.000
168	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-76	2025			1	14.500.000	14.500.000
169	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-77	2025			1	14.500.000	14.500.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

170	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-78	2025			1	14.500.000	14.500.000
171	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-79	2025			1	14.500.000	14.500.000
172	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-80	2025			1	14.500.000	14.500.000
173	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-81	2025			1	14.500.000	14.500.000
174	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-82	2025			1	14.500.000	14.500.000
175	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-83	2025			1	14.500.000	14.500.000
176	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-84	2025			1	14.500.000	14.500.000
177	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-85	2025			1	14.500.000	14.500.000
178	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-86	2025			1	14.500.000	14.500.000
179	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-87	2025			1	14.500.000	14.500.000
180	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-88	2025			1	14.500.000	14.500.000
181	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-89	2025			1	14.500.000	14.500.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

182	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-90	2025			1	14.500.000	14.500.000
183	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-91	2025			1	14.500.000	14.500.000
184	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-92	2025			1	14.500.000	14.500.000
185	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-93	2025			1	14.500.000	14.500.000
186	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-94	2025			1	14.500.000	14.500.000
187	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-95	2025			1	14.500.000	14.500.000
188	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-96	2025			1	14.500.000	14.500.000
189	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-97	2025			1	14.500.000	14.500.000
190	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-98	2025			1	14.500.000	14.500.000
191	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-99	2025			1	14.500.000	14.500.000
192	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco X1-0310 24092400-100	2025			1	14.500.000	14.500.000
193	Máy siêu âm Doppler mầu ≥ 3 đầu dò Canon Medical Systems Corporation Aplio a450 (CUS-AA450) S5G24X2041	2025		Trung tâm hồi sức tích cực	1	1.668.900.000	1.668.900.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

194	Máy siêu âm Doppler mầu ≥ 3 đầu dò Canon Medical Systems Corporation Aplio a450 (CUS-AA450) S5G24X2042	2025		Gây mê hồi sức	1	1.668.900.000	1.668.900.000
195	Máy siêu âm Doppler mầu ≥ 3 đầu dò Canon Medical Systems Corporation Aplio a450 (CUS-AA450) S5G24X2043	2025		Cấp cứu A9	1	1.668.900.000	1.668.900.000
196	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
197	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
198	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
199	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
200	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
201	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
202	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
203	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
204	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
205	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
206	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
207	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
208	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
209	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
210	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
211	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
212	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
213	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
214	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
215	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
216	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
217	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
218	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
219	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
220	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
221	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
222	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
223	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
224	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
225	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
226	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

227	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
228	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
229	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
230	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
231	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
232	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
233	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
234	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
235	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
236	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
237	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
238	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
239	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
240	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
241	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
242	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
243	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
244	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
245	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
246	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
247	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
248	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
249	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
250	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
251	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
252	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
253	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
254	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
255	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
256	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
257	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
258	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
259	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
260	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
261	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
262	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

263	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
264	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
265	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
266	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
267	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
268	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
269	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
270	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
271	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
272	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
273	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
274	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
275	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
276	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
277	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
278	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
279	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
280	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
281	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
282	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
283	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
284	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
285	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
286	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
287	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
288	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
289	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
290	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
291	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
292	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
293	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
294	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
295	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
296	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
297	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
298	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

299	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
300	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
301	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
302	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
303	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
304	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
305	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
306	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
307	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
308	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
309	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
310	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
311	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
312	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
313	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
314	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
315	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
316	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
317	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
318	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
319	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
320	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
321	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
322	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
323	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
324	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
325	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
326	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
327	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
328	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
329	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
330	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
331	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
332	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
333	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
334	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

335	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
336	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
337	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
338	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
339	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
340	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
341	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
342	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
343	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
344	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
345	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
346	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
347	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
348	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
349	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
350	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
351	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
352	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
353	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
354	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
355	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
356	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
357	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
358	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
359	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
360	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
361	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
362	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
363	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
364	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
365	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
366	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
367	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
368	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
369	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
370	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

371	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
372	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
373	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
374	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
375	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
376	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
377	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
378	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
379	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
380	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
381	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
382	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
383	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
384	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
385	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
386	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
387	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
388	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
389	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
390	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
391	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
392	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
393	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
394	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
395	Bơm tiêm điện Dixion Instilar 1428	2025			1	21.490.000	21.490.000
396	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925001	2025			1	29.500.000	29.500.000
397	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925002	2025			1	29.500.000	29.500.000
398	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925003	2025			1	29.500.000	29.500.000
399	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925004	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

400	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925005	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
401	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925006	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
402	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925007	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
403	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925008	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
404	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925009	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
405	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925010	2025			1	29.500.000	29.500.000
406	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925011	2025			1	29.500.000	29.500.000
407	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925012	2025			1	29.500.000	29.500.000
408	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925013	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

409	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925014	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
410	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925015	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
411	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925016	2025		Trung tâm chống độc	1	29.500.000	29.500.000
412	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925017	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
413	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925018	2025		Trung tâm chống độc	1	29.500.000	29.500.000
414	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925019	2025		Trung tâm chống độc	1	29.500.000	29.500.000
415	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925020	2025		Trung tâm chống độc	1	29.500.000	29.500.000
416	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925021	2025		Trung tâm chống độc	1	29.500.000	29.500.000
417	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925022	2025		Trung tâm chống độc	1	29.500.000	29.500.000
418	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925023	2025		Trung tâm chống độc	1	29.500.000	29.500.000
419	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925024	2025			1	29.500.000	29.500.000
420	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925025	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

421	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925026	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
422	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925027	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
423	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925028	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
424	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925029	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
425	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925030	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
426	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925031	2025			1	29.500.000	29.500.000
427	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925032	2025			1	29.500.000	29.500.000
428	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925033	2025			1	29.500.000	29.500.000
429	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925034	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

430	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925035	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
431	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925036	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
432	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925037	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
433	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925038	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
434	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925039	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
435	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925040	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
436	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925041	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
437	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925042	2025			1	29.500.000	29.500.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

438	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925043	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
439	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925044	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
440	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925045	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
441	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925046	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
442	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925047	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
443	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925048	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
444	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925049	2025			1	29.500.000	29.500.000
445	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925050	2025			1	29.500.000	29.500.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

446	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925051	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
447	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925052	2025			1	29.500.000	29.500.000
448	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925053	2025			1	29.500.000	29.500.000
449	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925054	2025			1	29.500.000	29.500.000
450	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925055	2025			1	29.500.000	29.500.000
451	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925056	2025			1	29.500.000	29.500.000
452	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925057	2025			1	29.500.000	29.500.000
453	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925058	2025		Trung tâm chống độc	1	29.500.000	29.500.000
454	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925059	2025		Trung tâm chống độc	1	29.500.000	29.500.000
455	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925060	2025		Trung tâm chống độc	1	29.500.000	29.500.000
456	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925061	2025			1	29.500.000	29.500.000
457	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925062	2025			1	29.500.000	29.500.000
458	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925063	2025			1	29.500.000	29.500.000
459	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925064	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

460	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925065	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
461	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925066	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
462	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925067	2025			1	29.500.000	29.500.000
463	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925068	2025			1	29.500.000	29.500.000
464	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925069	2025			1	29.500.000	29.500.000
465	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925070	2025			1	29.500.000	29.500.000
466	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925071	2025			1	29.500.000	29.500.000
467	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925072	2025			1	29.500.000	29.500.000
468	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925073	2025			1	29.500.000	29.500.000
469	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925074	2025			1	29.500.000	29.500.000
470	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925075	2025			1	29.500.000	29.500.000
471	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925076	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
472	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925077	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

473	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925078	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
474	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925079	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
475	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925080	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
476	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925081	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
477	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925082	2025		Trung tâm chống độc	1	29.500.000	29.500.000
478	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925083	2025		Trung tâm chống độc	1	29.500.000	29.500.000
479	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925084	2025		Trung tâm chống độc	1	29.500.000	29.500.000
480	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925085	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
481	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925086	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

482	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925087	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
483	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925088	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
484	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925089	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
485	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925090	2025		Viện y học nhệt đới Bạch Mai - Hồi sức tích cực	1	29.500.000	29.500.000
486	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925091	2025		Trung tâm chống độc	1	29.500.000	29.500.000
487	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925092	2025		Trung tâm chống độc	1	29.500.000	29.500.000
488	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925093	2025		Trung tâm chống độc	1	29.500.000	29.500.000
489	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925094	2025			1	29.500.000	29.500.000
490	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925095	2025			1	29.500.000	29.500.000
491	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925096	2025			1	29.500.000	29.500.000
492	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925097	2025		Trung tâm chống độc	1	29.500.000	29.500.000
493	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925098	2025		Trung tâm chống độc	1	29.500.000	29.500.000
494	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925099	2025		Trung tâm chống độc	1	29.500.000	29.500.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

495	Máy truyền dịch HOSMED INC, Frey 4.3i I-240925100	2025			1	29.500.000	29.500.000
496	Máy chụp cắt lớp vi tính ≥ 128 lát cắt/vòng quay GE Healthcare Japan Corporation Revolution Maxima	2025			1	15.168.780.000	15.168.780.000
497	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
498	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
499	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
500	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
501	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
502	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
503	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
504	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
505	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
506	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
507	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
508	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
509	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
510	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
511	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
512	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

513	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
514	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
515	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
516	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
517	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
518	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
519	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
520	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
521	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
522	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
523	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
524	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
525	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
526	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
527	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
528	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
529	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
530	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
531	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

532	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
533	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
534	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
535	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
536	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
537	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
538	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
539	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
540	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
541	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
542	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
543	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
544	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
545	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
546	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
547	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
548	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
549	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
550	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

551	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
552	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
553	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
554	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
555	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
556	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
557	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
558	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
559	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
560	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
561	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
562	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
563	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
564	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
565	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
566	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
567	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
568	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
569	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

570	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
571	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
572	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
573	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
574	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
575	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
576	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
577	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
578	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
579	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
580	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
581	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
582	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
583	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
584	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
585	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
586	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
587	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
588	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

589	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
590	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
591	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
592	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
593	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
594	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
595	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
596	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện Linet spol. s r.o. Eleganza 2	2025			1	75.000.000	75.000.000
597	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện kèm cân Linet spol. s r.o. Eleganza 4 with scales	2025			1	220.000.000	220.000.000
598	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện kèm cân Linet spol. s r.o. Eleganza 4 with scales	2025			1	220.000.000	220.000.000
599	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện kèm cân Linet spol. s r.o. Eleganza 4 with scales	2025			1	220.000.000	220.000.000
600	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện kèm cân Linet spol. s r.o. Eleganza 4 with scales	2025			1	220.000.000	220.000.000
601	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện kèm cân Linet spol. s r.o. Eleganza 4 with scales	2025			1	220.000.000	220.000.000
602	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện kèm cân Linet spol. s r.o. Eleganza 4 with scales	2025			1	220.000.000	220.000.000
603	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện kèm cân Linet spol. s r.o. Eleganza 4 with scales	2025			1	220.000.000	220.000.000
604	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện kèm cân Linet spol. s r.o. Eleganza 4 with scales	2025			1	220.000.000	220.000.000
605	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện kèm cân Linet spol. s r.o. Eleganza 4 with scales	2025			1	220.000.000	220.000.000
606	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện kèm cân Linet spol. s r.o. Eleganza 4 with scales	2025			1	220.000.000	220.000.000
607	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện kèm cân Linet spol. s r.o. Eleganza 4 with scales	2025			1	220.000.000	220.000.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

608	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện kèm cân Linet spol. s r.o. Eleganza 4 with scales	2025			1	220.000.000	220.000.000
609	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện kèm cân Linet spol. s r.o. Eleganza 4 with scales	2025			1	220.000.000	220.000.000
610	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện kèm cân Linet spol. s r.o. Eleganza 4 with scales	2025			1	220.000.000	220.000.000
611	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện kèm cân Linet spol. s r.o. Eleganza 4 with scales	2025			1	220.000.000	220.000.000
612	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện kèm cân Linet spol. s r.o. Eleganza 4 with scales	2025			1	220.000.000	220.000.000
613	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện kèm cân Linet spol. s r.o. Eleganza 4 with scales	2025			1	220.000.000	220.000.000
614	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện kèm cân Linet spol. s r.o. Eleganza 4 with scales	2025			1	220.000.000	220.000.000
615	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện kèm cân Linet spol. s r.o. Eleganza 4 with scales	2025			1	220.000.000	220.000.000
616	Giường hồi sức tích cực điều khiển điện kèm cân Linet spol. s r.o. Eleganza 4 with scales	2025			1	220.000.000	220.000.000
617	Máy tim phổi nhân tạo Ecmo Ashitaka Factory of Terumo Corporation SP-200	2025		TRUNG TÂM HỒI SỨC TÍCH CỰC	1	3.220.000.000	3.220.000.000
618	Máy tim phổi nhân tạo Ecmo Ashitaka Factory of Terumo Corporation SP-200	2025		TRUNG TÂM HỒI SỨC TÍCH CỰC	1	3.220.000.000	3.220.000.000
619	Máy theo dõi huyết động ít xâm lấn Project Engineering S.r.l MostCare Up	2025		TRUNG TÂM HỒI SỨC TÍCH CỰC	1	1.650.000.000	1.650.000.000
620	Máy lọc máu liên tục có chức năng đào thải CO2 Gambro Dasco S.p.A PrisMax	2025		TRUNG TÂM HỒI SỨC TÍCH CỰC	1	1.500.000.000	1.500.000.000
621	Hệ thống máy theo dõi bệnh nhân trung tâm (21 máy trạm) Philips North America LLC Patient Information Center iX	2025		GÂY MÊ HỒI SỨC	1	3.427.812.000	3.427.812.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

622	Hệ thống máy theo dõi bệnh nhân trung tâm (21 máy trạm) Philips North America LLC Patient Information Center iX	2025		GÂY MÊ HỒI SỨC	1	3.427.812.000	3.427.812.000
623	Hệ thống máy theo dõi bệnh nhân trung tâm (30 máy trạm) Philips North America LLC Patient Information Center iX	2025		GÂY MÊ HỒI SỨC	1	4.608.088.000	4.608.088.000
624	Hệ thống máy theo dõi bệnh nhân trung tâm (25 máy trạm) Philips North America LLC Patient Information Center iX	2025		GÂY MÊ HỒI SỨC	1	4.066.196.000	4.066.196.000
625	Hệ thống máy theo dõi bệnh nhân trung tâm (13 máy trạm) Philips North America LLC Patient Information Center iX	2025		GÂY MÊ HỒI SỨC	1	2.009.568.000	2.009.568.000
626	Hệ thống máy theo dõi bệnh nhân trung tâm (13 máy trạm) Philips North America LLC Patient Information Center iX	2025		GÂY MÊ HỒI SỨC	1	2.009.568.000	2.009.568.000
627	Kính hiển vi quang học 3 người quan sát có kết nối Camera Nikon Corporation -Kính hiển vi soi thẳng : Eclipse Ni-L + Camera kỹ thuật số: Digital Sight 10 + Phần mềm phân tích và xử lý hình ảnh: NIS-Elements D	2025		Vi sinh	1	556.500.000	556.500.000
628	Kính hiển vi huỳnh quang Nikon Corporation Kính hiển vi soi thẳng : Eclipse Ni-L + Nguồn sáng huỳnh quang: D-LEDI + Phần mềm phân tích và xử lý hình ảnh: NIS-Elements BR	2025		Vi sinh	1	857.010.000	857.010.000
629	Kính hiển vi quang học hai mắt chuyên dụng cho huyết học và vi sinh Nikon Corporation Eclipse Ni-L	2025		Khoa Vi sinh	1	156.170.000	156.170.000
630	Kính hiển vi quang học hai mắt chuyên dụng cho huyết học và vi sinh Nikon Corporation Eclipse Ni-L	2025		Khoa Vi sinh	1	156.170.000	156.170.000
631	Kính hiển vi quang học hai mắt chuyên dụng cho huyết học và vi sinh Nikon Corporation Eclipse Ni-L	2025		Khoa Vi sinh	1	156.170.000	156.170.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

632	Kính hiển vi quang học hai mắt chuyên dụng cho huyết học và vi sinh Nikon Corporation Eclipse Ni-L	2025		Khoa Vi sinh	1	156.170.000	156.170.000
633	Kính hiển vi quang học hai mắt chuyên dụng cho huyết học và vi sinh Nikon Corporation Eclipse Ni-L	2025		TẦNG 14 - TRUNG TÂM HUYẾT HỌC	1	156.170.000	156.170.000
634	Kính hiển vi quang học hai mắt chuyên dụng cho huyết học và vi sinh Nikon Corporation Eclipse Ni-L	2025		TẦNG 14 - TRUNG TÂM HUYẾT HỌC	1	156.170.000	156.170.000
635	Kính hiển vi quang học hai mắt chuyên dụng cho huyết học và vi sinh Nikon Corporation Eclipse Ni-L	2025		TẦNG 14 - TRUNG TÂM HUYẾT HỌC	1	156.170.000	156.170.000
636	Kính hiển vi quang học hai mắt chuyên dụng cho huyết học và vi sinh Nikon Corporation Eclipse Ni-L	2025		TẦNG 14 - TRUNG TÂM HUYẾT HỌC	1	156.170.000	156.170.000
637	Kính hiển vi quang học hai mắt chuyên dụng cho huyết học và vi sinh Nikon Corporation Eclipse Ni-L	2025		TẦNG 14 - TRUNG TÂM HUYẾT HỌC	1	156.170.000	156.170.000
638	Kính hiển vi quang học hai mắt chuyên dụng cho giải phẫu bệnh Nikon Corporation Eclipse Ni-L	2025		Trung tâm giải phẫu bệnh	1	206.350.000	206.350.000
639	Kính hiển vi quang học hai mắt chuyên dụng cho giải phẫu bệnh Nikon Corporation Eclipse Ni-L	2025		Trung tâm giải phẫu bệnh	1	206.350.000	206.350.000
640	Kính hiển vi quang học hai mắt chuyên dụng cho giải phẫu bệnh Nikon Corporation Eclipse Ni-L	2025		Trung tâm giải phẫu bệnh	1	206.350.000	206.350.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

641	Kính hiển vi quang học hai mắt chuyên dụng cho giải phẫu bệnh Nikon Corporation Eclipse Ni-L	2025		Trung tâm giải phẫu bệnh	1	206.350.000	206.350.000
642	Kính hiển vi quang học hai mắt chuyên dụng cho giải phẫu bệnh Nikon Corporation Eclipse Ni-L	2025		Trung tâm giải phẫu bệnh	1	206.350.000	206.350.000
643	Kính hiển vi quang học hai mắt chuyên dụng cho giải phẫu bệnh Nikon Corporation Eclipse Ni-L	2025		Trung tâm giải phẫu bệnh	1	206.350.000	206.350.000
644	Kính hiển vi quang học hai mắt chuyên dụng cho giải phẫu bệnh Nikon Corporation Eclipse Ni-L	2025		Trung tâm giải phẫu bệnh	1	206.350.000	206.350.000
645	Kính hiển vi hội chẩn năm đầu quan sát Nikon Corporation Eclipse Ni-L	2025		Trung tâm giải phẫu bệnh	1	206.350.000	206.350.000
646	Máy cắt tiêu bản lạnh tự động Slee Medical GmbH MNT E1240025	2025		Trung tâm giải phẫu bệnh	1	719.000.000	719.000.000
647	Máy rã đông huyết tương KW APPARECCHI SCIENTIFICI SRL WPFD2/4 89412	2025		Huyết học	1	251.500.000	251.500.000
648	Máy rã đông huyết tương KW APPARECCHI SCIENTIFICI SRL WPFD2/4 89413	2025		Huyết học	1	251.500.000	251.500.000
649	Máy rã đông huyết tương KW APPARECCHI SCIENTIFICI SRL WPFD2/4 89414	2025		Huyết học	1	251.500.000	251.500.000
650	Máy rã đông huyết tương KW APPARECCHI SCIENTIFICI SRL WPFD2/4 89415	2025		Huyết học	1	251.500.000	251.500.000
651	Máy rã đông huyết tương KW APPARECCHI SCIENTIFICI SRL WPFD2/4 89416	2025		Huyết học	1	251.500.000	251.500.000
652	Kính hiển vi quang học có kết nối Camera Motic China Group Co., Ltd PA53 (Bio) 4240000306	2025		Huyết học	1	324.000.000	324.000.000
653	Hệ thống thiết bị dùng cho xét nghiệm nhiễm sắc thể và FISH xác định đột biến gen Carl Zeiss Microscopy GmbH Axio Imager.Z2 3523004882	2025		Huyết học	1	7.500.000.000	7.500.000.000
654	Máy chuyển mẫu bệnh phẩm công suất ≥300 cassette/lần Intelsint S.r.l Model máy chính: FTP 300 2726/198	2025		Trung tâm giải phẫu bệnh	1	850.000.000	850.000.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

655	Máy chuyển mẫu bệnh phẩm công suất ≥300 cassette/lần Intelsint S.r.l Model máy chính: FTP 300 2726/199	2025		Trung tâm giải phẫu bệnh	1	850.000.000	850.000.000
656	Máy ly tâm lạnh tốc độ cao Andreas Hettich GmbH & Co.KG Mikro 220R 0006051-13	2025		Huyết học	1	175.350.000	175.350.000
657	Máy ly tâm lạnh tốc độ cao Andreas Hettich GmbH & Co.KG Mikro 220R 0006504 Rev:13	2025		Huyết học	1	175.350.000	175.350.000
658	Máy ly tâm thường Andreas Hettich GmbH & Co.KG Mikro 200 0006759-13	2025		Huyết học	1	66.150.000	66.150.000
659	Máy ly tâm thường Andreas Hettich GmbH & Co.KG Mikro 200 0006910 Rev:13	2025		Huyết học	1	66.150.000	66.150.000
660	Máy ly tâm thường Andreas Hettich GmbH & Co.KG Mikro 200 0006908 Rev: 13	2025		Huyết học	1	66.150.000	66.150.000
661	Máy nhuộm tiêu bản tự động Sakura Seiki Co., Ltd Prisma-P-ED (code 6172) + Glas g2-E2 (code 6502)	2025		Trung tâm giải phẫu bệnh	1	2.376.000.000	2.376.000.000
662	Máy đúc bệnh phẩm Sakura Seiki Co., Ltd TEC 6 EM J-2 + TEC 6 CM J-2	2025		Trung tâm giải phẫu bệnh	1	259.200.000	259.200.000
663	Máy ly tâm đa năng tốc độ cao Andreas Hettich GmbH & Co.KG Rotina 380	2025		Trung tâm giải phẫu bệnh	1	202.440.000	202.440.000
664	Máy ly tâm đa năng tốc độ cao Andreas Hettich GmbH & Co.KG Rotina 380	2025		Trung tâm giải phẫu bệnh	1	202.440.000	202.440.000
665	Máy đo tốc độ máu lắng Alcor Scientific/ Mỹ iSED® 5063	2025		Huyết học	1	378.000.000	378.000.000
666	Máy đo tốc độ máu lắng Alcor Scientific/ Mỹ iSED® 5064	2025		Huyết học	1	378.000.000	378.000.000
667	Máy cắt tiêu bản quay tay kết nối bể dàn tiêu bản tự động SLEE Medical Gmbh CUT 4062 A 24 0019; CY 24 0037	2025		Trung tâm giải phẫu bệnh	1	480.000.000	480.000.000
668	Máy cắt tiêu bản tự động kết nối bể dàn tiêu bản tự động SLEE Medical Gmbh CUT 6062 C 24 0035; CY 24 0038	2025		Trung tâm giải phẫu bệnh	1	585.000.000	585.000.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

669	Máy ly tâm đa năng Andreas Hettich GmbH & Co.KG ROTOFIX 32A 0052075 Rev 05	2025		Huyết học	1	69.000.000	69.000.000
670	Máy hấp ướt nhanh Euronda S.p.A E8 24L	2025		Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	163.093.000	163.093.000
671	Máy rửa khử khuẩn và sấy khô dụng cụ, 2 cửa Getinge Disinfection AB S-8668	2025		Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	1.580.000.000	1.580.000.000
672	Máy rửa khử khuẩn và sấy khô dụng cụ, 2 cửa Getinge Disinfection AB S-8668	2025		Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	1.580.000.000	1.580.000.000
673	Máy rửa khử khuẩn và sấy khô dụng cụ, 2 cửa Getinge Disinfection AB S-8668	2025		Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	1.580.000.000	1.580.000.000
674	Máy rửa khử khuẩn và sấy khô dụng cụ, 2 cửa Getinge Disinfection AB S-8668	2025		Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	1.580.000.000	1.580.000.000
675	Máy rửa khử khuẩn và sấy khô dụng cụ, 2 cửa Getinge Disinfection AB S-8668	2025		Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	1.580.000.000	1.580.000.000
676	Máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp công nghệ Plasma Jabil Inc. 10104-005	2025		Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	3.488.835.000	3.488.835.000
677	Máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp công nghệ Plasma Jabil Inc. 10104-005	2025		Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	3.488.835.000	3.488.835.000
678	Máy hàn túi ép tự động EasySeal Medical Technology Co.,Ltd EF101-CR	2025		Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	96.000.000	96.000.000
679	Máy hàn túi ép tự động EasySeal Medical Technology Co.,Ltd EF101-CR	2025		Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	96.000.000	96.000.000
680	Máy hàn túi ép tự động EasySeal Medical Technology Co.,Ltd EF101-CR	2025		Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	96.000.000	96.000.000
681	Máy hàn túi ép tự động EasySeal Medical Technology Co.,Ltd EF101-CR	2025		Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	96.000.000	96.000.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

682	Máy hàn túi ép tự động EasySeal Medical Technology Co.,Ltd EF101-CR	2025		Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	96.000.000	96.000.000
683	Máy hàn túi ép tự động EasySeal Medical Technology Co.,Ltd EF101-CR	2025		Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	96.000.000	96.000.000
684	Máy hàn túi ép tự động EasySeal Medical Technology Co.,Ltd EF101-CR	2025		Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	96.000.000	96.000.000
685	Máy tiệt khuẩn hơi nước các dụng cụ lớn, sử dụng trong y tế SÜMER ULUSLARARASI SANAYI VE TICARET A.Ş. ADELA-2CKK 900 L	2025		Tầng 2 - Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	1.689.000.000	1.689.000.000
686	Máy tiệt khuẩn hơi nước các dụng cụ lớn, sử dụng trong y tế SÜMER ULUSLARARASI SANAYI VE TICARET A.Ş. ADELA-2CKK 900 L	2025		Tầng 2 - Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	1.689.000.000	1.689.000.000
687	Máy tiệt khuẩn hơi nước các dụng cụ lớn, sử dụng trong y tế SÜMER ULUSLARARASI SANAYI VE TICARET A.Ş. ADELA-2CKK 900 L	2025		Tầng 2 - Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	1.689.000.000	1.689.000.000
688	Máy tiệt khuẩn hơi nước các dụng cụ lớn, sử dụng trong y tế SÜMER ULUSLARARASI SANAYI VE TICARET A.Ş. ADELA-2CKK 900 L	2025		Tầng 4 - Nhà P - Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	1.689.000.000	1.689.000.000
689	Máy hấp tiệt trùng 2 cửa tích hợp nồi sinh hơi SÜMER ULUSLARARASI SANAYI VE TICARET A.Ş. ADELA-2CKK 900 L 2024/01-117	2025		Tầng 4 - Nhà P - Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	1.727.000.000	1.727.000.000
690	Máy hấp tiệt trùng 2 cửa tích hợp nồi sinh hơi SÜMER ULUSLARARASI SANAYI VE TICARET A.Ş. ADELA-2CKK 900 L 2024/01-119	2025		Tầng 4 - Nhà P - Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	1.727.000.000	1.727.000.000

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 6676/BM-HCQT
Số văn bản: 6676
Ngày ban hành: 03/10/2025

691	Máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp EO Benchmark Electronics Inc. GS8-1D CB000829	2025		Tầng 2 - Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	3.995.000.000	3.995.000.000
692	Máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp EO Benchmark Electronics Inc. GS8-1D CB000823	2025		Tầng 2 - Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	3.995.000.000	3.995.000.000
693	Tủ sấy dụng cụ 2 cửa Công ty TNHH Thiết bị y tế chuẩn Viettromed VMTS420L	2025		Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	180.000.000	180.000.000
694	Tủ sấy dụng cụ 1 cửa Công ty TNHH Thiết bị y tế chuẩn Viettromed VMTS420L	2025		Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	180.000.000	180.000.000
695	Tủ sấy dụng cụ 1 cửa Công ty TNHH Thiết bị y tế chuẩn Viettromed VMTS420L	2025		Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	180.000.000	180.000.000
696	Tủ sấy dụng cụ 1 cửa Công ty TNHH Thiết bị y tế chuẩn Viettromed VMTS420L	2025		Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	180.000.000	180.000.000
697	Tủ sấy ống 2 cửa Công ty TNHH Thiết bị y tế chuẩn Viettromed VMTS420L	2025		Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	180.000.000	180.000.000
698	Tủ sấy ống 2 cửa Công ty TNHH Thiết bị y tế chuẩn Viettromed VMTS420L	2025		Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	180.000.000	180.000.000
699	Tủ sấy ống 1 cửa Công ty TNHH Thiết bị y tế chuẩn Viettromed VMTS420L	2025		Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	180.000.000	180.000.000
700	Máy cắt túi ép tự động Hawo GmbH HM 8000 AS-V	2025		Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	248.000.000	248.000.000
701	Máy cắt túi ép tự động Hawo GmbH HM 8000 AS-V	2025		Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	248.000.000	248.000.000
702	Máy hạ thân nhiệt nội mạch chỉ huy Zoll Circulation, INC. Thermogard XP TGXP 13949	2025		Cấp cứu a9	1	2.180.000.000	2.180.000.000
TỔNG CỘNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN BẢO HIỂM							**2.221.817.654.683**

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức